Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên Quyển 2

印光 法 師文 鈔 參 編

卷 二

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo chánh: Minh Tiến & Huệ Trang

200. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ nhất)

Sáng nay cả hai lá thư đều cùng nhận được đầy đủ. Văn Sao đã chia ra gần hết, nay lại gởi [cho ông] bốn gói. Sau này nếu có ai muốn đọc, hãy thỉnh từ Thương Vụ Ấn Thư Quán. Từ Bi Kính[1] đã gởi đi rồi. Do ông sai Quang viết lời tựa, Quang chẳng ngại gì nói leo. Tuy [lời tựa Quang viết] chẳng liên quan sát sao với đầu đề, miễn sao chẳng ra ngoài việc đề xướng kiêng giết, ăn chay mà thôi. Châu Tử Tú thiên tư khá tốt, tiếc là chưa biết Phật pháp, lầm lạc bảo "luyện đan vận khí chính là Phật pháp", thật đáng cảm khái sâu đậm! Tuy các hạ đã đem lá thư hủ bại và Văn Sao đưa cho [Tử Tú] xem, sợ ông ta vẫn cho Quang là gã đứng ngoài cửa, Tấn Tô mới là bậc cao nhân đã đăng đường nhập thất[2], càng sanh lòng ngưỡng mộ. Cố nhiên Quang chẳng mang ý niệm hủy báng hay khen ngợi người khác, nhưng vì quý hội[3] đã gởi thư cho Quang trước, nên chẳng thể không trọn hết tấm lòng ngu thành của tôi để đáp tạ lòng thương tưởng ban tặng [sách] của quý hội. Ngoài ra đều mặc cho người khác làm sao thì làm, tôi nào dám vọng động mong cầu ư?

201. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ hai)

---

[1] Từ Bi Kính là một tập sách do các cư sĩ thuộc Đại Đồng Phóng Sanh Hội ở Tuyền Châu biên soạn, tập hợp những lời lẽ khuyên răn và những chuyện kiêng giết phóng sanh của cổ nhân. Tổ Ấn Quang có viết bài tựa phát ẩn cho tập sách này, xin xem bài *"Nêu bày ý nghĩa ẩn kín của bộ sách Từ Bi Kính"* trong Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, phần Tạp Trước.

[2] *"Đăng đường nhập thất"*: Thành ngữ chỉ người đã nắm vững, thông hiểu sâu xa một học thuyết hay một giáo nghĩa nào đó.

[3] Tức Đại Đồng Phóng Sanh Hội ở Tuyền Châu.

Nhận được thư đầy đủ. Hương châu[4] đã nhận được, cám ơn lắm. Ngày Hai Mươi Sáu tháng trước tôi đã bảo [người chịu trách nhiệm phát hành kinh sách ở] Thượng Hải gởi đi hai mươi gói Văn Sao, chắc ông đã nhận được rồi. Hãy ước lượng mà tặng những bộ Văn Sao ấy cho người khác và lưu lại [vài bộ] ở phòng đọc kinh sách. Trước đây, Tử Tú gởi thư đến, nói tiên sinh Tấn Tô là bậc đại triệt ngộ, chỉ dùng phép luyện đan làm phương tiện để dẫn dắt kẻ sơ cơ, Quang đã phê phán đại lược, chẳng biết Tử Tú có chấp nhận là đúng hay không? [Chắc ông ta] cũng từng đưa [thư ấy] cho các hạ xem rồi phải không? Hai mươi gói Văn Sao nếu nhận được, xin hãy gởi thư cho biết để tôi khỏi đến nỗi tưởng lầm [đã bị thất lạc].

Chương trình của Cực Lạc Đoàn nên chú trọng trợ niệm vào lúc người ta sắp mất và phải dạy người nhà [của người sắp mất ấy] nương theo pháp môn Tịnh Độ, chớ nên chiếu theo thông lệ của tục nhân vào lúc người ta sắp chết liền tắm rửa, thay quần áo sẵn v.v… [Làm như vậy] còn tệ hơn đã té giếng còn bị quăng đá! Cách thức ấy trong Văn Sao đã nói đầy đủ, ở đây tôi chỉ nêu điều quan trọng nhất. Nếu chết rồi thì những chuyện tống táng, ma chay v.v... đều chẳng phải là chuyện quan hệ khẩn yếu, đừng nên bày vẽ phô trương mong sao cho dễ coi, biến Phật sự thành trò đùa! Hơn nữa, [trong chương trình của Cực Lạc Đoàn quy định]: *"Liên hữu góp sẵn mười đồng. Nếu trong vòng một năm mà mất thì [người nhà sẽ] nhận được đúng số tiền ấy. Nếu hơn một năm mới mất thì [người nhà] sẽ được lãnh món tiền giúp đỡ chi phí ma chay là ba mươi đồng".* Khoản tiền ấy lấy đâu ra? Hơn nữa, mỗi nhà giàu - nghèo khác nhau, sao lại nhất loạt giúp đỡ chi phí ma chay? Nhưng chuyện ấy đã được đại chúng bàn bạc thông qua, chắc đã áp dụng rồi. Quang sợ một khi cách này được áp dụng, về sau sẽ khó thể duy trì vĩnh viễn được nên chẳng thể không nhắc nhở trước!

Lại nữa, đang trong lúc này, muốn chuyển biến lòng người mà chẳng chú trọng sự lý nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi thì không thể được! Lại còn phải khuyên các liên hữu ai nấy khéo dạy dỗ con cái, đấy chính là "gốc chánh, nguồn trong", là nhiệm vụ cấp bách để cầu nhân dân yên vui, thế đạo thái bình. Phật pháp tuy là pháp xuất thế gian, nhưng thực sự thực hiện nơi pháp thế gian. Phàm ai là liên hữu hãy đều nên khuyên họ tận lực giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính

---

[4] Hương châu: Xâu chuỗi niệm Phật làm bằng gỗ thơm hay những loại bột thơm nắn lại.

mình, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Nếu được như thế sẽ đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật.

Hiện nay phong trào cầu cơ rất thịnh hành, phàm là đệ tử Phật chớ nên ngả theo thói ấy, bởi tất cả [những kẻ tự xưng là] tiên hay chân nhân [giáng cơ] phần nhiều đều là linh quỷ giả mạo. Nếu chuyện gì cũng tin, ắt sẽ có khi hỏng việc. Huống chi "Phật pháp" do bọn chúng giảng đa số đều là chẳng biết gì mà cứ nói bừa! [Cứ tin mê muội vào cơ bút thì] muốn chẳng hoại loạn Phật pháp, chẳng khiến cho chúng sanh bị lầm lạc, nghi ngờ, há có được chăng?

Ông đã chẳng nghĩ Quang là hạng vô tri, cứ muốn tôn làm thầy, bèn thuận theo ý hiện thời của ông. Nếu sau này muốn bái vị cao minh nào khác làm thầy, cứ thủ tiêu danh nghĩa giả tạm này chẳng sao cả! Nay đặt pháp danh cho ông là Trí Tù; do ai nấy đều có chánh trí, nhưng bị vật dục lôi kéo, chánh trí ấy liền biến thành nhân dục (lòng ham muốn của con người), như nước do gió đùa bèn mất tánh trong lặng, biến thành sóng trào. Trí ấy chẳng thể gọi là Tù (遒), vì Tù nghĩa là mạnh mẽ, cứng cỏi. Mạnh mẽ, cứng cỏi chính là tên gọi khác của chữ Cương (剛: cứng rắn). Khổng Tử than thở vì chưa thấy được người nào cương nghị, có kẻ thưa Thân Tranh [là người được như vậy]. Khổng Tử bảo: *"Tranh dã dục, yên đắc cương"* (Tranh cũng là người tham dục, làm sao là người cương nghị cho được)[5]. Nếu niệm niệm đều nghĩ ngợi, suy lường thuận theo thiên lý và Phật tâm thì là chánh trí, phù hợp với ý nghĩa của cái tên Trí Tù. Hễ có thiên lệch, riêng tư sẽ thành "cương nghị theo kiểu Thân Tranh", chẳng thể gọi là Trí, mà trở thành "nhu ác" (mềm mỏng, hòa hoãn với điều ác[6])! Ông hãy gắng lên.

Vợ ông pháp danh là Trí Giác. Giác (覺) là trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều rành rẽ phân minh, chẳng bị chuyển theo tình, chẳng bị ái

---

[5] Đây là câu văn trích từ thiên Công Trị Trưởng (thiên thứ năm) sách Luận Ngữ. Nguyên văn như sau: *"Tử viết: 'Ngô vị kiến cương giả', hoặc đối viết: 'Thân Tranh'. Tử viết: 'Tranh dã dục, yên đắc cương?"* Theo cách diễn giải của cụ Lý Bỉnh Nam trong Luận Ngữ Giảng Yếu, đoạn này nên hiểu như sau: *"Khổng Tử nói: 'Ta chưa từng thấy một người cương nghị nào!' Có người thưa: 'Thân Tranh là người được như vậy'. Khổng Tử nói: 'Thân Tranh tham dục, làm sao có thể cương nghị cho được!"*

[6] Cụ Lý Bỉnh Nam giảng rõ: Theo sách Khổng Chú, Cương là kiên quyết, trí huệ, thuận theo điều thiện, nhất quyết không để bị dục vọng sai khiến. Do ông Thân Tranh vẫn thuận theo tham dục nên chẳng thể gọi là Cương được. Ở đây, Tổ dựa theo ý ấy, mới gọi sự "cương nghị" của ông Thân Tranh là "nhu ác", do không kiên quyết chế ngự tập khí xấu ác trong tâm.

ràng buộc, nghiêm túc trọn hết bổn phận giúp chồng dạy con, chẳng nuông chiều mù quáng, khiến con cái đều thành hạng không ra gì. Dùng điều này để tự giác, lại còn dùng điều này để giác người nhà và các thân hữu. Đấy gọi là đệ tử thật sự của đức Phật, là thiện nữ nhân, sống làm gương mẫu cho hàng khuê các, khi mất dự vào Liên Trì, ngõ hầu chẳng phụ bạc Phật tánh chính mình sẵn có và lòng thành phát tâm quy y Tam Bảo ngày nay. Những điều khác như pháp niệm Phật v.v… trong Văn Sao đã nói đầy đủ, không viết cặn kẽ ở đây.

Ông Trương Chuyết Tiên ở Vân Nam gởi thư đến nói cháu ngoại ông ta sống được một năm lẻ tám tháng, trong tháng Tư đã niệm Phật qua đời. Lúc bình thường, hễ nó đến Phật đường lạy Phật xong liền đi nhiễu niệm Phật, chẳng đoái hoài đến chuyện gì khác. Thêm nữa, khi đứa con gái thứ của ông ta đi lấy chồng, nhà chàng rể biếu một cặp ngỗng để làm lễ Điện Nhạn[7], ông ta bèn đem chúng phóng sanh tại chùa Vân Thê trong núi Hoa Đình, đã được ba năm rồi. Cặp ngỗng của ông ta mỗi sáng tối khi [đại chúng] lên chánh điện tụng kinh, chúng đều đứng ngoài chánh điện, vươn cổ ngắm Phật. Tháng Tư năm nay, con trống chết trước, người ta cũng không để ý. Sau đấy, con ngỗng mái bỏ ăn mấy ngày. Nó đến nhìn Phật, thầy Duy Na khai thị, dạy nó cầu vãng sanh đừng luyến tiếc cõi đời. Thầy ấy bèn niệm Phật mấy chục tiếng, ngỗng bèn đi nhiễu ba vòng, vỗ hai cánh một cái rồi chết ngay. Do vậy, ông Chuyết Tiên bèn viết bài ký về sự vãng sanh của cặp ngỗng trắng. Ôi, lạ lùng thay! Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều kham làm Phật. Ngỗng còn như thế, há lẽ người chẳng bằng chim ư?

202. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ ba)

Ngày Hai Mươi Sáu tháng Tám, Quang xuống núi đến đất Thân (Thượng Hải), đã nhận được thư ông từ núi chuyển tới, nhưng do bận rộn với chuyện của người khác nên chẳng trả lời được. Nay lại nhận

---

[7] Điện Nhạn Lễ là từ ngữ chỉ chung những lễ phải có trong một cuộc hôn nhân. Theo quy định từ thời Châu đến đời Thanh, kể từ khi nhà trai cậy người mai mối đến khi rước dâu phải có đủ sáu lễ. Ngoại trừ lễ Nạp Chinh (lễ giạm) ra, trong năm lễ kia nhà trai phải mang lễ vật đến biếu nhà gái, trong các món lễ vật luôn có chim bồ câu hay chim nhạn. Nhạn là thứ chim thiên di theo mùa; hễ thấy chim Nhạn bay về Nam là biết trời chuyển sang Đông, chim Nhạn lại chung thủy (khi một con chết, con kia không kết đôi với con khác nữa). Do vậy, cổ nhân cho rằng Nhạn tượng trưng cho lòng trung thực, thủ tín, trung trinh. Bởi thế, lễ vật dành cho đám cưới phải có Nhạn. Về sau, do Nhạn ngày càng hiếm nên người ta thay bằng các loài gia cầm khác có tập tánh sống thành đôi như bồ câu, ngỗng, vịt, gà v.v…

được thư ông, kèm theo bưu phiếu mười đồng, tôi sẽ dùng [món tiền này] để làm chi phí in cuốn Quán Âm Tụng. Quang xuống núi lần này chính là vì lo liệu ấn hành cuốn tụng văn ấy. Nay tôi sẽ gởi cho ông mấy tờ nói rõ biện pháp, một là để ông biết cặn kẽ nguyên do, lại còn mong ông sẽ thừa cơ khuyên người khác đứng ra in. Sách này đối với thế đạo, nhân tâm lẫn Phật pháp đều có mối quan hệ [mật thiết]. Hiện thời đã có người chịu đứng ra in năm vạn bộ, Quang muốn in mấy chục vạn cuốn để lưu hành khắp trong ngoài nước, sợ chẳng thể cảm ứng được như vậy! Sáu vạn bộ thì có thể in được.

Con người sống trong thế gian trước hết phải có tâm lợi người. Người dì góa, người em dâu góa, đứa cháu mồ côi v.v… của ông đáng thương, đáng xót, họ chính là chỗ ông để vun bồi ruộng phước, chớ nên giữ ý niệm phiền oán thì chính là hành Bồ Tát đạo! Nếu tâm có phiền oán thì chẳng những không hợp với Bồ Tát đạo, mà còn chẳng hợp với thiên chức, tánh phận của chính mình. Đối với chuyện chị em dâu bất hòa, hãy nên đối xử bằng [thái độ] hết sức công bằng, hết sức độ lượng, hãy thương họ thấy biết hẹp hòi mà chỉ dạy, để họ đều cùng được thấm nhuần pháp trạch; đấy chính là thực hành Phật pháp. Nếu coi đó là oán nghiệp, sẽ phải tiếc đau, oán hận. Đối với chuyện không thể ngăn dứt được, hễ có lòng đau tiếc, oán hận thì công đức sẽ thuận theo tâm lượng mà nhỏ bé đi. Trước đây, Tử Tú cũng có gởi thư đến, tôi phúc đáp sau đó không lâu. Ông ta biết chính mình chẳng thể rốt ráo nương cậy, quy hướng Tịnh nghiệp để tu trì được!

Thương Vụ Ấn Thư Quán in Văn Sao bằng loại giấy có độ bóng, bán ở ngoài phố, chẳng in phần Thư Căn[8]. Đợi đến khi sắp chữ xong cuốn Quán Âm Tụng, tôi sẽ bảo Trung Hoa Thư Cục sắp chữ thành bản khác, dùng loại giấy nội địa để lưu hành. Trí Khánh đã quy y Phật pháp, bọn anh ta nhờ ông nuôi nấng, ông hãy trọn chớ nên tỏ ra vẻ [mình đã làm] chuyện nhân đức trước mặt bọn anh ta. Hễ làm ra vẻ nhân đức thì người ta tuy chịu ân, nhưng cái tâm cảm ân mỏng nhẹ lắm! *"Có mà giống như không, thực mà giống như giả, vô cớ bị xúc phạm mà chẳng báo thù"*[9],

---

[8] Thư Căn là một bộ phận phải có của những loại sách in theo lối cổ, tức phần thường được viết vào chỗ giáp mí của hai trang sách, ghi rõ tên sách, quyển mấy, trang mấy, thiên mấy v.v… tương ứng với phần header của bản in hiện thời. Đến thời tổ Ấn Quang, Thư Căn đã giống như lối in sách chữ Hán hiện thời, Thư Căn ở phía bên phải trang sách (nếu trang số chẵn) và bên trái trang sách (nếu là trang số lẻ).

[9] Đây là câu nói của Tăng Tử (Tăng Sâm) trong thiên Thái Bá sách Luận Ngữ: *"Dĩ năng vấn ư bất năng, dĩ đa vấn ư quả, hữu nhược vô, thực nhược hư, phạm nhi bất giảo"*. Sách Luận Ngữ Giảng Yếu giảng câu nói ấy có nghĩa là: *"Tự mình có tài năng nhưng vẫn học hỏi với*

đấy chính là bí quyết mầu nhiệm để cư xử trong gia đình đấy! Ta đãi người bằng thái độ khiêm tốn, ắt họ sẽ đối xử hòa hoãn với ta. Phần lớn những gia đình bất hòa đều là do so đo những chuyện nhỏ nhặt không quan trọng mà ra. Buông được cái tâm ta - người xuống thì bất hòa sẽ tự hòa vậy!

203. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ tư)

Thư ngày Hai Mươi Chín tháng trước chắc ông đã nhận được rồi. Nói đến nạn hút sách nghiện ngập thì không chỉ có nha phiến, thuốc lá cũng gây hại thật dữ dội! Trong lúc đại chúng tụ tập, hãy nên đề xướng, khuyên họ đừng hút hay dùng những thứ ấy. Người hút lâu ngày ắt sẽ đoản thọ. Phụ nữ hút thuốc nhiều sẽ không thể sanh nở được. Điều này do một đệ tử của tôi *(Triệu Nguyệt Tu vốn là một quan võ đã sớm đổi nghề, trở thành thương nhân)* đích thân nghe thấy cô giáo ngoại quốc bảo với các nữ học sinh [như vậy]. Hiện thời, Văn Sao đã sắp chữ bản khác, thêm vào mấy chục bài nữa, khoảng Xuân - Hè năm sau sẽ in ra sách. Bản này sẽ để cho Thư Cục vĩnh viễn lưu thông. Bản đầu tiên sẽ in một vạn cuốn, ngoại trừ ba bốn ngàn bộ Quang cần thiết, số còn lại đều để cho họ định giá bán ra.

Trong lá thư hồi tháng Chín, ông đã nói đến chuyện con gà, hơi giống như chuyện Dương Bảo cứu chim sẻ thời Hán[10]. Chúng ta chỉ nên giữ tấm lòng phóng sanh, đừng vương vấn ý niệm mong được hưởng quả

---

kẻ không có tài năng, mình biết nhiều mà vẫn học hỏi với kẻ biết ít. Có tài năng thật sự mà cảm thấy như mình không có tài năng thật sự gì. Ai vô cớ xúc phạm đến mình cũng không mưu tính báo thù".

[10] Dương Bảo là người huyện Hoa Âm, sống vào thời Hậu Hán. Lúc bé, Dương Bảo ra ngoài đồng chơi thấy một con sẻ bị cú mèo đuổi đánh bị thương rớt xuống đất. Dương Bảo liền cứu đem về, nuôi đến khi chim lành vết thương bèn thả đi. Đêm ấy, Dương Bảo nằm mộng thấy có một đứa bé trai mặc áo vàng đến biếu bốn chiếc vòng ngọc, tạ ơn, cho biết: "Con cháu ông ta sẽ được vinh hiển đến bốn đời như bốn vòng ngọc này". Về sau, con Dương Bảo là Dương Chấn, cháu là Dương Bỉnh, chắt là Dương Tứ, chút là Dương Bưu, lần lượt kế tiếp nhau làm đến chức Tam Công, được cõi đời xưng tụng là *"tứ thế tam công, đức nghiệp tương kế"* (bốn đời làm Tam Công, kế thừa đức nghiệp).

Theo Tả Truyện, tướng nước Tấn là Ngụy Khỏa đang đánh nhau với tướng Tần là Đỗ Hồi, sắp bị Đỗ Hồi giết, chợt thấy tướng giặc vấp chân, nhìn ra thì thấy có một ông già đang kết cỏ thành khoanh để giật cho tướng giặc vấp ngã. Đến đêm, Ngụy Khỏa nằm mộng thấy ông già kết cỏ hồi sáng cho biết lúc cha Ngụy Khỏa là Ngụy Vũ Tử sắp chết đã bảo con chôn theo người thiếp yêu, nhưng Ngụy Khỏa cho đó là lời mê sảng của kẻ sắp chết nên không làm. Do vậy, cha người thiếp ấy đã theo cứu mạng Ngụy Khỏa. Từ hai câu chuyện này mới có thành ngữ *"kết thảo, hàm hoàn"* (kết cỏ, ngậm vành).

báo Tam Công[11]. Dẫu có quả báo Tam Công, cũng nên đem hết công đức ấy hồi hướng chín phẩm [vãng sanh] thì mới là chân chánh lợi mình lợi vật vậy!

Tăng Bính bị mắc bệnh là do túc nghiệp, khi lâm chung chịu niệm Phật là do túc thiện (điều thiện đã làm trong đời trước). Đã có thể tự niệm, lại được mọi người trợ niệm, chết rồi sắc mặt rạng rỡ. Có được ba điều ấy chắc được vãng sanh Tây Phương, sao lại nói là sẽ đọa vào chỗ nào? Đời người gặp phải các cảnh thiện - ác, mỗi mỗi đều có túc nhân. Đời trước có oán thù, thấy nhau liền ôm lòng giận. Đời trước có ân, thấy nhau liền sanh lòng yêu mến. Phụ nữ vô tri quen tánh buông lung đến nỗi chẳng thể chuyển oán thành thân để tiêu trừ túc nghiệp. Người hiểu rõ lý đã biết "[kẻ] vừa trông thấy liền nổi nóng [là do đời trước có oán thù]" sẽ đối trị sự sân hận này, càng ra sức đối đãi bằng lòng từ ái thì túc nghiệp sẽ được tiêu trừ bởi hiện nghiệp (nghiệp trong hiện tại) *(Thiện tâm cũng gọi là nghiệp).*

Nếu có thể chí thành khẩn thiết trì niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thì không chỉ được lành bệnh mà thôi! Nếu có thể chí thành đến cùng cực thì còn có thể liễu sanh thoát tử, cho đến thành Phật. Kinh Lăng Nghiêm dạy: *"Cầu vợ được vợ (cầu vợ là mong có được vợ hiền thục, trí huệ), cầu con được con, cầu trường thọ được trường thọ, cầu tam-muội được tam-muội, như thế cho đến cầu Đại Niết Bàn đắc Đại Niết Bàn".* Đại Niết Bàn chính là cực quả rốt ráo được chứng bởi đức Phật. Nhưng người đời do lòng tin lẫn sự chí thành trì tụng đều chưa thể đạt tới mức cùng cực nên tùy theo lòng Thành của kẻ ấy mà được các thứ lợi ích nhỏ nhoi, đừng nói là [lợi ích] chỉ có thế mà thôi! Hãy nên với trong là người thân trong nhà, ngoài là hết thảy mọi người, đều đem những chuyện chính mình chứng nghiệm và những chuyện cảm ứng được thuật trong bộ Quán Âm Tụng để khuyên bảo, ngõ hầu ai nấy đều được Bồ Tát từ bi che chở, gia bị trong lúc tình thế hoạn nạn này. Đấy chính là cách dự phòng mầu nhiệm nhất!

204. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ năm)

---

[11] Tam Công là ba chức quan cao nhất thời xưa. Vào thời Tây Châu, Tam Công là Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo. Đời Bắc Ngụy thay Tam Công bằng danh xưng Tam Sư. Đời Tây Hán coi Thừa Tướng (sau đổi thành Đại Tư Đồ), Thái Úy (sau đổi thành Đại Tư Mã), Ngự Sử Đại Phu (sau đổi thành Đại Tư Không) là Tam Công. Đời Đông Hán, lấy Thái Úy, Tư Đồ, Tư Không làm Tam Công.

Hai lượt thư gởi đến tôi đều nhận được đầy đủ. Lệnh tổ đáng gọi là người đọc sách thật sự, chẳng phụ sở học. Người đời nay đọc sách thánh hiền nhưng làm chuyện cầm thú nhiều khôn xiết! Đấy đáng gọi là thái độ của kép hát, đáng xót, đáng than! Tờ truyền đơn [khuyên mến] tiếc [kính trọng sách vở hay giấy viết] chữ nên đưa tặng những người có nhiệt tâm thông hiểu văn lý để họ sẽ thúc đẩy, khuyên chỉ [người khác]. Văn Sao, [Thọ Khang] Bảo Giám nay đã gởi đến rồi. Đêm Hai Mươi Bốn tháng Chạp năm ngoái, công ty ấn loát bị chập điện, đồ đạc, phòng ốc thuộc căn nhà chánh ở phía trước đều cháy sạch trơn, sổ sách đều chưa thể đem ra được, may là không có ai bị thương. Quang bị tổn thất đến hơn hai ngàn đồng do họ ôm lòng gian dối, chỉ in năm ngàn cuốn *(ấn định một vạn)* Văn Sao, hai ngàn cuốn Bảo Giám *(ấn định ba ngàn)*, nhưng họ nói đã in hết cho Quang rồi, đã giao được một nửa. Giá thành lớn quá, phải trả thêm tiền, đợi cho tiền vào tay họ rồi mới gởi hóa đơn tới, họ chỉ giao ra ba ngàn mấy cuốn Văn Sao, một vạn ba ngàn mấy cuốn Bảo Giám[12]. Tiền đã xài hơn một ngàn mấy, họ nói mùa Xuân năm sau sẽ in. Nào ngờ thiên địa quỷ thần chẳng dung, hôm trước họ gởi hóa đơn tới, hôm sau liền bị hỏa tai.

Chuyện này phó mặc cho lương tâm của họ. Sách của Quang có cuốn để ở chỗ đóng bìa, có cuốn được cất trong căn nhà nhỏ ở phía sau, đều không bị cháy, nhưng bọn họ ôm lòng gian trá, há không thể nào chẳng mượn cớ bị tai nạn để lươn lẹo, chỉ đành mặc cho họ làm sao thì làm! Trong tháng nhuận, tôi sẽ qua Thượng Hải tiếp tục in. Phàm những ai đã bỏ tiền in sẽ chiếu theo số tiền mà giao đủ, chẳng thiếu một đồng nào. Chuyện kết duyên chỉ đành giảm bớt khả năng mà thôi! Xin hãy khuyên mẹ và vợ ông phải sốt sắng niệm Phật cầu sanh Tây Phương ngõ hầu "thoát được thế giới khổ sở này, trở thành con người tự tại".

205. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ sáu)

Thư ngày Hai Mươi Mốt đã nhận được rồi. Trong tờ truyền đơn [khuyên mến] tiếc [kính trọng sách vở, giấy viết] chữ, [đối với câu văn] trước câu *"Hiếu - đễ - trung - tín - lễ - nghĩa - liêm - sỉ, nếu chẳng ra sức tận tụy thực hiện tức là đã quên mất tám chữ";* há nên đem sửa chữ

[12] Có lẽ ở đây người sao chép viết nhầm, vì phần trên Tổ nói chỉ ước định in ba ngàn cuốn Bảo Giám. Chẳng lẽ ấn quán lại in đến một vạn ba ngàn cuốn Bảo Giám!

"Tự"[13] (字: chữ) thành "tiểu tử" thì lời lẽ ấy đã trở thành giọng điệu đầu đường xó chợ chửi người khác rồi, mà tám chữ tiếp theo (tức tám chữ "hiếu - đễ - trung - tín - lễ - nghĩa - liêm - sỉ") cũng đã chẳng phù hợp, nối tiếp [ý câu trên] được nữa! Phàm văn tự trong Phật pháp có liên quan đến thế đạo và đại thể, quyết chớ nên tùy ý [sửa đổi] mà cũng chớ nên hoàn toàn đăng y chang theo bản thảo gởi đến. Ngay như [bài tường thuật buổi] khai thị [của Ấn Quang] ở Nam Viên, toàn là những [lời lẽ] không hiểu sự việc của am chủ Vô Úy, thật giống như báng Tăng vậy; thế mà quý báo, Tịnh Nghiệp Nguyệt San và tờ Lâm San của Thiên Tân Cư Sĩ Lâm đều cứ đăng y nguyên như vậy, đáng than quá sức!

Tác giả bài viết ấy nói Quang lễ Phật xong bèn hướng về hai phía Đông -Tây hòa-nam. "Hòa-nam" (Vandanam) chính là dập đầu [đảnh lễ]. Há có vị pháp sư nào sắp nói khai thị mà trước hết lại hướng về kẻ nam người nữ ở phía Đông, phía Tây rập đầu lễ bái ư? Do Quang lễ Phật xong bèn hướng về phía Đông, phía Tây chắp tay [tỏ vẻ chào hỏi], người ấy liền nói là Quang hòa-nam! Thêm nữa, lúc lên tòa ngồi rồi, do [người nghe] ở phía dưới đang lễ bái, còn chưa ngồi xếp bằng, Quang liền khom mình chắp tay tỏ vẻ cung kính, tác giả bài viết ấy bèn nói là Quang đứng cạnh tòa rạp mình lạy trả! Nói như vậy tuy không quá đáng, nhưng cũng rất mất thể thống. Lại còn nói Quang đeo kính lão, chuyện này không ghi cũng đâu có ảnh hưởng gì? Nếu không có chuyện gì [cần thiết], Quang một mực chẳng đeo kính lão. Lần này do giảng đoạn thứ nhất và đoạn thứ ba trong Mộng Đông Ngữ Lục cho đại chúng nên không thể chẳng đeo kính lão vì mắt quáng chẳng đọc được chữ.

Vị am chủ Vô Úy này *(e rằng người này là Tạ Ngâm Tuyết, vốn là nữ nhân mới xuất gia, ngày hôm ấy bà ta cũng đến dự pháp hội)* quá chuộng thể diện, chỉ sợ người khác chẳng biết bà ta viết bài văn ấy, chứ chẳng biết bài văn ấy có khuyết điểm sai lầm! Giống như bài Ấn Quang Pháp Sư Truyện do Mã Khế Tây soạn, đúng là bịa chuyện mù quáng, đem phàm lạm thánh. Báo Hải Triều Âm vừa đăng tải, ông Phan Đối Phù bèn cho in một ngàn bản chữ son. Tờ báo của Phật Quang Xã ở An Huy cũng tính đăng tải, do họ đem bản cảo gởi tới cho Quang, mới chấm dứt được chuyện ấy,

---

[13] Tờ truyền đơn này được đăng tải trong Ấn Quang Văn Sao Tục Biên, quyển Hạ. Đoạn văn ấy như sau: *"Hơn nữa, không chỉ chẳng nên khinh nhờn, làm dơ, vứt bỏ chữ hữu hình mà đối với chữ vô hình lại càng chẳng nên khinh nhờn, làm bẩn, vứt bỏ! "Hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" nếu chẳng tận lực thực hiện, tức là đã quên mất tám chữ vậy. Đã quên tám chữ ấy thì sống là loài cầm thú đội mũ mặc áo, chết đọa trong tam đồ ác đạo, chẳng đáng buồn ư?"*

nhưng tờ Phật Giáo Tuần San của Thiểm Tây cũng đã đăng rồi! Những loại văn chương vừa chẳng ăn nhập gì, lại vừa phá hoại đại thể ấy, đăng tải có ích gì đâu? Hãy nên xem hai lá thư gởi cho Phan Đối Phù và Mã Khế Tây trong Văn Sao quyển một sẽ tự biết. Không phải là Quang quá phiền phức, chỉ là mong sao chẳng bị người khác chê cười mà thôi!

206. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ bảy)

Nhận được thư và hương châu, cảm ơn. Loại châu này để lâu sẽ nứt vỡ. Năm Quang Tự 30 (1904), Quang đã từng mua rồi, chưa được hơn một tháng đã nứt. Thương nhân chỉ cầu lợi, há nên để bị họ lừa gạt! Năm ngoái ông đã gởi [hương châu cho tôi] rồi và những chuỗi ông nhờ gởi cho người khác tôi cũng đã chuyển giao rồi, lại còn nói chuỗi để lâu sẽ bị nứt vỡ để người ta khỏi bực mình. Người cháu dâu là Thuần Cô đáng gọi bậc trượng phu trong nữ giới. Nếu có thể tận hết lòng hiếu, uyển chuyển khuyên ông nội, bố mẹ chồng khiến cho họ tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sẽ đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật. Nay tôi đặt pháp danh cho cô ta là Huệ Thuần. Nếu có thể làm được như tôi đã nói *(đã viết tường tận trong Văn Sao)* thì sẽ là khách quý cõi Cực Lạc, là đạo sư trong cõi Sa Bà, nhưng do tôi đang ở chỗ tạm ngụ, bận bịu, chẳng thể nói tường tận được. Hãy bảo cô ta đọc kỹ Văn Sao thì sẽ chẳng khác gì tôi đã nói chi tiết với cô ta. Hãy noi theo pháp tắc của hai bà phi thuở Đường Ngu, ba bà Thái đời Châu và bà mạng phụ Thái Cô *(chữ* 大家 *phải đọc là Thái Cô* 太姑*)*, xin hãy đưa thư này cho cô ta đọc.

207. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ tám)

Đã nhận được hai lá thư, nhưng do bận việc bên ngoài chẳng được rảnh rỗi, nên chưa trả lời. Sách Từ Bi Kính đã gởi đến Phổ Đà, chưa từng chuyển đi, đừng lo. Nay lại nhận được thư của hãng Càn Mậu ở Ninh Ba cho biết ông đã gởi món tiền mười sáu đồng. Từ nay về sau, hễ gởi tiền nên gởi thẳng cho hòa thượng Chân Đạt ở chùa Thái Bình, bến Trần Gia, Thượng Hải, thì không phải qua thủ tục chuyển đi nữa, sao không làm theo cách đã nói trước đây? Nay tôi gởi cho ông mười gói Văn Sao. Sách Thọ Khang Bảo Giám ở Thượng Hải không có nhiều, đợi

khi nào sách ở Hàng Châu in xong sẽ lại gởi. Lệnh chánh, lệnh lang[14] đã có thiện căn từ đời trước, hãy nên làm cho họ phát tâm dài lâu, ngõ hầu đích thân được hưởng lợi ích thật sự. Thế đạo hiện thời nguy hiểm đến cùng cực, nếu chẳng niệm Phật và niệm Quán Âm sẽ không nương tựa vào đâu được!

208. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ chín)

Do sách Quán Âm Tụng ấn loát chậm trễ, tôi đã sang đất Thân (Thượng Hải) vào mồng Một tháng Tám để đốc thúc ấn hành. Quang chẳng mong muốn hết thảy điều gì, chỉ mong các vị nhất tâm niệm Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện mà thôi! Hôm Hai Mươi Ba trở về núi, do nhọc nhằn bên ngoài, mắt hơi bị bốc hỏa, nhưng vì mọi việc dồn lại, mỗi ngày vẫn gắng gượng trả lời dăm ba bức thư. Muốn cho mắt mau lành bèn bôi thuốc ba bốn lượt, gần như suốt hai mươi ngày chẳng thể xem văn tự được! Bản sắp chữ thử của bộ Văn Sao dồn lại hơn một trăm trang [phải giảo duyệt], đủ mọi thứ bận bịu, hằng ngày không được rảnh rỗi, tuy đã nhận được thư ông nhưng không trả lời. Mẹ và chị dâu ông *(đối với mẹ ông lại càng nên uyển chuyển khuyên cụ sanh lòng tin, phát nguyện thì cách thể hiện lòng hiếu trong thế gian chẳng thể nào sánh bằng được)* đã đều phát lòng tin; hãy nên thường dựa theo những gì Văn Sao đã nói để kể với họ. Lần này tôi không rảnh rỗi để khai thị. Văn Sao chính là một bộ khai thị lớn đấy!

Quán Âm Tụng in sáu vạn bộ trong năm nay, phàm [sách của] những người bỏ tiền ra in và [sách] cần cho chính mình, đều giao sạch hết rồi. Lại có một người bảo Quang muốn kết duyên một vạn sáu bảy ngàn bộ, năm sau sẽ in ra để kết duyên từ từ. Văn Sao năm sau mới có thể in được. Lại còn in sách Bất Khả Lục cùng một lúc. Quán Âm Tụng đã cho khắc ván, ước chừng mùa Thu năm sau sẽ xong. Phí tổn khoảng năm trăm đồng do chỉ riêng một cư sĩ phát tâm để đáp ứng [nhu cầu của những ai] thỉnh sách lặt vặt về đọc sau này.

Thế đạo hiện thời đúng là thế đạo hoạn nạn, mọi người đều ở trong cảnh hoạn nạn, may mắn được nghe Phật pháp hãy nên sốt sắng niệm Phật, ngõ hầu cậy vào Phật từ lực để hễ sống nếu gặp nguy sẽ thành an, nếu chết sẽ vượt thẳng khỏi biển khổ, về ngay Liên Trì. Sự tích [được ông kể] trong lá thư trước, tôi cũng không rảnh rỗi để bàn cặn kẽ. Nay

---

[14] Lệnh chánh: Tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng vợ cả (chánh thất) của người khác.
Lệnh lang: Tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng con trai người khác.

viết thẳng pháp danh đã đặt vào đơn xin quy y, đem gởi lại. Hãy dạy họ ai nấy đều nỗ lực giác ngộ, phản tỉnh. Bảo Cô càng phải nên nỗ lực, vì chúng sanh đang mê thì phải thường giác chiếu, ngõ hầu chẳng đến nỗi bị trần tình (những tình niệm trong cõi trần) phá hoại tiết tháo trong sạch. Ngày nào còn chưa chết, ngày ấy chớ nên buông lung, thì mới có thể nhận lãnh trọn vẹn, trở về trọn vẹn. Vì thế, khi lâm chung Tăng Tử bảo các đệ tử: *"Kinh Thi viết: Dè dặt kinh sợ như vào vực sâu, đi trên băng mỏng, từ nay trở đi, ta biết thoát khỏi".* Hết thảy mọi người đều nên như thế, mà quả phụ, trinh nữ càng phải nên gắng sức ngõ hầu trở thành bậc thầy gương mẫu cho nữ giới, giữ vững khuê khổn (chốn khuê các) vậy!

209. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ mười)

Sách Tân Sanh Cơ Hiệt Yếu (Trích yếu cơ hội sống mới) cũng có thể dùng để dứt trừ giết chóc dần dần, nhưng há nên sao lục những lời phê bình nếp sống cũ vào đấy? Tác giả chỉ thấy cái xấu của lối sống cũ, [chẳng thấy] nam nữ theo lối mới tự do luyến ái, đả đảo luân thường, đả đảo liêm sỉ, con giết cha vẫn được khen thưởng! Trường học Mỹ Thuật bảo mấy đứa con gái trần truồng, mấy chục thằng học trò xúm quanh, tùy theo nhìn từ góc độ nào mà vẽ vời, coi như một môn học. Những phụ nữ vô liêm sỉ ấy còn được coi như giáo viên, mỗi tháng được trả lương bao nhiêu đó. Mới mẻ kiểu đó há có ích gì cho thế đạo nhân tâm? Muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm há nên đăng tải những thứ ngôn luận ấy, cũng chẳng đoái hoài đến tông chỉ của mình. Sau này, phàm những lời lẽ ma mị, mù quáng, nhiễu loạn chớ nên đăng tải, để khỏi bị người sáng mắt chê cười.

[Tác giả bài viết] Tịnh Nghiệp Xã Ký chẳng hiểu sự vụ, nói bừa đạo lý, [người ta] chắp tay mà bảo là "hòa-nam", ngồi xuống chưa xếp bằng liền bảo đứng trước tòa. Quang chán nhất là văn tự ghi chép của người khác, bởi kẻ ghi chép quá nửa chẳng đúng pháp. Thư hôm trước chưa gởi tới, cũng chẳng cần phải gởi nữa. Quang bận rộn quá sức, không rảnh rỗi để xem. Ông yêu cầu gởi năm gói Văn Sao và ba gói Thọ Khang Bảo Giám, đóng sách cẩn thận xong liền gởi đi ngay.

210. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ mười một)

Mồng Năm tháng nhuận Quang xuống núi, mồng Bảy tới đất Thân. Khoản tiền mua cá ở Tây Hồ như đã nói thì lúc này không cần chi ra nữa.

Lúc này, khoản tiền cần gấp nhất là tiền [mua thức ăn để] nuôi chó, do chánh quyền thành phố Hàng Châu sai người đi bắt chó hoang trên đường phố rồi giết bằng cách quăng xuống sông Tiền Đường. Đã dìm chết một trăm mấy chục con rồi! Hội Phật Giáo xin họ giao cho hội Phật Giáo, nay đã gần đến hai ngàn con. Mỗi ngày tiền thức ăn cho một con chó ăn là một xu năm chinh[15], hai ngàn con thì mỗi ngày cần đến ba chục đồng; lại còn phải cử người trông nom, [những con chết rồi] còn phải tốn tiền hỏa thiêu v.v… Quang cũng quyên tặng một trăm đồng, lại kêu gọi bạn bè quyên tặng được bốn năm trăm đồng. Quý hội muốn giúp đỡ khoản này, hãy nên gởi về Công Đức Lâm ở cầu Long Tường, Chợ Mới, Hàng Châu, giao cho cư sĩ Chung Khang Hầu. Ông ta nhận được tiền sẽ gởi biên lai thông báo.

Hiện thời gió mây biến huyễn, sáng - tối khác nhau, không có chuyện gì cần thiết đừng đến. Nếu có chuyện gì cần đến, xin hãy sang chùa Thái Bình ở bến Trần Gia, Thượng Hải hỏi thăm; nếu Quang chưa về núi sẽ có thể gặp mặt ở đất Thân. Năm ngoái, công ty ấn loát Chiết Giang bị cháy, nay đã giao cho Đại Trung Thư Cục ở Thượng Hải in năm ngàn bộ Văn Sao *(mỗi bộ bảy cắc)*, sáu ngàn bộ An Sĩ Toàn Thư *(mỗi bộ năm cắc chín xu)*, [xưởng in] Hàng Châu bồi thường chi phí một ngàn sáu trăm đồng, [tôi đem khoản tiền ấy] in hai vạn cuốn Thọ Khang Bảo Giám. [Xưởng in thuộc] nhà giam Tào Hà Kính in Di Đà Kinh Bạch Thoại Giải hai vạn cuốn *(mỗi cuốn một cắc năm xu)*, hai vạn cuốn Gia Ngôn Lục *(mỗi cuốn một cắc bảy xu năm chinh)*, in một vạn cuốn Cảm Ứng Thiên Trực Giảng *(mới cho sắp chữ, ước chừng năm chục trang)*. Nếu các sách này xong xuôi, năm sau Quang sẽ ẩn lánh ở nơi không có đường bưu điện để chuyên tu Tịnh nghiệp, ngõ hầu khỏi đến nỗi lúc lâm chung chân tay cuống quýt, gây nhục cho pháp môn!

211. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ mười hai)

Món tiền quyên tặng bốn trăm đồng gởi đến chùa Thái Bình hôm trước, ngày hôm sau tôi giao cho cư sĩ Ngụy Mai Tôn làm chi phí cứu trợ đất Lỗ (Sơn Đông). Ngày hôm sau nữa, ông Mai Tôn liền đưa biên

---

[15] Nguyên văn *"nhất phân ngũ ly"*. Thời ấy, một Nguyên (đồng) là mười Giác, mỗi Giác là mười Phân, mỗi Phân là mười Ly. Ta có những chữ tương ứng như Cắc (hào) và Xu để dịch Giác và Phân, nhưng không có chữ để dịch chữ Ly. Chúng tôi tạm mượn chữ Chinh là một đơn vị tiền cổ (tức đồng Bảo Đại) chỉ thông dụng trong một thời gian ngắn. Một Xu trị giá chừng ba hoặc năm Chinh. Do vậy, dùng chữ Chinh để dịch chữ Ly cũng rất gượng ép!

nhận đến. Do ông nói là đến cuối tháng mới trở về; lúc về còn muốn ghé qua nên tôi giữ [biên nhận ở đây] để chờ ông. Đến nay ông chưa tới nên tôi nghĩ ông đã về rồi. Vì thế, đem [biên nhận] gởi đi để trong hội khỏi có chuyện hiềm nghi. Ước chừng đến Rằm Quang sẽ về núi, tháng Bảy lại sang đất Hỗ (Thượng Hải) để lo chuyện thỉnh sách, in sách. Di Đà Kinh Bạch Thoại, Gia Ngôn Lục lần này chẳng còn được mấy, đợi đến đợt in lần sau sẽ gởi cho ông. Lần này nếu Văn Sao còn dư sẽ gởi cho ông mấy gói. Di Đà Kinh Bạch Thoại Chú, Gia Ngôn Lục gởi nhiều lắm là một gói.

212. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ mười ba)

Nhận được thư vào ngày Rằm tháng Năm, biết ông do qua lại mệt nhọc, hư hỏa bốc lên, chắc là bệnh mắt đã lành từ lâu rồi. Nếu vẫn còn chưa lành, hãy nên chí tâm niệm thánh hiệu Quán Âm, ắt sẽ có công hiệu ngay. Biên nhận khoản tiền quyên tặng bốn trăm đồng tôi đã gởi qua bưu điện hôm mồng Bảy tháng Năm, chắc đã nhận được rồi. Thoạt đầu vì ông nói sẽ trở lại nên tôi đợi. Đến hôm mồng Bảy, biết đã [đến lúc Quang] phải về rồi, nên [đem biên nhận] gởi qua bưu điện. Những người nắm quyền hiện thời giống hệt như đổ từ một khuôn, đối với việc uốn nắn nhân tâm, uốn nắn phong tục v.v… đều bỏ mặc không hỏi tới, phàm những biện pháp chuẩn bị sẵn để đuổi Tăng, đoạt tài sản đều coi như nhiệm vụ quan trọng, không chi lớn bằng, phải thiết thực tiến hành. Đang trong lúc chớ nên thõng tay thờ ơ đứng nhìn này, pháp sư Viên Anh vẫn còn đang ở Tuyền Châu chắc đang tính toán cứu vãn, có lẽ chẳng đến nỗi khốc liệt quá đáng!

213. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ mười bốn)

Thư tôi viết hôm mồng Năm tháng Sáu chắc ông đã nhận được rồi. Nay nhận được thư ông đề ngày Hai Mươi Mốt tháng Năm, cho biết bệnh mắt vẫn chưa lành, nhưng khí trời nóng bức không chỗ nào tránh né được, lại còn bị dịch thời khí[16]. Đấy là do ác nghiệp đồng phận của chúng sanh chiêu cảm, xin hãy bảo khắp người làng cùng kiêng sát sanh, niệm thánh hiệu Quán Thế Âm, để mong tật dịch tiêu diệt. Nếu có thể khẩn thiết chí thành, chắc chắn có hiệu nghiệm lớn lao. Ngay như bệnh mắt của ông cũng sẽ do tuyên nói rộng rãi lời này mà được lành bệnh.

[16] Dịch thời khí là những bệnh dịch thường xảy ra ồ ạt vào mùa Hè như dịch tả, dịch hạch…

Biển khổ rộng mênh mông, Quán Âm là bậc cứu độ. Nếu ai nấy chí thành trì tụng mà bị chết vì tật dịch thì trời đất cũng sẽ đổi ngôi, mặt trời, mặt trăng cũng sẽ xoay ngược! Nếu hời hợt, hờ hững niệm thầm một hai câu mà muốn được hiệu quả khởi tử hồi sanh ngay, tuy Bồ Tát đại từ [cũng chẳng làm sao được]! Chẳng phải là Ngài không chịu cứu tế, nhưng vì tâm kẻ ấy chẳng chân thật, thiết tha, quyết khó thể cảm thông được! Mong hãy nói cặn kẽ [những điều này] với người làng thì may mắn lắm thay!

214. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ mười lăm)

[Qua thư ông], biết ông đã nhận được biên lai lần trước rồi, nay lại nhận được đầy đủ cả nguyệt san lẫn báo cáo phóng sanh. Thánh hiệu Quán Âm chính là chỗ nương tựa lớn lao cho hiện thời, hãy nên khuyên hết thảy mọi người cùng niệm. Nếu là người tu Tịnh nghiệp, hãy nên chuyên niệm [thánh hiệu Quán Thế Âm] ngoài những lúc niệm Phật. Đối với kẻ chưa phát tâm hãy dạy họ chuyên niệm vì họ dốc chí mong được Đại Sĩ che chở, gia bị ngõ hầu tiêu diệt tai họa. Đợi cho đến khi họ đã sanh được lòng tin, lại dạy họ lấy niệm Phật làm chuyện chánh, niệm Quán Âm để phụ trợ; nhưng niệm Quán Âm để cầu sanh Tây Phương thì cũng được như nguyện.

215. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ mười sáu)

Năm ngoái đã hai lần nhận được thư của ông, nhưng vì bận bịu chưa trả lời được. Hạ tuần tháng Hai năm nay, tôi sẽ sang Thượng Hải lo toan việc in sách, tháng Sáu vẫn trở về núi. Tháng Bảy xuống núi sẽ chẳng quay về nữa. Tháng Tám, tháng Chín, in sách xong xuôi, sẽ giấu kín tung tích, ẩn lánh ở nơi không một ai biết đến để mong sống hết những năm còn sót lại này ngõ hầu chuyên tu Tịnh nghiệp. Nếu không, cứ suốt ngày bận bịu vì người khác, ắt sẽ hỏng đại sự vãng sanh Tây Phương của chính mình. Gần đây, tinh thần ngày một giảm, chuyện thù tiếp ngày càng nhiều. Nếu chẳng lánh đi, sau này sẽ càng khó thể chống chọi được nữa! Người trong Phật pháp đều cùng mơ màng, chẳng xét đến đại thể, chỉ mong thuận tiện cho chính mình, đến nỗi pháp đạo ngày một suy, kẻ lấn hiếp bên ngoài ngày một đông. May là có những vị cư sĩ hộ vệ, nên còn chưa bị diệt ngay. Nếu không, danh xưng Phật pháp đã sớm chẳng còn được nghe trong cõi đời hiện tại rồi! Gần đây, lòng người bại hoại,

bại hoại đến tột cùng, nhưng người có tu trì được cảm ứng khá nhiều, nên vẫn còn duy trì được phần nào. Nếu không, Phật pháp sẽ bị mất tích từ nay, buồn thay!

216. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ mười bảy)

Thư nhận được đầy đủ. Phong trào hủy Phật chỗ nào cũng có. Nếu không có người chống đỡ, Phật pháp sẽ bị đoạn diệt. Với mười đồng ông đã gởi, tôi sẽ gởi mười bộ Khuê Phạm, mỗi bộ [cộng chung] tiền giấy và tiền công in là tám cắc tám xu. Kèm thêm trong gói sách là hai cuốn Âm Chất Văn Đồ Chứng và hai gói Quán Âm Tụng để kết duyên. Trường nữ sinh Nam Hoa nếu có được sách này để làm khuôn mẫu tốt đẹp thì tất cả nữ sinh sẽ đều có thể trở thành những tấm gương đẹp đẽ trong chốn khuê các, tạo điển hình cho nữ giới. Năm ngoái đã in ba ngàn bộ, năm nay vốn muốn in nhiều hơn, nhưng do thời cuộc không yên, chỉ in được hai ngàn năm trăm cuốn.

Trong tháng Chín, Quang nhất định ẩn kín tung tích, tất cả những sách có Chỉ Bản đều giao cho Cư Sĩ Lâm trông coi. Hễ có ai phát tâm đứng ra in với số lượng lớn thì chẳng ngại gì trao đổi với họ. Khuê Phạm được in bằng lối Thạch Bản, chẳng tiện ấn loát. Nếu có ai in với số lượng lớn như hai ba ngàn cuốn thì phải hỏi Cư Sĩ Lâm xem họ có đảm nhiệm được hay không? Thơ ông Uông và thơ của ông đều hay, nhưng Quang trọn chẳng hiểu thơ, lại còn bận bịu cùng cực, nay đem gởi trả lại kèm theo thư. Không có chuyện gì quan trọng, đừng nên gởi thư đến. Nếu đến tháng Chín thì muôn phần đừng gởi thư tới nữa để khỏi bị hỏng việc.

217. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ mười tám)

Ông nói lúc Quang sắp ẩn dật hãy ban cho ông một lá thư để làm khuôn phép, vậy thì một bộ Văn Sao đều là lời lẽ thừa thãi ư? Ông Trình nói: *"Tuân sở văn, hành sở tri, hà tất cập môn cầu ngô tai?"* (Tuân theo những điều đã nghe, hành theo những điều đã biết, cần gì phải đến trước cửa cầu ta nữa?) Nay tôi chỉ nói *"đôn luân tận phận, nhàn tà tồn thành, chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, chân vị sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dĩ thâm tín nguyện, trì danh hiệu Phật"* (giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận; dứt lòng tà, giữ lòng thành; đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thật vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu,

trì danh hiệu Phật). Nếu có thể y theo tám câu ấy mà hành thì làm bậc hiền thánh, liễu sanh thoát tử đều có dư!

Điều quan trọng mầu nhiệm trong Phật pháp chỉ là ở lòng Thành! Ông giữ được lòng Thành từ đầu đến cuối thì không có gì để nói nữa. Hãy nên vứt ra ngoài Đông Dương đại hải [những thói] bàn luận điều huyền lẽ diệu, khua môi múa mép, cầu thần thông, thì mới có thể đích thân đạt được lợi ích thật sự, huống hồ những kẻ vẫn coi luyện đan vận khí là đạo ư? Ba bà thủ tiết ấy đều có thể ăn chay, niệm Phật, hãy nên dạy họ quyết định cầu sanh Tây Phương, đừng nên cầu phước báo trời người, ngõ hầu chẳng phụ mấy chục năm giữ tiết tháo băng khiết. Trần Đức Phương pháp danh là Trí Đức, Trương Phổ Đường pháp danh là Trí Phổ, Châu Duyệt Thiền pháp danh là Trí Thiền. Bọn họ đã đều sống trong chùa miếu, hãy nên chí thành cung kính, lễ bái, trì tụng, đừng xen tạp luyện đan, vận khí, hoặc nhập thần phụ quỷ (lên đồng, hầu bóng) v.v… để chèo kéo kẻ vô tri cung kính, cúng dường. Nếu được như thế sẽ đúng là đệ tử Phật thật sự, quyết định sẽ có thể thoát khỏi cõi Sa Bà này, sanh sang cõi Cực Lạc kia ngay trong đời này. Tôi sợ bọn họ không thông hiểu văn lý cho lắm, xin ông hãy phương tiện diễn nói với họ, khiến cho họ hiểu Phật pháp vốn tự sẵn có đạo lý chân thật. Trí Giác hành trì đáng gọi là khó có. Đấy gọi là *"bầu bạn trong pháp môn, bạn bè xuất thế, tại gia học đạo"*. Những người này có thể thay đổi phong tục, may mắn chi hơn?

218. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ mười chín)

Đã nhận được mười sáu đồng rồi, đừng lo, sẽ dùng làm chi phí gởi sách. Đã nhận được Khai Sĩ Truyện rồi. Hiện thời đang trong tình thế hoạn nạn, trừ Đại Sĩ ra, còn biết nương tựa vào đâu? Nếu có thể chí thành khẩn thiết, quyết định được Ngài ngầm gia bị. Do vậy biết tâm Bồ Tát và tâm chúng sanh về bản thể giống hệt nhau không khác. Chỉ vì chúng sanh mê trái nên đến nỗi cách ngăn; nếu vì gặp lúc hoạn nạn, chuyên tâm ức niệm, sẽ tự có thể lập tức thấy cảm ứng. Ví như kẻ đội chậu úp thường chẳng thấy được mặt trời. Nếu bỏ [cái chậu] che úp ấy đi, cố nhiên mặt trời ở ngay trên đỉnh đầu. Xin hãy nói với hết thảy mọi người về sự linh cảm của Bồ Tát để ai nấy thường niệm. So với những kẻ bàn huyền luận diệu có ích hơn rất nhiều!

219. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ hai mươi)

Quang vốn tính đến cuối tháng Chín sẽ ẩn mình, nhưng vì nhân duyên ấn hành bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ mà chần chừ. [Các đệ tử ở] Hương Cảng đã sớm gởi thư, đánh điện thôi thúc, tháng Giêng năm sau sẽ đi. Chuyện sang sống nhờ ở Hạ Môn thôi đừng bàn tới nữa! Mấy bữa nữa sẽ gởi cho ông mấy gói Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ. Sách này có thể dùng làm căn cứ để vãn hồi thế đạo nhân tâm. Lần này tôi bảo họ làm thành hai bộ Chỉ Bản để mỗi bản sẽ in được hai vạn bộ.

220. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ hai mươi mốt)

Lệnh từ[17] và Trí Giác khốn khổ bởi Tỳ Ngược[18] đã lâu, may đã lành bệnh. Nay tôi gởi cho một toa thuốc thần diệu chữa bệnh sốt rét, xin hãy ấn tống để mọi người cùng hàng đều được thoát khỏi nỗi khổ này.

*** Toa thuốc thần diệu trị bệnh sốt rét**

Ô mai *(hai quả)*, hồng táo *(hai quả)*, hồ đậu *(một tuổi là một hạt, như người một tuổi liền viết một hạt, mười tuổi liền viết mười hạt, chiếu theo đây mà suy)*

Dùng một tờ giấy trắng viết ba thứ này. [Số lượng] ô mai và hồng táo đều cố định, chỉ có hồ đậu là dựa theo số tuổi [của bệnh nhân] mà viết. Viết xong, gấp lại, xếp thành lớp; trước khi lên cơn một tiếng đồng hồ, buộc chặt vào cổ tay *(tức khoảng giữa phần trên bàn tay, phía dưới khủy tay)*, bệnh sẽ không phát ra nữa. Cũng chẳng cần phải mua ba thứ ấy, chỉ cần viết những chữ ấy là được rồi. Toa thuốc này linh nghiệm chẳng thể nghĩ bàn. Lúc buộc đừng nói cho ai biết, chỉ cần phân biệt nam [buộc] bên trái, nữ [buộc] bên phải.

Ông Tào Tung Kiều ở Tô Châu năm ngoái đã đem toa thuốc này in ra rất nhiều. Ông ta xuống làng thu tô đã bảo họ chia nhau đem tặng. Dân quê dốt nát không biết chữ bèn đem tờ giấy đã in [toa thuốc] ấy quấn vào tay chứ chẳng viết gì khác thì bệnh cũng không phát. Ông chẳng chú ý, bài thuốc này đã chép ở cuối bộ An Sĩ Toàn Thư, hiềm rằng chữ quá nhỏ, người ta không để ý. Hãy nên in ra để biếu tặng rộng

---

[17] Tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng mẹ người khác.

[18] Tỳ Ngược là bệnh sốt rét cách nhật, do người bệnh cách ngày nổi cơn sốt rét, hoặc vài ngày nổi cơn sốt rét, bụng đầy, ăn uống khó khăn. Cổ nhân cho rằng nguồn gốc bệnh này là do trong tháng nóng bệnh nhân ăn quá nhiều chất lạnh khiến tỳ vị bị tổn thương, nên gọi là Tỳ Ngược.

rãi thì thật là lợi ích không chi lớn bằng. Tụng kinh Pháp Hoa cũng cần phải đem công đức ấy hồi hướng vãng sanh Tây Phương thì mới chẳng khác gì công đức niệm Phật. Nếu chẳng hồi hướng Tây Phương thì chính là tự phân tâm, niệm chẳng quy nhất, lâm chung sẽ khó chắc chắn được vãng sanh. Đây quả thật là điều trọng yếu nhất!

221. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ hai mươi hai)

Nhận được thư, biết mấy năm gần đây cả nhà yên vui, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Mười đồng ông đã tặng sẽ dùng làm chi phí in sách. Gần đây, Quang mục lực lẫn tinh thần đều không đủ. Mười mấy ngày gần đây bận bịu giảo chánh đối chiếu cho người khác, thư từ chất lại hai mươi mấy bức đều chưa trả lời. Đã cự tuyệt thư từ vào mùa Đông năm ngoái, phàm hễ ai gởi thư đến đều nói "từ nay về sau đừng gởi thư đến nữa. Gởi đến quyết không trả lời", nhưng thư vẫn cứ cuồn cuộn gởi tới y như cũ do giao thông quá thuận tiện.

222. Thư trả lời cư sĩ Châu Bá Tù (thư thứ hai mươi ba)

Thư nhận được đầy đủ. Kinh tế khó khăn, hãy nên sống đơn giản, chất phác, chớ nên gắng gượng chống giữ thể diện. Xin hãy bỏ chuyện sang Nam Dương (Indonesia) đi. Từ năm Dân Quốc 17 (1928), quá nửa số thương gia ở Nam Dương bị phá sản. Có người sang Nam Dương quyên mộ, đều chẳng xin được đủ lộ phí [để trở về]! Nam Dương coi mủ cao-su là sản phẩm xuất cảng bậc nhất, chánh phủ Anh nghiêm cấm bán rẻ [sản phẩm này]. Mỗi gánh [mủ cao-su] giá một trăm sáu mươi mấy đồng. Năm Dân Quốc 17 (1928) bị người nước nọ lừa gạt, nói: "Nếu không bán rẻ thì chưa đầy hai năm, cây [cao-su] trong nước tôi đủ lớn sẽ không ai mua hàng hóa của các ông nữa đâu!" Họ bèn lén lút bán, một nhà bán rồi cả thành phố bán, chưa đầy một tháng có tới mấy chục đại thương gia vỡ nợ, hiện thời giá [mủ cao-su] càng rẻ không thể tưởng tượng được. Một đệ tử của Quang đã kể với Quang tình cảnh ấy.

Vì thế, thầy Tu Viên, đệ tử hòa thượng Hư Vân chùa Vân Thê ở Vân Nam, thấy chùa Vân Thê thiếu hụt, muốn sang Nam Dương hóa duyên, Quang khuyên đừng đi, [thầy ấy] không nghe. Về sau, Vân Nam phải gởi tiền sang, [thầy ấy] mới về nước được! Tiền hóa duyên được ở Nam Dương còn chưa đủ trả tiền tàu xe! Quang gần đây mục lực quá yếu, không có chuyện gì mười phần quan trọng đừng gởi thư tới nhé!

223. Thư trả lời cư sĩ Tạ Tử Hậu

Ông Từ X… chịu đề xướng Tịnh Độ rất tốt. Năm trước, ông ta đã gởi cho tôi một cuốn Tỉnh Mê Lục xin ấn hành, trong năm trước tôi đã cho in vào sau cuốn Tọa Hoa Chí Quả. Tháng Chạp năm ngoái, ông ta cùng với một vị Tăng người Tứ Xuyên đến chùa Báo Quốc, ở lại nhiều ngày, ăn Tết. Vị Tăng ấy áo tràng cũng không mang theo. Sau Tết, Quang quở trách: "Ông là Tăng, đang lúc cuối năm [cũ bước sang] đầu năm [mới, Tăng sĩ đều tụng niệm] cầu chúc cho đất nước, nhân dân, ông đi xa ăn Tết mà áo tràng cũng không mang theo, đủ biết ông suốt năm cũng không có chuyện lễ tụng, trì niệm! May là ông cùng đến với Từ cư sĩ. Nếu không, chùa Báo Quốc cũng chẳng cho ông trú ngụ đâu!" Ông Từ đã kết bạn với vị Tăng ấy từ Chi Na Nội Học Viện, vậy thì ông Từ cũng chỉ là người nói xuông, chẳng chú trọng thực hành. Nếu không, sao lại chịu kết bạn với ông Tăng [lười nhác lễ tụng] ấy để ông ta làm nhục lây đến mình ư? Đức Như Lai gọi hạng người như vậy là "những kẻ đáng thương xót!"

224. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ nhất)

Năm ngoái, Quang do lo liệu chuyện khắc kinh nên vào ngày Hai Mươi Sáu tháng Bảy bèn xuống núi, sang Dương Châu. Nhân tiện, ghé qua Thượng Hải, Tô Châu, Kim Lăng; đến mồng Năm tháng Chín từ Dương Châu trở về Thượng Hải. Bạn bè mời sang Hàng Châu, rồi từ Hàng Châu quay lại Thượng Hải. Do ấn hành bộ An Sĩ Toàn Thư dạng rút nhỏ nên phải lần khân mấy hôm, đến ngày Hai Mươi Bốn mới về đến Pháp Vũ, thấy hai lá thư các hạ gởi hôm Hai Mươi Sáu, Hai Mươi Bảy tháng Bảy và hai cuốn Đàn Kinh và Thiên Nhạc Minh Không (nhạc trời rền vang hư không). Do không có mặt trên núi đã hơn cả tháng, thư từ bên ngoài [gởi đến Phổ Đà] rất nhiều, trong một lúc chẳng thể đọc hết được. Đến mồng Ba tháng Mười mới phúc đáp thư các hạ được. Lại gởi cho các hạ năm bộ Văn Sao do Thương Vụ Ấn Thư Quán in ra, một cuốn Duyên Khởi Khắc In Đại Tạng Kinh mới được ấn hành, bỏ chung trong một bưu kiện giao cho bưu điện, chắc là đã chuyển đến quý phủ rồi.

An Sĩ Toàn Thư là thiện thư bậc nhất xưa nay trong thiên hạ. Năm Quang Tự thứ bảy (1881), cha của tiên sinh Trương Phụng Trì[19] là tiên sinh Phổ Trai tên là Thủ Ân đã cho khắc in tại Tàng Kinh Viện ở Dương Châu. Bản khắc ấy nét bút quá nhỏ nên in chưa được bao nhiêu, nét chữ đã nhòe nhoẹt, lại còn bị sai ngoa quá nhiều. Mười mấy năm trước, do muốn sớm khắc bản khác, Quang đã giảo chánh tường tận. Đến năm Dân Quốc thứ bảy (1918), được một người bạn là ông Lưu Cần Phủ bỏ tiền in nên mới được thỏa chí. Năm Dân Quốc thứ tám (1919) mới khắc in thành sách. Trong một hai năm qua đã in được hai ba ngàn bộ.

Mùa Thu năm ngoái, một người bạn vì thấy rằng: "Do thế đạo nhân tâm đã suy hãm cùng cực nên thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống", liền khuyên Quang in An Sĩ Toàn Thư bản rút nhỏ để lưu truyền rộng khắp, ngõ hầu làm phương kế vãn hồi. Quang liền chẳng nề hà nông cạn, kém cỏi, đứng ra đề xướng, được các giới chánh khách, thương nhân tán trợ, tính đến tháng Chạp đã có người chịu bỏ tiền in hai vạn bộ. Ngày Mười Bảy, nhận được chương trình của Trùng Khánh Phật Học Xã, biết lão pháp sư Phật Nguyên được quan viên, thân sĩ đề cử hoằng dương pháp hóa ở chùa Trường An. Do vậy, tôi gởi thư đến ngài Phật Nguyên, xin Sư hãy bảo đạo tràng ấn tống An Sĩ Toàn Thư hơn một vạn bộ, phát cho mỗi huyện thuộc tỉnh Tứ Xuyên một trăm bộ. So với việc giảng diễn tại một nơi sẽ đạt được lợi ích rộng lớn hơn, vì sách này lý sâu lẽ cạn đều có đủ, Chân lẫn Tục cùng giảng. Người sâu xa sẽ thấy sách sâu xa, người nông cạn sẽ thấy sách nông cạn, trọn không một ai chẳng thể lãnh hội, chẳng được lợi ích!

Lại sợ ở đất Du[20] (Trùng Khánh) in sách chắc sẽ tốn kém lớn, khó thể lo trọn được, nên tôi lại gởi thư cho các hạ, xin các hạ nói với quan

---

[19] Cư sĩ Trương Nguyên Ngọc (1866-1920), tự Thức Như, hiệu Phụng Trì, là người huyện Thuận Đức, tỉnh Quảng Đông, đỗ cùng một khoa với Khang Hữu Vi. Do cha ông ưa thích Thiền Tông nên từ nhỏ đã tìm hiểu Thiền Tông, có chỗ lãnh ngộ. Ông từng làm Huyện Lệnh tỉnh Hà Nam, được tiếng là cai trị nhân từ. Khi Sử Di Nhân dấy loạn, đem quân đánh vào cửa thành trong khi ông đang xét án, mọi người đều kinh hoảng, riêng ông bình tĩnh thống lãnh quân binh dùng mưu đánh bại Sử Di Nhân khiến hắn phải tháo chạy mấy chục dặm. Đánh giặc xong, ông quay về tiếp tục phê duyệt công văn như không có chuyện gì xảy ra. Về già, ông cáo quan, sang Quế Hồ thuộc đất Thục sống ẩn dật, thanh bạch cho đến khi mất. Ông tuy thích Thiền nhưng vẫn niệm Phật không ngừng. Có một linh mục người Pháp nghe tiếng ông, tìm đến tranh biện, toan khuất phục, cuối cùng lại rất kính ngưỡng, hâm mộ ông. Ông để lại cuốn Phiến Hương Tập được lưu hành trong cõi đời.

[20] Du (渝) là tên xưa của Trùng Khánh. Trùng Khánh được đổi tên nhiều lần, thời cổ gọi là Ba, đời Tần gọi là Giang Châu, đến đời Tùy là Du Châu, đến thời Bắc Tống đổi thành Cung Châu. Trùng Khánh là tên được vua Tống Quang Tông đặt từ năm 1190. Khi còn là hoàng tử,

viên, thân sĩ đang sống tại Thành Đô cùng giúp sức hoàn thành công việc này thì món tiền tám chín ngàn đồng chẳng đến nỗi quá tốn công [quyên góp]. Mồng Bảy tháng Giêng năm nay, nhận được Phiến Hương Tập do các hạ gởi tới. Vì quá bận bịu, chỉ giở xem đại lược đôi chút rồi để đó. Đến ngày Mười Chín mới nhận được thư các hạ nói về chuyện gởi Phiến Hương Tập, mới biết các hạ đã ở Trùng Khánh Học Xã. Các hạ nói tháng Tám đã ra đi thì thư và sách Quang gởi hồi tháng Mười đã gởi đến nhà ông và thư gởi hồi tháng Chạp cũng đang chờ ông đọc. Phương pháp để thực hiện chuyện này của Quang khá nghiêm minh, trọn không có khuyết điểm hay khinh nhờn. Nếu các hạ chẳng cho Quang là cuồng vọng, mạo phạm, xin hãy nói với cấp trên, xin ông ta tìm cách lưu hành rộng rãi, thì sẽ là điều phước chưa bao giờ có cho quốc dân! Nếu chẳng thể phát cho mỗi huyện một trăm bộ thì giảm bớt con số cũng không sao! Xin hãy đọc kỹ chương trình biện pháp sẽ tự biết, ở đây không ghi cặn kẽ.

Phiến Hương Tập đã nhờ người có danh vọng kiểm chứng để mong được lưu thông, chắc là không nên chỉ gởi tới một bản. Quang mục lực không đủ, chẳng thể đọc nhiều, liền gởi cho Từ Úy Như *(tên là Văn Úy).* Đối với cư sĩ Lý Chứng Cương *(tên là Dực Chước)* hãy nên gởi bản khác. Chứng Cương chưa hề gởi thư cho Quang, nhưng Quang biết chỗ ông ta ở. Lưu Viên Lâm Xuyên Lý Trạch ở ngõ Tùng Bách, phủ Nam Xương, Giang Tây chính là nhà ông ta đấy. Lưu Thù Nguyên văn lý rất sâu, xem hành trạng của ông Trương khôn ngăn cảm kích, bội phục. Vùng Xuyên Trung đã có cao nhân lại được đề xướng, quả thật là dân tỉnh Tứ Xuyên may mắn mà pháp đạo cũng may mắn lắm!

Đối với chuyện hoằng pháp, hãy nên xét thời cơ. Đang trong lúc nước nhà thái bình, nhân tâm thuần thiện thì phần nhiều hãy nên dựa theo Thật Tế để uốn nắn, hoằng dương. Đang trong thời đại thê thảm từ trước đến nay chưa từng có này, trước hết hãy nên đem nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi v.v… để giáo hóa những kẻ ương ngạnh, khích lệ và công kích gián tiếp, hầu đánh động lương tâm của họ. Sau khi họ đã biết pháp tắc, những điều răn nhắc, mới lại uốn nắn, hoằng dương; đấy mới là đạo duy nhất không hai vậy! *(ngày Hai Mươi Mốt tháng Giêng)*

225. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai)

---

vua được phong làm Cung Vương, thái ấp ở Cung Châu. Do đó khi lên ngôi đã đổi Cung Châu thành Trùng Khánh Phủ với ngụ ý sự vui sướng xảy ra dồn dập.

Nhận được thư, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Trùng Khánh Phật Học Xã đã do Thư Thứ Phạm chịu trách nhiệm chánh thì sẽ chẳng đến nỗi bị sai lầm. Khắc in hai bộ Văn Sao thật chẳng dễ dàng vì hiện thời tiền công khắc chữ rất đắt; nếu khắc trọn bộ Văn Sao sẽ phải khắc hơn chín trăm trang, mỗi trang nếu không tốn tới một đồng sẽ không thể nào khắc được! Trước kia, Quang đã khắc một bộ ở Tàng Kinh Viện Dương Châu, hơn bốn trăm trang, chia thành bốn cuốn, đây chính là bản được Thương Vụ [Ấn Thư Quán] in thành hai cuốn vào năm Dân Quốc thứ 10 (1921). Bộ Tăng Quảng Văn Sao lần này được chế thành bốn bức Chỉ Bản, hai bức giao cho Trung Hoa Thư Cục, hai bức trả về cho Quang. Năm ngoái, [xưởng in kinh] Hàng Châu làm cháy mất một bức, chỉ còn lại một bức. Nếu muốn lưu thông rộng rãi, có lẽ nên chiếu theo cách thức trình bày đó để tạo ra một bức nữa, rồi cho tạo ra nhiều Chỉ Bản chắc sẽ thuận tiện hơn. Tiền công sắp chữ của [xưởng in thuộc] nhà giam Tào Hà Kính ở Thượng Hải rẻ hơn Thư Cục một nửa. Bốn trăm mười lăm mười sáu trang chưa đến hai trăm đồng *(mỗi trang chưa đến năm cắc, Trung Hoa Thư Cục tính hơn một đồng)*. Tạo ra Chỉ Bản cũng thuận tiện hơn.

Chuyện uốn nắn cho lòng người chân thành, thiện lương thì ngay cả thánh hiền cũng chẳng thể làm được chuyện ấy! Trong gia đình, làng xóm, đề xướng nhân quả, báo ứng và giáo dục trong gia đình, rất cần phải chú trọng dạy dỗ con gái sao cho nhà nhà đều răn dạy, thông hiểu và cũng nhờ vào đó để uốn nắn cái tâm của thiên hạ mà thôi! Đối với Tứ Thư, Ngũ Kinh, [kẻ học Nho] do thiếu con mắt thông suốt nên thường trái nghịch lời thánh hiền dạy. Chỉ có kẻ hiểu biết bản tâm của chính mình mới có thể nêu tỏ tông chỉ của thánh hiền, chẳng đến nỗi làm cho người khác bị lầm lạc. Nhà Nho coi lý nhân quả là dị đoan! Trái nghịch thánh đạo, khơi ra chiến tranh cho đời sau đều do bọn Lý Học gây ra.

Ông đã muốn quy y, đành dùng cách "đem lầm đáp lạc", nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Lâm. Ấy là vì nhà lửa nóng hừng hực, chẳng có mưa dầm trí huệ[21] sẽ chẳng thể dập tắt được. Tự hành, dạy người đều nên như thế. Đừng nói "tôi đâu có sức lớn lao ấy!" Một mai đánh đổ ham muốn xằng bậy khôi phục lễ nghĩa, khiến cho thiên hạ hướng về lòng nhân; gốc của thiên hạ là đất nước, gốc của đất nước nằm trong gia đình, cái gốc của gia đình ở nơi thân. Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm. Nếu có thể hành theo thánh giáo Nho - Thích thì chưa hề có chuyện mọi người chẳng đua nhau khởi lên đáp ứng.

---

[21] Chữ Lâm (霖) có nghĩa là mưa dầm.

Lệnh lang hiếu thuận, nên đặt pháp danh là Tông Từ. Kinh Phạm Võng dạy hành hạnh nghiệp phóng sanh như sau: *"Hết thảy người nam là cha ta, hết thảy người nữ là mẹ ta. Hết thảy những vật có mạng sống đều coi như cha mẹ, quyến thuộc trong đời trước, sanh tâm từ bi hiếu thuận".* Chẳng những không giết bừa mà cũng chớ nên ăn thịt chúng, vì thịt đều do giết hại mà có. Nếu dùng tiền mua con vật đem phóng sanh thì phóng sanh hữu hạn. Nếu không ăn thịt và ôm giữ chí nguyện khuyên dạy hết thảy, khiến cho ai nấy đều yêu thương, quý tiếc sanh mạng loài vật, công đức sẽ lớn lắm. Đề cao, chú trọng lòng Từ ngõ hầu đạo thương dân yêu vật được biến thành sự thật. Nếu cứ giết để ăn mà vẫn nói là "yêu thương loài vật" thì đấy chính là kế hoạch "bịt tai trộm linh". Nếu con vật biết được, ắt sẽ chẳng sanh ý tưởng cảm ơn!

Hãy nên bảo cháu nó đọc thuộc Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, đấy chính là nhiệm vụ "gốc chánh, nguồn trong" cấp bách. Do những điều Tứ Thư Ngũ Kinh đã nói thì hoặc là rải rác khắp nơi, hoặc do nghĩa lý ẩn kín khó thể lãnh hội. Đã đọc thuộc sách [Cảm Ứng Thiên Vựng Biên] này xong, khi đọc Ngũ Kinh, Tứ Thư, trông thấy những câu nói ấy, tâm trí sẽ lãnh hội được ý nghĩa. Những gã Lý Học coi trọng tận tụy thực hành nhưng chẳng biết đến nghĩa này, ngược ngạo chỉ trích [nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi của đạo Phật] là dị đoan, đều là hạng chưa thấy lý, không có cách gì để cứu đời vậy!

Huệ Dung có gởi thư đến, tôi đã nhận được rồi! Chắc Thứ Phạm đã chia tặng sách Quán Âm Tụng rồi. Hiện thời Quang đã về núi, trong mùa Thu sẽ sang đất Hỗ để lo in các sách cho xong; tính năm sau sẽ lánh mình ở ẩn nơi không có đường bưu điện để chuyên tu Tịnh nghiệp, ngõ hầu khỏi uổng công bận bịu vì người khác mà đại sự của chính mình trở thành chuyện nói xuông! *(Ngày Hai Mươi tháng Năm)*

226. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ ba)

Nhận được thư, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Làm quan để hành đạo "cứu đời, dạy dân", quan hệ ấy rất lớn. Người đời nay phần nhiều ỷ thế lực nhà quan để thâu tóm của cải, tạo tội, thật đáng than, đáng hận! Các hạ vì lòng đại Bồ Đề khéo làm quan phụ mẫu cai trị một ấp thì một ấp sanh Phật. Lại nên luôn đem nhân quả báo ứng để bảo ban, khuyên nhắc họ, lợi ích sẽ rộng lớn lắm! Bản Văn Sao của Dương Châu Tàng Kinh Viện là mộc bản (bản khắc ván), so với ấn bản lần này ít hơn một trăm bài, giá sách cũng đắt hơn nhiều. Lần này in hai vạn bộ, Thương Vụ Ấn

Thư Quán nại cớ giấy chẳng dễ kiếm, chưa hề in riêng. Ý họ muốn dùng loại giấy có độ bóng để in; vì thế những sách chưa được phát hành hiện thời cũng chưa định giá được. Ngay hôm ấy, tôi đã bảo người bạn gởi cho ông mười gói, khi nhận được xin hãy thay tôi kết duyên. Đợi sau này khi định được giá cả rồi sẽ báo cho ông biết *(Ngày Hai Mươi Ba tháng Giêng).*

227. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ tư)

Nhận được thư như gặp mặt, lời huấn từ hay tuyệt; chỉ sợ học sinh chẳng thể lãnh hội được, sẽ cô phụ lòng ông thiết tha lo lắng nhiều lắm! Chương trình đơn giản của hội Niệm Phật thích hợp căn cơ và tình hình là được rồi. Hiện thời, bất luận trong nhà trường hay Phật hội đều phải sốt sắng đề xướng nhân quả, báo ứng và giáo dục gia đình, nhưng đối với giáo dục gia đình càng phải chú trọng nhân quả báo ứng mới mong mai sau được thái bình. Nếu không, sẽ chẳng còn hy vọng gì nữa đâu! *(Ngày Mười Bảy tháng Mười Hai)*

228. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ năm)

Ngũ Kinh, Tứ Thư vốn là sách dạy người làm lành. Người đời phần nhiều coi như sách văn chương nên "ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ!" Còn Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn v.v… trình bày trực tiếp chuyện nhân quả, báo ứng, khiến cho con người vừa đọc đến liền hiểu ngay, thật là hữu ích! Những kẻ lớn tiếng luận về Lý Tánh, chẳng đề xướng nhân quả, báo ứng, muốn được tiếng cao trỗi hơn người, nhưng chẳng biết thực chất của sự cao trỗi, lại chẳng dẫn dắt khắp hết thảy mọi người đều tuân theo đạo pháp của Ngũ Kinh, Tứ Thư. Cố nhiên Quang chẳng muốn mọi người học theo loại người như thế ấy, vì họ chỉ có thể làm kẻ tự giải thoát cho chính mình, chứ chẳng thể lợi khắp hết thảy *(Ngày Hai Mươi Bốn tháng Ba)*

229. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ sáu)

Con người hiện thời hễ hơi thông minh liền tự đại, tự thị. Phàm phu đời Mạt muốn chứng thánh quả mà chẳng nương theo Tịnh Độ đều là cuồng vọng! Tham Thiền dẫu đạt đến địa vị "minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật" thì vẫn là phàm phu, chưa phải là thánh nhân! Quang cực tầm thường, kém cỏi, thiếu học vấn, nhưng thật sự giữ được [thái độ] "chẳng bị xoay chuyển bởi ngôn ngữ, văn tự của kinh giáo, tri thức!"

Nếu ông chịu tin tưởng, hãy dốc sức nơi pháp dễ thực hiện, dễ thành tựu. Nếu chẳng nghĩ là đúng thì cứ phó mặc cho ông chứng thẳng vào Thập Địa, làm bậc chân danh Nho. Ai có tâm nấy, làm sao ép buộc được? Hình chụp của Quang có gì đáng xem đâu? Sao không thường nhìn hình Phật [có phải là tốt hơn hay không?] *(Ngày Hai Mươi Sáu tháng Tám)*

Chuyện niệm Phật đi - đứng - nằm - ngồi đều niệm được. Nếu gặp chuyện phải dùng tâm để làm thì chẳng tiện niệm. Còn việc không dùng đến trí óc thì một mặt làm việc, một mực niệm Phật, hai đằng chẳng trở ngại nhau. Lẽ đâu chăm sóc con cái chẳng thể niệm Phật được ư? Chỉ có niệm Phật một lúc lâu trước [bàn thờ] Phật là bất tiện mà thôi! Chỉ cần giữ sao cho trong tâm niệm [Phật] lâu dài, chẳng cần phải nhất định niệm trước [bàn thờ] Phật. Sáng - tối hãy nên lễ Phật, niệm theo cách Thập Niệm. Ngoài ra, tùy phần tùy sức đều có thể niệm được! Cũng nên dạy trẻ nhỏ thường niệm, bởi lẽ trẻ nhỏ không có chuyện gì, chơi giỡn suốt ngày. Nếu dạy nó niệm Phật, sẽ tiêu trừ được ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn mà không hay không biết. Đấy là chuyện hữu ích nhất cho thân tâm, tánh mạng. Những phái tân học hiện thời phần nhiều chẳng nhìn nhận cha mẹ, hoặc còn giết hại! Lúc con vừa mới hiểu biết, liền dạy cho nó đạo lý làm người, sự lý nhân quả báo ứng, khi lớn lên nó sẽ chẳng đến nỗi bị tà thuyết lay chuyển. Nếu không, sẽ khó khăn lắm đấy! Nay gởi cho ông một gói Con Đường Quang Minh, cuối sách có bài viết nói về thói ăn thịt người ở Phi Châu, đủ biết tập quán đáng sợ thật!

Đây vốn là sách gởi kèm thêm cho một vị cư sĩ ở Hồ Nam, do gởi lầm [địa chỉ] nên bị trả lại, trở thành dư thừa. Do vậy, tôi cho gởi kèm theo những sách [tính gởi cho ông] để giúp cho việc khuyên nhủ gia quyến, dạy dỗ con trẻ.

230. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ bảy)

Đã nhận được thư khi trước, hôm qua lại nhận được đầy đủ các văn kiện đã in. Tu hành chỉ nên tùy theo khả năng của mình mà lập công khóa, chứ đừng luận theo lối chấp nhất. Chỉ có [một điều] chắc chắn là không thể chẳng nương vào pháp "tín nguyện niệm Phật, hồi hướng vãng sanh Tây Phương" mà thôi! Một môn thâm nhập, muôn điều thiện đều tu trọn thì được. Nếu vứt bỏ Tịnh Độ, thâm nhập một môn trong các pháp môn khác và muôn điều thiện đều tu trọn thì không được! Bởi lẽ, cậy vào tự lực chắc chắn khó thể liễu thoát ngay trong đời này! Kẻ thông minh trong cõi đời thường coi rẻ Tịnh Độ.

Gã X… giữ phép quán bí truyền, hở ra là khoe có chứng ngộ, tiên tri v.v… Đấy là đã dính vào khí phận của ma vương, ngoại đạo rồi! Hắn đã chẳng nghe lời can gián thì đường ai nấy đi, chẳng cần phải qua lại với bọn họ, cũng chẳng cần phải nói mãi chuyện của hắn để khỏi mắc họa ngấm ngầm! Các văn kiện trình lên chánh phủ đã được in đều hay cả. Hiềm rằng chánh phủ lăm lăm chiếm đoạt tài sản, chứ chẳng muốn hiểu rõ lý, sợ rằng [những lời tâu trình, kiến nghị ấy] khó đạt hiệu quả! Nhưng do vậy cũng có thể làm tiêu bớt sự hung hăng của bọn họ, hình thành đôi chút hòa dịu. Ông Ất nọ là đệ tử của ông Bính kia[22], tôi chưa gặp ông ta. Nay thấy bài luận "đả phá thói tôn sùng Khổng Tử", mới rõ ông ta hoàn toàn là một gã tiểu nhân xấu hèn, vô tri, vô thức, làm sao có thể chấn hưng Phật pháp, hoằng truyền, xiển dương Mật Tông, làm bậc Tam Tạng [pháp sư] giải thích kinh điển trong đời hiện tại ở Trung Hoa cho được? Đả đảo, phế diệt, đoạn trừ Khổng Giáo thì tâm pháp của nhị đế, tam vương[23], luân lý "tam cương, ngũ luân, ngũ thường" cũng bị đả đảo, đoạn trừ sạch! Chẳng ngờ người muốn hưng khởi Phật pháp lại thốt ra những lời cực ác, hèn hạ, thô lậu này! Vậy thì chuyện ông ta muốn hưng khởi Phật pháp trong tương lai chưa chắc đã chẳng phải là nền tảng để hoại diệt Phật pháp, đáng sợ hết sức!

---

[22] Ông Ất ở đây chính là Lương Khải Siêu, ông Bính chính là Khang Hữu Vi. Do tránh đụng chạm, nên người sao lục mới gọi họ bằng những từ này. Thoạt đầu Lương Khải Siêu tuân phụng ý kiến của Khang Hữu Vi cho rằng chỉ có đề cao Khổng Giáo mới cứu vãn được Trung Hoa, thậm chí còn đi đến mức cực đoan đòi tôn Khổng Giáo làm quốc giáo, gọi Khổng Tử là giáo chủ, mô phỏng theo hình thức tôn giáo ở Tây Phương, mỗi địa phương phải lập Khổng Miếu, tế lễ, định ra nghi thức lễ bái cầu nguyện như trong Thiên Chúa Giáo, đồng thời tuyên truyền Khổng Giáo theo kiểu Tây Phương, dùng những học thuyết chính yếu của Khổng giáo để lập đề cương cho cuộc vận động duy tân. Chủ trương này thường được gọi bằng từ ngữ "bảo giáo". Sau khi cuộc "biến pháp" (âm mưu đảo chánh nhằm thay đổi đường lối cai trị của nhà Mãn Thanh, lật đổ Từ Hy Thái Hậu và những quyền thần, trao quyền cho vua Quang Tự cai trị Trung Hoa theo đường lối quân chủ lập hiến) bị thất bại, Lương Khải Siêu phải trốn sang Nhật Bản. Do tiếp xúc với tư tưởng Tây Phương và những học thuyết duy tân của Nhật Bản, họ Lương đổi hẳn thái độ, viết bài luận Bảo Giáo Phi Sở Dĩ Tôn Khổng Luận, cực lực đả kích những người theo tư tưởng "bảo giáo", cho họ đã lầm lẫn giữa triết học và tôn giáo, phán quyết rằng từ sau thời Hán Vũ Đế, Nho giáo đã mất hẳn tánh chất tự do, sống động, chỉ còn là những khuôn mẫu ràng buộc cứng ngắc, kìm hãm con người tiến bộ. Đối với Phật giáo, ông Lương cũng có nhiều nhận định hết sức cực đoan, cho rằng Phật Giáo Trung Hoa đã lệch lạc, phải thực hành và tu tập giống hệt như Phật giáo Nhật Bản mới là đúng chánh pháp; đồng thời lớn tiếng kêu gào phải chấn hưng Phật giáo Trung Quốc theo quan điểm của ông ta.

[23] Nhị đế tam vương: Nhị Đế là Đế Nghiêu, Đế Thuấn, Tam Vương là ba vị vua khai sáng nhà Hạ, Thương và Châu, tức Đại Vũ, Thành Thang, và Châu Vũ Vương.

Thư gởi cho ông Ất nọ [phân tích] xác đáng, rõ ràng, nhưng sợ ông ta khí phận ma sâu dầy, chẳng chịu nghe đâu! Nếu ông ta chịu nghe thì lợi ích lớn lắm! Ông Ất nọ là đệ tử của ông Bính, thầy lẫn trò đều mắc bệnh thích lập ra những nghĩa lý kỳ dị. Họ chỉ muốn tỏ lộ tài đức của chính mình, chẳng biết [những dị thuyết ấy] đã khiến cho những ai có đủ con mắt chẳng chịu nhắc tới! Ở Thượng Hải vẫn chưa thấy những sách ấy, vì thế tôi cũng chưa muốn gởi biếu sách của ông [sang đó], chỉ mong [những tà thuyết ấy] bị biến mất, không để lại tung tích gì, chẳng gây lụy cho Phật pháp. Nếu những sách [tà vạy] ấy đã lưu hành, cố nhiên hãy nên phân phát rộng rãi [cuốn sách do ông soạn để phê phán, đả phá những tà thuyết ấy]. Tại Thượng Hải hiện đang có gã Đinh nọ cũng là đệ tử của ông Bính, dạy người khác trì chú *(thường hay phô phang chính mình có thần thông)*, nói là trong một trăm ngày liền có thể thành Phật! Người có lòng tin nhưng không đủ con mắt bèn như kiến bu, chim đậu, đã lên đến cả một ngàn mấy trăm người. Phật pháp vào thời Mạt hiện ra những cảnh tượng kỳ quái ấy, đáng lo tột cùng!

Quang tính trong vòng tháng Tám, tháng Chín, lo xong chuyện in sách sẽ giấu tung tích, ẩn dật lâu dài. Sau này bất luận là ai cũng đều chẳng qua lại nữa để khỏi phải quanh năm suốt tháng bận bịu vì người khác, đã tổn hại cho chính mình mà cũng chẳng ích gì cho người khác! Đến lúc lâm chung chắc sẽ khó vãng sanh, chẳng thể không lo tính sẵn. Cuối tháng Năm sẽ trở về Phổ Đà; qua tháng Sáu, tháng Bảy sẽ xuống núi không trở về nữa. Nếu gởi thư trước tháng Tám, hãy gởi sang chùa Thái Bình ở Thượng Hải. Sau tháng Tám, ngàn phần xin đừng gởi thư đến nữa bởi đã ẩn diệt tung tích rồi, không có chỗ nào để giao thư, mà cũng chẳng phúc đáp nữa đâu! Nhiệm vụ cấp bách nhất hiện thời là chú trọng nhân quả, báo ứng, và tận tụy thực hành. Những kẻ đàm luận huyền diệu nếu chẳng chú trọng nhân quả báo ứng và tận tụy thực hành sẽ càng tăng thêm tà kiến. Pháp không có tướng nhất định, phải khế hợp thời cơ! *(ngày Mười Bảy tháng Ba)*

231. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ tám)

Thời cuộc hiện thời nguy hiểm vạn phần, xứ Thượng Hải ngoại trừ vùng tô giới[24] ra, phàm là địa giới Trung Quốc phần lớn [dân cư] đều

[24] Theo nguyên nghĩa, Tô Giới là vùng đất được một quốc gia cho một nước khác thuê lại trong một thời hạn nhất định theo một hiệp ước song phương. Chánh quyền nước chủ nhà không thể can thiệp vào cơ cấu hành chánh, luật lệ, kinh tế của tô giới. Thông thường, luật lệ,

dọn đi. Một giờ mấy trưa hôm nay, cư sĩ Giang Phạm Chúng cầm thư đến, hỏi vì sao đến? Ông ta cho biết muốn tới thăm chỗ danh thắng và tham bái bậc cao nhân. Quang bảo ông ta mau trở về Tứ Xuyên. Ông ta hỏi có thể chậm lại một tuần được hay không? Quang nói: "Ông không có chuyện gì cần thiết, há nên cố ý trì hoãn? Nếu như chiến sự nổ ra thì tiến - thoái đều kẹt cứng. Ngày mai về ngay để cao đường[25] khỏi phải tựa cửa mong ngóng!" Ông ta nói: "Ngày mai con nhất định về", liền cáo từ.

Người xứ… hung ác đến cùng cực, người Trung Quốc chỉ còn cách đối kháng họ. Phàm các nước… đều buộc Hoa Kiều hồi hương. Người xứ… ở Trung Quốc cũng đều về nước hết. Trong lúc chiến sự ngày Hai Mươi Tám tháng Giêng[26] xảy ra, họ còn chưa ban ra mệnh lệnh ấy. Nếu

---

cơ cấu tổ chức của tô giới được áp dụng đúng theo khuôn mẫu hiến pháp, luật lệ của nước đứng ra thuê tô giới ấy. Tại Trung Hoa, khái niệm Tô Giới chỉ xuất hiện từ năm 1860 trở đi, khi các đế quốc Âu Tây xâm chiếm, đánh bại triều đình nhà Thanh, buộc họ phải cắt đất cho người ngoại quốc để lập những khu "đặc quyền kinh tế". Tiền thuê tô giới được trừ vào những bồi thường chiến phí nhà Thanh đã nợ các nước Tây Phương xâm lăng Trung Hoa theo những hiệp ước bất bình đẳng. Người dân Trung Hoa kể cả các viên chức của nhà Thanh nếu muốn vào tô giới phải xin giấy thông hành như đi vào lãnh thổ ngoại quốc. Nếu người ngoại quốc khi ra khỏi tô giới, phạm luật, chánh quyền nhà Thanh không thể xử phạt mà chỉ được phép bắt giữ, dẫn độ về tô giới để chánh quyền tô giới xử trí! Cho đến khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc thành lập, nước Anh có bảy tô giới, Pháp có bốn tô giới, Nhật Bản có chín tô giới, Đức có hai tô giới, Ý có một tô giới, Nga có hai tô giới, đế quốc Áo - Hung có một tô giới, Bỉ có một tô giới. Ngoài ra còn có bốn tô giới công cộng (thuộc quyền tài phán của nhiều nước). Tô giới Thượng Hải (Shanghai International Settlement) là một trong bốn tô giới công cộng ấy.

[25] Tiếng gọi tỏ vẻ tôn trọng mẹ của người khác. "Tựa cửa chờ mong" (ỷ môn chi vọng) là một điển tích trích từ thiên Tề Sách trong bộ Chiến Quốc Sách: Vương Tôn theo hầu Tề Văn Vương, khi đất nước bị nội loạn, Văn Vương phải lưu vong, Vương Tôn bèn rút về nhà, thờ ơ như không. Bà mẹ trách: *"Ngươi sáng ra khỏi cửa, ta tựa cửa chờ mong. Đến chiều ngươi về, ta ra tận ngoài cổng mong ngóng…"*.

[26] Nguyên văn "nhất nhị bát chi chiến sự", sử còn gọi Nhất Nhị Bát Sự Biến, hoặc Thượng Hải Sự Biến hoặc Đệ Nhất Thứ Thượng Hải Sự Biến, xảy ra vào ngày Hai Mươi Tám tháng Giêng năm 1932, là một cuộc chiến tranh ác liệt giữa quân đội Dân Quốc và Nhật Bản. Sau đợt tấn công thắng lợi ngày Mười Tám tháng Chín năm 1931, Nhật chiếm lĩnh ba tỉnh Đông Bắc Trung Hoa, lập ra Mãn Châu quốc, đưa vua Phổ Nghi của nhà Thanh bị cách mạng Tân Hợi truất phế trước đó lên làm vua bù nhìn. Nhật dùng Mãn Châu Quốc làm bàn đạp để thôn tính Trung Hoa, nhòm ngó Thượng Hải vốn là một hải cảng béo bở. Gã gián điệp Xuyên Đảo Phương Tử (vốn là người Hán, thuộc dòng hoàng tộc nhà Thanh, có tên là Ái Tân Giác La Hiển Vu) sai năm tăng sĩ người Nhật kiếm cớ gây sự vào ngày 18 tháng Giêng ở Tam Hữu Thực Nghiệp Xã ngoài tô giới Thượng Hải để người Hoa nóng mặt đánh đập họ. Một tăng nhân bị giết, một bị trọng thương. Mượn cớ đó, năm mươi người Nhật thuộc Nhật Kiều Thanh Niên Đồng Chí Hội đã đốt rụi Tam Hữu Thực Nghiệp Xã. Chánh phủ Nhật ngay lập tức tuyên chiến với Trung Hoa, dẫn đến cuộc chiến quy mô ngày Hai Mươi Mốt tháng Tám:

lần này nước ta không mất thì nhân dân mười phần cũng chết đến tám chín! Chỉ có khuyên mọi người niệm thánh hiệu Quán Âm để làm kế sách tốt đẹp đối phó với lẽ sống - chết! Chết sẽ vãng sanh, sống thì may ra sẽ biến [cảnh nguy hiểm] thành tốt lành. Hôm qua, tôi đã gởi thư cho báo Tân Thân, cậy họ đăng lời khuyên [mọi người niệm thánh hiệu Quán Âm] nhưng chưa định ngày. Lại bảo Du Dân Tập Cần Sở (sở huấn luyện việc làm cho những người lang thang) ở Tào Hà Kính in bốn năm chục vạn tờ truyền đơn, gởi đi các nơi để tận hết tấm lòng tôi.

Ông thấy tập sách [Hộ Quốc] Tức Tai Hội Pháp Ngữ liền gởi thư sang Thượng Hải bảo họ in thêm để gởi sang Tứ Xuyên. Cuốn sách này do Phật Giáo Nhật Báo Xã ấn hành, chứ không phải do Quang in. Bản của Quang in so với bản in của Nhật Báo Xã còn có thêm phần khai thị ở Linh Nham, kèm thêm mấy bài thuốc linh nghiệm và lời thông cáo rộng rãi về chuyện [người mẹ nổi nóng sẽ khiến cho] sữa [có chất] độc khiến trẻ [bú vào] bị chết. Chuyện này từ trước đến nay chưa từng được nói rõ, năm ngoái tôi mới bắt đầu chỉ ra. Vốn tính in sáu vạn cuốn, cho in trước ba vạn, rồi sẽ in tiếp ba vạn nữa. Những sách được in tiếp đã được đóng bìa xong. Nếu không có chiến sự, lại còn phải in thêm bốn vạn cuốn nữa; nhờ vào công cuộc hoằng pháp này mà lưu truyền rộng rãi hòng chấm dứt cái họa sữa độc. Ông tính khắc ván, nếu chuyện này đã tiến hành thì chẳng cần phải ngưng giữa chừng *(nếu mới khắc một hai trang thì ngưng cũng được)*. Nếu không, cho thợ khắc một bản, in cho thật rõ nét thì chỉ in được sáu bảy ngàn cuốn. Nếu chiếu theo cách in của Thư Điếm, những nét chữ đều chẳng mười phần rõ rệt, sẽ in được hơn một vạn bản.

Nếu dùng lối sắp chữ bằng cách đúc bản kẽm thì phải tạo ra mấy bức Chỉ Bản. Từ một bức Chỉ Bản có thể đúc được năm sáu bảy lần bản kẽm. Mỗi lần in bằng bản kẽm, những công ty ấn loát lớn có máy in chạy bằng động cơ có thể in một vạn hay mười vạn, trăm vạn cuốn cũng

---

Khởi đầu, hải quân Nhật đem 2.300 quân cùng xe tăng tiến vào Thượng Hải, phong tỏa hải cảng, bến xe. Đến ngày 31 tháng Giêng, số quân Nhật đã tăng đến hơn 7.000. Ngày Một tháng Hai, Nhật Bản chính thức dùng máy bay ném bom Nam Kinh và một loạt các tỉnh thành quan trọng dọc Trường Giang. Chánh quyền Trung Hoa Dân Quốc phải di tản sang Lạc Dương. Đến đầu tháng Hai, có đến một vạn quân Nhật tham chiến. Đồng thời, quân Nhật bỏ tiền thuê bọn du đãng đi đốt phá, cướp bóc các khu phố của người Hoa. Quân Dân Quốc kiên cường đánh trả, khiến 1.600 quân Nhật mất mạng. Tưởng Giới Thạch huy động nhiều quân đoàn, sai Trương Trị Trung chỉ huy tiến vào Thượng Hải đánh trả quyết liệt, kể cả sai Đệ Thập Bát Lộ Quân tiến vào Chiết Giang phòng ngự. Do đôi bên bị tổn thất nặng nề (quân Nhật chết tới bảy vạn người, Trung Hoa chết năm vạn, hai lộ quân Mười Chín và Năm bị xóa sổ hoàn toàn, nhà cửa tài sản bị tiêu hủy không thể tính trọn), qua trung gian của Anh, Pháp, Mỹ, Ý, đôi bên ký hòa ước đình chiến vào ngày Năm tháng Năm.

không sao; những công ty ấn loát nhỏ chẳng mua nổi máy in chạy bằng động cơ vẫn in được hai ba vạn cuốn. Nếu chiến sự chẳng nổ ra, đối với những sách do Quang in, ông nguyện bỏ ra bao nhiêu tiền tùy ông phát tâm. Dẫu không bỏ tiền in, tôi cũng sẽ gởi cho Tứ Xuyên bao nhiêu đó gói sách. Biện pháp như vậy vừa đỡ tốn tiền, vừa đỡ mất công, lại chẳng cần phải giảo chánh, đối chiếu nhiều lần!

Năm Dân Quốc 12, 13 (1923-1924), đối với những sách sắp được ấn hành, Quang đều bảo họ chế thành bốn bức Chỉ Bản [cho mỗi sách], giữ lại một bức để tự dùng, một bức gởi sang Tứ Xuyên, một bức gởi sang Cáp Nhĩ Tân, một bức gởi sang Tân Gia Ba để các nơi đều tự in được. Do vậy bèn viết thư cho ba nơi hỏi họ có làm được hay không? Mỗi nơi đều gởi thư trả lời cho biết tiền giấy ở chỗ họ còn mắc hơn giá sách đã được in hoàn tất ở Thượng Hải cộng với cước phí gởi đi. Đã thế, kỹ thuật ấn loát còn kém xa Thượng Hải. Do vậy tôi đành xếp xó ý muốn gởi Chỉ Bản đi. Chuyện này tôi đã lo liệu vào năm Dân Quốc mười bảy, mười tám (1928-1929), ông đâu biết tường tận, vì thế mới phải dài dòng một phen! *(Ba giờ ba khắc ngày mồng Một tháng Bảy)*

232. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ chín)

Thư trả lời lần trước chắc ông đã đọc rồi. Do chiến sự nên Thượng Hải giao thông cách trở, chẳng thể gởi bằng đường máy bay. Bài khai thị ở Linh Nham nói vào ngày Mười Bảy tháng Mười mùa Đông năm ngoái, [khi ấy, Quang] từ đất Hỗ đến thẳng Linh Nham, nói ra vào ban đêm. Ngày hôm sau tôi liền về ngay Báo Quốc bế quan, chứ không làm Trụ Trì Linh Nham. Chiến sự ở Thượng Hải đã nổ ra, Tập Cần Sở nay đã ngưng hoạt động. Nếu chiến sự sớm kết thúc, sẽ tiếp tục in bốn vạn cuốn nữa *(thoạt đầu là ba vạn, lần sau ba vạn nữa)*, có được mười vạn cuốn để truyền bá thì đời sau chẳng đến nỗi thường mắc phải cái họa do sữa độc mà trẻ con bị chết nữa! Món tiền mười đồng sẽ dùng làm chi phí ấn tống.

Quang khá sợ bôn ba, chẳng những không muốn đến những xứ Tứ Xuyên, Tương (Hồ Nam), Cam (Cam Túc), mà ngay cả Linh Nham cũng không muốn qua. Chết - sống có mạng, há nên nhọc nhằn? Huống chi tuổi già khí lực suy nhược, bôn ba, nhọc nhằn, chẳng bằng trúng bom chết sung sướng hơn, huống chi chưa chắc đã bị trúng bom? Do vậy, trọn chẳng có một ý niệm dời sang nơi khác! *(Ngày Hai Mươi Lăm tháng Bảy)*

233. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười)

Từ chức, rảnh rang chuyên tu Tịnh nghiệp, thật may mắn! Những kẻ hoằng pháp hiện thời phần nhiều thích tự lập chương trình, chẳng chịu làm theo cách thức đỡ tốn tâm lực, đỡ tốn công sức của tiền nhân. Tuy tâm ấy rộng lớn, nhưng luận đến lợi ích thật sự thì sẽ kém hơn pháp môn Tịnh Độ do cổ nhân đã lập rất nhiều. Nhằm phô mình là bậc thông gia, nên chẳng y theo pháp tắc của người trước đã lập. Nếu là bậc thượng thượng thượng thượng căn thì được. Nếu không, cố nhiên hãy nên dụng công nơi đỡ tốn tâm lực thì mới dễ được lợi ích *(ngày Hai Mươi Ba tháng Bảy)*

234. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười một)

Sách Hiếu Kinh Lược Nghĩa đã xem qua một lần, lời bàn luận hết sức tinh thuần, đúng đắn, chỉ có điều trong chương Quảng Dương Danh[27], bài bác cái học của thế tục, giải thích lầm ý nghĩa chữ Danh là "danh dự", như vậy thì [cái Danh ấy] cũng gần giống như cái được gọi là "lợi ích", chẳng khác chi mấy. Phàm cái danh của bậc quân tử làm sao đứng riêng ngoài danh dự cho được?[28] Chỉ cần Danh xứng với Thực thì

---

[27] Quảng Dương Danh (rộng nêu danh) là chương thứ 14 trong Hiếu Kinh (được coi là do Tăng Tử trước tác). Tuy gọi là Chương, nhưng thật ra chỉ là một đoạn rất ngắn như sau: *"Tử viết: Quân tử chi sự thân hiếu, cố trung khả di ư quân. Sự huynh đễ, cố thuận khả di ư trưởng. Cư gia lý, cố trị khả di ư quan. Thị dĩ hành thành ư nội, nhi danh lập ư hậu thế hỹ"*. Trong bài Áp Dụng Tư Tưởng của Hiếu Kinh Vào Cách Quản Trị Xí Nghiệp, ông Hác Chí Cường đã giảng câu nói này như sau: Khổng Tử nói: *"Quân tử thờ cha mẹ có hiếu, ắt sẽ mở rộng ra thành thờ vua trung thành. Đối xử hòa thuận với anh, ắt sẽ mở rộng thành hòa thuận với người trên. Xử sự công bằng phân minh trong gia đình sẽ cai trị đúng đắn. Do vậy, hành hạnh hiếu khiến nó trở thành nề nếp từ bên trong thì sẽ lưu danh cho hậu thế"*.

[28] Đoạn này hơi khó hiểu nên chúng tôi xin mạn phép giải thích thô thiển như sau: Để được gọi là quân tử thì phải có đủ phẩm đức của bậc quân tử. Chữ Danh được nói trong chương Quảng Dương Danh của Hiếu Kinh là thanh danh được ngàn đời ca tụng, chứ không phải là danh dự (tiếng tăm). Nếu hiểu chữ Danh là danh dự như trong sách Hiếu Kinh Lược Nghĩa đã giảng thì rất hẹp, hóa ra con người thực hiện lòng hiếu, hòa thuận với anh em, xử sự công bằng phân minh, nói rộng là trung với vua, tôn kính người trên, cai trị sáng suốt đều chỉ nhằm cầu lợi là được tiếng khen nhất thời (tức là làm lành vì cái tâm cầu danh), chứ không phải thật tâm muốn tu dưỡng phẩm đức của bậc quân tử để đạt được mục đích chân chánh là khiến cho người ta nhìn vào bắt chước cùng tu dưỡng những phẩm đức ấy ngõ hầu cõi đời lẫn con người đều tốt đẹp hơn, nên Tổ mới nói: *"Như vậy thì [cái Danh ấy] cũng gần giống như cái được gọi là 'lợi ích', chẳng khác chi mấy!"* Tổ nhấn mạnh, cái danh của bậc quân tử là do trọn đủ phẩm đức của bậc quân tử nên mới được tiếng tăm là bậc quân tử *("phàm cái danh của bậc quân tử làm sao đứng riêng ngoài danh dự cho được. Chỉ cần Danh xứng với*

được gọi là quân tử. Nếu không, hoặc là cầu danh xuông, hoặc ắt đến nỗi dùng đủ mọi thứ mong mỏi theo đuổi, mua chuộc, chèo kéo thì cái danh [đạt được bằng kiểu tà vạy] ấy sẽ bị trời tru diệt, quỷ quở trách là điều chắc chắn không sai chạy. Nói đến lợi ích thì trọn hết bổn phận của con, bầy tôi, em, bạn, há lẽ nào chẳng có lợi ích? Lấy thân làm gương, người ta nhìn vào bắt chước theo, lẽ nào chẳng phải là lợi ích? Lời lẽ ấy hết sức sai trái, tuy hoàn toàn chưa báng Phật, nhưng trong câu nói ấy đã chứa sẵn thói tệ bài bác những điều lợi người lợi vật. Đang trong lúc cậy mạnh nuốt yếu, tự tư tự lợi đến cùng cực này, sao lại dùng những thứ lời lẽ ấy khiến cho con người dấy tâm coi rẻ những chuyện tạo lợi ích vậy?

Ôi! Muốn dựng cờ thuần Nho để mong thiên hạ đời sau sẽ chỉ vào ta ca ngợi: "Đang trong thời ấy có vị tiên sinh ấy có thể tận tụy thực hiện đạo làm con, bầy tôi, em, bạn để kế thừa người trước, mở mang lối học cho đời sau, khiến cho đạo tâm truyền của thánh nhân được còn mãi chẳng dứt!" [Nếu làm như vậy], dẫu cho người đời thuở ấy sẽ thuận theo hoặc chống trái cũng đều không quan tâm thì còn được. Chứ nếu vẫn muốn cho những kẻ chẳng hiểu văn nghĩa và chỉ coi nói xuông là thực hành sẽ đều thực hiện trọn vẹn đạo "con, bầy tôi, em, bạn" mà chẳng nhờ vào nhân quả, báo ứng, lợi ích, họa hại thì những điều mong mỏi ấy cũng chỉ là danh xuông mà lợi ích cũng chẳng thể đạt được! *(Ngày mồng Hai tháng Bảy)*

235. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười hai)

Thư trả lời cuốn Hiếu Kinh Lược Nghĩa chắc ông đã nhận được rồi. Đọc bài văn kỷ niệm Khổng Tử, [biết ông] quả thật đã thấy được chỗ cương yếu, nhưng giảng đạo lý thì được, chứ còn muốn nhờ vào đó để vãn hồi thế đạo nhân tâm thì vẫn là một bánh xe, một cái cánh, hơi khó thâu được hiệu quả thật sự! Tiên vương làm cho đời yên, dân lành thì phải vừa có giáo hóa vừa có luật lệ. Đang trong thời lòng người thuần thiện, chỉ nói đến lý người ta sẽ tự phục tùng. Hiện nay đang là thời thế nào, ông chỉ biết giữ nề nếp cũ, chẳng biết biến thông! Nếu chỉ giữ cái danh "thuần Nho" thì được, chứ [dùng nề nếp ấy để] xoay chuyển cái

---

Thực thì được gọi là quân tử"). Hễ trọn vẹn phẩm đức thì tự nhiên có tiếng tốt, đồng thời nêu gương cho muôn đời; chứ không phải chỉ dùng những cách mua danh, tô vẽ mà được tiếng là quân tử, để tiếng thơm cho đời sau *("Nếu không, hoặc là cầu danh xuông, hoặc ắt đến nỗi dùng đủ mọi thứ mong mỏi theo đuổi, mua chuộc, chèo kéo, thì [do đạt được] cái danh ấy [bằng kiểu tà vạy như thế] sẽ bị trời tru diệt, quỷ quở trách là điều chắc chắn không sai chạy).*

tâm của khắp mọi kẻ trung hạ sẽ khó lắm! Vì thế, hãy nên dùng lý nhân quả báo ứng để phụ giúp, đấy gọi là "giáo hóa và luật lệ cùng thi hành" vậy! *(Nhân quả cũng giống như luật lệ, xử phạt, đều mang [tác dụng] có thể chiết phục những kẻ ương ngạnh lẫn kẻ hiền lương)*.

Ông giữ phận nhà Nho cũng chẳng phải là không thể nêu tỏ nhân quả, phước thiện, họa dâm, thuận theo [lẽ phải] thì tốt lành, trái nghịch thì xấu xa. Há nhà Nho cũng chẳng nên nhắc đến những giáo huấn như *"sửa đổi đức mình sẽ vĩnh viễn hưởng nhiều phước"*[29]… của cổ thánh tiên hiền ư? Ngũ Phước, Lục Cực trong sách Hồng Phạm đã thật sự dạy con người về lý nhân quả ba đời. Trong sách Nho, điều này sâu xa nhất, quan trọng nhất. Tiên Nho chẳng tin có đời trước, đời sau, vì thế quy hết về hoàng cực[30], trọn chẳng chịu tỏ rõ những chỗ sâu xa, chứa đựng kín đáo [trong những lời dạy trong kinh điển đạo Nho], đến nỗi do không biết nhân quả mà hiện ra những dạng hành vi cầm thú như phế kinh điển, phế luân thường v.v… Nay đang trong lúc những tướng trạng ấy hiển hiện lớn lao mà vẫn cứ một mực noi theo đường lối nói Lý, ắt sẽ tốn nhiều công sức mà chỉ đạt được hiệu quả ít ỏi!

[Trong sách] Hồng Phạm, Ngũ Phước là *"thọ, phú, khang ninh, du hiếu đức, khảo chung mạng"* (sống lâu, giàu có, bình yên khỏe mạnh, ham chuộng đức hạnh, chết tốt lành). Năm điều này há có phải do kẻ làm vua quyết định ư? Lục Cực là "*hung, đoản chiết, tật, ưu, bần, ác nhược"* (xui xẻo; chết yểu; bệnh tật; lo lắng; nghèo cùng; xấu xí, yếu đuối) cũng chẳng phải do nhà vua quyết định! Thật ra [sách Hồng Phạm nói tới] những điều này chính là nêu đại lược về nhân trước, quả sau, ước theo đời trước, đời này mà luận đạo trời "phước thiện, họa dâm" vậy. Thật ra, trời cũng không có quyền, chẳng qua thuận theo điều thiện, điều ác do kẻ đó đã tạo mà ban [phước, giáng họa]. Nho gia gọi đó là Mạng. Mạng ấy cũng là tự làm, tự chịu, trời đâu có hậu đãi kẻ này, tệ bạc với kẻ kia?

Chỉ có mình đức Phật nêu tỏ lớn lao lý tam thế. Thánh hiền Nho giáo cũng nêu đại lược đầu mối, chứ không như bọn Lý Học do muốn khác biệt với Phật, rốt cuộc vứt bỏ cái gốc lớn lao để thánh nhân bình trị thiên hạ không bàn tới, chỉ muốn dùng thuyết "tận nghĩa, tận phận" để hoằng dương Nho giáo hòng khơi gợi, giáo hóa con người. Đủ thấy tri kiến của

---

[29] Đây là những câu thơ trong phần Đại Nhã ca tụng Văn Vương: *"Vô niệm nhĩ tổ, duật tu quyết đức, vĩnh ngôn phối mạng, tự cầu đa phước"* (Sao không nghĩ đến ông nội của ngươi? Sửa đổi đức mình, hằng được gọi là xứng với mạng trời, tự cầu nhiều phước).

[30] Hoàng Cực: Ngôi vua địa vị cao quý nhất trong thiên hạ nên gọi là Hoàng Cực. Tống Nho khi giải thích nguyên nhân tạo thành Ngũ Phước, Lục Cực đều quy hết vào sự cai trị của nhà vua.

bọn họ lệch lạc, trái nghịch cả thánh lẫn trời! Nếu chẳng ước theo cái nhân đời trước để luận Ngũ Phước, Lục Cực thì sự thuận theo hay trái nghịch [thiên lý] lấy đâu để thi thố? Đáng thương thay cho những nhà Nho đời sau! Đáng thương thay, mọi kẻ dân đen trong thiên hạ bị lũ người "cao minh" ấy móc bỏ con mắt "mong thành thánh, thành hiền, vui theo mạng trời!" Chẳng biết lời Quang nói ở đây là móc bỏ con mắt của người ta hay ban cho người ta ánh sáng? Xin ông hãy cân nhắc! *(Người biên tập nhận xét: Châu Tử tuổi già mù mắt, há chẳng phải là quả báo đó ư?)*

Chỉnh lý Phật giáo quả thật là nhiệm vụ trọng yếu để hộ pháp, nhưng phải xét kỹ điều lợi, lẽ tệ, ngõ hầu được lợi ích thật sự. Đối với việc đưa Tăng sĩ sang Tây Tạng du học, toan tính trao đổi Phật pháp giữa Tứ Xuyên và Tây Tạng, quả thật là kế hoạch của kẻ chỉ hiểu Phật pháp bề ngoài! Phật pháp nước ta, pháp nào cũng hoàn bị, chỉ có pháp bị kém thiếu là Mật Tông[31]. Nói đến chuyện trao đổi thì phải hiểu rõ pháp sẵn có, [rồi nếu] có thừa sức thì mới học Mật Tông của họ để phụ trợ cho các tông đã sẵn có. Nay do các vị Tăng chưa từng dốc sức nơi các tông, lại bảo họ theo học với gã ma vương X… đang lưu ngụ tại vùng Tây Khang. Sau khi học xong, ắt sẽ hoại loạn Phật pháp, gây nghi ngờ, khiến chúng sanh bị lầm lạc, nghi ngờ, như những gã Y…. kia muốn đả đảo, đoạn trừ đạo của nhị đế, tam vương. Điều này có ảnh hưởng lớn đối với Nho giáo lẫn Phật giáo. Ông là người hiểu lý, một phen hảo tâm của ông Lưu cố nhiên chẳng thể không tuân theo, nhưng xưa nay lập pháp đều phải dò hỏi những bậc thông sáng rồi mới có thể thi hành. Há lẽ nào chẳng tính lợi - hại, chỉ nhận được phương cách bèn thực hiện ngay mà là đúng hay sao? Nếu chẳng thấy ma tri ma kiến của lũ X… thì còn được; chứ đã biết chúng là ma rồi mà vẫn cứ khiến cho kẻ chưa trở thành ma học theo lũ ma thì người ta chẳng trở thành ma dân, ma nữ cũng là chuyện hiếm hoi lắm! Chuyện này quan hệ rất lớn, Quang chẳng thể không nói!

Nhưng những điều Quang nói với ông chớ nên nói thẳng thừng với những kẻ chẳng hiểu biết, mà phải uyển chuyển, nói vòng vo, dẫn những điều họa thuở trước để làm gương tày liếp cho xe sau [khỏi đi vào vết đổ của xe trước] thì mới nên! *(Trước hết, hãy học những Phật pháp sẵn có. Chẳng học những pháp ấy chính là bỏ của quý trong nhà để đi ăn xin vậy).* Chẳng học Phật sẽ chẳng thể biết Nho, không hoằng Nho sẽ không cách gì hoằng

---

[31] Thật ra đây chỉ là cách nói thuận theo thế tục, chứ thật ra kinh điển Mật Tông trong Hán Tạng rất nhiều và rất hoàn bị, nhưng so với các tông khác thì kinh điển Mật Tông ít được chú giải cũng như không được hoằng dương rộng rãi. Hơn nữa, Mật Tông Tây Tạng quá nhấn mạnh đến khái niệm Tính Lực (Shakti) nên không phù hợp với truyền thống lễ giáo của người Trung Hoa cho lắm.

dương Phật pháp được! Ngũ Luân, Tam Cương đều là chuyện thuộc Lục Độ Vạn Hạnh của Bồ Tát. Chương trình của Phật Giáo Tân Thanh Niên Hội nọ nhằm dạy người hành Lục Độ Vạn Hạnh, nhưng trong tám đại sứ mạng của họ, không có một chữ nào nhắc đến nhân quả, báo ứng, cương thường, luân lý và Tịnh Độ, tôi chẳng biết họ hành Lục Độ Vạn Hạnh bằng cách nào! Chuyện này cũng do người bạn tên X… của ông đệ tử Y… [đề xướng]. Xin ông đọc xong [thư này], hãy giao cho ngọn lửa, đừng đưa cho người khác xem để khỏi bị bè đảng bọn chúng đố kỵ *(Ngày Mười Tám tháng Bảy)*

236. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười ba)

Hôm trước hòa thượng Chân Đạt từ Thượng Hải đến đây, cầm theo thư của cư sĩ và bản thảo Diễn Giảng, đọc xong khôn ngăn hoan hỷ. Mấy năm trước Dương Lệ Đường đã từng đề xướng khá nhiều, nên cư sĩ đem bức thư ấy in ra hai bản. Về sau, [ông Dương] muốn soạn sách Nho Thích Nhất Quán, toan nhờ Quang viết lời tựa, cậy Tạng Quán Thiền ở Sơn Đông chuyển lời tới Quang. Quán Thiền cũng chẳng nói ông Dương ở đâu, Quang cũng chẳng hỏi, cứ giao bài tựa cho Quán Thiền. Năm sau, ông Dương gởi thư cảm tạ, cũng do Thượng Hải Cư Sĩ Lâm chuyển đến. Từ đấy trọn không có tin tức gì nữa, đã 4, 5 năm rồi! Quang hỏi Cư Sĩ Lâm: "Lệ Đường có từng gởi thư đến hay không?" Họ thưa: "Không!" Chắc là ông ta đã buông thân tâm xuống, thiết thực dụng công, muốn làm cho đạo Phật, đạo Nho được rực sáng trong cõi đời cũng không chừng!

Lời giảng của ông rất hay, quả thật [đã nêu ra được] những nghĩa trọng yếu căn bản. Chỉ có đoạn luận về [khái niệm] Thiên Mạng của Khổng Tử trong chương thứ nhất là hoàn toàn noi theo cách [diễn giải] của Tống Nho, hoàn toàn trái nghịch với lý, danh, nghĩa trong kinh Thi, kinh Thư, kinh Dịch, kinh Xuân Thu của Khổng Tử! Các sách Nho nói đến Trời có phần nào giống như ý nghĩa Đệ Nhất Nghĩa Thiên[32] nơi lý

[32] Đệ Nhất Nghĩa Thiên (hay còn gọi là Nghĩa Thiên) là từ ngữ để gọi chư Phật, Bồ Tát, hoặc hàng Thập Trụ Bồ Tát. Do các vị ấy đã khéo hiểu diệu lý Đệ Nhất Nghĩa Đế nên được sánh ví là Trời, vì thế mới gọi là Nghĩa Thiên. Đệ Nhất Nghĩa Đế (Paramārtha-satya) còn có những tên gọi khác như Chân Đế, Nghĩa Đế, Thánh Đế, Niết Bàn, Chân Như, Thật Tướng, Trung Đạo, Pháp Giới, chính là chân lý sâu mầu vô thượng, bậc nhất trong các pháp nên gọi là Đệ Nhất Nghĩa Đế. Theo quan điểm Đại Thừa, Đệ Nhất Nghĩa Đế là chân thật thấy biết Chân Đế và Tục Đế, hiểu rõ mối quan hệ không thể tách rời của chúng. Chân Đế và Tục Đế

tánh trong Phật giáo. Tống Nho thấy nghĩa này cao sâu, liền ăn trộm danh nghĩa để tự đề cao; do muốn tranh chấp xung đột với Phật giáo, nên rốt cuộc đem sự thực diễn giải thành lý xuông. Ông học Phật nhiều năm, sao vẫn chưa biết lỗi của Tống Nho, vẫn muốn phỏng theo Tống Nho để mở mang chánh tri cho người khác vậy? Sự - lý, tánh - tướng, tu - chứng, nhân - quả v.v… trong Phật giáo chớ nên lẫn lộn. Tống Nho chuyên công nhận Lý Đế sâu nhất, còn những sự tướng khác đều nhất loạt mạt sát. Vì thế, họ bài xích nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi, bảo Thiên chính là Lý, quỷ thần là lương năng của hai khí (Âm - Dương). Do vậy, những kẻ có mắt không tròng tuân phụng học thuyết ấy, mọi người đều nghĩ nhân quả báo ứng sanh tử luân hồi là pháp để Phật lừa người. Dẫu có kẻ thấy được [thuyết ấy là sai], nhưng do cái tâm mong mỏi môn đình được vẻ vang sáo rỗng quá mạnh, muốn cho trăm năm sau sẽ được [hậu thế coi là những vị tiên hiền Nho giáo] chánh yếu [cần được đưa] vào thờ trong Văn Miếu, cũng chẳng thể không "ai nói sao, ta cũng hùa theo vậy!"

Đạo Học được nêu tỏ là do Tống Nho, mà Đạo Học cũng bị diệt bởi Tống Nho! Từ đấy về sau, quá nửa con người đều coi nhân quả, sanh tử, luân hồi là chuyện mờ mịt, đến nỗi thiện không có gì để khuyên, ác không có gì để phạt! Do chưa có phong hóa Âu Tây [tràn sang] nên vẫn còn duy trì được đạo làm người. Gần đây, phong hóa Âu Tây dần dần lan sang phương Đông, khiến cho học thuyết "phế kinh điển, phế luân thường, bỏ hiếu, vứt thẹn, giết cha, giết mẹ" và những hành động thực hiện học thuyết ấy đều được công khai diễn ra. Gốc họa ấy hoàn toàn do Tống Nho mà ra. Quang mỗi lần nghĩ đến, khôn ngăn đau xót cho Nho giáo. Ngẫu nhiên nói với một hai người tri kỷ về nghĩa lý này, trọn chẳng một ai bảo là không đúng. Trong thuở bọn họ đề xướng học thuyết ấy, ý họ chỉ sợ người ta chê "nghĩa lý trong Nho giáo nông cạn hơn Phật giáo", bèn dùng những nghĩa này để duy trì, mong sao chẳng đến nỗi người đời sau trong thiên hạ hoàn toàn sùng phụng Phật giáo, coi thường Nho giáo, chẳng biết rốt cuộc mấy trăm năm sau thành ra kết quả này! Đúng là "muốn làm rạng rỡ Nho giáo, lại thành ra diệt trừ Nho giáo" vậy, buồn thay!

Chúng ta chẳng biết được bổn địa của các vị thánh nhân Nho giáo; nhưng hễ luận về Nho thì phải chiếu theo thân phận, địa vị do Nho giáo đã lập ra mà bàn luận thì mới chẳng mắc khuyết điểm. Những điều ông

---

giống như nước và sóng, không còn thấy sự khác biệt giữa Chân Đế và Tục Đế nữa thì gọi là Đệ Nhất Nghĩa Đế.

nói sau phần ấy đều tốt đẹp, nhưng chỉ do mỗi một đoạn này, Quang đã biết lòng ông bội phục Tống Nho, cố chấp quá cứng chắc. Đang trong thuở đủ mọi thứ diệt trừ Nho giáo này, mà vẫn chẳng biết vì đâu có chuyện ấy, vẫn phỏng theo khuôn sáo cũ kỹ ấy, muốn cho hiện tại mai sau đều cùng noi theo lời lẽ chấp lý phế sự của Tống Nho. Ông lại muốn dâng [những lời diễn giảng ấy] lên Lệ Đường; nếu Lệ Đường là bậc thông suốt thật sự, quyết chẳng tán thành, chấp nhận thuyết này của ông! Nếu vẫn [đem những lập luận ấy] ghép vào ngôn luận của người ta, tức là biến Lệ Đường thành hạng chấp lý phế sự, họa ấy há thể cùng cực được chăng? Do vậy, Quang chẳng gởi [sách diễn giảng của ông] cho Lệ Đường, mà nói đại lược tâm bệnh của Tống Nho, và do [tâm bệnh] ấy mà trở thành tình thế cực ác "biến người trong khắp thiên hạ đều giống như loài thú" trong thời buổi này!

Nếu ông nghĩ Quang nói chẳng đúng, xin hãy đọc những chỗ nói về Trời trong kinh Thi, kinh Thư, kinh Dịch, kinh Xuân Thu. Xem xong sẽ biết Tống Nho sai lầm hay Quang nói bậy! Đối với những chỗ Mạnh Tử, Tuân Tử, Cáo Tử[33] và tất cả các sách Nho nói đến Tánh, nếu chiếu theo những điều được Nho gia đề cao để bàn luận thì Quang chẳng dám chõ miệng vào; chứ luận theo nhà Phật thì những điều họ luận về Tánh đều thuộc về Tình[34]. Tuy họ gọi nó là Tánh, chẳng thể gọi là tánh Chân Như bất biến! Nếu lơ mơ chỗ này, dẫu có thể lợi người thì vẫn ngầm ẩn nguy cơ khiến cho người ta bị lầm lẫn. Nếu biết là Tình thì nói là thiện, là ác hay thiện - ác lẫn lộn đều được. Nếu tưởng đấy là Phật Tánh Chân Như bất biến thì [tuy] có nói là thiện cũng vẫn là lời thừa thãi vô ích, huống là

---

[33] Tuân Tử (313-238 trước công nguyên) tên là Huống, tự là Khanh. Ông là một trong những nhà tư tưởng của nước Triệu sống vào thời Chiến Quốc, chủ trương Tánh Ác Luận (tức con người sanh ra bản tánh sẵn ác), thường bị Mạnh Tử và những nhà Nho thuộc trường phái Tánh Thiện phê phán. Tư tưởng của ông chú trọng đến Lễ, chú trọng đến khuôn phép, luật lệ trong xã hội. Ông tôn sùng Khổng Tử nhưng đả kích Mạnh Tử và Tử Tư, cho rằng chính mình và Tử Cung mới là những người thật sự kế thừa học thuyết của Khổng Tử. Tuân Tử cho rằng con người bị chi phối bởi dục vọng, nếu dục vọng không được thỏa mãn sẽ nẩy sanh tranh chấp. Do vậy, tánh con người là ác, cần phải dùng lễ pháp để uốn nắn. Ông chủ trương con người và trời có chức phận khác biệt, con người có thể khống chế thiên mạng để sử dụng theo mục đích.

Cáo Tử (không rõ năm sanh và mất) tên Bất Tường (có thuyết nói Bất Hại), là học trò của Mặc Tử, giỏi biện luận, giảng nhân nghĩa, chủ trương tánh con người giống như nước, nước không phân biệt, không phân chia thiện hay ác. Tư tưởng này được ghi chép lại trong thiên Cáo Tử của sách Mạnh Tử, chứ Cáo Tử không để lại trước tác nào.

[34] Theo Thích Thị Yếu Lãm, Tình chính là tác dụng thấy biết của Thức đã bị những vọng tưởng, phân biệt, chấp trước làm cho ô nhiễm, lệch lạc, chấp nhặt. Sách nói thêm: *"Tình chính là gốc của thị - phi, lợi - hại v.v…"*

nói thiện và ác lẫn lộn ư? Những người đại thông minh xưa nay thường thích tự lập môn đình, chẳng chịu "người khác nói sao ta cũng bảo vậy", cho nên đến nỗi có những thứ nghị luận như thế. Đúng là "*thế giới vốn thanh bình, chỉ có con người tự nhiễu loạn"!*

Hơn nữa, ông hâm mộ tiếng tăm của Lệ Đường đã lâu, muốn được ông ấy giùi mài, sao không nhờ người khác chép lại bản thảo này cho rõ ràng, mà cứ để nguệch ngoạc như vậy? Thật đã đánh mất cái tình giao hữu đấy! Quang lòng dạ thẳng tuột, ăn nói thẳng băng, chẳng bận tâm người ta có chấp nhận là đúng hay không. Mong hãy sáng suốt thông cảm! *(Học thuyết của Dương Châu trọn chẳng có ích mảy may gì cho cõi đời, há nên đem so với Mặc Tử để bàn tới bàn lui?)*

Hơn nữa, ông Hứa Chỉ Tịnh đã từng tu bổ đại lược sách Lịch Sử Thống Kỷ, ông Lý Kỳ Khanh tính đem khắc ván để mong sách được lưu truyền vĩnh viễn *(Ông ta thỉnh một người viết chữ theo kiểu thời Tống thật đẹp, viết xong đem khắc cũng thật tốt đẹp, chẳng tiếc tiền công).* Bản này cần phải sau hai năm nữa mới in ra sách được. Nay lại bảo nhà in chiếu theo cách trình bày trước đây để sắp chữ, cũng cho sắp chữ hai loại, để họ làm thong thả, không gấp gáp. Ước chừng trong năm nay chắc có thể in ra sách. Bản này sắp chữ xong, sẽ cho làm Chỉ Bản kỹ càng, [bởi lẽ] tám bức Chỉ Bản được làm vào năm ngoái đều bị cháy rụi, [nay cho làm lại Chỉ Bản] để sau này ai nấy đều cùng được đọc bản hoàn chỉnh này. Không có chuyện gì đừng gởi thư đến để khỏi nhọc trí đôi bên. Đối với hai cuốn sách của ông X… được gởi kèm theo thư này, người thật sự có chánh tri kiến há chịu ăn nói như thế ư? Cú kêu ụt rúc[35], ai nghe những tiếng ấy? Cần gì phải nhắc tới nữa! *(Ngày Mười Ba tháng Năm)*

237. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười bốn)

Thế đạo ngày nay chính là thế đạo hoạn nạn; muốn ở trong cảnh hoạn nạn mà chẳng gặp hoạn nạn, nếu chẳng chí thành khẩn thiết trì niệm thánh hiệu Quán Âm sẽ chẳng thể được! Huống chi ông làm trưởng ấp, đang trong lúc thổ phỉ, binh lính hoành hành, nếu chẳng cậy vào từ

---

[35] Nguyên văn *"kiêu minh, kính hào"* (Cú kêu, Kính rúc). Kính (獍) là một con vật theo truyền thuyết khi được sanh ra sẽ ăn thịt mẹ trước nên được coi là con vật bất tường. Thành ngữ *"kiêu minh kính hào"* chỉ những con vật có tiếng kêu mang lại điềm xui xẻo. Do chim Ụt ở Việt Nam là loài ăn đêm có tiếng kêu chói tai, gây cảm giác kinh hãi, sợ sệt, nên tiếng kêu của nó cũng thường được coi là mang đến điềm xui xẻo, chúng tôi dùng chữ Ụt để tạm diễn tả ý nghĩa của thành ngữ này.

oai của đức Phật, cứ muốn dùng tài trí của chính mình để lo liệu sẽ khó như lên trời, nguy hiểm như bước trên băng. Nếu ôm tấm lòng đại từ bi trừ bạo an lương, lỡ gặp phải những hạng hung ác như vậy thì thế tất nhiên là phải xử trị, nhưng phải giữ tấm lòng xót thương thì sẽ chẳng tự đến nỗi kết oán và gặp họa.

Năm ngoái, một đệ tử là Tào Vận Bằng làm huyện trưởng huyện Quảng Đức, tỉnh An Huy, do chủ trì án tử hình một người, bè đảng của hắn mưu tính báo cừu. Trong tháng Mười Một, ông ta trở về Thượng Hải, đến ngày Mười Ba tháng Chạp, mười gã đến nhà hỏi ông ta có nhà hay không. Vợ ông ta bảo: "Đã đi ra ngoài rồi!" Bà vợ và đứa con gái mười chín tuổi cũng quy y với Quang, thấy tình thế ấy, chí tâm niệm Quán Âm. Bọn giặc lục soát rương tráp, tìm được một xấp tiền hai ngàn đồng và hơn một trăm đồng tiền hiện thời, bèn ngồi trong nhà chờ ông ta trở về. Ông ta về đến nhà, thấy mười gã đều cầm súng, hỏi nguyên do, chúng nói để báo cừu. Hỏi: "Do chuyện gì?", họ nói [báo cừu] cho kẻ bị ông ta xử tử hình. [Bọn chúng] hỏi [ông Tào] vì sao phải tử hình, ông bèn cho biết do cấp trên hạ lệnh tử hình. Ông ta nói: "Đấy là do mệnh lệnh của cấp trên chứ không phải Tào mỗ[36] tự giết". Bọn giặc không chịu là đúng. Ông ta hỏi: "Các ông có nhận được mặt Tào mỗ không?" Chúng bảo: "Nhận được". Nói chuyện hồi lâu, bọn giặc nóng ruột, bảo mọi người: "Chúng ta hãy đi thôi, ngày mai lại tới", rồi bỏ đi. Tào Vận Bằng cùng bọn giặc trò chuyện hồi lâu, hỏi chúng có nhận được mặt hay không mà chúng trọn chẳng nhận ra ông, mà cũng chẳng hỏi "ông là ai?" rồi bỏ đi, hẹn ngày mai lại đến. Bọn giặc bỏ đi rồi, Vận Bằng gọi điện thoại cho ngân hàng bảo đừng trao tiền, sợ bọn giặc lại đến, đưa cả nhà sang Thanh Đảo. Thứ cảm ứng này nhiều đến nỗi không rảnh rang để viết ra. Có thể [dốc hết] thực lực trì niệm thì quyết định gặp dữ hóa lành.

Trong bưu kiện của bản thảo Diễn Giảng có kèm theo một bộ Khuê Phạm, đôi ba cuốn Thọ Khang Bảo Giám, hãy bảo con em đọc kỹ, ngõ hầu chẳng đến nỗi hao tổn nguyên tinh, trở thành yếu đuối và chết yểu. Sư Minh Đạo lo liệu việc phát hành kinh sách cho Phật Giáo Tịnh Nghiệp Xã ở đường Hách Đức, Thượng Hải; nếu muốn thỉnh tất cả các sách để tặng cho người khác, hãy chiếu theo quy định gởi thư thẳng cho thầy ấy.

---

[36] Mỗ (某) là tiếng tự xưng, nhưng cũng được dùng như từ phiếm chỉ một người nào đó. Như vậy Tào Mỗ dùng trong câu nói này có thể hiểu là "Đấy là do mệnh lệnh của cấp trên chứ không phải do chính Tào Vận Bằng tôi tự giết", mà cũng có thể hiểu là "đấy là do mệnh lệnh của cấp trên chứ không phải do gã họ Tào tự giết"

238. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười lăm)

Nhận được thư, biết tấm lòng vì pháp vì dân vẫn như xưa, đủ chứng tỏ chí lực bền chắc, cứng cỏi, chẳng hời hợt, nông nổi như thói đời hiện thời. Phù Lăng là nơi Phật pháp chưa được truyền đến, lúc ban đầu mở mang [truyền bá đạo pháp] nơi ấy chớ nên dốc sức ngay vào chỗ cao sâu, mà trước hết hãy nên chỉ rõ: *"Chỗ cao sâu trong đạo pháp, người thời nay nếu trọn chưa hề tu tập sẽ không thể thấu đạt được ngay; nhưng Phật pháp vốn có pháp môn đại phương tiện khiến cho kẻ không có sức liền đạt được ngay chỗ cao sâu: Tu trì pháp môn Tịnh Độ và cần phải dốc hết sức giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, rồi lại dùng tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu có thể dùng những điều như vậy để tu thì sẽ có thể cậy vào Từ lực của đức Phật đới nghiệp vãng sanh. Nếu được vãng sanh thì lợi ích đạt được đem so với [lợi ích] của những người tu các pháp tột cao tột sâu cũng trọn chẳng thua kém gì, mà còn vượt trỗi trăm ngàn vạn ức lần! Bởi lẽ, một đằng cậy vào tự lực, một đằng kiêm nương vào Phật lực mà ra".* Nói như vậy, chắc chắn họ chẳng dám coi rẻ pháp môn Tịnh Độ để tu những pháp cao sâu. Nếu chẳng nói như thế, ắt họ sẽ tự mong mỏi pháp cao sâu, coi pháp môn Tịnh Độ là pháp dành cho bọn ngu phu ngu phụ!

Xét đến mặt lợi ích thật sự, những kẻ biết đôi chút danh tướng [rồi bèn] tự cao tự đại, rốt cuộc khó thể đạt được lợi ích đoạn Hoặc chứng Chân thật sự. Xét đến kết quả, mong muốn được kề vai với những kẻ ngu phu ngu phụ nương vào Phật lực đới nghiệp vãng sanh cũng chẳng thể được! Đấy là căn bệnh chung của những kẻ thích ăn nói lớn lối, thích tự phụ là bậc thông gia xưa nay. Chúng ta đã muốn lợi người mà vẫn cứ noi theo dấu tích ấy sẽ giống như bọn Tống Nho vì muốn bảo vệ Nho giáo mà thốt ra những câu đả phá lời Phật dạy, rốt cuộc đạt được mối họa thật sự là phế kinh điển, phế luân thường, vứt bỏ lòng hiếu, bỏ mặc lòng thẹn, giết cha, giết mẹ! Nếu bọn họ cũng đề xướng nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi, con người sẽ có điều kiêng sợ, có điều mong mỏi, hâm mộ, đời đời kế thừa nhau, chẳng dám coi những chuyện ấy (tức nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi) là lời Phật bịa chuyện gạt gẫm người ta; dù gió Âu có dữ dội đến mấy, làm sao có một số ít người tin theo cho được, huống chi là có những bậc vĩ nhân, những tay anh kiệt

trong khắp thiên hạ đều tin theo ư? Than ôi, buồn thay! Kẻ diệt Nho giáo đâu phải là người Âu Tây mà chính là Tống Nho đấy chứ!

Hoằng dương Phật pháp mà chẳng chú ý mặt hành trì, chỉ chú trọng huyền diệu thì cũng tệ hại như Tống Nho vậy. Vì thế, chẳng dám không nói rõ ràng với ông. Gần đây, Mật Tông rất thịnh hành, nhưng dấu vết kém hèn của gã X… đã bộc lộ rành rành rồi! Nghe nói Trùng Khánh Phật Học Xã đã hoàn toàn biến thành đạo tràng Mật Tông. [Theo gã X…, trong Mật Tông] thành Phật dễ dàng, vãng sanh dễ dàng hệt như trở bàn tay. Tôi sợ cư sĩ cũng bị họ lung lạc, nhưng rồi nghĩ tới gã X… chuyên học Mật Tông nhiều năm mà kiến thức như thế thì chắc chắn chẳng phải là khí phận đã thành Phật và nghiệp tận tình không! Như vậy thì sở học của hắn ta chẳng phải là Mật Tông đúng như đức Như Lai đã truyền! Nếu chân chánh đạt được Mật Tông của đức Như Lai thì đâu đến nỗi thơm - thối cũng không biết, để rồi mặc sức khinh miệt thánh hiền ư! *(Ngày mồng Chín tháng Sáu)*

239. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười sáu)

Học thuyết gây lầm lạc cho người thì thoạt đầu chỉ ít ỏi, nhưng kết quả về sau không cách gì thâu thập được nữa. Tống Nho ăn trộm đạo lý Lý Tánh trong Phật giáo, nhưng chẳng biết Lý Tánh lấy Sự Tu làm căn cứ để thành tựu từ lúc ban đầu cho đến lúc cuối cùng. Vì thế, họ bài bác "không nhân quả, báo ứng và sanh tử, luân hồi", đến nỗi trở thành tình thế diệt tuyệt luân lý ngày nay. Ông hiểu biết Phật học kha khá, nhưng đối với sơ cơ mà trước hết chẳng coi trọng Sự Tu, lại dùng Đệ Nhất Nghĩa Đế để giáo huấn thì cũng là sai lầm không chi sánh ví được! [Chủ nhân trong quá khứ của núi] Bách Trượng trả lời sai một câu "chẳng rớt vào nhân quả", nếu xét theo Thật Lý thì cũng chẳng phải là sai lầm, nhưng do dạy người khác không phù hợp căn cơ khiến cho người ấy hiểu lầm, bèn đọa làm thân chồn hoang năm trăm đời! Vì thế cổ nhân nói: *"Ninh khả trước hữu như Tu Di, bất khả trước không như giới tử"* (Thà chấp Có như núi Tu Di, chẳng thể chấp Không chừng bằng hạt cải). *"Thượng Đế thường hiện diện quanh ngươi, không đối xử sai khác với ai, kẻ bầy tôi thân cận của vua là người hiểu rõ lòng vua"* v.v…

Hãy nên cực lực nói với họ về lý sự tướng tột cùng, khiến cho bọn họ đều cung kính nghiêm túc, kính sợ, thường khăng khăng giữ lòng Thành chẳng dám trái vượt. Nếu ông chẳng nêu tỏ ngay lý sâu Đệ Nhất Nghĩa Đế, nhất quyết họ cũng sẽ chẳng đến nỗi trái nghịch, lầm lạc. Nếu

hoàn toàn chẳng dựa theo mặt Sự để nói, chuyên nói theo Đệ Nhất Nghĩa Đế sẽ khiến cho kẻ thượng căn tuy ngộ lý sâu nhưng chẳng chú trọng thật tu, kẻ hạ căn trở thành lũ ngông cuồng, buông lung, không kiêng dè, chẳng đáng buồn ư? Ông muốn lợi người, chẳng những chớ nên học theo cung cách của Tống Nho, ngay cả kiểu cách của tiên sinh Phụng Trì cũng chớ nên học theo vì ông ta chú trọng Lý Tánh, chẳng chú trọng Sự Tu. Hãy nên theo gót tiên sinh Châu An Sĩ thì lợi ích cũng lớn lắm.

Người đời nay thường bị bệnh chấp Lý phế Sự làm hại, ông lại noi theo đó để hướng dẫn thì họa hại há có cùng cực; nếu chẳng cho lời Quang nói là sai thì đấy chính là chỗ hết sức hơn người của ông vậy! Rất nhiều kẻ biết rõ mình sai lầm vẫn cực lực biện hộ, nào phải chỉ một hai ba bốn năm sáu bảy tám kẻ mà thôi! Cái học của Dương Tử[37] đúng là cái học chẳng đáng để nhắc tới. Trong thuở ấy, Mạnh Tử vẫn bàn đến, tuy là chê trách ông ta, nhưng cũng vì đó mà tiếng tăm, giá trị của ông ta được nâng cao. Nếu Mạnh Tử chẳng thèm nhắc tới, người đời sau ai biết có gã Dương Tử ấy? Dạy người, trước hết phải biết căn cơ của người đến học. Nếu không, phải chú trọng nơi Sự Tu, ắt sẽ là pháp tắc ổn thỏa nhất. [Học thuyết của] Dương Tử cũng chẳng thể coi là triết học. Khéo dùng triết học thì còn có ích cho đời, chứ cái học của Dương Tử tợ hồ phó mặc cho [bẩm tánh] tự nhiên, quả thật là kẻ giặc gây hại cho đạo làm người. Bởi lẽ ai nấy đều chẳng làm gì cả thì nước còn không có cách nào để uống, huống là mặc áo, ăn cơm ư?

Người trong cõi đời không gì chẳng cậy vào sức của người khác thì mới sống sót được. Trên từ hoàng đế, dưới đến kẻ ăn mày, không ai đều chẳng như vậy. Hắn ta dù nhổ một sợi lông để làm lợi cho thiên hạ cũng chẳng chịu làm, chẳng biết hắn mặc áo, ăn cơm hoàn toàn đều phải nhờ vào sức của người khác mà được thành tựu. Hắn ta đã không làm lợi cho người khác chừng một sợi lông, lẽ ra cũng không nên nhận mối lợi chừng bằng sợi lông của người khác [ban cho mình]. Thứ tà thuyết ấy

---

[37] Dương Tử (chỉ biết tên là Dương Châu) là một người chủ trương thuyết Vị Ngã cực đoan. Trong thiên Tận Tâm của sách Mạnh Tử, Mạnh Tử đã phê phán như sau: *"Dương Tử thủ vị ngã, bạt nhất mao nhi lợi thiên hạ, bất vi dã. Mặc Tử kiêm ái, ma đảnh phóng chủng nhi lợi thiên hạ, vi chi. Tử mạc chấp trung, chấp trung vi cận chi, chấp trung vô quyền, do chấp nhất dã"* (Dương Tử chấp vào ích kỷ, dù nhổ một sợi lông để làm lợi cho thiên hạ cũng không làm. Mặc Tử yêu thương trọn khắp, sói đầu mòn gót mà có lợi cho thiên hạ vẫn làm. Ông đừng chấp vào đó, vì chấp nhất vào một bên chính là nông cạn. Chấp nhất vào một bên sẽ không thể quyền biến được, vì vẫn còn chấp nhất). Tức là Mạnh Tử đề xướng đường lối Trung Dung, không ích kỷ thái quá mà cũng không hy sinh thái quá, quên mất bản thân, gia đình, thân quyến.

còn có người xem là một trường phái học thuyết, đúng là coi con giòi trong hầm xí và thần long giống hệt như nhau!

Đừng nên gởi thư đến chỗ ông Nhiếp Vân Đài nữa! Ông ta bị bệnh nặng đã hơn một năm, nay mới hơi đỡ, chưa thể dụng tâm và nói năng nhiều được. Theo các nhà Tử Bình[38] đã đoán tướng mạng thì ông ta khó thể sống nổi từ hai năm trước, may mắn đã vượt qua được, nhưng hoàn toàn bình phục thì chẳng biết đến khi nào! Ông Hứa Chỉ Tịnh rất bận bịu, lại thêm sức khỏe không tốt lắm, vì thế chẳng thể ứng phó ngoại duyên. Tôi đã cậy sư Minh Đạo nhờ Cư Sĩ Lâm thăm dò tin tức Dương Lệ Đường.

Tôi đã bảo sư Minh Đạo gởi cho ông mười gói Lịch Sử Thống Kỷ, mỗi gói là năm bộ, có lẽ cũng đủ dùng. Mở hội diễn thuyết hình thức khá hay, nhưng thật chẳng dễ gì kiếm được người lo liệu. Nay bất luận là giới nào, hở ra là lập chương trình, nhưng khó tìm được người làm đúng theo chương trình! Nếu biết là khó khăn hãy nên lo liệu công việc sao cho đỡ tốn sức nhọc lòng. Chỉ mong sao có ích, chứ chẳng cần nhất định phải là phù hợp với chương trình lớn lao. Nếu muốn hợp với chương trình lớn lao, chắc sẽ đến nỗi lợi ích nhỏ nhoi cũng không có cách nào đạt được vì con người quá quen thói chẳng thích tuân theo cách thức, phạm vi chánh đáng vậy! *(Ngày Mười Bảy tháng Sáu)*

240. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười bảy)

Hôm qua thầy Minh Đạo có gởi thư đến, cho biết đã gởi bưu kiện của Dương Lệ Đường đi rồi. Còn bưu kiện dành cho ông [Nhiếp] Vân Đài thì đã giao tận tay. Hiện thời ông ta đã khá hơn trước một chút, có thể đi lại trong phòng được rồi. Sau này, gởi thư cho ông Dương hãy gởi thẳng sang hội quán Trung Hoa ở Đàn Hương Sơn (Honolulu), ông ta sẽ nhận được. Cần nhất là phải viết rõ nước nào, đảo nào *(e rằng là đảo Hạ Uy Di*[39]*)*, tôi nhớ không rõ lắm. Ông nên hỏi bưu cục sẽ tự biết. Lại nên dùng

---

[38] Tử Bình là một khoa bói toán, gần giống như Tử Vi, nhưng đơn giản hơn. Do chú trọng vào năm, tháng, ngày, giờ để lập lá số tiên đoán nên còn gọi là Tử Bình Tứ Trụ. Do năm, tháng, ngày, giờ đều được tính theo Thiên Can và Địa Chi nên ngành bói toán này cũng gọi là Bát Tự Tử Bình.

[39] Thật ra Honolulu thuộc đảo Oahu trong quần đảo Hawaii (Hạ Uy Di), chứ không nằm ở đảo Hawaii (Big Island). Do thuở đầu quanh Honolulu có rất nhiều rừng cây Đàn Hương (Sandalwood) nên những người Hoa sang làm công nhân đồn điền nơi đó gọi Honolulu là Đàn Hương Sơn (theo Wikipedia).

chữ ngoại quốc vì sợ nhân viên bưu điện không biết tiếng Hán, chắc sẽ giao lầm. Tốt nhất là sử dụng cả văn tự Trung Hoa lẫn ngoại quốc.

241. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười tám)

Gần đây ông niệm Phật được tương ứng, tôi vui mừng, an ủi lắm. Ông Trần Hải Siêu từng quy y với tôi vào năm Dân Quốc thứ chín hay thứ mười (1920-1921) *(pháp danh là Chí Tịnh)*. Ông ta thích bàn luận về Lý Tánh là do tập khí thông minh mà ra, từng gởi thư bàn nhiều về Lý Tánh, Quang rất không cho như vậy là đúng, sau này ông ta không gởi thư nữa. Đến năm Dân Quốc 19 *(hoặc mùa Xuân năm Dân Quốc 20 - 1931, tôi không nhớ rõ),* [ông ta] bảo một người bạn gởi cho tôi cuốn Nhất Niệm Thành Phật Pháp Môn. Quang đọc thấy những lời lẽ suy tôn trong lời tựa, cuối sách lại in sở hữu bản quyền. Hơn nữa, mỗi cuốn bán giá ba đồng; do vậy đem cuốn sách ấy gởi lại cho người bạn, quở trách sâu xa ông ta đã đem phàm lạm thánh, mượn Phật pháp để cầu tài lợi. Sau đấy, ông ta gởi thư xin lỗi. Chiến tranh nổ ra ở Thượng Hải, xưởng đã cháy tiêu thì bản sách ấy cũng đã thành tro. Nghĩ ông ta mang tâm lợi người tha thiết, chắc sẽ cho in lại. Loại sách ấy chỉ bậc thông gia đọc mới không bị bệnh, chứ kẻ hơi thông minh nhưng chưa thể hiểu rõ sự lý sẽ liền tưởng "hiểu rõ nhất niệm chính là đã về đến nhà", như vậy thì chỗ gây lầm cho người ta lại nằm ngay ở chỗ muốn lợi lạc người khác.

Trong thời buổi này, con người đều học theo lối sáo rỗng, chẳng nên đề xướng lối ăn nói cao siêu ấy thì mới đúng. Chẳng bao lâu sẽ gởi đến [cho ông] mười gói sách Kỹ Lộ Chỉ Quy. Vào khoảng tháng Tám hay tháng Chín sẽ gởi tới mười gói sách Vật Do Như Thử. Sách này chuyên ghi chép những đức hạnh cao đẹp của loài vật, tuy chẳng nói đến kiêng giết, phóng sanh, nhưng thật sự là sách đứng đầu về kiêng giết. Do vậy, tôi in ra sáu vạn cuốn như đã nói trong phần tựa nêu duyên khởi *(Ngày Mười Chín tháng Sáu)*

242. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ mười chín)

Sư Ngọc Trụ là người hết sức thành thật, cùng ở với Quang tại núi Hồng Loa nửa năm. Những nghĩa Sư nói về Thiền - Tịnh chỉ là luận về mặt dụng công. Nếu bảo những nghĩa ấy là cao sâu huyền diệu, viên dung thấu triệt, sẽ mắc lỗi trái nghịch kinh điển! Pháp Tịnh Độ nhằm làm cho phàm phu cậy vào Từ lực của đức Phật đới nghiệp vãng sanh.

Gạt bỏ nghĩa này, chỉ coi nhất niệm bất sanh và nhất tâm bất loạn là chuyện giống như nhau, đúng là chống trái kinh Phật, tự lập chương trình, khiến kẻ sơ cơ bị lầm lạc. Vì thế, chẳng thể không nói toạc ra. Quang là một ông Tăng chỉ biết cơm cháo, thật thà niệm Phật. Hễ có ai hỏi đến thì cũng dùng lời này để đáp, nói kèm thêm nhân quả, luân thường, há nên nói là "chẳng thể lường được!" Thêm vào hai chữ "bất trắc" (chẳng thể lường được) cho ông Tăng chỉ biết cơm cháo, há chẳng phải là "đem phàm lạm thánh" khiến cho Quang và ông cùng vướng mắc tội lỗi ư?

243. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi)

Ông nói vùng Xuyên Trung nguy hiểm, muốn đến Tô Châu, hãy nên biết là rất khó! Ông nói ông trù tính dùng sáu bảy ngàn đồng làm vốn sanh nhai cho cả nhà, nhưng chẳng thể tự mang theo. Nếu mang theo [tiền bạc] thì sợ gặp phải nguy hiểm ngoài ý muốn; còn chuyển tiền thì cứ một trăm đồng sẽ tốn lệ phí chuyển khoản hơn ba chục đồng. Lỗ đâu thể chịu nổi! Hiện thời Tô Châu có vẻ như an tịnh, nhưng giữa Nhật Bản và ngoại quốc hễ xảy ra chiến sự thì Thượng Hải và những vùng đất ven biển đều thành chiến trường thủy bộ cho bọn họ, Tô Châu còn nguy hiểm hơn Thành Đô nữa. Đây là ý kiến phỏng đoán của Quang, chứ xét tới cùng, chẳng biết sau này lành - dữ ra sao! Chỉ có điều nước sông Hoài[40] quá to, chuyện này ai cũng biết. Xin ông hãy chí thành niệm Quán Âm suốt một ngày, rút thăm xem nên đi hay ở, là tốt hay là xấu, rồi mới tính toán.

Ngũ Đài Chí đã sắp chữ hoàn tất được sáu bảy phần rồi, Nga Mi Chí còn chưa chỉnh lý xong. Ngũ Đài Chí sắp chữ xong sẽ sắp xếp ngay bộ Nga Mi Chí, có lẽ trong năm nay sẽ xong. Cửu Hoa Chí dự định sắp chữ trong vòng mùa Hè, mùa Thu năm sau. Tôi cũng sẽ vì họ tu chỉnh Linh Nham Chí. Xong xuôi, tôi sẽ rời Báo Quốc, ẩn xa ở nơi không ai biết đến hòng sống hết tuổi thừa. Báo Quốc chẳng phải do tôi sở hữu, tôi chẳng qua là khách tạm ngụ mà thôi!

Lòng người đều hư hết rồi! Kẻ cầm quyền cậy thế ngược đãi dân chúng, bóc lột mỡ màng của nhân dân để làm giàu cho người Tây Dương. [Nguyên nhân khiến họ có] cái tâm chẳng biết tạo lợi ích như thế nào, không có gì khác cả, chỉ là do lòng tự tư tự lợi nặng nề đến nỗi tự hại,

---

[40] Hoài Hà là một con sông phát nguyên từ núi Đồng Bách tỉnh Hà Nam, chảy qua ba tỉnh Hà Nam, An Huy, Giang Tô, rồi đổ vào Trường Giang (sông Dương Tử) tại Tam Giang Doanh. Sông khá to, dài đến 1.000 km, thường hay gây ngập lụt cho vùng Giang - Chiết.

hại người, đều cùng bị chết sạch hết! Gốc họa là do Trình - Châu đả phá, bài xích sự lý nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi, cho là đức Phật dùng những điều ấy để gạt gẫm ngu phu ngu phụ tin thờ giáo lý của Ngài, chứ thật ra chẳng có những chuyện ấy. Bọn họ cho là con người sau khi chết đi, hình hài đã mục nát, thần hồn cũng phiêu tán, dẫu có chém - chặt - xay - giã sẽ thi thố vào đâu? Lại còn có ai để thác sanh nữa đây? Lời lẽ ấy mở toang đầu mối phóng túng không kiêng dè! Bọn họ chỉ biết dạy người tận hết tình nghĩa, trọn hết bổn phận, chánh tâm thành ý, nhưng lại hoàn toàn hủy diệt phương tiện thôi thúc con người chẳng thể không chánh tâm thành ý, trọn hết tình nghĩa, vẹn hết bổn phận. Những kẻ học [đạo Nho] đời sau phỏng theo, vâng giữ sự sai lầm ấy, muốn được tiếng "thuần Nho, chánh học", đến nỗi pháp trị thân trị quốc đều trở thành cành nhánh, trọn chẳng có cội gốc! Đến khi gió Âu vừa thổi qua, bèn dốc hết sức tập tành theo, càng quá sức tệ hại!

Vì thế, hiện thời chuyện gì cũng đều là làm dối, ngay cả như bậc đạo học trong thời gần đây là ông Trương Phụng Trì, cha ông ta gian nan khốn khổ, dốc cạn sức suốt một hai năm để khắc An Sĩ Toàn Thư, mà ông ta không thèm nhắc đến một tiếng nào! Đấy là vì đã bị trúng độc "ăn nói cao xa" của lũ người [Lý Học] đời Tống. Phụng Trì là bậc quân tử chuyên dốc, thành thật, mà còn như thế, những phường tệ bạc, gian ngụy khác há còn đáng để nhắc đến nữa ư? Lòng người đã chết sạch rồi, đất nước làm sao tồn tại được? May mắn là vẫn còn có một câu Nam Mô A Di Đà Phật và Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát, hãy nên sống chết vâng giữ lấy để chẳng đến nỗi đời sau chẳng được nghe đến danh tự trời đất, cha mẹ! Nếu chẳng quyết định cầu sanh Tây Phương thì đời sau sẽ trở thành cầm thú mang hình dáng con người vậy, than thở khôn nguôi! (Ngày Rằm tháng Chín).

Kính xét: Huệ Lâm vâng giữ lời khuyên nhủ này. Cả nhà trai giới, kính tụng niệm thánh hiệu Quán Thế Âm suốt một ngày, rồi mới rút thăm trước đức Phật, rút liên tiếp ba lần, đều thấy nên ở lại Thành Đô, bèn bãi bỏ chuyện bàn định dời sang phương Đông.

244. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi mốt)

Lá thư trước gởi bằng đường máy bay, tôi vừa nhận được liền giao cho hai người bạn ngay. Hôm trước tôi gởi một lá thư, chắc ông đã nhận được rồi. Những kẻ hoằng pháp hiện thời đều là kẻ chấp chặt theo

chương trình, chẳng biết lẽ biến thông. Kinh Nhân Vương[41] cố nhiên có thể hộ quốc, nhưng nếu giảng giải [ý nghĩa kinh ấy] sẽ thật khó thể lãnh hội; mà cũng chẳng niệm được bao nhiêu. Nếu lấy phẩm Phổ Môn làm [phương tiện] cứu nước để giảng diễn thì đứa trẻ lên ba cũng biết niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, còn kinh Nhân Vương thì trong trăm ngàn người chỉ được một hai người [biết tụng niệm, lãnh hội ý nghĩa]. Hoằng pháp như thế chỉ được danh tiếng lớn lao là hoằng pháp, chứ khó được lợi ích bảo vệ đất nước thật sự, đáng than không chi bằng!

Pháp danh của Tư Nhân nên đặt là Tông Nghiêu, chữ Nghiêu (垚) này là chữ Nghiêu (堯) viết theo lối cổ, hoàn toàn là [do ba chữ] Thổ (土: đất) [ghép lại], mà cũng chẳng mất ý nghĩa Tông Nghiêu (đề cao, noi theo phẩm hạnh của vua Nghiêu). [Dùng] sự cao dày của ba chữ Thổ để tự khích lệ, trong là trọn hết hiếu đễ, ngoài là thực hành nhân từ, lại còn dùng Phật pháp để nương về, ắt sẽ có thể làm khuôn mẫu cho cõi đời, may mắn chi hơn? Hãy nên khéo dạy dỗ nó, đừng bắt chước con người hiện thời tự hãm con cái trong biển tội. Những kẻ ấy [tưởng cưng chiều như thế] mới là ta yêu thương con cái, yêu con mà còn quá giết con, đến nỗi chúng đua nhau dấy lên giết cha, giết mẹ, đó đều là vì cha mẹ chúng chẳng biết chỉ dạy mà ra!

Ông là người trông nom Thành Đô, từ nay hãy nên thật sự mong muốn lợi người, đừng chấp chết cứng những quy củ đã định. Như hai lần trước ông tổ chức pháp hội cứu quốc, Quang khôn ngăn đau lòng: Bỏ đơn giản để cầu lấy rườm rà, bỏ dễ dàng cầu lấy khó khăn, bỏ chuyện chẳng tốn kém để làm chuyện hao phí lớn lao, rốt cuộc người đến tụng niệm trong pháp hội chỉ lèo tèo, chẳng phải là tạo lợi ích nhỏ nhoi, bé tẹo hay không? Năm nay có một cô bé chín tuổi bị bệnh do oán nghiệp hơn cả năm, thuốc Tàu, thuốc Tây đều chẳng thấy công hiệu gì; Quang dạy cô bé niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, uống nước Đại Bi và [dùng nước Đại

---

[41] Nhân Vương Kinh có tên đầy đủ là Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Ba La Mật Kinh do ngài Cưu Ma La Thập dịch gồm 2 quyển, 8 phẩm. Trong kinh này, đức Phật dạy quốc vương của 16 nước tại Ấn Độ thời ấy cách bảo vệ, gìn giữ Phật quả, hạnh Thập Địa cũng như nhân duyên bảo vệ đất nước. Đức Phật cũng dạy: Do thọ trì kinh này sẽ có thể tiêu trừ tai nạn, được phước. Kinh này cùng với kinh Pháp Hoa và kinh Kim Quang Minh, hợp thành Hộ Quốc Tam Kinh. Theo truyền thống, khi cử hành pháp hội Hộ Quốc, thường đọc tụng ba kinh ấy. Kinh này còn có bản dịch khác mang tựa đề Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh (thường gọi là Tân Dịch Nhân Vương Kinh) do ngài Bất Không dịch. Kinh này được chú giải rất nhiều, nổi tiếng nhất là các bản Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Kinh Sớ (do tổ Trí Khải giảng, Quán Đảnh ghi), Nhân Vương Bát Nhã Kinh Sớ của ngài Cát Tạng, Nhân Vương Kinh Sớ của ngài Viên Trắc…

Bi] để rửa chỗ đau, hơn một tuần liền khỏi bệnh. Một bé trai mười một tuổi cũng giống như thế. Làm Phật sự trong thời tai nạn cấp bách lớn lao thì càng giản tiện càng hữu ích. Vì thế, mới nói *"lành bệnh chẳng cần phải dùng nhiều thuốc đến nỗi phải dùng lừa, lạc đà để chở, để cứu ngặt mà vẫn cần đến toa thuốc phải tìm các dược liệu ngoài biển cả"*. Ông có biết hay chăng? *(Viết dưới đèn vào ngày Mười Một tháng Mười Một)*

245. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi hai)

Hôm qua nhận được bài văn Phổ Cáo (thưa bày rộng khắp) của ông, từ lẫn lý đều châu đáo, điều đáng tiếc là chẳng biết sự vụ. Đang trong lúc đại kiếp đối đầu này, chỉ dựa vào một vị Tăng người Ấn Độ, mấy trăm vị hòa thượng, tụng Lăng Nghiêm, Đại Bi mà có thể ngưng dứt được đại kiếp hay sao? Sao không phổ cáo cả thành, cả ấp, cả phủ, cả nước, trọn hết thảy mọi người hằng ngày thường chí thành niệm Quán Thế Âm Bồ Tát để tiêu diệt đại kiếp này? Dùng tấm lòng khẩn thiết chí thành để soạn một bài văn trong sáng, rõ ràng, buồn khóc ứa lệ, khẩn khoản bảo ban. Ai nấy đều có tâm, ắt mọi người sẽ cùng nhau phát khởi, xoay vần khuyên bảo lẫn nhau thì tiếng niệm Quán Âm và niệm Phật sẽ vang dội hư không. Dẫu chẳng thể diệt được [đại kiếp, thì tai ương] cũng sẽ chẳng đến nỗi quá đáng!

Mười mấy năm trước đây, một vị cư sĩ ở Xuyên Trung đề xướng trì chú Lăng Nghiêm để cứu quốc dứt tai họa. Ông ta vì những người chẳng thể niệm chú mà in chú [Lăng Nghiêm] thành một quyển sách nhỏ, bảo họ đeo trên thân, treo trên đầu cửa, thờ ở trong nhà, tốn kém cũng khá bộn; chẳng biết dạy hết thảy mọi người niệm Quán Thế Âm sẽ chẳng cần phải tốn tiền mà hết thảy già - trẻ - trai - gái đều gieo thiện căn không chi lớn bằng! Ông ta gởi chương trình ấy và một quyển chú nhỏ đến Phổ Đà, lúc ấy đã cận ngày rồi, dẫu viết thư gởi đi ngay vẫn chẳng kịp, Quang chỉ than thở, cảm thương mà thôi, chẳng gởi thư cho ông ta nữa!

Năm nay, Xuyên Trung lại lập ra hội ấy *(hoặc là trong năm ngoái, tôi không nhớ rõ)*, lại noi theo thể lệ trước đây; lần này chẳng biết do ai đề xướng mà cũng chẳng phải do hội ấy gởi thư ra. Vì thế cũng chỉ đành cười khan mà thôi! Lời ông nói [trong thư] hôm qua cũng vẫn chưa thấy được điều này. Đấy chính là bỏ chuyện giản tiện ai cũng có thể làm được để chỉ mong một vị Tăng Ấn Độ và hơn năm trăm vị hòa thượng tiêu trừ đại kiếp này. Không phải là tôi nói vị Tăng Ấn Độ và chư vị hòa thượng chẳng thể tiêu trừ [đại kiếp] được mà là [than thở] sao ông nỡ làm cho hết thảy những người đang hứng chịu tai nạn chẳng được gieo thiện căn

sâu đậm? Do vậy người làm chuyện lớn mà chẳng tính đến những điều nhỏ nhặt, rốt cuộc sẽ hết sức bày vẽ phô trương, chẳng hề chú ý đến chuyện thành thật thực hiện rộng khắp.

Quang một mực chẳng ưa lắm chuyện, trong Một Lá Thư Trả Lời Khắp đã chỉ rõ từng điều. Muốn diệt đại kiếp, sao không chọn lấy một điều [đã được đề nghị trong lá thư ấy], khuyên khắp hết thảy những người cùng hàng đều niệm Quán Thế Âm vậy? Ngoại trừ những kẻ chẳng phát tâm ra, dẫu là đứa trẻ lên ba cũng niệm Quán Âm được! Niệm chú Lăng Nghiêm thì trong vạn người chỉ một hai người niệm được mà thôi![42] Niệm Quán Âm chẳng tốn công mảy may, cũng chẳng phải tốn kém gì, còn niệm Lăng Nghiêm thì chẳng tốn đến mấy ngàn đồng sẽ chẳng thể xong việc được! Người bề trên của dân làm chuyện gì cũng phải lo toan đến điều này thì tuy là cùng làm chuyện giống nhau mà lợi ích thật sự lại khác biệt vời vợi! *(Ngày Mười Bốn tháng Mười Một*)

246. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi ba)

Ông không dư dả lắm, sao lại gởi tiền cho Quang? Vào mùa Xuân đã từ Trùng Khánh gởi món tiền năm mươi đồng tới Hoằng Hóa Xã, người chuyển tiền chẳng hề nói rõ, Hoằng Hóa Xã cũng chẳng đi hỏi, liền gởi thư sang Trùng Khánh, hơn một tháng cũng chưa thấy thư gởi đến. Về sau, qua thư của sư Đức Sâm, hỏi Hoằng Hóa Xã mới biết tiền đã gởi đến hơn một tháng rồi. Gởi vật gì đi đường xa, cần phải ghi chú rõ ràng.

Bộ Trung Quốc Chánh Giáo Lược Nghĩa ông mới gởi gần đây rất hay, nhưng muốn làm theo pháp tắc của bậc thánh hiền thuở xưa thì trước hết phải chỉ rõ cái họa [Tống Nho toan tính] bảo vệ đạo mà làm hại đạo trong đời sau. Giống như chữa bệnh, chẳng trừ chất tà độc mà liền bồi bổ ngay, sẽ đâm ra trở thành họa hại! Đang trong lúc đại kiếp đối đầu này, muốn mưu tính bình trị, yên ổn cho thiên hạ đời sau mà vẫn úy kỵ, chẳng dám nói đến điều tệ của bậc tiên triết[43], thì nếu bậc tiên triết biết được sẽ đau đớn khóc ròng, tiếng rền cả đại thiên! Quang một mực chấp nhận lý, chẳng nể tình. Đang trong thời buổi này, vẫn chẳng dám chỉ ra bài xích nhân quả luân hồi là sai trái mà toan khôi phục [đường lối

---

[42] Do chú Lăng Nghiêm khá dài, âm vận trúc trắc, những chữ Hán dùng để phiên âm lại rất phức tạp, người ít học sẽ không thể nhận được mặt chữ nên Tổ mới nói *"trong vạn người chỉ một hai người niệm được mà thôi"*.

[43] Chỉ những người khai sáng môn Lý Học (Tống Nho) như Châu Hy, Trình Di, Trình Hạo v.v…

giữ cho nước nhà] bình yên tột bậc của cổ thánh thì sẽ thành *"muốn sang đất Việt, lại xoay càng xe về phía Bắc"*[44], Quang trọn chẳng cho là đúng! *(Ngày Hai Mươi Ba tháng Năm)*

247. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi bốn)

Hai lần gởi thư theo đường tàu [Quang đều nhận được], nhưng vì bận bịu với việc của người khác nên chẳng thể trả lời liền! Công khóa ông đã lập chẳng có điều gì không nên. Ngay hôm sau bữa nhận được thư của ông gởi đến lần thứ hai bằng đường tàu, tôi đã gởi bài huấn từ tại trường nữ sinh và thư của ông cho Nhiếp Vân Đài rồi, đừng lo.

Đạo lý của Mật Tông chẳng thể nghĩ bàn, nhưng người truyền Mật Tông, kẻ học Mật Tông hiện thời ai nấy đều coi trọng thần thông, chẳng khỏi đánh mất ý chỉ căn bản! Người truyền còn chưa có thần thông thật sự, kẻ học có ai thật sự đắc thần thông? Nặc Na đến chùa Thái Bình ở Thượng Hải giảng Mật Tông cũng chú trọng vãng sanh Tây Phương, nhưng trì A Di Đà Trường Thọ Đà La Ni, hễ mở được đỉnh thóp[45] bèn có thể tùy ý trường thọ hoặc vãng sanh ngay. Lời lẽ ấy há nên nhất loạt [áp dụng cho mọi người được]. Đừng nói là ông với tôi chẳng thể, ngay cả Nặc Na cũng chẳng thể tùy ý vãng sanh! Một đệ tử đem chuyện này hỏi Quang, Quang đáp: *"Sự lý này đích xác là có, nhưng chẳng thể nói là ai cũng đều có thể [tùy ý] vãng sanh được! Cần biết rằng tông chỉ trọng yếu của Mật Tông là Tam Nghiệp Tương Ứng!"* Nếu tam nghiệp tương ứng đã lâu, sẽ có thể thuận theo lòng mong muốn. Kẻ chưa đạt đến mức tâm không, mà lại lầm lạc mong muốn đạt được [cảnh giới ấy], chắc sẽ bị ma dựa! Trong Mật Tông, điều này rất quan trọng! *(Ngày Hai Mươi Tám tháng Chín)*

248. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi lăm)

---

[44] Nguyên văn *"bắc viên thích việt"* (xoay càng xe theo hướng Bắc để đi sang đất Việt). Đất Việt (nước Việt của Câu Tiễn thời Chiến Quốc) ở phương Nam Trung Hoa, Viên (轅) chính là hai cái càng xe thường dùng để thắng ngựa. Muốn đi sang nước Việt ở phương Nam mà lại quay càng xe hướng về phía Bắc thì không thể nào tới đất Việt được!

[45] Nguyên văn *"khai song môn"* (開囪門: mở đỉnh thóp). Đỉnh thóp đôi khi còn gọi là "mỏ ác". Mật Tông Tây Tạng đề xướng một phương pháp tu luyện theo đó họ sẽ mở được huyệt tại đỉnh thóp để chuyển thần thức tùy ý tự tại sanh về chỗ nào theo ý muốn (thường được biết dưới tên gọi là pháp tu Ph'owa).

Đang trong thuở thời cuộc nguy hiểm này, ông chỉ chuộng giữ cảnh yên lặng; nếu vạn phần chẳng thể giữ được lại trốn đi xa! Nếu coi thường rồi vọng động, hễ rời khỏi nhà thì một nửa gia nghiệp đã thuộc về người khác! Muốn quay về để chỉnh đốn hòng được như cũ, sẽ khó như lên trời! Ông nói đến chuyện vị Tăng ở Xuyên Trung nghe mạch niệm Phật[46] thì trong năm Dân Quốc 17 (1928), đồ đệ ông ta đã đem văn và kệ do thầy mình viết đến chùa Thái Bình, cậy Quang sửa chữa hòng lưu thông, lại cậy Quang viết lời tựa. Quang đọc xong, bảo: "Thầy ông quả thật có sở ngộ, nhưng do không hiểu rõ tông chỉ của Thiền và Tịnh, coi Thiền là Tịnh, tưởng Tịnh là Thiền, khiến cho người niệm Phật chẳng dốc sức nơi tín nguyện mà dốc sức nơi tham cứu. Dẫu có sở ngộ, nhưng vì không có tín nguyện, sẽ chẳng thể cậy vào Phật lực vãng sanh Tây Phương. Do chưa đoạn Hoặc nên chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh thoát tử. Ông muốn lưu thông, tôi chẳng dám đả phá. Ông hãy tự làm đi, tôi cũng chẳng dám sửa chữa, gọt giũa, cũng chẳng viết lời tựa. Ông in ra cũng không cần gởi cho tôi. Tôi cũng chẳng chịu biếu tặng sách giùm cho ông". Người ấy liền bỏ đi, bảo Đại Trung Thư Cục in ra mấy ngàn cuốn. Chẳng nhớ tên đặt trước khi in là gì, ông chủ Đại Trung Thư Cục gởi cho Quang hai cuốn, thấy tựa đề là Thiền Tịnh Ngôn Hạnh Lục. Quá nửa cuốn sách là kệ, tợ hồ có đạo lý, nhưng đều là tông chỉ lẫn lộn, cũng có thể khiến cho người vô tri gieo thiện căn mà cũng có thể khiến cho người thật sự tu Tịnh Độ vứt bỏ tín nguyện. Loại sách ấy Quang chẳng chịu can dự vào.

Ở Xuyên Trung thường xuất hiện những kẻ kỳ lạ! Có người họ Lưu nọ quy y với pháp sư Bảo Nhất, trong am của sư Bảo Nhất có hai vị nữ cư sĩ người Hồ Nam. Họ Lưu ngụy tạo cuốn Tự Tri Lục đem in thạch bản bao nhiêu đó cuốn để tặng cho người khác, chuyên môn đem cảnh giới chứng đắc chẳng thể nghĩ bàn của bậc đại Bồ Tát gán ghép thành cảnh giới từng trải của hai phụ nữ ấy. Ý người ấy muốn do đây sẽ nâng cao tiếng tăm, giá trị của thầy mình, sư Bảo Nhất cũng phê vào đầu sách chấp thuận lưu thông. Có ông Đinh X… gởi sách ấy cho Quang, cậy Quang phê bình cặn kẽ, viết lời tựa. Quang đọc xong, nói: "Muôn phần chớ nên lưu thông sách này. Tuy không phải là lời lẽ ngoại đạo, nhưng chuyên nói đến cảnh giới do chính mình đạt được, trọn chẳng nói dụng công như thế nào. Kẻ sơ tâm hễ đọc tới đều mong mỏi cảnh giới ấy, ắt sẽ bị ma dựa! Các bà ấy đã đạt cảnh giới như vậy, sao chẳng biết sẽ gây

[46] Vị Tăng này đề xướng cách chú ý đến mạch máu đập mà niệm Phật, tức là hễ mạch nhảy một cái liền niệm Phật một tiếng.

lầm lạc cho người khác ư? Xin hãy đốt sạch đi, đừng tặng cho người khác!”

Thời cuộc hiện thời nguy hiểm, chẳng cần phải chú trọng chuyên tổ chức Quán Âm Thất. Cố nhiên không phải là chẳng nên đả thất, nhưng hãy làm cho già - trẻ - trai - gái ở Thành Đô hằng ngày thường niệm thánh hiệu Quán Âm để mong được ngầm gia bị, ngõ hầu tiêu diệt được ngọn lửa thổ phỉ. Đề xướng vào lúc này, ắt người ta tin theo. Nếu mọi người đều vì sợ chết mà chịu niệm thì sẽ có hiệu quả lớn lao. Nếu chỉ chú trọng đả thất, thì chỉ có một số ít người làm được. Nếu bảo nhân dân ai nấy thường niệm thì lợi ích lớn lắm! Những kẻ chẳng biết thời thế, hở ra là noi theo lối cổ, chẳng biết theo thời thế mà chế định điều gì nên làm, tùy phần, tùy sức lập cách, cho nên tốn sức nhiều mà đạt được lợi ích ít ỏi! *(Ngày Mười Sáu tháng Chín)*

249. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi sáu)

Chỉ Quy Tịnh Độ chính là sách Thiền chẳng ra Thiền, Tịnh không ra Tịnh, cũng có thể khiến cho người không có tín tâm gieo thiện căn, mà cũng có thể làm cho người thật sự niệm Phật vứt bỏ tín nguyện. Thiện căn được gieo trong tương lai, nhưng tín nguyện bị vứt bỏ là trong hiện tại. Người có đầy đủ con mắt quyết chẳng lưu thông! Tác giả đã tự xưng là Thiền - Tịnh mà chẳng chịu y theo tông chỉ chân thật của Tịnh Độ, đáng than tột bậc! Những kẻ đề xướng Tịnh Độ hiện thời phần nhiều mang thứ tri kiến ấy, rất sợ người khác bảo mình chẳng hiểu Thiền, đến nỗi trở thành kết quả mất sạch lợi ích thật sự cả Thiền lẫn Tịnh! *(Ngày mồng Tám tháng Chín)*

250. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi bảy)

Hai bức thư tôi đều nhận được cả, đừng lo. Trước khi viết phiếu gởi Nga Mi Chí, tôi phỏng đoán mỗi gói là năm bộ, do tính gởi một trăm bộ về núi Nga Mi, nên ghi là hai mươi gói. Về sau do sách nặng, mỗi gói chỉ có bốn bộ. Một trăm bộ dành cho núi Nga Mi còn thiếu hai mươi bộ. Vì thế, lại bảo gởi năm gói nữa cho đủ số một trăm. Ngoài ra đều chẳng cần gởi thêm nữa. Hơn nữa, bức hình Phật do ông Vương Kính Hồ vẽ, trước đây đã gởi cho hãng ngoại quốc Nghĩa Tỷ của ông Vương Hiểu Hy và đã gởi thư báo cho Phật Học Xã biết, yêu cầu họ hỏi ý ông ta. Ông ta lại muốn gởi sang núi Nga Mi để kết duyên, nên tôi gởi thẳng sang nhà

ông ở Thành Đô, chắc đã nhận được rồi! Hãy nên bảo người canh cửa, sai người ấy gởi thư báo tin đã nhận được để ông ta khỏi mong ngóng.

Thời Minh, núi Nga Mi chẳng thiếu cao nhân, nhưng tấm bia sắt ở điện Mộc Bì[47] đã được dựng từ thời Gia Tĩnh cho đến nay, thật khiến cho người ta đau lòng. Sư Thánh Khâm ghi chép, đúng là coi mình như lãnh tụ của Tăng chúng toàn quốc, chép lại hết bài văn trên tấm bia sắt, giao cho Vương Hiểu Hy gởi đến; bên cạnh mỗi chữ Triện còn ghi âm theo lối chữ Khải, vẫn chẳng biết đấy là bài văn báng bổ Phật pháp. Vị Tăng đúc tấm bia sắt thuở ấy còn được ghi tên trong huyện chí. Vị Tăng ấy cũng chẳng biết là bài văn ấy báng bổ Phật pháp *(nay nói với ông vì sợ những kẻ vô tri cho là hủy hoại di tích xưa).* Nếu nay hủy được bài văn hủy báng Phật pháp suốt bốn trăm năm ấy thì thật là chuyện vui sướng lớn lao! Vẫn mong ông nói rõ nguyên do với đại chúng núi Nga Mi ngõ hầu những kẻ mù quáng chẳng đến nỗi chê là hủy hoại di tích cổ vậy! *(Ngày Hai Mươi Mốt tháng Giêng)*

251. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi tám)

Nhận được thư hôm qua, khôn ngăn mừng cho nhân dân vùng Quảng An. Những huấn từ dành cho các trường học do ông đã soạn đều khế lý, khế cơ; nhưng nếu để giáo huấn rộng rãi, chớ nên không lấy nhân quả làm tiền đề. Từ khi Trình - Châu bài xích nhân quả trở đi, nhà Nho đều chẳng dám bàn đến nhân quả; một là cố giữ thói xấu hèn "kéo bè tụ đảng những người cùng ý kiến để công kích kẻ khác [ý kiến]", hai là cái tâm lén lút mong ngóng [được tiếng] "thuần Nho", được thờ trong Văn Miếu, đến nỗi trị quốc, trị dân, trị gia, trị tâm, đều không có căn bản! Cái thói phế kinh điển, phế luân thường, giết cha, giết mẹ trong thời gần đây đều do học thuyết bài xích nhân quả tạo thành. Nay thì coi Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, Châu, Khổng đều thua kém người Tây Phương! Há nên sợ bị kẻ cố chấp công kích mà chẳng dám nói ra những thói xấu kết chặt, khiến cho người nghe vẫn chẳng biết được bí quyết thật sự để chữa lành bệnh; há chẳng đáng thương xót lắm ư?

Mồng Tám tháng Tám, pháp sư Đức Sâm rời đất Tô, sang thăm viếng mấy nơi ở Giang Tây *(Cửu Giang, Lô Sơn, Cát An)*, tới ngày Hai Mươi Lăm mới tới đất Cám (tức huyện Cám, tỉnh lỵ Giang Tây). Mẹ

---

[47] Mộc Bì chính là tên cũ của chùa Đại Thừa tại Nga Mi. Do chùa lấy những phiến gỗ để lợp mái nên có tên như vậy. Tấm bia sắt này được dựng gần chùa Đại Thừa, thường được gọi là Cấm Thanh Thiết Bi (bia sắt cấm nói).

thầy ấy vẫn còn khỏe mạnh. Điện Quán Âm chùa Thọ Lượng đã xây xong, có thể sắp xếp Tăng chúng yên cư tu hành được rồi. Ước chừng trước Rằm tháng Mười, chắc thầy ấy sẽ trở về đất Tô. Gần đây, ông Hứa Chỉ Tịnh cũng tới Báo Quốc. Đợi thầy Đức Sâm trở về, Quang sẽ xuất quan, nhưng vẫn ở Báo Quốc. Năm tới, sau khi Cửu Hoa Chí được in ra, sẽ quyết định chuyện đi hay ở. Nay gởi cho ông hai gói Tịnh Độ Ngũ Kinh, mười gói Niệm Phật Khẩn Từ, một gói Hám Sơn Niên Phổ, một gói Viễn Công Văn Sao, mười gói Tọa Hoa Chí Quả, ba gói An Sĩ Toàn Thư, ba gói Quán Âm Tụng, năm gói Tịnh Nghiệp Chỉ Nam, năm gói Nhân Sanh Chỉ Tân, một gói Sức Chung Tân Lương, một gói Liễu Phàm Tứ Huấn, ba gói Gia Ngôn Lục, tổng cộng là bốn mươi lăm gói để giúp cho ý nguyện giáo hóa dân cao cả [của ông] *(Ngày Hai Mươi Mốt tháng Chín).*

252. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ hai mươi chín)

Nhận được hai lá thư, khôn ngăn cảm thán. Công ước Bảo Giáp[48] thật hay; tiếc rằng các Huyện Trưởng trong cả nước chẳng chú ý đến chuyện này. Mồng Bảy tháng này, thầy Đức Sâm đã trở về. Đầu tháng Chín, ông Hứa Chỉ Tịnh tới đây. Thầy Minh Đạo bị bệnh đã lâu, đã qua đời vào hai giờ rưỡi sáng ngày Mười Chín tháng này. Ngày Hai Mươi Mốt chuyển linh cữu tới Linh Nham, ngày Hai Mươi Lăm đưa đi hỏa thiêu, đưa tro vào tháp Phổ Đồng chùa Linh Nham. Đã nhận được sáu mươi đồng rồi, sẽ dùng làm chi phí ấn tống kinh sách. Lần này nếu có đại họa, quả thật Quang chẳng có ý nghĩ dời chuyển, vì già bệnh sợ lạnh, chẳng thể dời chuyển. Đừng nói chi Quang chẳng dời chuyển, ngay cả thầy Đức Sâm, ông Hứa cũng chẳng dời chuyển. Vì nếu Quang ra đi, chùa Báo Quốc liền bị bỏ hoang, không có người duy trì. Huống chi mấy chục vạn người ở Tô Châu đều chẳng bỏ đi, sao tăng đồ chúng ta lại sợ chết bỏ đi, càng gây thêm kinh hoảng lớn lao cho người đất Tô!

Năm Dân Quốc 21 (1932), Tô Châu cũng gặp nguy, mười phần hết bảy phần bỏ đi, vẫn có người nhất quyết không bỏ đi. Phàm những người lánh nạn đều gặp nạn cướp bóc, còn người chẳng lánh nạn lại an nhiên

---

[48] Từ năm 1930, chánh quyền Dân Quốc tại Nam Kinh đã quy định tổ chức hệ thống Bảo Giáp: Cứ mười nhà là một Giáp (甲), mười Giáp là một Bảo (保), mười Bảo là một Hương (鄉 hay Trấn 鎮). Những quy định chặt chẽ về trị an, tổ chức, giám sát trong mỗi Hương được gọi là Bảo Giáp Công Ước.

không tai ương, hoạn nạn! Có mấy nơi gởi thư mời Quang sang chỗ họ, Quang trả lời: "Nếu gặp nguy hiểm, so ra bị trúng bom chết sẽ tốt đẹp hơn ôm lòng lo lắng sợ hãi bị cướp bóc trên đường đi trong suốt một thời gian dài nhiều lắm". Nếu lần này chiến sự nổ ra, sẽ lấy chuyện "không di chuyển đi đâu cả" để tự giữ mình. Ai nấy đều khó tránh khỏi cái chết; rong ruổi, gian nan, lênh đênh mà chết thì chẳng yên vui bằng ở yên không dời động mà chết! Hiện thời, chuyện Hoằng Hóa Xã đều giao cho Quang đảm nhiệm, tùy phần, tùy sức mà làm, trọn chẳng mong mộ duyên, khuyến hóa rộng rãi khiến người ta đâm chán, dấy lòng ngờ Quang tham tiền! Mong hãy yên lòng đừng lo. Tam giới không yên, chỉ có Tây Phương Cực Lạc là nơi nên dời về. Ngoài ra, không một nơi nào khác đáng để dời về cả! Hiện thời, Quang không xuất quan để bớt bị làm phiền bởi chuyện giảng diễn các nơi. Từ nay về sau, nếu không có chuyện gì quan trọng, đừng nên gởi thư đến nữa để đôi bên khỏi phải nhọc lòng.

253. Thư trả lời cư sĩ Tạ Huệ Lâm (thư thứ ba mươi)

Trước kia, sư Thánh Khâm đến đây cầm theo thư ông và hai mươi đồng, hai chữ "cúng dường" tôi nào dám nhận! Liền gởi cho ông mười mấy gói sách như Khuê Phạm v.v… để mong hữu ích cho quý xứ. Hiện tại, pháp yếu ma mạnh, kẻ thông minh phần nhiều theo về phái của gã X… Hắn ta ôm thành kiến cách mạng, nhưng do chưa nắm được đại quyền nên chưa thể mãn nguyện. Nếu nắm được đại quyền, ắt sẽ lập tức tiến hành đuổi Tăng đoạt tài sản để làm tổ nghiệp vĩnh viễn cho quyến thuộc của hắn. Những ông Tăng bị xua đuổi [ở những nơi] khác sẽ được phân phối về các chùa làm công cụ chống đỡ mặt ngoài cho hắn. Hạng người như vậy há nên cùng bàn bạc, làm việc chung ư? Quang vốn biết chuyện trong pháp môn khó thể duy trì, vì thế chẳng làm chủ chùa miếu, chẳng thâu nhận đồ chúng. Nay đã già rồi, hết thảy mọi chuyện đều chẳng can dự. Do ông chẳng biết nguyên do nên phải nói đại lược. Chuyện ảnh chụp là chuyện nhỏ nhặt nhất trong những chuyện vụn vặt *(hòa thượng Thánh Khâm đã cầm đi rồi),* há nên bảo Thánh Khâm ứng tiền ra trả trước, ông sẽ trả lại [cho thầy ấy] sau? Huống chi ông đã gởi tới hai mươi đồng, dẫu Quang hẹp lượng, lẽ đâu lại có cử chỉ chẳng đếm xỉa tình người như thế? Ông nói lời ấy, cũng là chưa suy nghĩ kỹ càng đó thôi! Khiêm tốn quá đáng thì cũng gần như hủy báng vậy. Đối với hết thảy mọi người hãy đều nên hồn hậu, đừng làm như thế!

254. Thư trả lời cư sĩ Quách Hán Nho (thư thứ nhất)

Phật pháp mênh mông, phàm phu sát đất muốn liễu sanh thoát tử trong đời này, trừ tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương ra, chẳng có pháp nào khác có thể thỏa được nguyện ấy. Cõi đời có bao nhiêu kẻ thông minh đặc biệt thông đạt chuyên lấy việc nghiên cứu kinh luận Đại Thừa làm chí hướng, sự nghiệp; nhưng đối với pháp giản tiện, viên đốn nhất này lại ngược ngạo xem là pháp thiển cận, chẳng chịu tu tập. Ấy là vì họ chỉ chú ý nơi Lý Tánh sâu mầu, không xét kỹ Phật lực chẳng thể lường được. Vì thế, bỏ Phật lực để cậy vào tự lực, tự phụ là đại thông gia, rốt cuộc đến nỗi chỉ được cái Danh, hiếm khi được cái Thật! Đâm ra nhường cho kẻ ngu phu ngu phụ vô tri vô thức vượt ngang ra khỏi ba cõi, cao đăng chín phẩm sen; còn chính mình vẫn tự trầm luân trong biển khổ sanh tử không thoát khỏi được, há chẳng đáng buồn lắm ư? Ấy là căn bệnh chung của đại đa số người học Phật trong thế gian này!

Quang túc nghiệp sâu nặng, sanh ra mới được sáu tháng liền mắc bệnh mắt. Suốt cả sáu tháng không mở được mắt, trừ lúc ăn, ngủ ra, thường khóc suốt ngày đêm. Do nhân duyên ấy, mắt chẳng bằng người khác. Sau này xuất gia, được thấy pháp môn Tịnh Độ, liền chuyên tâm nơi một chuyện này. Nếu có ai chẳng coi tôi là hạng tầm thường, ngu dốt thì đều đem những điều này nói với họ. Nếu ai tự phụ là đại thông gia, cũng mặc cho người ấy làm đại thông gia! Ông muốn quy y, hễ có chí mong liễu sanh tử thì được; chứ nếu muốn làm đại thông gia thì chẳng được! Nay đem lầm đáp lạc, đặt cho ông pháp danh là Huệ Dung; nghĩa là nương theo trí huệ của Phật, do nơi pháp môn Tịnh Độ này mà dung hội quán thông hết thảy các pháp, khiến cho hết thảy mọi người từ chỗ giản ước mà nhập đạo để khỏi đến nỗi than thở: *"Ngày đã xế chiều mà đường vẫn còn xa!"*

Nay tôi gởi cho ông mấy loại sách, hãy đọc sẽ biết rõ cội nguồn của pháp môn Tịnh Độ. Tịnh Độ Ngũ Kinh, Thập Yếu phải đặc biệt chú ý! Đối với lời tựa của Quang [viết cho những sách ấy], càng phải nên dốc lòng tin tưởng. Chớ nên vì văn chương không tao nhã, trôi chảy, mà xem thường! Đối với kinh ấy, sách ấy, tin cho tột bậc sẽ đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật, có thể tự lợi, lợi người. Đang trong lúc nguy hiểm khôn lường này, nhằm lúc không có pháp gì cứu được mà bỏ một pháp này thì Phật cũng chẳng thể lập được cách nào khác! Xin hãy đọc kỹ. Quang

mục lực không đủ, xin đừng thường gởi thư đến để khỏi bị nhọc nhằn! *(Ngày Hai Mươi tháng Sáu năm Bính Tý - 1936)*

255. Thư trả lời cư sĩ Quách Hán Nho (thư thứ hai)

Đề xướng Phật học, hãy nên lấy "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành" làm gốc. Làm được như thế thì pháp thế gian lẫn pháp xuất thế đều chẳng trái nghịch. Nếu không, đối với Danh Giáo còn là tội nhân, nào kham học Phật để mong liễu sanh thoát tử ư? *"Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện"*; đấy chính là giới đại lược trong giới kinh nhà Phật. Văn Xương Âm Chất Văn trích dẫn câu này; người ta chỉ biết Âm Chất Văn có câu này, chẳng biết lai lịch của nó sâu xa như thế! Điều phải nên chú trọng của người học Phật trong đời Mạt là biết nhân quả và tu Tịnh Độ. Bởi lẽ, biết nhân quả sẽ chẳng dám lừa mình, dối người, làm chuyện thương thiên, hại lý, tổn người, lợi mình!

Tu Tịnh Độ thì tuy là phàm phu đầy dẫy triền phược vẫn có thể cậy vào Phật từ lực để vãng sanh Tây Phương. Các pháp môn khác đều phải đoạn hết sạch phiền não *(tức Kiến Hoặc và Tư Hoặc trong tam giới)* mới có thể liễu sanh thoát tử. Nếu không, dù đại triệt đại ngộ, có đại trí huệ, đại biện tài, hiểu được quá khứ, vị lai, muốn đi liền đi, muốn tới liền tới, vẫn chẳng thể liễu được, huống là kẻ đầy dẫy phiền não ư? Giảng Tịnh Độ thì phải nói cặn kẽ đạo lý: *"Tịnh Độ là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp, là đạo để hạ phàm lẫn thượng thánh cùng tu. Chúng sanh đời Mạt chẳng biết chẳng tu pháp này thì chỉ gieo được thiện căn trong đời vị lai, trọn khó thể thoát luân hồi trong đời này"* v.v…

Kinh Địa Tạng nói nhân quả khá rõ ràng, rộng rãi; chú giải kinh ấy chỉ có sách Khoa Chú[49] là đáng xem. Dương Châu Tàng Kinh Viện có khắc sách Địa Tạng Khai Mông[50], chẳng đáng xem! Bởi lẽ, nguyên bản đã không hay lắm, lại bị kẻ không thông hiểu sửa chữa nên càng kém hay hơn! Mười mấy năm trước có người tặng bản chú giải kinh ấy cho Quang, Quang bảo kẻ ấy hãy cầm đi vì Quang chẳng dám tặng lại cho người khác. Nay gởi cho ông cuốn Khoa Chú do Quang còn giữ được,

---

[49] Tức bản Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh Khoa Chú do ngài Thanh Liên Linh Kiệt soạn vào đời Khang Hy nhà Thanh.

[50] Tác phẩm này có tên đầy đủ là Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Khai Mông, gồm ba quyển, do sư Thích Phẩm Cam đời Thanh biên soạn. Trong bài Địa Tạng Bồ Tát Thánh Đức Đại Quan, đại sư Hoằng Nhất đã chê tác phẩm Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Khai Mông như sau: *"Rối loạn, hỗn tạp, chẳng đáng để lưu thông"*.

bản này chú giải rất rõ ràng, tường tận. Do chưa đủ để xếp thành một bưu kiện, nên đem bản chú giải Hiếu Kinh do một đệ tử đã tặng cho Quang bỏ thêm vào. Người này học rộng nhưng ham danh, vì thế khi chú giải đã chú trọng diễn giảng cho thật rộng; nhưng dùng sách ấy để làm tài liệu tham khảo thì cũng chẳng phải là vô ích. Còn kèm thêm hai cuốn Tịnh Độ Ngũ Kinh, nếu đọc kỹ hai lời Tựa và lời Bạt của Quang in ở đầu sách và cuối sách thì đề xướng Phật học sẽ chẳng đến nỗi bỏ pháp môn cậy vào Phật lực, đề cao pháp môn cậy vào tự lực vậy!

Lại gởi cho ông một gói Vô Lượng Thọ Kinh Tụng; bài tụng ấy tuy chưa thể hiển lộ triệt để ý nghĩa của kinh, nhưng có thể làm trợ duyên cho kẻ sơ cơ. Thiền sư Đạo Xước[51] đời Tùy suốt đời chuyên hoằng truyền Tịnh Độ, giảng ba kinh Tịnh Độ gần hai trăm lượt, đủ biết trong một năm Ngài giảng bốn năm lượt; chẳng nề hà trùng lặp, chỉ mong ai nấy đều hiểu rõ. Người đời nay ắt chẳng chịu giảng trùng lặp nhiều lần như thế. Cổ nhân lấy lợi người làm gốc, người đời nay lấy cầu danh làm gốc. Nếu chuyên giảng Tịnh Độ, chắc người ta sẽ coi thường. Vì thế, chẳng chịu chuyên tinh dốc sức nơi một pháp! *(Ngày mồng Năm tháng Sáu)*

256. Thư trả lời cư sĩ Thời Nhược

Trước kia, Lận Bá Thao nói ông muốn thỉnh năm mươi bộ Quán Âm Tụng; do vậy, tôi bảo Trung Hoa Thư Cục thay mặt tôi gởi cho ông tám

---

[51] Đạo Xước (562-645) là một vị cao tăng Tịnh Độ, người huyện Vấn Thủy, Tinh Châu (nay thuộc Thái Nguyên, tỉnh Sơn Tây), có thuyết nói Sư là người Tấn Dương, thường được gọi là Tây Hà thiền sư. Sư kế thừa tư tưởng của ngài Đàm Loan, được coi là người có công khai phá tông Tịnh Độ đầu đời Tùy-Đường. Xuất gia năm mười bốn tuổi, học rộng các kinh luận, đặc biệt yêu thích kinh Đại Niết Bàn, được coi là một học giả hàng đầu về kinh Niết Bàn thời ấy. Sư từng giảng kinh Niết Bàn đến hai mươi bốn lượt. Sau Sư về trụ trì chùa Huyền Trung (do ngài Đàm Loan sáng lập). Năm Đại Nghiệp thứ năm (609) nhân đọc bài văn bia về ngài Đàm Loan ở trong chùa bèn cảm kích, phát tâm chuyên tu và hoằng dương Tịnh Độ. Từ đó cho đến khi mất, mỗi ngày Sư niệm Phật bảy vạn câu. Riêng kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, Sư từng giảng hơn hai trăm lần, chủ trương bất luận tại gia hay xuất gia đều nên lấy Niệm Phật làm pháp tu chủ yếu. Sư cũng đề ra cách dùng hạt đậu để nhớ số câu niệm Phật, khởi đầu truyền thống dùng xâu chuỗi để nhớ số câu niệm Phật. Năm Trinh Quán thứ ba (609), biết đã đến lúc vãng sanh, Sư thông báo cho đồ chúng vân tập. Khi mọi người đã đến đầy đủ, chợt đại chúng thấy ngài Đàm Loan hiện thân, cho biết Sư dư báo chưa hết. Đến năm 70 tuổi, Sư mọc răng mới. Đường Thái Tông nghe tin, đích thân ngự giá chiêm ngưỡng, ban tặng Sư nhiều thứ quý báu. Sư thị tịch vào năm sau, diện mạo tươi nhuận, thần trí sáng suốt, giảng diễn Tịnh nghiệp thao thao, ý nghĩa sâu thẳm. Môn nhân nổi tiếng có những vị Thiện Đạo, Đạo Phủ, Tăng Diên, Đạo Ngân v.v… Sư còn để lại các tác phẩm như Tịnh Độ Luận, An Lạc Tập v.v…

gói, tức là năm mươi sáu bộ. Sau đấy, do đường bưu điện không thông, hoặc sách bị trở ngại [vì nhà in] không giao ra, hoặc bị chậm trễ giữa đường, nay chắc ông đã nhận được rồi. Ba bốn ngày hôm trước, [Lận] Bá Thao tới đây, giao món tiền ba mươi mấy đồng – trong chốc lát tôi không nhớ rõ, sợ là ba mươi sáu đồng – nói hai mươi đồng dùng để thỉnh Quán Âm Tụng. Cứ một trăm bộ Quán Âm Tụng là ba mươi bốn đồng. Mỗi gói sách đều được thư cục gởi bảo đảm, như vậy thì [tốn thêm] hai cắc để ngừa trường hợp người giao sách làm ăn cẩu thả, không gởi bảo đảm thì không xong! Hết sạch hai mươi đồng rồi.

Hôm nay gởi cho ông Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, Thọ Khang Bảo Giám, Học Phật Thiển Thuyết, Di Đà Kinh Bạch Thoại Giải, Khuê Phạm, Cảm Ứng Thiên Trực Giảng v.v… Tổng cộng mười ba gói, cũng chẳng cần phải tính tiền là bao nhiêu. Do Quang thấy người đất Tần suốt mấy năm qua do đường bưu điện bị cách trở chẳng thể gởi sách để người quê tôi được nghe Phật pháp, thật là một điều áy náy lớn lao! Gia Ngôn Lục đã hết, vì thế chỉ gởi được một hai cuốn; đợi đến lần in thứ hai vào tháng Mười Một hoặc lần in thứ ba vào tháng Chạp tôi sẽ gởi thêm mấy gói nữa.

Năm ngoái, ông đã cậy [Lận] Bá Thao chuyển thư xin quy y, [thư ấy tôi] chưa nhận được; nay viết bổ sung pháp danh là Huệ Thái. Ấy là vì hễ thời gian thuận tiện, xuông xẻ thì là điềm tốt lành. “Thái” (泰) là nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận, phước dầy. Phàm muốn học Phật, ắt phải học thành bậc hiền thiện trước đã. Nếu chẳng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì vẫn là tội nhân trong thế gian! Ví như kẻ ghẻ chốc, lở lói, làm sao hầu hạ Thiên Đế cho được? Vì vậy, trước hết phải lập nền tảng từ luân thường để làm cái gốc học Phật. Xin hãy đọc kỹ Văn Sao, Gia Ngôn Lục thì hết thảy những cách tự lợi, lợi người sẽ đều có thể biết rõ!

257. Thư trả lời cư sĩ Lương Huệ Đống

Quang nay đã già cả, tinh thần chẳng đủ, lại còn ba bộ Sơn Chí phải cấp bách sửa chữa không thể trì hoãn được, nên đã sớm cự tuyệt hết thảy. Do ông có lòng Thành nên viết đại lược cho ông mấy câu. Đặt pháp danh cho em trai ông và Hà Ánh Tây. Lương Trụ pháp danh là Huệ Trụ, Hà Ánh Tây pháp danh là Huệ Tây, nghĩa là lập chí dốc lòng tu trì pháp môn Tịnh Độ tự lợi, lợi tha, giống như trụ chống trời, như vầng trăng

sáng ngời trời Tây vậy. Những điều khác đã nói tường tận trong Một Lá Thư Trả Lời Khắp. Từ nay về sau đừng gởi thư tới nữa, có gởi cũng không trả lời *(Ngày Hai Mươi Lăm tháng Bảy).*

258. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ nhất)

Xem bài thơ bà đã làm, thanh điệu, ý tưởng quả thật chẳng kém cổ nhân, nhưng chỉ là thơ của thi nhân, nỗi niềm tình tự sầu oán, tợ hồ mang hơi hướng của kẻ trọn chưa hề nghe đạo! Nếu [Quang] đề tựa cho [tập thơ] của bà, sẽ trở thành cùng một loại nhân vật như bà. Bà đã có huệ căn ấy, nỡ nào để nó bị tiêu diệt, mòn mỏi bởi bi oán? Hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh. Ta đã có Phật tánh, lại mặc kệ cho phiền não che lấp, trải bao kiếp chẳng tỏ lộ được ư? Hãy nên chuyển nỗi niềm sầu oán ấy thành [nỗi niềm tha thiết] niệm Phật, thì sống sẽ dự vào bậc thánh bậc hiền, khi mất sẽ dự vào Liên Trì hải hội. Nếu thật sự có túc căn sẽ chẳng phụ lời quở trách này của lão tăng!

259. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ hai)

Nhận được thư, tôi khôn ngăn mừng vui, an ủi. Chỉ vì gặp đúng dịp [thiện tín xa gần] lên núi [Phổ Đà] dâng hương, công việc bận bịu, đành chịu lỗi chẳng thể trả lời ngay. Nói chung, người thông minh đa phần đều kiêu ngạo, tự cho mình là đúng, chẳng chịu nghe người khác quở trách. Quang thẹn mình thiếu học vấn, đạo đức, chẳng thể tạo ích lợi mảy may gì cho cõi đời; do vậy chỉ mang ý nguyện "làm hòn đá nơi núi khác", tôi muốn giống như hòn đá mài thô ráp [để mài giũa] vàng ròng tươi đẹp khiến cho [vàng ấy được] trở thành vật báu trong cõi đời. Do vậy, ba lần gặp gỡ, chẳng hề dùng lời khen ngợi để khích lệ bà, chẳng dùng tình cảm thông thường của người đời [để khuyên nhủ], mà chuyên dùng Phật pháp để chỉ dạy. [Lời lẽ trong] thư và lời lẽ trong ba lượt [gặp mặt] đều quở trách khá gay gắt, ngỡ từ nay ắt bà trọn chẳng thèm hỏi tới nữa. Nhưng qua những điều giãi bày trong thư [cho thấy] bà sanh lòng khá cảm kích. Đủ thấy bà là người có túc căn sâu xa, thấy lý rõ ràng, chẳng tự cho mình là đúng, chịu nghe lời tốt lành!

Nếu tận tình buông xuống được tập khí của hạng người có tài năng và thói hư huyễn của Âu Tây, giữ vẹn bổn phận, coi trọng luân thường, tận tụy thực hiện chuyện giáo dục trong gia đình, để hết thảy hàng phụ nữ được ngưỡng vọng khuôn mẫu tốt đẹp. Lại còn sanh lòng tin, phát

nguyện, tự tu Tịnh nghiệp, tự hành, dạy người, ngõ hầu cùng được giải thoát, trở thành bậc mẫu nghi nơi khuê các, là bậc thầy gương mẫu cho nữ giới, thì nước ta được hưng thịnh sẽ là điều chắc chắn. Nhưng lời lẽ của văn nhân phần nhiều là phù phiếm hời hợt; nếu có thể chân thật làm đúng như những điều đã nói trong sách, trong thơ thì những điều Quang kỳ vọng trên đây nhất định sẽ được trở thành sự thật.

"Ham cao, chuộng xa, thấy lạ, nghĩ khác" chính là căn bệnh chung của văn nhân lẫn người học đạo hời hợt, phù phiếm! Cần biết rằng: *"Đạo của Nghiêu - Thuấn chỉ là hiếu - đễ mà thôi. Đạo của Như Lai chỉ là Giới - Định - Huệ mà thôi!"* Dẫu cho vạn thánh, muôn Phật nối tiếp nhau xuất hiện trong cõi đời cũng chẳng thể thay đổi chương trình một tí ti nào! Hiểu rõ điều này, sẽ tự biết những kẻ thấy lạ nghĩ khác đều do trong tâm không có chủ ý, chẳng phải là hạng pháp khí có thể tiếp nhận đạo mà ra! Trong Phật pháp có vô lượng pháp môn. Nếu muốn cậy vào tự lực thì để đạt được chỗ chỉ quy nơi Thiền, Giáo, Luật hay Mật còn chẳng phải là dễ dàng, huống là sẽ do những pháp ấy mà chứng Vô Sanh nhằm liễu sanh tử ư?

Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn thẳng tắt nhất, viên đốn nhất, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, huyền diệu nhất để làm cho khắp hết thảy thánh - phàm cùng được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Nếu chẳng gai mắt vì văn tự của Văn Sao, xin hãy đọc kỹ, thực hành theo. Rồi sau đấy mới đọc các trước thuật về Tịnh Độ của cổ đức thì thế sẽ như chẻ tre, như nước từ nguồn thuận giòng đổ xuống. Ý nghĩa lời thơ của bà thật hay, nhưng muốn khỏi bị chê bai là nói thêu dệt thì cần phải thực hành những sự ấy. Nếu không, nào phải chỉ là nói thêu dệt, mà còn là nói dối, nói đùa bỡn, nói gạt Tam Bảo! Hơn bốn mươi năm Quang chẳng làm thơ nên chẳng thể họa thơ được!

260. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ ba)

Nhận được thư, biết lá thư lần trước vẫn chưa [khiến bà] chán ghét [Quang]. Thư lần này, trừ những lời khen ngợi Bất Huệ quá lố ra, đều là những lời thật tình. Một hơi thở ra không hít vào được sẽ liền thuộc vào đời sau. Lúc ấy dẫu *"tài cao tám đấu, học giàu năm xe"*[52] cũng vô ích!

---

[52] *"Tài cao tám đấu"* (tài cao bát đẩu) là một thành ngữ xuất phát từ câu nói đầy tự phụ về tài văn chương của Tạ Linh Vận đời Nam Tống: *"Tài năng của thiên hạ được một thạch thì Tào Tử Kiến chiếm hết tám đấu, ta chỉ được một đấu, thiên hạ chia nhau một đấu"*. Tạ Linh Vận là một thi gia nổi tiếng đời Nam Tống, lời thơ rất đẹp, được người đương thời tán

Nếu chẳng sớm tu trì Tịnh nghiệp cho kịp, đợi tới lúc ấy mới biết sống uổng cuộc đời này, uổng đem thiện căn đã gieo trong đời trước phí sạch vào những thứ văn tự sáo rỗng, chẳng đáng buồn ư? Pháp môn Tịnh Độ quý nơi thật hành. Nay đã biết [như vậy], hãy nên tùy phần tùy lực mà hành thì mới có lợi ích thật sự.

Nếu chỉ nghiên cứu, chẳng chịu trì thánh hiệu Phật, để mong gần là tiêu trừ nghiệp chướng, tăng phước huệ, xa là thoát tam giới để lên chín phẩm sen, thì vẫn là tập khí của văn nhân. Có tập khí ấy mà muốn đạt được lợi ích chân thật là "liễu sanh tử, chứng Vô Sanh" sẽ thật khó khăn muôn vàn! Nếu có thể phát đại Bồ Đề tâm, trong lúc rảnh rỗi việc công, chuyện tư, hãy thật hành hạnh chất phác niệm Phật của ngu phu, ngu phụ, thì [những chuyện như] "trong tương lai sẽ là bậc mẫu nghi chốn khuê các, là bậc thầy gương mẫu cho nữ giới và dự hội Liên Trì, đích thân được đức Phật thọ ký" đều có thể đạt được. Xin hãy dốc hết sức nơi thân để thực hiện chẳng bê trễ [những hạnh ấy], chẳng dám cố ý làm trò đùa bỡn kẻo mắc tội với Tam Bảo. Thường nhớ chẳng quên [những điều như thế] thì may mắn lắm thay! Từ nay về sau đừng gởi thư đến nữa; ước chừng sau một tháng rưỡi nữa Quang sẽ sang Thượng Hải.

261. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ tư)

Lúc bà gặp Quang vào năm Dân Quốc 16 (1927), Quang mừng vì bà khá thông suốt, có trí huệ, lại có thể tiếp nhận được lời chỉ trích của người khác, nên vẫn thường mong bà sẽ là người hướng dẫn tốt lành cho nữ giới đất Chiết Giang. Sau này trọn chẳng nghe tin tức gì, Quang cho rằng do không có người nhắc nhở, duy trì, thiện căn đã phát khởi tại Phổ Đà lại bị tiêu diệt rồi. Nhưng Quang cũng chẳng muốn đa sự, ép kẻ khác làm chuyện họ không muốn. Đến khi đọc tập thơ của bà, ý tứ hoàn toàn chẳng tương ứng với đạo ấy! Do vậy, mới khơi gợi, dẫn dắt đại lược; về

---

thưởng, đua nhau sưu tập. Ông còn rất giỏi thư pháp, nên thơ và chữ viết của ông được xưng tụng là Nhị Bảo thời ấy. Tào Tử Kiến chính là Tào Thực, con trai thứ của Tào Tháo, là một thi nhân lừng danh thời Tam Quốc, được xưng tụng là *"thất bộ thành thi"* (chỉ trong bảy bước chân đã làm xong thơ).

"Học giàu năm xe" (học phú ngũ xa) là một thành ngữ xuất phát từ một câu nói trong phần Thiên Hạ trong thiên Tạp Biên sách Trang Tử: *"Huệ Thi hữu phương, kỳ thư ngũ xa"* (Huệ Thi hiểu rộng, sách đến năm xe). Huệ Thi là một nhà triết học thời Chiến Quốc, nổi tiếng học rộng, thông thạo rất nhiều lãnh vực. Do thời cổ, chưa có giấy, sách được viết trên những thẻ tre nên phải dùng xe để chở.

Cả hai thành ngữ này thường được ghép chung để ca ngợi người vừa có tài văn chương vừa học rộng.

sau thấy thư trả lời của bà, thật an ủi, thỏa lòng. Do vậy, biết rằng: Nhập đạo đều có thời tiết, nhân duyên!

Tờ Hoằng Pháp Xã San do bà đã gởi, vì bận bịu chẳng rảnh rỗi, nên chỉ xem những truyện của bà họ Tăng, bà tiết phụ họ Khổng và bà X… nọ cùng với bài Bát Thức Tứ Tân Chủ Tụng. Văn lẫn ý đều hay, nhưng câu chữ trong nhà Thiền đều "ý nằm ngoài lời". Những câu văn trong bài Tứ Tân Chủ tợ hồ có ý nghĩa, văn nhân thông minh có thể mô phỏng. Nếu là lời vô nghĩa hoặc ý nghĩa tối tăm để đáp cho phù hợp với căn cơ [của người hỏi đạo], chắc chắn [người đọc sách Thiền] chẳng thể dựa theo ý nghĩa của lời văn để hiểu được! Nếu thật sự có sở ngộ, sẽ chẳng ngại gì đề xướng, nêu tỏ. Nếu chỉ cậy thông minh rồi mô phỏng thì chớ nên viết bừa bãi như thế. Điều này rất khác xa với Giáo, phải thận trọng tột bậc! Nếu thật sự niệm đến mức nhất tâm bất loạn thì cũng có thể nhanh chóng hiểu được ý chỉ ấy. Nếu chưa thật sự biết, chớ nên hàm hồ, mạo nhận là bậc thông gia. Do con người gần đây thường ưa trộm tiếng nên Quang rất không muốn người khác do vậy mà mắc tội; cho nên mới nói với bà!

262. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ năm)

Buổi chiều tôi nhận được một gói Hải Âu Tập, nhân tiện bèn đọc đề mục. Bài này cũng đã đăng trên tờ Hoằng Pháp Xã San của pháp sư Bảo Tịnh rồi. Phần luận về Tần Thủy Hoàng có phần quá kịch liệt, rất trái với Trung Đạo. Phần ca ngợi tài năng của Tần Thủy Hoàng có thể gọi là "tinh mắt"; nhưng hoàn toàn suy tôn Tần Thủy Hoàng, xem chuyện đốt sách chôn Nho sĩ là bản lãnh lớn thì đã nói quá lời! Hắn ta muốn ngu dân nên đốt sách, chứ đâu phải vì sợ tà thuyết lừa gạt dân mà đốt sách! Nếu phàm là những tà thuyết đều đốt đi thì sẽ có công; đằng này hắn lại đốt những sách luận về chánh trị, đạo đức. Do hắn coi kinh Dịch là sách bói toán nên không xếp vào loại sách bị đốt.

Thánh nhân nắm địa vị, người lành chấp chánh, kẻ ác sẽ bị cảm hóa theo. Hắn đem chôn những người chẳng hùa theo mình, chỗ này há nên đề cao ca ngợi, còn hận chẳng thể chôn sạch hết ư? Cư sĩ tài lực có thừa, nhưng hàm dưỡng chưa đủ, chỉ mong sướng miệng một chốc, trọn biến thành kẻ cuồng chẳng đoái hoài tới chuyện gây lầm lạc cho kẻ vô tri. Quang là kẻ sẽ chết trong sớm - tối, vô ích cho đời, chỉ vì cư sĩ túc căn sâu dầy nên tôi đặc biệt rèn giũa. Chẳng biết cư sĩ có nghĩ như vậy là đúng hay chăng?

263. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ sáu)

Người thông minh trong thế gian thường tự phụ thông minh, chẳng chịu trống lòng tiếp nhận người khác chỉ trích. Bà túc căn sâu dầy, quả thật là nền tảng để tăng tiến đức hạnh. Đọc thư bà khôn ngăn khâm phục. Những lời lẽ trong nhà Thiền đừng nói là chưa ngộ; dẫu ngộ mà chẳng khéo biết căn cơ đến nỗi gây lầm lạc cho người ta thì quả thật là tự mình chuốc họa! Trước kia, trong thời kỳ Phật pháp của đức Ca Diếp Phật, chủ nhân núi Bách Trượng do nói một câu chẳng khế cơ, đến nỗi đọa thân làm chồn hoang năm trăm kiếp. Tới đời Đường, ở trước tòa của thiền sư Bách Trượng Hoài Hải kể rõ chuyện ấy mới được thoát. Do vậy biết rằng: [Quả báo của] kẻ dùng lời lẽ nhà Thiền để làm trò đùa trẻ con nhằm khoe tài nhạy miệng đáng sợ tới cùng cực!

Cư sĩ chỉ thực hành lễ tụng, đợi đến khi phàm tình thánh kiến đều chẳng còn nữa thì tất cả những lời đối đáp ứng theo căn cơ [trong nhà Thiền] sẽ đều hiểu rõ ngay! Dẫu đã hiểu rõ ràng, vẫn chẳng thể không thận trọng chuyện ấy. Như lời nói trước kia của [chủ nhân núi] Bách Trượng thật ra chẳng sai, nhưng vì [đáp] sai căn cơ [của người hỏi] mà bị quả báo làm chồn hoang năm trăm kiếp, huống gì lời đáp hoàn toàn sai lầm ư? Đối với món tiền mười đồng, tôi vẫn dùng để gởi cho cư sĩ những sách quan trọng nhằm mong sao những bậc anh hiền chốn khuê các đất Ninh Ba sẽ cùng được gội nhuần sự giáo hóa của Phật. Đông người, ít sách, làm sao gởi trọn khắp được? Vì thế, lại gởi một gói gồm năm trăm tờ Một Bức Thư Trả Lời Khắp để học sinh trong nhà trường mỗi trò có được một tờ. Được cư sĩ diễn thuyết, bọn họ ắt sẽ vui vẻ noi theo. Nếu thoạt đầu [mở trường dạy học cho nữ sinh mà] chỉ chú trọng tiền vốn và cầu lợi thì lợi ích đã nhỏ lại càng bé lắm, đấy chẳng phải là điều Quang mong mỏi nơi cư sĩ!

Cố nhiên, Ninh Ba chẳng thiếu người tin Phật; nhưng dùng miệng lưỡi tươi đẹp, bóng bẩy, ngòi bút gấm thêu để đề xướng pháp môn Tịnh Độ trong Phật pháp qua những pháp như luân thường, xử sự hằng ngày, hiếu - đễ - trung - tín - lễ - nghĩa - liêm - sỉ thì quả thật chẳng thấy được mấy ai như thế. Cư sĩ đã có tư cách như vậy, tiếc là mấy năm qua vẫn chưa chân thật phát tâm. Nay đã phát tâm rồi, nỡ nào để hết thảy phụ nữ suốt đời chẳng được gội nhuần sự giáo hóa của Phật, chẳng biết đường vượt thoát hòng liễu sanh thoát tử? Đấy chính là điều Quang thay mặt các đấng giáo chủ hai cõi khuyên nhắc bà vậy!

264. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ bảy)

Nhận được thư, dường như [bà đã] biết rõ sâu xa căn bệnh, nhưng vì tập khí văn tự quá sâu, dẫu tự biết nhưng chưa thể thật sự thống thiết sửa đổi được, vậy thì suốt cuộc đời vẫn chỉ là một bậc thầy về văn chương, chứ lợi ích thật sự nơi Phật pháp sẽ đều do tập khí ấy mà bị cách xa! Vì vậy, Phật pháp xếp Thế Trí Biện Thông vào tám nạn, đáng cảnh tỉnh sâu xa lắm! Bài thơ *"Đọc bộ Tông Kính Lục của ngài Vĩnh Minh"* thanh vận réo rắt, chẳng phải là người đã sẵn có huệ căn từ kiếp trước sẽ chẳng thể làm được, nhưng đấy vẫn là chướng ngại cho người tu đạo! Bởi lẽ, những lời lẽ ấy đều do phỏng đoán, suy lường mà thành, chẳng thể sánh với những lời thuận miệng thốt ra của bậc thật sự đắc đạo! Muốn cho cư sĩ giết chết cái tâm mong ngóng làm thơ soạn văn thì đối với con người hiện thời chẳng thể không khai thị quyết liệt như vậy!

Nay dẫn một câu chuyện xưa để làm tấm gương tày liếp thì bậc thầy thi văn sẽ trở thành bậc long tượng gánh vác huệ mạng của Như Lai, vĩnh viễn làm bậc mẫu nghi chốn khuê các, làm bậc thầy gương mẫu cho nữ giới mà chẳng phải dụng công! Chuyện này được chép trong truyện đại sư Diệu Phong thuộc bộ Phổ Đà Sơn Chí, hai bộ Thanh Lương và Nga Mi Sơn Chí cũng đều có chép vì đối với cả ba núi [đại sư] đều có nhân duyên, cho nên chẳng ngại ghi chép tường tận. Vị sư này là hạng người ít thấy trong đời Mạt, được lợi ích nhờ bài thơ của Sơn Âm Vương viết lên đế giày gởi cho Sư trong khi Sư đang bế quan, [nhờ đó] Sư được đại triệt đại ngộ, chẳng còn coi trọng thi kệ nữa!

*** Phụ lục truyện của đại sư Diệu Phong để tiện tham khảo**

Sư Diệu Phong đời Minh tên là Phước Đăng, người huyện Bình Dương, tỉnh Sơn Tây, họ Tục, là hậu duệ của Tục Cúc Cư[53] thời Xuân Thu. Sư sanh ra mang tướng lạ, môi hớt, răng hô, mũi huếch, hầu lộ, mồ côi năm bảy tuổi, phải chăn dê cho người làng. Năm mười hai tuổi xin xuất gia với một vị Tăng ở ngôi chùa gần đấy. Do bị Tăng ngược đãi, bèn trốn đến Bồ Bản, đi xin ăn ở chợ, tối ngủ ở Văn Xương Các. Gác ấy do Sơn Âm Vương xây, thỉnh ngài Lãng Công chùa Vạn Cố trụ ở đó. Một ngày kia, Sơn Âm Vương trông thấy, bảo với Lãng Công: "Đứa trẻ

[53] Theo Tả Truyện, quan đại phu nước Tấn tên Hồ Cúc Cư được phong thái ấp ở đất Tục, nên con cháu lấy họ là Tục.

này ngũ quan[54] đều lộ, thần chí ngưng tụ, xương cứng, mai sau ắt thành bậc đại khí. Hãy nhận làm đồ đệ, trông nom cho khéo!" Không lâu sau, động đất lớn, nhà cửa dân chúng đổ sạch, Phước Đăng bị nhà sập đè lên nhưng chẳng bị thương gì. Vương càng lấy làm lạ hơn, bèn sửa Thê Nham Lan Nhã ở núi Trung Điều, bảo Phước Đăng bế quan ở đó để chuyên tu Thiền Quán, lập hạn bế quan là ba năm.

Bế quan chưa lâu, liền có chỗ ngộ, làm kệ trình lên Vương. Vương nói: "Đứa trẻ này kiến xứ đã như thế, nếu chẳng chiết phục, mai sau ắt phát cuồng", liền cắt lấy đế chiếc giày rách, viết bài kệ rằng: *"Giả phiến xú hài để, phong tương ký dữ nhữ, tịnh bất vi biệt sự, chuyên đả tác thi chủy"* (Đem đế giày hôi thối, gói lại gởi cho ngươi, trọn chẳng làm gì khác, chuyên ngóng mỏ làm thơ). Gói lại, đem gởi. Phước Đăng nhận được bèn lễ Phật, lấy dây buộc cổ. Từ đấy không nói một chữ nào nữa. Bế quan ba năm hoàn mãn, đến gặp Vương đã thông hiểu bổn phận, đầy đủ tướng đại nhân *(Trích lục truyện đại sư Diệu Phong trong Thanh Lương Sơn Chí).*

265. Thư trả lời cư sĩ Trương Thự Tiêu (thư thứ tám)

Bao nhiêu kẻ thông minh trong thế gian đều bị lầm lạc bởi *"chi, hồ, giả, dã"*[55], suốt đời chẳng được lợi ích thật sự. Cư sĩ kiếp trước đã gieo huệ căn, thật là khó được; nhưng do lắm tri nhiều kiến, đâm ra thành chướng ngại! Đã tin pháp môn Tịnh Độ, sao chẳng chết lòng tu tập pháp này mà lại tu những pháp Quán "xoay trở lại nghe nơi tánh Nghe, đếm hơi thở, duy thức" v.v… Các pháp ấy đều là pháp môn Đại Thừa, nhưng đều thuộc về tự lực, chẳng thể sánh bàn với lợi ích của pháp môn cậy vào Phật lực được! Nay đã phát tâm niệm Phật, hãy nên lấy *"tâm tương ứng với Phật, lúc sống đạt được nhất tâm bất loạn, khi báo thân đã tận liền lên Thượng Phẩm cõi Cực Lạc"* làm chí hướng, sự nghiệp, chẳng cần phải cầu đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

Tông môn chú trọng khai ngộ, Tịnh tông chú trọng vãng sanh. Kẻ khai ngộ mà chẳng được vãng sanh trong trăm người có đến chín mươi kẻ. Người vãng sanh mà chẳng khai ngộ thì trong vạn người chẳng có

---

[54] Ngũ quan: năm bộ vị trên khuôn mặt, tức hai gò má, cằm, trán và mũi.

[55] *"Chi, hồ, giả, dã"* (之乎者也) là bốn hư tự (chữ đệm không có nghĩa lý gì) dùng trong Hán văn để âm vận câu văn được êm tai, réo rắt hơn, hoặc tăng thêm ngữ khí, hoặc dùng để nối kết các thành phần của một câu. Cho nên *"chi, hồ, giả, dã"* thường được dùng để chỉ những lời lẽ sáo rỗng, chẳng có nghĩa lý gì.

một ai. Chẳng hiểu đúng nghĩa này, chắc sẽ đến nỗi do cầu khai ngộ mà đâm ra chẳng chú trọng vãng sanh, lầm lẫn lớn lắm! Nay tu pháp môn Niệm Phật, hãy nên theo như Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy, lòng Thành như con nhớ mẹ, tu thật hạnh *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"*. Nếu chết sạch được cái lòng mong ngóng thì nhất tâm bất loạn, Niệm Phật tam-muội sẽ liền có thể đạt được. Niệm Phật tam-muội là vua trong các tam-muội, đừng coi là dễ dàng! Dẫu chẳng đạt được ngay, vẫn chẳng cách xa cho lắm. Nhiếp trọn sáu căn là cách niệm Phật hay nhất. Lúc niệm, bất luận niệm ra tiếng hay niệm thầm, hãy thường nên lắng tai nghe kỹ. Điều này chính là gộp cả hai nghĩa "xoay cái Niệm để niệm nơi tự tánh" và "xoay cái Nghe lại để nghe nơi tự tánh" để cùng tu.

Xoay tánh Nghe chỉ thuộc về tự lực, xoay cái Niệm kiêm thêm Phật lực, lợi ích lớn lắm. Tâm niệm thuộc Ý, miệng niệm thuộc Thiệt, tai nghe thuộc Nhĩ, mí mắt rủ xuống chỉ thấy chót mũi, thì hai căn Nhãn và Tỵ cũng được nhiếp. Ngũ căn đã cùng gom vào một câu Phật hiệu, lẽ đâu Thân căn chẳng cung kính, nghiêm túc ư? Vì thế, biết "nhiếp trọn sáu căn" được thực hiện nơi Nghe. Nhiếp trọn được sáu căn thì tâm thức ngưng lặng, chẳng chao động, tán loạn nên gọi là "tịnh niệm" bởi lẽ sáu căn đã nhiếp, những niệm tạp vọng v.v… ngầm tiêu. Lại có thể thường giữ cho tịnh niệm liên tục chẳng bị gián đoạn thì sẽ liền đắc Niệm Phật tam-muội. Vì thế, [ngài Đại Thế Chí] nói tiếp: *"Đắc tam-ma-địa, ấy là bậc nhất*". Đấy chính là giáo hóa của Đại Thế Chí Bồ Tát dành cho hết thảy chúng sanh trong chín pháp giới, thật sự thích hợp khắp ba căn, chỉ có lợi ích, không có tệ hại. Nếu chịu y theo đó để tu, ắt sẽ đạt được lợi ích như Quán Hạnh, Tương Tự[56] v.v…

266. Thư trả lời cư sĩ Biên Vô (thư thứ nhất)

Thư nhận được đầy đủ. Trong năm ngoái, Quang đã đem [tình hình của] Thảo Am *(hoặc gọi là chùa)* Quảng Tế thuộc Ngũ Đài Sơn trình lên Chủ Tịch tỉnh Sơn Tây hiện thời là Triệu Thứ Lũng *(tên là Tải Văn)*: Các chùa trên núi và con cháu chùa Bích Sơn mưu mô với nhau, cũng như Khu Trưởng, Huyện Trưởng Ngũ Đài Sơn đều cùng cấu kết với bọn họ, muốn đuổi Tăng nhân thuộc thảo am Quảng Tế xuống núi để bọn họ (tức con cháu chùa Bích Sơn) thuận tiện uống rượu, ăn thịt, chẳng bị ai thấy! Do Tăng chúng thuộc thảo am Quảng Tế đều là những người tu trì lâu

[56] Tức những thứ lợi ích theo khái niệm Lục Tức của tông Thiên Thai, Quán Hạnh là do tu hành mà thấy được Phật Tánh, Tương Tự là đã chứng một phần Pháp Thân.

năm; so sánh giữa đôi bên, chính họ tự cảm thấy rất khó nể tình, mà họ (tức con cháu chùa Bích Sơn) cũng chẳng chịu sửa đổi, đến nỗi trở thành vu báng, bảo là "Tăng chúng thuộc thảo am xấu xa gấp mười tăng chúng trong núi!" Do Khu Trưởng, Huyện Trưởng nhận hối lộ [bao che cho họ], đến nỗi Diêm Tích Sơn, Triệu Tải Văn cũng tưởng là thật, tình thế rất nguy! Ông Hồ Tử Hốt ở trên núi cũng đành bó tay, bèn cùng với Hòa Thượng Quảng Huệ đến gặp Quang, đem sự thật nói rõ từng điều. Quang bảo đại chúng thuộc Thảo Am niệm Văn Thù Bồ Tát sẽ có cảm ứng.

Lâm Dật thuộc Sơ Đài đến chùa Báo Quốc quy y, ông ta vốn là chủ nhiệm Văn Phòng Xử Lý Thường Vụ tỉnh Sơn Tây đóng tại kinh đô, Quang cậy ông ta đem chuyện này kể tường tận với Triệu Thứ Lũng. Trước đó, Thứ Lũng đã cùng Quang trao đổi thư từ, chứ chưa hề gặp mặt. Ông Lâm nói với ông Triệu; ông Triệu liền phái Tăng - tục mười người lên núi lo liệu, cho con cháu chùa Bích Sơn một vạn đồng - trước đây đã từng cho tiền họ mấy lần, ước chừng hai ba vạn đồng - bảo bọn họ dọn đi *(dời đi hơn hai mươi dặm)* thì [Ngũ Đài Sơn] mới hoàn toàn trở thành một đạo tràng thanh tịnh. Các cư sĩ Nhiếp Vân Đài, Vương Nhất Đình, Khuất Văn Lục v.v… ở Thượng Hải đều thay nhau lo liệu sổ kết duyên, trong [cuốn sổ ấy] đã từng nói rõ.

Phật Học Tân Văn Báo Xã tại Thượng Hải há có ai chẳng biết chuyện này? Ấy là vì kẻ tiểu nhân sanh lòng đố kỵ, phá hoại chuyện của người khác, hoặc tưởng sư Quảng Huệ đã đút lót tiền cho bọn họ. [Tâm địa của kẻ viết bài báo vu khống ấy] cũng có thể suy ra mà biết! Quang chẳng những phát khởi lần này mà còn phát khởi chuyện dẹp tà giúp chánh lần trước, nhằm giữ lại người phát khởi căn bản cho một đạo tràng thanh tịnh của Văn Thù Bồ Tát. Lòng người nguy hiểm, nguy hiểm còn hơn băng mùa Xuân. Phật Học Tân Văn Hội thốt ra những lời lẽ ấy, hoàn toàn thiếu nhân cách, đáng than lắm thay! Sau khi thái bình, ông hãy tới Ngũ Đài triều bái Văn Thù Bồ Tát, ở lại chùa Bích Sơn, sẽ tự biết lời Quang chẳng sai. Cuộc chiến ở đất Hỗ (Thượng Hải) tuy khốc liệt, nhưng Quang trọn chẳng sợ. Chẳng những không chịu sang quý địa, ngay cả Linh Nham Sơn cũng chẳng chịu tới.

Nay sống tại chỗ thường có phi cơ bay tới, hằng ngày tụng chú Đại Bi, niệm Phật, niệm Quán Âm, nếu chẳng dám ở lại, trốn sang phương xa, há chẳng khiến cho kẻ khác chê cười ư? Quang chỉ trơ trọi một thân, đi hay ở đều chẳng ăn nhằm gì. Huống chi còn có chuyện Hoằng Hóa Xã [phải lo liệu]? Quang tuy chẳng phải là Trụ Trì chùa, nhưng mọi chuyện đều nhờ Quang làm chủ. Chủ nhân đi vắng, nếu những người khác cũng

đi luôn thì công chuyện sẽ thành bỏ phế, ảnh hưởng rất lớn đến chuyện lưu thông kinh sách có ích cho đời, cho người. Nếu đại kiếp đối đầu, mọi người đều cùng chết sạch hết, Quang cũng sẽ cùng chết với họ thì cũng là đáng phận vậy *(Ngày mồng Bốn tháng Tám năm Dân Quốc 26 - 1937)*

267. Thư trả lời cư sĩ Biên Vô (thư thứ hai)

Thư nhận được đầy đủ, kinh chú Ma Lợi Chi Thiên do ông gởi trước đây, Quang chẳng truyền cho người khác, vì sao vậy? Đang trong lúc phải đương đầu với đại kiếp này, hãy nên dùng pháp dễ dàng nhất, linh cảm nhất để dạy người khác. Ma Lợi Chi Thiên tuy từ bi, vẫn chẳng thể vượt trỗi ngài Quán Thế Âm được! [Thánh hiệu] của Bồ Tát chỉ có bảy chữ, dẫu đứa trẻ lên ba cũng có thể niệm được; người niệm được kinh chú Ma Lợi Chi Thiên trong trăm người chẳng được mấy người! Vì thế, chẳng muốn dùng cách khó niệm để dạy cho hết thảy những ai mong mỏi được cứu vớt. Bài Tán Chú Kinh ông gởi đến lần trước thứ lớp chẳng rõ ràng, khiến cho người ngoài không cách nào theo dõi được. Nếu không có người chỉ dạy, rất khó thể hiểu rõ. Phàm in kinh chú, ắt phải mắt và lông mày rõ ràng[57], chú thích chủ - bạn rõ rệt khiến cho người phát tâm [đọc tụng] vừa xem liền hiểu rõ.

Nghi thức [tụng niệm] chớ nên quá rắc rối khiến cho [người trì tụng] dễ sanh chán, tiếc rằng lệnh sư Không Công và hành giả Bát Nhã chưa nói rõ ràng. Chữ Niệm (念) không thể thêm chữ Khẩu; thêm chữ Khẩu (口) vào sẽ mất ý nghĩa[58]. Ông muốn quy y, nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Thông. Do đã không có bờ mé thì trí huệ ấy không gì chẳng thông. Đối với pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tây Phương, dường như ông chưa hiểu rõ nguồn cội. Đối với đạo để cứu đời, cứu nước, [từ] bước thực hiện ban đầu cho đến thành công cuối cùng, đều phải lấy việc mọi người đề xướng nhân quả làm phương cách để trị cả gốc lẫn ngọn. Trong Văn Sao đã nói tường tận, xin hãy chú tâm đọc kỹ, chắc ông đã sớm có

---

[57] Ý nói phần chánh văn, phần chú thích phải in bằng những khổ chữ khác nhau, theo thứ tự lớp lang khiến người đọc biết đâu là đoạn kinh văn cần phải đọc, phần nào là lời hướng dẫn.

[58] Chữ Niệm (念) thêm bộ Khẩu thành 唸 sẽ có hai cách đọc:

1) Điếm: rên rỉ.

2) Đọc với âm Niệm, nghĩa là hai mươi.

Do cả hai nghĩa này đều không liên quan đến ý nghĩa chữ Niệm (念) nên Tổ mới bảo *"thêm chữ Khẩu vào sẽ mất ý nghĩa"*.

sách này rồi. Nếu đường bưu điện không bị trở ngại, sẽ gởi cho ông một bộ và mấy thứ nữa cho đủ một bưu kiện để làm căn cứ tự lợi, lợi người. Nếu chẳng thể gởi được thì đợi sau khi yên ổn rồi và nếu Quang chưa chết thì vẫn còn có thể gởi được! *(Mồng Sáu tháng Bảy năm Dân Quốc 28 - 1939)*

268. Thư trả lời cư sĩ Biên Vô (thư thứ ba)

Quang bảy mươi chín tuổi, mục lực chẳng thể gượng được nữa, chẳng thể giám định, viết lời tựa cho ông được. Để cứu tai nạn, nên chọn cách nào khiến cho hết thảy mọi người đều có thể niệm được thì mới có ích lớn lao. Dù có in chú Ma Lợi Chi Thiên cho nhiều, cũng khó thể sử dụng trong lúc đại kiếp đối đầu này, hãy nên bỏ [ý định ấy]! Dạy người khác niệm thánh hiệu Quán Âm, dẫu là đứa trẻ lên ba cũng có thể niệm được. Chú ấy khá dài, hơn nữa trong bài chú có xen lẫn những chữ để chú thích cách đọc, nếu chẳng phải là bậc thông gia thì vẫn chẳng biết phải niệm như thế nào[59]. Người đời nay ham lạ. Quán Âm cứu khổ cứu nạn các kinh Đại Thừa dù Hiển hay Mật đều tán thán đề xướng mà chẳng dùng; lại ngược ngạo cực lực đề xướng bài chú Ma Lợi Chi Thiên chỉ được một kinh nói đến.

Chớ nói niệm chú Ma Lợi Chi Thiên lợi ích lớn lao, còn niệm Quán Âm lợi ích nhỏ nhoi! Dẫu chú ấy do chính đức Quán Âm thị hiện [thân Ma Lợi Chi Thiên] nói ra, cũng nên chú trọng niệm [thánh hiệu Quán Âm]. Ông tín tâm tuy tốt, nhưng chẳng biết lý cao tột "một pháp nhiếp khắp hết thảy pháp" và chẳng biết "lúc khẩn yếu thì càng đơn giản càng hay!" Nho giáo cũng nói: *"Bác học nhi tường thuyết chi, tương dĩ phản thuyết ước dã"* (Học tập rộng rãi, giải nói tường tận chỉ nhằm mục đích:

---

[59] Do tiếng Phạn đa âm cũng như có những âm không tồn tại trong tiếng Hán, nên những bài chú thường phải kèm theo những chữ nhỏ để ghi âm hoặc hướng dẫn cách đọc. Chẳng hạn chữ Sdriyah thường được phiên là Tất-đát-rị-dã, sau ba chữ Tất-đát-rị kinh thường ghi "hợp tam" ngụ ý ba âm này phải đọc dính lại. Hoặc có những chữ không thể diễn tả được cách đọc vì tiếng Hán không có âm tương ứng, các vị pháp sư dịch kinh phải thêm bộ Khẩu vào đằng trước, rồi ghi chú "phản độc" (tức đọc cong lưỡi lên) như tâm chú "Arolik" của đức Quán Âm được phiên là A Lỗ Lặc Kế, sau chữ Lỗ ghi hai chữ nhỏ là "phản độc" để nhấn mạnh chữ Lỗ phải đọc cong lưỡi nhằm mô phỏng âm R (Vì thế các bản phiên âm bài chú này của Việt Nam thường ghi thành A Rô Lặc Kế). Hoặc đôi khi, dịch giả phải ghép hai ba chữ có sẵn để tạo thành chữ mới. Chẳng hạn như trong chú Nhất Thiết Như Lai Bí Mật Toàn Thân Xá Lợi Bảo Khiếp Ấn Đà La Ni, ngài Bất Không đã ghép hai chữ Xỉ (齒) và Lai (來) thành một chữ mới để mô phỏng âm Đai (trong câu Wajadai) và ghi cách đọc là Đại (軑), bình thanh. Nếu người không quen sẽ không biết cách đọc sao cho đúng hoặc rất có thể đọc luôn cả những chữ ghi âm này.

Sau khi dung hội, quán thông rồi, sẽ hướng về chỗ giản ước)[60]. Nếu ông biết đến nghĩa này, sẽ thấy lời Quang là lời luận chí lý. Nếu không, phó mặc cho ông [làm sao thì làm], Quang sớm chẳng giữ được tối, chẳng thể thù tiếp theo ý ông được *(Ngày mồng Một tháng Mười Một năm Dân Quốc 28 - 1939).*

269. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (thư thứ nhất)

Thư nhận được đầy đủ, Quang là một ông Tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, nhưng do một người truyền hư (đồn đại), người ta thường tưởng lầm là thật, hết sức hổ thẹn sâu xa! Vì thế trước kia Tễ Quang có nhắc đến [chuyện cư sĩ tỏ ý muốn thân cận Quang], tôi nghi là ngẫu nhiên nói tới, nên chẳng dám gởi thư ngay. Nay ông đã gởi thư tới, biết ông vẫn chẳng coi hư danh [của Quang] là sai lầm, nên chỉ đành đem lầm đáp lạc. Nay đặt pháp danh cho cư sĩ là Đức Nhân, nghĩa là lấy "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương" để tự hành, lại còn đem những điều ấy giáo hóa khắp hết thảy, khiến cho hết thảy mọi người đối với pháp thế gian đều chẳng thiếu sót, đối với pháp xuất thế gian đều cùng được hưởng lợi ích thật sự ngay trong đời này thì lòng nhân từ ấy cũng lớn lắm. Đấy là Đức Nhân. Nhân đứng đầu mọi điều thiện, Nhân chính là từ bi. Tên gọi tuy tương tự, nhưng đem lợi ích liễu sanh tử thật sự của Phật pháp dạy cho người khác, so với những pháp thế gian chỉ có lợi cho sắc thân, quả thật là cách biệt vời vợi một trời một vực!

Lệnh phu nhân Lưu Chí Từ, có pháp danh là Đức Từ, phụ nữ lấy "giúp chồng, dạy con" làm thiên chức. Nếu còn có thể dốc lòng tin tưởng pháp môn Tịnh Độ là pháp môn viên đốn nhất, thẳng tắt nhất trong Phật pháp, thì lòng Từ ấy không giống với lòng Từ được nói trong thế gian. Bởi lẽ lòng Từ thế gian chỉ có lợi cho sắc thân, chẳng màng đến thần thức, chỉ tính đến hiện tại, chẳng liên quan đến đời sau, huống là bao kiếp vĩnh viễn ư? Nếu có thể giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, và tín nguyện niệm Phật v.v… dạy bảo con cái cùng với tôi tớ và những người quen biết, khiến cho họ trong đời này cùng được trở thành bậc thánh hiền, lâm chung lên thẳng cõi thánh của Phật Di Đà, đấy gọi là Đức Từ. Lợi ích của lòng Từ ấy thấu tột đến tận đời vị lai trọn chẳng lúc

[60] Đây là một câu nói của Mạnh Tử được ghi trong thiên Ly Lâu Hạ sách Mạnh Tử. Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của sách Tứ Thư Bạch Thoại Chú Giải.

nào hết. Nguyện hai vị ai nấy đều nỗ lực, ngõ hầu chẳng uổng kiếp sống này, chẳng uổng dịp gặp gỡ này!

Hiện nay đang lúc tình thế hoạn nạn, bất luận là ai, đều phải thường niệm thánh hiệu A Di Đà Phật và Quán Thế Âm. Dẫu gặp phải những nguy hiểm như nước, lửa, đao binh và bệnh tật do oán nghiệp v.v… mà nếu có thể chí thành niệm, chắc chắn chẳng đến nỗi nguy hiểm! Hơn nữa, nữ nhân đang khi sanh nở, hãy nên chí thành niệm thánh hiệu Quán Âm ra tiếng rõ ràng *(lúc ấy chớ nên niệm thầm trong tâm)* sẽ liền an nhiên sanh nở, chắc chắn chẳng bị khổ vì khó sanh. Dẫu khó sanh sắp chết, dạy người ấy niệm, sẽ tức khắc an nhiên sanh nở. Có thể đem điều này bảo khắp với hết thảy mọi người, chính là cứu sẵn sản nạn, cứu sẵn tánh mạng, mà con gái, con dâu v.v… của chính mình cũng đều cùng được Phật, Bồ Tát từ bi gia bị.

Đừng cho rằng Quang chẳng nên thốt ra lời này! Cổ nhân nói *"sanh tử cũng lớn thay!"* Lâm chung trợ niệm là giúp cho người chết được vãng sanh. Khi sanh nở niệm Quán Âm chính là giúp cho người sống cả mẹ lẫn con được lìa nguy hiểm. Mấy năm gần đây, tôi thường nghe kể nỗi khổ vì khó sanh, lại biết rõ chấp trước sai lầm của người đời *(Có người niệm Phật, hễ trong nhà có ai sanh nở bèn trốn ra ngoài hơn cả tháng mới trở về)*. Vì thế tôi thường nói với hết thảy mọi người, mong hãy sáng suốt suy xét thì may mắn lắm! Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không ghi cặn kẽ! *(Ngày Hai Mươi Ba tháng Tám năm Dân Quốc 21 - 1932)*

Cư sĩ Đức Nhân trước kia thành tích chánh trị khá nổi tiếng tại Giang Tây, nay đã ẩn cư, tịnh tu, cố nhiên nên dùng những chuyện như giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận và những pháp như tín nguyện niệm Phật v.v… để tùy thuận cơ nghi bảo ban những kẻ vốn đã phục tùng, tin tưởng, ngưỡng mộ, khiến cho bọn họ cùng được lợi ích thế gian lẫn xuất thế gian. Nay gởi cho ông Văn Sao, Gia Ngôn Lục, Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ, Chánh Tín Lục, mỗi thứ một phần để làm căn cứ tự hành, dạy người. Lại còn có Thọ Khang Bảo Giám, Cảm Ứng Trực Giảng mỗi thứ một phần để làm căn cứ dạy dỗ con cái và dạy người khác giữ gìn thân thể. Các sách này, nếu muốn lợi người [mà thỉnh với số lượng] ít thì hãy thỉnh ở chỗ ông Điền Thân Phủ tại số 86 ngõ Thái An, thành phố Hán Khẩu; nếu [thỉnh với số lượng] nhiều thì hãy thỉnh từ Hoằng Hóa Xã thuộc chùa Báo Quốc tại Tô Châu.

270. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (thư thứ hai)

Nhận được thư đầy đủ, gần đây người niệm Phật đông đảo, chuyện cảm ứng cũng thường luôn nghe nói. Hôm trước, Quán Âm Am ở Hoài An gởi tới một viên xá-lợi to bằng hạt kê, màu như ngọc Phỉ Thúy, nói là [viên xá-lợi ấy] kết từ hoa đèn thắp trước bàn Phật của một liên hữu; gởi tới muốn cậy Quang chứng minh, bình luận để khơi gợi lòng tin cho người khác. Quang liền đựng trong một cái hộp sứ cho mọi người xem; xem xong để thờ trước tượng Phật. Ngày hôm qua, sau buổi tụng kinh khóa sáng, mở hộp ra xem thì không còn nữa, chắc là đã trở về am đó rồi! Hôm qua tôi đã gởi thư hỏi chuyện ấy.

Có rất nhiều kẻ vẫn chỉ chuộng nghiên cứu, chẳng chịu thực hành, tức là thuộc hạng *"thấy chuyện nhân mà cố nhường"*, buồn thay! Lệnh từ tuổi gần tám mươi mà còn muốn quy y, đáng gọi là có thiện căn từ đời trước. Nhưng đang khi cụ tuổi cao như ngọn đuốc [chập chờn] trước gió này, cố nhiên nên tính kế lo xa. Nay gởi cho ông ba cuốn Sức Chung Tân Lương, ngoài một cuốn tự giữ ra, hãy nên tặng cho hai người Vương và Trần. Hãy nên bảo quyến thuộc trong nhà hằng ngày thay phiên bầu bạn niệm Phật với lệnh từ, một là để đẹp dạ cao đường, hai là khiến cho bọn họ ai nấy được gieo thiện căn, ba là luyện thành thói quen để lúc lệnh từ quy Tây mọi người đều trở thành người trợ niệm [cho cụ]. Nếu chẳng thường luyện tập, mà cũng chẳng thường nói điều lợi do trợ niệm khi lâm chung và mối hại do bày vẽ phô trương mù quáng, khóc lóc, thì tất cả quyến thuộc đều là kẻ phá hoại chánh niệm! Chuyện này hết sức khẩn yếu. Nếu không có ai nói, khó tránh làm hỏng chuyện thì vô biên lợi ích sẽ do vậy bị mất đi, thật hết sức đau lòng!

Quang chẳng thể nói tường tận, Sức Chung Tân Lương là sách nói tường tận chuyện này. Phận làm con khi trợ niệm cho cha mẹ vào lúc lâm chung thì hãy nên dốc hết lòng thành theo đuổi. Vì thế, trước hết quyến thuộc trong nhà phải tập luyện sẵn. Đã thường niệm và thường nghe điều lợi của trợ niệm và lẽ hại của sự phá hoại chánh niệm, họ sẽ có thể nhất trí tiến hành, giúp người đã khuất vãng sanh. Nay đặt pháp danh cho cụ là Đức Siêu, nghĩa là dùng nhất tâm niệm Phật để mong cầu vượt thoát tam giới, lên thẳng chín phẩm sen. Thư này tuy viết cho ông, nhưng hai vị Trần - Vương cũng nên dạy quyến thuộc của họ giống như thế để chính mình khỏi bị hỏng chuyện khi lâm chung. Hãy nên bảo họ ai nấy đều xem [thư và sách], Quang không rảnh rang để viết riêng cho họ.

Trần Minh Kính pháp danh là Đức Minh, nghĩa là có thể nhất tâm niệm Phật sẽ tự sáng tỏ được Minh Đức. Vương Sĩ Lâm pháp danh là Đức Lâm. Lâm (林) có nghĩa là "chúng" (眾: đông đảo), là "quân" (君: chủ, vượt trỗi) *(theo sách Nhĩ Nhã). "Quân"* có nghĩa là chủ. Có thể lấy tín nguyện niệm Phật làm chủ để lợi lạc đại chúng, thì công đức lớn lao, ai nấy đều ngưỡng mộ tuân theo. Nay gởi cho hai người ấy Văn Sao, Gia Ngôn Lục mỗi người một bộ, Sức Chung Tân Lương mỗi người một cuốn, xin hãy chuyển giao.

Do [những sách tính gởi ấy] chẳng đầy hết một gói nên đem Một Lá Thư Trả Lời Khắp thêm vào cho đủ hai phần. Lá thư này quả thật là bài văn có quan hệ lớn đối với thời thế hiện tại. Nếu có thể hành theo đó thì lợi ích sẽ tự biết, cố nhiên chẳng cần đợi phải thuật nói nữa! Vận nước nguy ngập, thiên tai, nhân họa liên tiếp giáng xuống mà chẳng cầu xuất sanh tử từ nơi bức thư ấy tức là tự phụ vậy. Bạch Cư Dị nói: *"Ta bảy mươi mốt tuổi, chẳng còn chuộng ngâm nga, xem kinh nhọc sức quá, làm phước sợ bôn ba, lấy gì độ tâm nhãn? Một câu A Di Đà. Đi cũng A Di Đà, ngồi cũng A Di Đà. Rảnh rang, bận túi bụi, chẳng bỏ A Di Đà. Chiều tà đường còn xa, đời ta lần khân quá, sáng tối thanh tịnh tâm, chỉ niệm A Di Đà. Người thông đạt cười ta, càng niệm A Di Đà. Đạt thì sẽ ra sao? Không đạt lại thế nào? Nguyện khắp pháp giới chúng, cùng niệm A Di Đà" (Ngày Mười Một tháng Mười Một, viết dưới đèn).*

271. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (thư thứ ba)

Tịnh Độ Ngũ Kinh đã gởi đến, chẳng bao lâu sẽ có Kỹ Lộ Chỉ Quy gởi tới. Trong khoảng tháng Bảy, tháng Tám, sẽ có sách Vật Do Như Thử gởi đến. Hai đầu sách này đều do Du Dân Tập Cần Sở ở Tào Hà Kính, Thượng Hải, gởi tới. Một cuốn chuyên dạy người niệm Phật, một cuốn dạy người kiêng giết, bảo vệ sanh vật, nhưng chẳng có lời nào nhắc đến chuyện kiêng giết, mà chuyên tập hợp những hạnh cao đẹp hiếu, hữu, trung, nghĩa, trinh liệt, cứu nạn, giúp kẻ côi cút v.v… của loài vật, là tác phẩm đặc sắc trong những sách kiêng giết, sẽ in năm sáu vạn cuốn để phân phát cho những kẻ có học thức thì lợi ích lớn lắm. Lệnh hữu là Dịch Trọng Phù đã muốn quy y thì hãy bảo ông ta thường đọc Ngũ Kinh, nhất là chú ý đến hai lời Tựa và một lời Bạt của Quang, ngõ hầu chẳng đến bị các tri thức Thiền, Giáo, Mật lay động, đoạt mất chí hướng. Hai cuốn sách Kỹ Lộ Chỉ Quy, Vật Do Như Thử gởi đến, xin hãy tặng cho

ông ta [mỗi thứ] một cuốn *(Ngày mồng Hai tháng Năm năm Dân Quốc 24 - 1935)*

272. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (thư thứ tư)

Thư đã đọc xong, cư sĩ Lã Đức Pháp soạn bài ký về chuyện vãng sanh cho ông Trầm Đạm Nham rất hay. Chỉ có điều bốn dòng đầu chẳng hợp với thân phận của người ấy, cho nên tôi bỏ đi. Lời Bạt sau bài ký ấy, nói: *"Công lao trùm lấp cõi đời, chẳng cự nổi một chữ Căng (kiêu căng); tội lớn ngập trời, chẳng cự nổi một chữ Hối"*. Đạm Nham biết người đời trước làm nghề chẳng lành, khi cha mẹ còn sống đã khuyên cha mẹ đổi nghề. Khi cha mẹ đã mất, bèn dốc cạn lòng Thành sám hối, [làm như vậy] đã phù hợp sâu xa với nghĩa "người con có hiếu khuyên dụ cha mẹ hướng về đạo" và lời dạy "từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp" của đức Như Lai. Có đủ công đức ấy sẽ được vãng sanh. Huống chi lại dốc lòng tin Tịnh nghiệp, cạn hết lòng Thành niệm tụng ư? Những lời bàn luận trong phân nửa phần đầu bài ký của ông Lã không hợp thân phận. Rốt cuộc Đạm Nham được thành tựu là vì Đạm Nham trước kia làm đồ tể, về sau mới sám hối tu trì, vì thế chẳng thể áp dụng [nhận định ấy được]. Mong hãy nói với ông Đức Pháp điều này *(Ngày Mười Chín tháng Mười năm Dân Quốc 24 - 1935)*

273. Thư trả lời cư sĩ Phương Diệu Đình (thư thứ năm)

Hôm qua tôi đã bảo Hoằng Hóa Xã gởi đi hai gói Tịnh Độ Ngũ Kinh, chắc ông đã nhận được rồi. Hiện thời lòng người kém xưa, những vị đại thông gia đều chú trọng tranh chấp, quấy rối lẫn nhau. Hôm nay, Đương Gia chùa Linh Nham là thầy Diệu Chân tới đây cho biết thầy ấy có tổ đình Đông Nham Tự là tổ đình cổ đã trải nhiều đời ở Vũ Xương, cách Hồng Sơn mấy dặm về phía bên trái. Sư công[61] của thầy ấy là sư Nguyệt Hà sau khi viên tịch đã được dựng tháp ở đấy, do một đồ tôn[62] là Sư X… trông nom. Gần đây, vị ấy đã mất, học trò sư Nguyệt Hà là Từ Quang đến trông nom. Có kẻ xấu câu kết, muốn cùng nhau chiếm đoạt làm của riêng; do Từ Quang vừa già vừa nhu hòa nên bọn chúng bèn thừa dịp

[61] Sư công: Vị thầy của sư phụ mình được gọi là "sư công", miền Trung, miền Nam thường gọi là Sư Ông, nhưng do miền Bắc thường gọi những vị Tăng đã thọ Cụ Túc Giới là Sư Ông (Tỳ Kheo), còn các Sa Di là Sư Bác, nên chúng tôi để nguyên không dịch chữ này để khỏi bị hiểu lầm.

[62] Đồ tôn: Đệ tử của học trò một vị Sư gọi là "đồ tôn".

khinh lấn. Xin cư sĩ hãy giàn xếp để những kẻ muốn chiếm đoạt ấy dứt trừ cái tâm ngông cuồng đó thì danh dự của họ chẳng bị sứt mẻ, mà đại thể Phật pháp cũng chẳng bị tổn thương. Nếu bọn họ chẳng dứt được tâm ngông cuồng, đành phải nhờ pháp luật can thiệp thì những kẻ ấy và đại thể Phật pháp đều không được tốt đẹp cho lắm.

Xin ông hãy uyển chuyển [giàn xếp] khiến cho chuyện ấy bị tiêu trừ không dấu vết, thích nghi cho cả đôi bên thì vui sướng chi bằng! Cư sĩ phẩm đức rạng rỡ, y theo lý khuyên giải, bàn bạc, ắt họ sẽ nghe lời. Đấy cũng là đầu mối sửa sang lòng người, đôn đốc phong hóa lớn lao. Xin ông hãy nhọc lòng điều đình thì may mắn lắm thay! *(Ngày Mười Tám tháng Năm năm Dân Quốc 25 - 1936)*

274. Thư trả lời cư sĩ Nhậm Huệ Nghiêm

Ông gởi thư đến cho biết đã học Mật, rất an ủi. Cần biết rằng: Học Mật thì trừ thân - khẩu - ý trì chú, Tam Mật[63] tương ứng ra, phải quán tưởng chuẩn xác thì mới có tương ứng. Nhưng với địa vị "thành Phật ngay nơi thân này", sợ chẳng dễ gì đạt được đâu! Phật pháp rộng lớn, nhiều môn phương tiện. Một pháp Niệm Phật biết dễ hành khó. Nếu có thể nhất tâm bất loạn thì cũng là pháp môn vô thượng! Thích hợp khắp ba căn, đới nghiệp vãng sanh. Đối với Sách Tịnh Độ Thập Yếu và Một

---

[63] Tam Mật (Trīni guhyāni) gồm Thân Mật (Kāya-guhya), Khẩu Mật (Vāg-guhya) và Ý Mật (Mano-guhya). Có hai cách giải thích ba khái niệm này:
1) Theo Hiển Giáo (như trong các phẩm Thập Mật, Kim Cang Lực Sĩ Hội của kinh Đại Bảo Tích), do chẳng thể dùng phàm tình để suy lường tam nghiệp Thân - Khẩu - Ý của Phật, nên gọi là Tam Mật. Đại Trí Độ Luận giải thích cặn kẽ hơn: Mỗi chúng sanh thấy sắc thân của Phật khác biệt, các thứ đại thần biến đều chẳng thể nghĩ bàn nên gọi là Thân Mật. Đức Phật thuyết pháp chỉ một câu mà tùy căn tánh người nghe sẽ vang xa một dặm, mười dặm cho đến trăm ngàn vạn dặm. Đức Phật nói một pháp mà tùy theo căn cơ của người nghe sẽ lãnh ngộ thành vô lượng vô biên nghĩa lý chẳng thể nghĩ bàn; đó là Khẩu Mật. Đức Phật thường nhập Định, những gì Phật quán sát tư duy đều chẳng thể nghĩ bàn nên gọi là Ý Mật.
2) Theo quan điểm Mật giáo, nhìn về phía đức Phật thì trong ba thứ Thể, Tướng, Dụng, nếu xét về Dụng thì Dụng của đức Phật chẳng thể nghĩ bàn, vượt khỏi mọi suy lường của phàm tình nên gọi là Tam Mật. Chúng sanh cũng có Dụng lớn lao như vậy, chỉ vì tam nghiệp chưa khế hợp tam nghiệp của chư Phật nên không chứng được ba khía cạnh của Dụng ấy, nhưng trong chân tâm vẫn ẩn tàng sẵn Tam Mật của chư Phật. Do vậy, khi hành trì, hành giả đã dùng ấn khế, tư thế, pháp khí v.v… nhằm hợp nhất với Bổn Tôn (vị tôn thánh nói ra bài chú hành giả đang thọ trì) ấy là Thân Mật. Không những khi đang trì chú mà trong mọi thời mọi lúc hành vi đều phải khế hợp với Bổn Tôn nên gọi là Thân Mật. Miệng tụng niệm Chân Ngôn cho đến hết thảy lời lẽ đều xứng hợp Bổn Tôn nên gọi là Khẩu Mật. Trong tâm chuyên quán tưởng chủng tự của Chân Ngôn và hình tượng Bổn Tôn, tâm hợp nhất với Bổn Tôn nên gọi là Ý Mật.

Lá Thư Trả Lời Khắp ông đã nhận được trước kia, hễ rảnh rỗi hãy nên xem đi xem lại sẽ hiểu rõ ràng sự dễ - khó giữa Phật lực và tự lực. Một pháp Niệm Phật càng nên chuyên tâm chẳng hai. Nếu học này học nọ, dẫu có đọc nhuyễn nhừ Tam Tạng mười hai bộ kinh, vẫn chẳng liên quan gì với sanh tử! Khuyên túc hạ hãy nhất tâm niệm Phật thì hay hơn. Nếu chẳng nghe lời Quang thì từ nay về sau đừng nên gởi thư tới nữa! *(Ngày mồng Ba tháng Chạp năm Dân Quốc 26 - 1937)*

275. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ nhất)

Phàm những kẻ đọc sách hơi thông minh, không ai chẳng trúng phải chất độc báng Phật của Lý Học. Châu Nguyên Công[64] là tông sư của Lý Học, thuở trước chỉ lấy hồn nhiên, [lấy] quên ta - người, tự - tha làm chánh. Đến thời ông Trình, [Lý Học] liền bị biến đổi dữ dội tận gốc, bài bác [Phật giáo] chẳng tiếc sức thừa! Ông ta bài bác, nhưng chẳng chú trọng nơi sự tinh vi của tâm tánh, chỉ ngược ngạo chú tâm nơi dấu tích thô thiển của nhân quả luân hồi. Do vậy, nhà Nho đều chẳng dám nói đến nhân quả luân hồi là cái gốc lớn lao để bình trị thiên hạ, chỉ chú trọng chánh tâm thành ý mà thôi! Bọn họ đã đả phá, bài xích nhân quả luân hồi, cho đó là căn cứ để Phật gạt gẫm kẻ ngu tuân phụng giáo pháp, vậy thì chánh tâm thành ý để được cái gì đâu? Không chánh tâm thành ý, đâu có mất mát gì? Chết rồi sẽ vĩnh viễn diệt mất, cần gì phải khăng khăng làm lành để tự bị khốn khổ oan uổng ư? Phong thái này được đề xướng, cho đến ngày nay giết cha, giết mẹ chẳng thấy là thẹn, ngược ngạo xem đó là vinh đều do những lời lẽ đả phá nhân quả luân hồi của bọn Lý Học ươm thành!

Lúc bọn họ thốt ra những lời lẽ ấy, cố nhiên chẳng biết đã gây họa khốc liệt đến mức như thế. Ý họ muốn nhờ vào [những lời bài xích] đó, con người sẽ chẳng học theo Phật pháp hết, đạo Nho sẽ có ngày được hưng thịnh. Huống chi, những diệu nghĩa của Phật pháp đã được họ nêu đại lược đầu mối qua những lời chú giải kinh văn [đạo Nho, nhưng họ đã cực lực báng Phật] thì người khác làm sao biết do đâu mà họ có được những nghĩa lý ấy! Bổn tâm của họ như thế đó. Do họ đả phá, bài xích nhân quả, những kẻ tạo sự bình trị cho thiên hạ đều chẳng có căn bản. Dẫu có thiết lập, áp dụng, đều là chuyện bề ngoài! Ngày nay trong cả

---

[64] Nguyên Công là hiệu của Châu Đôn Di (1017-1073). Ông này vốn tên là Đôn Thực, tự Mậu Thúc, hiệu Liêm Khê, được coi là tổ khai sơn của Lý Học. Trình Di, Trình Hạo và Châu Hy chỉ là những kẻ kế thừa, phát triển tư tưởng của Châu Đôn Di.

nước nhà trường chẳng đọc sách Nho nữa, như vậy là họ muốn diệt Phật lại đâm ra trở thành diệt Nho!

Những nhà Lý Học sau thời Trình - Châu không một ai chẳng lén lút đọc sách kinh Phật, nhưng không một ai chẳng bài bác Phật pháp. Phần Thái Cực Đồ Thuyết trong cuốn Nhân Phổ của ông Lưu Hiến Đài[65] ăn nói hết sức bừa bãi, hoàn toàn phỏng theo những ý trong kinh Phật, nhưng lại ngược ngạo chê Phật là dị đoan, tà thuyết: *"Ông Viên Liễu Phàm thờ Phật, cầu gì cũng ứng. Lời nói ấy không có căn cứ. Bởi lẽ, Viên Liễu Phàm là người chánh trực, há bị những tà thuyết mê hoặc ư?"* Tâm ông Lưu gian ác, chẳng thể nào sánh ví được! Một đệ tử muốn ấn hành sách Nhân Phổ, đem cuốn thứ hai của bộ sách ấy gởi tới cho Quang giảo duyệt. Quang thấy những lời hay hạnh đẹp được ghi trong ấy rất hay, dẫu có một hai câu đụng chạm cũng là thái độ thường thấy của nhà Nho. Sau đó, ông ta mang cuốn thứ nhất tới, Quang đọc lời tựa nói: *"Ba bốn trăm chữ trong bài tựa này báng Phật dữ dội từ xưa đến nay chưa hề có! Quyết chẳng nỡ lòng tự đứng ra lưu thông sách này!"*

Nhị Khúc cũng đã được hưởng pháp vị thừa mứa từ nơi kinh [Phật], nhưng phàm ông ta đi đến đâu, những kẻ nghe ông ta nói đều ăn thịt, bội giáo. Ông ta và những kẻ mù mắt đời sau đều coi đấy là đức hạnh, chẳng biết đã mở đường cho chuyện giết cha, giết mẹ! Năm Dân Quốc 15 (1926), vợ chồng ông Trần Đôn Ngũ ở Tứ Xuyên đến Phổ Đà quy y, thưa với Quang: "Con thích [Vương] Dương Minh[66] nhất, [học thuyết

---

[65] Lưu Hiến Đài, tên thật là Lưu Tông Châu (1578-1645), trước kia tên là Hiến Chương, tự Khởi Đông, hiệu Niệm Đài (Hiến Đài là một biệt hiệu khác), vốn là một nhà tư tưởng theo truyền thống Lý Học thuộc Chiết Đông Học Phái vào đời Minh. Khi Lý Tự Thành diệt nhà Minh, vua Sùng Trinh treo cổ tự tử tại Môi Sơn, Phước Vương Châu Do Tung lên ngôi hoàng đế ở Nam Kinh, đã phong Hiến Đài làm Tả Đô Ngự Sử. Chỉ được một thời gian ngắn, do hục hặc với Mã Sĩ Anh và Nguyễn Đại Thành, ông ta đã bị triều đình đuổi về quê dạy học. Khi quân Thanh hạ được Hàng Châu, Lưu Tông Châu nghe tin khóc òa, nhịn đói hai mươi mốt ngày rồi chết. Nhân Phổ là một trong những tác phẩm được tập hợp trong bộ Lưu Tử Toàn Thư (bốn mươi quyển). Thái Cực Đồ Thuyết là phần giảng giải về đồ hình Thái Cực.

[66] Vương Thủ Nhân (1472-1528), tự Bá An, hiệu Dương Minh, quê ở Dư Diêu, tỉnh Chiết Giang (nay thuộc thành phố Ninh Ba). Thường được các học giả gọi là "Dương Minh tiên sinh". Ông là một triết gia tiêu biểu cho trường phái Tâm Học Vận Động thuộc Lý Học vào đời Minh, được coi là người hoàn thiện tư tưởng Tâm Học của Tống Nho. Do trước tác nhiều, có ảnh hưởng sâu rộng nên sau này có những nhà chuyên nghiên cứu tư tưởng của Vương Dương Minh, tạo thành một ngành học thuật riêng gọi là Dương Minh Học. Về mặt tư tưởng, Dương Minh kế thừa và triển khai tư tưởng của Lục Cửu Uyên, đề xướng Tâm chính là Lý, lấy đó để thấu hiểu sự vật (cách vật) hòng thấu hiểu bản tâm. Ông phản đối quan điểm của Châu Hy cho rằng đối với mọi sự mọi vật đều tìm đến Lý nhờ "cách vật trí tri" (Theo họ Châu, câu này được hiểu là do đẩy mạnh sự suy lường học hỏi đến mức thấu hiểu tận cùng tất cả sự vật sẽ đạt đến thấu hiểu tất cả mọi yếu tố tinh thần hay vật chất trong

của] Dương Minh hoàn toàn là Phật học, lẽ đâu lại có chỗ báng Phật?" Quang đáp: "Ông có biết tâm ông ta hay không?" Thưa: "Không ạ!" Quang nói: "Ông ta đã được thờ trong Văn Miếu hay chưa?" [Ông Trần] liền kêu ầm lên: "Con hiểu rõ rồi! Con hiểu rõ rồi! Những gã Lý Học sau thời Trình - Châu đều học trộm kinh Phật, nhưng đều cực lực báng Phật, quả thật đều nhằm để được thờ trong Văn Miếu, chẳng cần biết đã làm lợi hay gây hại cho thánh đạo!"

Quang nói với ông lời này, vì sợ ông vẫn chưa hiểu rõ ràng đầu mối bình trị hay loạn lạc; muốn cho gia phong chẳng suy sụp mà chẳng đề xướng nhân quả sẽ chẳng được đâu! Muốn cho thiên hạ thái bình cũng chẳng thể không đề xướng nhân quả! Đấy là phương cách cả ngàn vị thánh cũng chẳng thể thay đổi được! Dùng pháp này làm gốc để thực hành trong nhà thì nhà yên, thực hành trong cả nước, trong thiên hạ thì không nơi nào đều chẳng như vậy! Bỏ chuyện này mà bàn chuyện bình trị thì đều là những chuyện ngoài da, quyết chẳng thể nào thành tựu lớn lao tốt đẹp được!

Ông đã sanh lòng chánh tín nơi Tịnh Độ, nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Dương; nghĩa là nương theo trí huệ của Phật để hoằng dương Tịnh Độ, khiến cho hết thảy những người cùng hàng đều được liễu sanh thoát tử ngay trong đời này. Ông coi Quang giống như Châu Tử, Thiệu Tử, Phạm Văn Chánh Công, Quang nào dám mong sánh vai ba vị ấy? Nhưng ba vị ấy chưa gặp được pháp môn Tịnh Độ, còn Quang may mắn được gặp. Pháp này lan truyền khắp nhân gian, nhưng nào được mấy ai suốt ngày trì tụng, mà [đa số] vẫn cứ coi thường chẳng quan tâm, giống như kẻ chưa từng thấy nghe vậy. Lại có người nghe nhưng chẳng tin. Người tin tưởng rồi thực hành thật hiếm hoi lắm! Ông nay đã sanh được lòng chánh tín, hãy nên chất phác niệm Phật, ngõ hầu chẳng đến nỗi bị những tri thức thuộc các tông khác lung lạc, mê hoặc!

Các vị Tôn, Trần v.v… tặng ông mấy chục loại sách, nay gởi cho ông Tịnh Độ Thập Yếu, Phật Học Cứu Kiếp Biên, Tịnh Độ Ngũ Kinh,

---

vũ trụ, thấu hiểu được cái tâm). Vương Dương Minh cho rằng sự vật vô cùng tận không thể nào thấu hiểu hết được. Do vậy, ông đề xướng truy cầu cái Lý ngay trong nội tâm, nói cách khác, toàn bộ Lý nằm trong tâm. Lý hóa sanh thiên địa vũ trụ vạn vật. Ông nhấn mạnh: *"Tâm chỉ một mà thôi, do toàn thể tâm ấy phát khởi lòng trắc ẩn thì gọi là Nhân, đạt được những điều thích đáng thì gọi là Nghĩa, có thứ lớp trật tự thì gọi là Lý. Chẳng thể cầu Nhân ngoài tâm, chẳng thể cầu Nghĩa ngoài tâm, làm sao có thể riêng cầu Lý ở ngoài tâm cho được? Cầu Lý ngoài tâm thì Tri và Hành sẽ trở thành tách rời. Cầu Lý nơi chính tâm ta, đấy chính là giáo nghĩa 'tri hành hợp nhất' trong đạo Thánh vậy"*. Do câu nói này, học thuyết của Vương Dương Minh thường được gọi là thuyết Tri Hành Hợp Nhất.

Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Sức Chung Tân Lương, mỗi thứ một bộ. Sách Thập Yếu này chính là nguyên bản vào thời [tổ Ngẫu Ích], chứ không phải là bản bị tiết lược do [sư Thành Thời] in mộc bản trước kia. Đọc sách này mà tin đến nơi thì hết thảy tri thức, hết thảy kinh giáo, các thứ pháp môn đều chẳng lay chuyển được tín tâm! Người học Phật ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng Thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, khiến cho hết thảy mọi người nhìn theo bắt chước làm lành. Bởi lẽ *"dùng lời nói để dạy sẽ bị tranh cãi; dùng thân để dạy, người khác sẽ thuận theo"*. Cõi đời hiện nay đã loạn đến cùng cực, chẳng dùng Phật pháp để cứu vãn, uốn nắn, sẽ không lập cách gì khác được! Quang là một ông Tăng chỉ biết cơm cháo, thoạt đầu ông ví Quang như [Châu] Nguyên Công, [Thiệu] Khang Tiết[67], [Phạm] Văn Chánh Công là đã nói trật rồi. Tiếp đó, lại lầm lạc ca ngợi Quang là hậu thân của Phật Di Đà, là người tiên phong của đức Bổn Sư v.v… sao lại chẳng sợ tội lỗi đến mức như thế? Bởi lẽ, đem phàm lạm thánh, tội chẳng thể tha! Ông có biết hay chăng?

Khổng Tử nói: *"Triêu văn đạo, tịch tử khả hỹ"* (Sáng nghe đạo, tối chết cũng được)! Chẳng hận nghe đạo trễ, chỉ sợ chần chừ chẳng chịu thực hành! Đã biết niệm Phật có cảm ứng, hãy nên suất lãnh vợ con cùng tu trì. Người niệm Phật còn muốn phổ độ chúng sanh, huống là quyến thuộc trong nhà của chính mình sao nỡ để họ bỏ uổng cuộc sống này ư? Bỏ uổng cuộc sống này thì từ trần sa kiếp này sang trần sa kiếp khác, hễ lầm lỡ một phen sẽ lầm lỡ mãi mãi! Do vào mùa Đông năm ngoái Quang giảo duyệt bản thảo Hám Sơn Niên Phổ Sớ vào ban đêm, chữ viết quá nhạt, mục lực bị tổn thương, đến nay chẳng thể khôi phục được. Hiện thời khi đọc mà nếu chẳng dùng kính lão lẫn kính lúp sẽ chẳng thể xem hay viết được. Vì thế, vào mùa Đông năm ngoái đã cự tuyệt hết thảy thư từ. Phàm ai gởi thư đến đều dặn họ từ rày đừng gởi thư đến nữa, cũng chẳng bằng lòng họ giới thiệu người khác quy y vì tinh thần lẫn mục lực chẳng thể chịu đựng được! Một Lá Thư Trả Lời Khắp khá có quan hệ đối với hết thảy mọi người, hãy nên tùy duyên đề xướng thì lợi ích lớn lắm! *(Ngày Mười Bốn tháng Sáu)*

276. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ hai)

---

[67] Thiệu Khang Tiết (1011-1077), tự Hiểu Phu, là một nhà bói toán nổi tiếng đời Tống, tinh thông Dịch Lý, là một trong những nhân vật kiệt xuất của phái Tượng Số trong Dịch Học. Ông đã đề ra phép bói Mai Hoa Dịch Số nổi tiếng. Văn Chánh Công chính là Phạm Trọng Yêm (Ông này có thụy hiệu là Văn Chánh).

Cái chết của Huệ Tá là do cha mẹ, bà nội của anh ta gây ra. Nhà ấy sanh được đứa con thông minh, dĩnh ngộ, chẳng dạy anh ta đạo "giữ gìn thân thể, ít dục vọng". Đã sớm cưới vợ cho anh ta, lại chẳng nói tới lợi ích của việc tiết dục và cái họa của việc buông lung dục vọng. Hai kẻ thanh niên ấy chỉ biết cầu vui, chẳng biết sẽ chóng chết. Đến khi đã mắc bệnh rồi, vẫn chẳng bảo vợ trở về Ninh Ba, đến nỗi bệnh nặng hơn cả năm, rồi tới nỗi phải chết. Sắp chết, trông thấy vợ vẫn còn động tình, cho nên phải cắn ngón tay để đè nén dục tâm. Những chuyện như vậy trong thiên hạ nhiều lắm, chỉ thuật hai chuyện:

Một đệ tử nhà nghèo, cha chết sớm, học nghề buôn bán, tư chất thuần hậu. Năm mười lăm, mười sáu tuổi liền cưới vợ. Thân thể đã bị tổn thương. Trước hết, anh ta giữ sổ sách cho một tiệm bán the lụa, người bạn bảo anh ta sang chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà dưỡng sức mấy tháng. Đã khỏe mạnh rồi, bà mẹ cằn nhằn người giới thiệu, chỉ sợ anh ta xuất gia, lôi kéo ông chủ tiệm và bố vợ đến gọi anh ta về. Quang nói với người đến tìm: "Trở về thì được, nhưng hãy để cho người vợ thường xuyên ở bên nhà mẹ đẻ; nếu anh ta chưa hoàn toàn bình phục thì chớ nên gặp gỡ". Những người ấy đều là những kẻ chẳng hiểu chuyện nhất, đều chẳng nghe lời Quang. Anh ta vẫn giữ sổ sách trong tiệm. Quang sang Thượng Hải đến tiệm ấy *(chủ tiệm cũng là người tốt, có quen biết)* trông thấy anh ta sắc mặt tươi nhuận, biết anh ta vẫn biết tiết dục. Sau này Quang trở về núi, tới Ninh Ba, thấy sắc mặt anh ta biến đổi quá sức, hỏi: "Con có về nhà hay không?" Thưa: "Về tới nhà chỉ ở bốn ngày" mà hình dạng so với lúc chưa về đã khác hẳn một trời một vực, rốt cuộc chết mất. Chàng trai ấy thông hiểu văn tự, biết nghe lời, nếu chẳng phải do bà mẹ ương ngạnh đứng ra quyết đoán, chắc chẳng đến nỗi phải chết yểu!

Lại có con của một đệ tử quy y, bố vợ cũng quy y. Người này khá thông minh, rất giỏi Anh văn; do chẳng biết tiết dục nên ngã bệnh, muốn sang Tây Hồ, Hàng Châu, nói: "Hễ con sang Tây Hồ, bệnh sẽ lành được một nửa!" Cha mẹ chẳng biết anh ta không dám gặp vợ, chẳng chịu cho đi. Anh ta lại muốn vào bệnh viện; do vậy, bèn đưa vào bệnh viện, nhưng vẫn cho người vợ thường tới thăm, rốt cuộc anh ta chết trong bệnh viện. Ông bố vợ kể chuyện với Quang, Quang bảo: "Các ông là lũ người si dại đến nỗi anh ta chẳng muốn chết mà cứ ép anh ta phải chết!" Tiếc cho anh ta chẳng nói rõ chẳng dám thấy mặt vợ, vì hễ trông thấy mặt vợ sẽ hứng tình, di tinh.

Huệ Tá sắp chết, thấy vợ liền cắn ngón tay, ông tưởng là anh ta chán ngán, vẫn chưa đúng sự thật đâu! Ấy là vì anh ta chế ngự dục niệm. Đến khi chết, được sức trợ niệm của mọi người, chính mình vẫn có tín tâm; vì thế chết rồi tướng mạo biến đổi thành tươi đẹp; do vậy biết Phật lực, pháp lực, chúng sanh tâm lực, đều chẳng thể nghĩ bàn. Tâm lực của chúng sanh mà chẳng nương nhờ Phật lực, pháp lực sẽ chẳng thể hiển hiện được! Do nương vào Phật lực, pháp lực mà được hiển hiện, vì thế mới hiện tướng ấy. Con em đời sau càng thông minh thì dục tâm càng nặng. Khi chúng chưa dậy thì, chớ nên nói. Hễ đã dậy thì rồi, chẳng nói với chúng đạo giữ gìn thân thể, giảm bớt ham muốn, chắc sẽ đều khó tránh khỏi đến nỗi thủ dâm, tà dâm; đến khi cưới vợ sẽ quên thân chạy theo dục lạc, đều khó tránh khỏi! Con trai thì cha và thầy bảo ban nó. Con gái thì mẹ sẽ nói. Nếu vợ của Huệ Tá biết được nghĩa này, [anh ta] đâu đến nỗi mắc bệnh gần cả năm rồi chết!

Thời cổ, quốc gia còn hạ lệnh khuyên con người tiết dục. Nay thì bệnh đã gần chết, vẫn chẳng cho chia cách. Do vậy, những gã thanh niên tử vong oan uổng chẳng biết là bao nhiêu, cứ đổ hết cho số mạng. Há mạng có khiến cho bọn họ tham sắc dục không chán ư? Huệ Tá bị chết oan uổng! *(Nếu cha mẹ sớm khuyên dạy, [anh ta] hiểu lợi - hại sâu xa, trọn chẳng đến nỗi chết. Vì thế nói là "oan uổng").* Huệ Tá sanh về Tây Phương là chuyện may mắn. Nếu không có ai trợ niệm thì do chết vì dâm dục, dẫu chẳng đọa vào ba ác đạo, cũng khó tránh đọa làm thân nữ và thân gái làng chơi! Do mọi người trợ niệm, được nhờ vào Phật từ lực nên được kết quả ấy. Chuyện của anh chàng này chẳng cần phải lan truyền. Nếu muốn lan truyền thì phải dựa theo ý Quang đã nói về chuyện giữ thân tiết dục để nói thêm vào *(chẳng cần phải tuân theo nguyên văn, chỉ dựa theo ý)* thì sẽ khiến cho những kẻ làm cha mẹ và các thanh niên động lòng, mà cũng tỏ rõ ba thứ Phật lực, pháp lực, chúng sanh lực đều chẳng thể nghĩ bàn!

Trợ niệm dùng "thủ thuật"[68] chẳng bằng dùng tâm quán, từ nay về sau không cần phải đề xướng cách thức này. Cách ấy trước đây Quang đã thấy một đệ tử dựa theo cách pháp sư Hưng Từ đã lập; về sau pháp sư Huệ Định ở Tứ Xuyên đem tác phẩm Ứng Dụng Duy Thức Học Quyết

---

[68] Pháp sư Hưng Từ đề xướng một phương pháp gọi là "liễu sanh thoát tử, cứu độ Trung Ấm Thân". Theo đó, người hộ niệm tập trung tinh thần, quơ tay từ phía chân người chết lên đến ngực, vừa niệm Phật vừa tưởng đang như chính mình đang được Phật gia hộ, lôi kéo thần thức của người sắp chết từ chân lên đầu để cuối cùng thần thức sẽ từ đỉnh đầu thoát ra. Do vậy gọi là "thủ thuật" vì phải vận dụng tay rất nhiều để làm tư thế nắm kéo trong khi hộ niệm.

Định Sanh Tịnh Độ Luận do ông ta biên soạn gởi cho Quang, tôi biết pháp sư Hưng Từ dựa theo tác phẩm đó mà lập ra pháp ấy. Quang cho rằng công đức của Phật hiệu chẳng thể nghĩ bàn; bỏ sự trợ niệm của đại chúng để cậy vào chuyển động tay của một người nhằm kêu gọi Phật, đấy chính là coi rẻ Phật hiệu, coi trọng thủ thuật, chẳng đáng noi theo! Mong đừng lập dị, đến nỗi kẻ vô tri hùa nhau bỏ gốc lấy ngọn vậy! *(Ngày Hai Mươi Mốt tháng Mười Một)*

277. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ ba)

Thư nhận được đầy đủ, nếu chuyện của ông Lý Tự Huân là sự thật thì ông ta chắc chắn vãng sanh, nhưng người đời nay thường hay tô vẽ, muốn sướng tai khoái mắt người khác, đấy là lỗi lầm lớn. Đối với cha mẹ, đối với chính mình đều vô ích, bị tổn hoại. Vì sao vậy? Do lừa người dối mình, là phàm mà dối xưng là thánh vậy! Chưa vãng sanh, quyến thuộc chí thành niệm Phật thì người ấy cũng có thể vãng sanh. Nếu tô vẽ thì chẳng phải là tâm chân thật mà là tâm hư giả, nên khó được lợi ích thật sự. Mong hãy đem chuyện này thiết tha bảo với hết thảy đồng nhân.

Một bộ Văn Sao Tục Biên gồm hai cuốn, tổng cộng là ba trăm trang, mỗi gói là ba bộ, tính gởi bốn gói. Cho người hỏi bưu cục, họ nói không thể gởi được. Hiện thời rất nhiều nơi chỉ có thể gởi thư, dẫu là một quyển sách nhỏ cũng không gởi được. Xin ông hãy nói với những ai niệm Phật hãy sốt sắng niệm Phật, bởi sau này muốn có sách để đề xướng cũng rất khó khăn. Năm ngoái, vùng quê Quang gởi tới hơn bốn trăm đồng, nay một bộ cũng chẳng thể gởi được, đáng than thay! Chẳng biết ngày nào thanh bình, chuyện gởi sách đã tuyệt vọng rồi! Xin hãy sáng suốt soi xét, bài sớ Lễ Quán Âm Cầu Con và ba điều trọng yếu để cầu con, gởi mỗi thứ một phần. Tiền hương kính đưa cho thường trụ vì Quang sáng chẳng bảo đảm được tối, chẳng muốn giữ lại sau khi đã chết. Mục lực càng kém, không có chuyện gì khẩn thiết, đừng gởi thư đến để khỏi phải tốn công đọc và trả lời. Pháp danh của hai người được viết trong tờ giấy khác *(Ngày mồng Mười tháng Mười)*

Kim Vinh pháp danh là Huệ Trinh, có quan hệ rất lớn. [Cái tên này] không phải chỉ ngụ ý cô ta có thể thủ tiết! Kinh Dịch chép: *"Trinh giả, sự chi cán dã"* (Trinh là trung tâm (cốt lõi) của sự việc). Nếu con người

không có lòng Trinh[69] thì chuyện gì cũng chẳng thành. Hãy nên dùng lòng trinh do trí huệ để tự hành, dạy người thì lợi ích lớn lao. Một phụ nữ Hồi Hồi ở Vu Hồ tin tưởng sâu xa pháp môn Tịnh Độ, gần đây khuyên được một người cực thông minh nhưng chẳng tin Phật phát tâm quy y, cũng là do dùng lòng Trinh mà được! Đây quả là chuyện xưa nay ít thấy vì người Hồi Hồi khó giáo hóa nhất!

278. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ tư)

Đọc những điều đã thuật thì [người đã mất ấy] quyết định được vãng sanh, do đức Phật có đại nguyện, lại nhờ sức trợ niệm của đại chúng, nên có thể quyết định vãng sanh. Nhưng cũng không cần phải đăng báo, bởi ai nấy nương theo pháp này, ai nấy đều được vãng sanh, trọn chẳng phải là chuyện hiếm hoi, lạ lùng gì! Nếu ai nấy đều đăng báo sẽ phiền phức khôn xiết! Nếu [lúc lâm chung] có cảnh giới lớn lao chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải là chuyện thấy nghe bình thường thì chẳng ngại gì đăng báo để người thấy kẻ nghe đều sanh chánh tín! Nếu không, chẳng đăng báo sẽ tốt hơn. Vì sao vậy? Hết sức bình thường, chẳng hiếm hoi, lạ lùng gì! Nay tôi đem nguyên văn gởi trả lại, xin ông hãy bảo với hiếu quyến để họ vĩnh viễn lấy đó làm khuôn phép nhất định thì lợi ích sẽ rộng lớn vậy! *(Ngày mồng Sáu tháng Giêng)*

279. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ năm)

Đã nhận được bưu phiếu, từ nay đừng gởi đồ vật tới nữa. Hãy nhất tâm niệm Phật, chớ nên chuyên chú xem đọc [kinh sách] nữa! Niệm Phật là Chánh Hạnh, những lúc như đi đường chẳng hạn cần gì phải xem sách? Chỉ nên niệm Phật! Xem sách và niệm Phật là hai chuyện khác nhau. Niệm Phật đi, đứng, nằm, ngồi đều niệm được. Xem sách nếu chẳng ngưng lặng tâm trí, dẹp yên lo nghĩ, sẽ chẳng hiểu được ý nghĩa. Điều quan trọng trong Niệm Phật là nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối. Muốn nhiếp trọn sáu căn, chỉ lắng nghe tiếng niệm Phật của chính mình trong một thời gian dài thì sẽ tự đạt được. Đối với chuyện đặt ra những

---

[69] Trinh (貞) hiểu theo nghĩa rộng là lòng tinh thành đến cùng cực, không lay động, di chuyển bởi ngoại cảnh, bền giữ chí khí. Do vậy, phụ nữ giữ lòng chung thủy, không thay lòng đổi dạ gọi là Trinh, không hiểu hạn hẹp như chữ Virgin sau này.

chữ đầu cho pháp danh[70] để đời sau nương theo đó [mà đặt pháp danh], Quang trọn chẳng tán thành chuyện này vì sẽ tạo ra thói tệ, nên chẳng khơi ra đầu mối này!

280. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ sáu)

Quang già rồi, không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp. Trong tháng trước đã đăng lời phân trần trên hai tờ Tân Báo và Thân Báo để sau này bất luận là ai cũng đều chớ nên gởi thư đến nữa, mà cũng chẳng chấp nhận giới thiệu người khác đến quy y. Kẻ có lòng tin thì chẳng ngại gì theo lệ bái môn sinh[71] giống như nhà Nho, bái các ông làm thầy cho họ. Nhưng các ông chẳng được xưng là "thầy quy y" [của những người ấy], bởi lẽ quy y Phật - Pháp - Tăng Tam Bảo, cư sĩ há nên tiếm xưng? Chỉ vì chỗ ông không có vị Tăng thật sự biết Phật pháp, cho nên phải theo lối cầu học, để mong cho ai nấy đều được lợi lạc. Nếu nói ta là "thầy quy y của người nào đó, kẻ nào đấy là đệ tử quy y của ta", sẽ thành ra *"Bát Dật vũ đình, Ung Thi triệt tế"* (múa Bát Dật trong sân, ngâm bài Ung Thi để dọn cỗ tế xuống)[72], đúng là tội nhân trong cửa Phật, chẳng gọi là hoằng pháp lợi sanh!

---

[70] Tức là lối đặt pháp danh với những chữ đầu lấy từ một bài kệ truyền dòng. Chẳng hạn, dòng Lâm Tế Chúc Thánh có bài kệ: *"Minh thiệt pháp toàn chương, ấn chân như thị đồng…"*. Theo đó, thầy có pháp danh bắt đầu chữ Chân thì trò sẽ có pháp danh bắt đầu bằng chữ Như.

[71] Bái môn sinh: Tôn một vị mình trân trọng làm thầy, giữ lễ đệ tử.

[72] *"Bát Dật vũ đình"* (Múa Bát Dật trong sân) là một thành ngữ dựa theo câu nói của Khổng Tử trong Luận Ngữ: *"Tử viết: - Quý Thị Bát Dật vũ ư đình, thị khả nhẫn dã, thục bất khả nhẫn dã"* (Khổng Tử nói: - Quý Thị múa Bát Dật trong sân, chuyện ấy hắn còn nhẫn tâm làm thì chuyện gì khác mà hắn chẳng nhẫn tâm làm). Theo sách Luận Ngữ Giảng Yếu của cụ Lý Bỉnh Nam, Quý Tôn Thị nước Lỗ cho múa Bát Dật để tế tổ tiên trong sân của miếu thờ gia đình; đó là chuyện tiếm dụng rất lớn. Vì Bát Dật là một điệu múa, ít nhất là tám người, tối đa là sáu mươi bốn người, chỉ dành riêng cho thiên tử nhà Châu sử dụng khi tế tổ trong Thái Miếu. Nước Lỗ vốn là đất phong cho Châu Công sau khi nhà Châu dẹp Trụ. Do cảm niệm công ơn phù tá của Châu Công Đán khi vua còn bé, Châu Thành Vương đặc biệt cho phép vua nước Lỗ đời đời được sử dụng điệu múa Bát Dật để tế Châu Công, chứ không được sử dụng trong những miếu thờ khác, ngay cả miếu thờ vua nước Lỗ. Quý Thị chính là hậu duệ của Lỗ Hoàn Công, do thấy lễ nhạc của thiên tử được sử dụng trong miếu thờ Châu Công liền tự tiện sử dụng để tế tổ tiên của mình, do vậy phạm lỗi tiếm dụng rất lớn!
"Ung thi triệt tế" (Ngâm bài Ung Thi để dọn cỗ tế) cũng xuất phát từ một câu nói trong Luận Ngữ: *"Tam gia giả dĩ Ung triệt, Tử viết: "Tương duy tịch công, thiên tử mục mục, hề thủ ư tam gia chi đường"* (Ba họ ngâm bài Ung Thi trong khi dọn cỗ xuống sau khi tế xong, Khổng Tử nói: "[Hai câu thơ: 'Vẻ mặt của] chư hầu và hậu duệ nhà Hạ, nhà Ân đến trợ tế lẫn vẻ mặt của thiên tử đều nghiêm túc' sao lại dùng trong miếu thờ của ba họ?"). "Tam gia"

Pháp danh của năm người [xin quy y] được viết trong một tờ giấy khác. Nếu muốn đọc các kinh sách, hãy tiếp xúc trực tiếp với Hoằng Hóa Xã, cũng đừng thuận tiện gởi kèm thư cho Quang, dù có kèm theo thư cũng không trả lời. Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn dễ tu, dễ thành nhất trong Phật pháp. Hãy nên theo những gì Văn Sao, Gia Ngôn Lục và các trước thuật Tịnh Độ đã nói để tu tập, chắc chắn sẽ có thể cậy vào Phật từ lực để liễu sanh thoát tử. Nếu chẳng coi đấy là điều quan trọng, cứ muốn cậy vào tự lực để liễu sanh tử, chỉ sợ trải trần sa kiếp này sang trần sa kiếp khác vẫn ở trong lục đạo, luân hồi, chẳng đáng buồn sao? *(Ngày Mười Chín tháng Chạp)*

281. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ bảy)

Thư ông và thư của Lưu Văn Chương đều nhận được đầy đủ. Tôi vốn muốn viết pháp danh trên đơn xin quy y, nhưng mục lực chẳng đủ, nên chẳng thể viết chữ nhỏ được. Do vậy bèn viết vào tờ giấy khác. Xin hãy chia ra đưa cho họ. Đối với việc khai thị, nói chung lấy "giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương" làm chuẩn mực để tự hành dạy người. Cách niệm Phật thì không gì trọng yếu hơn là Nghe. Nghe thì tâm sẽ lặng vào một chỗ, đấy gọi là *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"*. Nay gởi cho ông hai

---

chính là Trọng Tôn, Thúc Tôn, Quý Tôn, đều là ba vị Khanh Đại Phu nước Lỗ, là hậu duệ của Khánh Phụ, Thúc Nha, Quý Hữu (ba người này là con thứ của Lỗ Hoàn Công), nên còn gọi là Tam Hoàn Gia hoặc Tam Hoàn Tử Tôn. Ung Thi là một bài thơ thuộc phần Châu Tụng của Kinh Thi. Triệt (徹) là dọn xuống. Khi thiên tử tế thái miếu, lúc lễ xong, các nhạc công cử nhạc ngâm bài thơ này để hạ cỗ bàn. *"Tương duy tịch công, thiên tử mục mục"* chính là hai câu thơ trong bài Ung Thi. Cụ Lý Bỉnh Nam giảng: "Tương duy" (相維) là chữ đệm không có nghĩa lý gì, "tịch công" (辟公) là các chư hầu, như hậu duệ nhà Hạ là nước Kỷ, hậu duệ nhà Ân là nước Tống. Mục mục (穆穆) là vẻ mặt ôn hòa, khoan dung, nghiêm túc của thiên tử. Hai câu này có nghĩa là khi các chư hầu và hậu duệ nhà Hạ, nhà Ân đến trợ tế, vẻ mặt của vị đứng Chủ Tế và các Bồi Tế (trợ tế) nghiêm túc, khoan hòa; ngụ ý tuy tế lễ đã xong, vị Chủ Tế và Trợ Tế vẫn nghiêm túc, trang trọng". Bài thơ này chỉ thiên tử nhà Châu mới được dùng khi tế lễ mà ba quan đại phu nước Lỗ lại tiếm dụng nên họ bị Khổng Tử chê trách.

Tổ Ấn Quang dùng cả hai câu thơ này để răn nhắc hàng cư sĩ không được tự tiện truyền Tam Quy, Ngũ Giới cho người khác vì chỉ có Tăng chúng mới có tư cách đại diện Tam Bảo truyền giới. Nếu cứ làm càn, sẽ giống như chư hầu dám dùng những nghi lễ dành riêng cho thiên tử để cúng tế tổ tiên mình.

mươi lăm gói sách; những bộ sách lớn không có nhiều hãy nên giữ lại trong hội để mọi người được xem. Những cuốn sách lẻ khá nhiều, trừ những cuốn để lại trong hội ra, hãy chọn những ai thông văn lý, có lòng tin, biết cung kính để biếu tặng.

Lưu Văn Chương hiếu học, nhưng sống nơi xa xôi, bất luận những loại sách lớn hay nhỏ mỗi thứ đều trích ra tặng cho ông ta một phần. Chớ nên gởi thư quấy nhiễu, hãy nên tự sốt sắng tu trì mà thôi! Sau khi nhận được hai mươi lăm gói sách, chỉ cần gởi một mảnh giấy báo tin đã nhận được, chớ nên lôi thôi, dài dòng! Quang mục lực chẳng đủ, đọc chữ cũng rất tốn sức, chớ nên không thông cảm, xin hãy sáng suốt soi xét và nói với mọi người *(Ngày Hai Mươi Mốt tháng Hai)*

282. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ tám)

Mười pháp danh được viết trong tờ giấy khác. Bọn họ phần nhiều từng dự vào Đồng Thiện Xã và theo Lý Học v.v… Nay đã quy y Phật pháp, chớ nên thực hiện những công phu ngoại đạo trước kia nữa! Phàm [những kẻ] thuộc ngoại đạo đều tuân thủ [cung cách] bí mật, nói xằng bậy bọn họ được chân truyền của Lục Tổ, vị thầy truyền đạo của họ là vị Phật này hay vị Tổ Sư nọ giáng sanh! Cái tội đại vọng ngữ ấy quả báo thật thê thảm! Hễ một hơi thở ra không hít vào được nữa sẽ đọa thẳng vào địa ngục A Tỳ vì kẻ ấy đã hoại loạn Phật pháp, làm cho chúng sanh lầm lạc, nghi ngờ! Nói đến cách "niệm Phật nhớ số" vốn chỉ cốt sao tâm quy vào một mối, chẳng cần phải nhớ đến trăm, đến ngàn! Cách ông lập ra tuy hay, nhưng sợ về lâu về dài tâm lực chẳng kham nổi, rất có thể ngã bệnh!

Nói đến sám pháp thì chỉ lấy kiền thành lễ tụng làm chánh, hoặc lễ Tịnh Độ Sám hoặc Tiểu Tịnh Độ Sám đều được. Trong sách Tịnh Độ Thập Yếu có bài văn sám hối. Nếu trong những sách đã gởi không có quyển ấy, hãy nên căn cứ theo giá cả để thỉnh từ Hoằng Hóa Xã. Thường gởi [tặng sách] liên tục thì Quang nào có sức! Nay gởi cho ông một gói Một Lá Thư Trả Lời Khắp, xin hãy cho mỗi người quy y một tờ để giúp cho tiền đồ tu trì của bọn họ *(Ngày Hai Mươi Bảy tháng Năm)*

283. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ chín)

Thư đề ngày mồng Mười tháng Chạp năm ngoái đến chiều ngày hôm qua tôi mới nhận được. Trước kia, tôi đã nói mục lực chẳng đủ, đừng gởi

thư tới nữa, cho nên lá thư gởi vào mùa Đông năm ngoái tôi không trả lời. Các ông tưởng là vì chưa dâng tiền cúng dường [nên Quang không thèm trả lời], do vậy bèn đặc biệt gởi tới ba mươi ba đồng mong rằng Quang sẽ trả lời thư! Đây thật là chẳng biết nỗi khổ của Quang. Hiện thời giao thông tiện lợi, bất luận xa hay gần đều có thể gởi thư đến. Tuy đã cự tuyệt, vẫn chẳng thể hoàn toàn không có ai gởi thư tới! Lại [có những người] từ mấy chục dặm hoặc một hai trăm dặm quanh Tô Châu, ngồi xe lửa, xe hơi, chưa đầy nửa ngày đã tới nơi, hằng ngày phải thù tiếp họ đã chiếm mất nửa thời gian lẫn sức lực. Há còn có thể thường xuyên trả lời thư các ông được chăng?

Sám hối bảy ngày, tự thệ thọ giới, rất tốt! Cần biết rằng: Bốn giới đầu trong Ngũ Giới thuộc về Tánh Giới, bất luận là ai đều phải nên giữ. Người dẫu chưa nghe đến tên gọi của giới mà phạm thì vẫn có tội bởi [những điều ấy có liên quan đến] thể tánh nên có tội. Vì thế, cũng gọi là Tánh Tội. Kẻ đã thọ giới mà phạm thì trở thành hai trọng tội, vì ngoài Tánh Tội ra còn phạm một Giá Tội[73] nữa là "phạm giới". Chỉ có giới uống rượu là Giá Giới, hễ phạm thì gọi là Giá Tội. Kẻ chẳng thọ giới mà uống rượu không phạm tội; kẻ đã thọ giới chỉ phạm Giới Tội.

Thêm nữa, người chưa thọ giới phạm đại vọng ngữ tội đã cực nặng, người thọ giới rồi [mà phạm] thì tội càng nặng thêm. Như lũ ngoại đạo thường nói bọn chúng đắc chân truyền của Phật pháp, "Lục Tổ loạn truyền Phật pháp, pháp trở về tay người tại gia, Tăng nhân đều không có pháp!" Thầy họ là vị Phật này hay vị tổ sư nọ chuyển thế. Kẻ thuyết pháp kiểu ấy đều là vì cầu danh văn lợi dưỡng. Người thọ giới cũng có kẻ hiếu danh, hoặc cầu lợi dưỡng, chưa được bảo đã được, chưa chứng nói đã chứng; hạng người ấy dẫu có tu trì nhưng vì tâm địa chẳng thật nên chưa chắc đã được hưởng lợi ích thật sự trong Phật pháp, mà cái tội hoại loạn Phật pháp, khiến chúng sanh bị lầm lạc, ngờ vực, chẳng biết tới năm nào, kiếp nào mới tiêu diệt được!

Nay gởi cho các ông hai mươi gói sách, đợi đến tháng Tư còn có mấy gói Kỹ Lộ Chỉ Quy sẽ gởi đến, [khi nhận được], đừng gởi thư trả lời. Đối với người mới phát tâm, sách ấy rất hữu ích. Vì thế, tôi đã tính gởi

---

[73] "Giá" (蔗) có nghĩa là ngăn trở, che lấp. Do tội ấy ngăn trở công đức không sanh trưởng được nên gọi là Giá Tội. Những giới nhằm ngăn trở tội lỗi chẳng để cho chúng nẩy sanh khiến cho công đức lẫn chân tánh bị che lấp thì gọi là Giá Giới. Do uống rượu khiến tâm sân hận, kiêu căng, si mê tăng trưởng, huệ tâm bị ẩn mất, có thể tạo ra những hành vi giết, trộm, dâm do không kiểm soát được tâm ý, nên tội uống rượu gọi là Giá Tội. Giới cấm "không uống rượu" sẽ giúp ngăn trở những điều tội lỗi ấy xảy ra nên gọi là Giá Giới.

từ trước kia. Mẹ ông Lý Thượng Đức pháp danh là Tông Thành, Thượng Đức pháp danh là Trí Đức, em trai ông ta là Thượng Tín, pháp danh là Trí Tín, Lý Vương Tố Khanh pháp danh là Trí Tố, Lý Thiệu Văn Hàn pháp danh là Trí Chương. Xin hãy nói với bọn họ: Hễ quy y Phật pháp, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận. Nếu không, chẳng những là tội nhân nơi Danh Giáo mà còn là tội nhân trong Phật pháp. Chuyện khẩn yếu nhất của phụ nữ là khéo dạy dỗ con cái. Lúc con cái vừa mới hiểu biết mà lúc ấy chẳng dạy dỗ thì về sau sẽ khó thành tựu được! *(Ngày Hai Mươi Tám tháng Giêng)*

284. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ mười)

Nhận được thư mấy ngày, do bận bịu không rảnh rỗi nên chưa trả lời ngay. Sáng nay viết cho ông những nghĩa chánh để ông chẳng đến nỗi lại sanh nghi ngờ nghĩa lý. Chuyện thế gian đều gây nên thói tệ, những kẻ ham danh ghét thật, hễ biết [được chút đạo lý nào] liền biến không thành có, đem phàm lạm thánh. Những thứ hành vi này phá hoại Phật pháp, khiến người khác lui sụt lòng tin. Hãy nên khuyên hết thảy mọi người niệm Phật đều tu hành chân thật, đừng chú trọng cầu mong tiếng tăm rỗng tuếch thì sẽ đích thân đạt được lợi ích. Mười đồng hương kính dùng để gởi một số sách trị giá mười đồng. Nếu [tổng số giá tiền sách] vượt quá số tiền ấy thì là do Quang biếu tặng *(Ngày Hai Mươi tháng Tám)*

Hiện thời sợ rằng sẽ có chiến sự, hãy nên bảo hết thảy mọi người đều cùng niệm Phật và niệm Quán Âm để dự phòng. Nếu không, trốn cũng không trốn được, ngừa cũng không có cách nào ngừa được, chẳng nên cẩn thận ư? Chẳng nên cẩn thận sao? *(Tái bút)*

285. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ mười một)

Theo như những tướng đã nói, thím của ông Trương Huệ Tuyền có thể vãng sanh, nhưng chẳng biết lời kể [tình cảnh lúc bà ta lâm chung] ấy có chẳng hư vọng hay không? Con gái và con trai bà ta là Phước Khánh vẫn muốn mẹ họ được quy y, sao chính họ không quy y? Vẫn sợ mẹ không được hưởng lợi ích thật sự, sao chính mình lại chẳng muốn được hưởng lợi ích thật sự vậy? Nay đặt pháp danh cho mẹ họ là Chứng Tịnh, ngụ ý bà ta đã sanh về Tây Phương, chứng được y báo lẫn chánh báo thanh tịnh trang nghiêm. Con trai pháp danh là Huệ Kính, con gái pháp danh là Huệ Hiếu. Nghĩa là dùng trí huệ của đức Phật để hành hiếu

kính. Xin hãy khai thị cho bọn họ. [Tôi] đã viết [bài văn] nêu chứng cứ về hết thảy những người niệm Phật vãng sanh và chẳng vãng sanh, chẳng phải chỉ để nói về thím của ông Huệ Tuyền; những điều nói kèm thêm trong bài văn ấy đều là những lời văn dành chung cho khắp [mọi người] chứ chẳng phải để dạy riêng một ai *(Ngày mồng Hai tháng Tư)*

Lúc đưa cho họ, nhớ dặn họ phải cung kính; gởi cho con trai, con gái [bà ta] hai gói sách này nọ. Nếu họ xem được thì đưa cho. Nếu không, hãy tặng cho người khác!

286. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ mười hai)

Hôm qua nhận được thư, biết Vương Lan Hinh tuy lậm sâu chất độc Trình - Châu - Hàn - Âu, vẫn nhờ có ông khuyến hóa mà được vãng sanh. Nếu không, do cái nghiệp hủy báng Phật pháp suốt một đời này, chắc chắn đời sau khó thể được như đời này. Kinh Pháp Hoa dạy: *"Thiện tri thức giả, thị đại nhân duyên, sở dĩ hóa đạo linh đắc kiến Phật"* (Thiện tri thức là nhân duyên lớn vì giáo hóa, chỉ dạy khiến được thấy Phật). Tiếc cho ông ta tin tưởng quá trễ! Nếu [ông ta] sanh lòng tin cùng lúc với ông thì khuyên dạy càng thêm đắc lực.

Ông ta là người hết sức quật cường, có thể chí thành niệm Phật trong khi bệnh khổ là do đời trước đã gieo thiện căn sâu xa nơi pháp môn Tịnh Độ trong Phật pháp. Trước lúc mất, liền biết trước khi nào sẽ chết, lại biết cõi Tây Phương thù thắng nhiệm mầu chẳng thể dùng ngôn ngữ nào để diễn tả được! Còn như sau khi đã tắt hơi, liền tỉnh lại, nói "chẳng thấy Đại Dương[74]" thì biết là ông ta vẫn nhờ trợ niệm mà được lợi ích [vãng sanh]. Từ đây có thể thấy rằng: Ông ta đã nghiệp tận tình không, nhưng vì quyến thuộc vô tri, đã lau rửa thân thể, thay áo sẵn, khóc lóc, gần như làm hỏng đại sự. Được ông khai thị, đều cùng niệm Phật hiệu, đến khi hơi nóng tụ về đảnh đầu tỏ rõ ông ta đã sanh Tây nhập thánh đạo. Chuyện này quả thật là chuyện may mắn hết sức lớn từ vô thủy đến nay.

Nếu thoạt đầu ông không khuyên ông ta niệm Phật thì chết đi khó tránh khỏi đọa lạc trong ác đạo vì suốt đời nghe lời kẻ khác xui xiểm tạo nghiệp "báng Phật, báng Pháp, báng Tăng" rất khó tiêu diệt được! May mắn được vãng sanh, vì thế đặt pháp danh cho ông ta là Chứng Tịnh, ý nói đã thật sự chứng được lợi ích Tịnh Độ. Từ nay thân cận Di Đà, theo

---

[74] Đại Dương là tên một người con của ông Vương Lan Hinh. Do quyến thuộc khóc lóc, Lan Hinh động niệm mến luyến con cái nên đã tắt hơi vẫn tỉnh lại, hỏi thăm đứa con còn vắng mặt.

gót hải chúng, sẽ tự đích thân chứng được Vô Sanh Pháp Nhẫn, lên địa vị Bất Thoái. Vợ ông ta là Phùng Thị, pháp danh là Hy Tịnh. Hy (希) là mong mỏi. Hãy nhất tâm niệm Phật, mong mỏi lâm chung được vãng sanh. Hợp Quần pháp danh là Trí Dung, do đã dấn thân vào xã hội, ắt phải viên dung không vướng mắc thì mới chẳng bị người khác chán ghét để tiện làm chuyện khuyên dạy [người khác] tu Tịnh nghiệp. Vì thế, pháp danh là Trí Dung. An Quần pháp danh là Trí Thao, Thao (韜) nghĩa là ẩn giấu. Đối với mọi người chẳng tự kiêu căng có trí, gặp chỗ quan trọng liền nói dứt khoát một lời, người ta sẽ bội phục. Nếu hiu hiu tự khoe khoang, dẫu nói ra câu nào cũng thích đáng thì cũng đã thiếu hồn hậu, huống là ăn nói chưa chắc đã thích đáng ư? Đấy là hướng dẫn về cách giữ thân, xử sự trong cõi đời, mà cũng là cái gốc để duy trì Tịnh nghiệp. Hãy nên bảo vợ và hai con ông ta đều nghiêm túc tuân thủ.

Ông thay họ dâng tiền hương kính cũng rất hợp lý. Quang suốt đời chẳng bận tâm cho chính mình, chỉ mong hết thảy mọi người đều tu Tịnh nghiệp, giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng Thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Do phương Bắc lạnh buốt, Phật pháp chẳng dễ lưu thông nên mới nhiều lần gởi sách để mong ai nấy đều cùng được gội ân Phật. Nay vẫn gởi cho họ các thứ kinh sách, xin ông hãy lượng định tặng cho mẹ con họ, hễ dư ra hãy tùy nghi biếu tặng. Cần phải nhắc họ cung kính thọ trì, chớ nên có thái độ như nhà Nho đọc sách Nho để xem kinh Phật. Nếu không, chưa được lợi ích mà đã mắc đại tội trước, hãy nên nói điều này với hết thảy mọi người có lòng tin. Mười gói kinh sách xin hãy thâu nhận! *(Ngày Hai Mươi Bốn tháng Tư)*

287. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ mười ba)

Thư nhận được đầy đủ, cảnh tượng lâm chung của nhóm bốn người Thường Khai Tường [cho thấy] họ đều được vãng sanh. Khai Tường lầm lẫn cố chấp Lý Học, nếu không được ông tích cực khuyên dạy cũng như do thời cuộc nguy hiểm, sợ rằng sẽ vẫn cứ chấp mê chẳng ngộ, làm một kẻ sống uổng chết phí! [Bài tường thuật chuyện vãng sanh của] bốn người ấy nên tóm gọn lời văn, gởi cho Thượng Hải Phật Học Thư Cục để họ đăng trên bán nguyệt san. Mồng Mười tháng Mười năm Dân Quốc 26 (1937), Quang lánh sang Linh Nham. Tới ngày Mười Bảy, Mười Tám, Tô Châu bị vây hãm, chánh phủ vốn muốn bỏ mặc Tô Châu không giao

tranh; vì thế, tai nạn ở Tô Châu so ra nhẹ hơn các huyện phụ cận như Côn Sơn, Thường Thục…

Hiện thời, đường thủy, đường bộ đều bị bế tắc, các thứ hàng hóa chẳng thể chở tới, giấy đắt gấp năm, gấp sáu trước kia. Sợ sau này còn đắt đỏ gấp nhiều lần hơn nữa! Chuyện Hoằng Hóa Xã quả thật đã hết cách lo liệu, hiện thời Quang không hỏi đến nữa, chỉ chờ chết ở Linh Nham mà thôi. Quý xứ liên tiếp gặp phải lụt lội, hạn hán, sao lại gởi tiền hương kính? Từ rày nếu không có chuyện gì quan trọng, đừng gởi thư đến. Một là vì đường sá có thổ phỉ, binh lính [ngăn trở], hai là vì Quang sáng chẳng đảm bảo được tối, chỉ tích cực niệm Phật là được rồi, cố nhiên chẳng cần phải quy y với Quang. Chỉ cần chịu vâng theo lời Phật dạy tu trì thì đều được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Bốn pháp danh viết trong một tờ giấy khác. Lam Điền pháp danh là Huệ Thực, sẽ kế tục chí hướng của cha, trồng sâu thiện căn ngõ hầu chẳng phụ cái tên tốt đẹp này. Xin hãy nói với những người cùng chí hướng thì may mắn thay! *(Ngày Mười Ba tháng Chín)*

288. Thư trả lời cư sĩ Thường Phùng Xuân (thư thứ mười bốn)

Pháp danh của hai mươi người viết trong một tờ giấy khác, những người bị lầm tên đã sửa rồi. Hai bài ca ông đã gởi rất hay, tiếc là giấy mắc quá sức, đợi sau này giấy rẻ hơn đôi chút sẽ cho ấn hành. Để khai thị [cho những người xin quy y], hãy nên dùng Một Lá Thư Trả Lời Khắp là châu đáo nhất. Xin hãy chọn lựa những điểm quan trọng để bảo ban họ *(Ngày Hai Mươi Bốn tháng Mười).*

289. Thư trả lời cư sĩ Chân Tịnh

Hai vị sư từ quý địa đến cầm theo thư của ông đưa cho tôi xem. Bài ca ngợi Quang do ông đã soạn chính là đem phàm lạm thánh, đến nỗi ông lẫn Quang đều mắc đại tội. Từ rày, muôn phần chớ nên theo thói ấy chút nào nữa! Nếu do chẳng biết mà nói thì lỗi còn nhỏ; chứ nếu đã biết mà vẫn nói bừa sẽ mắc thêm lỗi hý luận. Sách Lễ Ký nói: *"Nghĩ nhân tất ư kỳ luân"* (Làm người ắt phải tuân theo lẽ thường). Chẳng tuân theo lẽ thường, giống như thường dân xưng càn là đế vương, kẻ xưng tụng và người được xưng tụng đều mắc tội lớn, há chẳng cẩn thận ư? Quang suốt đời chẳng chịu khen ngợi người khác một cách sáo rỗng, mà cũng rất ghét người ta khen ngợi tôi một cách sáo rỗng!

Quang đã bảy mươi chín tuổi, sau ba mươi hai hôm nữa sẽ tròn tám mươi, nhưng sáng chẳng đảm bảo được tối, sợ rằng chưa được tám mươi đã chết rồi. Bất luận [tôi] còn sống hay đã chết, đều chớ nên theo thói xấu của người đời nay, khen ngợi xằng bậy. Trong bộ Văn Sao của Quang, cha mẹ, sư trưởng tôi đều chẳng nhắc tới, sợ người ta nghi ngờ tôi thêu dệt đến nỗi bị nhục lớn! Người đời nay khi cha mẹ, sư trưởng qua đời liền cầu người có tiếng tăm viết bài tán tụng, Quang hết sức chẳng muốn thuận theo thói ác ấy khiến cho cha mẹ lẫn thầy bị nhục lây. Tôi chết rồi, hãy nên cực lực đề xướng pháp môn Tịnh Độ, khiến cho người thấy nghe "sống thì hiền thiện, mất thì sanh về Cực Lạc". Điều này chỉ có công chẳng có lỗi. Nếu lầm lẫn viết bài ca ngợi, phúng điếu chính là đã hủy nhục Quang trước mặt mọi người vậy. Ngàn vạn phần xin đừng tập theo thói ác ấy!

Trứng gà có ăn được hay không? Tranh luận đủ mọi lẽ đã lâu! Nhưng người hiểu lý quyết chẳng nghĩ ăn [trứng gà] là đúng. Kẻ thích ăn liền khéo léo biện luận, chứ thật sự đã chường ra cái ngu! Vì sao vậy? Có người nói trứng có cồ, [tức là] có mầm sống thì không được ăn, còn trứng không có cồ chẳng thể nở thành gà con thì ăn được! Nếu nói như vậy thì con vật còn sống chẳng được ăn, chứ con vật chết rồi thì ăn được, có lẽ ấy hay chăng? Người thông minh thường hay dấy lên thứ tà kiến ấy, chẳng biết là nhằm thỏa thích bụng miệng mà phô phang cái trí của chính mình, đến nỗi bị người hiểu lý thương xót!

Sư Chi Đạo Lâm[75] đời Tấn học rộng, giỏi biện luận, tranh luận cùng thầy về chuyện trứng có ăn được hay không; do ông ta giỏi biện bác, vị thầy chẳng thể khiến cho [Đạo Lâm] khuất phục được. Vị thầy ấy mất rồi, hiện hình trước mặt ông ta, tay cầm trứng gà quăng xuống đất, gà con liền chui ra. Đạo Lâm hổ thẹn cảm tạ, thầy và trứng gà đều biến mất. Đấy là lời quyết đoán thời Tấn *(Phật pháp lúc mới truyền vào Trung Quốc, phân chia ra Đại Thừa và Tiểu Thừa để hoằng truyền. Đại Thừa thì hết thảy loại thịt*

---

[75] Chi Đạo Lâm (314-366), vốn tên là Chi Độn, họ Quan, người huyện Trần Lưu (nay là huyện Khai Phong, tỉnh Hà Nam), là danh tăng thời Đông Tấn. Sư xuất gia năm hai mươi lăm tuổi. Căn cứ theo chữ Chi đặt trước đạo hiệu, người ta cho rằng Sư thọ giới với một vị Tăng Tây Vực vì thời ấy, Tăng sĩ hay lấy họ của thầy làm họ mình, nên Sư đổi họ thành Chi. Sau Sư đến Kiến Khang (Nam Kinh) giảng kinh, giao du thân tình với Tạ An, Vương Hy Chi, thích bàn lẽ huyền diệu, ưa ngao du sơn thủy, ngâm vịnh. Sư đặc biệt hứng thú với giáo nghĩa Bát Nhã, có những kiến giải đặc sắc. Dưới thời Tấn Ai Đế, Sư từng vâng chiếu giảng kinh Bát Nhã Đạo Hành tại chùa Đông An ở kinh đô. Sư từng chú giải thiên Tiêu Dao của sách Trang Tử, đề xướng tư tưởng *"Sắc vốn là Không"*. Trước tác nổi tiếng nhất là Thích Tức Sắc Bổn Vô Nghĩa, Đại Tiểu Phẩm Đối Tỷ Yếu Sao, Sắc Tức Du Huyền Luận. Sư còn chú thích các kinh An Ban Thủ Ý, Bổn Khởi Tứ Thiền v.v….

đều không ăn, Tiểu Thừa ăn ba thứ tịnh nhục, ngũ tịnh nhục. Tam tịnh [nhục] (ba thứ thịt sạch) là [thịt của những con vật mà chính mình] chẳng thấy giết, chẳng nghe giết, chẳng nghi là do mình mà [con vật] bị giết. Thêm hai thứ [thịt của những con vật] tự chết và "điểu tàn". "Điểu tàn" là thịt do chim hay thú hay ăn bỏ sót lại. Đó là ngũ tịnh [nhục]. Tới thời Lương Vũ Đế, đều theo Đại Thừa, vĩnh viễn phế bỏ Tiểu Thừa. Đạo Lâm là cao tăng nhưng vẫn y theo Tiểu Thừa để luận).

Gần đây người ta hay bị bệnh phổi, Quang chẳng nghĩ như vậy là bình thường! Người đời sau nghiệp nặng, dậy thì sớm, mười một mười hai tuổi đã có dục niệm. Dục niệm đã dấy lên, không có cách gì kiềm chế, lại chẳng biết nghĩa lý giữ gìn thân thể nên bèn dùng đến cách thủ dâm. Như cây cỏ vừa mới nẩy mầm liền bị bẻ chồi, ắt phải khô héo. Con em thông minh do vậy mất mạng chẳng biết là bao nhiêu! Dẫu chẳng đến nỗi chết ngay lập tức thì thân thể yếu đuối, không nên cơm cháo gì! Đến khi lớn lên cưới vợ, cha mẹ, sư trưởng tuyệt chẳng nói đến đạo tiết dục, giữ gìn thân thể. Vì thế, quá nửa bị bệnh chết đều do thủ dâm và tham ăn nằm mà ra!

Do vậy, Khổng Tử đáp lời Mạnh Vũ Bá hỏi về đạo hiếu rằng: *"Phụ mẫu duy kỳ tật chi ưu"* (Cha mẹ chỉ lo lắng về tật ấy), chính là dạy phải kiêng ăn nằm. Chẳng kiêng ăn nằm thì trăm bệnh đua nhau phát ra, có thể kiêng ăn nằm thì giảm bớt bệnh tật nhiều lắm! Mạnh Tử nói: *"Dưỡng tâm giả (do kẻ khéo dưỡng thân ắt phải nhờ vào chế ngự tâm chẳng cho dục niệm khởi lên, nên gọi là "dưỡng tâm") mạc thiện ư quả dục. Kỳ vi nhân dã quả dục, tuy hữu bất tồn yên giả, quả hỹ. Kỳ vi nhân dã đa dục, tuy hữu tồn giả, quả hỹ"* (Dưỡng tâm thì không gì hay bằng ít ham muốn. Ai làm người mà ít ham muốn, tuy tâm người ấy có những điều không hợp đạo nghĩa, nhưng những điều ấy cũng ít. Ai làm người mà lắm ham muốn, tâm dù có giữ được đạo nghĩa thì đạo nghĩa ấy cũng chẳng được mấy[76]).

Cổ nhân trọng sanh mạng người dân, thiên Nguyệt Lệnh trong sách Lễ Ký chép: *"Trọng Xuân tiên lôi tam nhật, tù nhân dĩ mộc đạc tuần ư đạo lộ viết: 'Lôi tương phát thanh, kỳ hữu bất giới kỳ dung chỉ giả (tức phòng sự) sanh tử bất bị, tất hữu hung tai"* (Ba ngày trước khi sấm động vào lúc giữa mùa Xuân, viên quan chấp lệnh cầm mõ gỗ đi khắp nẻo đường rao truyền: 'Sấm sắp rền, kẻ nào chẳng kiêng ân ái (tức ăn nằm) sẽ sanh con chẳng vẹn toàn, ắt có tai nạn hung hiểm) *(tức là chân tay, thân thể chẳng trọn vẹn, hoặc sanh ra quái thai, hoặc vợ chồng bị chết, hoặc bị bệnh ngặt*

---

[76] Câu nói này được trích từ thiên Tận Tâm hạ của sách Mạnh Tử. Chúng tôi dịch câu nói này theo cách giải thích trong sách Tứ Thư Bạch Thoại Chú Giải của Thường Nhiệt Châu và Lân Công Chấn (Hoa Tạng Tịnh Tông Học Hội xuất bản tại Đài Loan năm 2003)

nghèo, nên nói là "ắt có tai nạn hung hiểm"). Đấy là chánh lệnh của quốc gia. Nay thì cha mẹ, sư trưởng, trọn chẳng nói với con cái về chuyện này. Đến khi đã ngã bệnh, thầy thuốc cũng chẳng bảo kiêng ăn nằm. Ấy là vì chẳng coi mạng người là trọng, chỉ mong người ta bệnh ngày càng nặng để phải chữa trị nhiều hơn! Thầy thuốc dụng tâm như thế, tội khác nào bọn cường đạo chặn đường cướp của! Bệnh của ông bất luận là do nguyên nhân nào phát sanh, đều nên lấy việc đoạn hẳn chuyện ăn nằm làm phương sách để mau được lành bệnh. Đợi đến khi hoàn toàn bình phục rồi, hoặc mỗi năm chung đụng một lần, hoặc mỗi quý (ba tháng) một lần để mong chẳng lỗi đạo "tiếp nối đời trước, mở ra đời sau", đừng thường xuyên ân ái, sẽ sanh được con cái thể chất khỏe mạnh, tánh tình từ thiện, thọ mạng dài lâu, vẻ vang nhiều lắm!

Quang đưa cho vị Sư [mang thư ông tới đây] một cuốn Thọ Khang Bảo Giám [nhờ trao lại cho ông], văn lẫn lý trong cuốn sách ấy đều đáng tuân theo. Chỉ có điều trong những ngày kiêng ăn nằm, [ngày vía] của những vị [thần thánh] có thần thông nhỏ nhoi cũng đều kể vào, dường như không thích đáng lắm[77]. Nhưng đối với chuyện "[ngày vía của] đại quỷ thần thì nên kính, chứ [đối với ngày vía của] tiểu quỷ thần nếu chẳng kính sẽ do vậy mà bị chuốc họa", hãy đừng nên bàn luận bừa bãi thì may mắn lắm thay! Dùng điều này để tự lợi mà cũng dùng những điều này để lợi tha. Do vậy, tự tu Tịnh nghiệp sanh về Tây Phương giống như trao bằng khoán chuộc lại vật cũ. Nữ nhân cũng thế! Ai muốn tiết dục ắt trước hết phải nói nguyên do với vợ sẽ chẳng đến nỗi [gia đình] bị lục đục. Trong đời có những kẻ thanh xuân chôn chồng, nguyên nhân quá nửa là vì chẳng khéo tiết dục mà ra! So với cảnh giữ phòng không ở góa, sao bằng tiết dục để được tề mi giai lão[78] chẳng hay hơn ư? Đây là

---

[77] Đây là phần Bảo Thân Lập Mạng Giới Kỳ Dữ Thiên Địa Nhân Kỵ trong sách Thọ Khang Bảo Giám, liệt kê những ngày vía của Phật, Bồ Tát, thần thánh trong Tam Giáo, hoặc những lúc thiên nhiên giao mùa, đổi tiết khí đều nên kiêng ăn nằm. Ngày vía của những vị thần rất nhỏ trong Đạo Giáo cũng được kể vào đó, chẳng hạn ngày 17 tháng Hai là ngày vía của Đông Phương Đỗ Tướng Quân, ngày 20 tháng Tư là ngày vía của Nhãn Quang thánh mẫu v.v… Theo ngu ý, mục đích của việc liệt kê thật nhiều ngày vía chỉ nhằm giúp cho người ta dễ tiết dục vì sợ phạm tội với thần thánh.

[78] Tề mi giai lão: đây là thành ngữ ghép của hai thành ngữ *"tề mi cử án"* (nâng án ngang mày) và *"bách niên giai lão"* (sống cùng nhau đến trăm tuổi). *"Tề mi cử án"* phát xuất từ phần Dật Dân Liệt Truyện trong Hậu Hán Thư: Toại Chí Ngô sống nhờ căn chái của nhà giàu là Ty Bá Thông. Ngô phải đi làm thuê cho người khác kiếm ăn. Mỗi lần chồng về, vợ dọn cơm chẳng dám sỗ sàng nhìn thẳng, luôn nâng cái án lên ngang mày mời chồng ăn cơm, Ty Bá Thông thấy vậy, lấy làm lạ, nói: "Anh ta khiến vợ kính trọng như thế, chắc không phải là người tầm thường!" Án vốn là cái mâm có chân thời cổ, dùng để đựng thức ăn. Vì thế,

đối với nữ nhân mà nói. Đàn ông cũng nên biết những chuyện kiêng kỵ có liên quan đến tánh mạng của nữ nhân, đấy chính là người phối ngẫu có đức hạnh hằng nâng đỡ, tạo lợi ích cho nhau. Quang ăn nói dài dòng chỉ vì bi tâm tha thiết, có lẽ đã gây nhàm tai người nghe!

Tịnh Độ Ngũ Kinh là căn bản của pháp môn Tịnh Độ. Hãy đọc kỹ lời tựa, sẽ tự biết được những ý chánh. Tịnh Độ Thập Yếu là trước thuật thiết yếu nhất của Tịnh Độ. Quan trọng nhất là sách Di Đà Yếu Giải, là bản chú giải tuyệt diệu nhất của kinh này. An Sĩ Toàn Thư là sách đứng đầu các thiện thư. Cảm Ứng Thiên Trực Giảng dùng chữ đơn giản, dễ hiểu nhưng không dung tục, kẻ nhã người tục cùng xem đều được lợi ích. Ấn Quang Văn Sao văn tuy vụng về, chất phác, nhưng nghĩa lý chấp nhận được. Noi theo những điều được sách này đề xướng chắc chắn chẳng bị chê là trái luân thường, gây rối đất nước. Hãy nên lấy Thọ Khang Bảo Giám làm sách giữ gìn tánh mạng cho con em đã hiểu chuyện đời. Chẳng những thanh niên phải nên xem, ngay cả người già cũng nên đọc. Muốn con em được trường thọ phải hoàn toàn cậy vào người cao tuổi thường nói đến chuyện họa - phước.

290. Thư trả lời cư sĩ Tiền Hiểu Trẫm

(đính kèm thư gởi đến)

Con có những điều nghi vấn, xin thầy trả lời:

1) [Trong nghi thức] Du Già Diệm Khẩu có đoạn: "Tội tánh bổn không do tâm tạo. Tâm nhược diệt thời, tội diệc vong. Tâm vong, tội diệt lưỡng câu không. Thử tắc thị danh chân sám hối" (Tội tánh vốn không, do tâm tạo. Khi tâm diệt rồi, tội cũng tiêu. Tâm mất, tội diệt đều không cả. Đấy được gọi là chân sám hối). Trong những trước tác khác cũng có dẫn đoạn này (nhưng câu chữ hơi khác). Chẳng biết [những câu này] vốn phát xuất từ kinh nào, quyển nào?

2) Con thường thấy bài kệ tán Phật "thập phương tam thế Phật, A Di Đà đệ nhất" gồm một trăm lẻ tám chữ của Đại Từ Bồ Tát. Bài kệ ấy xuất phát từ sách nào, quyển mấy?

3) Theo quyển hai của sách Kính Trung Kính Hựu Kính[79], trích dẫn tác phẩm Tịnh Độ Hoặc Vấn của pháp sư Thiên Như, [trong Tịnh Độ

đời sau hay dùng chữ "tề mi cử án" hay "cử án tề mi" để hình dung vợ chồng kính trọng nhau, yêu thương nhau đằm thắm.

[79] Kính Trung Kính Hựu Kính (Đường tắt nhất trong các đường tắt của mọi con đường tắt) là một tác phẩm của Trương Sư Thành viết vào đầu đời Thanh với nội dung đoạn nghi về Tịnh Độ, chỉ rõ pháp môn Tịnh Độ là pháp thích hợp cho khắp ba căn, cũng như những pháp tắc

Hoặc Vấn có] dẫn câu kinh: "Thọ trì danh hiệu Phật được mười thứ lợi ích thù thắng", chẳng biết sách Tịnh Độ Hoặc Vấn đã dẫn từ chương nào trong kinh nào?

4) Niệm Phật có mười thứ lợi ích thù thắng như trên đây đã nói, thờ phụng, niệm tụng [kinh và danh hiệu] Địa Tạng Bồ Tát có hai mươi tám thứ lợi ích như trong Địa Tạng Bổn Nguyện Kinh đã nói. Chẳng biết thờ phụng, niệm tụng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát có lợi ích giống như những kinh văn vừa được nêu trên đây hay không, thầy có từng thấy kinh nào, quyển mấy, kinh văn như thế hay không? (Ngoại trừ phần kệ trong quyển thứ mười sáu của Lục Thập Hoa Nghiêm và kinh Đại Bi Đà La Ni)

Thưa cư sĩ Hiểu Trẫm! Ông đã có công phu rảnh rỗi để tìm tòi những chuyện chẳng cấp bách này.

1) Đã biết bài kệ sám hối trong [khoa nghi] Du Già Thí Thực là thù thắng nhiệm mầu, hãy y theo đó để sám hối ngõ hầu có thể được lợi ích lớn lao, cần gì phải hỏi bài kệ ấy phát xuất từ kinh nào? Tất cả những bài kệ trong khoa Thí Thực đều là trích dẫn kinh hoặc những câu văn đã thành khuôn phép, nhưng người chuyên y theo chuyện ấy (tức chuyện thí thực) để làm đã chiếm quá nửa! Nếu bảo bài kệ ấy chẳng phát xuất từ kinh, há chẳng thấy nó được coi trọng trong cõi đời ư? Dẫu bảo là bài kệ ấy phát xuất từ khoa Du Già Thí Thực thì cũng có gì là không được mà cứ phải hỏi đi hỏi lại người khác mãi! Ông đúng là hậu duệ của "kẻ hỏi cầu"[80], chỉ biết hỏi cầu đến nỗi lầm lẫn chẳng hưởng đại lợi ích thù thắng, uổng công sanh lòng áo não, có ích gì đâu?

2) Bài kệ phát nguyện của Đại Từ Bồ Tát cực hay, nhưng xưa nay chưa hề chú giải rõ ràng. Ngài là người thời nào, làm sao riêng chúng tôi

---

chủ yếu để tu hành Tịnh nghiệp. Sách được chia thành mười ba môn (như Tỉnh Mê môn, Dị Hành môn, Biện Ma môn…), trích dẫn rất nhiều những khai thị của các vị cổ đức về Tịnh Độ.

Trương Sư Thành (?-1830) tự Lan Chử, người huyện Quy An, tỉnh Chiết Giang, đỗ thủ khoa Cử Nhân trong khoa ân thí khi Càn Long tuần du Giang Nam năm 1784, đậu Tiến Sĩ năm 1790, được bổ làm Thứ Cát Sĩ trong Hàn Lâm Viện, từng làm đến tổng đốc Mân Chiết và Tuần Phủ Giang Tô. Có công dẹp hải tặc vùng Phước Kiến và Đài Loan, cai trị rất công minh, nghiêm chánh.

[80] "Hỏi cầu" (vấn kiều) là một từ ngữ trong nhà Phật chỉ những lời chỉ phí công vô ích. Điển tích này xuất phát từ Đại Phương Đẳng Đà La Ni Kinh quyển 3: Trong quá khứ, đức Phật là một vị tỳ-kheo hết sức bần cùng, muốn sang chỗ đang mở hội đại bố thí để xin ít đồ đạc, đi giữa đường chợt nẩy sanh mọi câu hỏi ngu dại, như "cầu do đâu mà có, do ai dựng nên" v.v… nẩy sanh bảy ngàn tám trăm câu hỏi, đến nỗi khi tới chỗ mở hội đã trễ giờ, tất cả những vật cần dùng đã được phát sạch chẳng còn gì, rốt cuộc phải quay về tay không!

biết được? *(Long Thư Tịnh Độ Văn, Vân Thê Chư Kinh Nhật Tụng đều chưa nêu rõ).*

3) Mười thứ lợi ích thù thắng đã từng được đại sư Vân Thê nêu ra ở cuối bộ Vãng Sanh Tập[81], nhưng cũng không nói phát xuất từ kinh nào. Thật ra lợi ích thù thắng vô cùng, nào phải chỉ có mười thứ! Nếu nói cặn kẽ, ắt sẽ vô lượng vô biên lần vô lượng vô biên lợi ích. Đây chẳng qua nêu đại lược một hai thứ để người ta sanh lòng tin đó thôi!

4) Ông đúng là người si nói chuyện dại. Ông đã từng đọc phẩm Phổ Môn hay chưa? Nếu có chúng sanh nhiều lòng dâm dục, thường cung kính niệm Quán Thế Âm Bồ Tát liền được lìa dục. Sân hận, ngu si cũng thế. Tam Độc (Tham - Sân - Si) đã diệt, Tam Học (Giới - Định - Huệ) viên minh, lợi ích ấy há hạn cuộc trong số lượng ư? Do hai mươi tám điều lợi ích của ngài Địa Tạng mà ông nghi đức Quán Âm, chẳng biết hai mươi tám điều ấy là đối với tâm lượng của phàm phu mà nói. Còn đối với đức Quán Âm, hễ trọn trần sát cảm liền khắp trần sát ứng, nếu [đem sánh ví hai mươi tám điều lợi ích ấy] với hai mươi tám hạt bụi trong số những vi trần của tam thiên đại thiên thế giới thì vẫn chẳng thể diễn tả hết được! Vì sao vậy? Do Bồ Tát không tâm không cảnh, Ngài lấy tâm, lấy cảnh của chúng sanh làm tâm làm cảnh [của chính mình].

Vì thế, nơi phần nói về điều chẳng thể nghĩ bàn thứ tư [của đức Quán Âm] trong chương Quán Âm Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm, kinh dạy: *"Ta đắc Phật tâm, chứng đến rốt ráo. Có thể dùng đủ mọi thứ trân bảo để cúng dường mười phương Như Lai kiêm thêm mười phương pháp giới lục đạo chúng sanh, cầu vợ được vợ (Cầu người vợ hiền lương, trí huệ, Bồ Tát gia bị liền được người vợ hiền lương, trí huệ. Chớ nên hiểu lầm "Bồ Tát liền ban cho vợ!" Cầu con cũng thế), cầu con được con, cầu tam-muội đắc tam-muội, cầu trường thọ được trường thọ. Như thế cho đến cầu đại Niết Bàn đắc đại Niết Bàn"*. Đại Niết Bàn chính là Phật quả rốt ráo mà Ngài còn khiến cho chúng sanh đạt được, huống là tất cả những phước lạc thế gian xuất thế gian của hết thảy trời người và quả chứng trong tam thừa ư?

Ông đọc kinh mà không có con mắt chọn pháp; do hai mươi tám điều [lợi ích] của ngài Địa Tạng mà ngờ đức Quán Âm! Không phải là người khác chẳng thể đáp được, mà là người ta khinh ông chẳng đáng

---

[81] Vãng Sanh Tập (ba quyển) là tác phẩm do ngài Vân Thê Châu Hoằng soạn vào đời Minh, ghi chép chuyện vãng sanh của hành giả Tịnh Độ Ấn Độ và Trung Hoa, được chia thành chín phần: Sa-môn (từ ngài Huệ Viễn đời Tấn đến ngài Bảo Châu đời Minh), vua, quan, xử sĩ, ni sư, phụ nữ, ác nhân, súc sanh, chư thánh đồng quy. Trong phần Chư Thánh Đồng Quy đã trích dẫn những đoạn kinh từ Quán Kinh và Vô Lượng Thọ Kinh, cũng như những chuyện cảm ứng do tu Tịnh nghiệp. Cuối phần này nêu ra mười thứ công đức của niệm Phật.

cho họ đáp đó thôi! Quang sợ ông tưởng đó là bản lãnh của chính mình, thường tìm những người chẳng chú ý đến chuyện ấy để hỏi người ta hòng tự khoe khoang, nhưng chẳng biết là đã tự khinh! Từ đấy sanh lòng đại ngã mạn, cho là ta có thể bắt bí được hết thảy mọi người, ắt sau này chắc phải có ngày bị ma dựa phát cuồng! Sao không dùng tâm tư ấy để nhất tâm niệm Phật ngõ hầu tâm tương ứng Phật, sống làm đệ tử chân thật của Phật, mất làm bạn lành chốn Liên Trì?

Ông hãy buông cuồng tâm xuống, đọc lá thư tôi gởi cho cư sĩ Cố Hiển Vi trong Văn Sao ắt sẽ được lợi ích, gốc bệnh sẽ hết sạch. Lá thư ấy thật ra là để nói với bạn ông Cố là Phan Thừa Ngạc, chứ chưa từng gặp gỡ ông ta. Ông Cố xin Quang trị bệnh tà chấp cho ông Phan. Vì vậy, tôi chẳng kỵ húy, nói thẳng thừng không úp mở. Ông Phan đọc xong, liền quy y pháp sư Đế Nhàn, từ đầu đến cuối chẳng dám gởi thư cho Quang. Đức Quán Âm do đắc Phật tâm nên ứng trọn khắp tâm của hết thảy thánh - phàm thế gian lẫn xuất thế gian, khiến cho ai nấy đều được mãn nguyện, há có thể nói được số lượng ư? Địa Tạng và Quán Âm đều là cổ Phật thị hiện. Những điều được nêu trong kinh là muốn cho kẻ phàm phu sanh lòng chánh tín. Nếu nói rộng thì ai nấy sẽ khó thể lãnh hội được. Ông khéo hiểu oai thần, công đức của Địa Tạng và Quán Âm, sẽ đáng gọi là "người có trí huệ sáng suốt". Nếu không, sẽ theo lối mòn của kẻ si, rốt cuộc không có cách chi thoát được. Xin hãy sáng suốt soi xét!

291. Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh (thư thứ nhất)

Năm Dân Quốc 25 (1936) Quang từng nằm mộng, khi ấy rất rõ ràng, sau đó quên mất sạch sành sanh. Đã biết là mộng, hãy trọn chớ nên nói. Quang già rồi, trọn chẳng muốn người khác lắm chuyện. Có người nói sẽ chúc thọ Quang, Quang nói: "Tôi thà chịu hình phạt chặt đầu, chẳng muốn nghe nói đến chuyện chúc thọ!" Có người xin Quang làm bậc chỉ đạo cho chùa họ, Quang nói: "Nếu dùng hai chữ Ấn Quang, Quang sẽ bước xuống biển Đông để về Tây Phương. Vì lòng người khó lường, thiện - ác khó thấu" *(Đầu tháng Sáu năm Dân Quốc 29 - 1940)*

292. Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết Văn Sao đã gởi tới nơi. Nói đến giấc mộng thì vẫn là do lòng Thành của các hạ cảm nên, những khai thị [ông nghe

Quang dạy trong giấc mộng ấy] chính là những điều hay biết trong tự tâm [tỏ lộ ra]. Quang là một gã phàm phu sát đất làm sao có thần thông đạo lực như thế ấy? Chỉ nên y theo những gì Quang đã nói, quyết chẳng đến nỗi hiểu lầm, ấy chính là tự tin vậy. Quản Tử[82] nói: *"Tư chi, tư chi, hựu trùng tư chi. Tư chi bất đắc, quỷ thần tương thông chi"* (Suy nghĩ, suy nghĩ, lại suy nghĩ thêm nữa. Hễ suy nghĩ không ra, quỷ thần sẽ cảm thông). Chẳng phải là quỷ thần cảm thông mà chính là do lòng tinh thành đến tột bậc. Nên biết rằng: Tâm thông pháp giới. Nếu có thể chuyên tinh dốc chí thì chẳng những sự hay biết trong tự tâm có thể mở mang, phát khởi mà Phật, Bồ Tát, tri thức trong pháp giới cũng có thể thị hiện khơi gợi. Chứ kẻ hời hợt hờ hững chớ nên khởi lên những thứ tưởng niệm ấy, sợ rằng sẽ do vậy mà chiêu cảm ma sự, hết sức mong mỏi [ông hãy tự xét]. Hiện thời, chiến sự hết sức khốc liệt, ngoài lúc niệm Phật ra, xin ông hãy niệm thêm Quán Thế Âm để làm chỗ nương cậy cho tương lai.

293. Thư trả lời cư sĩ Chương Duyên Tịnh (thư thứ ba)

Nhận được thư biết các hạ túc căn sâu dầy, cảm được vợ con đều cùng dốc lòng tin Phật pháp, tận tụy vâng giữ hiếu đạo, khâm phục khôn ngằn. Người đời thường chẳng tu thật hạnh, chuyên cầu được tiếng tốt. Phàm người sống trong cõi đời phần nhiều chẳng khác gì kẻ tầm thường, đến khi chết, bèn xưng tụng, tường thuật tâm hạnh [người ấy] lúc còn sống đúng là bậc hiền nhân lỗi lạc! Các hạ chuyên trọng chân tu, chắc chẳng đến nỗi bịa chuyện, tô vẽ. Nhìn vào cảnh tượng lúc lệnh phu nhân lâm chung thì vãng sanh Tây Phương có lẽ chẳng còn ngờ chi! Đối với

---

[82] Quản Tử chính là Quản Trọng (không rõ năm sanh - mất năm 645 trước Công nguyên), tên thật là Di Ngô, còn có tên là Kính Trọng, tên tự là Trọng, là một chính trị gia, kiêm quân sự gia lỗi lạc của nước Tề thời Xuân Thu, quê ở đất Dĩnh (nay là Dĩnh Thượng, tỉnh An Huy). Lúc nhỏ chơi thân với Bão Thúc Nha. Do Bão Thúc Nha tiến cử, ông được Tề Hoàn Công cử làm Thượng Khanh (tức Tể Tướng nước Tề), đã góp phần đưa Tề Hoàn Công lên ngôi bá chủ chư hầu thời ấy. Tề Hoàn Công rất kính trọng, gọi ông là Thượng Phụ chứ không gọi tên. Trước tác, luận thuyết của ông được Lưu Hướng biên định thành bộ sách Quản Tử gồm 86 thiên, nhưng nay chỉ còn 76 thiên. Ông theo chủ nghĩa duy vật, cho rằng con người do tinh khí của trời đất sinh ra: *"Phàm con người được sanh ra là từ tinh khí của trời, do đất tạo thành hình, hợp thành con người. Hễ hai thứ đó dung hòa được với nhau thì con người được sanh; nếu không, sẽ chẳng sanh"*. Ông chủ trương quỷ thần cũng là một dạng khác của Tinh và Khí. Từ quan điểm duy vật, ông chủ trương "nhằm đạt được mục đích, bất cần phương tiện", tận lực cải cách kinh tế, thương nghiệp, nông nghiệp khiến cho nước Tề giàu mạnh nhất thời ấy. Trong nhiệt tình thực hiện những thủ đoạn nhằm tăng mạnh ngân quỹ quốc gia, ông đã cho lập hệ thống Quan Kỹ, tức là những cơ sở kinh doanh xác thịt phụ nữ do triều đình điều hành.

những lời giáng cơ, rốt cuộc chẳng ra ngoài chuyện phán đoán sự lý, có lẽ không cần phải nghi ngờ, do dự nữa! Có điều chết rồi, chỉ niệm Phật nửa tiếng đồng hồ liền cất tiếng khóc, lo liệu tắm rửa, tôi vẫn cảm thấy là quá sớm!

Trong bộ Văn Sao của Quang, do thuận theo lòng người [tôi đã khuyên] niệm Phật hai tiếng đồng hồ rồi mới tiến hành [lo liệu ma chay] thì vẫn là quá sớm, chỉ sợ lòng người chẳng thể nhẫn nại được; chứ thật ra nên đợi tới bốn năm tiếng mới tốt. Vẫn còn có trường hợp để sau một ngày [rồi mới lo liệu mai táng] là tốt nhất. Các hạ trên có mẹ già, hãy nên bảo sẵn với con cái về nghĩa lý này. Lâm chung nghe tiếng niệm Phật, [người sắp mất] tâm thanh tịnh cũng có thể niệm theo; nghe tiếng khóc tâm sẽ đau buồn liền mất chánh niệm. Hiếu tử thờ cha mẹ, hãy nên dốc sức nơi thực tế, đừng bắt chước làm theo lề thói thế tục.

Lại hãy nên giảng nói với những người cùng hàng trong hội Phật giáo để cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc của mỗi người khi chết sẽ được thành tựu chánh niệm. Những kẻ có túc căn sẽ có thể vãng sanh ngay lập tức. Kẻ dẫu chẳng vãng sanh cũng nhờ vào công đức ấy mà sanh trong đường lành. Những chuyện người đời đã làm đều là chuyện đã té giếng rồi còn quăng đá xuống, như chưa tắt hơi liền tắm rửa, thay quần áo sẵn, khóc lóc, khiến cho thân tâm [người sắp mất] đau đớn khó chịu đựng, nhưng lại không thể nói ra được, trong lòng nhất định sân hận và có ý niệm luyến mến. Do tâm sân hận, luyến mến nẩy sanh, ắt phải đọa lạc!

Lại dùng đồ mặn để cúng bái và đãi đằng khách khứa, vì một người chết, chẳng biết đã giết bao nhiêu con vật đang sống sởn sơ để chống giữ thể diện, bảo đó là "tận hiếu, kính khách!" Tang lễ dùng cỗ chay, từ xưa Nho gia đã như thế. Họ còn chưa biết đạo nhân quả ba đời và luân hồi, nhưng luận theo chuyện con người mà quy định như thế. Huống chi người đời nay đều biết nhân quả ba đời, con người và súc vật tuần hoàn, sao nỡ vì cha mẹ sát sanh, khiến cho cha mẹ và chính mình trong đời vị lai đều cùng phải đem thân đền trả ác báo do việc chống giữ thể diện này ư? Người như vậy chẳng gọi là si thì gọi là gì đây? Thường đề xướng như thế sẽ cứu được nhiều sanh mạng lắm!

Lệnh phu nhân đời trước đã vun bồi lớn lao nên vừa nghe liền sanh lòng tin. Bà ta chưa thể tu trì thường luôn tinh tấn thì: Một là vì không có ai khuyến khích, nhắc nhở. Hai là vì chưa thật sự biết nỗi khổ sanh tử và lợi ích của Phật pháp. Lời nói lúc lâm chung khá hợp với điều thứ nhất trong ba thứ chánh nhân Tịnh nghiệp của Quán kinh; kinh dạy:

"Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp". Nghĩ đến hai đứa cháu chưa trưởng thành là thuộc về Thập Thiện Nghiệp, không có lòng yêu mến vợ chồng, mẹ con, cũng là thuộc về Thập Thiện Nghiệp. Có chánh nhân ấy, lại thêm tâm chánh tín, tự niệm, được quyến thuộc trợ niệm, lo gì chẳng vãng sanh? Kẻ chẳng vãng sanh là vì tình ái vừa dấy lên thì chánh niệm liền mất, trọn chẳng thể vãng sanh! Đừng nói người công phu nông cạn, dẫu kẻ công phu sâu cũng chẳng thể vãng sanh được, vì dùng phàm tình để xử sự nên khí phận cách ngăn với Phật, thánh. Thế gian chuyện gì cũng đều có thể làm giả, chỉ có lúc lâm chung là không thể giả vờ được. Bà ta đã có thể ngồi dậy quán tượng Tây Phương Tam Thánh, miệng niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát, chẳng sanh Tây Phương thì sanh về đâu? Huống chi chết rồi thân thể còn có mùi hương lạ, vẻ mặt như lúc sống, đầu tóc tươi nhuận. Đấy đều là những tướng lành [chứng tỏ] sanh về Tây Phương. Nếu những điều ấy chẳng thật, khó thể nói chắc chắn bà ta có được vãng sanh hay không! Nếu mỗi một điều đều là thật, chẳng cần phải cầu cơ, vẫn tự có thể phán đoán rằng: "Nhất định bà ta đã được vãng sanh rồi!"

Còn như ông ngờ bà ta công phu nông cạn, giới phẩm chưa vẹn toàn, [tức là ông] chẳng biết một niệm lúc lâm chung có quan hệ rất lớn! Đừng nói người đã từng có công phu, dẫu người chưa hề có công phu, nếu lúc lâm chung có thể nghe thiện tri thức chỉ dạy và được người khác trợ niệm, chính mình niệm theo, quyến thuộc chung quanh khéo léo giữ gìn, chẳng để cho người ấy dấy lên tâm mến luyến và tâm sân hận, sẽ đều có thể vãng sanh. Bài Lâm Chung Chánh Niệm Văn của Thiện Đạo hòa thượng chắc ông cũng đã đọc rồi, cần gì phải nghi ngờ nữa? Sanh về Biên Địa[83] của Tây Phương là đã được siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, sao lại nghi ngờ rồi chẳng viết ra, há chẳng phải là ăn nói thật đáng buồn cười ư?

Bậc Bất Thoái Chuyển nghĩa là sở tu sở chứng của vị ấy chẳng bị lui sụt, há nên vì lời lẽ [được phán ra] khi [có kẻ tự xưng là thần tiên] giáng đàn mà hoài nghi, cho rằng đấy chính là thoái chuyển ư? Chuyện cầu cơ chẳng phải là không có sự thật, nhưng kẻ giả vờ giáng xuống rất nhiều. Chuyện của lệnh phu nhân, dựa theo lý thì trọn chẳng còn nghĩa lý nào

---

[83] Biên Địa, còn gọi là Nghi Thành, Biên Thai, hoặc Thai Cung là những người tu Tịnh Độ đầy đủ công đức, nhưng tâm còn nghi hoặc (như chẳng tin vào trí huệ của Phật, ngờ mình chẳng được vãng sanh v.v...) sẽ phải sanh về. Trong năm trăm năm ở nơi ấy, tuy sự vui sướng chẳng kém gì cõi Cực Lạc, nhưng chẳng gặp được Tam Bảo nên coi là khổ. Kinh Vô Lượng Thọ ví von: *"Vương tử bị xiềng bằng vàng nhốt trong ngục, hưởng trọn ngũ dục, vẫn mong muốn được thoát ra"*.

đáng nghi ngờ nữa; cần gì phải cầu cơ mới có thể quyết đoán được! Con cái vì mẹ niệm tụng thì công đức ấy [không chỉ] mẹ được hưởng mà chính con cái cũng được hưởng. Như dâng hương lên cha mẹ, chính mình cũng ngửi thấy mùi hương, so với chuyện chẳng dâng lên cha mẹ, chỉ riêng chính mình ngửi mùi hương thì cũng chẳng khác gì. Ngược ngạo vì cha mẹ mà sát sanh thì chính mình mắc phải sát báo mà cha mẹ cũng bị sát báo. Như một kẻ giết người, tội quy về kẻ đó, còn nếu bị người khác sai khiến và cả hai người đồng ý giết thì hai người đều cùng mắc tội giết người. Tiếc cho người đời chẳng biết nghĩa này, thường vì thể hiện lòng hiếu mà hãm cha mẹ lẫn chính mình trong ác đạo, chẳng thể thoát ra, chẳng đáng buồn ư?

Bệnh phát ra, bất tỉnh nhân sự, do chí thành niệm chú Đại Bi nên [phu nhân] chưa chết, liền tỉnh táo thấy Phật, Bồ Tát, ấy chính là do lòng Thành của các hạ và thiện căn đời trước của phu nhân cảm nên, sao lại bảo là ma? Lại nữa, há nên nói "đã cảm được Phật, Bồ Tát, sao chẳng qua đời liền?" Lời lẽ ấy rốt cuộc trở thành vô vị đến cùng cực; chỉ vì chính mình chẳng biết tà - chánh, chân - ngụy vậy. Lâm chung đã niệm danh hiệu Bồ Tát thì phải nói là "sẽ được tiếp nghênh Bồ Tát", chớ nên nói là "nghênh tiếp thần địa phương". Phàm mọi chuyện đều có nhân quả. Nếu niệm Bồ Tát mà lại nghênh tiếp thần thì nhân sẽ chẳng phù hợp quả. Viết thư này ngõ hầu ông được yên lòng thanh thản. Xin ông trên hãy khuyên lệnh từ, dưới khuyên con cái để cùng được hưởng lợi ích này thì may mắn lắm thay! *(Ngày Mười Một tháng Tư)*

294. Thư trả lời cư sĩ Đức Bồi (thư thứ nhất)

Thư nhận được đầy đủ. Pháp Bảo Đàn Kinh chính là kinh điển trọng yếu của Thiền Tông. Thiền Tông chỉ [chú trọng] hiểu rõ tự tánh, bọn độn căn chúng ta không thể đạt được lợi ích thật sự [nơi tông này]. Nếu chẳng sâu xa, thiết tha, tận lực tu tập, chắc sẽ đến nỗi hiểu lầm ý Lục Tổ, sẽ chẳng được lợi ích mà còn phạm lỗi. Pháp môn Tịnh Độ thích hợp khắp ba căn, trước khi chưa thành Phật [ai nấy] đều phải tu tập. Chúng ta đã chẳng thể đoạn Hoặc chứng Chân, cậy vào tự lực để liễu sanh tử, mà nếu vẫn chẳng lấy niệm Phật cầu sanh Tây Phương làm chí hướng, sự nghiệp thì dù có tu tập đi nữa cũng đều trở thành phước báo trong cõi

trời người. Muốn liễu sanh tử chắc phải tới năm con lừa[84] *(Trong mười hai con giáp không có con lừa).* Huống chi tuổi đã sáu mươi hai; dẫu thọ được tám mươi cũng chỉ là [sống thêm được] mười bảy, mười tám năm nữa, nhưng đối với kỳ hạn cái chết của con người, ai có thể làm chủ được? Vì thế, hãy nên miệt mài chuyên tu Tịnh nghiệp. Tự mình đã tu Tịnh nghiệp, hãy nên dạy quyến thuộc đều tu Tịnh nghiệp. Một là tạo lợi ích cho họ, hai là đề phòng khi chính mình lâm chung bị quyến thuộc chẳng biết niệm Phật phá hoại chánh niệm đến nỗi chẳng được vãng sanh!

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Canh, nghĩa là nương theo pháp môn Tịnh Độ được nói từ trí huệ của đức Phật để tự hành, dạy người mà cày bừa, ngõ hầu trong là quyến thuộc, ngoài là người đời cùng gieo thiện căn, cùng tu Tịnh nghiệp, đấy chính là ý cao tột của Y Doãn khi cày ruộng Sằn[85] dùng tiên giác để giác ngộ kẻ hậu giác vậy. Niệm Phật nhằm đối trị phiền não, tập khí. Phiền não tập khí giảm được một phần thì công phu niệm Phật tiến được một phần. Trong khi ấy (tức trong khi niệm Phật) hãy thường tự niệm tự nghe. [Bí quyết] *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"* của Đại Thế Chí Bồ Tát chính là pháp chú trọng nơi Nghe.

Nay gởi cho ông và Huệ Chỉ mỗi người một cuốn Tịnh Độ Ngũ Kinh, một cuốn Sức Chung Tân Lương. Thường tụng Tịnh Độ Ngũ Kinh sẽ biết được cội nguồn duyên do của pháp Tịnh Độ, chẳng bị hết thảy kinh luận, thiện tri thức lay chuyển, lung lạc. Đọc Sức Chung Tân Lương sẽ biết cách dự phòng, chớ nên không thường xuyên luyện tập quyến thuộc! Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không ghi cặn kẽ. Lại gởi cho hai người các ông một bộ Tịnh Độ Thập Yếu gộp chung vào một gói. Mong hãy sáng suốt suy xét, từ rày hãy y theo những sách

---

[84] Nguyên văn "lư niên" (năm con lừa). Thời cổ dùng 12 con giáp để đặt tên cho từng năm, nhưng trong mười hai con giáp không có con lừa nên cổ nhân dùng chữ "lư niên" để chỉ chuyện không có kỳ hạn, hoặc không bao giờ xảy ra.

[85] *"Y Doãn canh Tân"* vốn là một điển tích dựa theo một câu nói được ghi trong thiên Vạn Chương thượng sách Mạnh Tử: *"Y Doãn canh vu Hữu Tân chi dã, nhi lạc Nghiêu Thuấn chi đạo yên"* (Y Doãn cày ruộng trên cánh đồng Hữu Tân mà vui với đạo của Nghiêu - Thuấn). Cánh đồng Hữu Tân nằm giữa hai thôn Tân Dã, Tân Lý thuộc trấn Tân Đình. Trước khi theo Tân Thị về hầu vua Thành Thang, Y Doãn vốn là nô lệ của họ Tân Đằng. Khi Tân Thị lấy vua Thành Thang, Y Doãn được phái đi theo Bồi Giá (người hầu đi theo nữ chủ về nhà chồng gọi là Bồi Giá). Khi dâng cơm, Y Doãn thừa dịp trình bày những kiến giải rất đặc sắc khiến Thành Thang ngưỡng mộ, trả tự do cho Y Doãn và phong cho ông làm Tể Tướng. Ông thường được cổ sử xưng tụng là *"thiên thu hiền tướng"*. Do chữ Tân (莘), còn đọc là Sân, nhưng thường bị đọc trại thành Sằn trong các sách vở được lưu truyền từ trước đến nay, chúng tôi cũng ghi theo cách đọc phổ biến là *"Y Doãn cày ruộng Sằn"*

này mà tu tập, đừng gởi thư đến nữa, do Quang mục lực suy yếu đến cùng cực, chẳng thể phúc đáp được!

295. Thư trả lời cư sĩ Đức Bồi (thư thứ hai)

Đang nhằm thời Mạt Pháp, con người căn cơ kém hèn, chỉ có một pháp Niệm Phật là phù hợp căn cơ nhất. Có nhiều người hễ cầu đảo đều luôn bận tâm về chuyện con người chẳng thể niệm tụng trọn hết kinh chú; chẳng biết hễ trì vạn đức hồng danh của A Di Đà Phật còn có thể thành Phật, há chẳng thể tiêu tai được ư? Quán Thế Âm Bồ Tát có duyên với thế giới này của chúng ta nhất, cũng nên niệm kèm thêm; chỉ cần chí thành, cung kính, nhất định "hễ có cảm liền thông". Dẫu cho tu trì lúc bình thường hay do có chuyện bèn cầu đảo đều cùng phải coi trọng chuyện "ai nấy đều có thể niệm được". Tứ Xuyên nhiều lần tổ chức cầu đảo [nhưng không có hiệu quả, nguyên nhân] chánh yếu đều là vì không phải ai cũng niệm được chú Lăng Nghiêm, khiến cho người [ngoài cuộc cảm thấy] đáng cười, đáng thương thay! Những kẻ [đứng ra tổ chức những pháp hội cầu đảo] ấy thuộc hạng ưa ăn nói lớn lối, thích làm chuyện khó khăn, chính họ làm thì được nhưng bảo nam nữ trọn tỉnh Tứ Xuyên đều niệm thì lại không thể niệm được! Họ chẳng biết rằng: Niệm Phật, hay niệm Quán Âm, đứa trẻ lên ba cũng có thể niệm được! Sau này, ông tổ chức Liên Xã để cầu đảo, hãy nên lấy niệm Phật, niệm Quán Âm làm chánh thì lợi ích lớn lắm. Hơn nữa, cố nhiên nhiều liên xã thì tốt, nhưng nhiều mà tràn lan hỗn loạn thì không nên. Đừng chú trọng [lôi kéo người gia nhập liên xã] cho đông đến nỗi xen lạm, tràn lan, hỗn tạp thì công chẳng cự được lỗi đâu!

296. Thư trả lời cư sĩ Đức Bồi (thư thứ ba)

Tam Thời Hệ Niệm chính là do người đời sau soạn ra, đội tên Trung Phong quốc sư[86]. Sách ấy có hai loại[87], ý tưởng chung giống nhau,

---

[86] Trung Phong Minh Bổn (1263-1323), là một vị cao tăng thuộc tông Lâm Tế sống vào đời Nguyên, người huyện Tiền Đường, Hàng Châu, thường được biết dưới mỹ hiệu Trí Giác thiền sư hoặc Phổ Ứng quốc sư. Từ nhỏ Ngài đã qua tham học với ngài Cao Phong Nguyên Diệu núi Thiên Mục, năm 24 tuổi xin xuất gia với ngài Cao Phong, sau này được phó truyền pháp mạch. Từ đấy, Ngài không có nơi trụ nhất định, thường vân du khắp nơi, nên thường tự xưng là Huyễn Trụ Đạo Nhân. Đạo đức, trí huệ rạng ngời nên được người đời xưng tụng là Giang Nam Cổ Phật. Vua Nhân Tông nhà Nguyên từng hạ chỉ triệu Sư vào triều, Sư luôn tìm cách từ chối, chỉ tiếp nhận bộ ca-sa kim lan và mỹ hiệu Phật Từ Viên Chiếu Quảng Huệ

nhưng văn tự không thật giống nhau cho lắm. Sách ấy vốn dùng để đề xướng trong lúc [tu tập] bình thường, sao lại dùng để trợ niệm? Trợ niệm thì phải nên chuyên nhất niệm Phật. Nếu đến lúc sắp chết, ngay cả kinh A Di Đà cũng không niệm thì mới có thể làm cho tâm người sắp mất gom về một chỗ được! Theo sách ấy, pháp sư thăng tòa, vừa niệm xong bèn giảng nói một đoạn, đại chúng ngồi nghe [pháp sư] giảng nói xong bèn niệm Phật một lượt. Đấy chính là coi trọng giảng nói, coi niệm Phật là phụ. Người soạn ra sách ấy quả thật chẳng biết đạo trợ niệm, nhưng kẻ chẳng biết pháp môn Tịnh Độ trong cõi đời lại dùng [nghi thức ấy] để làm Phật sự trợ niệm, cũng đáng than thở lắm!

Trợ niệm lúc lâm chung chuyên lấy Phật hiệu làm chánh. Hoằng Hóa Xã có sách Sức Chung Tân Lương nói cặn kẽ về pháp tắc, đọc sách ấy sẽ biết cách trợ niệm, chứ không chú trọng giảng bày những sự lý chẳng thiết yếu hao tốn thời gian. Nghe nói quý xứ bị nạn binh đao, nên chẳng dám gởi [sách tới]. Nếu nạn binh đao đã dứt, hãy nên gởi tiền sang thẳng chùa Báo Quốc ở Tô Châu để thỉnh. Mỗi gói sách ước chừng hai đồng; hiện thời giấy đắt gấp mấy lần, hai đồng vẫn chưa đủ giá vốn. Nếu tính theo giá vốn phải là ba bốn đồng. Nếu tiền nhiều thì tăng thêm sách, nếu ít thì giảm bớt sách. Nếu còn dư đôi chút sẽ gởi trả lại [số tiền thừa] bằng bưu phiếu.

Thiền Sư do vua phong tặng. Nguyên Anh Tông xin quy y với Sư được Sư chấp thuận. Sau khi Sư mất, ngài Từ Tịch biên tập những lời dạy và những trước tác của Sư, tạo thành một bộ toàn tập, đặt tên là Thiên Mục Trung Phong Hòa Thượng Quảng Lục. Qua bộ toàn tập này, ta thấy Sư thông hiểu Phật học uyên thâm, giảng rất nhiều kinh cũng như giảng dạy rất phóng khoáng, không hạn cuộc trong một tông phái nào, do đó Sư được người thời ấy ca ngợi: *"Phật pháp trung hưng Bổn Trung Phong"* (Có thể hiểu hai cách: Phật pháp được trung hưng bởi sư Minh Bổn Trung Phong, hoặc vốn nhờ vào ngài Trung Phong mà Phật pháp được trung hưng)

[87] Hiện thời có hai bản Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm được lưu hành:

1) Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự. Bản này phổ biến nhất, thường dùng thay thế cho nghi thức Diệm Khẩu, chủ yếu lấy kinh Di Đà làm kinh văn phúng tụng trong cả ba thời. Hiểu theo nghĩa hẹp, "tam thời" là buổi sáng, chính ngọ và buổi chiều, tức là trong suốt một ngày thường luôn hệ niệm tưởng nhớ đến Phật. Hiểu theo nghĩa rộng, Tam Thời chỉ hết thảy thời. Hệ niệm là thân - khẩu - ý đều nương theo văn nghĩa kinh Di Đà chuyên lòng chú tưởng Tây Phương Cực Lạc thế giới, không còn nghĩ gì khác.

2) Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Phật Sự Phạm Nghi: Cũng chia thành ba thời, nhưng dùng hai kinh Vô Lượng Thọ và Quán Vô Lượng Thọ để trì tụng. Thời thứ nhất tụng cuốn Thượng của kinh Vô Lượng Thọ (bản Ngụy dịch, tức bản dịch của ngài Khang Tăng Khải), thời thứ hai tụng cuốn hạ của Vô Lượng Thọ Kinh, thời thứ ba tụng Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Giữa thời thứ nhất và thời thứ hai có kèm theo nghi thức Cúng Ngọ. Giữa thời thứ hai và thời thứ ba lễ A Di Đà Sám Nghi. Các phần khai thị, tán Phật, sám hối, phát nguyện, hồi hướng đều giống như loại thứ nhất.

Thời cuộc gian nan, gởi thư xuông sẽ không trả lời. Hơn nữa, cước phí bưu điện mỗi tháng đều tăng; cứ chuyển một lần xe hơi thì mỗi gói lại tăng thêm bốn cắc; chuyển lần thứ hai, thứ ba đều chiếu theo đó [mà tính]. Nhưng chỉ giao cho bưu điện, có giấy tờ chứng nhận là hết, còn gởi đến nơi hay không, họ không chịu trách nhiệm, vì có lúc gặp phải binh lính hay thổ phỉ [ngăn chặn]. Đang trong thời thế này, hoằng pháp rất khó. Chuyện tương lai càng khó dự liệu. Quang từ khi tới Linh Nham, chuyên một mực đợi chết, chẳng qua là biết biện pháp nên mới nói cho ông biết đấy thôi. Quang mắt chẳng đọc được chữ, phải nhờ vào kính lão lẫn kính lúp để gắng gượng đọc và trả lời. Từ rày đừng nên gởi thư đến nữa, do Quang không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp. Sẽ hỏi bưu cục, nếu như gởi sách được, sẽ gởi cho ông một gói. Từ nay về sau xin hãy tiếp xúc Hoằng Hóa Xã để thỉnh sách, chứ Quang không thể giới thiệu được! *(Ngày Rằm tháng Ba)*

297. Thư trả lời cư sĩ Đức Bồi (thư thứ tư)

Trong Mật Tông, nếu chưa được A Xà Lê truyền dạy, chẳng được tụng chú, kết ấn. Nếu không, sẽ bị coi là trộm pháp. Điều này nhằm thể hiện ý nghĩa tôn trọng [Mật pháp] tột bậc. Nếu có vị A Xà Lê đạo đức, cố nhiên nên thỉnh vị ấy truyền dạy. Nếu không, chính mình chí tâm chân thành niệm tụng, ắt sẽ có cảm ứng. Đã có cảm ứng, chẳng đến nỗi mắc tội. Nếu nhất quyết là có tội, [chấp rằng] "chưa được truyền dạy mà niệm tụng, kết ấn đều sẽ gặp họa" thì nay tôi nêu một thí dụ. Như có người đọc sách, làm theo những điều sách dạy, sẽ trở thành học trò của thánh hiền, lấy thân mình làm gương cho mọi người, khiến cho ai nấy đều giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, đấy chính là *"chẳng nắm giữ địa vị mà dạy dân"* và cũng thay đổi được phong tục, bù đắp chỗ khuyết thiếu trong sự cai trị, chẳng có kẻ nào chê người ấy sai trái được!

Nếu tự cho chuyện mình đã làm vượt trỗi chuyện do quan địa phương làm, bèn phát hiệu lệnh để thực hành đạo "yêu dân, chuyên cần việc công" thì sẽ gần như là kẻ phản loạn, ắt sẽ bị hình phạt của quốc gia giáng xuống! Xin hãy suy nghĩ cặn kẽ để chính mình khỏi nghi ngờ, lầm lẫn! Đang trong lúc nhân dân khốn khổ, gian nan, không nơi nương tựa này, kẻ chẳng cậy vào sức kinh chú của Phật, Bồ Tát mà được yên ổn thì hiếm hoi lắm. Nếu chấp chết cứng "chưa được truyền dạy mà niệm chú, kết ấn đều phạm tội trộm pháp" thì nhân dân và cô hồn chưa được truyền

dạy đều chẳng được hưởng pháp ích (lợi ích từ nơi Phật pháp). Những ai đã được hưởng pháp ích ắt sẽ chẳng đến nỗi do nương theo đấy tu trì mà gặp họa. Nếu suy luận theo lẽ này, hai đằng đều ổn thỏa, chẳng trái nghịch nhau! *(Ngày mồng Năm tháng Sáu)*

298. Thư trả lời cư sĩ Doãn Toàn Hiếu (thư thứ nhất)

Đạo Hiếu lớn lao không gì ra ngoài được. Muốn được trọn vẹn, nếu không cùng gánh vác thế pháp (pháp thế gian) lẫn Phật pháp sẽ chẳng thể [trọn vẹn] được. Đối với thế pháp, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Với Phật pháp ắt phải kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn dạy người khác, sao cho trong là gia đình, ngoài là xã hội, hết thảy đồng nhân đều tu pháp này để mong liễu sanh tử ngay trong đời này. Phật pháp có vô lượng pháp môn, tất cả hết thảy pháp môn đều phải đoạn sạch Phiền Hoặc mới có thể liễu sanh thoát tử. Nếu có mảy may Phiền Hoặc nào chưa đoạn hết thì vẫn chẳng thể thoát khỏi luân hồi!

Chỉ có một pháp Niệm Phật hoàn toàn cậy vào Phật lực. Nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, chắc chắn có thể nương theo Phật từ lực đới nghiệp vãng sanh. So với hết thảy pháp môn khác, sự khó - dễ sai khác vời vợi một trời một vực! Chúng ta đã không có đạo lực để đoạn sạch Phiền Hoặc, mà nếu chẳng chuyên chú lấy niệm Phật cầu sanh Tây Phương làm đại sự tự lợi lợi tha thì từ trần sa kiếp này sang trần sa kiếp khác vẫn phải luân hồi trong sáu nẻo! Muốn trọn vẹn đạo Hiếu, cố nhiên phải nên miệt mài tu trì Tịnh nghiệp. Sách ấy trước kia đã từng gởi cho ông [Tưởng] Đặc Sanh khá nhiều; trong tháng Tám năm nay lại gởi [cho ông ta] một trăm cuốn Tịnh Độ Ngũ Kinh. Hãy nên thường tụng kinh ấy sẽ hiểu đầy đủ lợi ích của pháp môn Tịnh Độ.

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Phổ, nghĩa là dùng pháp môn Tịnh Độ được nói bởi trí huệ của đức Phật để làm cho khắp mọi đồng luân đều cùng thoát khỏi sanh tử, luân hồi, để rốt ráo "trọn vẹn lòng hiếu, thường được trời che chở, giúp đỡ"[88]. Tụng chú Đại Bi vào nước để trị bệnh thì tâm phải chí thành, khẩn thiết mới có linh nghiệm. Mỗi ngày, trước khi trì chú, trước hết lễ Thích Ca, Di Đà và Thường Trụ Tam Bảo.

---

[88] Nguyên văn *"toàn hiếu tích loại"*, là một cách diễn tả khác ý tưởng một câu trong kinh Thi: *"Hiếu tử bất quỹ, vĩnh tích nhĩ loại"* (Hiếu tử chẳng thiếu thốn, trời vĩnh viễn ban thưởng cho bọn ngươi).

Nếu muốn giản tiện thì niệm Nam-mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Nam-mô A Di Đà Phật, Nam-mô Thập Phương Nhất Thiết Chư Phật Nhất Thiết Tôn Pháp Nhất Thiết Hiền Thánh Tăng *(một lạy)*, ba lượt xưng, ba lượt lạy như thế. Rồi niệm Nam-mô Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát *(ba lạy)*, rồi niệm chú Đại Bi.

Biến đầu tiên, tay phải kết ấn Bảo Thủ *(tức là ngón cái trong bàn tay phải đè lên đốt đầu tiên của ngón thứ hai (ngón trỏ), ngón thứ ba (ngón giữa), và ngón thứ năm (ngón út), còn ngón thứ tư là ngón vô danh (ngón đeo nhẫn) thì duỗi ra)* vẽ chữ Phạn "Án Lam" (Om Ram) trên nước; tay trái kết ấn Kim Cang Quyền *(Ngón tay cái của bàn tay trái đè lên đốt cuối (tức đốt giáp lòng bàn tay) của ngón thứ tư (ngón vô danh, ngón đeo nhẫn). Ngón thứ hai (ngón trỏ), ngón thứ ba (ngón giữa), ngón thứ năm (ngón út) đè lên trên ngón cái. Nếu khó thể thường kết ấn được thì không kết cũng không sao. Hoặc kết ấn lúc bắt đầu niệm và lúc gần niệm xong cũng được. Hễ lúc nào trì chú đều nên kết ấn này).* Niệm chú Đại Bi bao nhiêu biến đó, lúc sắp xong lại kết ấn Bảo Thủ, vẽ hai chữ Án Lam. Vẽ như vậy vào lúc khởi sự niệm biến chú Đại Bi cuối cùng. Niệm chú Đại Bi xong, chiếu theo số biến chú Đại Bi [đã niệm] mà niệm hai chữ "Bộ-lâm" (Bhrūm)[89] chừng đó biến, niệm nhiều hơn cũng được. Niệm chữ Bộ-lâm này để cầu được nhanh chóng viên mãn thành tựu. Chẳng tham danh, chẳng tham lợi, chỉ muốn cứu người bệnh khổ sẽ có linh nghiệm. Nếu trì tụng đã được linh nghiệm rồi mà tham danh lợi hoặc phá giới, sẽ chẳng còn linh nghiệm nữa! Phàm mọi chuyện không chuyện gì chẳng lấy chí thành làm căn bản.

Quang già rồi, mục lực suy yếu tột bậc, dùng cả kính lão lẫn kính lúp mới gắng gượng đọc thư và viết thư được. Thư ông gởi đến đã mấy ngày, do bận bịu nên [trả lời] chậm trễ, cho nên tôi gởi thư [trả lời] theo đường máy bay cho nhanh. Từ nay đừng gởi thư tới nữa, tôi đã cho đăng lời thông báo này trên tờ Tân Văn vào ngày Mười Ba hôm sau, đăng trên tờ

---

[89] Chú này vốn có tên gọi đầy đủ là Nhất Tự Chuyển Luân Vương Chú (hoặc gọi tắt là Nhất Tự Tâm Chú), còn được phiên âm là Bộ Long, Bột Long, hay Bột Lỗ Úm, do chính đức Phật nói ra trên cõi trời Tịnh Cư. Theo kinh Đại Đà La Ni Mạt Pháp Trung Nhất Tự Tâm Chú (do ngài Bảo Tư Duy dịch trong đời Đường), khi ấy đức Phật nhập Nhất Thiết Như Lai Tối Thượng Đại Chuyển Luân Vương Đảnh Tam Muội, từ giữa chặng mày phóng ra hào quang chiếu khắp mười phương thế giới, nhiễu quanh Phật ba vòng, nhập vào đảnh Như Lai, rồi trong hào quang chợt vang ra tiếng nói: "Ta là Nhất Tự Chú Đại Chuyển Luân Vương" rồi nói ra chú này. Theo kinh dạy, sau khi xuất định đức Phật đã giảng cặn kẽ về công năng của chú này, trong ấy có câu: *"Nếu trì các thần chú mà không có thần lực, hiệu nghiệm, hãy nên tụng thần chú này một trăm vạn biến liền được thành tựu, đạt được cảnh giới".* Do vậy, khi trì các bài chú, hành giả Mật Tông thường ghép thêm bài chú này thành chữ cuối của mỗi biến, hoặc tụng riêng sau khi đã tụng đủ biến số mình muốn trì.

Thân Báo vào ngày Mười Bốn hôm sau nữa, đăng trên Phật Học Bán Nguyệt San vào ngày Rằm để cự tuyệt hết thảy thư từ bởi mục lực lẫn tinh thần chẳng thể thù tiếp được *(Một Lá Thư Trả Lời Khắp chính là bài văn "tùy cơ lợi người" rất quan trọng. Toa thuốc Cai Nghiện Ma Túy hết sức hiệu nghiệm. Toa thuốc Trị Bệnh Sốt Rét không ai chẳng được trị lành. Toa Thuốc Trị Chó Dại Cắn cũng hết sức linh nghiệm).* Nếu quân nhân có thể lấy chuyện "trừ bạo, an lương"[90] để răn nhắc binh sĩ, coi cha mẹ, anh em trai, chị em gái của trăm họ như cha mẹ, anh em trai, chị em gái của chính mình, chỉ mong họ chẳng bị tổn hại, chẳng dám cậy vào oai thế của quân đội để lừa dối, lấn hiếp, gian dâm thì sẽ là cứu tinh của trăm họ, phàm đi đến đâu thiện thần đều ủng hộ. Đấy gọi là "hoa sen trong lửa". Nếu binh lính biết nghĩa này sẽ không trận nào chẳng thắng, thiên hạ tự nhiên thái bình vậy! *(Ngày Mười Hai tháng Mười Một)*

299. Thư trả lời cư sĩ Doãn Toàn Hiếu (thư thứ hai)

Đã nhận được thư từ mấy hôm trước, liền bảo Hoằng Hóa Xã gởi Kinh Chú Tuyển Lục, Văn Sao, Tịnh Độ Ngũ Kinh, lấy hai mươi đồng làm hạn. Do bận bịu, chẳng rảnh rỗi để trả lời thư. Hôm qua lại bảo gởi cho ông những sách như Thập Yếu, Gia Ngôn Lục v.v… lấy hai mươi đồng làm hạn. Chỗ ông thỉnh sách chẳng dễ, còn tiền thì Quang không dùng để cứu trợ tai nạn cũng dùng để in sách. Gởi sách cho ông so ra hợp lý hơn [gởi cho] những nơi khác, chỉ giữ lại mười đồng để tự dùng. Pháp danh của cha mẹ và vợ ông được viết riêng trong một tờ giấy khác. Điều trọng yếu là quyết định cầu sanh Tây Phương.

Cha mẹ ông đã già, hãy nên đọc kỹ Sức Chung Tân Lương thì chẳng đến nỗi làm hỏng chuyện lúc họ lâm chung. Nếu không, trong mười người hết chín kẻ đều vì lòng hiếu mà hại cha mẹ chìm đắm mãi trong biển khổ sanh tử! Lại còn khi con cái vừa hiểu biết liền dạy dỗ thì mới là lòng Từ thật sự. Khuyên trăm họ ai nấy đều hiểu nhân biết quả thì mới là đạo căn bản để hưng khởi điều lợi, trừ thói tệ. Người học Phật ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn đem dạy người khác thì mới là đệ tử chân chánh của đức Phật. Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không viết cặn kẽ.

---

[90] Trừ kẻ hung bạo, giúp cho người lành được sống yên ổn.

Gần đây, có người cho biết một phương cách thần diệu để cai nghiện thuốc phiện, xin hãy bảo những người nghiện dùng thử. Nếu linh nghiệm, hãy nên truyền bá rộng rãi hòng diệt gốc họa ấy. Dùng một tấm vải Tây màu đỏ vuông vức một thước, cắt thành hai mươi bốn miếng. Trước khi hút thuốc, dùng que tiêm thuốc phiện cắm lên trên đầu [mảnh vải ấy] rồi đốt trên một cái chén. Đem tro rớt vào trong chén hòa nước sôi uống rồi mới hút thì chẳng đợi uống hết hai mươi bốn miếng vải đã không còn nghiện ngập nữa, cũng chẳng niệm chú. Nếu linh nghiệm, tức là trời đã giúp [cho chúng ta] diệt được mối tai họa này. Thêm nữa, bài thuốc trị bệnh sốt rét được chép ở cuối toa thuốc trị nghiện thuốc phiện đã gởi lần trước cực linh nghiệm, không ai chẳng được trị lành.

Còn bệnh cùi[91] là bệnh từ xưa đến nay trong ngoài nước đều chẳng trị được *(Chỉ có thể giảm nhẹ, chứ chẳng thể lành bệnh hoàn toàn).* Năm Dân Quốc 21 (1932), một đệ tử là ông Bàng Tánh Tồn tìm được phương thuốc có thể trị lành bệnh hoàn toàn. Hiện thời các tỉnh đều có loại thuốc cao[92] [chế theo toa thuốc ấy] để giúp người. [Toa thuốc ấy] được chép thêm vào cuối sách Sơ Cơ Tiên Đạo. Nói chung đã nêu lên cách chế biến, sử dụng thuốc, nhưng ít nói [cặn kẽ] về lúc sắc thuốc: Phải dùng một miếng ván dài, rộng hơn một hai tấc [làm đũa khuấy], phía dưới vát xéo góc [và miếng gỗ phải đủ dài] sao cho đụng đến đáy nồi. Phải thường cạo khuấy tới tận đáy để thuốc khỏi bị cháy khét dưới đáy nồi, mất công hiệu. Sắc thuốc liên tục sáu tiếng đồng hồ, bỏ bã (xác) thuốc. Lại đem nước thuốc cô đặc trong sáu tiếng đồng hồ nữa. Nếu chẳng cạo khuấy tận đáy, ắt thuốc sẽ đọng lại cháy khét ở đáy nồi. Thuốc này còn trị được bịnh phong thấp, chứ không phải chỉ bệnh cùi. [Chỉ dùng] một vị thuốc là cỏ Thương Nhĩ[93], chẳng thêm một vị thuốc nào khác nữa! Nếu chẳng

---

[91] Thông thường, trong các tự điển chữ "đại ma phong" được dịch là "bệnh cùi". Từ trước đến giờ chưa thấy tài liệu nào nói Trung Quốc chữa tuyệt căn bệnh cùi cũng như dược điển không ghi Thương Nhĩ chữa được căn bệnh nan y này, chỉ thấy Thương Nhĩ trị bệnh lác và các chứng lở loét ngoài da rất công hiệu. Chúng tôi đoán "đại ma phong" được nhắc đến ở đây chỉ là một chứng lở loét ngoài da hay bệnh lác.

[92] Nguyên văn "ngao cao" (熬膏), là một loại cao chế bằng cách ép dược liệu lấy nước, lọc xác, rồi cô đặc. Hoặc ngâm dược liệu vào rượu, đun liu riu cho đến khi dược chất tan hết vào rượu rồi cô đặc từ từ.

[93] Thương Nhĩ (tên khoa học là Xanthi Sibiricum), còn được gọi là Quyển Nhĩ, Tước Nhĩ, Địa Quỳ, Dương Phụ Lai, Đạo Nhân Đầu, Tiến Hiền Thái, Dã Gia v.v… là một loại thảo mộc thuộc họ Cúc, thường mọc hoang, trổ hoa vào khoảng giữa Hạ sang Thu, có trái hình trứng, khắp thân cây mọc đầy gai rất cứng. Loại thực vật này có chất độc, đôi khi có thể gây ra tử vong. Theo Đông Y, Thương Nhĩ tánh ôn, vị cay và đắng, có tác dụng đi vào kinh Phế, thường dùng để chữa phong thấp, đau đầu do cảm mạo, trừ các chứng ghẻ lở, ngứa ngáy,

nhận biết được loại cỏ này thì vào mùa Hạ đến tiệm thuốc mua dăm hạt Thương Nhĩ cầm về, xem loại cỏ nào có hạt giống như loại hạt ấy thì nó chính là cỏ Thương Nhĩ. Tôi đã bảo chép toa thuốc này vào sau cuốn Niệm Phật Khẩn Từ *(Ngày Ba Mươi tháng Mười)*

300. Thư trả lời cư sĩ Lộ Viên

Học Phật mà chẳng muốn làm bậc đại thông gia, chỉ chuyên tâm dốc chí nơi pháp môn Tịnh Độ, có thể nói là "đã có huệ căn từ đời trước, có con mắt chọn lựa pháp". Đã muốn giải quyết đại sự cho xong ngay trong đời này, hãy nên lấy Tịnh Độ Ngũ Kinh làm thường khóa. Niệm kinh Kim Cang cũng được, mà không niệm cũng được, chẳng sao cả! Chiều tà đường xa, cố nhiên tâm hãy nên chuyên nhất. Ban đêm niệm Phật, còn ngày thì nghiên cứu đủ loại kinh luận, chắc sẽ đến nỗi tinh thần chú trọng tìm hiểu ý nghĩa, khó thể đạt đến nhất tâm nơi Tịnh nghiệp được. Chủ - khách đảo lộn vị trí, về mặt gieo thiện căn thì có, nhưng nơi phương diện giải quyết xong đại sự sẽ bị thiếu sót! Pháp môn Tịnh Độ lấy ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh làm tông. Nếu đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dẫu chưa đạt được nhất tâm bất loạn vẫn có thể vãng sanh.

Các hạ lấy nhất tâm bất loạn làm điều mong mỏi, nhưng hằng ngày chỉ nghiên cứu các thứ kinh luận, dường như chẳng phù hợp với điều mình mong mỏi cho lắm! Còn chuyện quy y hay không đều chẳng quan trọng. Đã chẳng chịu tự nhún mình thì không quy y còn tốt hơn! Tận lực tu Tịnh nghiệp, vãng sanh Tây Phương, thân cận Di Đà Thế Tôn, chẳng cần phải tôn ông Tăng hèn kém tầm thường làm thầy. Quang và các hạ cùng là bầu bạn trong hội Liên Trì, chẳng cần phải dùng danh hiệu giả tạo ấy để tự nhún nhường. Nếu [người nào] muốn quy y, quyết chẳng thể vì [kẻ xin quy y] không chịu khuất mình mà chấp nhận; bởi đấy chính là quy định thường hằng về chuyện phá hoại hay duy trì pháp hóa vậy! *(Ngày Hai Mươi Mốt tháng Ba năm Ất Hợi - 1935)*

301. Thư trả lời cư sĩ Thừa Ân

---

mụn nhọt, ù tai… Tuy thế, liều lượng sử dụng phải hết sức cẩn thận. Trong khoảng 1960-1962, tại Trung Quốc đã có 30.119 trường hợp bị ngộ độc, trong số đó có 405 người chết vì dùng Thương Nhĩ.

Thư nhận được đầy đủ. Quang là một ông Tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, vốn không có tư cách làm thầy người khác, nhưng do một người truyền hư, mọi người đều tin là thật! Đến nỗi mười mấy năm qua thường có người viết thư hỏi han duyên do tu trì. Bất luận người ta ăn nói như thế nào, Quang đều trả lời. Chỉ có ai xin quy y mà chẳng chịu nhún mình thì Quang sẽ nói mềm mỏng, hoặc nói rõ ràng nguyên nhân để đôi bên chẳng bị mắc tội khinh pháp, mạn pháp mà thôi! Nên biết rằng Phật pháp có hai loại "trụ trì pháp đạo" (duy trì pháp đạo) và "trực thị Chân Tế" (dạy thẳng vào Chân Thể, Thật Tướng) khác biệt. Mang phận phàm phu thì phải hành theo luật nghi. Nếu không, sẽ trở thành khinh pháp! Khinh pháp sẽ chẳng thể tăng trưởng thiện căn cho người ấy được *(trong Luật đã nói rộng về hình tướng này).* Nếu như người cầu pháp lễ mạo không cung kính thì sẽ chẳng nói với người ấy, huống là cầu quy y Tam Bảo ư?

Đối với người hỏi pháp, cố nhiên Quang chẳng quá cố chấp. Chỉ có kẻ cầu quy y mà chẳng tự nhún mình, Quang quyết chẳng dám chấp nhận. Không phải vì mong được người ta cung kính để tự đại, mà chính là muốn cho người ấy sanh lòng kính tín [Tam Bảo] sâu xa hòng được lợi ích thật sự. Dẫu là bậc Pháp Thân đại sĩ đã chứng Thánh Quả, nhưng nếu hiện thân phàm phu thì vẫn phải tuân theo lễ nghi thế gian mà làm! Nếu hiện thân thánh nhân thì hoàn toàn chẳng theo quy củ nhất định nào! Như trong kinh Pháp Hoa, Thường Bất Khinh Bồ Tát lễ khắp tứ chúng, thọ ký cho họ rằng: *"Tôi chẳng dám khinh quý ngài. Quý ngài đều sẽ thành Phật"*. Thậm chí tứ chúng dùng roi, gậy, ngói, đá, đánh ném, bèn chạy né ra xa đứng, rồi lại lễ bái, xưng tán. Đấy chính là quy củ rộng lớn của bậc Đại Bồ Tát nhằm chỉ thẳng vào Chân Tế, phàm phu nào dám bắt chước bừa bãi! Bắt chước bừa bãi sẽ hoại loạn pháp đạo, mắc lỗi cực lớn! Quang sợ lỡ cư sĩ thấy trong kinh có hành vi ấy, chắc sẽ nghĩ cách "trụ trì pháp đạo" là sai, nên mới nói đại lược duyên do của hai thứ sai khác, ngõ hầu ông không còn nghi ngờ, bàn bạc gì nữa!

Đã muốn quy y thì đành đem lầm đáp lạc. Nay đặt pháp danh cho cư sĩ là Đức Thành. Thành (誠: lòng thành) là cội gốc của hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian, nhưng càng phải nên chú trọng pháp môn Tịnh Độ. Vì pháp này có thể dùng Nhân Địa Tâm khế hợp được Quả Địa Giác. Dẫu là phàm phu sát đất vẫn có thể thoát khỏi cõi Ngũ Trược này, lên chín phẩm sen kia ngay trong đời này, cùng bầu bạn với Quán Âm, Thế Chí. Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không ghi cặn kẽ. Quang mục lực quá suy, chớ nên gởi thư tới. Nếu thường đọc

Văn Sao thì đối với một pháp Niệm Phật sẽ không nghi ngờ nghĩa lý nào nữa! Nếu cứ nghiên cứu kinh luận tràn lan thì Quang chẳng thể nào tuyên nói được! *(Ngày mồng Bảy tháng Năm năm Ất Hợi - 1935)*

302. Thư trả lời cư sĩ Giác Tăng

Nhận được thư biết ở Thanh Hải vẫn có người hoằng dương pháp môn Tịnh Độ, khôn ngăn vui vẻ, an ủi! Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều không đủ. Tất cả thư từ đều nhất loạt chẳng hỏi đến nữa, thư nào không quan trọng khẩn yếu bèn bỏ mặc. Có thư nào quan trọng khẩn yếu thì vị Thư Ký trong chùa viết thay. Do ông ở xa lại có chuyện cần sách nên mới đặc biệt đưa cho Quang đọc. Quang sớm chẳng bảo đảm được tối, tất cả chuyện nhờ cậy bút mực đều nhất loạt chẳng thể đáp ứng được. May là mấy năm trước có viết bài tựa cho Cư Sĩ Lâm ở Triều Dương, Quảng Đông, một đệ tử ở huyện Thường Thục tỉnh Giang Tô thấy bài ấy được đăng trong bán nguyệt san bèn chép lại, cho in thạch bản, gởi cho Quang năm mươi phần, vẫn còn một phần, nay đem gởi cho ông. Văn tuy vụng về, chất phác, nhưng ý nghĩa chấp nhận được. Chỉ cần sửa đổi địa danh, tên người, thỉnh người viết chữ đẹp viết theo lối chữ Khải to chừng hai tấc, hoặc cho khắc ván, hoặc đem dán lên bảng để những ai đến đấy đều đọc được. Chớ nên dùng các lối chữ viết thiếp, Tục Thể, chữ Lệ, chữ Thảo, vừa tỏ rõ ý kính trọng, vừa dễ đọc. Phàm những dấu chấm câu đều dùng dấu khoanh tròn (o) để người kém học vấn cũng đọc được thành câu.

Hiện thời, gởi sách hết sức khó khăn. Ông muốn quy y thì đặt pháp danh cho ông là Khế Giác. Từ rày đừng gởi thư đến nữa, một là vì sớm chẳng bảo đảm được tối, hai là không có sức để thù tiếp. Tôi đọc qua bài vãng sanh ký của vị pháp sư nọ, tôi cho rằng "hãy nên dựa theo sự thật viết ra bài khác", đừng nên "chuyện không, nói có" khơi gợi cho kẻ vô tri bắt chước theo! Nếu [bịa đặt, tô vẽ] thì dường như là hoằng pháp nhưng thật ra đã tạo thành đầu mối tranh cãi khiến cho đạo pháp suy bại, gây họa lớn lắm. Vị pháp sư ấy lúc lâm chung không cho các cư sĩ đến, sau khi tắt hơi rồi mới cho họ đến, [tức là] ông ta chưa thể suy nghĩ sâu xa về chuyện trợ niệm. Vì sao vậy? Lâm chung được mọi người trợ niệm sẽ chẳng đến nỗi có chuyện phá hoại chánh niệm. Hơi thở đã bặt, nhưng thật ra chưa chết liền, lỡ gặp phải kẻ vô tri thò tay thăm dò hơi nóng, hoặc cho là đã chết, xúm nhau bàn luận om xòm, chắc sẽ bị hỏng việc! Đã chẳng cho người khác tới thì phải hạn định sau khi tắt hơi trong vòng

năm tiếng chẳng cho ai đến. Nếu chưa tắt hơi bèn trợ niệm thì sau khi tắt hơi, chắc chắn chẳng có những hành vi kinh động, ầm ĩ khác. Từ rày trợ niệm chớ nên y theo pháp ấy! *(Ngày Mười Tám tháng Năm)*

303. Thư trả lời cư sĩ Đức Minh

Đang trong đại kiếp này, hãy nên khuyên mọi người nhất trí tiến hành cầu sanh Tây Phương. Nếu không, nỗi khổ mai sau sẽ càng nặng nề hơn vì lòng người ngày càng độc ác, cách giết người ngày càng tinh vi, [thế giới] sẽ trở thành địa ngục nơi nhân gian, huống chi do ác tâm mạnh mẽ ấy sẽ chiêu cảm địa ngục thật sự ư? Nếu là người có hiểu biết, nghe nói như vậy, chắc chẳng đến nỗi coi thường bỏ qua. Sau này có ai tin tưởng, hãy bảo họ quy y với vị Tăng ở địa phương. Quang mục lực lẫn tinh thần đều không đủ, hơn nữa sớm chẳng bảo đảm được tối, chắc sẽ thành uổng công [quy y] *(Ngày mồng Hai tháng Giêng).*

304. Thư trả lời cư sĩ Phùng Thần

Quang xuất gia năm mươi lăm năm, trọn chẳng nói một câu nào dạy người khác xuất gia, bởi con người hiện thời sau khi xuất gia đều biến thành hạng lười nhác, biếng trễ! Đấy chính là bậc thượng, chứ bậc hạ sẽ phá trai, phạm giới, không chuyện gì chẳng làm! Vì thế, tôi thề chẳng thâu nhận đồ đệ, chẳng khuyên người khác xuất gia *(Đây vẫn là tình hình thời triều Thanh, chứ từ thời Dân Quốc đến nay, chánh phủ nhiều lần muốn đuổi Tăng, chiếm đoạt tài sản. Rất nhiều ngôi chùa lớn ở Quảng Đông, Thiểm Tây, Hà Nam đều bị phá hủy, sửa đổi [thành cơ sở khác], nhưng do vẫn có những vị Tăng - tục cực lực chống đỡ, nên vẫn còn kéo dài được với năm tháng. Nếu không, cả nước đã sớm trọn chẳng nghe thấy dấu tích, danh hiệu tăng sĩ rồi!)*

Ông tu trì tại gia là cách tu trì ổn thỏa thích đáng nhất. Tôi đã bảy mươi lăm tuổi, sẽ chết trong sớm tối, một thân vẫn hiềm là nhiều, nào chịu thâu nhận đồ đệ! Nếu chẳng nghe lời tôi, tức chẳng phải là đệ tử quy y với tôi. Mặc cho ông làm sao thì làm, ông đừng gặp tôi. Gặp tôi thì nước tôi cũng không cho ông uống! Tôi chăm sóc cho chính tôi còn không xong! Ông muốn dùng một lá thư xin quy y để buộc tôi cả đời phải lo toan cho ông, tôi đâu có tinh thần, tài lực để lo liệu cho kẻ chẳng nghe lời thầy dạy dỗ như vậy! Ông nghĩ xuất gia là chuyện sung sướng lớn lao, đâu biết tăng chúng ngày nay đúng là không còn có sanh lộ nào để đi được nữa! Muốn tìm đường chết thì cần gì phải tìm lối xuất gia? *(Ngày Hai Mươi Bốn tháng Chạp năm Dân Quốc 24 - 1935)*

305. Thư trả lời cư sĩ Bái Trúc (thư thứ nhất)

Quang già rồi, tinh thần lẫn mục lực đều không đủ; lại còn [tu chỉnh] ba bộ Sơn Chí chưa xong, đấy là chuyện cấp bách chẳng thể trì hoãn được. Vì thế, gần đây cự tuyệt hết thảy mọi sự sai khiến viết lách, ngõ hầu những bộ Sơn Chí ấy sớm được hoàn thành. Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Trúc, nghĩa là nương theo Phật tu trì, giống như cây trúc lòng rỗng, đốt thẳng, thách đố sương tuyết, chẳng thuận theo thói tục! Những điều khác đã viết tường tận trong Một Lá Thư Trả Lời Khắp, hãy nên hành theo đó. Từ nay về sau đừng gởi thư tới nữa; gởi tới quyết chẳng trả lời. Cũng đừng giới thiệu người khác đến quy y để đôi bên khỏi nhọc trí, tốn công, mà cũng chẳng có ích lợi gì! *(Ngày mồng Mười tháng Chạp năm Quý Dậu - 1933).*

306. Thư trả lời cư sĩ Bái Trúc (thư thứ hai)

Ông muốn mẹ vãng sanh Tây Phương, muốn cho cha thân tâm mạnh khỏe, sống hưởng yên vui, mất về Tịnh Độ, hãy suất lãnh gia quyến già - trẻ - trai - gái cùng nhau sốt sắng niệm Phật để mong Phật từ gia bị tiêu diệt tội nghiệp, tăng trưởng thiện căn, há chỉ nên chú trọng lấy trăm câu hay ngàn câu niệm Phật [làm hạn]? Trong cõi đời, kẻ làm công cho người khác vì một hai cắc bạc mà vất vả suốt ngày chẳng nghỉ. Ông lại ngược ngạo coi chuyện lớn lao này chẳng đáng siêng nhọc bằng cầu một hai cắc bạc, cho nên không có cảm ứng cũng chẳng lạ gì! Nếu cảm đến cùng cực, chắc chắn chẳng lẽ nào không ứng! Ông cảm kiểu đó vẫn là hời hợt, hờ hững, làm sao tiêu được nghiệp chướng lớn lao trong đời này, đời trước cơ chứ? Các quyến thuộc của ông niệm Phật cho cha mẹ, so với chuyên niệm cho chính mình công đức càng lớn hơn vì có tấm lòng hiếu thảo vậy!

Hiện tại, thời cuộc nguy hiểm, chẳng biết chiến sự sẽ nổ ra lúc nào mà vẫn chẳng chịu niệm. Nếu tới lúc phải đương đầu với sát kiếp, thử hỏi sẽ trông cậy vào đâu? Bệnh của cháu ông cũng là do túc nghiệp. Xem [tình trạng của] cha mẹ và cháu ông, đủ biết nhà ông nhiều đời rất thiếu đức. Nay hãy nên luôn lưu tâm, tận lực vun bồi, lại còn khuyên hết thảy mọi người cùng tu Tịnh nghiệp để vãn hồi. Sau này sẽ được sự mừng vui "tai lui, hên nhóm". Thượng Bân đã muốn quy y, nay đặt pháp danh cho ông ta là Tông Nguyên. Nguyên (元) là tăng trưởng các điều

lành, mà cũng là ý nghĩa đầu tiên của quẻ Càn. Càn là trời, "*Thiên Hành Kiện: Quân tử dĩ tự cường bất tức"* (Quẻ Thiên Hành Kiện: Quân tử tự gắng sức mạnh mẽ không ngừng), đấy là [lời giải thích trong phần] Tượng Từ [của kinh Dịch]. Nếu có thể tự gắng sức mạnh mẽ không ngừng niệm Phật, tự gắng sức mạnh mẽ không ngừng sửa lỗi, tu thiện, thân tâm chắc chắn được mạnh khỏe, có thành tựu lớn lao. Một Lá Thư Trả Lời Khắp chính là phương pháp để hết thảy mọi người cầu phước, cầu thọ, cầu lành bệnh, cầu sanh con. Nếu có thể y theo [lá thư ấy] để tự hành, dạy người thì vô biên lợi ích sẽ đều đích thân đạt được *(Ngày mồng Năm tháng Chín năm Giáp Tuất - 1934)*

307. Thư trả lời cư sĩ Bái Trúc (thư thứ ba)

Thư đặt pháp danh quy y cho Thượng Bân đã sớm gởi đi rồi, chắc là bưu điện làm mất, hoặc là người phát thư giao lầm. Nay lại đặt pháp danh khác cho ông ta là Tông Thành. Tông (宗) là chủ, là gốc, nghĩa là lấy lòng Thành làm chủ, làm gốc, sẽ tự được tiêu nghiệp lành bệnh, chuyển yếu thành mạnh. Nói đến chuyện nàng dâu cả của người con trai thứ nhà ông bị điên cuồng cũng là do túc nghiệp gây nên; hoặc cũng do bọn ngoại đạo thấy ông phản lại giáo pháp của chúng bèn sai tà quỷ, tà thần quấy rối, muốn cho ông vẫn sùng tín giáo pháp của bọn chúng. Ông chẳng bị lay chuyển thì người bệnh cũng chẳng bị lay chuyển, bọn tà quỷ tà thần kia cũng không làm gì được người chánh khí đâu! Vì thế, ắt sẽ lành bệnh. Ngoại đạo phần nhiều có loại tà pháp ấy để lừa gạt, khiến cho những kẻ vô tri vô thức u mê.

Nói đến chuyện đối trước đức Phật tự thọ Tam Quy Ngũ Giới thì qua lá thư gởi cho bà Từ Phước Hiền ở Từ Châu trong bộ Văn Sao, Quang đã có nói đến chuyện này, mong hãy tìm đọc. Thượng Bân đau khổ vì là người tàn phế, nhưng mỗi ngày chỉ niệm Phật hai ba ngàn câu; cớ sao mong mỏi lớn lao mà tu tập lại nhỏ nhoi đến thế? Hãy nên thường niệm suốt ngày, sẽ tự có thể đi lại như người mạnh mẽ được. Nói đến chuyện niệm Phật có lắm vọng tưởng thì hãy nên nhất tâm niệm, lắng tai nghe kỹ từng chữ từng câu, đừng để luống qua, lâu ngày chầy tháng, tâm tự quy nhất. Đấy là pháp niệm Phật tuyệt diệu nhất. Chương Đại Thế Chí [Niệm Phật] Viên Thông trong kinh Lăng Nghiêm dạy: *"Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc Tam-ma-địa, ấy là bậc nhất". "Nghe"* chính là pháp *"nhiếp trọn sáu căn"*. Pháp này bất luận người thượng trung hạ căn sử dụng đều có lợi, không có điều tệ. Phàm với hết thảy mọi người

đều nên lấy chuyện "lắng nghe" để bảo ban. Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không viết cặn kẽ *(Ngày mồng Năm tháng Mười năm Giáp Tuất - 1934).*

Tam-ma-địa (Samadhi) chính là tên khác của tam-muội, cõi này (Trung Hoa) dịch là Chánh Định hay Chánh Thọ; ý nói nhất tâm niệm Phật, chẳng bị ngoại cảnh lay động, chẳng bị tạp niệm xâm lấn. Vì thế, gọi là Chánh Định, Chánh Thọ.

308. Thư trả lời cư sĩ Bái Trúc (thư thứ tư)

Tịnh Độ Ngũ Kinh chính là căn bản của pháp môn Niệm Phật, hãy nên tặng cho người thông hiểu văn lý, có tín tâm, biết cung kính. Đọc kỹ hai lời Tựa và một lời Bạt của Quang sẽ liền biết được duyên do của pháp môn Tịnh Độ; rồi đọc năm kinh ấy sẽ biết được pháp ấy rộng lớn, cao sâu, phàm lẫn thánh đều cùng hướng về. Niệm Phật vọng niệm nhiều thì hãy nên lắng tai nghe kỹ. Đức Đại Thế Chí nói *"nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối"* chính là ý này. Còn nói về Phổ Cập Niệm Phật Hội thì chính là bày ra cách để khuyên mọi người niệm Phật, niệm Quán Âm, chứ chẳng có dụng ý chi khác. Tổng Hội cũng chẳng có quyền cai quản, bất quá nhờ vào [danh nghĩa] đó để làm cho người khác phát tâm mà thôi.

Đấy là duyên do đại lược vì sao cư sĩ Ổ Sùng Âm đề xướng vậy *([ông Ổ] biệt hiệu Hàn Thế Tử, người huyện Phụng Hóa, tỉnh Chiết Giang. Thượng Hải Đạo Đức Thư Cục do ông ta sáng lập).* Ông ta khá hiểu Phật học, chưa mười phần thấu triệt, nhiệt tâm đề xướng, thật hiếm có trong thời gần đây. Những sách cần thiết sẽ gởi riêng cho ông. Mười ba đồng năm cắc ấy đều dùng để gởi sách, chẳng lâu nữa sẽ có năm gói Kỹ Lộ Chỉ Quy được gởi tới. Trong tháng Bảy sẽ gởi tới hai gói Vật Do Như Thử, xin hãy chia ra tặng. Hiện tại, thời cuộc nguy hiểm, bất luận già - trẻ - trai - gái đều nên niệm Phật và niệm Quán Âm để dự phòng. Nếu không, khi đại kiếp đối đầu sẽ nương cậy vào đâu? Quang già rồi, mục lực suy đến cùng cực. Từ nay về sau đừng gởi thư tới nữa. Dẫu sách được gởi đến cũng chỉ gởi thiệp báo "đã nhận được rồi" mà thôi. Từ rày, để thỉnh kinh sách hãy tiếp xúc trực tiếp với Hoằng Hóa Xã, đừng nhờ Quang chuyển, cũng đừng giới thiệu [người khác] đến quy y vì mục lực chẳng đủ, chẳng thể thù tiếp được! Chỉ để đọc và trả lời lá thư lần này, đã phải dùng cả kính lão lẫn kính lúp để gắng gượng thù tiếp vậy *(Ngày mồng Tám tháng Năm năm Bính Tý - 1936)*

309. Thư trả lời cư sĩ Bái Trúc (thư thứ năm)

Kẻ ngu trong thế gian thường thích lập môn hộ, lấy trộm những lời lẽ từ Tam Giáo lập ra đạo "bí mật, chẳng được nói công khai với người khác!" Do đạo ấy "bí mật" nên người khác chẳng biết nội dung, đều xúm xít đi theo đạo ấy như nhặng xanh bu theo mùi thối. Do trước khi được truyền trao đạo pháp, [người xin nhập đạo] phải thề độc, nên kẻ ngu dẫu chết cũng chẳng dám phản bội. Hết thảy ngoại đạo trong thế gian đều cậy vào hai pháp này (tức "chẳng được kể với người khác về pháp mình đã được truyền" và "thề độc sẽ gặp tai ương dữ dội nếu bỏ đạo") để truyền khắp thiên hạ, không sao diệt được! Nếu bọn chúng không có hai pháp này thì không một loại ngoại đạo nào có thể tồn tại trên thế gian được! Các ông may mắn thoát khỏi nẻo mê, trở về đường chánh, hãy nên giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, nghiêm túc tuân phụng Phật pháp. Pháp danh của hai ông Vũ và Tả được viết trong một tờ giấy khác, gởi cho hai người ấy mỗi người bốn gói sách thay cho lời khai thị, mong ông hãy nói rõ với bọn họ. Trong năm nay sẽ có hai lần gởi chừng đó cuốn sách nữa *(Ngày Mười Ba tháng Tám)*

310. Thư trả lời Tịnh Độ Tông Nguyệt San Xã

Nhận được tờ hoa, khôn ngăn cảm kích, hổ thẹn. Tịnh Tông được chư vị hoằng dương sẽ khiến cho nhân dân khắp mọi giới đều được thấm nhuần ân trạch. Quang là người sẽ mất trong sớm chiều, mắt đã quáng lòa, chẳng thể xem thư, viết chữ. Ngay như để viết lá thư dở tệ này, phải đeo kính lão tám mươi hoa[94], rồi lại cầm kính lúp[95] để viết. Vì thế, cự tuyệt hết thảy những chuyện sai khiến bút mực. Nếu ngẫu nhiên có thư từ gì, chỉ đáp sơ sài mấy câu, mà cũng chẳng giữ lại bản nháp, do một mực chẳng giữ lại bản sao. Phật Học Thư Cục Bán Nguyệt San ngẫu nhiên có đăng tải [những lá thư của Quang] cũng là do người nhận thư gởi đến, chứ Quang chưa hề gởi cho họ một lần nào, huống là hiện thời mắt đã lòa ư? Báo được in ra cũng đừng gởi tới, bởi chữ nhỏ chẳng thể đọc được, há nên biến vật hữu dụng thành vô dụng ư? Đơn thỉnh sách

---

[94] Tám mươi hoa (bát thập hoa) là thuật ngữ để chỉ mắt già bị viễn thị, chỉ nhìn vật được ở cách mắt đến 80cm, nhưng không đọc chữ được, phải đeo kính viễn thị để có thể nhìn gần, đọc được chữ.

[95] Nguyên văn "hiển vi kính". Chữ "hiển vi" ở đây khác với chữ thuật ngữ "kính hiển vi" được dùng để dịch chữ Microscope hiện thời. Kính hiển vi thời ấy chỉ có nghĩa là kính phóng đại, kính lúp (magnifier).

[do quý vị gởi tới] đã giao cho Hoằng Hóa Xã. Hễ gặp ai thỉnh kinh, hoặc người thông hiểu văn tự trọn vẹn thì gởi kèm thêm trong gói sách, chắc sẽ có hiệu quả. Còn như người ở nơi ấy rất ít giao du với Quang nên chẳng thể [biết ai mà] chia ra tặng được. Xin quý vị thương tôi già nua, bệnh hoạn đang đợi chết mà đừng trách tội, cảm tạ khôn ngăn!

311. Thư trả lời cư sĩ Dương Chân

Đọc thư ông, biết tội ông thông đến tận trời! Nhưng cội nguồn tội ấy là do cha mẹ ông một mực nuông chiều [khiến ông] quen thói kiêu ngạo từ bé, chẳng hề răn dạy; đến khi tánh xấu đã thành hình mới tự hối hận. Đã vô ích cho con mà chính mình cũng bị tổn hại! Đấy là căn bệnh chung của hết thảy mọi người trong thế gian này. Nay nói toạc ra với ông, mong ông sẽ sanh được con cái hiền thiện. May là đời trước ông còn có thiện căn, nửa chừng biết hối. Nếu đến chết vẫn không thay đổi thì muốn thoát khỏi địa ngục, chỉ sợ khó mộng thấy được! Quán Thế Âm Bồ Tát đại từ, đại bi, cứu khổ, cứu nạn. Do ông là người cực bất hiếu, cực dâm đãng, nhất niệm chí thành xưng niệm liền được việc làm như ý. Những kẻ hủy báng Phật pháp, muốn diệt Phật pháp đúng là đã hãm người đời sau trong thiên hạ vào biển khổ mà vẫn nhơn nhơn tự đắc, khoe khoang công lao, hễ nghĩ tới liền khôn ngăn xót thương những kẻ ấy!

Năm mười bốn, mười lăm tuổi, ông đã phung phí nguyên khí, mười năm qua dâm dục vô độ, tinh thần bị tổn thương kể sao cho xiết? Huống chi lại có hai người vợ trẻ! Nếu chẳng biết tiết dục thì chẳng những không thể sanh con mà còn đến nỗi đoản mạng chết yểu! Từ nay trở đi, hễ thấy phụ nữ của người khác hãy tưởng như mẹ, chị, em, con gái; xem hai cô vợ của chính mình như đạo hữu. Ngày thường niệm Quán Âm, đêm đừng ngủ chung với hai cô vợ. Dưỡng cho thân thể được hồi phục mười phần rồi mới làm chuyện vợ chồng một lượt. Mỗi năm ăn ở với hai bà vợ một lần thì tình cảm vợ chồng ổn thỏa, mà đôi bên đều chẳng bị tổn thương, chắc chắn sẽ sanh được con cái mũm mĩm, thông minh, tâm tánh hiền thiện, không bệnh, trường thọ, có thể làm rạng rỡ gia đình, làm khuôn mẫu cho người trong một làng. Nếu coi chuyện ân ái là điều vui thú thì chuyện vui chưa lâu, khổ lớn liền tới. Tinh khô, thân chết, không thuốc nào cứu được đâu!

Lại nên đem nghĩa này nói với hai người vợ, mọi người cùng giữ điều răn cấm này thì sẽ có nhiều con cái tốt đẹp, ba người bọn ông hạnh

phúc đến già, sống thì hưởng Ngũ Phước, mất sẽ lên chín phẩm. Nay gởi cho ông một bộ An Sĩ Toàn Thư, một cuốn Thọ Khang Bảo Giám, một cuốn Gia Ngôn Lục, một bộ Quán Âm Tụng, một cuốn Sức Chung Tân Lương. Trong bộ An Sĩ Toàn Thư có bốn tác phẩm: Đầu tiên là Âm Chất Văn Quảng Nghĩa giảng rộng về ý nghĩa "đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành"; thứ hai là Vạn Thiện Tiên Tư [khuyên] kiêng giết; thứ ba là Dục Hải Hồi Cuồng răn dâm; thứ tư là Tây Quy Trực Chỉ khuyên tu Tịnh Độ. Quán Âm Tụng giảng rõ cặn kẽ sự linh cảm của đức Quán Âm. Hễ đọc Thọ Khang Bảo Giám sẽ chẳng dám không tiết dục. Gia Ngôn Lục giảng đầy đủ rõ ràng về những điều quan trọng trong tu trì. Sách này trích lục những điều trọng yếu từ bộ Văn Sao. Đọc Sức Chung Tân Lương sẽ có thể làm cho mẹ ông quyết định được vãng sanh Tây Phương.

Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Chân. Tông là gốc, là chủ; nghĩa là khởi tâm, động niệm, xử sự đều mong sao chân thật, chẳng dối. Chí thành, không dối thì mới là thiện nhân trong thế gian, đấy cũng là tư lương để xuất thế. Đặt pháp danh cho Lý thị là Tông Trinh, Hà thị pháp danh là Tông Khiết. Nữ nhân lấy trinh khiết làm đức, huống chi niệm Phật cầu sanh Tây Phương mà nếu chẳng lấy trinh khiết làm gốc thì thân tâm ô uế chẳng tịnh, làm sao vãng sanh Tịnh Độ cho được? Ba người bọn ông bầu bạn niệm Phật với mẹ, khuyên mẹ ông đừng cầu phước báo trời - người, mà hãy chuyên cầu vãng sanh Tây Phương. Nếu có thể giúp đỡ cho đạo nghiệp của mẹ thì là đại hiếu. Dùng hiếu hạnh ấy để trừ cái tội bất hiếu trước kia, ví như do đất vấp té thì cũng từ đất mà đứng dậy. Quang già rồi, mùa Đông năm ngoái ban đêm giảo duyệt sách dưới ánh đèn điện nên mắt bị tổn thương nặng nề. Xem thư, trả lời thư đều phải dùng cả kiếng lão lẫn kính lúp mới thấy lờ mờ. Từ nay về sau đừng gởi thư tới nữa, cũng đừng giới thiệu ai quy y, cũng đừng do thỉnh kinh sách từ Hoằng Hóa Xã mà tiện tay gởi thư cho Quang vì mục lực chẳng thể thù tiếp được!

312. Thư trả lời cư sĩ Huệ Thái

Ban ngày giảo chánh đối chiếu những sách đã in và [đọc, trả lời] thư từ; lại có những người xin giám định [những tác phẩm tính in], không rảnh rỗi cho lắm. Tụng niệm công khóa vào canh năm ban đêm khá nhọc nhằn. Ông chớ nên chớm lên ý niệm xuất gia. Tuổi tác đã cao rồi, chẳng thể tham học được, chẳng thể khổ hạnh được, ai lại nuôi dưỡng một đồ

đệ già nua như ông? Tại gia nhất tâm niệm Phật, đối với quyến thuộc lẫn chính mình đều có lợi ích lớn lao; còn xuất gia thì quyến thuộc vĩnh viễn chẳng có ngày thoát khổ. Quang thề chẳng thâu nhận đồ đệ, đừng nghĩ tới chuyện ấy nữa! Hiện thời có Ngũ Đài, Nga Mi, Cửu Hoa ba bộ Sơn Chí cũng như Linh Nham Sơn Chí chưa được sắp chữ, ấn hành; đợi đến năm sau khi các sách ấy được in xong, sẽ đi ở ẩn để mong chuyên tu Tịnh nghiệp. Nếu không, rốt cuộc sẽ chẳng có lúc nào được nhàn rỗi! Đã bảo [Hoằng Hóa Xã] gởi cho ông ba gói sách, đối với lá thư dài (tức Một Bức Thư Trả Lời Khắp) hãy nên cung kính cẩn thận sao lại một bản để lưu truyền trong gia đình *(Ngày Hai Mươi Hai tháng Mười Một).*

313. Thư trả lời cư sĩ Huệ Chiêu

[Cho tới] tháng Chạp năm ngoái, do phải giảo chánh bộ Lịch Sử Thống Kỷ suốt hơn hai tháng để [nhà in] làm thành hai bức Chỉ Bản hòng in ra hai vạn bộ sách từ mỗi bức, ngõ hầu nhờ vào đây mà vãn hồi thế đạo nhân tâm. Đến ngày Hai Mươi tháng Chạp mới hoàn tất. Ngày hôm sau bị cảm lạnh, nằm bệnh hơn cả tuần. Nay tuy lành bệnh, tinh thần vẫn chưa hoàn toàn bình phục. Chẳng bao lâu nữa tôi sẽ ở ẩn, nên mới trình bày đại lược nguyên do. Trước đây, tôi đã bảo thầy Minh Đạo gởi mười gói sách, chắc ông đã nhận được rồi.

Nói đến chuyện ông Mã quán tưởng hữu hiệu thì cũng là do ông ta kiệt lòng thành, cạn lòng kính mà ra, chứ có lạ lùng, đặc biệt gì đâu! Do một mình ông Mã [quán tưởng] được tương ứng, ông bèn nẩy sanh ý niệm nghi ngờ đối với pháp do chư tổ Liên Tông thường dạy người (tức pháp Trì Danh) thì có còn đáng gọi là người tin Phật, tin Pháp được chăng? [Phép] Quán Tưởng vốn do đức Phật khai thị, nhưng do người đời thường chưa thể triệt để dứt bặt vọng tưởng, dùng cái tâm bộp chộp, lầm lạc muốn mau chứng đắc để tu Quán sẽ rất nguy hiểm. Đa số những kẻ xưa nay bị ma dựa là vì lẽ này. Vì thế, cổ đức nói*: "Cảnh tế, tâm thô, quán khó thành tựu, có thể dấy lên ma sự",* chứ không phải là trọn chẳng cho người khác tu Quán, cũng chẳng hề nói: "Tu Quán đều bị ma dựa!"

Nay vì một mình ông Mã [tu Quán] hữu hiệu bèn nghi ngờ lời lẽ chân thật vì người của chư tổ sư từ trước đến nay, đủ thấy ông và các bạn đều thuộc phường "trọng nay, khinh xưa!" Có kiến giải giống như thế, ắt sẽ thấy lạ, nghĩ khác, tìm cầu những cái được gọi là "huyền diệu, đặc biệt, lạ lùng". Mai sau có kẻ đề xướng những pháp huyền diệu cao siêu khác để gạt người, [thốt] lời cuồng vọng "khiến cho [người hành

theo pháp ấy] có thể thành Phật đạo trong một thời gian ngắn", chắc ông sẽ thuận theo lời hắn bỏ pháp này tu pháp ấy. Như bèo không rễ, bềnh bồng [trôi nổi] theo gió, *"tin đạo chẳng chuyên dốc, làm được gì đâu?"* Khổng Tử đã sớm dự đoán điều này, cần chi Quang phải rườm lời nữa ư? Chỗ hay của ông Mã là thành khẩn. Tuy chẳng biết đến nghi thức phát nguyện, nhưng do quán niệm một trăm lẻ tám câu Phật hiệu, lại nói thêm câu "tiếp dẫn con đến Tây Phương" thì đấy chính là "có nguyện". Nhưng cái kiểu kèm thêm như vậy để niệm, chớ nên bắt chước! Người đời nay hễ thấy một pháp nào hữu hiệu bèn chẳng buồn chọn lựa, hoàn toàn tập hành theo, đến nỗi chưa được lợi ích thật sự mà trước hết đã bị tổn hại lớn lao rồi! Ví như ăn quả dưa thì phải bỏ vỏ và hạt, không phải là hoàn toàn ăn hết, mà cũng chẳng phải là hoàn toàn bỏ hết. Đấy là do người học đạo khéo dụng tâm mà thôi! Xin hãy sáng suốt suy xét thì may mắn lắm thay!

Hơn nữa, ông Diệp Chiếu Không trước đây có gởi thư đến, tôi vốn không muốn trả lời. Do ông ta quen biết với ông, nên hễ ông viết thư liên lạc thì xin hãy chuyển lời đến cho ông ta. Quang là một Tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, bị cái hư danh làm phiền, mười mấy năm qua bận bịu vì người khác, đến nỗi bỏ lơ Tịnh nghiệp của chính mình. Há nên đem câu chuyện "người cha chữa bệnh cho con trong kinh Pháp Hoa" để sánh ví, chẳng sợ mắc lỗi đem phàm lạm thánh ư? Người tu Tịnh Độ chú trọng ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh, chứ chẳng nên chú ý tới Bát Xúc[96] và Lục Diệu[97] trong cảnh Định. Nếu do công phu [mà

---

[96] Bát Xúc: Theo Ma Ha Chỉ Quán (quyển chín), khi sắp đắc Sơ Thiền, trong thân sanh ra tám thứ cảm xúc:
1) Động Xúc: Lúc ngồi Thiền, đột nhiên thân thể rung động.
2) Dưỡng Xúc: Thân đột nhiên ngứa ngáy.
3) Khinh Xúc: Thân thể đột nhiên cảm thấy nhẹ bổng như mây, như bụi, có cảm giác như đang bay lơ lửng.
4) Trọng Xúc: Đột nhiên cảm thấy thân nặng như tảng đá, chẳng thể cử động được chút nào.
5) Lãnh Xúc: Đột nhiên thân lạnh buốt.
6) Noãn Xúc: Đột nhiên thân nóng như lửa.
7) Sáp Xúc: Đột nhiên cảm thấy thân thô rít như da, như gỗ.
8) Hoạt Xúc: Đột nhiên cảm thấy thân trơn mịn như sữa.
Nguyên nhân là do khi sắp đắc Sơ Thiền, cực vi của thượng giới nhập vào cực vi của Dục Giới, hai thứ xen lẫn nhau, khiến cho Tứ Đại phát động cuồng loạn. Người không hiểu tình trạng này sanh lòng kinh sợ, sẽ sanh bệnh, huyết mạch đi loạn đường, dễ phát cuồng.

[97] Lục Diệu Môn là pháp do tông Thiên Thai đề xướng. Chữ Diệu chỉ cho Niết Bàn. Do có sáu cửa để nhập Niết Bàn nên gọi là Lục Diệu Môn, tức sáu phép Thiền Quán. Theo Lục Diệu Pháp Môn và Pháp Giới Thứ Đệ Sơ Môn (quyển thượng) thì Lục Diệu Môn là:
1) Sổ Tức Môn: Đếm hơi thở từ một đến mười để nhiếp tâm nhằm nhập định.

những điều ấy] phát sanh thì cũng nên coi là bình thường, chớ nên sanh lòng vui sướng, mừng rỡ. Nếu không, sợ rằng sẽ tưởng đấy là những chuyện thù thắng nhiệm mầu, đến nỗi ngược ngạo coi Tịnh nghiệp vốn là hạnh tu chánh yếu giống như chuyện thừa thãi.

Chớ nên tự lầm lạc gánh vác chữ Y gồm ba điểm[98], đấy chính là Tam Đức bí tạng Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát, bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo mới có thể chứng được chút phần, chỉ có Phật mới có thể triệt chứng viên mãn. Ông là hạng người nào mà dám ăn nói lớn lối quá phận vậy? Nên biết rằng "dẫu thấy Lý ngang với chư Phật thì tu trì vẫn phải noi theo sự tướng phổ biến" ngõ hầu chẳng đến nỗi chấp Lý phế Sự, rớt vào hầm sâu "bác không nhân quả" không đáy, mênh mông như hư không.

Ba đứa con của ông muốn được đặt pháp danh, nay với mỗi đứa đều lấy một chữ [từ tên ngoài đời] để đặt. Tân Đường pháp danh là Đức Tân, Ung Đường pháp danh là Đức Ung, Hy Đường pháp danh là Đức Hy. Có thể mỗi ngày đều làm cho đức ấy được mới sẽ đoạn được tham - sân - si, dứt tuyệt giết - trộm - dâm, tam nghiệp thanh tịnh. Ung (雍) là hòa, đôn đốc luân thường, tu trì Tịnh nghiệp, dùng tâm chí thành để mong thành thánh, thành hiền, đấy chính là Phật pháp hòa hợp với pháp thế gian, tâm mình đều hòa cùng tâm thánh hiền. Hy (熙) có nghĩa là ánh sáng, sáng sủa. Tận lực trừ Phiền Hoặc, chẳng để nó ngăn lấp tự tâm thì lương tri, Chân Như sẵn có đều được hiện rõ. Đối với những điều khác, hãy bảo các cháu đọc kỹ Gia Ngôn Lục sẽ tự biết. Vì vậy, chẳng cần nói nhiều.

---

2) Tùy Tức Môn: Chú tâm nơi hơi thở ra vào, chẳng cần đếm số.
3) Chỉ Môn: Ngưng lặng các vọng niệm để khởi Thiền Định.
4) Quán Môn: Quán Ngũ Ấm hư vọng, phá trừ các vọng kiến điên đảo, nhằm khai phát Vô Lậu Phương Tiện Trí.
5) Hoàn Môn: Quay trở lại quán tâm, biết cái tâm quán ấy không thật nên Ngã Chấp tự mất, Vô Lậu Phương Tiện Trí tự nhiên tỏ rạng, tự nhiên đoạn Hoặc chứng Chân.
6) Tịnh Môn: Không có tâm trụ trước, lắng bặt thanh tịnh, Chân Minh Vô Lậu Trí nhờ đây tự phát hiện, tự nhiên đoạn Hoặc chứng Chân.
Ba môn đầu thuộc Định, ba môn sau thuộc Huệ.

[98] Theo Đại Bát Niết Bàn Kinh Huyền Nghĩa, quyển thượng. Chữ Y gồm ba điểm hợp thành, xếp thành hình tam giác có đỉnh nhọn quay xuống dưới, cho nên thường được dùng để ví với "chẳng một, chẳng khác, chẳng trước, chẳng sau". Chữ Y do đó được dùng để ví cho ba đức của Niết Bàn là Pháp Thân, Bát Nhã và Giải Thoát. Ba đức này hợp thành Thật Nghĩa của Niết Bàn như chữ Y do ba điểm hợp thành, mà ba điểm này tách rời không thành chữ Y cũng như không thể nào tìm Niết Bàn ngoài ba đức này. Ngoài ra, chữ Y còn được dùng để ví với Tam Bồ Đề (Thật Tánh, Thật Trí, Phương Tiện) hoặc Tam Phật Tánh (Chánh Nhân, Liễu Nhân, Duyên Nhân), hoặc Tam Bảo, hoặc Tam Đạo (Khổ, Phiền Não, Nghiệp) v.v…

Tụng bốn mươi tám nguyện [của kinh Vô Lượng Thọ] hay chương giảng về phép Quán Chín Phẩm [vãng sanh trong Quán Kinh] tùy ý thích của mỗi người, dùng hay không tùy ý. Nói chung, người niệm Phật coi mọi chuyện đơn giản là điều hay. Nếu bày vẽ đủ mọi hành nghi quá lố, chắc sẽ bị mệt mỏi. Pháp không có tướng nhất định, chớ nên cố chấp, cũng chớ nên tràn lan hỗn loạn, chỉ chú trọng sao cho được lợi ích, phù hợp căn cơ.

314. Thư trả lời cư sĩ Trí Viên

Thư nhận được đầy đủ. Bưu phiếu mười đồng đã nhận được rồi. Đợi sau này sẽ châm chước gởi các loại sách cho ông. Vãng sanh Tịnh Độ cố nhiên quý ở chỗ tu lâu dài, nhưng điều quan trọng là chí nguyện quyết định chẳng thay đổi. Kẻ suốt đời niệm Phật mà tâm thường mong cầu phước báo trời người dẫu có tinh tấn, nhưng vì tâm nguyện vẫn còn lưu luyến cõi Sa Bà này, làm sao có hy vọng sanh về Cực Lạc cho được? Vì thế, biết Tín - Nguyện thật sự là căn cứ lớn lao để chúng ta vãng sanh Tây Phương.

Cảnh tượng lúc Trương Đức Du lâm chung rất tốt, một là do chính ông ta có chí hướng quyết định, hai là vì được mọi người trợ niệm, may mắn không bị ai phá hoại [chánh niệm]. Hạng người này công hạnh rất cạn, nếu không được trợ niệm, lại còn có kẻ phá hoại, sẽ không hy vọng gì vãng sanh được! Lâm chung trợ niệm rất tốt, nhưng trong lúc bình thường cần phải đem lợi ích của trợ niệm khi lâm chung, họa hại do phá hoại chánh niệm, nói với hết thảy mọi người, khiến cho các con cháu quyến thuộc đều giúp đỡ ta, chẳng đến nỗi phá hoại. Thỉnh người khác trợ niệm thì có khi họ không có sức để làm được, nếu quyến thuộc biết tường tận [lợi ích của việc trợ niệm] thì có lợi lớn lắm!

315. Thư trả lời cư sĩ Hạng Trí Nguyên

Nhận được thư, biết ngôn hạnh vẫn chẳng lui sụt, an ủi lắm! Cuốn Nhật Ký Tu Trì rất hay. Ông Đào Tụng Minh ở Vô Tích lập hơn một trăm Liên Xã, tặng cho mỗi người một cuốn. Mỗi cuốn là mười hai trang, ghi rõ các ngày. Dưới mỗi ngày đều ghi kinh, chú, Phật hiệu *(nữ nhân có mười tám, mười chín [người ghi danh], nam nhân chỉ có mười một, mười hai)*[99]. Ở

[99] Đây là một hình thức khích lệ tu trì. Nhật Ký Tu Trì ghi những điều phát nguyện tu trì của các liên hữu trong liên xã. Mỗi trang là một tháng, ghi rõ trong mỗi ngày trong tháng ấy, ai

đây do nhiều người nên không thể ghi ra tường tận được. Lập biểu đồ theo hàng ngang, dưới mỗi ngày để ra mấy dòng để ghi thì cũng là pháp phương tiện để dẫn dụ người khác tinh tấn. Lời thuật Duyên Khởi được khắc ở đầu [cuốn Nhật Ký Tu Trì] khá hữu ích.

Đối với câu hỏi về "giác hải" (biển giác) [được nêu ra] trong sách Nhập Phật Vấn Đáp, nếu luận trên mặt gốc thì một còn chưa thể được, nói chi đến vô lượng! Nếu ước theo lợi ích thật sự khác biệt do thọ dụng từ biển giác qua những gì đã chứng được và chưa chứng của mỗi người thì cũng chẳng thể nói là "chỉ một không hai" được[100]! Ví như hư không vốn không có hai, do những vật có tánh chất ngăn ngại xen cách nên trở thành chỗ này, chỗ kia khác biệt, nhiều khôn kể xiết! Nếu bỏ những thứ có tánh chất gây ngăn ngại đi, sẽ trở lại [tình trạng] không có đây - kia. Tâm tánh của chúng sanh và Phật không hai; do chúng sanh mê chưa ngộ, đủ mọi thứ chấp trước, nên trong một biển giác thành ra ngăn cách, trở ngại, biến thành biển nghiệp. Đoạn sạch được phiền não, giống như dẹp sạch mọi vật có tánh chất gây ngăn ngại, sẽ thành "hư không chẳng hai"! Vì thế, kinh Hoa Nghiêm dạy: *"Thập phương chư Như Lai, đồng cộng nhất Pháp Thân, nhất tâm, nhất trí huệ. Lực vô úy diệc nhiên"* (Mười phương chư Như Lai cùng chung một Pháp Thân, một tâm, một trí huệ. Lực, vô úy cũng thế). Ba pháp "tâm, Phật, chúng sanh" không sai biệt; cái sai biệt chính là tướng huyễn vọng, chứ không phải là bản thể.

Người đời sau đông đúc là do sanh sôi đông đảo, chứ không phải do trì Ngũ Giới, gieo thiện căn mà đông! Cổ nhân nói: *"Nhất nhân sanh nhị nhân, thập thế nhất thiên đinh"* (Một người sanh hai người, mười đời thành ngàn kẻ), sao không nhiều cho được? Phật dạy *"thân người khó được";* trong khoảng [rộng] một thước từ mặt đất cho đến tận trời, những chúng sanh trong ấy nhiều hơn số người trong Tứ Thiên Hạ. Có những chúng sanh từ ác đạo thoát ra, do từ thiên giới giáng xuống, chẳng biết là bao nhiêu! Xưa kia con người ít ỏi là vì duyên để sanh trưởng ít ỏi. Nay con người đông đúc là do duyên để sanh trưởng nhiều. Chớ nên nói:

---

phát nguyện tụng bao nhiêu biến kinh nào, niệm bao nhiêu biến chú nào đó, hoặc niệm bao nhiêu câu Phật hiệu.

[100] Ý nói: Xét đến rốt ráo về mặt bản thể thì giác ngộ chỉ là một, sự giác ngộ rốt ráo của Phật và chúng sanh giống hệt như nhau không hai, không khác nên nói là "một còn chưa thể được", tức là không còn phân biệt, đối đãi nên ngay cả sự giác ngộ cũng không thấy có. Hay nói cách khác, không thấy có sự giác ngộ của Phật và của chúng sanh nên nói "một còn chưa thể được". Nếu xét theo mặt Sự, tùy trình độ tu chứng, căn cơ, chấp trước, mức độ đoạn phiền não của mỗi người mà thấy sự giác ngộ có nhiều từng cấp, nhiều đến vô lượng nên gọi là "biển giác".

"Do con người nhiều hơn xưa, tức là vì hiện thời có nhiều người trì giới mà được nhiều như thế!" Chẳng biết những loài trùng nhỏ xíu noãn - thai - thấp - hóa trong lục đạo nhiều vô lượng. Huống chi còn có những chúng sanh trong quỷ đạo ư? Huống chi còn có kẻ ở trong địa ngục nữa? Vì thế, mới nói: *"Phật quán nhất bát thủy, bát vạn tứ thiên trùng"* (Phật xem một bát nước, tám vạn bốn ngàn trùng). Sao ông lại mang tri kiến lệch lạc như thế?

Quang già rồi, trong khoảng Xuân - Hè năm nay còn có mấy thứ sách cần phải in. Ngày Hai Mươi Ba sẽ xuống núi qua Thượng Hải, ngụ tại chùa Thái Bình. Đến tháng Sáu trở về núi ở hết Hè, tháng Bảy lại xuống núi chẳng trở về nữa. Tháng Tám, tháng Chín, việc in sách kết thúc liền diệt tung tích, ẩn náu lâu dài. Do mấy năm qua, hằng ngày chỉ bận bịu thù tiếp thư từ, gần đây tinh thần ngày một giảm, chuyện thù tiếp ngày càng nhiều. Nếu chẳng đi theo một đường lối khác thì chưa bận tới chết sẽ trọn không có lúc nào ngớt được, vô ích cho người, tổn hại cho mình, há chẳng đáng buồn lắm ư? Không có chuyện gì thì chẳng cần phải gởi thư đến. Mấy tháng tới đây tôi đều ở tại chùa Thái Bình nơi bến Trần Gia, Thượng Hải. Tới tháng Tám, tháng Chín, sẽ không nói được địa chỉ [nhất định] nào!

316. Thư trả lời cư sĩ Lưu Huệ Xước

Lệnh từ pháp danh là Đức Ý, thứ từ[101] pháp danh là Đức Trinh. Ý (懿) có nghĩa là đức tốt đẹp, có thể ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, làm bậc thầy khuôn mẫu cho chốn khuê các thì mới là Đức Ý. Trinh (貞) có nghĩa là "kiên định, chẳng thể chuyển dời". Thủ tiết gọi là Trinh, thì đấy là cái Trinh nhỏ nhoi. Nhất tâm niệm Phật, quyết chí cầu sanh Tây Phương, mặc cho tri thức dạy tu các pháp khác đều chẳng đổi chí này thì mới gọi là Đức Trinh. Hãy nên nỗ lực tu trì hòng thoát được đời ác Ngũ Trược này. Nếu không, nỗi khổ đời sau chẳng nỡ nói cặn kẽ được! Cả nhà hãy nên ăn chay niệm Phật để đề xướng [pháp môn Tịnh Độ] tại Thanh Hải.

Niệm Phật mà hết sức mong mỏi [được ở nơi nào] vắng lặng thì chẳng hợp lẽ cho lắm. Có căn bệnh sợ ồn ấy, nay đã phát hiện tướng bệnh rồi. Nếu vẫn cứ như thế, lâu ngày về sau sẽ không có thuốc nào

---

[101] Lệnh từ: tiếng gọi mẹ của người khác với ý kính trọng.
Thứ từ: Mẹ kế.

chữa được! Hãy nên đối với ồn ào hay lặng lẽ đều [cảm thấy] như nhau, đang tịnh cũng chẳng sợ náo nhiệt xảy tới, trong lúc náo nhiệt tâm ta vẫn yên tịnh, chẳng sanh chán ghét, sẽ chẳng phát sanh ma sự "kinh sợ, nhàm chán". Nếu chẳng gấp sửa đổi, sau này sẽ phát cuồng. Niệm Phật mà sanh lòng đau thương thì cũng là tướng lành, nhưng chớ để thường xuyên như thế. Nếu thường để như thế ắt sẽ bị ma đau buồn dựa vào. Ma đau buồn đã dựa vào thì sẽ suốt ngày đau buồn, hoặc đến nỗi chết đau đớn. Những tình huống này đều là do chẳng khéo dụng tâm mà ra. Đỉnh đầu đau ngứa là vì căng thẳng tinh thần quá mức, tâm hỏa bốc lên mà ra. Hãy nên nhất tâm tịnh niệm, tuyên nói với khắp cả làng, thường niệm ở chỗ đông người thì chẳng mấy chốc những chuyện kinh sợ, đau lòng, ngứa ngáy sẽ bị tiêu diệt!

317. Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Tài

Nếu quả thật đúng như ông đã nói thì em trai ông chắc chắn vãng sanh. Song thân ông hãy nên sanh lòng vui mừng lớn lao, nhất tâm niệm Phật, cầu mau được vãng sanh. [Cõi Sa Bà này là] thứ địa ngục sống đủ muôn điều ác không có cách gì để thoát khỏi được! Hãy nên nghĩ: Con cái đã nêu gương sanh về Tây Phương ngay trong đời này, ta vẫn chẳng nhất tâm niệm Phật để theo con ra đi, cứ muốn ở lại làm người trong thứ địa ngục sống đủ muôn điều ác này; sao mà chẳng biết tốt - xấu đến tột cùng như thế? Xin hãy đưa lời lẽ này cho song thân ông đọc, ông cũng nên tùy duyên sống qua ngày chuyện gì bỏ qua được thì bỏ qua, đừng lo sầu trước để rồi bị tổn hại, chẳng ích lợi gì đâu! *(Ngày Mười Hai tháng Tư năm Dân Quốc 29 - 1940)*

318. Thư trả lời cư sĩ Trịnh Cầm Tiều

Ông tuổi đã sáu mươi lăm, đã hai lần thọ giới mà vẫn chưa ăn chay, tức là chỉ biết vị ngon của thịt, chẳng biết mối họa khốc liệt của thịt. Lúc ăn tuy ngon, thử nghĩ đến nỗi khổ lúc phải đền trả, ắt sẽ chẳng nuốt xuống được! Nay ông đừng ăn mặn nữa, hãy nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Nếu tuổi thọ chưa hết sẽ mau được lành bệnh. Tuổi thọ đã tận liền được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Hễ sanh về Tây Phương thì liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, so với sanh lên trời làm thiên đế, thiên vương còn cao trỗi hơn vô lượng, vô biên lần! Bởi lẽ, phước trời sẽ có lúc hết, nên cần phải niệm Phật cầu sanh Tây

Phương. Hễ sanh về Tây Phương sẽ tấn tu dần dần, quyết định thành Phật, chớ nên sợ chết. Hễ có bệnh liền nguyện vãng sanh, nếu tuổi thọ chưa hết sẽ mau được chóng lành.

Nếu sợ chết chỉ cầu lành bệnh thì tuổi thọ đã hết vẫn phải chết, quyết khó được vãng sanh! Khuyên người niệm Phật cầu sanh Tây Phương chính là thành tựu cho người ta thành Phật. Ông chớ nên vì tri kiến phàm phu của chính ông mà sanh lòng ngờ vực chẳng tin. Quang nghĩ ông đang bệnh nên tâm không yên, cầu Quang cứu ông, nên mới nói với ông lời này. Nếu vẫn không tin thì Phật cũng chẳng thể cứu được ông đâu! Vì sao vậy? Những gì Quang vừa nói vốn lấy từ những lời Phật đã dạy trong kinh, chẳng qua trích lấy ý nghĩa để nói đại lược mà thôi, đừng tưởng rằng Quang bỗng dưng bịa chuyện. Sau khi ông lành bệnh rồi, hãy nên đọc khắp các kinh điển Tịnh Độ sẽ tự biết rõ. Nếu sanh về Tây Phương thì mỗi điều sẽ được chứng minh, Quang chẳng lừa dối ông.

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Minh, nghĩa là dùng Phật huệ để thấu hiểu giáo lý hòng tu pháp môn Tịnh Độ. Đức Phật nói hết thảy pháp môn tuy cao sâu huyền diệu, viên đốn, thẳng chóng, nhưng đều phải đoạn sạch Phiền Hoặc mới có thể liễu sanh thoát tử. Nếu đoạn chưa sạch thì vẫn chẳng thể liễu được; huống hồ kẻ hoàn toàn chưa đoạn được ư? Chỉ có pháp môn Niệm Phật cậy vào Phật từ lực, nếu có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành niệm Phật, không một ai chẳng được vãng sanh; nhưng kẻ niệm Phật thì nhiều, người vãng sanh lại ít là vì ngu si vô tri chỉ cầu phước báo trời - người trong đời sau, hoặc chẳng sanh lòng hổ thẹn, thường làm chuyện bất hiếu, chẳng từ, bất trung, bất nghĩa v.v… là vì tâm trái nghịch với Phật mà ra. Lỗi ở nơi chính mình, nào phải Phật chẳng từ bi!

Nếu trước khi người ấy chưa phát tâm niệm Phật từng làm các điều ác, nay đã niệm Phật hãy nên sanh lòng hổ thẹn lớn lao, thống thiết sửa đổi lỗi trước thì cũng có thể quyết định vãng sanh. Phật coi chúng sanh hệt như con ruột; nhưng con cái chẳng nghe lời cha mẹ dạy, cha mẹ cũng chẳng làm sao được! Chúng sanh nếu chịu sửa lỗi hướng thiện niệm Phật, chắc chắn lúc lâm chung sẽ được Phật rủ lòng đích thân tiếp dẫn.

319. Thư trả lời cư sĩ Nghê Văn Khanh

Đọc lá thư ông gởi cho thầy Diệu Chân, [biết ông] không thể ăn cơm, chỉ ăn được cơm lúa mạch hay Mạn Đầu. Chưa đáng coi là bệnh, sao lại phải cầu thuốc Tây, thuốc Tàu trị bệnh? Ông nói mỗi ngày tụng kinh Địa

Tạng một cuốn, nay lại muốn thầm đọc kinh Pháp Hoa một cuốn. Nếu tinh thần sung túc thì được; nếu không, hãy chuyên lấy Phật hiệu để thay thế cho kinh, sẽ đỡ tốn tâm lực nhiều lắm. Quyến thuộc trong nhà ông vẫn muốn ông ngả mặn, đáng gọi là "si dại đến cùng cực!" Ông vẫn cần phải nghiêm túc răn nhắc họ về lợi ích do được trợ niệm lúc lâm chung và những họa hại vì tắm rửa, thay quần áo sẵn, khóc lóc. Nếu không, chắc sẽ đến nỗi trở thành thể hiện lòng hiếu kiểu "tình yêu của La Sát nữ" thì ông lẫn họ đều mắc họa thật sự. Chuyện này phải thường nói cho họ nghe quen tai.

Hiện thời ông hãy bảo con cái, dâu, cháu sớm tối bầu bạn niệm Phật với ông. Niệm đã quen thì mới hòng nhờ cậy họ trợ niệm khi lâm chung. Nếu không, theo như lời Vương Thiếu Hồ, Châu Thạch Tăng đã kể, sợ họ sẽ do một niềm hiếu tâm mà phá hoại [chánh niệm của ông]: Họ chẳng làm chuyện "đẩy xuống giếng rồi lại còn hè nhau vần tảng đá to quăng xuống", quyết chẳng cam tâm! Con hiếu cháu hiền trong thế gian nếu chẳng biết Phật pháp thì trong ngàn người trọn chẳng có một ai không hiếu thuận kiểu đó! Điều này trọn chẳng khác gì La Sát nữ bảo người bị nó ăn thịt: "Ta yêu ngươi nên ăn thịt ngươi". La Sát nữ do yêu thương mà ăn thịt, coi đó là tình yêu thật sự. Quyến thuộc vô tri do hiếu thảo mà buộc ông ngã mặn, do lòng hiếu mà tắm rửa, thay quần áo sẵn, khóc lóc, khiến cho người sắp qua đời hoàn toàn mất chánh niệm, vứt sạch công lao niệm Phật. Vốn có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh, nhưng [những hành động vô tri ấy] ắt sẽ khiến cho thánh cảnh đã hiện lại bị diệt mất, lại còn [khiến cho người đã khuất] phải đọa trong ba ác đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì mới chịu dừng tay. Đấy chính là lòng hiếu lớn lao đặc biệt của quyến thuộc vô tri.

Ông Trần Phi Thanh sắp chết, con trai ông ta gởi thư đến, Quang nói về lợi ích của việc trợ niệm khi lâm chung và họa hại do phô trương bày vẽ. May là con ông ta làm theo lời Quang bảo, nên ông ta mất rất tốt đẹp. Ba ngày trước [khi ông ta mất], họ nhận được thư Quang, [khi ấy] thần thức ông ta đã không còn tỉnh táo nữa, thường nói sảng. Trong thư Quang gởi đến có kèm theo một ít tro hương đã được gia trì bằng chú Đại Bi, họ liền pha nước cho ông ta uống, thần thức liền sáng suốt. Họ bèn trợ niệm cho ông ta. Ông ta còn lần chuỗi niệm theo, niệm đến khi đã tắt hơi một lúc lâu mà tay vẫn còn lần chuỗi. Quang cũng bảo con ông ta: "Những kẻ hiếu thảo với cha mẹ trong cõi đời quá nửa đều giống như lòng yêu thương của La Sát nữ. Nếu các vị chịu làm theo lời tôi thì mới là lòng hiếu thật sự!" Lời Quang nói rất khích liệt, nên hai đứa con ông

ta cũng khá cảm động. Nay tôi lại muốn cho con cái dâu cháu của ông đều giống như hai người con ông Trần Phi Thanh nên mới lược thuật như trên.

Bệnh của ông chẳng cần biết nặng nề đến đâu, hãy uống nước [pha bằng] tro hương chắc sẽ được lành. Nếu chẳng lành, cần gì cứ nhất định phải ăn cơm? Cháo lúa mạch so ra bổ dưỡng hơn cháo gạo, Mạn Đầu[102] là thứ người phương Bắc ăn thay cơm mỗi ngày, há đáng để bận tâm ư? Đối với chuyện phát nguyện cầu lành bệnh, chắc sẽ được như nguyện. Dẫu không được như nguyện, cũng chớ nên đâm ra si dại cố cầu; chỉ sợ đâm ra bị tổn hại, vô ích! Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối mà niệm. Chuyện thế gian mỗi mỗi đều toàn thân buông xuống hết! Nếu quyến thuộc [của ông] giống như con ông Trần Phi Thanh, ông sẽ quyết định được vãng sanh. Nếu có ý niệm sanh trong cõi trời cõi người thì Tây Phương sẽ chẳng có phần đâu; bởi lẽ, tâm sanh tử đã quá sức thuần thục, một sức nhỏ như mảy lông ấy vẫn có thể cự lại cái tâm liễu sanh tử nặng ngàn cân. Viết ra điều này [để] xin ông sáng suốt suy xét! *(Ngày Mười Bốn tháng Mười năm Dân Quốc 27 - 1938)*

320. Thư trả lời cư sĩ Long Trí

Đọc thư ông gởi tới, biết những người có đủ chánh tri kiến trong cõi đời quá sức là ít. Lại biết: Có người đề xướng thì những ai đã có thiện căn từ đời trước đều được mở mang chánh tri kiến. Ông từ Đồng Thiện Xã [thoát ra], lại dự vào Kim Đan Đạo[103], nếu chẳng gặp được kinh Phật

---

[102] Mạn Đầu (thường được biết dưới tên gọi Mằn Thầu) là một thứ bánh bao không nhân, có hình dáng như một miếng bột cuộn tròn lại, thường dùng để ăn như cơm hằng ngày ở Hoa Bắc. Từ thời Xuân Thu, người Hoa đã lấy lúa mì cho lên men, vo tròn lại đem hấp ăn, gọi là Di Thực. Đến thời Hán, do đã có cối xay, lúa mì được xay thành bột, mới phổ biến lối làm bánh bằng bột mì. Tương truyền Mạn Đầu do chính Gia Cát Lượng (Khổng Minh) chế ra khi đem quân vượt sông Lô Thủy để đánh Mạnh Hoạch. Theo sự mê tín thời đó, hễ đại quân vượt sông phải dùng đầu người tế thủy thần để xin phép. Gia Cát Lượng liền sai quân lính vò bột mì ủ men thành bánh bao, bên trong nhồi thịt heo, ném xuống sông giả làm đầu người để lừa thủy thần. Do vậy bánh bao được gọi là Mạn Đầu (謾頭: Mạn (謾) là lừa dối). Dần dần Mạn Đầu (謾頭) được viết thành Mạn Đầu (饅頭) và là từ ngữ để chỉ chung các loại bánh bao. Đến đời Tống, Mạn Đầu chỉ còn có nghĩa là loại bánh bao không nhân, còn loại có nhân được gọi là Bao Tử hoặc Đại Bao.

[103] Kim Đan Đạo có tên nguyên thủy là Tại Lý Hội, vốn là một chi phái của Bạch Liên Giáo, do Dương Lai Như sáng lập tại huyện Tức Mặc tỉnh Sơn Đông vào cuối đời Thanh, chủ trương "dung hợp Tam Giáo thành nhất thể", vay mượn giáo nghĩa của Tam Giáo, chủ yếu tu tập vận khí, luyện đan, ăn chay, kiêng rượu, cấm hút thuốc phiện. Giáo phái này mượn

thì suốt đời làm đạo sư của ngoại đạo, nguy hiểm thay, may mắn thay! Do xem kinh Phật, lại gặp pháp môn Tịnh Độ, có thể nói là chẳng uổng kiếp sống này, chẳng phí dịp gặp gỡ này. Nay lại làm cho cha mẹ và các quyến thuộc cùng tu Tịnh nghiệp, cùng sanh Tịnh Độ, đáng gọi là "đại hiếu, tôn kính cha mẹ, chẳng thiếu lòng hiếu thảo" vậy!

Người quy y lần này tổng cộng là ba mươi bốn người, ông phải bảo họ đều kiêng giết, ăn chay, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Người học Phật phải chuyên chú giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt lành, dùng những điều này để tự hành, lại còn đem dạy người, thì sống sẽ là học trò của hiền thánh, mất về cõi nước Như Lai. Hiện thời thế đạo đã loạn đến tột cùng, cội gốc là do mọi người chẳng nói đến nhân quả, vì thế trở thành cuộc đại loạn bậc nhất kể từ khi có trời đất tới nay!

Hiện thời, suy tính kế sách, bất luận là ai đều phải hiểu nhân rõ quả. Hiểu rõ nhân quả sẽ chuyển tàn sát lẫn nhau thành duy trì lẫn nhau. Nếu không, cha mẹ có đại ân mà còn muốn giết, huống là những kẻ khác ư? Quang thường nói: *"Nhân quả là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh, là diệu pháp để trị cả gốc lẫn ngọn"*. Tống Nho bài xích nhân quả luân hồi chính là phá cái đê để ngăn lụt mà muốn nước chẳng ngập trời, há có được chăng? Trong tháng Tám, tháng Chín, khi Văn Sao Tục Biên được in ra, sẽ gởi cho ông mấy bộ. So với lần trước, lần này có nhiều lời lẽ cứu khổ hơn *(Ngày Hai Mươi Sáu tháng Bảy).*

321. Thư gởi cư sĩ Trầm Bân Hàn

Thư ở Quý Châu, phiền ông giao cho pháp sư Đức Sâm, đợi khi nào thư ấy gởi tới sẽ gởi thẳng cho Phạm cư sĩ, đừng lo. Gần đây, một đệ tử đem toa thuốc trị bệnh sốt rét để chữa cho một người ở Thường Châu mắc bệnh sốt rét suốt một thời gian dài là mười ba năm rưỡi, cũng trị một lần liền hết ngay. Vùng quê mắc bệnh này rất nhiều, xin hãy đăng dài hạn trên Bán Nguyệt San. [Bài thuốc ấy] chiếm chỗ không nhiều đâu,

---

danh nghĩa tôn giáo nhằm lập hội kín chủ trương quy tụ nông dân để phản Thanh phục Minh. Năm Quang Tự 17 (1891), thủ lãnh Dương Duyệt Xuân đã lãnh đạo tín đồ phát động khởi nghĩa tại Bình Tuyền, Kiến Xương, Xích Phong v.v… thiêu hủy nhà thờ Thiên Chúa, đánh giết các giáo sĩ, đánh phá quân triều đình. Sau khi bị triều đình nhà Thanh đàn áp, phải rút lui vào hoạt động bí mật, đổi tên thành Kim Đan Đạo, rồi lại thịnh hành khi Dân Quốc thành lập.

[xin hãy đăng tải] để mong cho người thấy kẻ nghe đều thoát lìa khỏi nỗi khổ vì bệnh sốt rét. Cũng như Một Lá Thư Trả Lời Khắp và lời thông cáo rộng khắp *"lúc sanh nở niệm Quán Âm, sữa độc giết trẻ con"* đăng kèm sau cuốn Tức Tai Hội Khai Thị Lục, nếu có thể thường đăng sẽ cứu mạng trẻ thơ chẳng thể nào tính đếm được! Công đức ấy làm sao diễn tả cho được? *(Ngày Mười Sáu tháng Mười)*

322. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hoa (thư thứ nhất)

Thư nhận được đầy đủ. Hiện thời loạn trong giặc ngoài, dân không lẽ sống. Nếu có thể giữ tấm lòng Thành trừ bạo an dân, gìn giữ địa phương thì chính là "dùng quân sự để làm Phật sự!" Đối với mình lẫn người đều có lợi ích lớn lao. Lại còn phải nên đem ý này răn nhắc, cổ vũ binh sĩ để [ai nấy] đều coi người khác như chính mình, mong sao họ được an lạc, thấy người khốn khổ lênh đênh như chính mình đang khốn khổ lênh đênh, xem cha mẹ người khác như cha mẹ của chính mình, muốn cho họ được yên vui; xem vợ con của người khác như vợ con của chính mình, chẳng dấy lên tà niệm. Con người sống trong thế gian chỉ mấy chục năm mà thôi. Nếu buông lung làm càn, sẽ bao kiếp chẳng thể lại được mang thân người.

Thêm nữa, hãy thường niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát để mong ngầm được Ngài che chở. Quân nhân nếu thường giữ tấm lòng lành, chẳng làm những chuyện ác như cướp bóc, gian dâm v.v… lại thường niệm Quán Âm, dẫu trong chốn rừng súng mưa đạn, cũng chẳng đến nỗi gặp nguy hiểm lớn lao. Nếu cứ làm càn những chuyện cướp đoạt, gian dâm v.v… sẽ khó thể nào được Bồ Tát gia bị. Xin hãy nói với hết thảy anh em [binh sĩ về những điều này].

Nay tôi gởi cho ông một gói Tịnh Độ Thập Yếu, tổng cộng là ba bộ. Một bộ tự giữ, hai bộ tặng cho người có tín tâm, thông hiểu văn lý, có lòng cung kính. Sách này chính là sách quan trọng nhất trong Tịnh tông, đọc lời Tựa của Quang sẽ tự biết. Phật Học Cứu Kiếp Biên ba gói, Gia Ngôn Lục, Chánh Tín Lục, Một Lá Thư Trả Lời Khắp gộp thành một gói, tổng cộng là năm gói, xin hãy thâu nhận. Vận nước nguy ngập, lòng người hoang mang, chẳng lấy nhân quả ba đời, lục đạo luân hồi của Phật và tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương để làm pháp duy trì thì con người sẽ chẳng khác gì cầm thú ăn nuốt lẫn nhau!

323. Thư trả lời cư sĩ Huệ Hoa (thư thứ hai)

Hai lần nhận được thư nhưng không rảnh rỗi, lại không có chuyện gì quan trọng nên chưa trả lời ngay. Chắc ông đã nhận được sách Thập Yếu rồi, nay lại gởi một gói Thập Yếu, một gói [Phật Học] Cứu Kiếp Biên, lần trước tôi đã từng gởi Cứu Kiếp Biên hay chưa? Cuốn Hạ trong bộ sách ấy nơi dòng mười một trang hai mươi lăm phần Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm đã bị thiếu tám chữ *"như kim Thế Tôn Tỳ Lô Giá Na"* (giống như đức Thế Tôn Tỳ Lô Giá Na hiện thời). Nếu chẳng thể chép thêm vào dòng ấy thì hãy nên chép thêm vào phía dưới hàng thứ hai [tức dòng] *"ngã giai tùy học"* (tôi đều học theo) trong trang ấy thì văn lẫn nghĩa đều trọn vẹn. Ấy vốn là do cuốn Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Tập Yếu Sớ do pháp sư Đế Nhàn biên soạn đã bị sót chữ, khi cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh dựa theo đó để viết lời chú giải đại lược, chưa đem sách ấy đối chiếu với chánh kinh. Khi Quang cho sắp chữ, giảo chánh, cũng chưa từng đem đối chiếu với kinh nên mới đến nỗi bị sai sót như vậy. Một gói Tâm Kinh Tân Sớ, một gói Sanh Vô Sanh Luận Sớ. Bốn loại sách này đều nên tặng cho những người thông hiểu văn lý, có tín tâm, có lòng cung kính. Sơ Cơ Tiên Đạo một gói, Tịnh Nghiệp Chỉ Nam một gói, Liễu Phàm Tứ Huấn một gói, Tây Phương Công Cứ một gói, Sức Chung Tân Lương một gói, tổng cộng là mười gói để giúp cho việc đề xướng.

Từ nay về sau, nếu không có chuyện gì quan trọng thì đừng gởi thư tới. Quang tinh thần lẫn mục lực ngày một suy, thư từ các nơi [gởi về] ngày một nhiều, đúng là không có sức để chống đỡ. Ông đã tin được rồi thì hãy lấy Văn Sao v.v… để làm căn cứ tu trì. Nếu Văn Sao chẳng đáng làm khuôn phép thì Thập Yếu chính là những lời chư Phật, chư Tổ tán thán, hoằng dương, hãy nên tuân thủ như trung thần vâng theo thánh chỉ của minh chúa, như con hiếu tuân theo di chúc của từ thân (cha mẹ hiền từ), chớ nên thấy lạ, nghĩ khác! Hiện thời lắm kẻ ăn nói lớn lối để dối đời, chẳng những chuyên ham luyến vợ đẹp thiếp xinh, lại còn chơi bời bừa bãi, no ứ rượu thịt, phóng túng không kiêng dè gì, mà vẫn tự xưng là bậc đại thông gia Bồ Tát ứng thế, hủy báng người ăn chay trì giới là Tiểu Thừa, mặc tình phô phang tri kiến cuồng vọng khắp nơi, gây rối loạn cho sự thấy nghe của người khác! Cũng có nhiều gã mù quáng, ngỡ lũ đó nói chuyện huyền diệu, liền trỗi giọng phụ họa. Đúng là "kẻ mù dẫn lũ đui kéo nhau vào lửa", chẳng đáng buồn sao? Mong ông hãy sáng suốt suy xét, đừng bị mê hoặc thì may mắn lắm thay!

324. Thư trả lời cư sĩ Hàn Giác An (thư thứ nhất)

Hai chữ *"hợp thập"* (chắp mười ngón tay) chớ nên dùng. Vì quy y Phật - Pháp - Tăng Tam Bảo há nên chỉ dùng chắp mười ngón tay làm lễ? Do ông không biết, nên tôi mới nói riêng. Quang già rồi, hiện đang nằm bệnh mấy ngày, nay hơi khỏe đôi chút. Từ nay chớ nên gởi thư tới nữa, bởi không có mục lực lẫn tinh thần thù tiếp vậy!

325. Thư trả lời cư sĩ Hàn Giác An (thư thứ hai)

Khế (契) có nghĩa là "phù hợp, chẳng khác". Giác (覺) chính là "vô thượng giác đạo được chứng bởi Phật". Hiện thời dùng tâm Bồ Đề tự lợi lợi tha để tín nguyện niệm Phật, niệm lâu ngày, nghiệp tiêu, trí rạng, sẽ khế hợp với giác đạo của đức Phật đã chứng. Vì thế, chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm có câu: *"Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa, chẳng nhờ đến phương tiện, tâm tự được mở mang, như người nhiễm hương, thân có mùi thơm".* Đấy chính là ý nghĩa của Khế Giác.

Ông nên giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng Thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thì lợi ích ấy chỉ có đức Phật mới biết được! Nếu học theo phường căn tánh kém hèn, còn chưa thể chân thật niệm Phật mà cứ muốn khai ngộ ngay, thì muốn khế giác đâm ra lại nghịch giác! Do niệm Phật đến mức cùng cực sẽ tự được khai ngộ. Khai ngộ rồi càng phải sốt sắng niệm. Thứ tri kiến kém hèn coi niệm Phật như chuyện thừa thãi ấy, cứ tưởng "hễ ngộ là đắc đạo rồi"; nếu ngộ rồi mà trọn chẳng cần phải tu để liễu thoát nữa thì sẽ trở thành "khế mê" chứ không phải "khế giác!"

Từ nay về sau không được gởi thư đến nữa, vì tôi không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp vậy. Nay lại gởi cho ông Một Lá Thư Trả Lời Khắp, Kinh Nghiệm Dược Phương để giúp cho việc tự lợi, lợi tha. Toa thuốc trị bệnh sốt rét không ai chẳng được trị lành. Dù người bị bệnh sốt rét lâu từ hai ba năm cho đến mười mấy năm, cũng trị một lần liền lành. Năm nay, một đệ tử trị cho một người mắc bệnh sốt rét suốt mười ba năm rưỡi cũng một lần trị liền lành.

326. Thư trả lời cư sĩ Đinh Phổ Tịnh

Thư gởi đến nhận được đầy đủ. Nên biết rằng: Phật pháp đầy đủ hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Trước kia, bọn Lý Học chê trách Phật pháp "vứt bỏ luân lý để giảng nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi", quở rằng: "Không cha, không vua, dối đời, lừa dân!" Dùng ngay những lời lẽ ấy để luận thì chẳng những bọn chúng (bọn Lý Học) không biết những nghĩa lý tinh thâm của Phật pháp, mà ngay cả những sự tướng thô thiển trong Phật pháp chúng cũng chưa hề biết đến! Phật pháp gặp cha nói từ, gặp con nói hiếu, anh nhường, em kính, chồng hòa, vợ thuận, chủ nhân từ, tớ trung thành. Luân lý thế gian chẳng bỏ sót mảy may điều thiện nào! Nhân quả tỏ rõ sự luân hồi trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, chỉ rõ sáu đường "trời, người, A Tu La, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục". Nếu có thể đem lý ấy để hướng dẫn dân, giáo hóa cõi tục, vẫn chẳng có ích lợi lớn lao cho đạo của nhị đế, tam vương[104], Châu, Khổng hay sao?

Bọn họ ghen ghét [Phật pháp] như thù, hận chẳng thể làm cho cả nước không còn dấu tích, tiếng tăm [Phật pháp] nữa, bèn tự kiêu căng khoe mình có trí, bảo Phật là ngu, đặc biệt coi những lời lẽ về nhân quả báo ứng sanh tử luân hồi là lời lẽ để làm cho bọn ngu tục bị mê hoặc, ngu xuẩn. Rốt cuộc những kẻ tập theo những thuyết ấy đều coi nhân quả luân hồi là không có căn cứ! Đối với sự thực, căn cứ để dạy người chánh tâm thành ý, bọn chúng hoàn toàn vứt bỏ, giữ xuông lời lẽ chánh tâm thành ý để hoằng truyền xiển dương đạo Nho. Người bậc thượng may ra còn có thể chánh tâm, thành ý, nhưng do hễ chết rồi sẽ vĩnh viễn diệt mất nên cũng chẳng thể phát tâm thực hiện lớn lao. Kẻ căn cơ trung hạ thì do [tưởng rằng] hễ chết rồi bèn vĩnh viễn diệt mất, Nghiêu hay Kiệt cũng đều chết ráo, cần gì phải tuân theo mực thước, chịu bị trói buộc oan uổng ư? Do vậy buông lòng thả chí làm theo lòng ham muốn!

Chất độc ấy đã ẩn ngầm gần một ngàn một trăm năm. Lại thêm gió Âu dần dần thổi sang phương Đông, đua nhau đề cao văn minh vật chất, nên hết thảy những vở thảm kịch cậy mạnh hiếp yếu, thảm não thiếu hẳn đạo làm người thảy đều diễn ra. Xét đến gốc họa, đều do bọn Lý Học đả phá nhân quả luân hồi mà nên nỗi! Học thuyết lầm lạc gây họa khốc liệt hơn nước lũ, mãnh thú, khiến cho dân đen nước ta phải chết vì đao binh, đói kém, cai trị hà khắc, thổ phỉ, trộm cướp, chẳng thể kể xiết! Những ai may mắn giữ được cái mạng thừa, cũng hứng chịu nỗi đau đớn nước sâu lửa bỏng, chẳng đáng buồn ư?

---

[104] Nhị đế tam vương: Nhị đế là Đế Nghiêu, Đế Thuấn, tam vương là vua Đại Vũ nhà Hạ, Thành Thang nhà Thương và Văn Vương nhà Châu.

Nay muốn tự lợi, lợi người, yên thân, yên đời, hãy nên bắt đầu bằng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng Thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, trong là gia đình, ngoài là người đời, đều dùng nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi để khuyên chỉ, khiến cho ai nấy đều tu nhân lành hòng hưởng quả vui, sợ quả khổ để dứt nhân ác. Như vậy thì con em trong gia đình chẳng đến nỗi thành phường thổ phỉ, trộm cướp; làng, ấp, xã hội sẽ dần dần khôi phục lễ nghĩa, nhân nhượng, phong tục thuần phác. Đây mới chỉ là nói đến lợi ích của Phật pháp về chuyện thế gian.

Đối với lẽ xuất thế, cũng vẫn phải lấy những điều này làm gốc; nhưng phải nên sanh lòng tin, phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì ai nấy đều tu được, ai nấy đều được hưởng lợi ích thật sự. Đấy chính là một pháp đặc biệt trong Phật pháp, thích hợp khắp ba căn, phàm - thánh cùng tu. Ngu phu, ngu phụ đều có thể dự vào, mà đại thánh, đại hiền cũng chẳng thể vượt ra ngoài được! Nếu có thể sanh được lòng tin nơi pháp này, dẫu nghiệp lực phàm phu cũng có thể liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này. Nếu chẳng sốt sắng tu trì nơi pháp này, đối với hết thảy các pháp do đức Như Lai đã nói, tu theo một pháp hoặc kiêm tu các pháp hòng liễu sanh tử, đừng nói chẳng thể liễu ngay trong đời này, dẫu trải qua trăm ngàn vạn đời hay trăm ngàn vạn kiếp vẫn chẳng thể liễu được, [khó khăn hơn tu pháp môn Niệm Phật] nhiều lắm! Vì sao thế? Vì một pháp Niệm Phật cầu sanh Tây Phương chuyên cậy vào Phật lực. Chỉ cần chính mình có đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, trì thánh hiệu của Phật thì lúc lâm chung quyết định được Phật tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Hết thảy các pháp môn khác ắt cần phải tu cho đến khi nghiệp tận tình không mới có thể liễu thoát sanh tử. Nếu không, mặc cho ông công phu sâu đậm, công đức lớn lao, nếu phiền não còn sót mảy may chưa tận thì vẫn chẳng thể thoát ra ngoài lục đạo luân hồi được! Đem chuyện dùng tự lực để liễu sanh tử so với cậy vào Phật lực để liễu sanh tử thì sự khó - dễ vời vợi hệt như một trời một vực.

Ông may mắn sẵn có thiện căn từ đời trước nên có thể sanh lòng tin nơi pháp môn này, nhưng cần phải lập trọng thệ sâu xa, quyết chẳng bị thuận theo kinh điển hay ngôn giáo của những tri thức khác mà bỏ pháp môn này tu theo pháp khác, ngõ hầu chẳng phụ túc căn và duyên hiện tại. Nếu đọc các kinh Đại Thừa, thấy nghĩa lý sâu xa, huyền áo, hoặc thân cận tri thức thuộc các tông Thiền, Giáo, Luật, Mật, nghe họ nói những điều thân thiết liền coi Niệm Phật là tầm thường, coi những pháp ấy mới

là lạ lùng, đặc biệt, bỏ pháp này, tu pháp kia, sẽ giống như con thơ bỏ cha mẹ, bệnh nặng bỏ lương y, muốn được thành người, lành bệnh, há có được chăng? Ông đã đọc Văn Sao, sao chẳng chú tâm thấu hiểu, suy xét? Sao lại có sáu thứ nghi vấn như sau:

1) *"Phật tức là tâm, tâm tức là Phật"* chính là ước theo bản thể của tâm chúng ta mà nói. Do có vô lượng vô biên phiền não Hoặc nghiệp, nên cần phải nhờ vào sức đại từ bi gia bị của A Di Đà Phật là đấng đã hết sạch Hoặc nghiệp, phước huệ viên mãn, có đại thệ nguyện để được vãng sanh, rồi tu tập dần dần cho đến khi rốt ráo đích thân chứng được *"tâm này là Phật"* mới thôi. Ông cho rằng đã là Phật thì cần gì phải niệm Phật ư? Ví như tấm gương báu tròn lớn bị bụi phủ cả kiếp, tuy sẵn đủ quang minh chiếu trời soi đất, nếu chẳng đổ công chùi mài, dẫu trải cả kiếp cũng chẳng có lúc tỏa ánh sáng được! Hiểu lầm chữ *"tức thị"* (tức là) họa khôn kể xiết!

Còn như ông Hứa Chỉ Tịnh nói: "*Chư Phật không có thân, nhưng Bát Nhã quả thật là mẹ"* thì có nghĩa là "chư Phật từ trí huệ mà sanh". Trí Huệ đứng đầu Lục Độ, nêu lên Trí Huệ thì không Độ nào trong Lục Độ chẳng trọn đủ; sự nghiệp, công phu tu trì há dễ dùng bút mực để giảng rõ được ư? Ông hãy thiết thực giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận như đã nói trong phần trước, rồi sốt sắng thực hành pháp Tín Nguyện Trì Danh như đã nói trong phần sau, chắc chắn sẽ nguôi ngoai được ý niệm [lo buồn] "đời người vô thường, sanh tử khó liễu" của ông! Nếu chỉ chấp trước một hai điều thuộc về Lý Tánh, coi Sự Tu là chuyện nhọc công uổng sức; sợ rằng mai sau vẫn phải vĩnh viễn đọa trong ác đạo, suốt cả kiếp chẳng có lúc được nghe những tên gọi như trời đất, cha mẹ. Chẳng đáng dự phòng, tu hành cẩn thận ư?

2) Niệm Quán Âm cầu sanh Tây Phương cũng được vãng sanh Tây Phương, nhưng chớ nên bảo "cần gì phải niệm A Di Đà Phật!" Bởi lẽ, Quán Âm chính là vị phù tá đức A Di Đà Phật. Phật Di Đà là chủ, Quán Âm là khách. Phật Di Đà như quốc vương, Quán Âm như trủng tể (người đứng đầu các quan). Khéo hiểu ý nghĩa, ắt chẳng trở ngại gì!

3) Nhiều kiếp chẳng thể thành Phật là do tu pháp môn tự lực. Cần biết rằng: Pháp môn Tịnh Độ dẫu lâm chung mới được nghe mà có thể sanh lòng tín nguyện rồi niệm, liền được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Huống là trước khi lâm chung đã tu sẵn ư?

4) Đàn cầu cơ phần nhiều do linh quỷ dựa vào, Ngọc Tiên là một vị tiến sĩ nhưng tri kiến hèn tệ chẳng thể nào diễn tả được! Những gì ông ta tuyên truyền nào đáng để nhắc đến ư?

5) Lúc trì Phật hiệu, tạp niệm tơi bời, đấy chính là hiện tượng lắm tri nhiều kiến, tâm không có chánh niệm. Muốn cho hiện tượng ấy chẳng xuất hiện thì chỉ chuyên tâm đau đáu nghĩ chính mình sắp chết, chỉ sợ đọa ngay vào ác đạo, dốc chí niệm Phật, chẳng khởi lên những ý niệm khác, lâu ngày sẽ được trong lặng.

6) Ăn chay không khó, hễ miệng bụng tham muốn thì sẽ khó ăn chay. Tam tịnh nhục và "thịt bên cạnh rau" chính là pháp được lập ra cho kẻ hạ căn. Xin ông hãy sáng suốt suy xét.

327. Thư trả lời hai vị cư sĩ Du Huệ Úc và Trần Huệ Sưởng

(Đính kèm thư gởi đến)

Đệ tử nghiệp chướng sâu nặng, bẩm tánh ngu độn, tối tăm, may được nghe pháp môn Tịnh Độ, được quy y dưới tòa, chỉ khăng khắng tuân lời thầy răn thật thà niệm Phật để mong sớm liễu sanh tử, chẳng phụ lòng thầy đau đáu. Phàm đã là Phật tử, phải nên phát tâm tự độ, độ người. Nay lũ đệ tử chúng con chưa thể tự độ, sao nói chuyện độ người cho được? Nhưng gặp thân hữu liền dùng phương tiện khuyên họ tin tưởng cũng là chuyện thuộc bổn phận. Nhưng thường có hai loại người kiến giải lẫn lời lẽ đều là tự lầm, lầm người, thật chẳng ít ỏi! Một là loại nói: "Phật không có dục. Những thứ vàng, báu như kinh A Di Đà đã nói vẫn giống như dục, chẳng giống như kinh Kim Cang [dạy] 'hết thảy đều không' cao siêu, huyền diệu hơn!' Do vậy, họ miệt thị pháp môn Tịnh Độ, chẳng sanh lòng tin. Đấy là vì họ chẳng biết ý nghĩa của hai kinh Di Đà và Kim Cang, chỉ thuận theo ý mình nói bừa.

Một loại nói: "Phật đã dạy người thấy thấu suốt hết thảy, sao chính mình lại ngược ngạo nẩy sanh thứ tham dục này?" (Chỉ những thứ vàng, báu được nói trong kinh A Di Đà). Chúng ta sao lại khổ sở bỏ đi những gì có thật trước mắt để mong cầu những thứ mờ mịt nơi thân sau?" Đây chính là kẻ tà kiến, chấp trước, mặc tình báng Phật, báng Pháp. Hai hạng này tuy phẩm vị có cao - thấp nhưng tà kiến đều hệt như nhau, đều tự lầm, lầm người hệt như nhau. Bọn đệ tử chúng con tận lực bảo họ những cảnh giới Tây Phương đều do công đức của A Di Đà Phật hóa hiện Thật Tướng trang nghiêm, là quả báo phước đức tự tại hưởng dụng, khác hẳn những thứ do nghiệp lực tạo thành trong đời ác Ngũ Trược. Huống chi, tất cả mọi thứ trong Sa Bà đều khổ, không, vô thường; vì thế phải nên vứt bỏ để cầu lấy Thật Tế. Nhưng lời lẽ của kẻ ngu muội [như chúng con] dẫu chẳng trái chánh lý, trọn chẳng thể khơi gợi chánh tín [cho họ

được]. Kính nghĩ tất cả ngôn luận của thầy như mặt trời rạng rỡ giữa hư không, không tối tăm nào chẳng chiếu tỏ, dám xin thầy giảng giải mấy lời để phá thứ tà kiến ấy.

Hai thứ tà kiến được nói trong thư gởi đến chính là "đem tri kiến phàm phu để dò lường cảnh giới của Như Lai". Khổng Tử gọi đó là *"hiếu hành tiểu huệ"*[105], Mạnh Tử thì gọi là *"tự bạo, tự khí"*[106]. Hạng người này vốn chẳng có giá trị, tư cách để cùng bàn luận. Nhưng đức Phật lòng Từ rộng lớn, chẳng bỏ một ai, chẳng ngại lập ra một phương tiện để họ tỉnh mê tan mộng. Do đức Phật trọn chẳng có tham dục nên mới cảm được cảnh giới thù thắng các thứ trang nghiêm quý báu, mọi thứ đều hóa hiện chẳng cần đến sức người lo toan, tạo dựng; cảnh giới phàm phu trong thế giới Sa Bà há có thể so sánh được ư?

Ví như người từ thiện, có đức, tâm địa, hành vi đều chánh đại quang minh thì tướng mạo cũng hiện vẻ từ thiện rạng rỡ. Cố nhiên người ấy chẳng cầu tướng mạo dung nhan đẹp đẽ mà tự nhiên được tươi đẹp. Kẻ tạo nghiệp tâm địa rối ren, ô uế, hung ác, vẻ mặt cũng tối tăm, hung ác theo. Cố nhiên kẻ ấy muốn sắc mặt tươi đẹp để người khác tưởng mình là bậc thiện nhân chánh đại quang minh, nhưng do tâm địa chẳng lành, dẫu cầu [được như thế] cũng trọn chẳng thể được. Đấy là ước theo cái nhìn của con mắt phàm phu mà nói; chứ quỷ thần sẽ thấy người lành thân có quang minh, quang minh lớn hay nhỏ tùy thuộc vào người ấy đức lớn hay nhỏ; thấy kẻ ác thân có những tướng tối tăm, hung ác v.v… Tướng ấy lớn hay nhỏ cũng tùy theo sự ác lớn hay nhỏ mà hiện.

Những kẻ [tà kiến] kia cho rằng "kinh Kim Cang là không", chẳng biết kinh Kim Cang giảng rõ về Lý Tánh, nhưng chưa nói đến quả báo đạt được do chứng Lý Tánh. Sự trang nghiêm nơi Thật Báo Vô Chướng Ngại Độ chính là quả báo rốt ráo đạt được bởi kinh Kim Cang. Phàm phu nghe vậy, cố nhiên sẽ ngờ vực cho là "chẳng hề có chuyện ấy!"

---

[105] Đây là một câu nói trong thiên Vệ Linh Công của sách Luận Ngữ: "*Quần cư chung nhật, ngôn bất cập nghĩa, hiếu hành tiểu huệ, nan hỹ tai".* Trong Luận Ngữ Giảng Yếu, cụ Lý Bỉnh Nam giảng: *'Tiểu Huệ là tài trí vụn vặt. "Nan hỹ tai"(khó vậy thay) là rốt cuộc chẳng có thành tựu gì. Câu này có nghĩa là suốt ngày cùng ở một chỗ với nhau, chẳng nói được lời nào hợp nghĩa lý hay hữu ích. Chỉ thích phô phang sự thông minh vụn vặt, hạng người ấy khó thể có thành tựu được!"*

[106] Từ ngữ này xuất phát từ thiên Ly Lâu thượng sách Mạnh Tử: *"Tự bạo giả, bất khả dữ hữu ngôn dã; tự khí giả, bất khả dữ hữu vi dã"* (Kẻ tự phụ rẫy mình thì chẳng thể nói năng gì với hắn được. Kẻ tự vứt bỏ, thì chẳng thể làm gì với hắn được). *"Tự bạo, tự khí"* thường được dùng như một thành ngữ hàm nghĩa kẻ thiếu ý chí tiến thủ, tự thụt lùi, tự đầu hàng, tự buông mình vào tuyệt vọng.

Kinh Kim Cang dạy thiện nam nữ phát tâm Bồ Đề, tâm chẳng trụ vào tướng nhưng muốn độ trọn hết chúng sanh. Dẫu độ, cũng chẳng thấy "ta là người độ, chúng sanh là kẻ được độ", cũng như pháp Niết Bàn rốt ráo để đạt. Đấy gọi là *"vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm"* (chẳng trụ vào đâu mà sanh tâm), do đã đạt đến *"vô sở đắc"* (không có gì để đạt được) nên bèn thành Phật. Họ lại bảo đức Phật đã thành, quốc độ Ngài trụ trong kinh Kim Cang cũng giống hệt như cảnh giới trong đời ác Ngũ Trược này ư? Họ tưởng là rỗng tuếch tuềnh toang, trọn chẳng có gì cả ư?

Cõi Phật thanh tịnh, con người vừa nghe đến tên [cõi Phật ấy] thân tâm liền thanh tịnh, họ lại cho là tham dục! Đúng là loài giòi tửa hằng ngày nằm trong hầm xí, tự xưng là thơm tho, thanh khiết, coi hương Chiên Đàn là hôi thối, chẳng muốn lìa khỏi hầm xí ấy để ngửi mùi thơm kia! Đạo Chích[107] tụ tập đồ đảng mấy ngàn tên hoành hành trộm cắp trong thiên hạ, ngược ngạo tự xưng là "hữu đạo", cực lực chê trách "vua Nghiêu bất nhân, vua Thuấn bất hiếu, vua Vũ dâm dật, Thành Thang, Vũ Vương bạo loạn, Khổng Tử hư ngụy", chê họ là vô đạo! Thật giống với tri kiến của hai hạng người ấy! Lại như trong thời gần đây, những kẻ phế kinh, phế hiếu, phế luân thường, lõa thể rong chơi, cho đó là bẩm thụ phẩm đức tự nhiên của trời đất, chẳng cần phải tạo tác. Thế nhưng mùa Hạ tranh nhau lõa lồ, sao mùa Đông chẳng trần trụi? Bảo là bẩm thụ tự nhiên, chẳng cần phải tạo tác, [vậy thì] đào giếng, cày ruộng, dệt cửi mới có cơm ăn, áo mặc, chẳng phải là tạo tác đó sao? Kẻ ác ngăn trở phá hoại người khác làm lành thường là như thế. Chúng bảo rằng: "Thiện phải do vô tâm mà làm, hễ có tâm làm thì chẳng phải là thiện thật sự!" Nhưng bậc thánh hiền thuở xưa, không vị nào chẳng sáng chiều miệt mài gắng sức, răn dè, cẩn thận, kiêng sợ như vào vực sâu, như bước trên băng mỏng, là có tâm hay chăng? Hay là vô tâm vậy?

Nói chung, những hạng người ấy ý họ muốn "chẳng phải tu trì gì mới là cao thượng", nên mới lập ra thứ lý luận mù quáng hèn kém nhất

---

[107] Đạo Chích tên thật là Liễu Hạ Chích, là một tên trộm lừng danh thời cổ, được coi như tổ sư "nghề" ăn trộm nên thành tên Đạo Chích. Thành ngữ *"Đạo diệc hữu đạo"* (ăn trộm cũng có đạo nghĩa) xuất phát từ truyện Đạo Chích (số 29) trong phần Tạp Biên sách Trang Tử. Theo đó, em trai của Liễu Hạ Quý là Đạo Chích, tụ tập chín ngàn người, hoành hành trong thiên hạ, cướp bóc, gian dâm, không biết kiêng sợ ai. Khi Khổng Tử buông lời chê trách Liễu Hạ Quý không biết dạy dỗ em, Liễu Hạ Quý biện bác, thoái thác trách nhiệm. Khổng Tử bèn tìm đến tận sào huyệt của Đạo Chích để khuyên giải, liền bị hắn mạt sát, dương dương tự đắc khoe mình có đạo đức, nhất loạt chê trách tất cả thánh hiền từ xưa đến nay đều là phường tội lỗi, chỉ riêng hắn có đạo nghĩa. Cũng như những câu chuyện khác của Trang Tử, đây cũng chỉ là chuyện hư cấu, với ngụ ý châm biếm những kẻ làm càn vẫn tự khoe mình tài đức.

ấy để tự khoe mẽ mình hiểu rõ lý, mong được người khác tưởng mình là cao minh, là đại thông gia, là chân danh sĩ! Họ chẳng biết toàn thân nằm trong hầm xí, trừ những kẻ có cùng tri kiến với chúng, ai chịu chấp nhận [những luận điệu càn quấy ấy]?

328. Thư trả lời cư sĩ La Hồng Đào (thư thứ nhất)

Các hạ đã tự xưng là đệ tử Phật, há nên dùng tri kiến phàm phu của chính mình để suy lường cảnh giới Phật, cho rằng những điều ấy (tức những điều được giảng nói về cảnh giới Phật trong kinh luận) đều xuất phát từ ý kiến của con người, đều chẳng đáng để tin tưởng ư? Cần biết rằng sở dĩ đức Phật [nói ra những pháp môn] để dạy con người đều nhằm đối trị tập khí. Do tập khí chướng lấp tự tâm nên chẳng những không biết được những hành vi thần diệu của đức Phật, mà ngay cả sự thấy - nghe - hay - biết của chính mình từ sống cho đến chết có bao giờ tự biết đâu? Nay đã tin Phật lại chẳng dốc sức vào chỗ đạt được lợi ích chân thật, lại cứ lan man cật vấn những chỗ tri kiến của chính mình chưa thể thấu hiểu được ư? Đấy đúng là "bỏ những thứ trà - cơm nhà mình thường có để mong cỗ ngon nơi bếp trời", tính toán sai lầm lớn quá! *(Ngày mồng Một tháng Ba năm Dân Quốc 17 - 1928)*

329. Thư trả lời cư sĩ La Hồng Đào (thư thứ hai)

Nhận được thư trách Quang trả lời chẳng hợp với câu hỏi, ông chẳng biết đấy chính là lá bùa hộ thân của kẻ tầm thường, kém cỏi! Các hạ lầm tưởng ông Tăng tầm thường vô tri vô thức là thiện tri thức. Lỗi lầm căn bản thuộc về các hạ, chứ không phải do Ấn Quang. Các hạ đã tin Phật, hãy nên dựa theo những lý tột cùng của Phật để luận, sao lại chỉ dựa theo những dấu tích thần diệu để bàn? Hơn nữa, những dấu tích thần diệu nhiều vô lượng; các hạ lại chẳng nói rõ dấu tích thần diệu nào, mà vẫn cứ mong muốn một kẻ trọn chẳng nghiên cứu đạo Gia Tô[108] như Quang biện định dấu tích thần diệu của Gia Tô và Phật giống nhau hay khác nhau ra sao! Hơn nữa, các hạ bảo Quang chê các hạ "dùng tri kiến của phàm phu để suy lường trí Phật lẫn cảnh giới của Phật" là đã hiểu lầm [ý các hạ]. Như vậy thì xét theo phía Quang, cố nhiên Quang không trả lời

[108] Nguyên văn "Da Giáo" (đạo Gia Tô). Gia Tô là cách người Trung Hoa phiên âm chữ Jesus. Đúng ra phải viết là Da Tô, nhưng phần lớn các sách vở từ trước đến nay thường ghi là Gia Tô, nên chúng tôi cũng thuận theo cách viết phổ biến này.

câu hỏi của các hạ là đúng rồi, [bởi Quang] sợ [các hạ sẽ nói] Quang đem tri kiến phàm phu suy lường cảnh giới Phật, nên chối từ như thế. Đúng hay sai xin các hạ tự cân nhắc; nếu gởi thư tới nữa sẽ không trả lời một chữ nào! Xin hãy sáng suốt suy xét điều này!

Ấn Quang tái bút: *"Đăng Đông Sơn nhi tiểu Lỗ, đăng Thái Sơn nhi tiểu thiên hạ. Quán ư hải giả nan vi thủy, du ư thánh nhân chi môn giả nan vi ngôn"* (Lên Đông Sơn thấy nước Lỗ nhỏ, lên Thái Sơn thấy thiên hạ nhỏ. Nhìn biển cả khó thấy được nước, dạo chơi cửa thánh nhân khó thốt lời). Các hạ đã biết đạo Gia Tô sai lầm, lại tin Phật đến mức tột bậc, nhưng chẳng nương theo lý lẽ tột cùng mà lại biện luận dấu tích thần diệu thì có khác nào bảo kênh, lạch, khe, rãnh giống hệt biển cả chẳng khác gì! Đã chẳng thể biết được trí của chính mình, lại muốn được thiện tri thức trả lời trọn vẹn. Xin các hạ chớ đem tri kiến phàm phu suy lường cảnh giới Phật thì thiện tri thức chẳng cần phúc đáp mà các hạ vẫn tự hiểu rành rẽ! *(Ngày mồng Hai tháng Ba năm Dân Quốc 17 - 1928)*

330. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ nhất)

Hôm qua nhận được thư biết ông đời trước gieo thiện căn sâu xa, được gặp pháp môn Tịnh Độ liền sanh lòng tin, hết sức an ủi! Họ Đinh (tức Đinh Phước Bảo) chú giải kinh phần nhiều chuyên tìm chứng cứ, chứ chưa làm sáng tỏ ý nghĩa của kinh văn cho lắm. Cuốn Di Đà Kinh Tiên Chú có rất nhiều chỗ sai, nhưng xét về mặt dẫn chứng những sự tích trong sách ấy thì cũng khá có lợi cho kẻ sơ cơ. Các nhà Nho thời Tống - Minh phần nhiều lấy những ý nghĩa trong kinh Phật để chống đỡ môn đình Nho giáo, nhưng họ chỉ nói sao cho thật cao xa, huyền diệu, chứ trọn rất ít kẻ hành đúng theo kinh Phật. Căn bệnh ấy là do chưa thể tin tưởng sâu xa sự lý sanh tử luân hồi. Nếu họ tin tưởng sâu xa, ai chịu gác bỏ lợi ích liễu sanh tử lớn lao, chuyên lấy những lời của nhà Phật giảng bày Lý Tánh để khoác mũ miện "giảng học", nhưng chẳng chịu dựa theo đó để thực hành ư? Một pháp Tịnh Độ là con đường để thượng thánh hạ phàm cùng theo, ai có thể vừa nghe liền tin, nếu chẳng phải là do trong đời trước đã từng gieo đại thiện căn sẽ chẳng thể [nghe, tin tưởng, tu tập] được!

Quang là một ông Tăng chỉ biết cơm cháo mà thôi! Đối với Tông lẫn Giáo đều chẳng biết gì, chỉ tự lượng kém hèn, chuyên chú trọng Tịnh Độ. Do ông Từ Úy Như ấn hành những bản sao thư từ trao đổi [với bạn bè]

đến nỗi một người truyền hư, vạn người truyền thật, đều lầm tưởng Quang là tri thức, khiến cho người ta phải hổ thẹn khôn cùng! Ông đã lầm lẫn coi Quang là tri thức thì cũng chẳng ngại gì "coi sai là đúng!" Nay đặt pháp danh cho ông là Trí Mục. Ông dùng đạo đức của kẻ sĩ để chăn dắt (định hướng cho cuộc đời của chính mình)[109], dẫu có thể kế thừa bậc thánh đời trước, khơi lối cho kẻ học trong đời sau, dùng tiên giác để giác kẻ hậu giác, sợ rằng chỉ mong thành thánh thành hiền trong thế gian mà thôi! Hãy nên biết rằng: Một pháp liễu sanh tử nếu chẳng dùng trí để chăn dắt sẽ chẳng thể được! Có thể dùng trí để tự chăn dắt thì phiền não, Hoặc nghiệp sẽ tự tiêu diệt, công đức, trí huệ sẽ tự hiển hiện. Dùng trí để tự chăn dắt, mà cũng dùng trí để chăn dắt người khác thì chuyện "kế thừa đời trước, mở lối người sau, tự giác, giác tha" mới là Thật Nghĩa rốt ráo. Nhưng muốn dùng trí để tự chăn dắt, ắt phải nên đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Phàm những điều thiện - ác đều đoạn trừ từ ngay nơi khởi tâm động niệm rồi mở rộng ra thì mới là thực tiễn, chẳng trở thành nói xuông!

Nếu muốn dùng trí để chăn dắt người khác thì phải bắt đầu từ cha mẹ, vợ con. Cha mẹ còn sống, hãy khuyên họ ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, chớ nên để nghiệp sát sanh gây lụy cho cha mẹ, tưởng đó là phụng dưỡng ngọt bùi. Đấy chính là cái nhìn lầm lạc của thế gian, trọn chớ nên làm theo. Nếu như cha mẹ chẳng chịu ăn chay, chỉ nên chí thành niệm Phật sám hối thay cho cha mẹ, khiến cho họ tiêu trừ túc nghiệp sẽ liền ăn chay được. Vợ con chính là những người gần gũi với mình nhất, chẳng thể dùng Phật pháp để dẫn dắt họ, làm sao dẫn dắt người đời cho được? *"Nêu gương cho vợ, [ảnh hưởng] đến tận anh em rồi lan truyền ra khắp cả nước",* pháp thế gian hay xuất thế gian không gì đều chẳng như vậy! Từ nhà đến cả nước, thì mới là đường lối "đi xa do bước từ chỗ gần, lên cao phải bắt đầu từ dưới thấp" vậy! Trong khi niệm Phật, do thương những chúng sanh khổ não, lòng chua xót ứa lệ, đấy chính là thiện căn phát hiện, nhưng chớ nên tưởng đó là đức rồi thường để xảy ra như vậy! Nếu thường như thế, sẽ bị ma bi thương dựa, điều này hết sức thiết yếu!

---

[109] Cái tên Sĩ Mục (士牧) có thể hiểu là "chăn dắt (hướng dẫn) kẻ sĩ", hoặc "dùng đạo đức của kẻ sĩ để tự chăn dắt, định hướng cho cuộc đời của chính mình". Mục (牧) theo nghĩa gốc là chăn dắt gia súc, như "mục đồng" là đứa bé chăn trâu. Cũng giống như vậy, Thiên Chúa Giáo quan niệm tín đồ là lũ con chiên (cừu non) của Chúa nên những tu sĩ được gọi là Mục Sư, Linh Mục; Jesus được gọi là Đấng Chủ Chiên; công việc hướng dẫn tín đồ, rao giảng Phúc Âm do vậy được gọi là "công tác mục vụ".

Niệm Phật lấy Tín - Nguyện làm chủ, có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, quyết định được vãng sanh. Còn [tâm mong] chứng tam-muội thì chẳng thể không phát tâm ấy, nhưng người đời nay thật rất ít kẻ chứng tam-muội, bởi lẽ đã chứng được Niệm Phật tam-muội là đã siêu phàm nhập thánh ngay trong đời này, chớ nên coi là chuyện dễ dàng! Không biết ông có bộ Văn Sao của Quang hay chưa? Nay gởi cho ông một bộ, xin hãy đọc kỹ thì cách tu trì, dụng tâm đều có thể hiểu rõ. Lại còn có bản in bằng lối khắc ván, so với bộ này nhiều hơn một trăm bốn mươi mấy bài; muốn xem xin hãy gởi thư cho cư sĩ Trương Thụy Tăng ở Đại Thập Tam Loan, Dương Châu xin một bộ. Ông ta thí rộng rãi các thiện thư, không ai xin mà chẳng cho; thí thiện thư rất nhiều, chứ không phải chỉ có một loại sách này.

Thêm nữa, hiện thời Thương Vụ Ấn Thư Quán đã sắp chữ gần xong, ước chừng cuối tháng Ba sẽ có thể in ra sách; so với bản khắc ván lại nhiều hơn một trăm bài nữa. Đã được bạn bè chịu trách nhiệm in hai vạn bộ, sắp chữ hoàn chỉnh xong liền bắt đầu in, sẽ in ba vạn bộ. Mỗi bộ giá ước chừng bốn cắc, chưa tính bưu phí. Nếu muốn lợi người, xin hãy đứng ra in bao nhiêu bộ đó để kết tịnh duyên. Cách chịu trách nhiệm là ai bỏ ra bao nhiêu tiền sẽ căn cứ theo số tiền ấy mà giao sách cho người đó. Trong đây chẳng có mảy may riêng tư nào để cho mọi người làm công đức chân thật. Nếu muốn đảm nhiệm in, xin hãy gởi tiền sang văn phòng chánh của Thương Vụ Ấn Thư Quán ở số Bốn Mươi Lăm, Hoa Tự đường Bảo Sơn, Thượng Hải, giao cho cư sĩ Nhậm Tâm Bạch. Ông ta nhận được liền gởi biên lai, đợi khi nào sách in ra sẽ giao theo số tiền [đã đóng góp]. [Giá tiền như đã nói trên đây] là căn cứ theo số lượng ba vạn bộ mà định giá, so với giá bán lẻ sẽ rẻ hơn một nửa.

Pháp do đức Như Lai đã nói trong cả một đời đều là dạy dùng tự lực để đoạn Hoặc chứng Chân hòng liễu sanh tử. Chỉ có một môn Tịnh Độ chuyên trọng Phật lực, do [nương vào] Phật lực nên tuy tội nghiệp sâu nặng mà nếu đủ lòng tín nguyện sẽ đều được vãng sanh. Nếu có thể đoạn chứng thì sở chứng càng cao. Pháp này lợi khắp ba căn thượng, trung, hạ. Cõi đời thường vì thấy ngu phu ngu phụ cũng niệm Phật được bèn cho pháp này là chuyện của ngu phu, ngu phụ, đến nỗi kẻ không ngu lại bị kẻ ngu thương xót ngược lại, nguyên nhân đều là do không có trí để tự chăn dắt vậy. Nếu có thể dùng trí để tự chăn dắt, ắt sẽ viên chứng thiên chân Phật tánh sẵn có nơi tâm này để thành Phật đạo đầy đủ phước huệ vậy!

(Ngày Hai Mươi Mốt tháng Giêng năm Giáp Tý - 1924)

331. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ hai)

Tôi do bệnh mắt chưa lành, sau đấy lại vì thư từ dồn đống nên lá thư [ông gởi] ngày Mười Tám tháng trước bị để chậm trễ tới nay. Nói *"dùng trí để tự chăn dắt, chăn dắt người khác"*, chính là cật lực giữ vẹn luân thường, chuyên dốc tu Tịnh nghiệp, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện. Nếu ông luận về đạo "tự dẫn dắt, dẫn dắt người khác" ở ngoài những điều ấy, sẽ trở thành lời nói mâu thuẫn với việc làm, chẳng biết đấy chính là trí Đại Bát Nhã. Ông đã nói lời ấy, tức là đã xem mấy câu nói đó [của Quang trong lá thư trước] như tri kiến thừa thãi! Quán Thế Âm Phổ Môn Phẩm cũng là pháp môn Niệm Phật! Những kẻ cầu phước báo thế gian là vì chẳng biết có pháp xuất thế gian, mà cũng chẳng biết tâm tánh của chính mình và tâm tánh của Phật chẳng hai.

Vợ ông đã có tín tâm, hãy nên dùng nhiều cách khuyên lơn, khích lệ, khiến cho [lòng tin ấy] được tăng trưởng. Cha mẹ ông không tin là vì túc căn nông cạn. Hãy nên đem toàn thể công đức trì tụng của chính mình chí tâm hồi hướng cho cha mẹ, há nên chỉ hạn định trong ba biến chú Đại Bi? Ông chớ nên nói "hồi hướng cho cha mẹ, chính mình sẽ chẳng có phần!" Nếu ông có thể chân thật hồi hướng cho cha mẹ thì so với việc "chỉ trì tụng [cho chính mình], chẳng hồi hướng cho cha mẹ", công đức càng thù thắng hơn. Vì thế, trong nhà Phật, phàm mỗi khi lễ tụng đều hồi hướng cho khắp pháp giới chúng sanh, huống là cha mẹ sanh ra ta ư?

Ví như một ngọn đèn, đem thắp cả trăm ngàn vạn ức vô lượng vô biên ngọn đèn khác, chính cây đèn ấy vẫn y như cũ. Nếu chẳng thắp [cho ngọn đèn nào khác], ngọn đèn ấy có được tăng thêm gì đâu! Huống chi sự sanh trưởng, phát khởi của đại Bồ Đề tâm, cố nhiên chẳng thể nào dùng ánh sáng của ngọn đèn trong thế gian để tỷ dụ được! Chẳng qua là mượn chút ý nghĩa đấy thôi! Trước kia, ông Nhậm Tâm Bạch nói ông có gởi thư đến, gởi cho Khổng Chúc Sanh bốn đồng, đợi tới tháng Tư sách được in ra sẽ gởi đi, mỗi bộ chẳng quá bốn cắc *(bưu phí chưa tính).*

Ngày Hai Mươi Lăm, Hai Mươi Sáu, Quang sẽ xuống núi. Không có chuyện gì quan trọng đừng gởi thư đến. Nếu có chuyện gì cần gởi thư, hãy gởi sang chùa Thái Bình ở bến Trần Gia, Thượng Hải, nhờ hòa thượng Chân Đạt chuyển. Bởi lẽ, có thể Quang cần sang nơi khác, nên phải giao cho thầy ấy. Ước chừng [thời gian tôi ở Thượng Hải] sẽ kéo dài hai, ba tháng *(Ngày Mười Hai tháng Ba năm Giáp Tý - 1924)*

332. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ ba)

Thư nhận được đầy đủ. Hiện nay người cùng nhà đánh nhau, dân chúng lầm than, đều là vì những kẻ [hiện đang] có quyền lực, trong đời trước đã chỉ biết vun phước, chẳng biết cầu sanh Tịnh Độ, nên đến nỗi đời này cậy vào phước lực để rối nước hại dân. Nhưng trăm họ bị bọn chúng hãm hại cũng là vì đời trước chẳng biết kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, chỉ biết vui thỏa bụng miệng, chẳng biết đây - kia cùng một thân thể, cùng một tánh linh, nhẫn tâm giết ăn! So với giết chính mình để tự ăn còn tàn khốc hơn gấp vạn lần; nhưng kẻ ngu tục chẳng biết nên mới dùng thịt để tỏ lòng hiếu, cúng giỗ tổ tông, đãi đằng khách khứa. Nếu không có thịt, sẽ chẳng có mặt mũi nào nhìn ai, [cảm thấy] nhục nhã, ê chề không chi bằng! Chẳng biết đã tạo thành đại kiếp giết chóc lẫn nhau này, tuy Phật, Bồ Tát đại bi cứu khổ cũng chẳng làm thế nào được!

Ông đã biết ăn chay, khuyên lơn cha mẹ, đúng là biết cội gốc, nhưng nỡ để vợ con, quyến thuộc tạo mãi sát nghiệp, chịu mãi sát báo ư? Cả nhà ắt đều nên ăn chay và đem điều này giáo hóa cả làng, cả ấp, sẽ cứu được nỗi khổ trong tương lai chẳng thể nào lường được! Lại cần phải khuyên dạy họ đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, sanh lòng tin phát nguyện cầu sanh Tây Phương ngõ hầu đoạn trừ được hạt giống khổ sở. Phận làm con hiếu thảo với cha mẹ, chỉ có điều này là lớn. Nếu chẳng dốc sức nơi điều này thì cha mẹ chưa được vãng sanh sẽ bị đọa lạc nhiều lắm. Dẫu cho một đời, hai đời chẳng bị đọa lạc, rốt cuộc cũng có ngày đọa trong tam đồ ác đạo. Lặng im suy nghĩ, tâm sao yên được?

Cần biết rằng: Cái quan trọng nhất trong thế gian là thần thức. Dẫu [con cái] công thành danh lập, rốt cuộc thần thức của cha mẹ có được hưởng lợi ích chi đâu? Đại Vũ là đại thánh nhân, chẳng cứu nổi thần thức của ông Cổn. [Ông Cổn chết đi] hóa thành con Hoàng Nai *(chữ Năng* (能) *đọc thành Nãi* (乃)*, giọng ngang, chính là con ba ba (cua đinh, trạnh) có ba chân)* chui xuống vực Vũ. Nghĩ tới điều này, tâm khuyên cha mẹ niệm Phật cầu sanh Tây Phương sẽ tràn trề nẩy sanh. Nếu không, chính là ngỗ nghịch, bất hiếu, vì chẳng đoái hoài thần thức cha mẹ bị đọa lạc, tội ấy còn [nặng] hơn giết cha mẹ vậy! Kẻ chưa nghe Phật pháp thì chẳng biết làm sao, chứ ông đã quy y Phật pháp, đương nhiên Quang chẳng thể không dựa theo sự thực để bảo ông. Mong ông hãy đưa lời này của Quang cho cha mẹ xem, chắc họ sẽ dễ sanh lòng tin.

Văn Sao đã nhận được hay chưa? Nay lại gởi cho ông hai gói, xin hãy tặng cho người thông văn lý, có tín tâm. Sách Giới Sát Phóng Sanh Bạch Thoại và Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam được in chung thành một

cuốn, do thư cục [nào in] không rõ. Nếu ông muốn in, hoặc in riêng cuốn Giới Sát Bạch Thoại, hoặc in chung với Tịnh Nghiệp Chỉ Nam, xin hãy gởi thư sang cho cư sĩ Hoàng Hàm Chi ở số Hai Mươi Sáu đường Cực Ty Phi Nhĩ (Jessfield Road), Thượng Hải, hoặc cậy ông ta in giùm ông bao nhiêu đó cuốn, hoặc ông tới Thượng Hải gặp gỡ để cùng nhau bàn định. Hoặc nếu ở chỗ ông ta hãy còn thì đem tiền mua hết số sách ấy cũng được. Hiện thời, ông ta đã thôi làm quan, tịnh tu trong nhà.

Tôi chỉ nghe tiếng sư Bảo Nhất, chưa hề trao đổi thư từ. Nếu ông muốn thân cận, cũng chẳng phải là không được; chỉ có điều cuốn Tự Tri Lục do một nữ đệ tử của Sư in ra thì đừng xem. Sợ ông xem rồi sẽ đến nỗi không dốc sức nơi nhất tâm, chỉ chuyên mong được cảnh giới tốt đẹp, ắt sẽ bị ma dựa. Đấy là ý nghĩa trọng yếu *([nhiều người ở] Thượng Hải, Hàng Châu, Dư Diêu trông thấy sách ấy đều muốn đem in thạch bản. Quang hết sức nói ra điều tệ của sách ấy nên họ đều thôi in) (Ngày Hai Mươi Tám tháng Chạp năm Giáp Tý - 1924)*

333. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ tư)

Nhận được thư khôn ngăn vui vẻ, an ủi. Người không thông hiểu [pháp môn Tịnh Độ] trông thấy Tự Tri Lục không một ai chẳng hớn hở muốn lưu thông, chẳng biết [người viết ra sách ấy] đã bị ma dựa quá nhiều, khiến cho công lao chân tu của người khác đều bị cảnh giới [được mô tả trong sách] ấy ngăn trở[110]. Giống như bỏ chất độc vào Đề Hồ, ăn vào ắt sẽ chết người, đáng than quá đỗi! Ông Hoàng Hàm Chi ôm lòng làm lợi, cứu giúp người khác, ắt sẽ thay ông lo liệu, nhưng nghe nói năm ngoái ông ta bị bệnh, chẳng biết hiện thời đã lành hay chưa?

Cha mẹ ông chẳng phát tâm thì một là do họ tự coi đó là chuyện nhỏ nhặt, chẳng phát tâm liễu sanh thoát tử, siêu phàm nhập thánh; hai là do chẳng biết đến cội nguồn nên chẳng phát tâm. Nếu vợ ông thông hiểu văn nghĩa, hằng ngày đem những nghĩa trong Văn Sao ra giảng nói, chắc sẽ cảm động được tâm họ. Như vợ ông chẳng thể giảng nói, thì cháu gái, cháu trai đọc Văn Sao sẽ có thể giảng nói. Lại hãy nên thỉnh Sơ Cơ Tịnh

---

[110] Theo phần trước, đệ tử của sư Bảo Nhất bịa chuyện Sư có hai người đệ tử niệm Phật đã tu chứng được cảnh giới Bồ Tát nhằm đề cao đức hạnh cũng như khả năng giáo hóa cao siêu của thầy mình. Sư Bảo Nhất không ngăn trở còn đề tựa tán dương. Do đó, người không thông hiểu sâu xa pháp môn Tịnh Độ khi đọc cuốn Tự Tri Lục sẽ rất dễ khởi tâm mong cầu mau đắc những cảnh giới thần kỳ giống như vậy, cho nên khó thể đạt nhất tâm do lòng ham cầu quá mạnh! Thậm chí, do tánh tự ái, ham danh, sẽ bịa chuyện kể những cảnh giới tốt đẹp mình đã đạt được nhằm mong người khác khen mình tu giỏi!

Nghiệp Chỉ Nam gởi đến, sách ấy cũng do ông Hoàng Hàm Chi viết bằng văn Bạch Thoại, sẽ dễ lãnh hội. Thiên hạ chẳng yên là do gia đình không khéo dạy dỗ. Gia đình khéo dạy dỗ thì sự dạy dỗ của mẹ chiếm phần khẩn yếu nhất. Vì con người thuở bé, hằng ngày ở bên mẹ; nếu có hiền mẫu, con cái sẽ được un đúc hằng ngày, tập quen thành tánh, dẫu muốn trở thành hạng đớn hèn cũng chẳng thể được!

Nay đặt pháp danh cho vợ ông là Trí Dục, nghĩa là dùng trí huệ để tự nuôi dưỡng đức mình, khiến cho nhân dục hết sạch, Minh Đức hiện rõ. Lại dùng trí ấy để giáo dục con cái khiến cho chúng đều trở thành bậc quân tử lập được đức "chẳng làm các điều ác, vâng làm các điều lành". Từ đây lại mở rộng ra thì lợi ích sẽ chẳng thể nghĩ bàn được. Kẻ ngu trong cõi đời chẳng biết tu đức, chỉ muốn nhờ vào thờ Phật để diệt tội. Vậy là chỉ mong được tiếng, chẳng trọng thực chất, há có thể đích thân đạt được lợi ích thật sự ư?

Quân Anh, Khuê Anh đã có túc căn, lại đọc Văn Sao, ắt sẽ có lúc phát sanh thiện căn lớn lao, chẳng ngại đặt sẵn pháp danh cho chúng để chúng gắng công tu đức của chính mình hòng trở thành bậc thầy gương mẫu cho nữ giới. Dẫu chúng không có tâm quy y, chỉ cần tu theo đúng những gì Văn Sao đã nói thì cũng là người trong Liên Trì Hải Hội. Nếu bọn chúng phát được tâm tự lợi, lợi tha, há chỉ riêng nữ giới được lợi ích mà thôi ư? Nay đặt pháp danh cho Quân Anh là Liên Anh, Khuê Anh pháp danh là Tịnh Anh. Do bọn chúng nếu có thể quyết chí đè nén thói xấu của nữ giới, chuyên tu Tịnh nghiệp, trong tương lai sẽ đem những gì chính mình đã biết vun đắp cho bố mẹ chồng, chồng, cùng với chị em dâu và con cái thì cả nhà nhân từ, làng ấp cũng đều nhìn theo đó bắt chước làm lành. [Làm được như thế] thì chính là bậc anh thư trong đời này.

Anh (英) có nghĩa là "siêu quần xuất chúng", tức là bậc trượng phu trong nữ giới, tương lai vãng sanh Tây Phương, làm đệ tử của A Di Đà Phật, là quyến thuộc của Quán Âm, Thế Chí, đáng gọi là "cùng làm con thật sự của đức Như Lai trong thế giới hoa sen thanh tịnh". Ý nghĩa thật sự của chữ Anh là như vậy đó. Chúng chịu tin tưởng, làm theo những lời này, ắt sẽ chẳng nói xuông. Người bận bịu chắc chắn phải dùng đến cách Thập Niệm vào buổi sáng, nhưng ngay cả người nhàn tản có thể tụng niệm công khóa, cũng vẫn có thể dùng phép Thập Niệm vào buổi sáng được, chứ không phải là đã tụng công khóa thì không được dùng! Cổ nhân có nhiều vị suốt đời dùng phép Thập Niệm buổi sáng rồi mới tụng khóa lễ chánh, nào có trở ngại chi!

Hiện thời, thế đạo nhân tâm suy hãm cùng cực, đều do gia đình chẳng dùng nhân quả báo ứng để dạy dỗ. Hơn nữa, trường nữ sinh ngày nay phần nhiều cổ động học sinh toan tính nắm giữ chánh quyền, làm Đốc Quân, Tỉnh Trưởng, Đại Tổng Thống, hoàn toàn chẳng đề xướng "giúp chồng, dạy con" đến nỗi lũ học sinh như điên, như cuồng, gần là gây lụy cho gia đình, xa là gieo tai ương cho xã hội, đáng tiếc thay! Xin hãy nói cặn kẽ những lời này với Quân Anh, Khuê Anh *(Ngày Hai Mươi Bốn tháng Hai năm Ất Sửu - 1925).*

334. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ năm)

Nhận được thư khôn ngăn đau thương, nước ta nhiều năm qua chẳng bị thiên tai thì cũng bị nhân họa. Tuy nguồn cội đều là do ác nghiệp trong quá khứ lẫn hiện tại gây nên, nhưng quá nửa cũng là vì kẻ nắm giữ chánh quyền chuyên cậy vào ý mình, chẳng tuân theo công lý, đến nỗi đã loạn lại càng loạn thêm! Những kẻ lưng chừng đều thành loài trộm cướp; đúng là không lập được cách nào [cứu vãn], không có thuốc nào chữa được, đáng đau, đáng than! Mười đồng để in Đại Sĩ Tụng đã nhận được rồi. Nếu Nhuận Phủ có thể thôi ăn mặn, kiêng rượu, Quang sẽ chẳng uổng phí một phen tâm tư.

Ngày hôm qua Liên Anh có gởi thư đến, hỏi cách khiến cho cha mẹ được vãng sanh, tợ hồ cô ta chưa thể thấu hiểu những ý trong Văn Sao. Nếu không, trọn chẳng đến nỗi có lời hỏi ấy! Quang cực lực nói về lợi ích do niệm Phật, cũng như lợi - hại do giữ gìn lòng trinh. Nếu giữ được cho vững thì không chi tốt lành bằng! Nếu không, hãy nên vâng theo thiên lý nhân luân mà xuất giá, so với việc không lấy chồng mà bị thất tiết sẽ cao siêu gấp trăm ngàn vạn lần. Cuối thư, Quang bảo cô ta hãy thường đọc Văn Sao, chớ nên thường gởi thư đến cho thêm bận rộn.

Nhà chồng của Tịnh Anh đã gây khó khăn về chuyện ăn thuần đồ chay thì ăn thịt ít đi sẽ chẳng trở ngại gì, hoặc chính mình chỉ ăn rau trong những món thịt. Hơn nữa, bọn họ quyết chẳng dò xét cô ta ăn cơm [như thế nào], chỉ giữ lòng bất nhẫn thì tuy chẳng thể ăn thuần món chay thanh tịnh nhưng những món tanh tưởi phải ăn kèm theo cũng sẽ chẳng có mấy! Hơn nữa, cô ta đã thông hiểu văn lý, nên cũng có thể uyển chuyển thuật những lợi ích [do ăn chay] với chồng. Lâu ngày chồng cô ta sẽ chẳng đến nỗi vẫn ngăn trở. Dẫu bị ngăn trở thì chỉ nên niệm Phật hồi hướng cho những chúng sanh bị ăn thì cũng bù đắp được đôi chút cho sự thiếu sót ấy, không còn mắc sát nghiệp nữa! Cô ta niệm Phật

[thấy] ánh sáng tỏa ra, đấy vẫn thuộc về ma cảnh. Hãy viết thư gấp, bảo cô ta đừng tưởng chuyện ấy là thật, lâu sau [hiện tượng ấy] sẽ mất đi. Nếu tưởng đó là thánh cảnh hiện tiền, sợ rằng tương lai sẽ đến nỗi bị ma quỷ dựa thân, bị ma nhập phát cuồng, hết thuốc chữa!

Ấy là vì chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay đã kết oán nghiệp vô lượng vô biên. Bọn chúng muốn đến báo oán, nhưng vì cô ta có sức tu trì niệm Phật, chẳng thể báo oán trực tiếp được. Do cô ta mong tưởng cảnh giới tốt đẹp, những kẻ oán nghiệp ấy bèn hiện ra cảnh giới đó khiến cho cô ta dấy lòng hoan hỷ, tưởng công phu tu hành của mình đã đạt mức rồi, hoặc tưởng mình đã thành thánh đạo. Do vọng niệm cứng chắc ấy sẽ bị mất chánh niệm, ma quỷ bèn nhập thân khiến phát điên phát cuồng, Phật cũng chẳng thể cứu được! Cõi đời lắm kẻ dụng công tu hành rồi phát điên phát cuồng đều do chính mình chẳng biết dứt trừ vọng tưởng, nhiếp tâm, chánh niệm dụng công, thường đều là "chưa dụng công đã mong thành thánh!" Do suốt ngày chỉ chăm chú mong ngóng thánh cảnh giống như uống thuốc độc, hôn mê, loạn trí, vô tri, bảo là "trời đất lăn chiêng, thần kỳ quỷ quái!" Chứ thật ra đều là do vọng tâm của chính mình chiêu cảm ma quỷ gây tác dụng.

Hãy nên dạy cô ta nhất tâm niệm Phật. Trừ danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật ra, nhất loạt chẳng để cho tâm nẩy sanh các niệm thì tự nhiên sẽ như hư không tan sương mù, mặt trời chiếu rạng. Lợi ích của nhất tâm niệm Phật và họa hại vì tâm vọng tưởng sôi động mong thấy cảnh giới trong Văn Sao đều đã nói tới nhiều lần. Xin hãy sao lại thư này gởi cho [cô ta]. Lại nên khuyên cô ta hãy tận lực y theo lời tôi nói, chớ tưởng cảnh ấy là thật. Dẫu nó có xuất hiện cũng chẳng sanh vui mừng, cũng không sanh lòng sợ sệt, cảnh ấy sẽ tự tiêu. Như kẻ giặc vào nhà người ta, [người ấy] tưởng nó là người trong nhà của họ thì cũng bị hại. Biết nó là giặc nhưng lầm lẫn sanh lòng sợ hãi thì cũng sẽ bị hại. Nếu chẳng vui, chẳng sợ, nhất loạt chẳng thèm đoái hoài tới nó, nó sẽ chẳng có chỗ nào để đặt chân!

Hiện thời Văn Sao không còn, tôi sẽ gởi thư cậy thầy Chân Đạt gởi cho dăm ba gói để giúp Quang bù đắp chỗ thiếu thốn. Trong lúc này, làm chuyện lớn sẽ rất mệt trí. Nếu chẳng hết sức tỉ mỉ, khiến cho người khác bị hại thì chính mình mắc lỗi, khổ sở chẳng kham nói được đâu! *(Ngày Mười Tám tháng Tư năm Ất Sửu - 1925)*

335. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ sáu)

Phàm tình chẳng thể suy lường lợi ích của Phật pháp được! Kẻ ngu chỉ biết dùng thuốc men để trị bệnh và van thần vái quỷ cầu được lành bệnh đều đáng gọi là phường "gánh gai bỏ vàng, đi ngược đường". Ông do bị bệnh mà biết "công phu chẳng hờ hững, hời hợt sẽ đạt được lợi ích thật sự". Lại biết Phật pháp quả thật có thuật "điểm đá thành vàng" *(đây là ví dụ, đừng hiểu lầm),* có công huân biến phàm thành thánh. Đấy cũng là do thiện căn đời trước mà ra, mà cũng là do đời này tu trì mà được. Hãy khéo dụng tâm, đừng cho đấy là chuyện kỳ lạ, đặc biệt, rồi thoái thất công lao trước kia, thì tương lai sẽ càng đạt được lợi ích sâu xa. Nói đến lợi ích sâu xa thì bất tất phải cầu nơi cảm thông cảnh giới, mà hãy nên nhận chắc sự vãng sanh Tây Phương thì mới chẳng phụ ân sâu Tam Bảo gia bị lần này.

Chung Anh túc căn sâu xa, nhưng tri thức chưa mở mang! Nửa đêm niệm Phật, thấy một vị thần mặc kim giáp, sợ bị ma thử thách, nên chẳng dám niệm. Sao mà vô trí quá mức như thế? Phàm người niệm Phật chỉ nên chí thành, khẩn thiết, nhất tâm chánh niệm, trọn chẳng chuyên chú vọng tưởng thấy Phật hoặc thấy cảnh giới. Bởi lẽ, nếu tâm quy nhất, thấy Phật hay thấy cảnh giới đều chẳng đến nỗi lầm lẫn sanh hoan hỷ, rồi đến mức "được chút ít đã cho là đủ", trở thành lui sụt. Không thấy Phật, không thấy cảnh giới, cũng trọn chẳng thiếu sót gì! Tâm chưa quy nhất mà muốn gấp thấy Phật, thấy cảnh giới, đừng nói thấy cảnh ma, dẫu thật sự thấy cảnh Phật mà tâm lầm lẫn sanh hoan hỷ thì cũng bị tổn hại *(nghĩa là "do sanh hoan hỷ bèn lui sụt")*, chẳng được hưởng lợi ích. Hãy nên chú trọng chí thành niệm Phật, đừng ôm lòng [mong tưởng] thấy Phật hay thấy cảnh giới.

Nếu khi đang niệm Phật, chợt có tượng Phật và tượng Bồ Tát, tượng chư thiên hiện ra, tâm chỉ giữ chánh niệm, đừng sanh chấp trước. Biết tượng hiện ra ấy chỉ do tâm hiện, tuy hiển hiện vằng vặc phân minh, thật sự chẳng phải là một vật nào! Do tâm tịnh nên hiện ra cảnh tượng ấy, như nước thanh tịnh, trăng liền hiện bóng, chẳng có mảy may kỳ lạ, đặc biệt nào cả! Trọn chẳng sanh lòng khoe khoang, vui sướng, tâm càng thêm chuyên nhất, sốt sắng niệm Phật. Người làm được như thế thì đừng nói là "cảnh giới Phật hiện ra sẽ được lợi ích", dẫu ma hiện ra vẫn có lợi ích. Vì sao vậy? Do chẳng chấp trước, tâm có thể quy nhất. Phật hiện thì tâm càng thanh tịnh. Ma hiện thì do tâm thanh tịnh chẳng chấp trước nên ma không thể quấy nhiễu được, tâm càng thêm thanh tịnh, đạo nghiệp tự tiến.

Nay ngẫu nhiên có chuyện biến hiện bèn sanh hoảng sợ, chẳng dám niệm Phật, tâm đã mất chánh niệm rồi! May mà chẳng phải là ma hiện! Nếu là ma hiện, vì không dám niệm Phật nên ma liền có thể nhập vào tâm khiếu, bị ma dựa phát cuồng, chôn vùi chánh niệm. Sao chẳng biết tốt - xấu đến mức như thế? Sợ là ma hiện thì càng phải nên sốt sắng khẩn thiết niệm Phật, con ma ấy sẽ tự chẳng có chỗ dung thân! Như ánh sáng chiếu đến, tối tăm tự nhiên chẳng còn, chánh đến tà tự tiêu diệt. Sao lại sợ ma hiện bèn chẳng dám niệm Phật? May chẳng phải là ma, nếu quả thật là ma thì đã trao toàn quyền cho nó rồi. Pháp để tự mình đối trị hoàn toàn chẳng dùng tới, bỏ mặc cho ma khuấy, buồn thay, xót thay!

Niệm Phật ngẫu nhiên sanh lòng bi cảm, cũng là điều hay, nhưng chớ nên chuyên muốn dấy lên cảm tưởng ấy. Nếu tâm thường muốn dấy lên cảm tưởng ấy, chắc sẽ đến nỗi bị ma dựa, chẳng thể cứu được. Hãy nên giữ tâm như hư không, trọn chẳng có một vật gì trong tâm. Dùng tâm thanh tịnh ấy để niệm Phật thì sẽ tự chẳng có hết thảy cảnh giới. Dẫu có ma cảnh, nhưng do tâm ta như hư không, chẳng sanh kinh sợ, cứ niệm Phật, ma ắt tự tiêu! Nay sợ là ma, chẳng dám niệm Phật thì ví như sợ cường đạo kéo đến bèn trước hết tự mình đem những lính hộ vệ trong nhà chuyển đi phương xa, chẳng cho họ ở trong nhà. Đấy chính là đã trao quyền bảo hộ cho cường đạo khiến chúng trọn chẳng sợ hãi gì, mặc sức cướp đoạt sạch sành sanh! Sao mà ngu si đến tột bậc như thế?

Văn Sao đã được in, ước chừng cuối năm nay có thể ra sách. Lúc này hãy nên từ từ. Quyển Trung và Hạ của Tâm Kinh do lũ đồ đệ ma ngụy tạo; [ông nói] Cư Sĩ Lâm biếu tặng sách ấy, Quang chưa từng thấy, chắc là chưa từng được kiểm duyệt chăng? Loại sách ấy vạn phần chớ nên lưu thông! Nếu không, sẽ làm hại chánh nhãn của người khác, tội chẳng nhỏ đâu! Ông X…. quen thói thế tục, quả thật là một vết nhơ cho pháp môn.

Trong Nhất Hạnh Cư Tập, chỉ một đoạn nói về chế ngự tà dâm là chẳng nể nang hai chúng tại gia thuộc tông Thiên Thai. Sợ ông chưa xét tường tận, chẳng hiểu được bản ý của ông ta (tức Bành Thiệu Thăng). Nay cũng không cần phải tìm tòi, kiểm lại. Giới ấy do đức Phật chế, ngài Thiên Thai đề cao Phật mà soạn lời sớ giải; Bành cư sĩ nào dám nêu bừa ý kiến ức đoán! Chẳng qua tự mình muốn thực hành tuyệt dục, thật sự khế hợp sâu xa tâm Phật. Như vì muốn có người nối dòng mà làm chuyện vợ chồng thì cũng chẳng trái nghịch Phật giới. Nhưng để cầu có con nối dòng thì mỗi năm làm một lần, hễ có con nối dòng bèn nên thôi. Nếu viện cớ Phật chẳng ngăn cấm chánh dâm, hằng ngày thường làm, thì đối với đạo, với Phật, với danh phận của chính mình đều trái nghịch! Ý

nghĩa của chữ *"thiện túc"* (khéo ngủ) chính là thường ngủ một mình, hoặc vì để cầu con mà tạm chung đụng một phen. Sao ông lại chấp chết cứng là "ngủ chung với nhau như chuyện ăn cơm, uống trà bình thường trong nhà?" Sao lại chẳng biết đạo lý tới mức thế ấy?

Xin hãy nói với Chung Anh, đừng xử sự như gã si thì mai sau ắt sẽ có lợi ích lớn lao *(ý nói nghiệp tiêu, trí rạng, chướng tận, phước dầy và vãng sanh Tây Phương; chứ không phải là nói tới cảnh giới).* Đã gởi xong hai mươi bảy bộ Đại Sĩ Tụng trong hai lượt, tức trong ngày Ba Mươi Mốt tháng Năm và mồng Năm tháng Sáu Dương lịch. Đã giao hết sách cho Tôn Trí Trạch và cha ông rồi. Do in tới một vạn bộ, người đứng ra in nhiều thì giao trước một ít, những người bỏ tiền ít sẽ giao hết để khỏi tốn công. Sách được giữ tại hội quán ở Thiên Tân *(Ngày mồng Hai tháng Sáu năm Ất Sửu - 1925).*

336. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ bảy)

Nhận được thư khôn ngăn vui mừng, an ủi. Pháp danh của cha ông trùng với tên lót của các cháu, hãy nên đổi thành Pháp Hòa. Hòa (和) là hợp, tức là phỏng theo Quán Âm Bồ Tát trên hợp với bản giác diệu tâm của mười phương chư Phật, dưới hợp với ý đau xót ngưỡng mộ đồng nhất của mười phương hết thảy chúng sanh. Xin hãy làm cho cụ chân thật sanh lòng tin phát nguyện thì lợi ích do nghe đạo mới trở thành sự thật được. Nếu không, chẳng sanh Tây Phương, dẫu có phước báo trời - người [thì phước báo ấy] hệt như sương buổi sớm, trong khoảnh khắc chẳng còn, có ích chi đâu? Vợ ông đã phát tâm niệm Phật, hãy nên chuyên chú trọng niệm Phật, [trong khi] tịnh tọa cũng nên niệm thầm trong tâm thì mới không mắc khuyết điểm nào.

Sợ rằng cách tịnh tọa của Đồng Thiện Xã là cách vận khí; bởi lẽ phàm hết thảy ngoại đạo đều lấy vận khí luyện đan làm bí quyết, chẳng chịu nói với kẻ chưa nhập môn, [bọn họ] chẳng biết đấy vốn là pháp để dưỡng sắc thân, chẳng ăn nhập gì với đạo cả! Đức Phật dạy người đoạn trừ phiền não tập khí, minh tâm kiến tánh; nhưng chúng sanh nghiệp sâu huệ cạn chưa thể chứng đắc ngay trong đời này, cho nên Ngài mở toang phương tiện lớn lao, dạy [chúng sanh] tín nguyện niệm Phật để mong cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Cách tịnh tọa của bọn họ (tức Đồng Thiện Xã) chẳng thể gọi là Thiền Định được! Thiền có nghĩa là Tịnh Lự. Do bọn họ chẳng biết ý nghĩa của danh từ Thiền, nhận bừa danh xưng thuộc chánh pháp, nhưng trong tâm xen tạp những vọng

tưởng của tà ma, ngoại đạo, cho nên bị ma dựa phát cuồng *(Luyện đan, vận khí, cầu thần thông, thấy thần, thấy quỷ, trong tâm ý niệm suy lường tưng bừng, làm sao có thể là Tịnh được?)*

Cần biết rằng: Đức Phật dạy con người chuyên chú cực lực giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật, trọn chẳng có điều gì không thể nói với người khác được! Cái đạo "đóng cổng, khóa cửa, truyền dạy riêng cho nhau" của họ, đừng nói trong ấy có những điểm xấu, ngay như cho rằng pháp luyện đan vận khí là chánh đáng đi nữa thì đấy cũng chẳng phải là đạo để liễu sanh tử. Huống chi chưa chắc là chánh đáng ư? Xin hãy chuyên tu Tịnh nghiệp, khi tịnh tọa bèn lắng lòng, thầm niệm Phật hiệu, đừng xen thêm công phu của bọn họ thì sẽ chẳng trở ngại gì! *(Ngày mồng Bảy tháng Mười Một năm Ất Sửu - 1925)*

337. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ tám)

Có thể nói là mẹ ông đã có thiện căn từ đời trước, nên mới được cả nhà ông niệm Phật [hộ niệm lúc cụ lâm chung]. Nếu những lời ông kể về các tướng trạng lúc cụ sắp mất và sau khi đã qua đời đều là chân thật chẳng dối thì chắc chắn cụ được vãng sanh. Nếu là lời đơm đặt sẽ chẳng có ích gì cho mẹ, ngược lại còn mắc lỗi lớn! Ông chỉ nên bớt đau buồn để niệm Phật và bảo người nhà đều cùng niệm Phật. Tuy nói là "vì cầu siêu cho mẹ mà niệm", nhưng thật ra đem so với việc chỉ niệm cho chính mình thì công đức càng lớn hơn nhiều lắm! Dùng những điều này để bảo ban, họ sẽ đều phát lòng hiếu thảo. Trong khóa tụng sớm tối, Quang sẽ hồi hướng cho mẹ ông bảy ngày để trọn hết tình bạn.

Người đời nay đa số hiếu danh, [khi cha mẹ đã khuất bèn] viết truyện, soạn ký, đều là màu mè rỗng tuếch! Chỉ nên dốc hết sức tu trì để cha mẹ chưa được vãng sanh sẽ lập tức được vãng sanh, đã vãng sanh sẽ tăng cao phẩm vị. Đấy mới là nhiệm vụ trọng yếu nhằm trọn hết tấm lòng của kẻ làm con đối với cha mẹ; những chuyện khác đều nhằm làm inh tai rộn mắt thế tục mà thôi! Cha ông tuổi đã cao, hãy gấp dốc sức khuyên cụ siêng tu để khỏi kém sút mẹ ông. Đời người chuyện gì cũng có thể nhường người khác được, chỉ có chuyện này chẳng thể nhường ai! Vì thế, Khổng Tử nói: *"Đương nhân bất nhượng ư sư"* (Gặp việc nhân

thì phải làm, dẫu thầy mình cũng không nhường)[111]. Ông nói đến chuyện "giấy vàng viết thần chú bằng tiếng Phạn", lẽ đâu không có lợi ích! Nhưng cái gốc của lợi ích nằm nơi lòng Thành. Nếu có lòng Thành thì lợi ích càng lớn. Nếu luông tuồng như trò đùa trẻ con thì lợi ích sẽ nhỏ nhoi lắm! Tục ngữ có câu: *"Nhân tâm quả thành, kim thạch vị khai"* (Lòng người nếu thành thật; đá, vàng còn phải nứt), huống là Phật, Bồ Tát há chẳng cảm ứng ư? Chung Thất (lễ bốn mươi chín ngày) thỉnh Tăng niệm kinh, cũng nên đổi thành niệm Phật. Nếu có vị Tăng thanh tịnh thì được; chứ nếu chỉ có loại Tăng ăn mặn uống rượu thì hãy nên dành khoản tiền ấy để giúp đỡ người gặp cảnh ngặt nghèo. Chỉ cần gia quyến niệm Phật mà thôi, cần gì phải bắt chước làm theo khuôn sáo thế tục? Cũng không nhất định phải tới Phổ Đà. Hễ thuận tiện thì tới; nếu không, đừng tới! Thấy mặt Quang trọn chẳng ích lợi gì! Do vậy, chẳng thà chuyên tâm y theo Văn Sao để hành còn tốt hơn!

Hiện thời thế đạo nhân tâm bại hoại đến cùng cực, không thể vãn hồi! Chỉ có cực lực đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình để làm cơ duyên xoay chuyển. Giáo dục trong gia đình cũng phải chú trọng nhân quả, báo ứng. Dạy dỗ con gái nên kèm thêm chuyện ăn chay, bởi lẽ cõi đời thiếu người hiền là vì trong thế gian thiếu mẹ hiền. Nếu con cái từ bé đã được mẹ hiền dạy dỗ, un đúc thành tánh thì sau này ắt sẽ có thể giúp chồng thành tựu phẩm đức, dạy con cái đều thành người hiền. Nữ nhân lấy việc giúp chồng dạy con làm thiên chức, trách nhiệm ấy so ra càng nặng nề, to lớn hơn nam nhân. Người đời chẳng biết giảng nói, suy xét nơi đây, cứ lầm lạc muốn cho nữ nhân tham dự chuyện chánh trị giống như đàn ông, chẳng biết sự vụ đến mức tột bực như thế đó! Do vậy, cõi đời ngày một hết sức loạn lạc, người hiền ngày một hiếm hoi! *(Ngày mồng Chín tháng Chín năm Dân Quốc 15 - 1926)*

338. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ chín)

Nhận được thư ông và thư của Mân Phật Hóa Xã, cùng với bài ký tường thuật đại cương những chuyện quan trọng, hiểu rõ [đường lối của] Phật Hóa Xã là chánh đáng, nhưng còn thiếu chuyên chú nơi một môn Tịnh Độ để mong thoát lìa thế gian Sa Bà ngay trong đời này. Chương trình [hoạt động, đào tạo của Phật Hóa Xã] vẫn chưa thể quyết đoán. Qua chương trình học tập nghiên cứu dành cho nữ giới, biết xã hữu vẫn

[111] Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của Luận Ngữ Giảng Yếu. Ý nói: Hễ gặp việc nhân đáng làm thì bèn dũng mãnh làm ngay, không chần chừ.

học tràn lan, chưa hiểu rõ tột cùng đạo lý Tịnh Độ. Bọn họ đã chịu quy y, hãy nên trần thuật đại lược những nghĩa trọng yếu, những điều khác hãy bảo họ đọc trong Văn Sao.

Liên Anh hiếu thảo sâu đậm, thật đáng khâm phục, kính trọng. Ngộ Chánh nói "chẳng hồi hướng vẫn được lợi ích lớn lao!" Lời ấy không thỏa đáng! Bởi lẽ, phàm phu thiếu sức chánh niệm hồi hướng thì những gì đã tu sẽ đều quy về phước báo trời người. Không hồi hướng mà có thể khiến cho cha mẹ đã khuất từ lâu được hưởng lợi ích siêu độ thì chỉ có bậc thánh nhân đắc đạo mới có thể làm như thế được! Lời của Ngộ Chánh đã nói chính là lẫn lộn giữa thánh và phàm, coi cả hai giống hệt như nhau, chớ nên nghe theo! Hễ nghe theo thì đừng nói là không được vãng sanh, ngay cả phước báo nhân thiên cũng chẳng ổn thỏa. Bởi lẽ, không có Cảm thì sẽ chẳng thể cậy vào Phật lực; nếu chỉ nhờ vào sức tu trì của chính mình thì so ra sự cơ cảm ấy sẽ khác xa vời vợi sự cơ cảm do lòng Thành tạo nên! Còn như nói nhìn vào hạnh nguyện, đạo lực của con cái để phán đoán sự vãng sanh thì còn có đạo lý, nhưng cũng chẳng thể chấp chặt hẹp hòi một bề, cho là chính mình được Thượng Phẩm Thượng Sanh, còn cha mẹ thuộc Hạ Phẩm! Do tâm nguyện của con cái, do túc căn của cha mẹ và sự phát tâm trong hiện tại nên mỗi trường hợp đều khác biệt.

Khuyên điểm[112] kinh điển thì phải thành, phải kính. Nếu làm theo cách của kẻ học vấn lão luyện chấm câu cho văn chương thì quả thật cái tội khinh nhờn thật nhiều, hãy nên răn dè! Nói chung, ai nấy đều phải chú trọng sự thật. Những kẻ xướng ra những thuyết lạ lùng, hủy báng Lăng Nghiêm, Khởi Tín đều do cái lòng ham danh gây ra, mong được thiên hạ hậu thế xưng tụng mình bằng hư danh "là bậc đại trí huệ, là vị biết được chỗ kẻ khác chẳng hiểu biết", chứ chẳng biết trong đời này bị người sáng mắt xem là kẻ đáng thương xót, khi mất đi sẽ đọa trong ác đạo vĩnh viễn, không có lúc thoát khổ. Cái danh khiến cho con người bị lầm lạc đến mức như thế đó!

Cháu ông và các cư sĩ vốn đều có thiện căn từ đời trước, cho nên biết được chánh lý của Phật pháp, chẳng bị ngoại đạo mê hoặc. Bọn họ đã gởi thư xin quy y, sẽ đặt pháp danh cho từng người và gởi thư cùng chương trình thẳng sang Phước Châu. Bản Văn Sao Tăng Quảng [Chánh Biên] sắp được xếp chữ xong, hiện thời tăng thêm một trăm mười trang, sẽ in trong tháng Hai hay tháng Ba. Nếu muốn kết duyên, xin hãy gởi thư sớm. Lần này sách dày hơn bốn trăm trang, lại do gần đây giấy đắt,

---

[112] Ý nói đặt dấu chấm câu vì sách vở tiếng Hán viết theo lối xưa không có dấu chấm câu.

mỗi bộ giá khoảng chừng bảy tám cắc hoặc tám chín cắc. Do chưa xếp chữ xong nên chưa thể định giá được. Nếu để lỡ dịp in chung lần này, sau này thỉnh sẽ đắt hơn nữa!

339. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ mười)

Nhận được thư đầy đủ, lời Khải quyên mộ cho Ngọa Phật Điện[113] rất hay, nhưng cũng khó thể nào phục hưng được vì các xứ đang gặp phải tai nạn đao binh, lo cứu mạng [cho những nạn nhân] còn không xuể, sức đâu lo đến chuyện này! Quang gởi thư và bốn gói Đại Sĩ Tụng cho Phước Châu Phật Hóa Xã vào ngày mồng Mười tháng Giêng, lại kèm thêm một gói chương trình, bản ghi chép những chuyện quan trọng trong Phật Hóa Xã và bốn bộ Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, đặc biệt gởi bằng thư bảo đảm, nhưng trọn chẳng có hồi âm. Ngày Hai Mươi Hai tháng Hai lại gởi thư cho La Khanh Đoan, hỏi đã nhận được sách và thư hay chưa, đến nay vẫn chẳng có hồi âm! Do chiến sự, Văn Sao bị chậm trễ chưa xong. Gần đây, đường thư tín sang Thượng Hải vẫn còn thông suốt, nhưng mấy lần gởi thư sang Thư Cục đều chẳng thấy hồi âm, rốt cuộc chẳng biết là như thế nào!

Khoản tiền năm mươi đồng để in sách như đã nói đó, hãy nên gởi sang chùa Thái Bình ở bến Trần Gia, Thượng Hải, giao cho hòa thượng Chân Đạt, đừng gởi tới Phổ Đà. Đường bưu điện lẫn hối đoái tại Phổ Đà đều chẳng thông. Nếu chuyển tiền sang Định Hải hoặc Ninh Ba, vẫn phải nhờ người đi lãnh, rất bất tiện! Gởi sang Thượng Hải là ổn thỏa nhất. Hiện nay [tình thế] đại loạn vừa mới dấy lên, hãy nên tích cực niệm Phật. Ngoài chuyện này ra, chẳng có điều gì để dặn dò nữa!

340. Thư trả lời cư sĩ Trần Sĩ Mục (thư thứ mười một)

Thư nhận được đầy đủ, vui mừng, an ủi tột bực. Nay gởi một gói Tịnh Nghiệp Chỉ Nam. Cuốn Tâm Kinh Khẩu Nghĩa được in ở Thượng Hải chính là theo nguyên bản của cư sĩ Đường Đại Viên. Bản do cư sĩ Trần Chánh Hữu thuộc Thiên Tân Lưu Thông Xứ đứng ra in đã được Quang sửa chữa đại lược, so với nguyên văn của ông ta thì thông suốt

---

[113] Đây là cách gọi thông tục của Niết Bàn Đường trong các ngôi đại tự. Do trong điện ấy thờ tượng Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật nằm trong rừng Sa La trước khi nhập Niết Bàn nên dân gian quen gọi là Ngọa Phật (Phật nằm). Khải (啟) là một lối văn trình tấu của cấp dưới gởi lên cấp trên. Tờ Khải nói ở đây là bài văn kêu gọi bá tánh quyên góp tu bổ Ngọa Phật Điện.

hơn. Xin hãy thỉnh từ Phật Kinh Lưu Thông Xứ. Văn Sao đã được in; sách sẽ được giao ra vào ngày hai mươi mấy và sẽ gởi đến những người chịu trách nhiệm in.

Tôi vốn muốn qua Thượng Hải vào cuối tháng Tư để sắp xếp in Đại Sĩ Tụng, nhưng về sau có chuyện phải trì hoãn, lại thêm phong trào [đình công của công nhân] đang sôi nổi; phải đợi khi phong trào lắng xuống mới đi được. Sẽ ra sách trong năm sau. Đây là dự tính đem in trong thời gian gần. Nếu nhất thời chẳng bình yên được, càng chẳng biết sẽ phải trì hoãn bao nhiêu lâu nữa! Thư của Hàn Giang trong phần ký tên ở cuối thư chỉ viết là *"cẩn thượng"* (kính trình), trước đấy Quang chưa đọc kỹ, đến khi đã phúc đáp rồi mới trông thấy nên phê vào cuối thư. Ông ta chẳng những không biết Phật pháp mà ngay cả những lối cư xử thông thường cho đẹp lòng người trong thế gian cũng chẳng hiểu biết. Hỏi Phật pháp với người khác mà ngạo nghễ như thế, há người như vậy có thể đạt được lợi ích chân thật nơi Phật pháp ư? Cũng chẳng qua là góp phần náo nhiệt mà thôi!

Ông ta tính tự đặt pháp hiệu là Thiện Căn, Quang đặt tên cho ông ta là Huệ Hải. Đấy chẳng phải là đặt pháp danh quy y cho ông ta vì ông ta chẳng xin quy y. Dẫu có xin cũng không chấp nhận, vì tâm ông ta chẳng chịu nhún nhường, cho nên không thật tình quy y! Phàm thư từ gởi đến, mặc cho người gởi ngạo nghễ như thế nào Quang đều trả lời, đáng quở trách thì quở trách, hễ cần phải nói thẳng thì chẳng cần biết người ta có cung kính hay không [cứ nói thẳng]! Nếu ai gởi thư xin quy y mà chẳng chịu nhún mình bèn cự tuyệt chẳng chấp nhận. Cũng có người gởi thư khẩn cầu lần thứ hai, nhưng cũng có kẻ chẳng trả lời thư Quang gởi đến nữa! Lễ giáo suy vi đáng than thở thay!

341. Thư trả lời cư sĩ Huệ Minh

Cụ già tám mươi ba tuổi tháng ngày chẳng còn mấy. Vận nước của Trung Hoa Dân Quốc nguy ngập như trứng chồng. Gặp nhằm hai chuyện này (tức tuổi đã tám mươi ba và vận nước nguy ngập), hãy nên miệt mài niệm Phật để cầu vãng sanh. Lại còn phải suất lãnh người nhà nhất trí niệm Phật để dự bị khi ông qua đời bọn họ có thể trợ niệm. Lại còn phải dặn đi dặn lại lúc ông lâm chung họ chớ nên tắm rửa, thay quần áo sẵn, hỏi chuyện *(những điều này hãy nên giao phó sẵn)*, an ủi, khóc lóc v.v… Mặc cho khi ấy ngồi chết cũng được, nằm chết cũng xong, mọi người đồng thanh niệm Phật; niệm mãi cho tới hơn ba tiếng đồng hồ sau khi tắt hơi

rồi mới sắp đặt hậu sự, muôn phần đừng làm quá sớm. Không riêng gì người già chết nên như thế mà ngay người trẻ tuổi chết cũng nên như thế. Đấy chính là một đại sự khẩn yếu nhất lúc cuối cùng. Nếu chẳng tập luyện sẵn và nói sẵn lẽ lợi - hại, chưa có ai chẳng bị quyến thuộc vì phô trương mù quáng mà làm hỏng chuyện.

Một pháp Niệm Phật chính là pháp môn lớn nhất để Phật phổ độ hết thảy chúng sanh. Nếu gặp nguy hiểm, hễ niệm liền có thể gặp dữ hóa lành. Lúc vô sự mà niệm sẽ tiêu tai, tăng phước, nhưng cần phải cầu sanh Tây Phương thì mới là lợi ích lớn lao rốt ráo. Chín trang pháp danh được viết trong một tờ giấy khác. [Những pháp danh] như Tông Viễn, Tông Trì v.v… đều nhằm dạy [người quy y] sùng phụng, noi theo các vị tổ sư hoằng dương Tịnh Độ thuở trước. Tông (宗) là gốc, là chủ. Viễn (遠) chính là Viễn Công đại sư đời Tấn *(tên là Huệ Viễn)*, là Sơ Tổ của Liên Tông. Trì (持) chính là em của ngài, tức Huệ Trì[114]. Vĩnh (永) là Huệ Vĩnh[115]. Xước (綽) chính là Đạo Xước. Chiếu (照) là Pháp Chiếu.

---

[114] Huệ Trì (337-412) sống vào đời Đông Tấn, người xứ Lâu Phiền, huyện Nhạn Môn (Sơn Tây), em trai ngài Huệ Viễn, thông minh mẫn tiệp từ bé, có văn tài. Năm 18 tuổi theo anh xuất gia với ngài Đạo An, học trọn khắp Tam Tạng và ngoại điển. Sau theo anh về Lô Sơn. Sư rất được Lang Nha Vương là Tư Mã Tuần coi trọng. Khi ấy, do ngài Tăng Già La Xoa khéo tụng bộ Tứ A Hàm, Vương liền sai Ngài giảo duyệt kinh văn, giảng nói kinh Pháp Hoa, A Tỳ Đàm Luận. Năm Long An thứ ba (399), Sư nghe nói núi Nga My ở Ba Thục rất thù thắng, ý muốn sang thăm, bèn đi sang phương Tây đến Thành Đô, nghỉ tại Long Uyên Tinh Xá, hoằng dương Phật pháp, đại chúng khâm phục nên mỗi khi Ngài lên pháp tòa giảng mọi người đều gọi là Đăng Long Môn. Lúc Sư thị tịch, dạy đệ tử rằng: *"Kinh dạy: 'Giới như đất bằng, mọi điều thiện đều do đấy mà sanh!' Các ông đi, đứng, nằm, ngồi đều phải cẩn thận!"*

[115] Huệ Vĩnh (332-414), sống vào thời Đông Tấn, người xứ Hà Nội (tỉnh Hà Nam), xuất gia năm 12 tuổi, theo học với ngài Trúc Đàm Hiện, về sau theo ngài Huệ Viễn đến học với ngài Đạo An. Sư muốn cùng ngài Huệ Viễn sang núi La Phù, nhưng ngài Huệ Viễn bị Đạo An giữ lại, nên đến niên hiệu Thái Nguyên đời Đông Tấn, Huệ Vĩnh đi sang La Phù trước. Đến Tầm Dương, Sư được người trong quận ấy là Đào Phạm giữ lại trụ trì chùa Tây Lâm tại Lô Sơn. Không lâu sau, ngài Huệ Viễn cũng đến. Đại chúng nghe danh, tụ tập về quá đông, phải lập thêm Đông Lâm tinh xá. Sư bèn lập riêng một thảo am trên đảnh núi để tiện thiền quán, tu trì. Những người đến bên am tranh đều ngửi thấy mùi hương lạ, bèn gọi nơi ấy là Hương Cốc. Sư sống cùng một con hổ trong am ấy; hễ có ai đến, Sư bèn đuổi hổ chạy lên núi. Người đi rồi, hổ lại về chầu hầu bên cạnh. Sư rất thích nghiên cứu kinh điển, giảng nói rất giỏi, vẻ mặt tươi cười, chưa hề nói lời thương tổn ai. Cơm xoàng, áo vải, siêng năng tinh tấn, khổ hạnh, nguyện sanh Tây Phương. Năm Nghĩa Hy thứ mười (414), Sư thị hiện bị bệnh nhưng trì giới không xao nhãng, khi lâm chung tự đắp y, chắp tay, bảo đại chúng: "Phật đến rồi đó!" Nói xong, tươi cười qua đời, thọ 83 tuổi. Đại chúng trong núi đều ngửi thấy mùi hương lạ, bảy ngày mới tan.

Loan (巒) là Đàm Loan, [chữ Loan (巒)] cũng [có khi] viết là Loan (鸞). Đạo (道) là ngài Thiện Đạo. Tức là dạy họ nương theo các vị đại tổ sư trong Liên Tông để tu trì. Đứa cháu nội bé có tên là Phước Hà: Phước đã cao xa, thọ ắt dài lâu! Những tên khác không cần phải giảng giải. Vương Ấu Nông chưa hề quy y, vợ và đứa con thứ tư đều quy y. Đứa con thứ hai và một cô con gái chưa quy y. Nay gởi mười gói Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, gồm một trăm mấy chục cuốn, bảo những đứa trẻ ngây thơ đọc tụng, lại còn giải nói cho chúng, sau này chúng sẽ chẳng đến nỗi không biết nhân quả, dấn mình vào lối mòn của hạng người trộm cướp.

342. Thư trả lời cư sĩ Lý Thính Đào (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết đứa con thứ [của ông] bị chết yểu. Khi gặp tình cảnh ấy, lòng người thường khởi lên oán hận, sanh biếng nhác. Hãy nên biết rằng: *"Đời người nhân quả phức tạp, hễ có nhân, ắt có quả; hễ có quả, quyết chẳng thể không có nhân!"* Biết "nhân trước, quả sau" sẽ chẳng sanh oán hận. Biết "đức cảm được trời", ắt chẳng đến nỗi gặp nghịch cảnh nhỏ nhoi bèn biếng nhác tu tâm. Ví như trời lúc thoạt đầu thì nóng, chợt đột nhiên mát rượi; hoặc thoạt đầu đang mát, chợt lại nóng hừng hực. Đấy chính là biến động tạm thời, chứ không phải lúc nào cũng thường như thế. Chỉ tận hết tấm lòng ta để tu, chẳng cần bận tâm ta gặp phải nghịch cảnh hay thuận cảnh! Người làm được như thế, ắt sẽ vĩnh viễn hưởng nhiều phước. Nếu do gặp chuyện nhỏ chẳng vừa ý bèn nói "tu trì vô ích", đấy chính là tri kiến của kẻ vô tri vô thức. Dẫu cho cả đời không gặp chuyện gì trái ý, cũng khó thể đạt đến địa vị *"trọn hết bổn phận, vui theo mạng trời"*.

Nếu có thể tu trì không lười, ắt sẽ sanh được đứa con tốt lành sống lâu, đức hạnh. Nếu chẳng cần biết tốt - xấu, chỉ cốt sao nó không chết yểu, lỡ nó vơ vét mỡ màng của trăm họ để cất giữ trong ngân hàng ngoại quốc, cũng như [gặp phải] đứa giết cha giết mẹ; có đứa con yêu chẳng bị chết yểu [kiểu đó] có bao giờ là may mắn đâu! Thứ con cái không ra gì ấy nếu chết yểu chính là do đức lớn cảm thành; bởi nó không chết yểu sẽ khiến cho nhân dân cả nước lầm than. Nếu trong lúc đó những đứa con thuộc loại ấy chết yểu hết sạch thì nước ta đâu đến nỗi hết thuốc chữa chỉ còn đợi chết ư? Chỉ nên lắng lòng niệm Phật để tiêu nghiệp hòng chiêu cảm tốt lành *(tháng Chín năm Quý Dậu - 1933)*

343. Thư trả lời cư sĩ Lý Thính Đào (thư thứ hai)

Ngữ lục của lệnh tổ[116] không liên quan gì với Sơn Chí. Nếu là bài minh trên tháp hoặc tiểu truyện thì có lẽ còn cần đến. Chứ đối với hình tượng thì cổ đức các đời đều không có điện thờ, hình ảnh, dù có gởi đến cũng chẳng tiện sắp đặt. Bởi lẽ Linh Nham hiện thời hoàn toàn chẳng kế thừa Linh Nham xưa kia. Sau loạn Hồng Dương[117], chùa chỉ còn lại một cái tháp nát, những thứ khác đều cháy sạch ra tro. Huống chi pháp môn [nhà chùa hành trì] hiện thời là Tịnh Độ, lệnh tổ là bậc tri thức trong Thiền Tông. Luận về phía chùa miếu thì không phải là thừa kế, luận theo phương diện pháp đạo thì là môn đình khác. Ví như ngồi thuyền đi đường thủy hoặc ngồi xe theo đường bộ, sau khi về đến nhà thì hoàn toàn giống nhau, nhưng xét trên đường đi thì mỗi cách mỗi khác! Người đời nay chẳng phải là đại thông gia, trọn chớ nên nói lời viên dung, chỉ mong sao dễ nghe, đến nỗi không được lợi ích thật sự! Trữ Công[118] chính là đệ tử cao nhất của sư Hán Nguyệt Tạng[119]. Hán Nguyệt muốn

---

[116] Tiếng gọi ông nội người khác với hàm ý tôn kính.

[117] Tức loạn Thái Bình Thiên Quốc. Do Hồng Tú Toàn và Dương Tú Thanh là những lãnh tụ phiến loạn hàng đầu của Thái Bình Thiên Quốc nên Sử thường gọi là loạn Hồng Dương.

[118] Trữ Công ở đây chính là ngài Hoằng Trữ (1605-1672). Sư thuộc tông Lâm Tế sống vào cuối đời Minh, đầu đời Thanh, người Thông Châu, Giang Nam, pháp tự Kế Khởi, pháp hiệu Thoái Ông. Thuở nhỏ gia đình gặp cảnh tai biến, được bà nội đem về nuôi dưỡng. Sư tuy chăm học nhưng không ham công danh, chí mộ Phật pháp, thích đạo Thiền, lãnh hội Phật pháp. Năm 25 tuổi, Sư xuất gia với Hán Nguyệt Pháp Tạng, siêng tu nhọc nhằn, đắc ngộ tâm pháp. Sư thông hiểu học thuyết của bách gia chư tử, học vấn tinh thâm, tư cách đoan nghiêm, khiến đại chúng rất ngưỡng mộ. Sư tưởng nhớ nhà Minh, thường mong khôi phục. Khi quân phản Thanh phục Minh dấy lên ở vùng Ngô - Việt, Sư nhiều lần ám trợ, từng bị bắt giam, sau được nghĩa sĩ cứu ra. Mỗi năm vào ngày vua Sùng Trinh tuẫn tiết, Sư đều mặc tang phục, lễ bái, khóc lóc. Suốt hai mươi tám năm đều giữ đúng lệ như vậy. Đệ tử nổi tiếng dưới tòa có cả hằng trăm người. Sư thị tịch năm Khang Hy mười một (1672), thọ sáu mươi tám tuổi. Sư còn để lại các trước tác như Ngữ Lục (100 quyển), Nam Nhạc Kế Khởi Hòa Thượng Ngữ Lục (10 quyển), Nam Nhạc Lặc Cổ, Linh Nham Ký Lược.

[119] Hán Nguyệt Pháp Tạng (1573-1635) là đệ tử của ngài Mật Vân Viên Ngộ, sống vào cuối đời Minh, xuất gia từ năm 15 tuổi. Năm Thiên Khải thứ tư (1624) đến chùa Kim Túc, yết kiến ngài Mật Vân, được ấn khả. Sư cực thông minh, rất có biện tài, nhưng lại lập ra dị thuyết, soạn ra bộ Ngũ Tông Nguyên, chỉ trích mạt sát nặng nề tông Tào Động, coi bốn tông kia là đọa lạc, đều không hiểu tông chỉ nhà Thiền, chỉ riêng tông Lâm Tế là nắm được yếu lãnh của Lục Tổ. Luận thuyết của Sư khiến cho thiền đức các tông thời ấy tranh luận ồn ào. Ngài Viên Ngộ nhiều lần gởi thư khuyên răn Sư hãy bỏ luận thuyết dị kỳ ấy, nhưng Sư không thèm nghe theo. Sư chết năm Sùng Trinh thứ tám (1635), thọ 62 tuổi. Tác phẩm Ngũ Tông Nguyên gây nên tranh luận kéo dài mãi đến đời Thanh, vua Ung Chánh phải viết Ngự Chế Giản Ma Biện Dị Lục vạch ra những điểm sai lầm trong cuốn sách nói trên và hạ lệnh cấm tuyệt lưu hành Ngũ Tông Nguyên, nhưng do đồ đảng của Hán Nguyệt đến lúc ấy vẫn

làm cao nhân bậc nhất xưa nay, hết sức kình chống Tổ Thiên Đồng Mật[120]. Bọn Hoằng Nhẫn, Cụ Đức v.v… đều là phường khinh miệt Tổ. Trữ Công vẫn không có thứ tập khí ấy, đúng là bậc đáng cho người đời sau khâm phục, kính trọng vậy *(Tháng Hai năm Giáp Tuất - 1934)*

344. Thư trả lời cư sĩ Trương Đức Điền (thư thứ nhất)

Đối với đạo để cầu con, người ta thường trái nghịch. Ông muốn có đứa con thân thể mập mạp, tánh tình hiền thiện, ba thứ phước - huệ - thọ đều trọn đủ thì phải nghe theo lời tôi thì mới được thỏa lòng. Người đời không có con liền cưới nhiều vợ lẽ, thiếp mọn, thường uống thuốc tráng dương, thường ân ái. Đấy chính là cách để chóng chết, chứ không phải là phương pháp để cầu con! May mắn sanh được con thì cũng như trồng giống lúa lép hoặc chẳng mọc được, hoặc có mọc cũng khó thể đơm bông kết hạt.

Điều quan trọng bậc nhất là phải ngưng ân ái, hoặc nửa năm, tối thiểu là một trăm ngày, càng lâu càng hay. Hãy nên nói rõ với vợ, đôi bên đều giữ ý niệm này, mỗi người ở khác phòng. Nếu không có nhiều phòng, quyết phải nằm giường riêng. Lúc thường ngày trọn chẳng tưởng vợ là vợ, hãy nên tưởng như chị em gái, chẳng khởi một tà niệm nào! Đợi khi thân được dưỡng sức đầy đủ rồi, đợi cho vợ sạch kinh nguyệt, cần phải nhằm lúc tiết trời trong sáng, nhằm ngày lành tháng tốt, ăn nằm với nhau một đêm, ắt sẽ có thai. Từ đấy vĩnh viễn chấm dứt chuyện ân ái, cho đến khi sanh con tròn một trăm ngày rồi mới có thể tiếp tục ân ái. Sau khi vợ thọ thai, nếu ăn nằm một lần, bọc thai sẽ dầy thêm một lần, gieo nguy cơ thai độc một lần. Hoặc còn có thể vì lẽ đó mà tử cung thường bị mở ra, chắc dễ bị sẩy thai. Những điều kiêng kỵ này nhiều

---

còn rất đông nên cuốn Ngự Chế Giản Ma Biện Dị Lục không được đưa vào Đại Tạng. Hoằng Nhẫn và Cụ Đức đều là đệ tử của Hán Nguyệt. Hoằng Nhẫn còn cực đoan, đả phá các phái Thiền khác gấp mấy lần Hán Nguyệt.

[120] Mật Vân Viên Ngộ (1566-1642) là cao tăng thuộc tông Lâm Tế, sống vào đời Minh, thụy hiệu là Huệ Định Thiền Sư. Ngài là con nhà nông, do tình cờ đọc Lục Tổ Đàn Kinh bèn ham chuộng pháp Thiền. Một ngày nọ đang chất củi bỗng tỉnh ngộ, bèn xuất gia với ngài Huyễn Hữu Chánh Truyền tại chùa Long Trì. Năm Vạn Lịch 30 (1602), ngài Chánh Truyền lên kinh đô, giao cho Sư làm Giám Viện chùa Vũ Môn. Một hôm, trong khi đi ngang qua núi Động Quan, Ngài chợt khai ngộ. Năm Vạn Lịch 39 (1611), được Huyễn Hữu trao y bát. Ngài lần lượt làm trụ trì nhiều đạo tràng Thiền Tông nổi tiếng, do thời gian Ngài làm trụ trì chùa Thiên Đồng lâu nhất nên thường được gọi là Thiên Đồng Mật. Ngài được coi là người có công trung hưng tông Lâm Tế, đệ tử đến hơn ba vạn người. Sư thị tịch năm Sùng Trinh 15 (1642) tại chùa Huyền Thông, thọ 76 tuổi.

người không biết. Dẫu có kẻ biết cũng chẳng chịu tuân theo. Vì thế đến nỗi chẳng sanh được con, hoặc con chẳng thành hình được, hoặc [sanh ra đứa con] bấy bớt, đoản mạng, chẳng biết do chính mình chẳng khéo dụng tâm, ngược ngạo đổ hô vận mạng xui xẻo, ngược ngạo biến ăn nằm thành chuyện thường xuyên, hằng ngày cứ làm, chẳng bị chết kể ra là may mắn lớn!

Lại phải giữ tấm lòng từ thiện, lợi người, lợi vật. Lợi người lợi vật thì chẳng nhất định cần đến tiền, mà chỉ cần giữ tấm lòng tốt, nói lời lành, làm chuyện tốt. Phàm những tâm, những lời, những chuyện không lợi ích đều chẳng giữ, chẳng nói, chẳng làm! Đầy ắp bụng dạ là một khối nguyên khí thái hòa, bừng bừng ý niệm vì chúng sanh. Lại còn phải chí thành niệm "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát" *(Hãy nên niệm theo cách này),* niệm càng nhiều càng tốt. Sáng - tối lễ bái, niệm bao nhiêu đó; ngoài ra, đi - đứng - nằm - ngồi đều niệm. Lúc đi ngủ tuy vẫn niệm, nhưng phải giữ lòng cung kính: Hãy nên mặc áo quần, đừng nên trần truồng. Hãy nên niệm thầm, chớ nên niệm ra tiếng. Niệm thầm thì nếu nhiều chữ sẽ khó niệm, có thể bỏ đi hai chữ Nam Mô, chỉ niệm năm chữ Quán Thế Âm Bồ Tát. Chú Bạch Y niệm cũng được, không niệm cũng chẳng sao. Ông giữ tấm lòng như thế, làm việc vẫn niệm, và bảo vợ cũng giữ tấm lòng như thế, niệm trong khi làm việc, cho đến khi sanh nở vẫn niệm. Lúc đang sanh nở chớ nên niệm thầm, phải niệm ra tiếng. Những người săn sóc chung quanh đều nên lớn tiếng niệm giúp cho người ấy. Đảm bảo không có những chuyện đau khổ, khó sanh.

Chớ nên niệm thầm trong khi sanh nở, vì [lúc ấy phải] dùng sức đẩy đứa con ra, nếu niệm thầm chắc bị bệnh tổn khí. Nữ nhân hễ cấn thai chớ nên nổi nóng. Hễ nổi nóng đùng đùng sẽ bị sẩy thai; cũng như tánh tình ngang ngược, hung dữ ấy sẽ truyền qua đứa con khiến cho tánh tình nó trở thành hung ác. Thêm nữa, khi cho con bú, ắt phải tâm bình khí hòa. Nếu nổi nóng đùng đùng, sữa liền biến thành chất độc. [Trẻ bú sữa ấy] nặng là chết ngay, nhẹ là nửa ngày hay một ngày sau mới chết, quyết chẳng có trường hợp nào không chết! Nếu hơi nổi đóa thì chất độc ít, tuy con chẳng chết cũng sẽ sanh bệnh. Vì thế, con cái của nữ nhân ưa nổi đóa bị chết nhiều lắm, bệnh tật nhiều lắm! Chính mình cho con bú hoặc mướn vú em cho con bú đều giống như nhau. Hễ nổi nóng đùng đùng, muôn vàn chớ nên cho trẻ bú, trong lúc ấy phải nên buông xuống. Đợi cho tâm bình khí hòa, qua nửa ngày rồi mới cho bú. Lúc cho bú trước hết phải vắt sữa ra chừng nửa chén trà đổ đi, lau chùi đầu vú rồi mới cho trẻ bú [thì trẻ] sẽ không bị họa ương gì. Nếu trong tâm vẫn nóng giận bừng

bừng thì cả ngày hôm ấy cũng không được cho trẻ bú. Cho bú thì trẻ không chết cũng bị bệnh nặng! Chuyện này sách y học xưa nay đều chưa chỉ rõ. Gần đây, do từng trải mới biết mối họa này.

Nữ nhân từ nhỏ phải học tánh nhu hòa, khiêm tốn; sau này sanh con ắt nó dễ tính, ắt hiền lành, ắt chẳng bị chết, ắt chẳng đổ bệnh. Phàm con cái chết từ lúc bé hay bệnh tật quá nửa là do mẹ nổi nóng mà ra, chỉ có một số ít là chính mạng nó phải chết sớm. Thiên hạ xưa nay do sữa độc giết hại con trẻ chẳng biết bao nhiêu Hằng hà sa số, chẳng đáng buồn ư? Do ông làm vui lòng cha mẹ nên tôi nói tường tận với ông. Hãy nên khuyên mẹ ông ăn chay niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Ông và vợ ông cũng đều nên như thế.

345. Thư trả lời cư sĩ Trương Đức Điền (thư thứ hai)

Nhận được thư của ông hồi tháng Chín, Quang lấy cớ già cả, không có mục lực và tinh thần để từ chối. Hiện thời binh lính, giặc cướp tràn ngập trên đường, thư từ, bưu kiện thường khó đến nơi. Lá thư kế tiếp gởi trả lại điệp văn của ông chưa nhận được. Lá thư vào tháng Mười Hai thì nhận được. Quang chẳng nghĩ biện pháp của ông là đúng lắm. Tính đến khoảng tháng Hai khi không có chuyện gì, sẽ soạn một chương trình cầu con nối dõi. Trước hết, dạy [người cầu có con nối dõi] tiết dục, tu đức để bồi đắp Tiên Thiên. Kế đó bảo họ niệm Phật, Bồ Tát để cầu có được đứa con phước đức, trí huệ. Tiếp đấy, khuyên họ tích cực giáo huấn [con cái] từ lúc bé để chúng trở thành hiền thiện. Như thế thì càng nhiều con càng hay. Nếu không, chẳng tiết dục, dẫu có sanh được con, cũng thuộc hạng bấy bớt, không nên cơm cháo gì! Chẳng giáo huấn sẽ nuôi thành phường bại hoại, làm nhục tổ tông, chẳng thà không có con còn tốt hơn! Nếu Quang soạn hoàn chỉnh [chương trình ấy] rồi thì sẽ đem gởi tới; xin đừng gởi thư tới nữa! Chậm nhất là Quang sẽ giao thư cho bưu điện vào cuối tháng Hai. Đây là thứ văn tự chẳng cần ngay lập tức nên không cần phải miệt mài [soạn cho xong]!

346. Thư trả lời cư sĩ Trương Đức Điền (thư thứ ba)

Năm ngoái tôi gởi thư cho ông nói có thể gởi [chương trình cầu con] vào cuối tháng Hai. Gần đây do Chân Đạt lão hòa thượng đã hơn ba năm chưa gặp mặt, nay Ngài bèn cùng các đệ tử quy y thuở trước và pháp sư Đức Sâm đến núi trong ngày Hai Mươi tháng này; do vậy không rảnh rỗi

để viết lách. Tôi đã nói với pháp sư Đức Sâm bảo Thương Vụ Ấn Thư Quán chế bản kẽm. Quang bỏ ra năm mươi đồng để làm chi phí chế bản, chắc cũng đủ dùng. Bản kẽm [làm xong] sẽ cất ở chỗ pháp sư Đức Sâm tại Thượng Hải ngõ hầu tín sĩ có thể ấn loát bất cứ lúc nào. Đợi khi bản kẽm được chế hoàn chỉnh sẽ cậy họ tạm định một giá. Ông thỉnh bao nhiêu sách đó thì hãy gởi bưu phiếu qua bưu điện về chùa Thái Bình ở đường Bắc Thành Đô, Thượng Hải, tiếp xúc với pháp sư Đức Sâm. Sợ rằng càng về sau này, giấy càng đắt hơn, giá sách càng về sau này càng đắt hơn, chẳng thể dựa theo giá in lúc đầu được. Nếu ông lo liệu chuyện này, quyết khó thể mỗi chuyện đều đúng pháp được. Sư Đức Sâm giúp Quang giảo chánh, đối chiếu mười mấy năm, chắc chắn mỗi mỗi đều đúng như pháp. Chỉ có điều sách in ra có gởi sang đất Ôn (thuộc tỉnh Chiết Giang) được hay không vẫn là điều khó đoán biết trước được! Nếu có bạn bè tin cậy có thể đem tới tận nơi thì tiện lợi hơn nhiều lắm.

347. Thư trả lời cư sĩ Thí Nguyên Lượng (thư thứ nhất)

Trong thư nên viết cả tục danh, chớ nên chỉ dùng pháp danh, ngay cả họ cũng không ghi! May là có Cừu cư sĩ; nếu không, thư trả lời cũng khó đưa tới nơi được vì pháp danh người ta phần nhiều chẳng biết, chắc sẽ đến nỗi bị chậm trễ hay thất lạc. Sáu người ấy đã muốn quy y, đều đặt pháp danh cho mỗi người. Xin hãy giao cho họ. Lại cần phải nói với bọn họ: Đã quy y Tam Bảo ắt phải sốt sắng tu trì Tịnh nghiệp, ai nấy lại còn phải trọn hết bổn phận của chính mình, để người đời đều cùng khâm phục chính mình đã trọn hết đạo "luân thường, hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" thì mới đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật. Nếu không, dẫu được cái danh quy y xuông, trọn chẳng có thật hạnh tu trì, sẽ trở thành kẻ ham danh ghét thật. Do không có Thật thì danh cũng chẳng thể thật sự đạt được! Hiện tại, thời cuộc nguy hiểm, bất luận già - trẻ - trai - gái đều nên niệm Phật, niệm Quán Thế Âm để dự phòng. Những điều khác đã nói tường tận trong Gia Ngôn Lục v.v… Quang già rồi, tinh thần, mục lực, công phu đều chẳng đủ, chớ thường gởi thư tới ngõ hầu đôi bên chẳng bị quấy nhiễu thì mới nên!

348. Thư trả lời cư sĩ Thí Nguyên Lượng (thư thứ hai)

Ba mươi ba pháp danh được viết trong một tờ giấy khác, gói chung với gói sách đựng tro hương, gởi bằng thư bảo đảm. Hai mươi gói sách

còn lại không gởi bằng thư bảo đảm. Bọn họ đều phải nên giữ giới, ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Hãy nên chiếu theo Gia Ngôn Lục mà hành. Chuyện bế quan cũng không cần thiết vì ông có quyến thuộc, công việc, huống chi hiện nay thời cuộc bất định. Nếu như gia cảnh dư dả thì thọ giới ở Hoa Sơn cũng được. Nếu không, chẳng cần phải góp phần vào cuộc náo nhiệt ấy, thọ Phương Tiện Giới[121] cũng được.

Liên Xã là chỗ để đề xướng, chẳng nên thường đến đó niệm. Bình thường cứ niệm ở trong nhà, còn thiếu niên, phụ nữ chỉ nên cho phép đến niệm Phật một lần tại đó sau giờ Ngọ, nghe diễn giảng xong liền ra về. So với việc để họ suốt ngày niệm Phật tại Liên Xã sẽ đỡ phải chuốc lấy bao nhiêu tiếng thị phi. Cách này xét về cả hai mặt đều chẳng trở ngại gì. Nếu để cho họ niệm suốt ngày tại Liên Xã, dẫu không có chuyện gì xấu xa, vẫn khó khỏi bị kẻ xấu mù quáng bịa chuyện thì hai đằng đều phạm tội lỗi! Nữ giới đến niệm Phật chớ để cho họ nói chuyện thị phi trong gia đình. Nếu họ không tuân theo quy củ, liền yêu cầu họ lần sau đừng tới nữa. So ra, làm như thế sẽ có phần tốt hơn!

349. Thư trả lời cư sĩ Thí Nguyên Lượng (thư thứ ba)

Bốn pháp danh được viết trong tờ giấy khác gởi kèm theo, xin hãy chuyển giao. Phàm ai quy y đều nên dạy họ ai nấy phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng Thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Người tại gia thọ Ngũ Giới và thọ Bồ Tát Giới, chứ không thể thọ Tỳ Kheo Giới. Người thọ Tỳ Kheo Giới mới gọi là Viên Cụ (trọn vẹn, đầy đủ), há nên xưng bừa? Người tại gia thọ giới trên giới điệp (tờ phái quy y) chỉ viết quy y ở chùa nào, do vị thầy nào [chứng minh], chẳng cần phải ghi những thứ như pháp phái v.v… Thọ giới ắt phải trì giới, mà không thọ giới vẫn phải trì giới; chứ không phải là chưa thọ giới thì sẽ chẳng trì giới! Vì sát sanh, trộm cắp, tà dâm, đại vọng ngữ *(chưa được nói là được, chưa chứng nói đã chứng, gọi là "đại vọng ngữ". Tội ấy cực nặng)* gọi là Tánh Giới, vì do thể tánh [của những điều ấy] mà thành giới vậy. Giới uống rượu gọi là Giá Giới *(Giá là ngăn dứt)*, chỉ người thọ giới mới không được uống. Kẻ chưa thọ giới mà uống sẽ không mắc tội!

---

[121] Theo Phật Học Thường Kiến Từ Vựng (cư sĩ Trần Nghĩa Hy chủ biên), Phương Tiện Giới gọi đầy đủ là Thập Chủng Phương Tiện Giới hoặc Tam Thế Vô Chướng Ngại Giới, chính là Thập Thiện.

350. Thư trả lời cư sĩ Thí Nguyên Lượng (thư thứ tư)

Thư nhận được đầy đủ, chuyện thọ giới ở Hoa Sơn chậm trễ cũng không sao. Trẻ nhỏ lâm chung biết niệm Phật, lại được nhờ sức trợ niệm rốt cuộc được vãng sanh, cũng có thể nói là nhân duyên hội đủ nên mới được lợi ích thật sự. Ông nói đến chuyện chánh phủ sửa đổi [cho phép nhà trường] đọc sách Nho, muốn Hứa Chỉ Tịnh soạn chú thích riêng [cho những kinh điển Nho gia] thì ông Hứa đã già rồi, chẳng thể dụng tâm được! Dẫu có thể làm được thì ai chịu tuân theo? Đừng lo lắng quá về chuyện này. Châu Tử (Châu Hy) chú thích ý nghĩa chữ Minh Đức hoàn toàn mượn những nghĩa lý từ kinh Phật, nhưng không thể làm cho người ta lập tức hiểu rõ được vì ông ta không nói thẳng vào nguyên do của Tánh Đức và Tu Đức. "Thân dân" hay "tân dân" đều được cả. Chữ Thân (親) bao gồm ý nghĩa rất rộng, Tân (新) là chỗ phát hiện của Thân (親). Ông hãy nên dạy trẻ nhỏ niệm Phật trước, biết được chỗ hay của Phật pháp rồi thì chỗ xấu xa của Tống Nho cũng có thể trở thành những điều phụ giúp cho Phật pháp. Nếu không, đôi bên đều chẳng có ích gì! Với hai mươi đồng hương kính, tôi đã bảo gởi mười mấy gói sách, chắc đã nhận được rồi. Hai ba hôm gần đây do phải phơi kinh nên phúc đáp chậm trễ.

Nếu tượng Phật không thích hợp thì đắp lại cũng không ngại gì; những vật được đặt trong lòng tượng Phật hay tượng Bồ Tát cũng là do thói quen thế tục, chẳng có ý nghĩa sâu xa gì. Đặt kinh chú Đại Thừa trong lòng tượng thì có ích, những thứ khác đều là [theo quan niệm] thế tục. Ngay như những vật [dùng để yểm tượng] được nói tới trong Mật Tông vẫn là theo tình cảm thế tục. Chuyện gây tai hại nhất cho người đời sau là dùng vàng, bạc, vật báu để yểm tâm[122] tượng, đến nỗi về sau kẻ vô tri hủy tượng để lấy báu vật. Của báu có được mấy đâu, chỉ bỏ vào cho đủ theo danh mục mà thôi, nhưng cái họa hại người bắt nguồn từ lúc yểm tâm tượng. Đây cũng là điều đáng để răn dè!

---

[122] Đây là một niềm tin cho rằng tượng không được yểm tâm (tức là bỏ những thứ quý báu, kinh sách, bùa chú, chỉ ngũ sắc đã tụng chú kết thành gút, những khối hương v.v… vào trong tượng) thì tượng thờ sẽ không linh. Sau khi đã yểm tâm, lại còn phải làm lễ khai quang điểm nhãn, hô thần nhập tượng thì tượng ấy mới được thần thánh, trời, Phật ngự vào, mới trở thành thiêng liêng. Nếu không, tượng ấy sẽ chỉ là đất, gỗ, đồng, sắt, xi-măng, không có tác dụng gì!

Xưa kia, một người ở Sơn Đông ban đêm ăn trộm của báu yểm tâm tượng thần Nhị Lang[123]. Hôm sau, thần đạp đồng, nói: "Vật yểm tâm trong tượng ta đã bị người khác ăn trộm mất!" Hỏi là ai, thần bèn nói: "Kẻ ấy lợi hại lắm! Khắp thân đều là lông, trên đầu mọc ra một cái chân". [Thần lại] nói: "Người này bọn ta tìm không ra, chỉ đành kiếm bọn già các ngươi!" Gã ăn trộm đó về sau đi tiêu ngoài đồng, thấy một con chó nhỏ chực bên cạnh. Chó đớp vào hậu môn một phát, ruột tuôn ra ngoài. Gã ấy nói: "Khi ta ăn trộm vật yểm trong tượng thần, sợ thần nhận được mặt, bèn mặc ngược áo bông, đầu trùm một cái vớ bằng vải bông", nên thần mới tưởng "khắp thân là lông, trên đầu có một cái chân". Bọn dân hèn trong chốn làng quê không lợi gì chẳng cầu. Vì thế, khi đắp tượng đừng yểm tâm! Nếu yểm tâm, sau này [tượng] ắt sẽ bị kẻ ngu phá hủy.

351. Thư trả lời cư sĩ Phương Tử Phiên

Lệnh di trượng[124] nhiễm phải chứng Tinh Hồng[125] là vì dụng tâm quá độ. Xin hãy khuyên ông ta toàn thân buông xuống hết, nhất tâm niệm

---

[123] Thần Nhị Lang còn gọi là Quán Khẩu Nhị Lang là một vị thần nổi tiếng trong Đạo Giáo, được coi là vị thần chuyên ngăn ngừa tai nạn lửa nước, có miếu thờ chính ở gần đập Đô Giang, huyện Quán tỉnh Tứ Xuyên, nên mới gọi là Quán Khẩu Nhị Lang. Có rất nhiều cách giải thích lai lịch vị thần này. Dưới ảnh hưởng của truyện Tây Du Ký, người ta thường nghĩ Nhị Lang Thần chính là Dương Tiễn, tức con trai của em gái Ngọc Hoàng Thượng Đế. Em gái Thượng Đế động lòng trần, trốn xuống trần gian lấy chồng, đẻ ra Dương Tiễn. Sách Phong Thần Diễn Nghĩa cũng giải thích Nhị Lang Thần là Dương Tiễn, nhưng lại bảo Dương Tiễn là sư điệt của Khương Tử Nha! Có thuyết cho rằng Nhị Lang Thần chính là con trai của Lý Băng dưới đời Tần, do có công giúp cha giết giao long, trị thủy ở Quán Khẩu nên được phong thần. Dưới đời Tùy, Nhị Lang Thần được hiểu là Triệu Dục, vốn là quan Thái Thú ở Gia Châu, cũng có công trị thủy. Đến đời Tống, Triệu Dục lại được hiểu là một đạo sĩ ở núi Thanh Thành, do có công trị thủy nên được Tống Chân Tông phong là Thanh Nguyên Diệu Đạo Chân Quân. Ngoài ra vào đời Đường còn có truyền thuyết Nhị Lang Thần chính là con thứ hai của Tỳ Sa Môn thiên vương. Khi An Lộc Sơn làm loạn, Nhị Lang từng suất lãnh thiên binh, thiên tướng cứu giúp hoàng thất nhà Đường!

[124] Tiếng gọi chồng của dì (tức dượng) người khác với ý kính trọng.

[125] Tinh Hồng, gọi đủ là Tinh Hồng Nhiệt (Scarlet Fever) là một chứng bệnh sốt cấp tính do máu bị nhiễm Liên Cầu Khuẩn (Streptococcus) loại A, hoặc khí quản bị viêm nhiễm bởi loại vi khuẩn này. Bệnh nhân bị sốt cao, khó thở, cổ họng đau nhức, lưỡi đóng bợn vàng dầy đặc, toàn thân xuất hiện những đốm đỏ tươi nhất là ở vùng cổ, ngực, nách, cánh tay, đùi, nên gọi là Tinh Hồng Nhiệt. Do bệnh nhân thường là những người có cơ thể suy yếu, tạo điều kiện thuận lợi cho Liên Cầu Khuẩn dễ tấn công, nên Tổ mới nói *"lệnh di trượng mắc chứng Tinh Hồng do dụng tâm quá độ"*, bởi lẽ dượng của ông Phương Tử Phiên quá sức lo nghĩ cho nên cơ thể suy yếu, nguy cơ bị nhiễm trùng cao hơn người khác.

Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ liền được lành. Thêm nữa, uống nước tro hương Đại Bi, chắc sẽ thấy hiệu nghiệm. Vị công đức chủ đã gởi hai ngàn đồng trước đây vốn họ Trịnh, tên Tuấn, tự Triết Hầu ở Bình Lương, tỉnh Cam Túc. Năm sáu mươi bốn tuổi từng làm Nghị Huyện Tri Sự v.v… là người hết sức chánh trực, nhưng không tin Phật. Trước năm sáu mươi tuổi, nghe đến Phật pháp liền né như tránh đồ bẩn. Tới năm sáu mươi tuổi, đọc Ấn Quang Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư sanh lòng chánh tín, gấp muốn vãng sanh Tây Phương. Vì thế, gởi một vạn ba ngàn đồng tới, cậy Quang làm lễ trai tăng, phóng sanh, cầu siêu cho tổ tiên, phụ mẫu, siêu độ oán gia và thỉnh các kinh sách. Phổ Đà lấy năm trăm đồng để tổ chức lễ Trai Tăng một ngàn vị. Đối với chùa Linh Nham, chùa Pháp Vân ở Nam Kinh, chùa Thọ Lượng ở Giang Tây đều chia ra [cúng dường]. Cam Túc là đất rét buốt, không giàu có lớn lao. Người ấy cũng chẳng phải là giàu có lắm, nhưng do chí thiết tha vãng sanh nên làm chuyện hao tốn lớn lao này, nhưng cũng chẳng thể tiếp tục bố thí lớn lao.

Vườn phóng sanh của chùa Tịnh Viên có thể bù đắp cho nỗi niềm tiếc nuối của ông Hoàng Hàm Chi. Quang già rồi, tinh thần lẫn mục lực đều chẳng đủ. Nếu trong chùa ấy có bậc thông gia, xin hãy thỉnh vị ấy viết, chẳng cần phải chuốc lấy hư danh. Nếu vị ấy chẳng chịu viết thì tôi cũng đành ra sức cho chuyện này, nhưng ông phải thuật rõ lai lịch ngõ hầu chẳng đến nỗi bị thiếu sót. Nghe nói người đề xướng [chuyện lập vườn phóng sanh] vào lúc ban đầu là lệnh từ và Đương Gia am Bạch Vân, cũng nên nêu rõ tên ra. Hãy nên lập một tấm bia lớn, nay tôi gởi cho ông bản nháp, xin hãy đọc để tiện chiếu theo đó mà lo liệu.

Thêm nữa, làm việc gì hãy nên viên thông, chớ nên chấp nhặt, hẹp hòi. Một ngàn năm trăm đồng tiền phóng sanh nên chia thành ba phần: Một phần để phóng sanh, một phần mua thức ăn [nuôi những con vật được phóng sanh], một phần giữ làm quỹ. Vì nếu không phóng sanh sẽ nghịch lòng vị thí chủ, không mua thức ăn thì những con vật ấy sẽ khiến cho người khác phải bận lòng, không có quỹ sẽ khó thể tiếp tục về sau này được! Những khoản quyên tặng sau này đều nên chuẩn theo cách này. Hơn nữa, khoản tiền tuy nhiều, chớ nên dùng hết khoản tiền đó để mua [loài vật phóng sanh] ngay một lúc để ngừa về sau muốn mua nhưng không có tiền để mua.

352. Thư trả lời cư sĩ Hoa Thúc Cầm

Gần đây nghe nói ông dời sang Thường Thục sống, chắc đã có thể chuyên nhất tịnh tu, an ủi lắm. Thế đạo không tốt, mọi sự đều chẳng dễ thực hiện. Từ khi cư sĩ phát tâm ấn tống Quán Âm Tụng đến nay đã mấy năm rồi mà vẫn chưa thể hoàn tất được, đủ biết bao nhiêu chuyện tốt trong thế gian đều vì chiến tranh mà chẳng thể thành tựu được! Trước kia, sư Diệu Liên bảo người Dương Châu khắc in, chiến sự nhiều lần nổ ra, thường có những lúc đôi bên chẳng thể gởi thư cho nhau được. Đến khi khắc xong xuôi rồi, Quán Âm Am lại bị lính đóng; vì thế sư Diệu Liên giảo đối hơi thiếu chánh xác, cặn kẽ, chưa khắc phần Quyển Thủ[126] nhưng đành coi như xong chuyện. Đến năm ngoái, cư sĩ phát tâm in tặng, bèn cậy người thuộc viện Mồ Côi xin bản in của ngài Diệu Liên từ chỗ cư ngụ của ông Dương [Nhân Sơn].

Đến khi in ra, tất cả những phần như Thiêm Điều, Thư Diện[127], Quyển Thủ đều không có, bèn sai tìm kỹ, mới biết chưa được khắc. Ngay khi ấy liền cho khắc, nhưng bốn trăm bộ sách đến gần đây mới giao đủ. Sau này Quang giảo chánh kỹ càng, biết những chỗ bị sai sót nặng nề cũng đến ba bốn trăm, còn những chỗ sai lặt vặt không đúng cách thì nhiều lắm. Do vậy bèn sửa chữa một bộ, bảo họ sửa lại bản in.

Sách được in lần này có kèm theo một bản đính chánh. Phàm gởi sách cho ai đều kẹp thêm [bản đính chánh] trong sách để người nhận sách có thể dựa theo bảng ấy mà sửa. Ở chỗ ông có năm mươi bộ, đã gởi tới vào năm ngoái, chắc đã chia ra biếu tặng hết rồi. Nay ông Âu Nông sang thăm nhà mới, tôi cậy ông ta cầm theo năm mươi trang đính chánh; phàm những ai đã được tặng sách trước đây, xin hãy tặng mỗi người một tờ để họ sửa chữa cho đúng. Thế đạo hiện thời khó thể thái bình ngay được, hãy nên lấy A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát làm tòa Thái

---

[126] Quyển Thủ là phần đầu cuốn sách bao gồm mục lục, lời tựa, cũng như Phàm Lệ (những quy định được dùng trong sách) v.v… Quyển Thủ được khắc với mục đích giúp người đọc dễ tìm phần muốn tra cứu.

[127] Thiêm Điều (Thư Thiêm) là trang giấy đầu tiên của một quyển sách sau phần Thư Diện, hoặc trang đầu của từng quyển trong một bộ sách, ghi tên sách, tên người đề tựa sách, ấn chương (con dấu, dấu kiểm) của người đề tên sách (những kinh sách chữ Hán trước khi in thường nhờ người viết chữ đẹp, có đạo đức, danh vọng ghi tựa đề sách) và số thứ tự (tức quyển số mấy) trong một bộ sách. Đôi khi Thư Thiêm còn bao gồm cả tiểu mục lục của từng chương sách.

Thư Diện là trang đầu tiên của cả bộ sách, được chia làm hai phần: Phần thứ nhất gồm ba dòng ghi tên người biên soạn sách, tựa đề sách và nhà xuất bản, phần thứ hai (còn gọi là Thư Bài hoặc Bài Ký) ghi rõ ngày tháng sách được ấn hành. Nếu là sách được tái bản từ những thư tịch cổ sẽ ghi thêm lần tái bản này dựa theo bản in nào, theo tài liệu nào, ai là người giám định, nhuận sắc, hiệu đính, giảo chánh.

Sơn để nương tựa, ngõ hầu chẳng đến nỗi gặp phải nguy hiểm. Nhưng sự nguy hiểm trong thế gian là sự nguy hiểm nhỏ nhặt; nếu chẳng sanh về Tây Phương, sự nguy hiểm vì luân hồi trong tương lai còn lớn hơn gấp trăm ngàn vạn lần sự nguy hiểm trong lúc này. Xin hãy cùng với Huệ Nguyên và các con đều tu Tịnh nghiệp, ngõ hầu có thể thoát khỏi đời Ngũ Trược này, sanh sang cõi chín phẩm kia, thì thế đạo nguy hiểm hiện thời sẽ luôn luôn là sự hướng dẫn vãng sanh Tây Phương nhằm vĩnh viễn lìa khỏi các khổ vậy.

353. Thư trả lời cư sĩ Dương Tông Thận

Thư nhận được đầy đủ. Kẻ ngu trong thế gian chẳng biết nhân quả, thấy làm lành mà mắc họa bèn bảo: "Chớ nên làm lành!" Thấy làm ác vẫn hưởng phước bèn nói: "Ác chớ nên kiêng!" Chẳng biết họa - phước xảy đến, có gần, có xa, sớm hay muộn không nhất định. Gần thì ai nấy đều thấy được, xa thì hoặc cách một đời hoặc cách mấy đời, chẳng phải là người có Túc Mạng Thông sẽ chẳng thể biết rõ.

Nay lập ra một ví dụ cho dễ hiểu. Làm lành hay làm ác giống như gieo mạ. Người ấy [trong đời này] tuy lành nhưng trong đời trước hành vi chẳng thể nào không phạm lỗi, vì thế ngày nay không thể nào chẳng hứng chịu những điều trái nghịch. Cái thân đời này gọi là Báo Thân. Đời này làm nam hay nữ hoặc đẹp hoặc xấu, cũng như thọ - yểu, giàu - nghèo, trí - ngu, khỏe mạnh hay bệnh tật v.v… chính là quả báo chiêu cảm bởi những hành vi trong đời trước. Vì thế gọi cái thân này là Báo Thân, hàm ý cái thân ấy là quả báo của những hành vi trong đời trước; do cái nhân trong đời trước dẫn đến cái quả trong đời này.

Đời này tuy lành, nhưng do đời trước nghiệp nặng, sẽ chẳng thể hưởng được quả báo tốt lành ngay, mà trước hết phải gánh chịu ác báo từ đời trước. Như người năm ngoái không trồng lúa, năm nay tuy siêng năng cày cấy, nhưng trước khi thâu hoạch, cũng chẳng tránh khỏi không có lương thực. Không có lương thực chẳng phải vì năm nay siêng năng vất vả cho nên không có, mà năm nay không có lương thực là vì năm ngoái chẳng gieo trồng mà ra! Năm nay đã siêng năng cày cấy, gieo trồng thì sau khi thâu hoạch và năm sau sẽ có thóc lúa. Kẻ làm ác chưa bị mắc họa là vì phước thừa còn chưa hết. Như người năm ngoái siêng năng cày cấy gieo trồng, năm nay không cày cấy, gieo trồng, vẫn chẳng đến nỗi chết đói là vì năm ngoái hãy còn thừa lại. Ăn hết rồi, do năm nay không gieo trồng, sẽ không có cái để ăn nữa đâu! Cần biết rằng: Người

lành gặp ác báo, nếu chẳng làm lành, ác báo ấy càng nặng nề hơn! Do làm lành nên ác báo sẽ theo đó giảm nhẹ đi. Người ác hưởng thiện báo, nếu chẳng làm ác, thiện quả ấy càng lớn hơn. Do làm ác, thiện báo cũng theo đó mà giảm nhẹ đi.

Đối với cơm áo và những vật cần thiết cho cái thân, người đời đều biết để dành sẵn để khỏi phải lúng túng khi xảy ra chuyện; nhưng đối với chuyện liên quan đến thân tâm tánh mạng, chẳng những không biết sắp đặt sẵn, lại còn coi những kẻ chuẩn bị sẵn là si dại, tự mình mặc tình làm càn những chuyện dâm, giết, cho là mình có phước, có trí! Chẳng biết những kẻ mù, điếc, câm ngọng, tàn phế, không nơi nương tựa trong thế gian và trâu, ngựa, lợn, dê, hoặc phục dịch con người, hoặc [đem thân] trám đầy bụng miệng con người đều là hạng người tự cho là mình có phước có trí đã gặt lấy quả báo "tốt đẹp, chân thật" do thứ phước trí ấy! Người tu hành cần phải có tấm lòng quyết liệt, mặc cho kẻ khác chê cười, hủy báng, ta trọn chẳng nghi ngờ, bận tâm gì! Nếu nghe kẻ khác chê cười, hủy báng bèn ngã lòng thì hạng người ấy cũng là do thiện căn đời trước hời hợt nông cạn mà ra, chẳng lấy lời Phật dạy làm chỗ nương về, cứ lấy lời của ngu phu ngu phụ làm căn cứ. Vì thế sẽ luân hồi trong sanh tử dài lâu, vĩnh viễn chịu nỗi khổ trong tam đồ, muốn được hưởng thân trời - người còn khó, huống là đại lợi ích "liễu sanh tử, siêu phàm nhập thánh, cho đến thành Phật" ư?

Pháp môn Tịnh Độ lấy "lòng tin chân thật, nguyện thiết tha niệm Phật, quyết định cầu sanh Tây Phương" làm tông chỉ. Nếu người niệm Phật chẳng nguyện cầu sanh Tây Phương tức là đã trái nghịch lời Phật dạy. Ví như vương tử sống nhờ nước khác, chẳng tin chính mình là vương tử, chỉ muốn suốt ngày xin ăn, chỉ không đến nỗi chết đói là đã thỏa chí vừa ý rồi! Tri kiến kém hèn ấy chẳng khiến cho người khác thương xót ư? Bà Cao nhà họ Vương thuộc kinh điển làu làu, nhưng nói "chẳng dám vọng tưởng sanh Tây", sao mà tâm chí cũng kém hèn cùng cực đến thế? Vị thầy bà ta thường ngày thân cận cũng thuộc hạng tu mù luyện đui! Nếu vị thầy ấy biết pháp môn Tịnh Độ, làm sao trưởng dưỡng ý tưởng ấy cho được?

Xin hãy nói với bà ta: *"Nếu chẳng cầu sanh Tây Phương, chắc chắn chẳng chấp thuận cho bà ta quy y. Chịu cầu sanh Tây Phương thì sẽ bằng lòng cho bà ta quy y. Nay đặt pháp danh cho bà ta là Tông Tín, nghĩa là tin sâu lời Phật, chẳng dám trái nghịch sự tu trì Tịnh nghiệp của chính mình. Lại cần phải dạy lũ con cái, dâu, cháu đều cùng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm*

các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, niệm Phật và niệm Quán Thế Âm để mong đời này nghiệp tiêu, phước tăng, lâm chung vãng sanh Tây Phương. Tự hành như thế và giáo hóa gia đình cùng với thân bằng, nhất định sẽ được vãng sanh như nguyện. Phật mở ra pháp môn Tịnh Độ dạy người cầu sanh Tây Phương, bà là hạng người gì mà dám chẳng coi lời Phật là đúng, mặc tình thỏa chí của mình ư? Vì thế cần phải lấy lời Phật dạy làm 'tông chủ, tông bổn' (những điều chánh yếu, căn bản cần phải đề cao, tôn sùng) mà tín phụng, chẳng dám có một niệm trái nghịch thì mới gọi là Tông Tín!"

Con gái bà ta là Hồ Vương Thị pháp danh là Tông Tịnh. Chồng, vợ, con cái trong thế gian không ai chẳng phải là do nghiệp duyên đời trước kết thành. Chồng bà ta mất sớm, con trai chưa cưới vợ đã chết yểu, con gái vừa lấy chồng đã thành góa bụa; nếu luận theo mặt tình cảm trong cõi đời thì chẳng tốt đẹp, nhưng nếu có thể nhờ đó mà biết tướng thế gian vô thường, chuyên chí tu trì thì những tình cảnh khổ sở ấy quả thật là hướng dẫn tốt lành khiến cho bà ta thoát khổ. Những kẻ phú quý, chồng - vợ - con cái một nhà đoàn tụ, tinh thần luôn hao phí, bận bịu trong chuyện sanh nở, cưới gả, dẫu muốn nhất tâm niệm Phật cũng chẳng thể như ý. Bà ta nghĩ được như vậy và dạy con gái nhất tâm niệm Phật thì chồng, con, rể bà ta đâm ra sẽ trở thành người giúp đỡ đạo nghiệp cho bà ta. Nếu bà ta một dạ vãng sanh thì chồng, con, rể cũng sẽ nhờ sự tu trì ấy mà vãng sanh Tây Phương. Đấy gọi là *"vàng do luyện mà được ròng, dao do mài mà bén, chẳng trải một phen rét thấu xương, sao được hoa mai thơm ngát mũi"?*

Để thành tựu cho con người, trời có nghịch, có thuận. Nếu con người biết vui theo mạng trời thì nghịch đâm ra thành thuận. Nếu không, thuận cũng đâm ra trở thành nghịch, chỉ do con người có khéo dụng tâm hay không mà thôi! Lại nữa, hiện nay đang nhằm tình thế đại hoạn nạn, phàm đao binh, nước, lửa, ôn dịch, sâu rầy, châu chấu, hoặc mắc bệnh vì oán nghiệp thuốc men chẳng thể chữa trị được mà nếu chịu chí thành niệm Phật, niệm Quán Thế Âm, chắc chắn sẽ có thể gặp dữ hóa lành!

Thêm nữa, nữ nhân khi sanh nở ắt nên niệm ra tiếng rõ ràng *"Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát"*, chắc chắn chẳng bị khó sanh! Dẫu khó sanh sắp chết, dạy người ấy niệm sẽ tức khắc có thể an nhiên sanh nở. Hãy nên nói lời này với hết thảy mọi người, khiến cho họ đều biết rõ thì thế gian sẽ chẳng có chuyện sanh khó cũng như do vì khó sanh khiến cho mẹ lẫn con đều chết. Chớ nên nói "lõa lồ, bất tịnh, niệm sợ mắc tội lỗi!" Đấy là lúc liên quan đến tánh mạng của cả mẹ lẫn con, không làm sao

khác được, chớ nên so sánh với chuyện hết sức cung kính, hết sức khiết tịnh lúc bình thường! Lại còn phải niệm ra tiếng rõ ràng, chớ nên niệm thầm trong tâm, do niệm thầm sức cảm ứng nhỏ, lúc ấy lại còn phải dùng sức để đẩy đứa con ra, niệm thầm trong tâm chắc sẽ bị mắc bệnh. Những người chăm sóc trong nhà cũng lớn tiếng niệm giúp cho người ấy. Người nhà ở nơi phòng khác cũng có thể niệm giúp cho sản phụ ấy.

Dạy con gái niệm Phật từ bé, sau này chắc chắn chẳng phát sanh những thứ đau khổ ấy. Tương lai lâm chung còn có thể vãng sanh Tây Phương. Nếu không, hễ ốm nghén liền niệm, hoặc trước khi sanh ba bốn bữa liền niệm, hoặc đến lúc sanh nở mới niệm đều được. Người đời thường ngăn trở thiện niệm của kẻ khác, như phụ nữ sanh sản, mọi người thường coi đó là chuyện đáng sợ. Chẳng những chính sản phụ không dám niệm, ngay đến mẹ chồng hoặc mẹ ruột thấy con dâu hoặc con gái sanh nở bèn trốn trước ra ngoài, hơn một tháng mới dám mò về. Những kẻ ấy đều là vì nghe lời ngoại đạo, chỉ biết cách thức cung kính lúc bình thường, chẳng biết tùy theo sự việc để quyền biến cho thích nghi, khiến cho nhiều nữ nhân trong thế gian chịu đau khổ cùng cực hoặc đến nỗi tử vong! Chẳng đáng buồn ư? Viết tạp nhạp như thế để mong lợi người.

354. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Bá Phóng (thư thứ nhất)

Thư gởi đến một mực nói những lời sáo rỗng, khen ngợi quá lố, quả thật khiến cho người ta chẳng chịu đựng nổi *(ông Hứa và ông có cùng một cung cách, Quang chẳng cho như thế là đúng)*. Cha ông đã mù nhiều năm, hãy nên khuyên cụ chịu nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương, phản chiếu hồi quang khiến cho tâm được quy nhất; chắc mắt sẽ được trở lại như cũ. Dẫu chẳng thể phục hồi, nhưng do tâm địa thanh tịnh, ắt được cảm ứng đạo giao, được Phật tiếp dẫn. Vì thế, pháp danh là Đức Minh. Cậu ông bị bệnh suyễn, nếu chí thành niệm Phật chắc sẽ được lành. Nhưng đối với hết thảy việc nhà và những gì trong chính thân tâm đều đừng để vướng mắc, nhất tâm niệm Phật khiến cho không còn tâm niệm nào khác xen tạp. Vì thế, pháp danh là Đức Thuần.

Nay gởi [cho ông] một bao tro hương Đại Bi. Bao này có thể pha uống được hai mươi lần; mỗi một lần pha, có thể uống được mười mấy lượt. Chí thành khẩn thiết niệm *"Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát"*, đừng uống rượu, ăn thịt. Lúc pha, lấy một phần hai mươi [lượng tro] đổ vào tô lớn, dùng nước sôi pha, khuấy lên, đợi cho chất tro lắng xuống *(chất tro ấy thêm nước vào để tưới cây)* gạn lấy nước trong, chứa trong đồ đựng để

uống mười mấy lần. Mỗi ngày có thể uống ba lần. Uống hết lại pha tiếp. Nếu lành bệnh, nên đem số tro còn thừa để ở nơi cao sạch, chớ nên khinh nhờn. Phàm ai có bệnh ngặt nghèo, hãy đem tặng, bảo họ pha uống, chắc sẽ biến chuyển bớt dần.

Ông muốn lợi người nên sốt sắng làm chuyện quan trọng này. Cuốn sách ấy in bằng cỡ chữ Tam Hiệu Tự hết thì được, chứ cỡ chữ Ngũ Hiệu Tự người già sẽ đọc không được. Sách ấy lại còn hoàn toàn chưa được giảo chánh tường tận, [danh xưng] Hoằng Hóa Xã ở mấy chỗ đều in thành Hoằng Quang! Chữ ông sử dụng cũng thiếu thỏa đáng! Trong sách có những chữ Quang đọc không ra, huống chi lại có toa thuốc. Nếu có sai ngoa, sẽ có quan hệ rất lớn. Ông thô tâm lớn mật như thế, sao Quang dám giao cho ông trông coi ấn loát các thứ văn tự cho được? Từ nay về sau đừng gởi sách này đến nữa để người ta khỏi thấy do Quang gởi tặng chắc sẽ nói Quang chẳng hiểu biết sự vụ gì hết!

355. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Bá Phóng (thư thứ hai)

Hôm trước nhận được thư ông, biết ông được cậu chăm sóc, vun quén, nên mới có được ngày nay, gởi khoản tiền năm mươi đồng để mong báo ân mẹ, ân cậu, ân mẹ kế và siêu độ em gái. Gởi thư cho Đương Gia chùa Linh Nham thưa bày những chuyện cực trọng yếu này, phần ký tên chỉ ghi là *"cẩn ngôn"* (kính thưa), một chữ nhún mình cũng chẳng chịu viết; còn thư gởi cho Quang viết là *"quỳ bẩm"*. Nếu ông không có những chuyện quan trọng phải cầu cạnh người khác, chẳng biết sẽ dùng chữ như thế nào! Làm phận con, là đứa cháu chịu ơn sâu nặng mà viết như thế đó; sao chẳng biết lễ nghi thế gian đến mức như vậy, huống là lễ nghi trong Phật pháp ư?

Quang sáng tối hồi hướng cho cha mẹ ông, vẫn cần lễ Phật. Đại chúng Linh Nham gần một trăm vị, tán lễ, niệm Phật hiệu [cho người thân của ông]. Mỗi khóa lễ ai nấy lạy hai mươi bốn lạy, mà ông cầu xin họ rẻ rúng như thế, dẫu các Sư thành khẩn cũng khó đạt được cảm ứng thù thắng. Ông đừng nói: "Quang muốn được người khác cung kính!" Thật ra, Quang thương ông vô tri, chẳng dễ cảm Tam Bảo rủ lòng Từ gia bị. Hãy nên đối trước Phật khẩn thiết sám hối, ngõ hầu mẹ, cậu ông, mẹ kế, em gái của ông đều được Phật từ bi tiếp dẫn vãng sanh, cũng như tổ tông quá khứ, quyến thuộc hiện tại ai nấy đều được Tam Bảo gia bị, lìa khổ được vui. Ông coi Quang là thầy, nếu chẳng nói chuyện này thì Quang đã mất tư cách làm thầy. Nếu ông chẳng nghĩ như thế là đúng,

ông cũng đã mất tư cách làm con, làm cháu, làm anh, làm đồ đệ! Từ nay coi nhau như người ngoài đường, chẳng cần phải xưng là đệ tử nữa!

Quang suốt đời chẳng khởi ý tưởng điên đảo giống như thế tục, cái gì mà tám mươi với lại chẳng tám mươi? Có ai bàn chuyện chúc thọ cho Quang, chẳng những Quang không nhận lãnh tình cảm ấy mà còn ghét cay ghét đắng, hoàn toàn cho đấy là chuyện nhục nhã lớn lao! Xin đừng đem chuyện này nói với Quang! Nếu ai nói chuyện chúc thọ với Quang tức là đã coi Quang là hạng phàm tục vậy! *(Tái bút)*

356. Thư trả lời cư sĩ Huệ Phố

Mấy năm chưa gặp gỡ, đang trong cơn đại kiếp này, ông vẫn an cư không phải lo lắng gì, khôn xiết vui mừng, an ủi! Muôn phần chẳng ở lâu trong thế giới này được, hãy nên với quyến thuộc và các thân hữu cùng tu Tịnh nghiệp, cùng sanh Tây Phương; ấy mới là kế hoạch tối thượng bậc nhất. Vì thế, đặt pháp danh cho Đàm Trần Thị là Tông Tịnh. Tông (宗) là gốc, là chủ. Tịnh (浄) là tu Tịnh nghiệp để cầu sanh về cõi Phật thanh tịnh Cực Lạc thế giới. Muốn sanh về Tịnh Độ, hãy nên lấy ăn chay, niệm Phật, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng làm gốc. Do sát nghiệp trong đời trước mà cảm thành quả báo gặp phải sát kiếp này. Nay do ba nghiệp thân - miệng - ý thanh tịnh, kèm thêm ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh sẽ tương ứng với thệ nguyện to tát, lớn lao của A Di Đà Phật. Đến khi lâm chung, chắc chắn cậy vào Phật từ lực tiếp dẫn vãng sanh. Lợi ích ấy chẳng thể tuyên nói bằng lời lẽ hay văn từ được đâu! Xin hãy đem ý này nói với bà ta và hết thảy mọi người.

Ngoài ra, còn kèm theo Một Bức Thư Trả Lời Khắp là khai thị châu đáo nhất, đơn giản nhất, rõ ràng nhất. Hãy tự giữ một phần và cho bà Đàm một phần để mọi người đều được xem. Lại còn có một trang dược phương cũng khá thần hiệu. Toa cai thuốc phiện, trị bệnh đau lói vì ứ hơi ở gan và bao tử, dẫu là danh y hay Tây Y cũng không thể trị được, [nếu dùng toa này thì] đều hễ trị liền khỏi. Xin đừng coi thường rồi bỏ qua!

357. Thư gởi cư sĩ Tông Tịnh

Mấy hôm trước nhận được thư bà, liền gởi ngay cho bà một gói Văn Sao Tục Biên, hình chụp được kẹp trong trang đầu cuốn sách. Cái chết của con bà về mặt Sự là do lầm thuốc, nhưng thật ra là nhằm dẫn dắt bà niệm Phật vãng sanh, siêu phàm nhập thánh! Đừng bi ai, hãy nên sanh

lòng vui mừng, may mắn! Các kinh sách Tịnh Độ bà đã đều đọc cả rồi, chớ nên vẫn giống như hạng phụ nữ vô tri vô thức. Đang trong lúc đại kiếp tàn phá rỗng toang cả trời đất này, hãy nên lấy thân làm gương để tự hành, dạy người, khiến cho khắp những ai hữu duyên đều cùng tu Tịnh nghiệp, cùng sanh về Tây Phương.

Gần đây nữ giới đúng là đã biến thành yêu tinh, trang điểm còn lòe loẹt hơn bọn gái làng chơi. Bà hãy nên nghiêm túc giữ theo quy cách cũ, thống thiết gột rửa những thói xấu theo đuổi thời trang; áo vải, dép vải [là được rồi], đừng mặc áo lượt là lộng lẫy. Đừng giồi phấn, đừng bôi nước hoa; vâng giữ giáo huấn của thánh nhân *"trang điểm lả lơi sẽ khơi gợi lòng dâm [nơi kẻ khác]"* để hết thảy mọi người trông thấy bà đều sanh lòng khâm phục, kính trọng. Những kẻ ham chuộng thời trang chính là nhằm làm cho hết thảy mọi người khởi tâm ô nhiễm đối với họ! Há chẳng phải là tự khinh thường, tự rẻ rúng hay sao? *"Quân tử chánh kỳ y quan, tôn kỳ chiêm thị, nghiễm nhiên nhân vọng nhi úy chi"* (Quân tử áo mũ ngay ngắn, nhìn ngó đàng hoàng, tư thái trang trọng khiến người khác trông thấy phải kính nể). Như thế thì hết thảy mọi người đều sanh lòng kính trọng, rồi lại nói với họ về pháp môn Tịnh Độ, ắt họ sẽ cảm động sâu xa.

Xin hãy đọc kỹ bài Tịnh Độ Quyết Nghi Luận trong bộ Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên và lá thư gởi cho hòa thượng Quảng Huệ ở Ngũ Đài Sơn trong bộ Văn Sao Tục Biên thì sẽ biết rõ nguyên do của pháp môn Tịnh Độ, sẽ có thể ở trước hết thảy mọi người tùy ý diễn nói. Có một phụ nữ Hồi Hồi ở Vu Hồ tin tưởng Phật pháp sâu xa, năm ngoái gởi thư xin quy y, bà ta thường khuyên người khác niệm Phật. Có một Nho sĩ cực thông minh chẳng tin nhân quả, chẳng tin Phật pháp. Bà ta cùng người ấy biện luận, bảo ông ta đọc Văn Sao, ông ta đọc chưa được mấy thiên đã cậy bà ta xin quy y giùm. Đấy chính là vì bà ta nghiêm trang đoan chánh khiến người ta phải phục; do vậy người ta kính vâng theo lời. Nếu trang điểm như yêu tinh, làm sao có thể khiến cho người có đại học vấn tin tưởng hành theo được ư? Người Hồi Hồi khó giáo hóa nhất! Cha mẹ, anh em, thân thích của bà ta cũng rất kính trọng bà, nhưng chẳng chịu nghe theo bà ta ăn chay niệm Phật. Những người được bà ta khuyến hóa đều là người Hán. Ông Mã Thuấn Khanh ở Hồ Nam cũng là người Hồi Hồi *(trong Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên có lá thư gởi cho ông ta)*, vợ chồng và sáu đứa con đều quy y, chứ chẳng có một người [Hồi Hồi] nào khác!

358. Thư trả lời cư sĩ Đức Thành

Thư ông nói toàn những lời náo nhiệt, bùi tai, hãy gấp nên tự chế. Phàm những chuyện nào chẳng làm tới nơi tới chốn được, quyết chẳng chịu nói! Ông hãy đem lời phát nguyện biến thành chuyện thực hành thường ngày, chuyện nào cũng làm đến nơi đến chốn như nhau. Phát nguyện vốn nhằm để mong mỏi sâu xa nên không vướng khuyết điểm mà còn có ích lợi lớn lao. Nếu là hằng ngày thường làm được thì hãy nên nói; nếu làm không được mà cứ thường nói, lâu ngày sẽ bị ma dựa. Chỉ chuyên nói xuông, chẳng thực hành mảy may nào mà nếu chẳng thống thiết sửa đổi, chắc chắn sẽ chết vì ma.

Ông và một gã trẻ tuổi ở vùng Quan Đông[128] đúng là do cùng một mẹ sanh ra! Chàng ta gởi thư xin quy y, hai ba năm sau gởi thư đến nói "muốn được thông hiểu khắp các tông của Phật giáo, thông hiểu ngôn ngữ của khắp mọi nước, muốn truyền bá Phật giáo khắp toàn cầu". Quang nói: "Như lời ông nói thì bậc Pháp Thân đại sĩ từ xưa vẫn chưa thể làm được. Ông là hạng người nào mà chẳng tự lượng vậy? Nếu vẫn không sửa đổi, sau này ắt sẽ chết vì ma dựa". Hai ba năm sau nữa, anh ta nhất quyết muốn xuất gia, Quang giữ vững ý nguyện vĩnh viễn chẳng thâu nhận đồ đệ, thầy Minh Đạo chèo kéo anh ta đến xuất gia. [Anh ta là] con người khá chất phác, trọn không chí dũng mãnh siêng học. Chuyện không thuộc về bổn phận của mình, bất cứ ai cần đến cũng chẳng chịu nhọc nhằn thay cho người khác. Lời ông đã nói nếu có thể làm được thì còn tốt đẹp; chứ nói rồi mà suốt đời cũng chẳng làm được, đem nói với kẻ vô tri thì còn có thể làm cho họ tin tưởng hoặc chẳng tin, nếu đem nói với người hiểu biết, người ta sẽ xem ông chẳng đáng nửa đồng!

Ông xem các sách rồi mà vẫn chẳng có kiến thức chọn thầy hỏi bạn, cứ cầu Quang khai thị; ông chân thật mong cầu hay nhằm phô sự cuồng vọng vậy? Chuyện xuất gia đã thỏa, còn hỏi tôi làm chi? Đủ thấy ông hoàn toàn theo thói sáo rỗng! Quang một mực chẳng ưa thói sáo rỗng, nên đặc biệt nói thẳng thừng không úp mở nhằm mong hữu ích cho ông. Chịu nghe hay không, tùy ý ông! Xuất gia rồi đừng tới Linh Nham, sợ tánh cách của ông chẳng hợp với đạo tràng ấy sẽ thành vô ích! Quang già rồi, mục lực chẳng đủ, từ rày đừng gởi thư đến nữa, gởi đến, tôi quyết không trả lời; bởi lẽ các kinh sách và Văn Sao ông đâu có tuân theo thì cần gì phải có một bức thư nữa đây?

---

[128] Quan Đông là danh từ chỉ chung ba tỉnh thuộc phía Đông Bắc Trung Hoa, tức Liêu Ninh, Hắc Long Giang và Cát Lâm.

359. Thư trả lời cư sĩ Lâm Phố

Bệnh di truyền cũng do túc nghiệp cảm thành, hãy nên chí thành khẩn thiết niệm thánh hiệu Phật và Quán Âm sẽ có thể được lành, chẳng còn di truyền nữa. Nói đến cửa ngõ giải thoát thì chỉ có một pháp tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Đây chính là pháp môn cậy vào Phật lực để có thể thực hiện xong chuyện liễu sanh tử ngay trong đời này. Nếu ai chẳng chuyên tu pháp này mà tu các thứ pháp môn khác thì hạng phàm phu sát đất chẳng thể thực hiện được [chuyện liễu sanh tử] trong một hai đời được! Chúng ta từ vô thủy đến nay vẫn luân hồi trong sanh tử đều là vì trong khi luân hồi vẫn chưa gặp được pháp môn Tịnh Độ, hoặc đã gặp nhưng chưa tu mà ra! Nay may mắn gặp gỡ, đừng để luống qua. Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Tín. Do ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh là chánh tông của Tịnh Độ; điều cần thiết đầu tiên là lòng tin chân thật. Có lòng tin chân thật, nhất định sẽ có nguyện chân thật, hạnh chân thật. Nếu không, chẳng gọi là "lòng tin chân thật". Một pháp Niệm Phật còn có thể siêu phàm nhập thánh, huống là chẳng chữa lành được bệnh di truyền ư?

Đã quy y Phật pháp, ắt phải tận lực thực hiện tám đức "hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ" và sáu sự "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia" để mong đất nước bình trị, thiên hạ thái bình. Cổ nhân nói: *"Thiên hạ chẳng yên, thất phu có trách nhiệm"*. Trách nhiệm ấy nằm nơi đâu? Nằm ở chỗ "vật [dục] chẳng bị trừ khử". Nếu chịu trừ khử, ắt sẽ trí tri, ý thành, tâm chánh, thân tu *(một người được như thế thì cũng đã có lợi ích lớn lao. Ai nấy đều như thế sẽ thái bình).* "Vật" (物) là gì? Chính là những tư dục trong tâm. "Cách" (格) là "cách trừ" (trừ khử), loại bỏ. Trong tâm con người không có tư dục thì tri kiến tự chánh. Ví như kẻ yêu vợ, yêu con, do trong tâm tình thương yêu lấp chặt, trọn chẳng thấy được những điều xấu của vợ con. Nếu không có tình yêu sẽ thấy ngay vợ con đúng hay sai như gương soi bóng, một tí ti cũng chẳng lầm lẫn.

Chớ nên hiểu theo cách họ Châu chú giải: *"Thúc đẩy tri thức của ta đến cùng cực là trí tri, thấu hiểu cùng tận lý của mọi sự vật trong thiên hạ là cách vật"*. Nếu nói như thế thì ngay cả thánh nhân cũng chẳng làm được! Chuyện chánh tâm thành ý dẫu là thất phu, thất phụ không biết một chữ nào, chỉ cần không có lòng ham muốn thiên vị, riêng tư đều có thể làm được! Tám chuyện "cách, trí, thành, chánh, tu, tề, trị, bình" nếu

luận trên mặt gốc chỉ là một chuyện "cách vật" (格物: Trừ khử vật dục). Vật dục đã được trừ khử rồi, sự thấy biết sẽ đạt đến tột cùng (trí tri: 致知), ý thành, tâm chánh, thân tu. Họ Châu biến cội gốc cực thân thiết, cực đơn giản, dễ dàng thành cành nhánh cực xa xôi, cực lợt lạt, cực khó thể cùng tận, chôn vùi gốc đạo trị thiên hạ của thánh nhân, đến nỗi kẻ hậu học học theo thánh nhân mà chẳng hiểu được pháp tắc để thực hiện một cách thân thiết nhất, nên hoàn toàn chú trọng chuyện bên ngoài chứ không tự phản tỉnh bề trong. Đã thế, lại còn đả phá, bài xích sanh tử, luân hồi, nhân quả, báo ứng, cho là không có, đến nỗi hoại loạn Ngũ Luân, Bát Đức, phá xập phên giậu đạo đức. Tội ác khiến cho hết thảy sanh linh lầm than đều phát sanh bởi đây, chẳng đáng buồn ư? Bệnh di truyền ấy rất lớn, rất độc, nếu chẳng phải là bậc đại y vương Đại Giác Thế Tôn sẽ chẳng thể trị được!

Lời này Quang chỉ nói với ông, ông đừng nói bừa với kẻ vô tri. Nếu không, sợ rằng mọi người đều tuốt kiếm đứng lên, sẽ không có cách nào cứu được đâu! Đã quy y Phật, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật, dùng lòng tín nguyện sâu cầu sanh Tây Phương. Dùng điều này để tự hành, lại còn đem dạy người, ngõ hầu chẳng uổng cuộc đời này, chẳng uổng dịp gặp gỡ này!

Nghề nghiệp của Hoa Tôn hơi khó tu trì, nhưng hễ có lòng Thành sẽ tự có cảm ứng. Nay tôi dùng một chuyện để làm chứng. Nơi đường lớn phía trong cửa Phụ Thành, Bắc Kinh có quán bán thức ăn mặn lớn tên là Cửu Như Xuân, buôn bán rất phát đạt. Một đêm, viên quản lý mơ thấy vô số người đến đòi mạng, tâm biết là những con vật bị giết, bèn nói với họ: "Tôi chỉ có một thân, đền mạng cho các vị đông như vậy thì đền tới chừng nào mới xong? Từ nay tôi chẳng theo nghề buôn bán này nữa, sẽ thỉnh bao nhiêu đó vị hòa thượng niệm kinh, niệm Phật siêu độ cho các vị, được chăng?" Đa số trả lời "được", chỉ có một số ít không bằng lòng, nói: "Ngươi vì mấy đồng hoặc vì mấy cắc bạc mà giết bọn ta khổ sở lắm. Nếu làm vậy thì thuận tiện cho ngươi quá!" Nhóm đa số khuyên nhóm thiểu số: "Nếu hắn chịu làm như vậy, tốt đẹp cho cả đôi bên, nhận lời hắn đi!" Nhóm thiểu số nói: "Hắn có thật sự làm được thì mới tốt". Viên quản lý nói: "Nhất định thực hiện được. Nếu không, các ông lại đến tìm tôi". Do vậy, bọn họ liền bỏ đi.

Nhằm đúng lúc ấy là canh năm phải giết [loài vật], phổ ky[129] thức dậy sắp giết; gà, vịt v.v… đều chạy tứ tán ra khỏi chuồng, họ vội mời viên quản lý thức dậy để thưa chuyện. Viên quản lý nói: "Hôm nay chúng ta không mở cửa, không giết những con đã bỏ chạy. Những con ở trong tiệm thì nhốt lại, con nào bỏ chạy rồi cứ để mặc cho nó đi". Ngày hôm sau, mời các cổ đông (người góp vốn) đến thuật lại giấc mộng hồi đêm, từ bỏ chuyện làm ăn, quyết định không làm nữa! Cổ đông nói: "Ông đã không muốn sát sanh, chúng ta thay đổi chương trình cũng chẳng trở ngại gì, biến thành quán ăn chay". Bèn đổi thành quán đồ chay, vẫn mang tên là Cửu Như Xuân. Do vậy, người ăn chay rất đông, càng phát đạt hơn.

Nếu ông có thể phát tâm lợi người lợi vật chí thành niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Âm để cầu gia bị thì người góp vốn và người quản lý đều bỏ được chuyện giết heo, bởi [cửa tiệm bán] hàng hóa mua về từ kinh đô là chuyện chánh, bán thịt chỉ là chuyện kèm thêm. Ông nói ngồi niệm trên giường sợ [mắc tội] khinh nhờn là vì chẳng biết khi ngủ cũng niệm được, nhưng niệm thầm, đừng niệm ra tiếng. Mẹ ông thương yêu ông, nói ăn chay thân thể gầy yếu; cụ chẳng biết ăn thịt có chất độc, chẳng hợp phép dinh dưỡng, lại còn phải nợ mạng. Hãy nên uyển chuyển khuyên mẹ ông ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Cũng nên bảo vợ con ăn chay. Nếu chẳng thể ăn chay hoàn toàn thì nói chung phải chú trọng kiêng sát sanh trong nhà. Dẫu mua thứ đã làm sẵn cũng không nên ăn nhiều. Ăn nhiều phải trả nhiều, ăn ít trả ít, không ăn không phải trả! Nếu ông có thể khiến cho người góp vốn và viên quản lý trong tiệm cảm động thì sau này những người tiếp tục đề xướng sẽ nhiều. Công đức ấy do ông khởi đầu, lợi ích lớn lắm.

Nên thường đọc Văn Sao hoặc Gia Ngôn Lục *(Sách này trích lục những điều thiết yếu từ Văn Sao, trình bày theo lối chia môn, phân loại để người mới học dễ xem đọc)*. Nay đặt pháp danh cho ông là Tông Nguyện *(Tông là chủ, có chủ (tức chủ kiến) thì sẽ chẳng bị những thứ khác xoay chuyển)*. Niệm Phật có tín - nguyện, quyết định sẽ được vãng sanh Tây Phương khi lâm chung. Không có tín - nguyện thì chỉ được phước báo trời - người mà thôi! Có tín không có nguyện thì chẳng gọi là chân tín. Có nguyện mà không có tín thì chẳng gọi là chân nguyện. Hai pháp tín - nguyện như hai bánh của cái xe, như hai cánh của con chim, thiếu một chẳng thể được! Nay gởi

---

[129] Nguyên văn là "khỏa kế". Thông thường, những người cùng giúp việc kiếm ăn cho mình được gọi là Khỏa Kế (夥計). Do vậy, những người hầu trong các tiệm ăn cũng được gọi là Khỏa Kế. Ta thường đọc chữ này theo giọng Quảng Đông thành Phổ Ky.

cho hai người bọn ông mỗi người một cuốn Đồng Mông Tu Tri[130]. Cuốn sách này tuy nhỏ nhưng những sự tích cảm ứng về Phật học được in kèm theo sách ấy và năm bài văn do Quang viết đều có quan hệ lớn đối với thế đạo nhân tâm.

Chuyện sữa [bị biến thành chất] độc [khi người mẹ nóng giận] giết chết trẻ thơ các nhà danh y xưa nay chưa hề tìm ra. Biết sữa của người nóng giận bừng bừng sẽ giết trẻ thì sẽ biết ăn thịt gây tổn hại lớn lao cho con người. Nợ mạng, đền mạng là chuyện thuộc về đời sau. Sữa độc giết trẻ một khi được chỉ rõ liền biết những người phụ nữ sanh nhiều mà không nuôi được mấy và con cái lắm bệnh đều do người mẹ ưa nóng giận mà ra! Nóng giận đùng đùng [mà cho con bú] con sẽ chết ngay; nóng giận vừa vừa, tuy con chẳng chết ngay, ắt sẽ thường bị bệnh. Phàm muốn cho con cái khỏe mạnh, không bệnh, hãy nên tập thành tánh nhu hòa thì mới được! Xin hai vị hãy suy xét cặn kẽ!

360. Thư trả lời cư sĩ Thái Chương Thận

Hôm qua nhận được thư, khôn ngăn hổ thẹn. Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, những chuyện sai khiến bút mực bên ngoài đều nhất loạt chẳng thể thực hiện được. Do vậy, miễn cưỡng viết tám chữ cho xong trách nhiệm. Trộm nghĩ đạo làm rạng danh cha mẹ nằm nơi nghiêm túc dạy dỗ con cháu để ai nấy đều sửa đức mình và chuyên dốc tu Tịnh nghiệp ngõ hầu tăng trưởng, phát khởi những điều tốt lành, trăm đời hưng thịnh. Các hạ đích thân soạn văn bia, hãy nên khắc chữ theo lối viết Thiếp, để cho con cháu mình và lũ hậu bối trong làng ấp đều được đọc tụng, phỏng theo, ai nấy đều mạnh mẽ nức lòng, tận lực thực hành sẽ có lợi ích lớn lao! Mười mấy năm trước, Quang đã viết bài tựa nêu tỏ những điều ẩn kín trong cuốn sách kỷ niệm sự vãng sanh của mẹ ông Khang Ký Dao, lời văn cực vụng về, chất phác, nhưng ý thì chấp nhận được *(xem trong Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 4, trang 14, 15 nơi phần Tạp Trước)*, [nếu ông] chẳng ngại dùng ngòi bút tài hoa để nêu tỏ những ý nghĩa [trong bài văn ấy], ắt sẽ có ích cho thế đạo nhân tâm. So với việc chỉ phô bày cảnh núi sông thêm đẹp đẽ và lòng hiếu thảo lo xây dựng mộ phần sẽ khác biệt vời vợi hệt như một trời một vực! *(Ngày Hai Mươi Lăm tháng Chín)*

---

[130] Đồng Mông Tu Tri (trẻ nít nên biết) là một tài liệu do Châu Hy biên soạn vào đời Tống nhằm làm tài liệu dạy dỗ trẻ nhỏ về đức dục, khuôn phép ứng xử. Đến đời Thanh, ông Lý Dục Tú rút gọn thành cuốn Đệ Tử Quy.

361. Thư trả lời cư sĩ Niệm Phật

Hôm qua nhận được thư gởi đến, biết rõ từng điều. Gần đây tôi đã soạn lời giải thích xác đáng về "cách vật trí tri", nay trình bày với ông. Giải rằng: *"Cách trừ huyễn vọng tư dục vật, trí hiển trung dung bỉnh di tri"* (Trừ khử vật huyễn vọng tư dục sẽ đạt đến sự hiểu biết rõ ràng đạo Trung Dung, vâng giữ luân thường). Chữ "Vật" (物) ở đây chính là những tư dục chẳng hợp với lẽ trời tình người trong tâm. Hễ có tư dục thì sở tri sở kiến đều lệch lạc chẳng chánh đáng. Nếu trừ khử được những tư dục huyễn vọng không thật ấy thì [sở tri sở kiến] sẽ chẳng lệch, chẳng khác, tức là chánh tri sẵn có trong bản tâm sẽ tự hiển hiện, nhất cử nhất động đều hợp tình hợp lý, trọn chẳng lệch lạc, tà vạy. Đấy chính là đại pháp để tu dưỡng chính mình, trị tâm do thánh nhân lập ra cho thiên hạ trong đời sau. Tu - tề - trị - bình ở tại đấy, mà siêu phàm nhập thánh cũng bởi đấy! Dụng công ở nơi đấy sẽ đỡ tốn sức nhất, tùy theo công phu sâu hay cạn của mỗi người mà lợi ích đạt được là thành hiền, thành thánh, thậm chí thành Phật đều do đây mà được, huống là những sự thấp kém hơn ư?

Tiếc cho những nhà Nho đời sau không suy xét, cứ hiểu "vật" là "sự vật", hiểu "tri" là "tri thức", tức là xem cội gốc của mọi cội gốc như cành nhánh của mọi cành nhánh, rồi lại tưởng cành nhánh của mọi cành nhánh là cội gốc của mọi cội gốc. Chẳng những không hiểu được ý thánh nhân, mà còn làm rối loạn văn của thánh nhân nữa! Vì sao nói thế? Do muốn ý được chân thành, trước hết phải hiểu thấu suốt, [đạt đến] mức hiểu thấu suốt là nhờ "cách vật" (trừ khử vật dục). Điều này hết sức đỡ tốn công, hết sức giản tiện, hễ nghĩ tới liền hiểu được cách; [thế mà lại] bỏ đi không nhắc tới, cứ dạy người ta thúc đẩy tri thức đến cùng cực, thấu hiểu cùng tận lý của mọi sự vật trong thiên hạ để mong thành ý chánh tâm thì khắp cả cõi đời cũng khó kiếm được người nào! Do Tống Nho hiểu lầm "vật" là "vật bên ngoài" nên sau này nhà Nho chỉ nói "chánh, thành" chứ chẳng nhắc đến "cách, trí". Lý này cực sáng tỏ, rõ ràng, nhưng những kẻ tự xưng truyền thừa tâm pháp của thánh nhân lại hiểu sai đến nỗi đạo "sửa mình, trị tâm" do thánh nhân dạy cho con người bị lu mờ, úng tắc, không thể nào tỏa rạng được, chẳng đáng buồn ư?

Nếu chuyên chú trọng tự sửa đổi, đối trị chính mình thì một pháp Cách Vật (trừ khử vật dục) cũng đủ dùng; vì hễ khử được tư dục thì mọi

điều ác đều trừ, mọi điều thiện đều sanh, nên nói là *"đủ dùng"*. Nếu muốn cho người trong khắp cõi đời đều bỏ được tư dục để hiển lộ chánh trí mà không đề xướng nhân quả báo ứng sẽ không thể được! Bởi lẽ, hễ ai muốn tự lợi sẽ chẳng rảnh đâu để xem xét coi [những gì mình làm] có lợi hay gây hại cho người khác. Nếu biết thiện ác nhân quả như bóng theo hình, như tiếng vang ứng theo âm thanh; âm thanh hòa hoãn thì tiếng vang dễ nghe, hình ngay ngắn thì bóng đoan chánh! Hiểu được điều này, chẳng mong [người khác] cách vật mà [họ sẽ] tự chịu cách vật.

Vì thế, Khổng Tử khen ngợi Châu Dịch, vừa mở đầu liền nói: *"Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh. Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương"* (Nhà tích thiện điều vui có thừa, nhà tích điều bất thiện, tai ương có thừa). *"Tích thiện, tích bất thiện"* là nhân; *"dư khánh, dư ương"* là quả. Cơ Tử giảng giải thiên sách Hồng Phạm, cuối cùng mới nói: *"Hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực"* (Thuận theo thì được năm thứ phước, trái nghịch sẽ bị sáu điều xấu). Câu này quả thật nói rõ cái nhân trong đời trước, cái quả trong đời này. "Hưởng" (嚮) chính là thuận, "dụng" (用) là lấy, là được. Chữ "oai" (威) nên hiểu nghĩa là trái nghịch. "Cực" (極) là cùng quẫn, tai ách. [Vì vậy, câu *"Hưởng dụng ngũ phước, oai dụng lục cực*" nên hiểu là] do những hành vi trong đời trước trái nghịch chánh đạo, nên đến nỗi đời này hứng chịu những quả cùng quẫn, tai ách ấy.

Những nhà Nho đời sau chẳng xét đến văn lý, một mực quy [Lục Cực] về sự cai trị của nhà vua, thành ra trái nghịch thiên lý, vu báng sự cai trị của nhà vua. Trẻ nhỏ sanh trong nhà phú quý liền hưởng phước, sanh vào nhà nghèo hèn liền chịu khổ, há có phải là do sự cai trị của nhà vua khiến chúng nó phải sanh [vào những chỗ khác nhau] như vậy ư? Điều thứ tư trong Ngũ Phước là Du Hảo Đức (thường chuộng đức), chính là thói quen tu đạo tu đức trong đời trước. Điều thứ nhất là Thọ, điều thứ hai là Phú, điều thứ ba là Khang Ninh (khỏe mạnh, bình yên), điều thứ năm Khảo Mạng Chung (chết tốt lành) chính là quả báo được cảm vời do đời trước tu đạo tu đức. Điều thứ nhất trong Lục Cực là Hung Đoản Chiết (xui xẻo, chết yểu), điều thứ hai là Tật (bệnh tật), điều thứ ba là Ưu (lo lắng), điều thứ tư là Bần (nghèo), điều thứ năm là Ác *(diện mạo xấu xí gọi là Ác)*, điều thứ sáu là Nhược *(thân yếu đuối gọi là Nhược)* chính là quả báo do đời trước làm nhiều chuyện chẳng hợp đạo nghĩa! Há có nên quy hết vào sự cai trị của nhà vua ư?

362. Thư trả lời cư sĩ Từ Giám Chương

Hôm trước nhận được thư con, biết con tuổi trẻ phát tâm tu Tịnh nghiệp, khôn xiết vui mừng, an ủi! Mong con hãy cung kính đọc kỹ càng Tịnh Độ Ngũ Kinh, Thập Yếu sẽ hiểu tường tận nguyên do của pháp môn Tịnh Độ. Các pháp môn được nói trong cả một đời đức Phật đều cậy vào tự lực để tu trì, đoạn Hoặc chứng Chân hòng liễu sanh tử, khó khăn lắm, khó hơn lên trời! Nếu dùng tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì vạn người tu vạn người về. Nhưng phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều này để tự hành, lại dạy cho người khác, khiến cho khắp hết thảy mọi người cùng tu Tịnh nghiệp, cùng sanh Tịnh Độ.

Con tuổi còn trẻ dại, phải hết sức chú ý giữ gìn thân thể, hãy nên đọc kỹ cuốn Dục Hải Hồi Cuồng trong bộ An Sĩ Toàn Thư và Thọ Khang Bảo Giám. Có nhiều thiếu niên khi ý niệm tình dục khởi lên bèn thủ dâm. Chuyện ấy gây tổn thương thân thể cực lớn, chớ nên phạm. Hễ phạm chính là tự tàn hại thân mình, nhơ bẩn tự tâm, khiến cho thân thể hữu dụng bị chết yểu, hoặc thành phế nhân bấy bớt không nên cơm cháo gì! Hằng ngày phải phản tỉnh, quán sát tội lỗi nơi thân tâm, ngõ hầu chẳng đến nỗi tự tàn, tự hại. Nếu không, cha mẹ chẳng nói, sư trưởng không nói, bạn bèn đàn đúm xúi giục nhau đến nỗi thành ra thói ác ấy. Nguy hiểm lắm, còn hơn vào vực sâu, đi trên băng mỏng!

Tăng Tử mang tư cách đại hiền mà đến khi sắp chết mới nói*: "Kinh Thi chép: 'Dè dặt kinh sợ, như vào vực sâu, bước trên băng mỏng', từ nay trở đi, ta biết thoát khỏi".* Chưa đến lúc sắp chết, vẫn thường dè dặt, kinh sợ, biết mình ắt có chỗ thiếu sót. Nay sắp chết rồi, mới biết mình không thiếu sót! Cừ Bá Ngọc năm hai mươi tuổi, biết mười chín năm trước sai trái; đến khi tuổi tròn năm mươi, biết bốn mươi chín năm trước sai trái. Khổng Tử vào độ tuổi bảy mươi, vẫn mong trời cho sống mấy năm nữa, hoặc dăm mười năm để học Dịch, ngõ hầu tránh khỏi lỗi lớn. Đấy chính là cách dưỡng tâm giữ ý, phản tỉnh, quán sát của thánh hiền, là cơ sở để học Phật liễu sanh tử vậy. Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao và các sách khác, nên không ghi cặn kẽ.

Con tên là Giám Chương, lại thêm có chánh trí huệ thì không gì chẳng hợp với Phật, với thánh, không gì chẳng đúng pháp thế tục. Người đời nay hơi thông minh bèn cuồng vọng. Đấy đều là chẳng biết nghĩa lý *"vị học nhật ích, vị đạo nhật tổn"* (vì việc học [đạo đức] ngày càng tăng

thêm, vì đạo [thói xấu] ngày càng giảm bớt). "*Vị đạo nhật ích"* là đem đạo đức thánh hiền cất chứa trong thân tâm ta, *"vị đạo nhật tổn"* là nghiêm túc phản tỉnh, quán sát, để khởi tâm động niệm trọn chẳng có tội lỗi gì! Nếu không, chỉ là bậc văn tài lỗi lạc, đã chẳng thể vì việc học, huống là vì đạo ư? Hiện nay thời cuộc nguy hiểm, hãy nên khuyên hết thảy già - trẻ - trai - gái hằng ngày thường kiền thành niệm thánh hiệu Quán Âm để làm thượng sách cầu hòa bình, giữ gìn thân mạng. Ngoài cách này ra, không còn tìm được cách nào khác nữa đâu! *(Ngày Hai Mươi Sáu tháng Bảy)*

363. Thư trả lời anh em Úc Liên Xương

Cha ông do bịnh tật mà toan ăn thịt là vì chẳng biết hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai, cho nên mặc tình giết ăn. Nếu biết là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai, cái tâm tham vị ngon ấy sẽ ngay lập tức tiêu diệt chẳng còn! Ở đất Tần ta trước khi xảy ra loạn Hồng Dương, một người dân quê ở huyện nọ tại Hưng An cùng với mẹ sống trong cảnh nghèo khó. Người con đi làm thuê để nuôi mẹ; về sau mẹ chết, chỉ trơ trọi một mình, người con liền chẳng sốt sắng đi làm thuê nữa. Một bữa nọ ngủ ngày, mộng thấy mẹ đau đớn khóc lóc đến nói: "Mẹ chết đi biến thành lợn, nay đang ở chỗ X…, gã Y… nọ sắp giết mẹ, con hãy mau đến cứu mẹ". Người ấy kinh hoảng, tỉnh giấc, liền sang chỗ đó, thấy người giết lợn khớp với giấc mộng, nhưng lợn đã bị giết rồi! Do vậy đau đớn không chịu nổi, lăn lộn trên đất, gào khóc mất cả tiếng. Có người hỏi đến, do không có tiền để mua con lợn bị chết ấy bèn nói: "Lòng tôi đau khổ, chẳng tiện nói thẳng ra!" Từ đấy phát tâm ăn chay.

Do [anh ta là] kẻ dân ngu trong làng chẳng biết pháp môn tu hành, bèn đi quyên hóa dầu thắp đèn, hễ được một gánh đầy, liền gánh sang núi Võ Đang để cúng đèn trong Kim Điện[131]. [Anh ta] quyên mộ người khác, [quy định tiền] dầu thắp cho mỗi một ngọn đèn là ba đồng; tiền ấy dùng để mua hương, nến, trái cây, đã đưa sang đấy mấy lần. Về sau, có một gã đầu sỏ ngoại đạo muốn tạo phản, do sự việc bị tiết lộ bèn bỏ trốn,

---

[131] Kim Điện được xây trên đảnh núi Thiên Trụ tức ngọn núi chánh của rặng Võ Đang thuộc tỉnh Hồ Bắc. Kim Điện thường được gọi là Kim Đảnh, xây từ năm Vĩnh Lạc 14 (1416) nhà Minh, là kiến trúc bằng đồng lớn nhất Trung Quốc. Toàn bộ ngôi điện được ghép bằng những phần nhỏ đúc bằng đồng, chạm trổ hết sức tinh xảo. Trong điện thờ Huyền Thiên Chân Vũ Đế Quân (Huyền Thiên Thượng Đế) có Thủy Hỏa đại tướng (Quy - Xà nhị tướng) đứng hầu hai bên.

quan phủ sai vẽ hình tróc nã khắp nơi. Do gã ấy có cùng tên họ, tướng mạo với anh chàng quyên hóa dầu; anh chàng đi quyên hóa dầu liền bị bắt giữ. Anh ta thưa trình chuyện mẹ bị biến thành lợn nên quyên hóa dầu, [nhưng quan] không tin. Quan lại bắt được cuốn sổ ghi tên đến mấy ngàn người, vốn là tên của những người cúng tiền mua dầu, bèn coi đó là danh sách tạo phản. Anh ta bị khổ hình tra khảo tại dinh quan huyện Trúc Khê thuộc ranh giới tỉnh Hồ Bắc; nhân đó quan gán tội, phán án xử tội chết.

Lại giải lên phủ Vân Dương phúc thẩm. Tới phủ, anh ta kêu oan, nhân đó thuật chuyện do mẹ biến thành lợn mà quyên hóa dầu. Tri Phủ rất có cao kiến, do thấy vẻ mặt người ấy hết sức từ thiện, quyết chẳng phải là kẻ tạo phản, nghe anh ta kể chuyện mẹ bị biến thành lợn, bảo: "Lời ngươi nói đó, bổn phủ chẳng tin. Hôm nay bổn phủ buộc ngươi thôi ăn chay", sai dọn ra một bát thịt, ép ăn. Người ấy một tay bưng bát, một tay cầm đũa, Tri Phủ vỗ "tỉnh mộc"[132] thúc anh ta gắp ăn. Người ấy gắp một miếng thịt, chưa đưa đến miệng liền ói ra một bụm máu. Tri Phủ mới biết anh ta bị vu cáo, liền tống đạt công văn xuống huyện Trúc Khê gỡ tội cho anh ta, bảo đi xuất gia ở chùa Liên Hoa thuộc biên giới huyện Trúc Khê.

Do chùa Liên Hoa thuộc quyền quản trị của quan Trấn Đài Hưng An lẫn Trấn Đài Vân Dương, vào tháng Mười mỗi năm hai tỉnh mở hội tranh tài tại chùa này, nên chùa có tiếng. Người ấy sau khi xuất gia nhất tâm niệm Phật khá có cảm ứng. Về sau, trở về quê cũ ở Thiểm Tây, người địa phương gọi là Châu lão thiền sư, dựng nên hai ngôi miếu nhỏ. Khi loạn Hồng Dương nổ ra, đồ đệ, đồ tôn đều trốn hết, Sư sắp thị tịch bèn nói với người làng: *"Sau khi ta chết, nên bỏ vào chum, xây một cái tháp. Ba năm sau mở tháp ra xem. Nếu đã rữa nát thì thiêu đi; nếu không rữa nát thì thờ bên cạnh đại điện"*. Về sau, mở tháp ra, [xác] chưa rữa nát, bèn thờ trong đại điện. Sư hiện thân làm con trai quan huyện bên cạnh đi khám bệnh, bệnh lành chẳng nhận lễ tạ, nói: *"Nếu ngươi nghĩ đến ta thì đến chùa X... ở chỗ Y... để thăm hỏi"*. Sau người ta đến chùa thăm viếng, [nhà chùa] nói: "Đấy là tên của vị Tăng được thờ trong đại điện", đọc tên thấy chính là Ngài. Do vậy hương đèn suốt năm chẳng

---

[132] Tỉnh Mộc (Thiền gia thường gọi là Thủ Xích, hoặc gọi tắt là Xích) là một khối gỗ nhỏ, có thể nắm gọn trong tay thường được các quan dùng trong công đường để vỗ xuống án nhằm tạo tiếng động lớn khiến cử tọa chú ý hoặc để thị oai. Trong Phật môn, Thủ Xích dùng để vỗ xuống bàn khiến đại chúng chú ý trước khi tuyên pháp ngữ. Trong Thiền Gia Việt Nam, Thủ Xích còn được vị Chủ Sám cầm vỗ xuống bàn khi chuyển giọng tán sang bài khác trong các pháp hội.

ngớt. Vị ấy chính là sư công[133] của vị Hòa Thượng truyền giới cho Quang vậy. Đã năm mươi tám, năm mươi chín năm, tên người, tên chùa đều quên hết.

Vị ấy nếu mẹ không bị biến thành lợn thì bất quá vẫn là một người dân lành yên phận mà thôi! Nếu quan phủ Vân Dương chẳng ép vị ấy ăn thịt, thịt chưa đưa vào miệng đã hộc máu ra, án ấy chắc chắn chẳng được sáng tỏ. Do vị ấy xem thịt đó giống như thịt mẹ mình, vì oai thế của quan bức hiếp, chẳng dám không ăn, chưa ăn mà tim gan đã đau xé nên hộc máu. Vì thế, quan biết là bị vu cáo, bèn tìm cách truyền đạt văn thư xóa tội, bảo đi xuất gia. Nếu cha ông biết nghĩa này, chắc chắn chẳng nỗi cứ mong tưởng mùi vị thịt mãi! Nếu vẫn còn khởi lên ý niệm ấy, liền tưởng như muốn ăn thịt cha mẹ của chính mình, niệm ấy liền bị tiêu diệt! Người chết đi, biến thành súc sanh vẫn còn tốt; nếu đọa trong ngạ quỷ, địa ngục, so với làm súc sanh chẳng biết càng khổ hơn mấy vạn vạn lần!

Xin hãy đưa thư này cho cha ông xem. Chẳng những cụ không chịu mong tưởng ăn thịt nữa, mà còn chẳng chịu mong làm người mãi mãi trong thế gian này. Hãy nên nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương hòng khỏi bị đọa lạc trong tam đồ ác đạo nữa! Hãy nên hiểu rằng: Chẳng liễu sanh tử, dẫu có tu hành, cũng khó bảo đảm đời sau hay trong những đời sau nữa chẳng tạo ác nghiệp. Bởi lẽ người già bảy mươi tuổi, ăn chay trường nhiều năm, vẫn còn muốn ăn thịt; huống là đời sau, những đời sau nữa vẫn có thể chẳng tạo nghiệp, tu trì giống như đời này ư? Vì thế, Phật, Tổ đều khuyên người cầu sanh Tây Phương. Do sanh về Tây Phương liền dự vào cảnh giới Phật. Tâm phàm đã không còn, Phật huệ ngày một mở mang, tốt đẹp hơn tham Thiền, nghiên cứu Giáo, đại triệt đại ngộ, thâm nhập kinh tạng vô lượng vô biên lần vậy! *(Ngày mồng Hai tháng Hai năm Dân Quốc 29 - 1940)*

364. Thư trả lời cư sĩ Nghê Huệ Biểu

Vãng sanh hoàn toàn cậy vào tín nguyện chân thành, thiết tha. Nếu trước đó đã nghi ngờ, sợ chẳng thể vãng sanh thì chẳng thể nào vãng sanh được! Huống chi như ông, Tịnh nghiệp thuần thục, thần thức dạo chơi Tịnh Độ, rất khó có; nhưng chớ nên nói lộ ra, vì sao vậy? Do người đời nay phần đông thích dối xưng là bậc thông gia, chắc sẽ do ưa cầu danh mà bịa đặt đồn thổi khiến tự lầm, lầm người. Lời lẽ này chính là lời chánh đại quang minh, đừng ngỡ là tôi ghen ghét sự tốt đẹp của người

[133] Sư công: thầy của sư phụ, ta thường gọi là "sư ông".

khác! Bài kệ do ông đã soạn thật hay, hiềm rằng hai chữ *"pháp vũ"* (mưa pháp) rất chẳng như pháp. Quang là một ông Tăng tầm thường chỉ biết cơm cháo, há nên đề cao như thế?

Mười năm trước, ở Bắc Kinh có cuốn Tự Tri Lục. Thượng Hải, Hàng Châu, Dư Diêu đều muốn ấn hành để lưu truyền rộng rãi. Sách ấy toàn là những chuyện bịa đặt, Quang bảo họ hãy ngưng *(bảo đừng in).* Sau này có hai người cũng muốn phỏng theo ý ấy, gởi thư xin chứng minh; Quang đem chuyện Tự Tri Lục răn nhắc họ. Ông vốn thiếu từng trải, chẳng biết những kẻ cầu danh so với kẻ cầu lợi chẳng thua kém nhau đâu! Vì thế, chỉ xin ông hãy tự sốt sắng tu trì, đừng phô phang chuyện ấy, tuy có thể khơi gợi lòng tin cho người khác, nhưng cũng sẽ mở ra đầu mối cho kẻ khác mạo nhận đấy! *(Ngày mồng Hai tháng Chạp năm Dân Quốc 23 - 1934)*

365. Thư trả lời cư sĩ Triệu Liên Châu

Hai bài ca Dưỡng Khí và Quả Dục văn từ lẫn nghĩa lý đều viên diệu, quả thật là tác phẩm hữu ích cho thân, tâm, tánh mạng. Nhưng trong thời gần đây, Nho sĩ chẳng dụng công tận tụy thực hành, chuyên coi nói xuông là cao thượng, trở thành phường *"kể chuyện ăn, đếm của báu!"* Dẫu nói đến mức một giọt nước chẳng rỉ cũng chỉ trở thành hý luận mà thôi! Chẳng dám nói các hạ cũng cá mè một lứa với bọn họ, nhưng cũng chẳng dám nhất quyết các hạ chẳng giống với bọn họ! Điều may mắn là các hạ đã có tín tâm, hãy nên siêng năng niệm Phật. Hễ phiền não hiện tiền hãy làm cho nó bị tiêu diệt ngay. Nếu dưỡng khí như thế thì khí chẳng đến nỗi thiếu; quả quá (bớt lỗi) như thế, lỗi sẽ có thể dần dần không còn. Bỏ niệm Phật để nói đến chuyện "dưỡng khí, bớt lỗi" rốt cuộc vẫn chưa phải là đạo rốt ráo, lại còn tốn sức. Vì thế biết một pháp Niệm Phật quả thật là đạo nhất quán của cả Nho lẫn Thích. Nếu chẳng dùng pháp này để tự tu mà muốn cầu được tâm pháp của Nho, của Phật, khó khăn lắm đấy! Bởi lẽ chỉ có tự lực, không có Phật lực [gia hộ] vậy! *(Ngày Mười Tám)*

366. Thư trả lời cư sĩ Giang Hữu Bằng

Chúng ta là sanh tử phàm phu, chớ nên mù quáng bịa đặt, những gì chính mình biết thì chẳng thể không đề xướng; điều gì mình không biết há nên dối xưng thông gia rồi hồ đồ tán dương ư? Những nhà Phong Thủy bói toán cố nhiên có thể làm cho con người hướng lành tránh dữ,

nhưng vừa mất công vừa tốn kém lắm. Châu Dịch là sách dạy người hướng lành tránh dữ, vừa nhàn nhã lại chẳng tốn kém. Bởi lẽ, [Châu Dịch] chỉ chú ý vào chỗ tăng tấn đức, sửa đổi nghiệp, sửa lỗi, hướng lành; chứ không phải là dụng tâm nơi sửa cửa, dời bếp, bớt Đông, bù Tây. Gởi trả lại thư cho Từ cư sĩ, hiện thời Quang không có tinh thần để soạn văn đâu! Một ông thầy Địa Lý ở quê tôi đi xem đất cho người khác, chuyện cát - hung mấy chục năm sau ông ta đều đoán biết. Đứa con ông ta mười mấy hôm sau chết, bố ông ta ba bốn tháng sau chết, thầy Địa Lý đều không nói tới do chỉ biết chuyên dựa vào Địa Lý, chẳng bằng chuyên dựa vào tâm đức vậy!

367. Thư trả lời Đào Đức Càn

Đang trong lúc đói kém, loạn ly này, muốn cho những người cùng hàng đều cùng được gội ân Phật, hãy nên tùy phận tùy sức khuyến hóa [người khác] tu trì sẽ tốn kém ít mà lợi ích nhiều. Nếu vừa nhúng tay làm liền chú trọng xây cất, lại chẳng theo đuổi cung cách đơn giản, chất phác thì tiền bạc không sẵn có, chẳng khỏi gặp khó khăn! Những người tiền của ít ỏi sẽ coi [đạo tràng ấy] như chỗ đáng sợ, chẳng dám đến. Hiện thời, chuyện nào cũng nên theo cách thức đơn giản, cũng chẳng cần phải mong sao được hoàn thành ngay trong một thời gian! Phàm những người có tín tâm trong bốn làng đều nên bảo họ ai nấy tu trì ở trong nhà của chính mình, cũng chẳng cần phải bỏ lơi công việc, cũng chẳng tu tràn lan; lại còn có thể làm cho gia đình quyến thuộc cùng sanh lòng tin tưởng.

Quang thấy những người đề xướng các nơi đều lấy chuyện tạo dựng đạo tràng làm đầu, trộm chẳng nghĩ như vậy là đúng! Nếu nhằm lúc thời cuộc thanh bình, yên ổn, nhân dân giàu có, dư dả thì còn được, chứ đang trong thời buổi dân không lẽ sống, lại không có vị đại công đức chủ đứng ra chịu trách nhiệm [xuất tiền xây dựng] một mình, tôi cảm thấy [xây dựng đạo tràng là chuyện] khó khăn nhất trong những chuyện khó! Ông nói đến chuyện [nhờ Quang] soạn văn, chuyện ấy vạn phần chẳng thể làm được! Từ tháng Mười Một mùa Đông năm ngoái do giảo chánh sách dưới ánh đèn điện, chữ lại quá nhỏ, mắt bị tổn thương nặng. Do vậy, cự tuyệt hết thảy những chuyện sai khiến bút mực. Phàm ai gởi thư đến đều dặn về sau đừng gởi thư đến nữa, cũng chẳng chấp nhận giới thiệu người khác quy y. Ngay như thỉnh kinh sách từ Hoằng Hóa Xã cũng đừng thuận tiện gởi thư cho Quang do mục lực chẳng thể thù tiếp nổi! Ngay như để đọc và trả lời hai lá thư này đều phải dùng kính lão lẫn kính

lúp thì mới xem và viết được lờ mờ. Nếu không, đọc chẳng ra. Ông vẫn muốn sai khiến [viết lách] thì vạn phần chẳng thể được! Trong Văn Sao có chỗ nào dùng được thì sao lục để làm khai thị, có trở ngại gì đâu!

368. Thư trả lời cư sĩ Dịch Tư Hậu

Đọc thư ông gởi đến, biết ông đời trước có thiện căn, nhưng do chưa đọc kinh Phật nên văn tự lẫn nghĩa lý vẫn chưa hiểu rõ ràng. Nếu như hiểu rõ sẽ chẳng cần phải hỏi câu thứ nhất! Vì đoạn kinh văn ấy ghi: *"Quán Thế Âm Bồ Tát trong vô lượng kiếp trước thành Phật đã lâu, hiệu là Chánh Pháp Minh, nhưng do bi tâm vô tận, từ thệ khôn cùng, nên lại hiện thân Bồ Tát và các thân người, trời, phàm, thánh… trong mười phương thế giới để thí vô úy (ban cho sự không sợ hãi), cứu vớt rộng rãi!"* Phẩm Phổ Môn chép: *"Nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp" (Trong phẩm Phổ Môn có ba mươi hai thứ hóa thân [tức là những] thân người, trời, phàm, thánh, nam, nữ. Sao lại dựa theo tác phẩm Hương Sơn Quyển do ngoại đạo bịa đặt rồi nghi ngờ vậy?)* Sao ông không đọc đoạn văn tiếp theo đó: *"Không những hiện thân hữu tình (trời, người, phàm, thánh, nam, nữ đều có thân hữu tình, tức là có tâm thức, tri giác), mà ngay cả núi, sông, thuyền, bè, cầu, bến, đường sá, cỏ thuốc, cây cối, lầu, đài, điện, gác, cũng tùy cơ biến hiện".* Nói chung, [Bồ Tát] chuyên chú trọng [làm cho chúng sanh] lìa khổ được vui, chuyển nguy thành an. Nếu ông hiểu rõ ràng đoạn văn này, quyết chẳng hỏi [Bồ Tát] là nam hay nữ.

Do người đời chưa từng đọc kinh Phật, thấy tượng Bồ Tát vi diệu trang nghiêm, do những người đắp, vẽ, điêu khắc không phải là tay thợ khéo xuất sắc, cho nên [họ đã vẽ, tạc] hình tượng Ngài giống với tướng người nữ, người đời bèn nghĩ Ngài mang thân nữ. Bồ Tát đối với hết thảy đều tùy duyên, do tâm người đời nghĩ Bồ Tát là thân nữ, nên khi hóa hiện trong mộng, phần nhiều Ngài hiện thân một bà cụ già. Do chúng sanh thiện căn mỏng cạn, chẳng thể thấy được pháp tướng vi diệu trang nghiêm của Bồ Tát nên Ngài chỉ tùy theo căn cơ của họ mà hiện thân.

Trong Phật pháp không có cuốn sách nào có tên là Quyển cả! Phàm những thứ "bảo quyển" đều là do ngoại đạo mượn một chuyện trong Phật pháp để mù quáng bịa đặt hòng dụ dỗ, gạt gẫm kẻ vô tri. Nói chung, những gì các sách ấy nói đều là lấy luyện đan vận khí làm gốc, lấy [chiêu bài] "tam giáo đồng nguyên" (Nho - Phật - Lão cùng một nguồn) để làm hòn núi dựa dẫm. Họ mù quáng trích dẫn những câu trong kinh

sách của Nho, Phật, Đạo giáo để biến chánh thành tà, hòng chứng minh đạo luyện đan vận khí là vô thượng tôn quý nhất. Phàm ai theo đạo ấy, tuy có tấm lòng tốt nhưng đều là hạng hồ đồ. Nếu là bậc có đủ chánh tri kiến sẽ lìa xa còn không kịp, há đâu lại bái bọn chúng làm thầy, theo bọn chúng tu học ư?

Câu kinh Di Đà ông đã dẫn đó chính là câu tuyệt đối chẳng hề có trong chánh kinh [của nhà Phật]! Chắc là do kẻ muốn xưng là bậc thông gia, nhưng thật sự là kém hèn lớn mật tưởng mình thông hiểu nhưng chẳng thông hiểu gì [bịa đặt ra]! Lời chú giải kinh văn của họ cho thấy họ chẳng biết gì về nguồn cội của Tiểu Tam Tai và Đại Tam Tai, bèn gộp nháo nhào Tam Tai Hỏa - Thủy - Phong thành một, nói loạn cào cào. [Chữ Kiếp] tiếng Phạn là Kiếp Ba (Kalpa), cõi này (Trung Hoa) dịch là Thời Phần. Thời gian dài gọi là Kiếp. Một đại kiếp là [khoảng thời gian] trời đất [trải qua] một lần hình thành rồi hủy diệt. Như trong hiện tại gọi là Trụ Kiếp, vì một đại kiếp có bốn trung kiếp, tức Thành, Trụ, Hoại, Không. [Thời gian của] ba kiếp Thành - Hoại - Không đều lâu mau giống như Trụ Kiếp, [nhưng trong cả ba kiếp Thành, Hoại, Không] đều không có người. Trong Trụ Kiếp có hai mươi tiểu kiếp tăng giảm. Hai mươi kiếp tăng giảm đã xong thì đại địa bốc lửa, cho đến tận Sơ Thiền Thiên đều biến thành lửa. Qua hết hai mươi kiếp tăng giảm, [cõi thế gian từ Sơ Thiền Thiên trở xuống] mới hoàn toàn hoại. Lại phải qua hai mươi kiếp tăng giảm trong kiếp Không, [thế giới] mới dần dần hình thành. Lại phải qua hai mươi kiếp tăng giảm mới bước vào Trụ Kiếp, có con người và hết thảy chúng sanh. Trong ba trung kiếp này, người lành hoặc sanh lên trời Nhị Thiền hoặc sanh sang thế giới phương khác, kẻ ác thì sanh sang thế giới phương khác để chịu tội trong tam ác đạo.

Thế giới bị hỏa thiêu bảy lần như thế cho đến lần thứ tám thì thành Thủy Tai, nước ngập đến tận trời Nhị Thiền. Khi nước hết ngập, không còn vật gì! Thủy Tai kéo dài suốt thời gian hai mươi kiếp tăng giảm thì [những phần thế giới ở dưới trời Tam Thiền] mới hủy hoại hết. Lại trống rỗng chừng đó thời gian rồi mới thành, trụ. Phàm trải qua bảy lần Hỏa Tai xong, lần thứ tám là Thủy Tai. Sau bảy lần Thủy Tai lại có bảy lần Hỏa Tai, rồi đến Phong Tai. Phong Tai sẽ hủy hoại cho đến tận trời Tam Thiền, gió thổi cho đến không còn một vật gì. Tổng cộng có 7 x 8 = 56 lần Hỏa Tai, bảy lần Thủy Tai, một lần Phong Tai. Đấy chính là Thủy - Hỏa - Phong Tam Tai.

Bọn [ngoại đạo] tưởng Tam Tai là một, nói năng mù quáng bậy bạ! Ông vẫn chưa hiểu rõ lời này thì hãy nhất tâm niệm Phật, đừng nghĩ

những lời lẽ mù quáng ăn nói càn quấy ấy là đúng thì được rồi. Thế giới này đã thành rồi thì người lành, kẻ ác đều sanh trở lại thế giới này. Ví như nhà của người ta bị hư hoại, mọi người dọn đi, nhà cất xong lại dọn về. Lúc thành, lúc hoại nơi thế giới phương khác cũng sẽ chuyển đi, dời về giống như ở phương này.

Cao Vương Kinh[134] trong Đại Tạng không có, nhưng tụng cũng khá có linh cảm, là vì trong ấy có nhiều danh hiệu Phật, Bồ Tát. Kinh ấy đã có từ trước thời Tùy - Đường, nhưng người hoằng pháp cũng chẳng khuyên người khác niệm, mà cũng chẳng ngăn trở người khác niệm, cứ để mặc cho kẻ tục nhân tại gia trì tụng. Độ Kiếp Tôn Kinh, Đối Tâm Kinh, lại còn có Tâm Kinh quyển trung và quyển hạ, Tâm kinh quyển trung lại có hai loại, đều là những thứ do ngoại đạo ngụy tạo!

Quy Y là quy y Phật - Pháp - Tăng Tam Bảo để mong y giáo tu trì hòng liễu sanh thoát tử, chứ chẳng phải chỉ như thế gian bái sư rồi thôi! Nhưng thế gian bái sư để học chữ hoặc học một nghề, dẫu nghề thấp kém nhất như cạo đầu, chữa chân, cũng phải ba lần lạy, chín lần khấu đầu. Ông gởi thư xin quy y, lại còn hỏi cả đống câu, lại muốn có được mấy loại sách, chẳng những không dùng chữ *"đảnh lễ"* mà ngay cả chữ *"hiệp chưởng"* (chắp tay) cũng không dùng. Cầu người khác khai thị mà làm như thế cũng đã quá vô lý, huống là cầu quy y, tức là [ông coi] chuyện quy y chẳng đáng nửa đồng, trở thành chuyện chẳng đáng tôn trọng! Người đi đường hỏi lối còn phải vòng tay cúi đầu; ông quy y, xin khai thị, xin sách mà chỉ dùng chữ *"kính thượng"* (kính trình lên) là xong! Nếu không có ba chuyện ấy, chẳng biết sẽ ngạo mạn đến mức nào? Quang nương theo tâm phổ độ chúng sanh của đức Phật mà khai thị cho ông, nhưng tuân theo nghĩa duy trì pháp đạo mà cự tuyệt ông. Nếu không, Quang sẽ thành coi rẻ Phật pháp, cũng như khiến cho ông khinh

---

[134] Cao Vương Kinh nói ở đây có tên đầy đủ là Cao Vương Quán Thế Âm Chân Kinh, khác với Nhất Thiết Pháp Cao Vương Kinh (do ngài Cù Đàm Bát Nhã dịch) trong Đại Tạng. Nhất Thiết Pháp Cao Vương Kinh dạy các hạnh nghiệp của người thọ Bồ Tát giới gia nhập Tăng đoàn, các lợi ích do tu tập như chứng đắc Tứ Quả, tu Bồ Tát hạnh v.v… Còn Cao Vương Quán Thế Âm Chân Kinh có nội dung khá lộn xộn, tập trung những danh hiệu Phật, rồi kết thúc bằng chú Thất Phật Diệt Tội. Xin trích dẫn đoạn đầu: *"Quán Thế Âm Bồ Tát, nam mô Phật, nam mô Pháp, nam mô Tăng, Phật hữu nhân duyên, Phật pháp tương nhân thường lạc ngã tịnh, hữu duyên Phật pháp. Nam mô Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật, thị đại thần chú. Nam mô Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật, thị đại minh chú… Nam mô Tịnh Quang Bí Mật Phật, Pháp Tạng Phật, Sư Tử Hống Thần Túc U Vương Phật. Phật cáo Tu Di Đăng Vương Phật, Pháp Hộ Phật, Kim Cang Tạng Sư Tử Du Hý Phật, Bảo Thắng Phật, Thần Thông Phật…"* Theo ngu ý, bản kinh này ngụy tạo vì từ đầu đến cuối chứa lẫn lộn những câu chữ trích từ Tâm Kinh, cũng như những danh hiệu Phật được nói trong các kinh Đại Thừa.

mạn Phật pháp. Vì thế, nói với ông về những chỗ ông lầm lỗi. Ông cứ muốn quy y thì hãy xin quy y nơi chùa chiền ở Thường Thục, Quang già rồi, không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp. Từ nay về sau đừng gởi thư đến nữa. Gởi đến, quyết chẳng trả lời.

Quy y trong chùa nếu [pháp sư truyền giới] lên tòa nói [Tam Quy, Ngũ Giới], thì trước khi [pháp sư] lên tòa, [người xin thọ giới] đảnh lễ vị sư Tri Khách ở khách đường, đảnh lễ Hòa Thượng ở Phương Trượng. Hòa Thượng lên tòa, [người thọ giới] phải quỳ lạy hơn một tiếng đồng hồ. [Hòa Thượng] xuống tòa, tiễn Hòa Thượng về Phương Trượng, [người thọ giới] lại đảnh lễ, rồi đảnh lễ các vị sư trực ban và thầy Tri Khách. Ông gởi thư xin quy y, những chữ *"đảnh lễ"* đều không chịu viết, quá coi thường chuyện quy y Tam Bảo! Nếu Quang không nói thì Quang cũng mắc tội, cho nên mới phải nói! *(Ngày Mười Hai tháng Tám năm Đinh Sửu - 1937)*

369. Thư trả lời cư sĩ Trí Chương

Tâm tánh của chúng sanh và tâm tánh của Phật không hai. Phật rốt ráo đoạn hết Phiền Hoặc nên được đại thọ dụng, pháp nào, chuyện nào cũng đều tự tại. Chúng sanh thì toàn thể trong mê, nên ngược ngạo dùng sức công đức của Phật tánh để làm cái gốc khởi Hoặc tạo nghiệp, chẳng đáng buồn ư? Dẫu có ai hiểu được nghĩa này, ý muốn trái trần hiệp giác, chí tâm niệm Phật, nhưng vì chỗ chín quá chín, chỗ sống quá sống, nên cũng chẳng dễ tương ứng với Phật! Nếu thân sa vào cảnh hoạn nạn, thật sự có thể một mực dốc lòng thành, không ai chẳng được cảm ứng ngay lập tức. Do khổ não bức bách, nhất tâm cầu cứu, hết thảy những tình kiến khác đều chẳng hiện tiền. Vì thế cảm ứng mầu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn!

Các pháp thế gian trọn không có tướng nhất định. Họa - phước dựa dẫm lẫn nhau, tổn hại hay lợi ích chỉ do con người tự chuốc lấy. Người khéo được lợi ích thì không gì chẳng có ích; kẻ cam chịu tổn hại thì không gì chẳng phải là tổn hại. Nếu ông có thể thường giữ được ý niệm "gặp nạn sắp chết [cho nên phải sốt sắng] niệm Phật" trong lòng, chắc chắn sẽ có thể vào lúc báo thân này sắp mất, giã biệt Sa Bà, cao đăng Cực Lạc, làm đệ tử của Phật Di Đà, làm bạn lành trong hải hội. Nguyện học trò tôi là Trí Chương thường giữ được cái tâm dè dặt kinh sợ để hòng chẳng phụ ơn Di Đà Thế Tôn một phen đại từ bi hiện thân cứu khổ thì may mắn lắm thay! *(Tháng Tám năm Mậu Thìn - 1928)*

370. Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Thật (thư thứ nhất)

Tánh tình ông thường ưa nói những lời vô vị. Nhà ông chẳng dư dật, lại còn có mẹ già, sao lại nói "muốn tìm chỗ thanh tịnh để nhất tâm tu đạo?" Ông làm việc ở Cục Điện Lực, nếu xem kinh tham Thiền thì công việc bận bịu vô cùng, thật khó thể dụng công! Nếu nói niệm Phật, chỉ sợ ông chẳng phát chân tâm. Nếu thật sự phát tâm liễu sanh tử thì tuy đông người cũng chẳng đến nỗi bị trở ngại, bởi lẽ niệm Phật chỉ có một câu, dẫu cho bận bịu cũng chẳng thể phiền rộn được! Nếu tâm ông chẳng chán ghét [pháp Niệm Phật] thì cố nhiên chẳng chướng ngại cho lắm. Nếu ông sanh lòng chán, sẽ trở thành [niệm Phật] một khắc cũng thấy khó thể chịu đựng! Ông chẳng thể bỏ nhà để kiếm chốn yên tịnh niệm Phật, sao lại xin tôi quyết đoán, há chẳng phải là coi như chuyện đùa ư? Nếu ông có thể khuyên cha mẹ già, khuyên vợ con cùng tu Tịnh nghiệp, há chẳng bằng ông ở riêng một chỗ vắng lặng để niệm Phật ư?

Hơn nữa, đối với những chuyện thù tiếp thuộc về phương diện tình cảm giữa con người với nhau, nếu ông lấy cớ tu hành để giảm dần đi, ắt người ta chẳng đến nỗi trách móc. Hoặc khi bất đắc dĩ thì thù tiếp đại khái, chuyện gì bớt được thì bớt, có gì là không được? Sống trong cõi trần học đạo, nếu tu các pháp môn khác thật khó được lợi ích; chứ nếu tu Niệm Phật thì thật là ổn thỏa, thích đáng tột bậc! Nhưng do ông không có chuyện gì cứ bới ra chuyện, vọng tưởng quá nhiều, đừng nói là "chưa có được chỗ yên tịnh sẽ khó được lợi ích", ngay cả khi đã có được chỗ yên tịnh rồi, vẫn khó được lợi ích! Sao ông khổ sở dùng tinh thần hữu dụng để nói năng, so đo vô ích, tự phiền, rộn người? Hãy nên tận lực ngăn ngừa bệnh này, tùy phận dụng công; đọc kỹ Văn Sao thì sẽ tự có thể trong hết thảy chỗ đều tự tại yên vui vậy! *(Mồng Tám tháng Tư)*

371. Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Thật (thư thứ hai)

Tánh tình của ông chuyên môn tìm tòi, bàn nói những chỗ không quan trọng, khẩn yếu! Ví như kẻ thích đồ cổ, đầy nhà là đồ cổ, cũng có món giá trị thật sự quý báu, nhưng cũng có cái chẳng đáng một hai đồng, nhưng tự mình vẫn tưởng là quý báu không thể tính giá được! Thông thường, hễ có khách đến liền dẫn người ta đi xem, kèo nài người ta thưởng lãm. Do đấy ôm lòng kiêu căng, khoe khoang, cho là "vật quý báu trong thiên hạ đều về tay ta!" Tới khi họa hoạn xảy đến, những thứ

vật báu ấy đúng là tăng thêm họa táng thân, trọn chẳng có ích được một đồng. Những gì ông nghiên cứu để thưa hỏi trọn chẳng khác gì chuyện này! Nay may mắn được răn nhắc, liền gấp muốn coi trọng chuyện liễu sanh tử, nhưng cái tâm cứu độ cha mẹ lại chờ cho tới sau khi được vãng sanh đắc [Vô Sanh Pháp] Nhẫn! Sao không nói với cha mẹ, vợ con về nỗi khổ sanh tử luân hồi, mối họa do ăn thịt, sát sanh ngay trong khoảng thời gian này, khiến cho hai cụ già và vợ con đều cùng niệm danh hiệu Phật, cùng sanh về Tây Phương vậy?

Nếu ông có thể chân thật phát tâm chí thành, đối trước đức Phật sám hối thay cho hai cụ, tuy hai cụ không tin tưởng nhưng rồi cũng sẽ tin tưởng. *"Lòng Thành đến cùng cực, đá vàng còn phải nứt"*, huống hồ hai cụ vốn yêu thương con ư? Nếu có thể vứt sạch tập khí bàn bạc, nghiên cứu mù quáng trước kia, chắc chắn sẽ được lợi ích lớn lao. Nếu không, sẽ trọn chẳng khác gì kẻ ưa chơi đồ cổ, gieo được cái nhân xa đã là chuyện may mắn lắm rồi! Nhưng vẫn mắc tội bàn luận Phật pháp xằng bậy cũng chẳng phải nhỏ đâu! Một pháp Niệm Phật hết thảy mọi người đều nên tu, hết thảy mọi người đều có thể tu được, sao chẳng uyển chuyển khuyên hai cụ [tu pháp ấy] ngay trong lúc này?

Ông nói ra những lời lẽ ấy, biết ông đọc Văn Sao vẫn theo kiểu cưỡi ngựa vùn vụt xem đèn, trọn chẳng suy xét tường tận những điều đã được nói [trong bộ sách ấy]! Xin hãy nương tựa toàn thân nơi Văn Sao và An Sĩ Toàn Thư. Tuy Thọ Khang Bảo Giám vẫn chưa phải là sách quan hệ khẩn yếu cho chính mình, nhưng hãy nên lấy đó làm của báu gia truyền, lại hãy nên nói với hết thảy những kẻ trẻ tuổi về lẽ lợi - hại, hãy nên khuyên hết thảy những người già nương theo đó mà răn nhắc con cháu. Dùng những điều này để tự hành, lại còn dạy người, nhờ vào công đức ấy ắt sẽ có thể làm cho cha mẹ già và vợ con cùng thoát khỏi biển khổ.

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Thật, nghĩa là áp dụng trí huệ vào thật sự, thật lý, chẳng còn Đông kéo Tây lôi, cũng như chỉ giải thoát nơi cửa miệng, trọn chẳng có lợi ích thật sự gì! Ông đọc kỹ Văn Sao sẽ chẳng đến nỗi bỏ lơ hai cụ già, chỉ mong vãng sanh Tây Phương đắc Nhẫn rồi mới cứu độ họ. Trong tháng Nhuận, Quang sẽ sang Thượng Hải, sợ là tháng Ba vẫn còn ở Thượng Hải. Chưa đến Phổ Đà thì đừng nên tới Phổ Đà ngay. Nếu cứ muốn tới, nên tới chùa Thái Bình ở bến Trần Gia, Thượng Hải hỏi thăm sẽ biết rõ là Quang còn ở đó hoặc đã qua nơi khác. Quang rất muốn ai cũng niệm Phật vãng sanh Tây Phương cho nên mới dài dòng một phen như thế này!

372. Thư trả lời cư sĩ Lý Huệ Thật (thư thứ ba)

Đầu mùa Đông năm ngoái tôi phải giảo chánh sách, đến ngày Hai Mươi Mốt lại bị bệnh hơn cả tuần, nay đã bình phục. Để thỏa nguyện cho ông bèn soạn một bài tựa. Dùng nguyên tên gọi và đăng ảnh chụp đều là cách để cầu danh chuốc nhục, đấy chính là điều Quang ghét cay ghét đắng. Xin ngàn muôn phần chớ bắt chước kiểu cách hời hợt hoa mỹ trong cõi đời mấy lúc gần đây. Mọi người hãy nên chú trọng thực hiện tiết kiệm, chất phác, chuyên chí tu trì sẽ có lợi ích lớn lao! Năm Dân Quốc thứ chín (1920) có mấy đệ tử ấn hành Văn Sao ở Thượng Hải *(tháng Giêng năm Dân Quốc thứ mười in xong, chính là bản Văn Sao gồm hai cuốn),* liền thỉnh ý Quang về chuyện đăng ảnh chụp, viết tiểu sử; Quang bảo nếu làm như thế sẽ nhất quyết không chấp nhận cho in Văn Sao, họ bèn thôi.

Ông chẳng biết chuyện ấy, vì thế tôi nói với ông để ông khỏi xoay sở xin ảnh chụp rồi in bừa bãi. Dẫu Quang chẳng thể vãn hồi thói xấu hời hợt, hoa mỹ, xa xỉ, lòe loẹt trong cõi đời gần đây, nhưng quyết chẳng chịu theo sóng đuổi sóng để bắt chước làm như họ! Lời tựa gồm hơn bốn trăm chữ, in thành một trang, ghi tên người làm công đức đằng sau; bài kệ Hồi Hướng chỉ dùng những câu văn trong kinh Hoa Nghiêm: *"Nguyện tương dĩ thử thắng công đức, hồi hướng pháp giới chư hữu tình, phổ nguyện trầm nịch chư chúng sanh, tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát"* (Nguyện đem công đức tuyệt vời này, hồi hướng hữu tình các pháp giới, nguyện khắp chúng sanh đang đắm chìm, mau sanh cõi Phật Vô Lượng Quang) là được rồi, chứ chẳng cần phải viết gì khác!

373. Thư trả lời cư sĩ Vương Thành Trung

Nhận được thư đầy đủ, Quang là một ông Tăng hèn kém chỉ biết cơm cháo, thiếu những hiểu biết thông thường, tuổi gần bảy mươi, chẳng có thành tựu gì! Các hạ tưởng lầm là thiện tri thức tức là đã lầm lẫn lớn, lại còn muốn quy y, tức là muốn học lấy bản lãnh của ngu phu, ngu phụ. Đã học bản lãnh của ngu phu, ngu phụ thì bản lãnh của bậc thông gia quyết chẳng còn trông mong chi nữa! Nếu chẳng coi đó là sai lầm, tôi chẳng ngại lấy sai lầm làm chuẩn.

Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Trung, nghĩa là trí huệ do có lòng Thành ở bên trong, ắt trí huệ sẽ thấu đạt ra ngoài, khiến cho hết thảy người hữu duyên đều nương theo ý chỉ "lòng Thành bên trong thấu đạt

ra ngoài" tu trì Tịnh nghiệp, tự lợi, lợi tha. Để hưng khởi Phật pháp trong cõi đời ngày nay, chẳng lo không biết lý tánh cao sâu huyền diệu, chỉ lo không biết nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình để thực hành những điều đáng nên hành! Nếu như hết thảy mọi người đều có thể thực hành những điều đáng nên hành thì thiên hạ thái bình, nhân dân an lạc, Phật nhật thêm sáng, pháp luân thường xoay.

Do vậy, Quang thường nói với hết thảy mọi người: Ắt phải giữ vẹn luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ những ham muốn xằng bậy của chính mình để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện, kiêng giết, ăn chay, tín nguyện niệm Phật, quyết chí cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Dùng những điều này để tự hành, dùng những điều này để dạy người khác, trong là cha mẹ, anh em, vợ con, ngoài là thân thích, xóm giềng, bè bạn, để họ cùng tu tịnh nghiệp, ngõ hầu đáng gọi là đệ tử thật sự của đức Phật. Làm được như thế thì sống là bậc thánh hiền, mất lên cõi Cực Lạc. Lợi ích xuất thế gian lẫn thế gian đều do đây mà được. Đấy là những điều ngu phu ngu phụ có thể làm được, trọn chẳng có chỗ nào cao sâu huyền diệu chẳng thể mong mỏi được! Tiếc cho người đời phần nhiều cầu [lợi ích] từ những điều khác, chẳng cầu từ những điều này; vì thế khó được lợi ích chân thật!

Ông nói: "Phải trông coi công việc trong Cư Sĩ Lâm, chẳng thể chuyên tu, rất sợ khó đắc nhất tâm, chưa thể vãng sanh được, hoặc khó được như nguyện!" Cần biết rằng: Bồ Tát hành đạo lấy lợi người làm đầu. Pháp môn Tịnh Độ lấy Tín - Nguyện để dẫn đường. Có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dẫu chưa đắc nhất tâm cũng có thể vãng sanh. Không có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, dù đã đắc nhất tâm vẫn khó thể vãng sanh *(Người trong nhà Thiền niệm Phật phần nhiều chẳng nói đến tín - nguyện thì vẫn là tự lực, khó được nhờ vào Phật lực; do bọn họ đã không cảm thì Phật cũng khó thể rủ lòng ứng! Đây là chuyện khẩn yếu cùng cực, vì thế phải nói trắng ra).*

Chỉ cần chịu nghe theo những chuyện Quang đã nói trên đây, tận lực thực hiện sẽ tương ứng với chánh nhân của Tịnh nghiệp như Quán Kinh đã dạy và tương ứng với bổn nguyện của Phật. Vì thế, chẳng cần phải ngờ vực, do dự mình khó được vãng sanh! Thế đạo, nhân tâm hiện thời bại hoại đến cùng cực. Phàm những ai dự vào Cư Sĩ Lâm niệm Phật, ắt phải bảo họ đề xướng nhân quả báo ứng và giáo dục trong gia đình, cần nhất là chú trọng nhân quả báo ứng. Lại phải chú trọng dạy dỗ con gái. Làm như thế thì còn có hy vọng sau này người hiền sẽ dấy lên đông đảo, kẻ bại hoại diệt tuyệt. Nếu không, sở học đều là mưu mô dối trá. Mưu

mô dối trá càng tinh xảo, càng khéo léo thì thiên tai nhân họa càng khốc liệt! Đạo "gốc chánh nguồn trong" nằm ở chỗ bình thường này, chứ không có gì lạ lùng cả! *(Ngày Mười Một tháng Chín)*

374. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ nhất)

Một pháp Niệm Phật chỉ những ai chết được cái tri kiến cuồng vọng mới có thể được lợi ích. Dẫu cho cái trí ngang bằng thánh nhân cũng mặc kệ, cứ lấy một câu Phật hiệu này làm bổn mạng nguyên thần, thề cầu vãng sanh. Dẫu đem cái chết bức bách, ép thay đổi đường lối cũng chẳng thể [thay đổi chí hướng]! Như thế mới được coi là người thông minh, mới có thể đạt được lợi ích thật sự. Nếu không, do lắm tri nhiều kiến, [tâm] chẳng thể đoạn nghi, đâm ra chẳng bằng kẻ chất phác niệm Phật chẳng có chút hiểu biết nào lại dễ được lợi ích hơn!

Cái tiếng "quy y" rất dễ đạt được, nhưng thực chất quy y cực khó tu! Phải giữ năm giới *"không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu"*. Lại còn phải bỏ tham - sân - si huyễn hiện trong tâm, tu Giới - Định - Huệ sẵn có nơi tánh, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Trên là khuyên mẹ hiền, giữa khuyên anh em, dưới khuyên vợ con, tôi tớ cùng tu đạo này. Như thế chính là đạo "tự lợi, lợi tha, tự lập, lập người" thường được thực hiện trong luân thường hằng ngày; công đức, lợi ích ấy há tính kể được ư?

Trong thế giới Cực Lạc, chẳng những quang minh của đức Phật vô lượng mà ngay cả cây cối, lưới [báu], ao, đài, mỗi thứ đều có quang minh. Nói ngày hay đêm là nêu đại lược về cách phân chia thời gian, há nên hiểu giống như ban đêm trong cõi này khi ánh mặt trời đã tắt, tối om không thấy được gì nữa ư? Chẳng thấy kinh Quán Vô Lượng Thọ bảo *"khi chim đậu, hoa khép thì coi là đêm"* đó ư? Nhưng thế giới ấy và thế giới này khác nhau vời vợi một trời một vực. Tất cả những điều chỉ bày [trong Quán Kinh hay kinh Vô Lượng Thọ] đều là mượn chuyện cõi này để hình dung [sự trang nghiêm mầu nhiệm trong cõi kia] mà thôi, chứ thật ra [y báo trong cõi Cực Lạc] mầu nhiệm chẳng thể diễn tả được! Há nên si ngốc chấp chặt những cảnh thuộc về mặt Sự trong cõi này là những lời bàn luận đích xác ư?

Người sanh về cõi kia thường nghĩ tới Tam Bảo. Dẫu họ đã là Tăng, vẫn có những vị Tăng thuộc phẩm vị cao như Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác; há vì không có tục mà chẳng

lập được cái tên gọi là Tăng (Sangha) ư? Tăng nghĩa là "hòa hợp". Tâm hòa với lý, tâm hợp với đạo; cả hai không sai biệt nên gọi là Tăng. [Tăng] lại còn có nghĩa là thanh tịnh. Tham - sân - si v.v.. tạp niệm vọng tưởng trọn chẳng hề còn; công đức, lợi ích Giới - Định - Huệ v.v… trọn vẹn đầy đủ, thì gọi "chân thanh tịnh Tăng". Mỗi một Địa [được nói trong] phẩm Thập Địa của kinh Hoa Nghiêm đều chẳng lìa "niệm Phật - niệm Pháp - niệm Tăng", huống là người mới sanh về cõi ấy ư?

Chuyện "cày bằng lưỡi" ("thiệt canh", tức dạy học – chú thích của người dịch) thì người khéo dụng tâm có thể kế thừa bậc thánh đời trước, mở mang cho kẻ học trong đời sau, chẳng giữ quyền vị mà thực hiện sự cai trị, chẳng phô công lao rành rành mà đất nước yên bình, há nên đem lòng chán ghét? Hãy nên nói *"miệt mài [thực hiện] đến chết mới thôi"* thì mới khỏi thẹn với hai chữ *"thiệt canh"* (cày bằng lưỡi). Đa số những kẻ "cày bằng lưỡi" hiện thời đều dụ dỗ bọn thiếu niên theo thói cuồng vọng. Đối với đại kinh đại pháp "cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ" đều bỏ mặc chẳng bàn tới. Vì vậy, thế đạo nhân tâm ngày một đi xuống, chẳng thể vãn hồi được! Nếu giữ vững tấm lòng "yên đời, giác ngộ dân" để làm giáo viên, giáo hóa đồng nghiệp và học sinh, công đức ấy há biết được bến bờ ư?

Đối với quẻ [Sơn Thủy] Mông[135] trong kinh Dịch, phần Tượng Từ giảng: *"Mông dĩ dưỡng chánh, thánh công dã"* (Nuôi dưỡng điều chánh nơi trẻ thơ, ấy chính là công lao của bậc thánh vậy). Trường học ấy nên đặt tên là Chánh Mông. Trẻ thơ đã được dưỡng dục thành chánh đáng, sẽ liền có thể dự thẳng vào bậc thánh hiền. Nhưng dạy học mới chỉ là một nửa, nếu ông có thể từ đầu đến cuối luôn nghĩ cách đề cao sự giáo hóa tư cách qua việc dạy học thì đức của chính mình được tăng tiến mà chẳng hay biết[136], ấy chính là đạo "tự lợi, lợi tha, tự lập, lập người", há phải chỉ làm cho những đứa học trò thơ ngây ấy được giáo hóa chánh đáng mà thôi!

---

[135] Đây là một quẻ kép (gồm sáu vạch) trong sáu mươi bốn quẻ của kinh Dịch. Quẻ Sơn Thủy Mông do hai đơn quái (quẻ đơn, chỉ gồm ba vạch) Khảm và Cấn ghép lại, quẻ Cấn bên trên, quẻ Khảm bên dưới. Do quẻ Mông tượng trưng cho sự kiện "dưới núi có đầm sâu", ngụ ý nguy hiểm tối tăm, nên chữ Mông được dùng với nghĩa rộng là "còn tối tăm, mê muội, chưa hiểu biết". Vì thế, trẻ thơ chưa đi học, chưa được khai hóa bởi lễ nghĩa của thánh nhân cũng được gọi là Đồng Mông.

[136] Nguyên văn *"niệm chung thủy điển ư học, quyết đức tu vọng giác"*. Đây là một câu trích từ thiên Thuyết Mạng sách Thương Thư, chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của Châu Hy trong sách Châu Tử Ngữ Loại.

Dạy dỗ học trò chính là chuyện thực hành giáo hóa bậc nhất trong thế gian. Nếu xem những kẻ đến học như con ta, em ta, sẽ có lợi ích lớn lao. Nhân quả báo ứng chính là phương tiện lớn lao để thánh nhân thế gian lẫn xuất thế gian bình trị thiên hạ, độ thoát chúng sanh; chứ nào phải chỉ có kẻ hạ ngu mới nhờ vào đấy để trừ khử những tâm sai trái! Đại thánh đại hiền không một ai chẳng nhờ vào đấy mà thành thánh, thành hiền! Chỉ vì Nho sĩ trong cõi đời chẳng biết cái gốc của đạo, muốn chia lối khác đường với Phật giáo nên đã ngầm gieo mầm rối loạn thiên hạ nơi việc "phù trợ, tạo lập danh giáo" mà chẳng tự biết; vẫn cứ nhơn nhơn lớn họng đề xướng chuyện [bài bác nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi] như thế ấy, há chẳng khiến cho người có đủ chánh tri chánh kiến sanh lòng thương xót sâu xa ư? Ông có thể dẹp sạch rào giậu, đủ chứng tỏ đã có thiện căn từ đời trước, nhưng phải dè dặt cẩn thận nơi thấy - nghe - nói - làm, ngõ hầu không thiếu sót sự phản tỉnh trong tâm thì ai nấy sẽ đều nghe theo. Nếu hằng ngày nói nhân quả báo ứng, giảng giải Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn, Giác Thế Kinh cho học trò, nhưng hành vi [của chính mình] luôn trái nghịch với ba thứ sách ấy, ắt sẽ trở thành kép hát lên sân khấu [diễn tuồng], chỉ dâng hiến cho người ngồi dưới sân khấu được sướng tai khoái mắt một chốc mà thôi! Kép hát chỉ đáng giá kép hát, trọn chẳng được lợi ích trong khi còn sống lẫn sau khi mất đi! Xin ông hãy thấu hiểu sâu xa lời lẽ này của tôi thì tâm pháp của Nho, Phật và lợi ích chân thật rốt ráo há để người xưa riêng hưởng, còn ông chẳng có phần ư?

Tâm tịnh sẽ sanh về Tịnh Độ. Do vậy, người niệm Phật cần phải đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành. Nếu người thế gian thật sự có lòng tín nguyện sẽ đều có thể vãng sanh, huống chi thánh nhân! Chẳng tu thân mà niệm Phật thì cũng có lợi ích, nhưng quyết định vãng sanh thì trong trăm ngàn vạn người khó được một kẻ! Hùng Tuấn, Duy Cung[137] [được vãng sanh] là chuyện may mắn. Hai câu văn ông đã soạn thì đúng nhưng còn chưa thiết thực, hãy nên viết: *"Trí đoạn phiền tình siêu khổ hải, lập kiên tín nguyện nhập liên trì"* (Trí dứt phiền tình, vượt biển khổ, tín nguyện lập vững, nhập liên trì) sẽ xác đáng, thiết thực, vì pháp tắc dụng công đều được chỉ ra *(Phiền là phiền não, tức là nói chung, còn Tình chuyên chỉ dâm dục).*

Thầy thuốc chịu giữ tấm lòng giúp đời lợi người thì lợi ích lớn lao, nhưng thầy thuốc chỉ trị được bệnh, chẳng thể trị được nghiệp và mạng.

---

[137] Đây là hai nhân vật hung ác, phá giới, phạm trai, tới lúc lâm chung do sám hối thiết tha cầu sanh Tịnh Độ nên vẫn được vãng sanh (Xin xem trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục).

Nếu dùng thêm nhân quả báo ứng và "niệm Phật tiêu nghiệp" để khai thị cho người khác, ắt người ta dễ nghe theo; ấy chính là làm thầy thuốc mà hoằng pháp vậy!

Sự trong thiên hạ không nhất định, nhưng lý nhất định. Lý là cốt lõi của Sự. Sự là biểu hiện của Lý. Quân tử xử thế, lập thân, giữ kinh[138], đạt quyền, ấy chính là đạt! Nếu không, ắt sẽ đến nỗi trái lý chạy theo người khác, mất mát lớn lắm. Vì thế, quân tử nói: *"Khả dữ cộng học, vị khả dữ thích đạo. Khả dữ thích đạo, vị khả dữ lập. Khả dữ lập, vị khả dữ quyền"* (Có những kẻ ta có thể cùng học tập với họ được, nhưng họ chưa phù hợp với đạo. Có những kẻ đã phù hợp với đạo, nhưng chưa thể duy trì được cái đạo ấy. Có những kẻ đã duy trì được cái đạo ấy, nhưng chưa thấu hiểu quyền biến)[139]. "Quyền" (權) có nghĩa là dựa theo thời mà lập ra những điều thích nghi, tức là giữ lý thường nhưng lại biết biến đổi phương cách sao cho thông suốt, khiến cho nó được thích hợp. Nếu trái với Kinh thì toàn thể đã mất, làm sao hợp với đạo cho được? Cho nên cái Quyền ấy chính là Quyền phi lý vậy!

Phật pháp quán thông thế gian, đối với tu - tề - trị - bình không cách ngăn, trở ngại mảy may nào! Tiếc cho người đời chẳng suy xét, thường chấp vào một bên để luận, khiến cho kẻ vô tri nhân đó sanh tội lỗi. Lời ông nói do vẫn chưa hiểu tường tận nguyên do, nên coi Bố Thí là tột bậc, đấy chính là dùng thân để diệt pháp! Sự lý này đã được giảng đại lược trong Văn Sao, chẳng thể luận nhất loạt như nhau được. Trong phần nói về đối trị phiền não của Văn Sao, có [kể ra hai loại người tu hành, tức là] phàm phu trụ trì pháp đạo và bậc Bồ Tát chỉ liễu tự tâm; mỗi loại đều có những điều phải tuân giữ, đề cao, chẳng thể luận bàn lẫn lộn được! Như [Khương] Thái Công (Khương Tử Nha) vác kích theo [Châu Vũ Vương] phạt Trụ, Di - Tề (Bá Di, Thúc Tề) nắm cương ngựa can gián [Châu Vũ Vương đừng phạt Trụ]. Hai vị mỗi người đi theo đường riêng, dẫu thánh nhân cũng chẳng thể bảo người này là đúng, kẻ kia là sai được! Xin hãy đọc sách kỹ càng, đọc đầy đủ rồi mới suy nghĩ sẽ tự có sở đắc, nhưng phải rất chú trọng niệm Phật.

---

[138] Kinh (經) là những gì chánh đáng, mang tính chất khuôn phép mẫu mực, phải cố gắng tuân thủ.

[139] Đây là lời của Khổng Tử (được chép trong thiên Tử Hãn sách Luận Ngữ), chúng tôi dịch theo cách diễn giải trong sách Luận Ngữ Giảng Yếu của cụ Lý Bỉnh Nam. Chữ Quân [trong câu "quân tử nói"] ở đây có lẽ bị chép sai. Đúng ra phải là *"Khổng Tử nói"* thì hợp lý hơn!

375. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết ông lại có đứa con hiền nối dõi, khôn ngăn vui mừng, an ủi. Ông đọc An Sĩ Toàn Thư, sao chẳng thấy [câu chuyện] người mở tiệm bán đồ phương Nam ở Dương Châu[140] thiếu lương tâm, có được hai đứa cháu nội. Người con ông ta thề sửa đổi hành vi của cha, hai đứa cháu bèn chết cả. Sao chẳng thấy đoạn văn nói về bốn cái nhân [chúng sanh đầu thai làm con cháu] trong Văn Sao vậy? Sao chẳng thấy lý "quả báo thông ba đời"? Nếu người niệm Phật có con bị chết, lỗi do niệm Phật, thì con của kẻ không niệm Phật trọn chẳng chết ư? Nên biết rằng: Gặp tai nạn mà sợ, càng ra sức tu hành, ấy chính là đại nhân duyên siêu phàm nhập thánh. Nếu hễ gặp cảnh chẳng thuận tâm liền sanh oán hờn, ấy chính là đại nhân duyên vĩnh viễn đọa tam đồ ác đạo.

Ông đọc sách hiểu lý, mà đối với chuyện này vẫn cảm thấy rất khó chấp nhận, tức là *"chấp vào đức chứ không thông hiểu rộng rãi, tin tưởng đạo nhưng chẳng chuyên dốc, chắc thật"*[141], kiến thức vẫn chẳng

---

[140] Thoạt đầu, "Nam hóa" (hàng hóa từ phương Nam) chỉ có nghĩa là những sản vật từ phía Nam sông Dương Tử. Đến đời Gia Khánh nhà Thanh trở đi, do chánh sách bế quan tỏa cảng được nới lỏng, các hàng hóa từ ngoại quốc nhập vào Trung Hoa rất nhiều; từ ngữ "Nam hóa" bèn được dùng để chỉ chung những sản phẩm hay dược phẩm nhập từ các nước thuộc phía Nam Trung Hoa như Việt Nam, Thái Lan, Mã Lai, Nam Dương v.v… Thậm chí những sản phẩm từ Phi Luật Tân hoặc Tây Phương nếu nhập từ những hải cảng ở miền Nam Trung Hoa như Quảng Châu, Hạ Môn, Phước Châu v.v… đều được gọi là Nam Hóa. Theo An Sĩ Toàn Thư vào cuối đời Minh, ở Dương Châu có một người mở tiệm bán hàng hóa nhập từ phương Nam rất giàu có. Lúc sắp chết, trăn trối với người con trai: "Cái cân này là vật báu gia truyền, đừng bỏ đi. Cán cân làm bằng Ô Mộc, khoét rỗng, bên trong đổ một ít thủy ngân. Khi cân cho ai thì dốc cho thủy ngân chảy về phía đĩa cân nên khách hàng bị thiệt; khi mua thì nghiêng cho thủy ngân chảy về đằng cán nên người bán hàng cho ta bị thiệt. Do vậy, ta mới làm giàu nhanh chóng". Sau khi cha chết, người con nghĩ cha mình làm ăn thất đức, bèn đem cái cân chẻ ra, thấy trong ấy có một hòn máu đỏ tươi. Không lâu sau, hai đứa con trai của anh ta rất thông minh tuấn tú, tài học lẫy lừng cả vùng bỗng lăn ra chết tốt. Anh ta oán thán trời đất vô tri, nhân quả đảo điên, than khóc suốt ngày đêm. Một đêm, bỗng mộng thấy đến một tòa phủ nọ, viên phủ quan ngồi trên tòa nghiêm nghị bảo: "Cha ngươi có số giàu chứ không phải vì cân đong tráo trở mà giàu. Do lão ấy ôm lòng bất chánh nên Thượng Đế sai hai ngôi sao Phá Quân, Đại Hao giáng xuống làm con của ngươi để phá sạch cơ nghiệp của lão. Đã hết sạch cơ nghiệp rồi còn đốt cho cháy trụi cả nhà cửa không còn sót gì. Nay do ngươi cải hối, nên trời triệu hai ngôi sao ấy về. Hãy gắng ăn ở công bình, tận lực làm lành, đừng nên oán hờn, sẽ có con hiền, rạng rỡ tổ tông". Không lâu sau người ấy sanh được hai đứa con, về sau đều đỗ Tiến Sĩ.

[141] Đây là một câu nói trích từ thiên Tử Trương trong sách Luận Ngữ: *"Tử Trương vân: 'Chấp đức bất hoằng, tín đạo bất đốc, yên năng vi hữu, yên năng vi vong?"* (Tử Trương nói: 'Chấp vào đức, chứ không thông hiểu rộng rãi, tin tưởng đạo nhưng chẳng chuyên dốc, chắc thật. Con người như vậy làm sao có thể đạt được điều gì, làm sao tránh khỏi có chuyện mất

khác gì kẻ chưa nghe Phật pháp! May sao sanh được con là do Phật - trời ban cho. Nếu vĩnh viễn chẳng có con, ông sẽ do chuyện này mà chẳng sanh lòng tin ư? Trong cõi đời, quân tử lấy thân hướng dẫn mọi người, nếu chẳng rõ sự lý, sẽ bị những tình kiến ngu xuẩn xoay chuyển, còn đáng gọi là người nghe đạo nữa ư?

376. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ ba)

Nhận được thư biết cháu X… chết yểu, khôn ngăn than dài. Xét những lời ông viết trong phần đầu, tợ hồ là tri kiến chưa thông đạo lý; những lời thuộc phần sau khá hợp với đạo "chẳng oán, chẳng hờn, tự tỉnh, tự sửa đổi". Họa - phước không nhất định, tổn hại hay lợi ích do nơi người. Người khéo được lợi ích không gì chẳng có ích; kẻ cam chịu tổn hại không gì chẳng bị tổn hại! Quá khứ chư Phật đều lấy cảnh khổ làm thầy, cho nên đoạn sạch Phiền Hoặc, thành vô thượng đạo. Nếu ông được như Du Tịnh Ý, Viên Liễu Phàm sửa lỗi tu trì, há không chỉ được Phật - trời lại ban cho đứa con hiền mà còn sẽ đích thân dự thẳng vào hàng thánh nhân.

Dạy học mà nói về sự lý nhân quả báo ứng thì đâu có trở ngại gì. Nếu nói về niệm Phật tu trì thì phải chọn kẻ có trí thức, biết tốt - xấu mới chẳng đến nỗi khiến cho mọi người nhao nhao bàn ra tán vào! Nhưng trước hết cần phải tự thưa rõ [với mọi người] "bản thân tôi tu trì chưa đến nơi đến chốn, vì thế vẫn thường mong gặp được những sự nhắc nhở không vừa ý để làm đại nhân duyên hòng lập thân hành đạo. Nếu chuyện gì cũng vừa lòng, chắc sẽ đến nỗi kiêu mạn, phóng dật, chẳng chịu tu trì nữa!" Những kẻ thành gia lập nghiệp trong cõi đời phần nhiều đều do nghèo khổ; những kẻ khuynh gia bại sản đều là hạng giàu vui. Đấy chính là những tấm gương tày liếp vậy!

Con người sống trong thế gian hãy nên trọn hết bổn phận; họa - phước, khổ - vui tuy chủ yếu do túc nghiệp quyết định, nhưng hễ nỗ lực tu trì thì nghiệp sẽ bị chuyển theo. Kẻ do nghiệp trong đời trước sẽ bị ác báo hoặc chẳng chịu ác báo mà nếu công tu trì sâu đậm, sẽ đâm ra được hưởng thiện báo. Nếu buông lung phóng túng làm các điều ác thì thiện báo trong đời trước chưa hưởng, ác báo đời này đã xảy đến rồi! *"Tâm tạo được nghiệp, tâm chuyển được nghiệp*", chỉ do con người tự quyết định. Thiên địa quỷ thần chỉ nắm quyền thưởng phạt, chẳng thể nắm

---

mát'). Chúng tôi dịch câu này theo cách giảng của sách Tứ Thư Bạch Thoại Chú Giải (do Thường Thục Châu và Lân Công Chấn biên soạn)

quyền chuyển dời; quyền chuyển dời nằm trọn nơi ta. Đã biết là do ta thì chỉ biết mong thành thánh thành hiền, học Phật, học Tổ. Thánh, hiền, Phật, Tổ há cự tuyệt người! Cư xử trong cõi đời nên hồn hậu, lập thân nên nghiêm túc, ngõ hầu chẳng đến nỗi bị tà giáo đố kỵ hay mê hoặc. Sai chỉ hào ly, khác biệt vời vợi một trời một vực! Kẻ chưa mở mắt dám múa mỏ như bậc đại sĩ lỗi lạc ư?

Một pháp Niệm Phật không điều mong cầu nào chẳng được ứng nghiệm, chứ nào phải chỉ cầu mưa, cầu lành bệnh mới có linh nghiệm!

Mỗi người đều có bổn phận phải trọn hết, hãy nên hành xử theo đúng địa vị, đấy chính là bổn phận của bậc quân tử. Nếu hành xử vượt phận mà chẳng phải là bậc đại trượng phu lỗi lạc, chắc chắn chẳng thể đạt được lợi ích chân thật. Vì sao vậy? Do kẻ ấy chẳng thể trọn hết bổn phận nơi chỗ dễ dàng, làm sao trọn hết bổn phận ở chỗ khó khăn cho được? Chuyện xuất gia bảo là dễ thì dễ tựa trở bàn tay, chỉ cần mặc một chiếc áo cổ lớn là đã thành hòa thượng rồi! Nhưng loại hòa thượng sống phí quang âm bại hoại Phật môn ấy quá nửa sẽ phải sống trong tam đồ vào thuở tương lai! Muốn được làm người, sợ trong vạn kẻ cũng khó được một hai! Nếu muốn làm một vị hòa thượng đội trời đạp đất, thượng hoằng hạ hóa, sẽ khó hơn lên trời! Đang trong lúc gia đình còn đầy đủ cha mẹ, vợ con, ông còn chưa thể suy nghĩ, hành xử đúng với mức độ của một kẻ làm con, làm chồng, làm cha người ta, làm sao có thể xuất gia liền đắc quả để phổ độ oán - thân cho được? Chỉ vì ông cứ tưởng hễ xuất gia, trăm sự sẽ chẳng bận lòng, chẳng biết xuất gia còn nhiều việc hơn tại gia! Ông muốn thanh nhàn tự tại, tiêu dao khoái lạc, chắc chắn sẽ chẳng thể là một ông Tăng tốt được, bởi lẽ ruồng bỏ cha mẹ, vợ con sẽ trở thành đại tội! Quang là ông Tăng xuất gia, biết sâu xa điều lợi lẽ tệ nên nói tường tận với ông. Nếu gặp phải loại hòa thượng tồi tệ thích thâu nhận đồ đệ, chắc sẽ lừa ông theo làm đồ đệ cho hắn, tức là ông đã bị đánh gục rồi! Ông hãy nên chiếu theo bổn phận mà tu pháp môn Tịnh Độ, khiến cho cha mẹ, vợ con ông đều cùng làm quyến thuộc nơi cõi sen, lợi ích lớn lao lắm!

Một câu Phật hiệu bao quát giáo pháp của cả Đại Tạng, trọn chẳng còn sót gì. Người tu Tịnh nghiệp có các loại chuyên tu hay viên tu khác nhau. Ví như thuận nước căng buồm, càng lại dễ đến [đích]. Cũng như ăn cơm, chỉ ăn cơm xuông (ăn cơm trắng, không có thức ăn) cũng có thể đỡ đói, mà có ăn kèm thêm các món thức ăn cũng chẳng phải là không được! Nếu chuyên niệm Phật, chẳng trì chú thì được; chứ chuyên niệm

Phật rồi đả phá trì chú lại không được. Huống hồ Vãng Sanh Chú vốn là Trợ Hạnh cho pháp môn Tịnh Độ ư?

Trong kinh Kim Cang thường nói: *"Nếu có thiện nam tín nữ thọ trì kinh này cho đến bốn câu kệ v.v...*" ấy chính là nói thiện nam tín nữ trì kinh hoặc một quyển, hoặc nửa quyển, cho đến tối thiểu là bốn câu, ba câu, hai câu, một câu đều được, bởi trước hết nói *"thọ trì kinh này"* rồi sau đó nói *"cho đến"*, rồi nói *"vân vân"*. Nếu chỉ nói một mình chữ *"kệ"* thì mới nên hiểu là kinh dạy *"thọ trì bốn câu kệ nào đó trong kinh này"*, chứ chẳng nên trước hết nói *"thọ trì kinh này",* sau đó lại nói *"cho đến"* rồi *"vân vân"*. *"Cho đến"* chính là từ ngữ diễn tả ý lược bớt, *"vân vân"* là từ ngữ để diễn tả ý chỉ liệt kê tượng trưng. Người đời chẳng hiểu *"[toàn bộ] ý nghĩa rốt ráo được dạy trong kinh chính là 'một kệ'"*, chứ không phải là [chữ "kệ" được nói trong câu kinh Kim Cang này] chuyên chỉ loại kệ tụng giống như thơ [trong kinh]. Trong Văn Sao, qua bài tựa sách Kim Cang Kinh Tuyến Thuyết và bài tựa sách Kim Cang Kinh Thứ Hỗ, tôi đều đã nói qua ý này; sao ông lại trọn chẳng biết mà còn hỏi tôi vậy?

Người đời chẳng khéo hiểu kinh văn nên chấp chết cứng ["*bốn câu kệ*"] là kệ tụng. Nếu vậy thì trọn bản kinh không có công đức, chỉ kệ tụng mới có công đức thôi sao? Kẻ mở banh mắt mà nói mớ chẳng biết là bao nhiêu, cũng đáng buồn lắm! Bốn câu kệ *"sắc kiến, thanh cầu"*[142] nhằm khiến cho con người ngộ được lý "Pháp Thân Thật Tướng", chứ nào phải dạy con người vứt bỏ chuyện tu trì các thứ pháp môn ư? Phần trước kinh chẳng nói như thế này hay sao? *"Bồ Tát chẳng trụ vào Sắc mà bố thí, chẳng trụ vào Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp mà bố thí" ([Trong câu này, kinh chỉ nói đến] Bố Thí là chỉ nêu tượng trưng. Với lục độ vạn hạnh đều chẳng trụ vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp mà hành, chứ không phải chỉ có mình Bố Thí mà thôi).* Ấy chính là dạy Bố Thí chẳng trụ vào Sắc, Thanh v.v… cũng chẳng trụ vào Bố Thí để hành Bố Thí, chứ không phải là dạy con người chẳng hành Bố Thí, [ấy là] *"làm mà chẳng trụ!*" Kẻ tà kiến chẳng biết ý sâu này, hễ nghe lời phá chấp bèn bỏ thật hạnh, chẳng đáng buồn sao?

Tượng Bồ Tát vi diệu trang nghiêm, chẳng dễ đắp, vẽ, nên thường có lúc trông tương tự tướng nữ nhân; ấy là vì phàm phu chẳng thể hình dung được sự vi diệu. Ông tưởng Ngài là nữ, thật đúng là lời lẽ của kẻ

---

[142] Tức bài kệ: *"Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã. Thị nhân hành tà đạo, bất đắc kiến Như Lai*". Sa-môn Thích Trí Hải (chùa Quán Sứ) dịch: *"Dùng sắc để thấy ta, dùng âm thanh cầu ta, kẻ ấy theo đạo tà, chẳng thấy được Như Lai".*

chẳng biết Phật pháp! Tâm chúng ta và tâm Bồ Tát cùng một thể tánh. Chúng ta do mê trái, nên nương theo tâm tánh này để khởi Hoặc tạo nghiệp, chịu các khổ não. Nếu biết cái tâm khởi tham - sân - si ấy chính là tâm viên chứng Giới - Định - Huệ của Bồ Tát thì khởi tâm động niệm có bao giờ chẳng phải là Bồ Tát hiển thần thông nói diệu pháp đâu?

Ngoại đạo thường ăn trộm ý nghĩa trong kinh Phật rồi tự lập tông, như lấy sữa rồi đổ nước vào, hoặc lấy sữa rồi bỏ chất độc vào. Đã bỏ nước, bỏ chất độc vào, sao còn gọi là một tông phái Phật giáo cho được? Sao ông còn hỏi kẻ hồ đồ chẳng biết tà - chánh ấy có phải là chánh kiến hay không? Người niệm Phật thật sự chuyên nhất niệm Phật thì thành Phật còn có thừa. Tu hành cố nhiên coi chuyên nhất là quý, nhưng người chân thật niệm Phật hãy niệm thêm Quán Âm thì cũng có thể giúp cho việc niệm Phật. Vì sao vậy? Phật độ chúng sanh vẫn cần Quán Âm phụ giúp thực hiện, huống chi chúng ta thượng cầu hạ hóa kiêm niệm Quán Âm, há có lẽ nào chẳng được? Lời ông hỏi đều là chẳng hiểu lý, nên trở thành cái thấy hẹp hòi, chỉ thấy một phía, chẳng biết còn có một phía khác!

Thế đạo hiện nay là thế đạo hoạn nạn, Quán Thế Âm đại từ đại bi tầm thanh cứu khổ, hãy nên ngoài lúc niệm Phật ra, niệm thêm Quán Âm. Nếu có thể chí thành khẩn thiết, sẽ tự được nhờ ơn Ngài che chở.

[Đối với chuyện luận giải số mạng dựa trên phép bói] Bát Tự[143], há nên giải đoán giùm cho người ta. Nếu có ai cầu khẩn giải đoán giùm, hãy nên đem nhân quả túc duyên để chỉ dạy. Nếu kẻ ấy chẳng nghe, chỉ nên thoái thác, quyết chớ nên vì tình cảm mà khiến cho người ta bị lầm lẫn cả đời.

Đệ tử Phật đã tự kiêng giết, sao lại còn mua [sanh vật] đem tặng cho người khác để kẻ ấy giết ư? Nếu bị bậc tôn trưởng của chính mình thúc ép thì cũng nên tìm cách khuyên nhủ để họ đừng giết, mà mua những thứ làm sẵn ngoài chợ. Sao lại nói là không tìm được cách nào? Phải biết rằng: Đạo làm con phải nói sẵn về họa hại do sát sanh khiến cho cha mẹ giảm trừ sát nghiệp. Dẫu cha mẹ chẳng nghĩ là đúng, cũng nên khẩn cầu [cha mẹ] đừng đích thân giết, ngõ hầu chẳng đến nỗi sát nghiệp của cha mẹ và chính mình bị kết chặt, chẳng thể cởi gỡ được! Hãy nên thường

---

[143] Bát Tự còn gọi là Tử Bình là một môn bói toán số mạng dựa trên giờ, ngày, tháng, năm sanh, gần giống với Tử Vi, nhưng đơn giản hơn. Do giờ, ngày, năm, tháng được phối hợp với Thiên Can Địa Chi để đặt tên (chẳng hạn năm Đinh Dậu, tháng Kỷ Mùi v.v…) nên gồm tám chữ. Vì thế gọi là Bát Tự.

đối trước Tam Bảo sám hối thay cho cha mẹ. Nếu thật sự chân thành thiết tha, sẽ chẳng khi nào không được cảm ứng.

"Huyền nhai tán thủ" (Buông tay nơi vách đá cheo leo) chính là lời nói trong Tông môn, hàm ý "ngay khi ấy đích thân thấy được triệt để". Phàm đối với những lời lẽ trong Tông môn hãy nhất loạt đừng quan tâm tới, bởi ý nằm ngoài lời, ông chẳng kham được đâu! Hơn nữa, chính mình phải tham cứu thì mới ngộ được. Tri thức chỉ dạy cho ông pháp tắc tham cứu, chứ không nói ý nghĩa của những lời ấy, bởi hễ nói thì [người nghe] sẽ chẳng thể khai ngộ được! Đừng nói là chưa thể ngộ được chuyện ấy, dẫu có ngộ cũng khó thể liễu sanh tử vì cậy vào tự lực. Nếu chẳng biết cứ nói bừa, tội sẽ cực lớn, [tội ấy] gọi là "bàn xằng Bát Nhã", quả báo trong địa ngục; bởi lẽ đã hoại loạn Phật pháp, khiến cho chúng sanh lầm lạc, nghi ngờ. Hãy hết sức răn dè!

Nghe tiếng sấm sợ hãi là do đời trước có nhân ác, đời này ít vun bồi đức. Nay hãy nên đem cái tâm sợ sấm mà chú ý, cẩn thận gắng sức tu trì hằng ngày thì cái nhân ác ấy lại trở thành gốc thiện. Tổn hại hay lợi ích do con người tự chuốc lấy, họa - phước không gì chẳng do chính mình tự cầu. Chỉ nhất tâm niệm Phật, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, vãng sanh Tây Phương, quyết định thành Phật sẽ lìa khỏi hết thảy sợ hãi. Nếu không, sợ cũng không đúng, mà chẳng sợ cũng không đúng. Những kẻ cùng hung cực ác nào biết sợ hãi gì, nhưng bọn họ vẫn sợ "một hơi thở ra không hít vào được", chỉ có bọn họ tự biết. Vì vậy, hoạt Diêm quân, hoạt tiểu quỷ (Diêm vương sống, tiểu quỷ sống) thường hiện hữu trong cõi đời đều nhằm [mục đích] "tạo ra những cảnh tượng đáng sợ khiến cho những kẻ chẳng sợ hết thảy mọi thứ [sẽ biết kinh sợ]!"

Biết có những điều mình chẳng làm được mà vẫn dốc hết sức gắng làm, đấy chính là tâm hạnh đại từ đại bi của Bồ Tát. Biết có những điều chẳng nên làm mà cứ nhất loạt chẳng kiêng dè, sẽ trở thành chủng tử địa ngục. Kẻ tà kiến thường đem những điều chẳng thể làm được để ngăn trở người khác, bảo là "hễ con người vừa hít vào liền có vô số trùng nhỏ chui vào bụng, đều là sát sanh, đều là ăn thịt; làm sao ông có thể không sát sanh, không ăn thịt?" Điều này giống hệt như toàn thân vùi lấp trong hầm xí mà vẫn muốn lôi người khác vào trong ấy. Người ta không chịu nghe theo, bèn nói: "Mày chê tao hôi thối. Chứ trên thân mày thường có ruồi, muỗi, rận, rệp, tuôn phân, vãi tiểu, mà vẫn chưa phải là đã ở trong nhà xí, cứ quở tao là hôi thối ư?" Những thứ tri kiến ấy đều là tà kiến, đều sanh khởi nơi những kẻ thông minh, chẳng đáng sợ ư?

Niệm Phật chẳng phân thánh - phàm. "Thánh" chỉ Tam Thừa, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. "Phàm" chỉ lục đạo, tức thiên, nhân, A-tu-la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục; nhưng do cõi trời sung sướng nên kẻ chẳng thể niệm rất nhiều. Vì tam đồ khổ sở nên kẻ chẳng thể niệm càng nhiều. Tu La do sân hận nên cũng chẳng thể niệm. Chỉ có loài người dễ niệm nhất; nhưng kẻ phú quý liền bị phú quý mê hoặc, kẻ thông minh bị thông minh gây lầm lẫn, kẻ ngu si bị ngu si làm mê muội; chúng sanh đông nhung nhúc mà có mấy ai [niệm Phật]? Đã biết nghĩa này, hãy nên dũng mãnh tu trì, đừng để đến nỗi "muốn niệm mà chẳng thể niệm được" sẽ chẳng phụ rẫy cuộc sống và dịp gặp gỡ này.

Lấy da trâu bò tươi để bịt trống không phải vì đặc biệt làm trống mà giết [trâu, bò]. Do trong cõi này, để hiệu triệu mọi người đều phải dùng chuông - trống, đấy cũng là thuận theo thế tục. Cần biết rằng: Bò bị người ta giết, lấy da nó bịt trống; khi làm Phật sự đánh trống thì con bò ấy sẽ được lợi ích lớn lao. Chiếc trống bịt bằng da người ở Ngũ Đài Sơn chính là do một ông Tăng lạm dụng tiền tài của Thường Trụ để tậu tài sản riêng, chết đi biến thành trâu để cày ruộng ấy. Đến khi trâu chết, báo mộng cho học trò, bảo lột da trâu bịt trống, gởi sang chùa Văn Thù, trên [mặt trống] viết tên và chuyện của ông ta để khi [chư Tăng] làm Phật sự bèn đánh [trống ấy] ngõ hầu [ông ta] mau tiêu được nghiệp! Nếu không, dẫu ruộng ấy đã biến thành biển xanh, nghiệp vẫn chẳng thể nào tiêu diệt được! [Truyện này] thấy trong Thanh Lương Sơn Chí.

Dùng tơ lụa để may phan cũng suy luận tương tự. Đức Phật cấm không cho dùng tơ, nhưng đời sau lại sử dụng; công hay tội là do chí thành hay do phô trương sáo rỗng mà phân nặng - nhẹ! Như cổ nhân thêu hình Phật, thêu kinh, cứ mỗi mũi kim đâm xuống là nhặt được xá-lợi; đủ biết thêu hình Phật, thêu kinh có công lớn lao, lỗi dùng tơ lụa nhỏ nhoi! Thêu hình Phật, thêu kinh, quyết chẳng phải là thêu trên vải! Người đời nay buông lung không kiêng dè; hễ khuyên họ kiêng giết bèn dùng hết đủ mọi chuyện để ngăn trở. Lời họ nói tuy có lý, nhưng thật ra tâm họ muốn con người mặc tình sát sanh, chẳng cần phải kiêng dè. Buồn thay!

Thấy người khác sát sanh, hễ cứu được thì cứu. Nếu không, hãy phát tâm niệm đại từ đại bi cầu mong cho kẻ sát sanh và con vật bị giết đều tiêu trừ nghiệp chướng, tăng trưởng thiện căn. Con vật bị giết liền nhờ đó được vãng sanh Tây Phương, liễu sanh thoát tử. Há nên chẳng nương theo ý Phật, lầm lạc sanh phiền não giận mình, giận người, suốt đêm không ngủ? Chẳng thấy tiên sinh Châu An Sĩ hễ thấy hết thảy miếu thờ

thần và hết thảy súc sanh đều khuyên phát Bồ Đề tâm, dạy cầu sanh Tây Phương ư? *(Đây là tuân theo ngôn giáo của đức Phật, chứ không phải là tự lập)*. Dẫu họ chẳng lãnh hội, bi tâm của ta đã tha thiết chân thành khẩn thiết rồi! Đây quả thật là tông chỉ lớn lao để giúp thành Tịnh nghiệp đấy!

Người niệm Phật bị trúng gió, cảm mạo v.v… chẳng ngại gì tìm thầy thuốc [chữa trị]. Bị bệnh do oán nghiệp thì chỉ nên chí thành niệm Phật và niệm Đại Sĩ. Nếu mười phần chí thành, không nghiệp nào chẳng tiêu, không bệnh nào chẳng lành! Quỷ khuấy rối vốn là tà; nếu chí tâm niệm Phật, do Phật cảm nên thần sẽ đuổi [những loài quỷ quấy phá ấy] lánh xa. Trong phẩm Phổ Môn [có nói] người niệm Bồ Tát dẫu thế giới đầy ắp ác quỷ, chúng vẫn chẳng dám dùng mắt ác để nhìn ngó, huống là gia hại! Ông có thấy hay chăng? *"Duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà, đương xứ tức thị, không vãng, không sanh"*. Lý ấy rất sâu, chẳng phải là Pháp Thân đại sĩ sẽ chẳng thể lãnh hội, khế chứng được; nhưng Pháp Thân đại sĩ vẫn chẳng bỏ Sự tu. Điều này thường được diễn tả như sau: *"Dùng tín nguyện sâu trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương"*. Lời ấy chỉ luận theo lý thể, còn lời này chính là lý sự viên dung, cho nên là đạo để thượng thánh hạ phàm cùng tu. Cả đời chuyên tinh nhất trí thì lâm chung được Phật tiếp dẫn, trong khoảng khảy ngón tay liền vãng sanh. Trí Giả đại sư nói: *"Khi lâm chung tâm ở trong Định tức là lúc được sanh về Tịnh Độ"*, chính bởi lẽ ấy. Nhưng Phật, Bồ Tát, thiên địa, quỷ thần muốn cho người đời đều biết chuyện này nên thường có chuyện người chết đi sống lại, thấy kẻ làm ác phải chịu tội, người làm lành sanh vào nơi phú quý trong nhân gian, hoặc sanh lên trời, người niệm Phật sanh về Tây Phương v.v… Đấy là pháp quyền biến nhằm mong sao người đời biết thật sự có chuyện niệm Phật vãng sanh; chứ không phải người niệm Phật mỗi mỗi đều phải đến chốn âm phủ, được vua Diêm La xét rõ rồi mới đưa đi vãng sanh *(Ông chỉ biết chánh lý của niệm Phật, chẳng biết phương tiện quyền xảo dạy người của trời đất. Đọc kỹ lời tựa cho cuốn Hộ Pháp Lục của Quang sẽ biết tâm đại từ bi của trời đất dạy người)*.

Ông nói: "Điều đáng quý của Triệu Mạnh là Triệu Mạnh có thể nhún mình", lời nói ấy không thích đáng! Vì sao? Niệm Phật là tự tu đức mình, đức đáng được vãng sanh [sẽ được vãng sanh]; chứ không phải kẻ thiếu đức chỉ cậy vào sức Thiên Đế, Diêm Vương v.v… sai đưa đi mà vãng sanh. Nếu thiếu đức, dẫu có đưa đi cũng không thể vãng sanh được! Chính Thiên Đế, Diêm Vương v.v… còn chưa thể tự vãng sanh được, huống là [giúp cho] người khác ư? Họ phán lệnh vãng sanh giống như

bộ Lại[144] theo lệnh vua mà điều động quan viên, chứ không phải do sức mình! Ngay đến chức quan của chính họ, họ còn chưa thể tự quyết định được, huống là [chức quan của] người khác ư? Nếu bảo đấy là "giả Tịnh Độ" tức là ăn nói chẳng ra thể thống gì! Do ông chưa biết quyền pháp, chỉ dựa theo thường lý nên mới nghi là "bịa chuyện để gởi gắm nỗi niềm". Thật ra, đấy chính là thiên địa quỷ thần quyền xảo lập bày, chẳng phải do kẻ ghi chép bịa chuyện để gởi gắm nỗi niềm. Bởi lẽ, do người biết chánh nghĩa Tịnh Độ ít ỏi, nên [thiên địa quỷ thần, Phật, Bồ Tát] muốn khiến cho người ta niệm Phật nên hễ có kẻ vào cõi Âm liền đặc biệt hiện ra chuyện này nhằm củng cố lòng tin tưởng!

377. Thư trả lời cư sĩ Trác Trí Lập (thư thứ tư)

Nhận được thư đầy đủ. Những chuyện ông hỏi kèm theo thư [cho thấy] quả thật là quý địa đã dần dần được gội ân Phật. Do người ở quý địa trồng quất để bán; nếu có thể dùng lòng chí thành trì chú Đại Bi vào nước sạch 108 lần, rồi dùng nước ấy để tưới lên cây quất, vừa đi vừa niệm chú vừa tưới, dẫu quất có sâu, quyết cũng chẳng đến nỗi quá đáng. Nếu cực kỳ cung kính, chí thành, sâu sẽ không sanh nữa. Nếu chẳng biết trì chú Đại Bi thì niệm chú Chuẩn Đề, hoặc chú Vãng Sanh, hoặc Tâm Kinh đều được. Nếu hoàn toàn chẳng biết, chỉ chí thành niệm Nam Mô Đại Từ Đại Bi Cứu Khổ Cứu Nạn Quán Thế Âm Bồ Tát một vạn tiếng *(trước hết cúng sẵn một chén nước sạch, niệm xong bèn đem tới cây để rưới)*, lúc đem đi tưới thì vừa đi vừa niệm. Đến chỗ trồng cây thì vừa đi vừa niệm vừa tưới. Nếu chịu hằng ngày thường niệm hoặc niệm chung quanh vườn cây, cây ấy nhất định xum xuê, lắm trái. Người trong thế gian chẳng biết đạo, chỉ biết lợi. Nếu có thể y theo điều này, [quất] chẳng sanh sâu bọ, sai quả thì ai nấy đều chịu niệm. Nếu có sâu, khó thể chẳng bắt. Phải làm sao cho sâu đừng sanh sản thì mới là cách giải quyết căn bản; chứ sâu bọ đã sanh sôi mà chẳng bắt, chắc chắn sẽ không thể làm được!

---

[144] Lại Bộ là một trong Lục Bộ, có trách nhiệm quản trị quan chức: Thăng quan, giáng chức, bổ nhiệm, miễn chức, phong tặng, thiên chuyển, kể cả tổ chức thi cử. Đến năm Khai Nguyên 24 đời Đường, trách nhiệm tổ chức thi cử được giao cho bộ Lễ đảm nhiệm. Lại Bộ bắt nguồn từ thời Đông Hán khi triều đình lập ra Lại Tào, đến đời Ngụy Tấn đổi thành Lại Bộ. Thời Tùy - Đường đổi Lại Bộ thành Thượng Thư Tỉnh, và chia thành sáu bộ (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công). Kể từ đây, Lại Bộ chỉ còn là một trong sáu bộ thuộc Thượng Thư Tỉnh (nội các của Tể Tướng). Đứng đầu là Lại Bộ Thượng Thư, có hai Thị Lang làm phụ tá, kế đến là các chức Lang Trung, Viên Ngoại Lang v.v…

Phàm chuyện gì thuận theo tình cảm của con người thì mới dễ theo! Nếu trái lòng người, họ sẽ không theo. Ông hãy làm theo cách này trước, nếu thật sự linh nghiệm thì sau đó sẽ đem cách này khuyên khắp cả làng, cả làng sẽ đều cùng được thấm nhuần sự giáo hóa của Phật. Đối với chuyện tuyên giảng thì rất tốt, nhưng cần phải có người sẵn có công phu. Nếu sự việc bận bịu cùng cực, rảnh rang đâu mà tuyên giảng? Muốn giáo hóa, khuyên dạy một làng thì trước hết hãy nên khởi đầu từ chuyện này. Đấy gọi là *"pháp chẳng khởi lên một mình";* ắt phải có nhân duyên thì mới có thể phát khởi được. Phàm là người tu hành, ắt phải có tâm địa tốt. Tâm địa tốt, lại còn cung kính, chí thành, trọn chẳng có khi nào không linh! Tâm địa bất hảo, lại chẳng cung kính, đã không có cảm thì làm sao ứng được? Sự lý này là lẽ tất nhiên, xin hãy sáng suốt suy xét thì may mắn lắm! *(Nếu thường niệm, không cần phải niệm trọn "đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn", chỉ niệm "Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát" là được rồi! Phàm bị bệnh do oán nghiệp, thuốc chẳng trị lành được, và phạm phải quỷ thần, phạm hồ ly, niệm Quán Âm sẽ có thể giải trừ, tiêu diệt, xua tan [quỷ thần, hồ ly]. Phàm gặp những nguy hiểm như nước, lửa, ác thú, ác nhân v.v... nếu chí thành niệm sẽ có chuyển biến hoặc giảm trừ lớn lao. Nếu kẻ nào tâm không chí thành và có tâm nghi hoặc không tin, cũng như tâm ôm ác niệm muốn thành tựu chuyện ác, sẽ không có hiệu nghiệm. Nếu ông có thể chân thật làm như thế, giáo hóa hướng dẫn như thế thì làng ông sẽ có thể trở thành ngôi làng Phật giáo "nhà nhà Quán Thế Âm, người người Di Đà Phật")*

Thiện tri thức xuất thế chính là do thiện nghiệp của hết thảy chúng sanh cảm thành. Mọi người đều tạo nghiệp ác nên thiện tri thức chẳng còn thấy nhiều. Vào đời Tống, trong pháp hội của Viên Thông Bổn thiền sư có hai trăm môn nhân đại triệt đại ngộ, những hạng khác thì một trăm mấy chục người, hoặc mấy chục người đông lắm. Nay thì tìm một hai người đại triệt đại ngộ còn không ra! Như Quang đâu đáng kể vào số ấy! Coi Quang là tri thức là vì trong pháp môn không có người vậy!

Đại Sĩ tuy ôm lòng tầm thanh cứu khổ, nhưng chúng sanh chẳng sanh lòng tin tưởng sẽ chẳng thể cảm ứng đạo giao! Ví như mặt trời rạng rỡ giữa hư không, nếu ở dưới chậu úp sẽ chẳng được chiếu đến. Tâm cầu Đại Sĩ tức là đã đủ lòng ngưỡng vọng, lật chậu lên, há chẳng được chiếu soi? Quỷ thần có tà, có chánh. Tà quỷ thần là loài yêu ma thật sự mong được con người kính nể. Chánh quỷ thần là thiện thần bảo vệ đất nước, che chở nhân dân. Nếu cầu Đại Sĩ, cố nhiên chẳng cần phải cầu quỷ thần, như đã được lòng vua thì dân tự thuận theo. Hơn nữa, quỷ thần may ra cứu được tai nạn nhỏ, chứ không thể cứu được định nghiệp; còn Đại Sĩ thì [nghiệp] lớn - nhỏ, định hay bất định đều cứu được hết, chỉ do người

ấy có lòng Thành hay không mà thôi! Ông đã đọc hai bài Kiệt Thành Phương Hoạch Thật Ích Luận (Bàn về dốc cạn lòng Thành mới được lợi ích thật sự) và Trì Kinh Lợi Ích Tùy Tâm Luận (Luận về trì kinh được lợi ích tùy theo tâm) hay chưa? Phật chẳng cứu người, người tự cứu. Lời nói ấy của ông phát xuất từ tâm nghi, nếu ông thật sự ngộ được lý này thì niệm Đại Sĩ, niệm Phật, dẫu Đại Sĩ và Phật toan ngăn trở cũng không thể được! Tuy là chúng sanh tự độ, nhưng chẳng nhờ vào Đại Sĩ và Phật làm Tăng Thượng Duyên sẽ chẳng thể được! *(Biết lý này, dẫu cho pháp sư Đế Nhàn bệnh chẳng lành, cũng chẳng nghi Đại Sĩ có chỗ chẳng thấu đến, mà ngài Đế Nhàn đã giảng kinh trong tháng Bảy năm nay, ông chưa nghe hay sao?)*

Đại trượng phu sống trong thế gian, hễ luận nói đều dựa theo lý mà trình bày thẳng thừng. Sách ngoại đạo báng Phật quá nhiều, làm sao hủy hết được? Cần phải hiểu rõ đúng - sai, cũng chớ nên học theo kẻ ngu trong chốn làng quê, chỉ mong được người khác gọi là "ngu cẩn" (chân thành, chất phác). Nếu gặp tình thế bất tiện thì chỉ nên lặng thinh, trọn chớ nên "đúng cũng tốt, mà không đúng cũng hay!" [Nếu là] đúng mà nói "tốt" thì có công đức, nếu không đúng [mà cũng] bảo là "tốt" sẽ mắc tội lỗi. Một lời lầm người, chắc nhiều đời sẽ chẳng thể tiêu được nghiệp báo; há nên lầm lạc học thói mong được người khác ưa thích ư? Đối với những sách trọn chẳng có lợi ích gì thì tốt hơn nên đốt đi. Nếu lâm vào tình thế chẳng thể làm như vậy được thì cũng nên làm cho những người cùng hàng đều biết điều tệ của sách ấy, như vậy là được rồi.

Dùng rượu đãi khách cũng nên giảm bớt, vì sao vậy? Do rượu là thứ dẫn dắt tội lỗi. Phàm mọi chuyện chẳng như pháp đều do rượu giúp cho phát khởi. Phàm mọi chuyện có lợi ích đều bị rượu phá hoại. Vua Vũ ghét Chỉ Tửu[145], [trong] đạo Nho đã dạy như thế. Huống chi tự mình muốn vãn hồi phong tục suy đồi, lấy thân làm gương ư? Xin hãy ở trong vòng bè bạn, học trò, xóm giềng, người quen biết, đều ra rả khuyên nhủ về nhân quả, báo ứng, sanh tử, luân hồi và tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu có một hai kẻ tin tưởng, sẽ như lửa mới nhóm, như mạch suối vừa mới trào, trong tương lai ắt sẽ mạnh mẽ dập tắt được thói xấu, mở mang rộng rãi phong thái tốt đẹp. Huống chi nếu chính mình thật sự xuất phát từ lòng chân thành, quyết chẳng phải chỉ có một hai người [nghe theo] mà thôi!

Những điều ông nói khá có lý, nhưng phải tận tụy thực hiện thì người ta mới thuận theo. Nếu không, chỉ là bày vẽ ngoài mặt, sẽ giống

---

[145] Chỉ Tửu: Một thứ rượu ngon thời cổ. Sách Thuyết Văn Giải Tự giảng: *"Chỉ, mỹ dã"* (Chỉ là ngon).

như kép hát diễn tuồng, khổ - sướng, buồn - vui đều chẳng phải từ trong lòng phát ra; người ta phần nhiều cũng nghĩ là mình đang giả vờ, nên chẳng thể có sự cảm xúc trong lòng được! Hiện thời chiến tranh liên miên, hãy nên chuyên tinh dốc chí niệm Phật và niệm Quán Âm, cũng như khuyên người nhà và hết thảy những người hữu duyên [đều niệm]. Niệm Phật nên niệm sáu chữ, niệm bốn chữ cũng được. Như lúc đầu thì niệm sáu chữ, niệm đến nửa chừng hoặc lúc sắp ngưng bèn niệm bốn chữ. Nếu từ đầu đến cuối chẳng niệm Nam Mô sẽ thành ngạo mạn, coi thường! Trong kinh, phàm chỗ nào xưng danh hiệu Phật, không đâu chẳng đều có chữ Nam Mô, há nên tự lập chương trình? *(Chỗ này nhằm để thay lời đáp cho câu hỏi của cư sĩ Du Giác Tiển)*

378. Thư trả lời cư sĩ Ngu Tăng

Hồi hướng là đem các công đức niệm tụng do chính mình đã tu – nếu để mặc [không hồi hướng], thì do những công đức ấy sẽ chỉ được hưởng các thứ phước báo trời người – nay xoay cái nhân được hưởng phước báo trời người do công đức đã làm ấy gom về sự vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để làm cái quả siêu phàm nhập thánh, liễu sanh thoát tử, cho đến rốt ráo thành Phật trong tương lai, chứ chẳng chỉ nhằm hưởng phước trời - người mà thôi! Dùng một chữ Hồi nhằm thể hiện ý "quyết định, chẳng thuận theo thói tình thế gian". Dùng một chữ Hướng nhằm thể hiện ý "quyết định mong mỏi phương cách xuất thế". Đó gọi là *"hồi nhân hướng quả, hồi sự hướng lý, hồi tự hướng tha"*. Công đức đã làm là cái nhân trời - người, xoay [cái nhân ấy lại] để hướng về quả Niết Bàn. Công đức đã làm là chuyện sanh - diệt; xoay nó lại để hướng đến diệu lý Thật Tướng bất sanh bất diệt. Công đức đã làm vốn thuộc tự hành, xoay nó lại để hướng về hết thảy chúng sanh trong pháp giới. Đấy chính là danh từ [nhằm thể hiện ý nghĩa] phát nguyện lập thệ, quyết định hướng đến. [Hồi hướng] có ba nghĩa:

1) Hồi hướng Chân Như Thật Tế, tâm tâm khế hợp. Đây chính là nghĩa *"hồi sự hướng lý"*.

2) Hồi hướng Phật Quả Bồ Đề, niệm niệm viên mãn. Đây chính là nghĩa *"hồi nhân hướng quả"*.

3) Hồi hướng pháp giới chúng sanh cùng sanh Tịnh Độ. Đây chính là nghĩa *"hồi tự hướng tha"*.

Ý nghĩa hồi hướng lớn lao thay! Pháp hồi hướng tuy không phải chỉ có một, nhưng đều coi hồi hướng Tịnh Độ là pháp tối mầu nhiệm duy

nhất không hai! Bởi lẽ, nếu chẳng sanh về Tịnh Độ, những đại nguyện khác thường khó thể thành tựu được! Nếu sanh về Tịnh Độ thì không nguyện nào chẳng thành. Do bởi lẽ này, phàm làm hết thảy công đức dẫu có mong mỏi chi khác, cũng tất nhiên phải hồi hướng Tịnh Độ.

379. Thư trả lời cư sĩ Châu Trí Mậu (thư thứ nhất)

Đọc lá thư *([đề ngày] Mười Sáu tháng Mười Một)* của ông gởi đến, thấy có quá nhiều từ ngữ phù phiếm! Giữa thầy trò với nhau, há nên dùng những lời lẽ sáo rỗng ấy? Người đời nay thể chất phần nhiều yếu đuối, chớ nên lầm lạc bắt chước cổ nhân. Con người thường do ham danh mà khổ hạnh quá mức, đâm ra đối với đạo lẫn thân đều chẳng có ích gì! Lợi ích thật sự trong Phật pháp phải do chí thành mà đạt được, chứ không phải do phô trương bày vẽ mà được việc. Quang già rồi, tinh thần ngày một giảm, chuyện thù tiếp ngày một nhiều. Trong hạ tuần tháng Hai năm nay, sang Thượng Hải lo liệu chuyện in sách. Tháng Sáu trở về núi ở hết Hè, tháng Bảy liền xuống núi, sang Thượng Hải để kết thúc chuyện in sách rồi chẳng trở về núi nữa! Trong tháng Tám, tháng Chín sẽ đi khắp trời Nam đất Bắc, [tới] chỗ không có ai biết để sống hết tuổi thừa hòng chuyên tu Tịnh nghiệp, để khỏi suốt ngày phải bận bịu vì người khác, đâm ra làm hỏng đại sự của chính mình. Xin hãy đem ý này nói với hết thảy những người quen biết để họ khỏi bị hỏng chuyện. Người tu hành cần phải chất trực, không giả dối, chân thật thực hiện. Vì thế, cổ nhân nói: *"Thiểu thật thắng đa hư, đại xảo bất như chuyết"* (Thật ít hơn dối nhiều, quá khéo chẳng bằng vụng). Những điều khác đã nói tường tận trong Văn Sao, ở đây không viết cặn kẽ *(Viết dưới đèn, ngày Mười Một tháng Giêng năm Kỷ Tỵ - 1929)*

Toa thuốc cai á phiện trong Văn Sao, đối với phần hút thêm [thuốc phiện nếu có những bệnh vặt phát sanh trong khi đang uống thuốc cai nghiện] vẫn chưa hoàn toàn tường tận. Hãy nên ghi là: *"Tùy theo nghiện nặng hay nhẹ mà thêm một phần mười. Như mỗi ngày hút một lạng thì thêm một tiền. Nếu hút năm tiền thì thêm năm phân"*. Như vậy thì người nghiện nhẹ sẽ chẳng đến nỗi tốn kém nhiều. Hơn nữa, phương thuốc ấy trị được bệnh khí thống rất hay. Một phụ nữ ở Hà Nam tỵ loạn đến Thượng Hải, tới quy y, cho biết bà ta bị khí thống từ năm mười sáu tuổi, các thầy thuốc không trị được. Mỗi ngày lên cơn đôi ba lượt, đau gần muốn chết; nay bà ta đã năm sáu chục tuổi rồi! Quang dạy bà ta niệm thánh hiệu Quán Âm, nhân đó bảo bà ta uống loại thuốc cao nấu theo toa

này. Bà ta không hút thuốc phiện, chỉ dùng thuốc. Bà ta nấu một liều thuốc cao, hôm thứ nhất uống vào liền chẳng bị lên cơn nữa. Chưa đầy mười ngày, thân thể lẫn vẻ mặt đều khỏe mạnh, đặc biệt đến tạ ơn. Xin hãy nói điều này với hết thảy những ai bị khí thống.

380. Thư trả lời cư sĩ Châu Trí Mậu (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết ông sanh lòng tin trong sạch, muốn quy y Phật pháp; nhưng quy y Phật pháp ắt phải đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, tận lực giữ luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, sanh lòng tin, phát nguyện, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, lại còn phải kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay *(Nếu chẳng thể ăn chay hoàn toàn, cũng đừng tham ăn thì mới nên. Càng phải nên giữ Lục Trai hoặc Thập Trai. Nếu không, sẽ trái nghịch với Phật).* Nay đặt pháp danh cho ông là Trí Mậu (智茂). Do tâm tánh như cái cây; do phiền não chướng lấp nên tâm tánh chẳng thể hiển hiện giống như cây khô héo. Đã có trí huệ thì phiền não chẳng sanh, cái cây tâm tánh sẽ tự nhiên xum xuê[146]! Nói đến Ngũ Giới thì hãy tự hỏi tâm mình. Nếu có thể giữ được chẳng phạm, hãy hỏi Hóa Tam về quy củ [tự phát thệ] thọ giới trước đức Phật, ông ta sẽ bảo ông, chứ Quang không viết cặn kẽ.

Đã quy y Phật pháp thì nên đọc kỹ Văn Sao, y theo đó mà hành sẽ tự chẳng đến nỗi bị kẻ tầm thường gây lầm lẫn. Đối với chuyện cầu phước báo trong đời sau và cách luyện đan vận khí của ngoại đạo để cầu thành tiên v.v… nếu ông có thể lãnh hội được những nghĩa trong Văn Sao thì dẫu có trăm ngàn tăng nhân phàm tục hay ngoại đạo vẫn chẳng thể lay động được tâm ông. Đừng nói đấy là những lời do Quang nói ra, chẳng đáng để nương dựa, căn cứ! Hãy nên biết rằng: Quang dựa theo ý của Phật, Bồ Tát, tổ sư, thiện tri thức để nói; chứ không phải do Quang tự suy lường rồi nói bừa đâu nhé!

381. Thư trả lời cư sĩ Châu Trí Mậu (thư thứ ba)

Nhận được thư, biết tâm ông cao như trời, nhưng chí hèn như đất! Miệng tuy nói vâng theo lời Quang dạy, nhưng thật sự hoàn toàn dựa theo thiên kiến của chính mình! Pháp môn Tịnh Độ chỉ có lòng tin làm gốc. Tin cho cùng cực, dẫu Ngũ Nghịch, Thập Ác cũng đều có thể vãng

---

[146] Mậu (茂) có nghĩa là xum xuê, tươi tốt.

sanh. Tin chẳng tới nơi tới chốn, kẻ thông Tông thông Giáo nhưng chưa từng đoạn Hoặc đều chẳng có phần! Ông đã chẳng thể thông Tông thông Giáo, đoạn Hoặc chứng Chân, cậy vào tự lực để liễu sanh tử; lại chẳng tin "Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, tự tánh công đức chẳng thể nghĩ bàn; nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, không một ai chẳng được vãng sanh!" Pháp môn Tịnh Độ chính là pháp môn vô thượng thẳng tắt viên đốn để liễu sanh tử ngay trong đời này. Đối với pháp môn này còn chưa biết phương hướng, mà đã dùng cái tâm cuồng vọng ham cao chuộng xa để nghiên cứu Khởi Tín Luận! Khởi Tín Luận thật sự là cương yếu để học Phật, nhưng người hạ căn và kẻ sơ cơ cũng khó được lợi ích. Dẫu nghiên cứu Khởi Tín Luận đạt đến mức độ thông suốt, thấu triệt vô ngại, thì dụng công vẫn phải nhờ vào niệm Phật cầu sanh mới là ổn thỏa, thích đáng! Huống chi Pháp Tướng, Thiền, Giáo tinh vi, mầu nhiệm, sâu thẳm chẳng thể mong thấu hiểu được ư?

Tâm ông cao như thế chính là vì chẳng biết phân lượng mà lập chí cao như thế! Ông lại nói: "Căn tánh yếu hèn, mong chi sanh Tây! Chỉ có thể không bị đọa ác đạo là đã an ủi lắm rồi!" Chẳng biết: Không sanh Tây phương, tương lai ắt đọa ác đạo! Đấy là trái nghịch lời Phật dạy cũng như trái nghịch lời Quang nói, sao lại nói là "từ đầu đến cuối vâng làm theo lời răn dạy, nhất tâm trì niệm A Di Đà Phật" ư? Nay do thân ông nhận lãnh chức vụ của người khác giao phó, lại chẳng phải là tư cách thượng đẳng, cái tâm và cái chí đã lập ấy thật đáng khiến cho người khác phải than thở, phải cười cợt! Ông hãy dứt cái tâm cuồng vọng muốn làm bậc đại thông gia ấy đi, hãy chuyên tâm nghiên cứu những sách thuộc về pháp môn Tịnh Độ *(đã nói tường tận trong những lá thư gởi cho ông Cao Thiệu Lân và bà Từ [Phước Hiền] trong Văn Sao)*, hãy nương theo những khai thị ấy mà sanh lòng tin phát nguyện, chẳng vì căn khí của chính mình kém hèn mà đề cao sự vãng sanh rồi gác bỏ. Hằng ngày dù động hay tịnh, luôn lấy một câu Di Đà làm bổn mạng nguyên thần. Suy nghĩ xử sự đều phải hợp với tông chỉ *"đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện"*.

Nếu còn thừa sức, sẽ chẳng ngại gì tùy ý thọ trì, đọc tụng các kinh Đại Thừa. Hãy nên lấy chí tâm thọ trì làm gốc, đừng chú trọng gấp muốn hiểu rỗng rang thấu triệt nghĩa lý. Nếu có thể chí thành đến cùng cực, sẽ tự thấu triệt nghĩa lý. Nếu muốn thấu triệt trước mà chẳng chí thành trì tụng, dẫu có thấu triệt cũng chẳng được lợi ích thật sự, huống chi quyết khó thể thấu triệt ư? Dẫu nghiên cứu Pháp Tướng, Thiền, Giáo cả đời,

cũng khó hiểu được chỗ chỉ quy. Dẫu hiểu được, ai có thể không đoạn được Hoặc nghiệp mà liễu sanh thoát tử? Muốn đoạn Hoặc nghiệp liễu sanh thoát tử, chỉ sợ có mộng cũng mộng chẳng được!

Ông còn chưa đọc kỹ Văn Sao của Quang nên mới nói như vậy, cao thì xông thấu trời thẳm, thấp thì tuốt đáy biển sâu! Trong Văn Sao đã nhiều lần nói đến những sách nào nên đọc và pháp tắc xem kinh v.v… cũng như chỗ khó được lợi ích nơi Pháp Tướng, Thiền, Giáo. Bởi lẽ, pháp môn Tịnh Độ cậy vào Phật từ lực, các pháp môn khác đều cần nhờ vào sức của chính mình. Một đằng là giáo lý theo đường lối thông thường, giống như kẻ sĩ trong cõi đời do tư cách mà được làm quan; một đằng là giáo lý đặc biệt như vương tử trong cõi đời, dẫu có té xuống đất vẫn được hết thảy quan lại cung kính.

Vô Lượng Thọ Kinh có bản lưu hành riêng. Hơn nữa, trong mười bốn thứ kinh luận Tịnh Độ đã có ba kinh một luận, nhưng không có Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm. Nếu muốn mở rộng quỹ lưu thông kinh sách, há nên dùng biện pháp quyên mộ? Hãy nên thương lượng với kẻ có tín tâm, có tài lực mong họ phụ trợ. Thêm nữa, kinh điển thật nhiều, tâm ông muốn mở toang môn đình, nhưng ở Trịnh Châu có mấy ai thỉnh? Chỉ nên thỉnh những kinh sách người bình thường cũng có thể đọc được. Để thỉnh những bộ kinh sách lớn mà người bình thường không thể đọc được, cần phải ước định [cặn kẽ với người muốn thỉnh] rồi mới đứng ra thỉnh thay cho họ, sẽ đỡ tốn tiền vốn mà cũng chẳng đến nỗi thỉnh về không bán được, giam tiền nằm ì một chỗ không sử dụng được.

Ông tự nói: "Tháng ngày chẳng còn mấy, sức thật hữu hạn", nên Quang mới nói như thế. Nếu chẳng nghĩ là đúng, vẫn y theo tâm tướng của chính mình để làm thì Quang cũng chẳng cưỡng! Ông có thể làm một vị đại thông gia thì cũng là điều may mắn cho Phật môn. Sợ ông không thành một bậc đại thông gia được mà pháp môn Tịnh Độ cũng chẳng tin tới nơi tới chốn, hai đằng sẽ đều xôi hỏng bỏng không! Đời này tu chút ít công đức, tương lai ắt sanh trong nhà phú quý. Ông thử suy nghĩ kỹ xem: Kẻ phú quý có mấy ai chẳng tạo nghiệp? Hiện thời vận nước nguy ngập, dân không lẽ sống, đều do những kẻ [trong đời trước] tu hành [nhưng] thiếu trí huệ, qua đời sau cậy vào phước báo bèn gây nhiễu loạn mà ra. Ông khởi vọng tưởng chẳng thể cùng tận như thế mà lại muốn chẳng đọa vào ác đạo; nếu chẳng sanh Tây Phương thì một đời chẳng đọa, chứ hai đời chẳng đọa cũng hiếm hoi lắm đấy!

382. Thư trả lời cư sĩ Châu Trí Mậu (thư thứ tư)

Phật nói kinh chú rất nhiều, ai có thể trì khắp từng thứ cho được? Cổ nhân chọn lấy những thứ trọng yếu, xếp vào nhật khóa (khóa tụng hằng ngày). Buổi sáng thì Lăng Nghiêm, Đại Bi, Thập Tiểu Chú, Tâm Kinh; niệm [chú] xong bèn niệm Phật bao nhiêu đó tiếng, hồi hướng Tịnh Độ. Buổi tối thì kinh Di Đà, Đại Sám Hối (Hồng Danh Bảo Sám), Mông Sơn, Niệm Phật, hồi hướng. Nay tùng lâm đều muốn giảm bớt công phu. Buổi sáng chỉ niệm Lăng Nghiêm, Tâm Kinh, buổi tối chỉ niệm kinh Di Đà, Mông Sơn; cứ mỗi hai ngày bèn niệm Đại Sám Hối, Mông Sơn. Ông nói Thiền Môn Nhật Tụng kinh chú quá nhiều, chẳng biết đấy chính là những thứ phụ lục ngoài khóa tụng sáng tối.

Công khóa của tại gia cư sĩ thì cũng có thể chiếu theo công khóa sáng tối của Thiền Môn để tụng niệm, hoặc cũng có thể tùy ý tự lập chương trình. Như buổi sáng chuyên niệm kinh Di Đà, Vãng Sanh Chú, niệm Phật; hoặc buổi sáng chuyên niệm chú Đại Bi, niệm Phật, buổi tối niệm kinh Di Đà, Vãng Sanh Chú, niệm Phật. Hoặc có người trì kinh Kim Cang cũng được. Nhưng bất luận tụng kinh nào, trì chú nào đều phải niệm Phật bao nhiêu đó tiếng, hồi hướng thì mới hợp với tông chỉ tu Tịnh nghiệp.

Những gì ông nói chính là "thấy lạ, nghĩ khác", tuy là hảo tâm, nhưng thật ra là tâm không chủ định, bị chuyển theo cảnh! Có kinh nào hay chú nào mà chẳng thể khen ngợi là công đức thù thắng? Theo tri kiến của ông thì đọc kinh này ắt phải bỏ kinh kia, trì chú này ắt phải bỏ chú kia, do sức chẳng thể lo trọn, thế tất nhiên là như vậy. Như thế thì có còn được gọi là bậc hiểu lý chân tu hay chăng?

Lại mở rộng ra hơn nữa, nếu ông gặp kẻ tu Thiền khen ngợi Thiền đả phá bài xích Tịnh Độ, ắt sẽ theo kẻ ấy tham Thiền. Đối với những tông khác như Thiên Thai, Hiền Thủ, Từ Ân, Bí Mật, hễ gặp một vị tri thức đề xướng, ắt sẽ bỏ pháp này, tu pháp kia. Chẳng biết ông là hạng căn tánh nào mà muốn làm bậc đại thông gia pháp nào cũng thông; nhưng do nghiệp sâu trí cạn, chẳng thể làm bậc đại thông gia được, lại gác bỏ pháp "cậy vào Phật từ lực để đới nghiệp vãng sanh", đợi đến lúc lâm chung, chẳng vào trong vạc dầu, lò than, cũng nhất định vô trong thai lừa, bụng ngựa! Dẫu may mắn chẳng mất thân người, nhưng do đời này vẫn không có chánh trí, lại có lắm si phước do tu hành; do hưởng si phước ấy liền tạo ác nghiệp, khi một hơi thở ra chẳng hít vào được nữa, sẽ vào thẳng tam đồ! Muốn được biết những tên gọi "trời, đất, cha, mẹ" còn chẳng thể

được, huống là được biết tới pháp môn Tịnh Độ ư? Ông đọc Văn Sao, có hiểu gì chăng?

Cần biết rằng: Một câu A Di Đà Phật trì cho tới cùng cực thì thành Phật còn có dư, há nên nói niệm kinh Di Đà, niệm Phật chẳng diệt được định nghiệp ư? Phật pháp giống như tiền, do con người khéo dùng! Ông có tiền thì làm chuyện gì mà chẳng được! Ông chuyên tu một pháp thì cầu gì chẳng được! Há cứ phải khăng khăng trì chú này, hễ niệm chú này thì công đức đạt được sẽ chẳng bằng các công đức khác ư? Hãy khéo thấu hiểu lời Quang, sẽ tự có thể "hiểu được một điều thì trăm điều đều rõ". Nếu không, dẫu có nói cho lắm, tâm ông vẫn không có định kiến. [Từ ngữ] *"người trong gương sáng"* chẳng rõ lai lịch! Ngô Bá Sanh vốn thuộc pháp môn du hý, chuyên trọng dùng miệng lưỡi để tự khoe tài mà thôi, chính là hạng người giống như ông X… vậy. Người chân tu trọn chớ nên như thế!

383. Thư trả lời cư sĩ Châu Trí Mậu (thư thứ năm)

Chỉ đọc kỹ Tịnh Độ Thập Yếu thì pháp tắc tu tập sẽ biết đầy đủ. Pháp Quán của tiên sinh [Dương] Nhân Sơn dùng hay không dùng đều được. Bởi lẽ, nếu tâm chí thành sẽ tự được như ở ngay nơi đấy, như ở quanh nơi đấy[147]. Nếu tâm không chí thành, pháp ấy sẽ trở thành nói xuông, chẳng phải là thật hạnh! Người đời nay phần nhiều đều là tâm cao như trời! Ngay như ông Hóa Tam, cha ra hải ngoại, mẹ và em trai ở tại đất Tô, đang trong buổi can qua nhiễu nhương này, chẳng giẫm trên Thật Địa (không chú trọng thực tiễn), chú trọng lo phụng dưỡng mẹ, cứ muốn qua Tây Tạng, theo học trong học viện, tính chuẩn bị đi sang Tây Trúc. Không sang Tây Trúc sẽ chẳng thể liễu sanh tử hay sao? Hiện nay đất Tô đã trở thành địa điểm thường xảy ra chiến tranh, nạn đao binh chẳng biết kết cục ra sao? Sao lại rỗi hơi để bàn đến chuyện vào học viện của Tây Tạng, tính sắm sửa đi sang Tây Trúc ư? Xin hãy suy xét tường tận, đọc kỹ Tịnh Độ Thập Yếu và Văn Sao để lập tâm tin tưởng quyết định ngõ hầu được lợi ích thật sự nơi Phật pháp!

384. Thư trả lời cư sĩ Châu Trí Mậu (thư thứ sáu)

---

[147] Ý nói: Nếu tâm chí thành, hành giả sẽ đạt được cảnh giới giống như sự thành tựu do tu tập phép Quán ấy.

Nhận được thư khôn ngăn cảm thán! Phàm phu đang mê, tín tâm bất định, nên mới có chuyện nhiều lần tin tưởng, nhiều lần ngã lòng, nhiều lần tu, nhiều lần tạo nghiệp. Cũng là do người dạy từ thuở ban đầu chẳng thấu hiểu đường lối mà ra! Nếu thuở ban đầu mà khởi sự từ những điều gần gũi như nhân quả v.v… sẽ chẳng đến nỗi có những chuyện mê hoặc điên đảo như thế. Tội trong quá khứ dẫu cực sâu nặng, nhưng có thể chí thành sám hối, sửa lỗi trước, từ nay tu tập, lấy "chánh kiến tu tập Tịnh nghiệp, tự lợi, lợi tha" làm chí hướng, sự nghiệp thì sương mù tội chướng tiêu tan, bầu trời chân tánh rạng ngời. Vì vậy, kinh dạy: *"Thế gian có hai hạng người mạnh mẽ, một là chẳng tạo tội, hai là đã tạo mà biết sám hối"*.

Một chữ Hối phải từ tâm khởi. Tâm chẳng chân thật hối cải, có nói [lời sám hối] cũng vô ích. Ví như đọc toa thuốc mà chẳng uống thuốc, quyết chẳng mong chi lành bệnh được! Nếu có thể y theo toa uống thuốc, sẽ tự được bệnh lành, thân yên. Điều đáng lo là lập chí chẳng vững, một nóng mười lạnh, uổng có hư danh, chẳng có mảy may lợi ích thật sự nào! Nay gởi cho ông bài thuyết minh về biện pháp [ấn tống] Quán Âm Tụng để ông tùy duyên phân phát. Phát tâm hay không đều chẳng sao cả, chứ không nhất thiết bắt người khác phải quyên góp [giúp tiền in]. Lại xin ông chuyển giùm thư cho cư sĩ [Vưu] Tích Âm.

385. Thư trả lời cư sĩ Châu Trí Mậu (thư thứ bảy)

Nhận được thư ông và thư của Hóa Tam đầy đủ. Những điều ông nói trong thư quá sức chấp nhặt, còn lời Hóa Tam lại quá thoáng rộng. Nếu vốn liếng có thừa, người thỉnh [kinh sách] nhiều, cố nhiên nên lưu thông như thế. Nay do không có vốn liếng, lại chẳng có nhiều người thông suốt rộng khắp thỉnh sách, hãy nên làm theo lời Quang nói. Phàm những kinh luận, trước thuật Tịnh Độ ắt đều thỉnh hết, còn đối với những kinh luận khác hãy nên chọn lấy những kinh thường được thọ trì để thỉnh. Đối với những bộ kinh sách lớn, chỉ ghi tên. Có ai hỏi tới, hãy nên ước hẹn thỏa đáng với họ, [yêu cầu kẻ ấy] giao bao nhiêu đó tiền, rồi sẽ thỉnh sách [cho người ta]. Biện pháp như vậy trọn chẳng tốn sức, [mà cũng] chẳng đến nỗi thỉnh kinh luật luận cho thật nhiều mà không có ai đến thỉnh, bị ngâm vốn. Lâu ngày rất có thể sanh mối mọt, đến nỗi hụt vốn! Phàm chuyện gì cũng chớ nên hẹp hòi, phải nhìn theo thời cơ mà làm. Nếu [làm] theo lời Quang nói, sẽ chẳng mâu thuẫn với ông lẫn Hóa Tam,

cũng như chẳng bị mắc lỗi lưu thông thiên lệch và thiếu hụt vốn liếng. Ông hãy nên làm theo đó, chớ nên thay đổi.

Còn như ông đã nói trước đây "chỉ cầu chẳng đọa ác đạo là được rồi"; lời ấy ngàn vạn phần chớ nên để manh nha trong lòng, thốt ra ngoài miệng, hay viết ra. Nếu có ý niệm ấy, sẽ chẳng vãng sanh được! Vãng sanh hoàn toàn cậy vào tín nguyện quyết định. Giữ ý niệm ấy chính là không có tâm quyết định cầu sanh. Có tâm quyết định chẳng cầu sanh sẽ có hại chẳng nhỏ đâu! Đã đánh mất tông chỉ Tịnh Độ, làm sao hưởng lợi ích chân thật là vãng sanh Tịnh Độ cho được?

Còn như Hóa Tam nhất tâm niệm Phật, thề sanh Cực Lạc, được vãng sanh hay không vãng sanh đều chẳng màng tới, đến nỗi không vãng sanh cũng tốt! Đấy chính là cái tâm xa lìa lo nghĩ, chính là học đòi kiểu ăn nói lớn lối của bên Tông, bên Giáo! Nếu ông là Pháp Thân đại sĩ thì lời ấy mới là thật nghĩa. Nhưng bậc Pháp Thân đại sĩ muốn lợi ích phàm phu cũng chớ nên thốt ra lời ấy! Nếu là phàm phu sát đất lại còn cầu sanh Tây Phương mà thốt ra lời ấy tức là nói nhăng, nói càn, tự lầm, lầm người, gây hại há thể cùng cực? Ngàn vạn phần chớ nên thuận theo! Thuận theo sẽ chẳng có phần vãng sanh đâu nhé!

Phàm phu vãng sanh hoàn toàn cậy vào tâm niệm chí thành tha thiết. Kẻ phó hết thảy cho vô niệm làm sao cảm ứng đạo giao được! Sự cảm ứng đạo giao ấy hoàn toàn do chí thành khẩn thiết quyết định niệm. Bậc chứng vô niệm mới có thể nói lời ấy, chứ kẻ chưa chứng vô niệm mà thốt ra lời ấy đều thành lầm lạc như Tô Đông Pha lúc lâm chung, chẳng đáng buồn ư? Chẳng đáng đau ư? Còn như nói: *"Đừng nói là nghiên cứu luận Khởi Tín, hãy tùy sức kham làm được mà đọc rộng rãi Tam Tạng mười hai bộ"*. Lời ấy đem nói với bậc thượng trí thì là lời tốt lành, khế lý, khế cơ; chứ bảo với bậc trung hạ sẽ phạm lỗi tràn lan, lẫn lộn, thiếu phương hướng! Nói dễ dàng sao? Thử hỏi ông và Hóa Tam có phải là căn tánh ấy hay không?

Tông môn dạy người khán một câu chẳng có ý nghĩa gì! Tịnh Độ dạy người chuyên trì Phật hiệu, bởi tóm gọn sẽ dễ đắc lực, hễ thênh thang sẽ khó được lợi ích! Ngay như bên Giáo, tuy nói "không giảng diễn rộng rãi sẽ không được", nhưng vẫn cần phải "chuyên nghiệp" (dốc sức nghiên cứu chuyên tinh một kinh luận nào đó) thì mới là thật tu! Thêm nữa, coi kinh thì có kẻ nhằm để gieo thiện căn, có kẻ để mở mang tri kiến, có kẻ lấy đó làm công khóa khác nhau. Để gieo thiện căn thì [các kinh luận trong] Tam Tạng giống như nhau, không phân đây - kia! Để mở mang tri kiến, hãy chọn lấy loại vừa dễ hiểu lại vừa khế cơ. Để

làm công khóa thì chuyên tâm thọ trì một hoặc hai thứ, chí thành, khẩn thiết, cứ thẳng đường mà đọc, hiểu cũng chẳng phân biệt, không hiểu cũng chẳng phân biệt, xem lâu ngày chầy tháng sẽ được nghiệp tiêu trí rạng, chướng tận, phước dầy. Lời Hóa Tam đã nói chính là "ham cao, chuộng xa!" Xin hãy đưa thư này cho Hóa Tam xem, ngõ hầu có thể quở trách được cố tật của ông ta.

386. Thư trả lời cư sĩ Châu Trí Mậu (thư thứ tám)

Pháp yếu ma mạnh, những chuyện thương tâm ấy không nơi nào chẳng có. Nếu địa phương có vị trưởng quan tốt hay thân sĩ tốt thì mới có thể chấn chỉnh được. Nếu không, làm sao ra sức được? Chỉ nên nhờ vào đó để làm sự răn nhắc cầu vãng sanh, tận lực tu trì Tịnh nghiệp, tùy sức khuyến hóa mà thôi! Đối với chuyện sức mình chẳng thể làm được, há nên can dự xằng, đến nỗi chuyện của chính mình cũng bỏ phế mà chuyện ấy cũng chẳng thể thành tựu! Nếu có ai thế lực lớn lao, tài lực lớn lao, có thể khuyên nói được, thì chẳng ngại gì trọn hết tâm mình. Nếu không, cứ để mặc kệ họ mà thôi! Cổ nhân nói: "*Quân tử tư bất xuất kỳ vị*" (Quân tử suy nghĩ không ra ngoài địa vị [chánh đáng] của mình); không có tài lực, thế lực ấy mà cứ cưỡng làm, chắc sẽ khiến cho các chướng ngại dấy lên. Mọi chuyện đều chớ nên không suy nghĩ tình thế cẩn thận coi xem có làm được hay chăng?

387. Thư trả lời cư sĩ Sư Khang

Quang đã cao tuổi rồi, chuyện thù tiếp ngày một nhiều. Suốt mười năm qua bận bịu với loại chuyện bên ngoài này, công phu của chính mình thật khó thể chuyên tinh. Nếu nay chẳng đi theo đường khác, chắc sẽ bận bịu đến chết, đã vô ích cho người mà còn tổn hại cho mình. Hiện thời tất cả các sách Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, Quán Âm Tụng, Thọ Khang Bảo Giám, Gia Ngôn Lục, Di Đà Kinh Bạch Thoại Chú, Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, mỗi thứ đều cho tạo bốn bức Chỉ Bản. Lại còn có bản in cỡ nhỏ in bằng giấy báo của các cuốn Học Phật Thiển Thuyết, Trợ Giác Quản Kiến, Sơ Cơ Học Phật Trích Yếu Hợp Biên, Sát Sanh Phóng Sanh Hiện Báo Lục của Giang Thận Tu, Giới Sát Phóng Sanh Văn Hợp Biên của các vị như Liên Trì v.v..., Cách Ngôn Liên Bích *(cuốn này do ông Trương Thụy Tăng nhờ in),* Gia Đình Bảo Giám, Kỷ Văn Đạt Bút Ký Trích Yếu, bảy loại sách này cũng cho làm thành bốn bức Chỉ Bản.

Sau này hễ có ai phát tâm muốn in, cứ liên lạc thẳng với Đại Trung Thư Cục hoặc sở quản trị nhà tù Tào Hà Kính. Do vậy, cũng không cần Quang phải lo liệu nữa!

Lời ông nói quá sức lớn lối! Phật pháp ví như biển cả, ai có thể một hơi uống cạn, một bước đạp tận đáy? Chỉ dựa theo thiên tư của chính mình để tu trì. Dùng những điều ấy để tự hành, lại dùng những điều ấy để dạy người, dẫu chưa thể thấu triệt trọn vẹn các pháp, chỉ cần nương theo pháp môn tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương này thì nào có thiếu sót chi? Ông nói lời khó khăn nhất trong các việc khó rồi lại muốn xin thưa hỏi dài dòng, Văn Sao chẳng đủ để giáo huấn ư? Kinh, luận, ngữ lục của Tịnh Độ đều chẳng đáng để y chỉ ư?

Lời di chúc khẩn yếu là giữ gìn thân thể. Tấm thân của ông quan hệ đến cả nhà, cha ông đã ra ngoại quốc rồi. Trong nhà ông còn có mẹ, cậu em thứ hai và cô em gái nhỏ đều trông cậy vào ông. Nếu ông chẳng biết thận trọng giữ thân, cả nhà sẽ nguy lắm. Xét theo tánh cách của ông, cũng trọn chẳng đến nỗi dâm đãng, nhưng trong vòng vợ chồng cũng nên điều độ, chớ nên mặc sức tham ưa khoái lạc. Đối với những điều kỵ húy trong Thọ Khang Bảo Giám, hãy nên suy xét kỹ càng, ghi nhớ. Cũng nên bảo Sư Thiệu đọc kỹ, ngõ hầu được sống hạnh phúc đến già, cùng được sống lâu, khỏe mạnh.

Những kẻ thanh xuân ở góa trong cõi đời cũng như những người cưới vợ chưa được mấy chốc vợ đã chết, mười phần hết tám chín là do chẳng biết tự thận trọng đến nỗi uổng mạng! Há có phải mỗi trường hợp đều do bổn mạng từ lúc sanh ra đã như thế ư? Nếu La Tế Đồng[148], thương nhân X… và đứa con của thương gia Y… đọc kỹ Thọ Khang Bảo Giám, đã biết rành rẽ những điều kỵ húy, há có chuyện bị chết ngay ư? Quang thương bọn họ vô tri, nên mới đặc biệt biên tập sách này *(đã in năm vạn cuốn)*. Sợ ông nghĩ "ta chẳng đến nỗi phạm tà dâm, cần gì phải đọc sách ấy!" Vậy là sai lầm quá đỗi rồi! Hoàng đế Đồng Trị[149] cũng do bệnh chưa lành mà ân ái nên phải chết.

---

[148] Theo lời tựa sách Thọ Khang Bảo Giám, La Tế Đồng bịnh nặng đã lâu, uống thuốc mãi chẳng lành, phát phẫn thề không uống thuốc nữa, sống được thì sống, hễ chết đành chịu! Vợ chí thành cầu nguyện, thề ăn chay suốt đời, ông ta đang bệnh ngặt nghèo liền chuyển biến, khỏe mạnh dần dần. Do chưa bình phục hoàn toàn mà đã ăn nằm với vợ nên bệnh lại trở nặng, mới ngoài bốn mươi đã chết. Tổ Ấn Quang ân hận đã không răn nhắc ông ta về chuyện này bèn tận lực in cuốn Thọ Khang Bảo Giám để răn nhắc mọi người.

[149] Đồng Trị, tên thật là Ái Tân Giác La Tải Thuần (1856-1874), con của vua Hàm Phong và Từ Hy Thái Hậu, lên ngôi vua lúc mới năm tuổi, tuy mang tiếng là Từ Hy thái hậu buông rèm nhiếp chánh, nhưng thật ra vua không có quyền hành thực tế nào. Đêm xuống, vua

Chuyện này quả thật là đạo trọng yếu để giữ thân yên đời. Thuở xưa, hoàng đế còn sai viên quan truyền lệnh dùng mõ gỗ đi khắp nẻo đường (tức đường sá, ngõ ngách trong thôn làng) để bảo ban. Nay thì cha mẹ cũng chẳng bảo ban con cái, đến khi con phạm phải những điều kỵ húy chết mất rồi, chỉ biết gào khóc, há chẳng đáng buồn quá sức ư? Tôi có tình thâm giao với cha ông, mẹ ông mà vợ chồng ông lại quy y [với tôi], tôi xem vợ chồng ông như con cái vậy. Vì thế mới nói lôi thôi như thế này. Những vị thiện tri thức khác quyết chẳng nói đến chuyện này, chẳng biết ông có nghĩ lời Quang là đúng hay không? Những điều khác đã có trong kinh điển, nên Quang chẳng cần phải nói nữa! *(Ngày mồng Hai tháng Hai năm Kỷ Tỵ - 1929)*

388. Thư trả lời cư sĩ Châu Thọ Siêu

Sao ông chẳng hiểu đạo lý đến mức như thế? Bệnh mắt phát sanh, chẳng biết sám hối hết thảy ác nghiệp trong đời trước, đời này, lại đổ thừa vì ăn chay! Vậy thì người ăn mặn trọn chẳng có ai bị bệnh mắt ư? Ông nghĩ ăn chay là thiện hay là ác? Nếu nói ăn chay là ác thì ăn mặn là thiện, vậy thì trộm cướp giết người cũng là thiện, so với kẻ ăn mặn càng thiện hơn nhiều! Nếu bảo ăn chay là thiện, thì làm thiện trọn chẳng có lẽ nào đâm ra bị ác báo! Kẻ gặp phải ác báo chính là do ác nghiệp đời trước, do niệm Phật ăn chay mà chuyển được đại khổ thành tiểu khổ. Đối với điều này chẳng sanh lòng kinh sợ lại sanh oán hờn, há có phải là bậc quân tử "vui biết mạng trời, cảnh nghịch xảy đến bèn thuận chịu" ư? Ông chỉ nên chí thành khẩn thiết niệm Phật, quyết định ăn chay. Dẫu khổ sở gấp vạn lần so với bệnh mắt, cũng chẳng ăn thịt hết thảy chúng sanh. Giữ được tấm lòng như thế, xử sự như thế, chắc chắn sẽ nghiệp tiêu, mắt sáng, tâm địa mở mang, chẳng giống những kẻ hồ đồ vô tri vô thức chẳng biết tốt - xấu!

Ông không thấy kinh Kim Cang đã dạy: *"Thiện nam tử, thiện nữ nhân thọ trì kinh này bị người khác khinh rẻ là vì tội nghiệp của người ấy trong đời trước đáng đọa ác đạo. Do đời này bị người khác khinh rẻ nên tội nghiệp trong đời trước liền bị tiêu diệt, sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác"* đó ư? Tội của người ấy đáng đọa địa ngục do trì kinh mà chỉ bị người khác khinh rẻ, tội đọa địa ngục thảy đều tiêu diệt,

---

thường mặc thường phục cùng mấy gã thái giám thân cận, lén trốn ra khỏi cung, lê la trong các chốn ăn chơi để nhậu nhẹt, đánh bạc, vui thú với bọn kỹ nữ. Chánh sử chép vua mất vì bệnh đậu mùa; nhưng theo dã sử, vua chết vì bị bệnh hoa liễu.

trong vị lai còn được thành Phật đạo! Điều ấy do chính kim khẩu của đức Phật nói ra. Ông hoàn toàn chẳng hiểu rõ đạo lý chánh đáng trong thế gian nên vừa gặp nghịch cảnh bèn sanh oán hờn, còn đổ tội cho ăn chay, đáng gọi là "uổng công đọc sách thánh hiền!"

Niệm Phật lấy chí thành làm chủ. Nếu chí thành sẽ chẳng bị tán loạn cho lắm; hãy nên dùng phương pháp vừa niệm vừa nghe. Lần chuỗi chẳng qua để ngừa giải đãi, nếu lần chuỗi gây trở ngại thì chẳng cần phải lần. Vừa niệm vừa nghe so ra tốt hơn niệm theo hơi thở. Hãy nên nói là Tùy Tức (niệm theo hơi thở), chớ nên gọi là Sổ Tức (đếm hơi thở). Cách vừa niệm vừa nghe trong Văn Sao của Quang sợ ông chẳng khéo dùng được, vậy thì chỉ niệm cho rõ ràng, rành mạch, nghe cho rõ ràng, rành mạch là được rồi! Chỉ y theo lời tôi, quyết chẳng bị lầm lẫn. Nếu y theo ngu kiến của chính mình, tôi sẽ tuyệt giao, chẳng cần phải gọi Quang là thầy nữa!

389. Thư trả lời Đông Xá Tây Khách

Lăng Nghiêm có gì mà chẳng nên nghiên cứu, nhưng phải lấy Tịnh Độ làm chủ thì hết thảy kinh đều nêu tỏ được lợi ích của Tịnh Độ. Phần mở đầu của kinh Lăng Nghiêm gạn hỏi cái tâm khó khăn như thế ấy, cho nên biết chúng sanh đời Mạt vẫn muốn dùng Thiền để giải quyết đại sự sẽ tự lầm, lầm người lớn lắm! Huống chi hai mươi lăm pháp Viên Thông, xếp [pháp Viên Thông của] ngài Thế Chí trước [pháp Viên Thông của] đức Quán Âm, [ngụ ý] đề cao, lấy Tịnh Độ làm pháp chánh yếu lớn lao lắm! Trong phần giảng rõ về cảnh Ngũ Ấm Ma, [kinh dạy] người phá được hai ấm Sắc và Thọ vẫn còn có chuyện bị ma dựa. Đủ thấy dùng tự lực để liễu sanh tử khó khăn, nương Phật lực để liễu sanh tử dễ dàng. Nghiên cứu được như vậy thì lợi ích lớn lao.

Phàm khi nghiên cứu, ắt phải lắng lòng, bặt suy nghĩ, ngưng thần đọc kỹ như người vào đảo báu lớn, ắt sẽ có sở đắc. Nếu giống như đi đường vội vã chỉ mong cho lẹ, hận chẳng thể vừa coi là xong, thì chẳng những không hiểu được nghĩa kinh, mà đâm ra lâu ngày còn mắc bệnh, thậm chí tổn khí, thổ huyết v.v… Kẻ khéo được lợi ích, không gì chẳng có ích. Kẻ cam chịu tổn hại, không gì chẳng tổn hại. Kinh Lăng Nghiêm quả thật là kinh điển mầu nhiệm để hoằng dương Tịnh tông, nhưng kẻ chưa biết pháp môn Tịnh Độ thường do Lăng Nghiêm mà ngược ngạo khinh miệt pháp môn Tịnh Độ! Đấy gọi là *"người nhân thấy là nhân, kẻ*

trí thấy là trí", do chính mình chưa đủ chánh nhãn, cứ dùng ý kiến của chính mình để hiểu kinh mà ra!

390. Thư trả lời cư sĩ Diệp Chỉ Phân (thư thứ nhất)

Con người sống trong thế gian thọ - yểu, cùng quẫn - hanh thông, đều do nhân đời trước gây nên. Nhưng kẻ đại thiện hay đại ác cũng chuyển họa thành phước, chuyển phước thành họa, đủ mọi loại bất đồng! Vì thế, thánh hiền đều chú ý nơi tu trì, Phật pháp cũng chú trọng nơi sám hối! Hễ sám hối "tánh khiên" (lỗi lầm nơi tâm tánh), tu sửa đức mình, thì hết thảy sự thọ dụng đều chẳng phải do túc nghiệp cảm thành như cũ nữa. Hãy nên đọc kỹ thiên Lập Mạng của Viên Liễu Phàm [trong sách Liễu Phàm Tứ Huấn] sẽ biết rõ! Há phải chỉ có họa - phước do chính mình chuyển biến, mà ngay cả thánh hay phàm cũng do chính mình chuyển biến. Hiểu rõ điều này, sẽ dốc sức nơi một pháp "làm thánh, liễu sanh tử". Nếu không, dẫu cho đại hiếu tôn kính cha mẹ, là kẻ cực hiếu dưỡng trong thế gian, phú quý, học vấn trùm lấp cõi đời, vẫn chỉ là huyễn tướng trống rỗng phù hoa biến hiện trong cơn huyễn mộng! Sau khi đã hiện xong, nào còn có dấu tích thật sự để được nữa ư? Như vậy thì phàm là công danh, con cái, học vấn, danh dự, rốt cuộc trọn chẳng liên can gì đến chuyện sanh tử cả!

Các hạ chỉ nên chí thành niệm Phật, niệm Quán Thế Âm, có con cái hay không đâu cần phải nghĩ tới! Em trai ông có con, dẫu ông không có, tổ tiên há tuyệt chẳng có người nối dõi ư? Những đứa con giết cha giết mẹ trong hiện thời, cha mẹ chúng trong thuở ấy có bao giờ chẳng xem chúng là kẻ nối dòng tiếp dõi đâu? Đang trong thời thế này, các hạ tuổi đã năm mươi, mà vẫn than thở "dòng trưởng không có con cái!" Những kẻ bị con giết chết chắc là chết rồi vẫn vui vẻ nghĩ "ta còn có con, chẳng đến nỗi phải tiếc nuối gì" ư? Nay gởi cho ông một gói gồm An Sĩ Toàn Thư và các loại sách, xin hãy đọc kỹ, chắc sẽ chẳng đến nỗi mong tưởng những cảnh hư huyễn, phù hoa đã qua trong thế gian.

Lệnh lang tuy thông minh, ôm tấm lòng lo toan cho nước, cho dân, tiếc là hoàn toàn chưa nghe đạo, những gì anh ta bôn tẩu hô hào chẳng qua là thuận theo trào lưu quấy rối mù quáng đến nỗi tử vong. Nếu anh ta biết loạn lạc sở dĩ dấy lên là vì chẳng dốc sức nơi giáo dục trong gia đình và nhân quả báo ứng, sẽ biến sự nhọc nhằn, siêng năng tẩy chay hàng hóa của Nhật Bản thành [nhọc nhằn siêng năng] áp dụng đạo căn bản để mưu toan bình trị thì người như vậy sẽ trở thành học trò của

thánh hiền, chẳng uổng chỉ mang xuông tâm chí hào hiệp mà thôi! Thông minh đâm ra bị thông minh gây lầm lẫn, đáng thương như thế đó!

Các hạ coi Quang là thiện tri thức, tuy Quang chẳng đáng là thiện tri thức, nhưng chẳng thể không dùng lời lẽ ý tứ của một thiện tri thức để thưa trình lên các hạ hòng chẳng thiếu sót [tình quen biết]. Nếu các hạ vẫn chẳng nguôi lòng cầu con, xin trước hết hãy tiết dục để thân thể của chính mình được khỏe mạnh, hòng làm cái gốc sanh thành con cái, tích âm đức nhằm xoay chuyển lòng trời, trì danh hiệu Phật để tạo lợi ích cho khắp cả ta lẫn người. Lại khuyên lệnh phu nhân cũng nên giữ tấm lòng như thế, xử sự như thế, lại còn phải lễ bái, cúng dường, xưng niệm Quán Thế Âm Bồ Tát. Nếu tâm kiền thành, ắt sẽ sanh được đứa con làm rạng rỡ thanh danh gia đình.

Phẩm Phổ Môn có dạy: *"Nếu có nữ nhân muốn cầu con trai, lễ bái cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, liền sanh con trai phước đức trí huệ. Nếu muốn cầu con gái, liền sanh con gái đoan chánh có phước tướng, đã gieo trồng gốc đức từ đời trước, được mọi người yêu kính"*. Các hạ muốn cầu có con nối dõi, hãy nên theo phương pháp Quang vừa mới nói để cầu thì không khi nào chẳng cầu được! Nếu không, dẫu có sanh được con, chắc là khó thể bảo đảm nó chẳng bị hãm trong những trào lưu [cực đoan, quá khích], đến nỗi đi theo con đường đại nghịch vậy! Viết ra những điều này để xin ông hãy sáng suốt suy xét. Trong tháng Chín, chắc chắn Quang sẽ diệt tung tích, chẳng muốn đem ảnh chụp làm gai mắt khắp mọi người, cho nên chẳng gởi. Nếu y theo lời Quang nói chính là thấy được lòng Quang, chứ tướng xấu sờ sờ há đáng nhắc đến ư?

391. Thư trả lời cư sĩ Diệp Chỉ Phân (thư thứ hai)

Lá thư trước đã gởi đi hôm Mười Sáu. Đọc thư ông, khôn ngăn bật cười! Chẳng thể tiết dục, gấp muốn có con! Chẳng biết cái gốc để sanh con là ở chỗ bồi dưỡng thân thể và âm đức! Chẳng tiết dục thì tinh loãng chẳng thể đậu thai. Dẫu có đậu thai, sanh được con, ắt nó cũng sẽ bấy bớt, khó khôn lớn được! Nếu muốn sanh được đứa con tốt lành có thể kế thừa thanh danh của gia đình thì phải đoạn dục một năm, hoặc nửa năm, ngõ hầu thân thể mạnh mẽ, tinh thần sung túc, đợi cho vợ sạch kinh nguyệt rồi mới chung đụng một phen, liền có thể đậu thai. Từ đấy vĩnh viễn chấm dứt ân ái thì đứa con sanh ra nhất định mũm mĩm, đầy đặn, tánh tình lương thiện, chắc chắn không có những bệnh lên sởi, trái rạ v.v… và chẳng lo nó không lâu sau sẽ chết.

Với ác nghiệp đời trước, hãy chí tâm sám hối, kiền thành tụng kinh, sẽ tự có thể tiêu diệt. Há nên tin tưởng Thọ Sanh Kinh[150], sanh vào năm nào đó sẽ phải trả nợ chừng đó tiền thọ sanh. Đấy là kinh do Tăng sĩ chuyên làm kinh sám bịa ra, sao ông lại tin đó là thật? Cần biết rằng: Từ vô lượng kiếp đến nay, do tham - sân - si tạo giết - trộm - dâm, đã kết oán nghiệp vô lượng vô biên; hãy nên phát tâm đại Bồ Đề tự lợi, lợi tha, chí thành niệm Phật, tụng kinh để mong tiêu diệt. Cũng như dùng công đức ấy để siêu độ cha mẹ của chính mình trong đời này, tổ tông, họ hàng nhiều đời, khiến họ đều được tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn, thoát khỏi đời ác Ngũ Trược này, sanh sang cõi tịnh bảy báu kia, ngõ hầu chẳng thẹn làm con, làm cháu của người khác, chẳng thẹn làm đệ tử Phật.

Ông hỏi kinh nào tốt nhất, chẳng biết hết thảy kinh Đại Thừa đều tốt. Ông có thể thọ trì từng kinh một hay chăng? Nếu đã chẳng thể trì khắp, hãy cứ trì mãi Kim Cang, Tâm Kinh, Di Đà Kinh, Đại Bi Chú, không có loại nào chẳng tốt cả! Chỉ cần chí thành, cung kính thì công đức lớn lao. Nếu không, [do trì tụng] chắc sẽ có công đức nhưng có thể bị tội lỗi do tâm không kiền thành chắc sẽ đến nỗi trở thành khinh nhờn. Lại cần phải lấy việc niệm Nam Mô A Di Đà Phật làm công khóa để hằng ngày thường tu không gián đoạn, ấy chính là đem vạn đức hồng danh của đức Như Lai huân tập cái tâm nghiệp thức của chính mình, lâu ngày chầy tháng, tâm sẽ tự có thể hợp với Phật và tâm hợp với đạo.

392. Thư trả lời cư sĩ Vương Tu Bổn

Tâm phàm phu chỗ chín thì quá chín, chỗ sống thì quá sống, chẳng đem chữ Chết treo trên trán, quyết khó thể đè nén vọng tưởng. Vọng tưởng đã chẳng thể đè nén được thì vọng tưởng sẽ thành chủ, bản tâm thành tớ. Do vậy, bao nhiêu bậc anh hào lỗi lạc bị vọng tưởng xua đuổi vào ba ác đạo, vĩnh viễn không có thuở thoát ra, chẳng đáng buồn ư? Một pháp Niệm Phật là pháp thực hiện dễ dàng nhất, thành công dễ dàng nhất trong Phật pháp. Hết thảy các pháp đều lưu xuất từ pháp này, đều quy hoàn pháp này. Vì thế được gọi là *"pháp môn thành tựu lúc đầu,*

---

[150] Đây là một loại ngụy kinh, theo đó mỗi người sanh ra đều thiếu một khoản tiền ở Âm Phủ để được đi đầu thai. Nếu không làm các "pháp sự" đốt vàng mã, tiền bạc, hình nhân thế mạng sẽ bị tổn phước giảm thọ, thậm chí suốt đời không ngóc đầu lên được! Ngay trong Phật môn miền Bắc Việt Nam hiện thời, cũng có nhiều vị hòa thượng thuộc các sơn môn lớn vẫn tin tưởng chuyện này và còn bày vẽ thêm những nghi thức rườm rà để làm đàn trả nợ Thọ Sanh!

thành tựu lúc cuối để mười phương ba đời hết thảy chư Phật trên thành Phật đạo dưới hóa độ chúng sanh". Xin đừng coi là thừa thãi để sau này còn có lúc được lợi ích.

Trừ in sách và làm chuyện công ích ra, Quang đều chẳng cần đến tiền. Do một là không có đồ chúng, hai là không nơi chốn, ba là chẳng thích tích cóp những vật vô ích. Tuy chưa đến ngày chết, nhưng hằng ngày thường nghĩ đến lúc chết. Vì thế chẳng giống với những Tăng sĩ trong cõi đời, chuyên muốn tích cóp để mong sau này dùng cho chính thân mình hoặc cho con cháu dùng *(Ngày Mười Tám tháng Sáu)*

393. Thư trả lời nữ cư sĩ Trần Liên Anh

Pháp môn Niệm Phật giống như Như Ý bảo châu, có thể tùy ý con người mà mưa hết thảy báu. Chỉ cần khẩn thiết chí thành niệm Phật, sẽ tự nhiên tội nghiệp tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng, siêu độ tiên vong (người đời trước đã khuất bóng) đều được vãng sanh Tây Phương, sao chẳng thể nói là "nương theo Phật từ lực để vãng sanh Tây Phương"?

Con lại hỏi nên tu như thế nào sẽ có thể làm cho cha mẹ được vãng sanh Tây Phương? Con hỏi như vậy chính là không hiểu lý quá sức! Người niệm Phật mỗi ngày sáng tối vẫn cần phải đem công đức tu trì của chính mình hồi hướng cho Tứ Ân Tam Hữu[151] và hết thảy chúng sanh trong pháp giới, huống hồ chẳng thể làm cho phụ mẫu vãng sanh Tây Phương ư? Chỉ cần cung kính, chí thành đến cùng cực, lại còn phải phát tâm độ khắp hết thảy chúng sanh. Phàm với hết thảy những kẻ hữu duyên đều đem pháp này khuyên nhủ, đem công đức tu trì của chính mình, công đức hồi hướng cho hết thảy chúng sanh và công đức khuyên người khác để hồi hướng cho cha mẹ, chắc chắn sẽ có thể làm cho cha mẹ được vãng sanh. Nhưng cần phải chân thật, tận lực thực hiện thì mới được. Nếu hời hợt, ơ hờ, tuy chẳng phải là không có lợi ích, nhưng sợ rằng chưa chắc sẽ được vãng sanh.

---

[151] Tứ Ân gọi đủ là Tứ Trọng Ân, có hai cách hiểu:
1) Theo Chánh Pháp Niệm Xứ Kinh, quyển 11, Tứ Ân là "ân cha, ân mẹ, ân Như Lai, ân thầy thuyết pháp".
2) Cách hiểu phổ biến hơn (được nhắc tới trong Giáo Thừa Pháp Số quyển 13, Thích Tịnh Độ Quần Nghi Luận, Tứ Ân Hiếu Thuận Sao và các kinh luận khác) thì Tứ Ân là "ân cha mẹ, ân chúng sanh, ân quốc vương (tức ân đất nước) và ân Tam Bảo".
Tam Hữu là tên gọi khác của Tam Giới, tức Dục Hữu, Sắc Hữu và Vô Sắc Hữu. Do có phiền não, vọng tưởng, sanh tử v.v.. nên gọi là Hữu.

Niệm Phật phải có lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, phải cung kính, chí thành, phải lắng tai nghe kỹ, phải phát tâm phổ độ chúng sanh. Phải kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành, luôn thường tự phản tỉnh. Hễ có tâm bất thiện dấy lên bèn lập tức tiêu diệt. Phàm có thiện tâm đều nên khiến cho nó được mở rộng ra. Dẫu sức chẳng làm được, tâm ấy quyết chẳng thể không sanh! Nói chung, lúc thường ngày phải giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt lành, làm việc tốt lành để làm pháp trị thân trị tâm. Niệm Phật như thế sẽ đáng là đệ tử thật sự của đức Phật, chắc chắn có thể ở trong thế giới này phổ độ những người cùng hàng thoát lìa sanh tử. Vì sao vậy? Do có thể thật hành, người ta sẽ dễ bị cảm hóa. Nếu không, sẽ là kẻ giả thiện, tâm hạnh giả dối, sẽ chẳng thể được lợi ích thật sự.

Hết thảy chúng sanh do dâm dục mà sanh. Con phát tâm giữ lòng Trinh tu hành, phải nỗ lực. Nếu có những thứ tình niệm ấy khởi lên, hãy nghĩ đến núi đao, rừng kiếm, vạc dầu, lò than, đủ mọi nỗi khổ trong địa ngục, tự nhiên bao nhiêu ý niệm đã dấy lên sẽ lập tức bị tiêu diệt. Thường thấy bao nhiêu thiện nữ thoạt đầu phát tâm giữ lòng trong trắng chẳng xuất giá, sau đấy do tình niệm phát khởi, chẳng thể kìm mình được, liền cùng kẻ khác làm chuyện cẩu thả. Nhưng hễ đã không gìn giữ một lần, sẽ như nước xoáy thủng đê, từ đấy chảy tràn lan, vĩnh viễn chẳng thể quay về chánh đạo được, thật đáng đau tiếc! Hãy nên tự châm chước, có thể giữ được thì giữ chắc đến tột cùng. Nếu không, xuất giá theo chồng chính là cương thường do thiên địa thánh nhân và con người đã lập ra, cố nhiên chẳng phải là không nên.

Giữ lòng Trinh mà giữ được tốt đẹp thì tốt hơn đi lấy chồng, nào phải chỉ tốt đẹp hơn trăm ngàn vạn lần! Không giữ được lòng Trinh vẹn toàn thì lại còn thua lấy chồng cả trăm ngàn vạn lần, bởi lẽ nam nữ lập gia đình chính là giềng mối của con người trong trời đất, nam nữ chung chạ bừa bãi chính là hành vi của súc sanh! Súc sanh chẳng biết lý, chẳng biết luân thường. Con người biết lý, biết luân thường, mà vẫn muốn làm chuyện chung chạ bừa bãi, quả thật chẳng bằng súc sanh! Cậu của con đã thờ ta làm thầy, nói con có thiện căn muốn giữ lòng Trinh, ta không phá cái tâm giữ lòng Trinh của con, chỉ sợ con có đầu không đuôi, đâm ra mắc tội với trời đất, cha mẹ, Phật, Bồ Tát. Vì thế, ta khôn ngăn dài dòng một phen.

Lại nữa, sao con không phát tâm ăn chay? Con thử nghĩ xem: Thịt trên thân con mà cắt ăn thì có ăn được hay chăng? Thịt của chính mình chẳng thể ăn được, sao hằng ngày lại giết [loài vật] để ăn? Hết thảy sanh

linh chẳng phải do con giết, nhưng con dùng tiền để sai người khác giết; sát nghiệp vẫn giống hệt! Huống chi con muốn sanh về Tây Phương, đức Phật lấy từ bi làm gốc. Con đã ăn thịt tức là không có tâm từ bi! Vì con là người chân thật tu hành nên ta mới nói lời này. Nếu là kẻ hờ hững, hời hợt, tuy chẳng ăn chay vẫn có thể niệm Phật, chứ không phải là kẻ ăn mặn chẳng được niệm Phật. Chẳng thể không biết [điều này]. Những điều khác không cần giảng giải, con chỉ đọc kỹ Văn Sao thì mọi mối nghi đều tháo gỡ.

Quang bận việc đến cùng cực, chớ nên thường gởi thư đến. Dẫu có nói gì đi nữa, cũng chẳng ngoài những ý đã nói trong Văn Sao. Phật pháp quảng đại, dẫu Đăng Địa Bồ Tát[152] cũng chẳng thể biết hết được! Nhưng muốn được lợi ích thật sự thì chỉ có một câu *"Nam-mô A Di Đà Phật"* này là có thể thoát khỏi sanh tử, chứng Niết Bàn, viên thành Phật đạo. Chúng ta là phàm phu hạ căn, chẳng làm theo pháp môn cực đơn giản thì chỉ có thể trở thành gieo thiện căn mà thôi; muốn liễu sanh tử ngay trong đời này, có mộng cũng mơ chẳng được! Con có thể y theo lời ta nói thì đáng gọi là Liên Anh. Nếu không, tuy mang tên Liên Anh, chỉ sợ thành rừng tội mà thôi! *(Ngày Mười Bảy tháng Tư)*

394. Thư trả lời cư sĩ Trầm Thọ Nhân

Nhận được thư, biết ông tu trì tinh ròng, siêng năng, chú trọng khiết tịnh, cung kính, tôi vui mừng, an ủi đến tột bậc. Phàm người tu hành ắt phải lấy niệm Phật làm Chánh Hạnh, lấy trì chú, tụng kinh và làm các chuyện lợi ích làm Trợ Hạnh. Chánh - Trợ cùng hành sẽ như thuận nước căng buồm trong biển khổ sanh tử này, mau được vào biển Tát Bà Nhã[153] (Nhất Thiết Trí). Nếu chẳng sanh lòng tin phát nguyện cầu sanh Tây Phương; cứ niệm Phật, trì chú v.v… hờ hững thì đều chỉ thành phước báo cho đời sau mà thôi! Pháp môn Tịnh Độ thông trên thấu dưới: Kẻ sắp đọa A Tỳ mà niệm Phật còn được vãng sanh; bậc đã chứng Đẳng Giác vẫn phải hồi hướng vãng sanh Tây Phương để mong viên mãn Phật Quả. Đừng vì Mật Tông có nghĩa "thành Phật ngay trong thân này" mà bỏ mặc vãng sanh Tây Phương không bàn tới nữa thì mất mát lớn lao thay!

---

[152] Hàng Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên.

[153] Tát Bà Nhã (Sarvajña), còn phiên là Tát Vân Nhiên, Tát Bà Nhã Đa, dịch là Nhất Thiết Trí. Hàm nghĩa: Trí biết rõ hết thảy các tướng trong ngoài của các pháp, tức trí rốt ráo của đức Phật

Trì chú cố nhiên nên kiền thành, khiết tịnh, niệm Phật cũng phải kiền thành, khiết tịnh, nhưng tận tâm tận lực là được rồi. Nếu nói: "Như kẻ đại phú quý lập riêng Phật đường, những kẻ khác đều không có phần tu hành", có lý ấy hay chăng? Ông tên là Kính Thời, tên tự là Thọ Nhân[154], hãy lấy pháp môn Niệm Phật để truyền trao cho quyến thuộc, khiến họ sanh lòng tin phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Nếu có thể chí thành niệm Phật, tự nhiên nghiệp chướng tiêu trừ, thân tâm an lạc, sao lại chỉ biết nể sợ, trọn chẳng biết dùng Phật pháp để chỉ dẫn? Như vậy mà còn gọi là phát tâm Bồ Đề, tự lợi, lợi tha được ư? Quyến thuộc như thế, người ngoài cũng như thế. Phàm kẻ nào không bảo ban được thì đành thôi; kẻ nào bảo ban được, ắt phải khuyên lơn, khích lệ. Công đức ấy lớn lắm.

Hiện thời, thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống, trọn không có lúc nào ngưng dứt. Ấy là do hết thảy chúng sanh đồng phận ác nghiệp chiêu cảm! Trong ác nghiệp chỉ có giết chóc là nhiều nhất, chỉ có giết chóc là thảm khốc nhất. Muốn cho thế đạo thái bình, nhân dân yên vui, ắt mọi người phải kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, ăn chay, niệm Phật thì mới là lời bàn luận giải quyết từ căn bản.

Ông đã phát tâm niệm Phật lại kiêm trì chú, theo đúng lý nên ăn chay trường. Nếu nói "phải thù tiếp bên ngoài, khó được như pháp", thì trong lúc thù tiếp phải quyền biến theo phương tiện, nhưng trong những lúc ta có thể làm chủ được thì trọn chớ nên vẫn ăn thịt hết thảy chúng sanh y như cũ. Dẫu trong lúc thù tiếp cũng chớ nên mặc sức tham ăn thì mới nên; còn trong vòng quyến thuộc, hãy nên giảng bàn nhân quả, khuyên họ đừng ăn, thì mới gọi là người tu hành chân thật. Đừng nói: "Ta tu hành nên ăn chay, bọn họ không tu hành, ăn mặn cũng không sao!" Nên biết nỗi khổ của hết thảy những con vật bị giết và nỗi khổ phải trả báo trong tương lai. Vừa thử nghĩ đến, lông trên thân đều dựng cả lên, chẳng những không nỡ mà còn chẳng dám nữa!

Người niệm Phật ai nấy tùy phận, chuyên niệm Phật hiệu cũng được, mà kiêm thêm tụng kinh, trì chú và rộng tu vạn hạnh cũng được. Nhưng chớ nên trọn chẳng có đầu mối thứ tự, ắt phải lấy niệm Phật làm chủ, làm Chánh Hạnh, những thứ khác đều là khách, là Trợ Hạnh thì tốt lắm! Nếu không, sẽ như rải tiền trong nhà, chẳng xỏ thành chuỗi, sẽ không

---

[154] Thọ Nhân (授人) là truyền trao cho người khác nên Tổ mới dạy: *"Hãy lấy pháp môn Niệm Phật để truyền trao cho quyến thuộc"*.

thọ dụng được! Cũng giống như vào biển thiếu kim chỉ nam, chẳng có gì để nương theo.

Thờ tượng Phật, Bồ Tát thì tượng vẽ hay tượng khắc đều được. Chỉ cần coi tượng ấy như đức Phật thật sự, tự nhiên sẽ được phước, được huệ. Nếu vẫn coi là giấy, gỗ v.v… ắt sẽ tổn phước, giảm thọ. Nay gởi cho ông một bộ Văn Sao vừa mới in và một bộ Quán Kinh Sớ của ngài Thiện Đạo. Ngài Thiện Đạo chính là hóa thân của Phật Di Đà, Ngài dạy chuyên tu; phần khẩn yếu nhất là phần chú giải chương Thượng Phẩm Thượng Sanh, xin hãy đọc kỹ!

395. Thư trả lời cư sĩ Long Trừng Triệt

Ngày Hai Mươi Chín tháng trước, tôi đã bảo Hoằng Hóa Xã gởi mười bốn gói kinh sách, đã nhận được hay chưa? Đấy không phải là sách của Hoằng Hóa Xã [biếu tặng] mà do Quang dùng tiền thỉnh bảo họ gởi đi. Quang một mực hễ cần thỉnh sách để tặng cho người khác bèn bỏ tiền ra, trả theo giá bán [của Hoằng Hóa Xã], một là để người nhận hóa đơn thỉnh sách khỏi vì Quang mà làm điều sai trái, hai là có thể tùy ý thỉnh bao nhiêu cũng được, không ai dám sanh ý kiến hiềm nghi. Do Quang chẳng dám tùy ý [lấy sách; hễ cần bao nhiêu sách] tôi trả tiền [chừng đó], thì hai đằng đều không trở ngại. Hiện thời tôi nghĩ mình đã chết, đã không còn tích cóp nữa. Nếu muốn thỉnh thêm, hãy nên tiếp xúc thẳng với Hoằng Hóa Xã, Quang chẳng cần phải dính vào đấy.

Lao Sơn chính là chỗ Hám Sơn đại sư hoằng hóa. Trần Phi Thanh muốn sửa chùa, cầm bản sao bộ Niên Phổ của đại sư đến cậy tôi ấn loát lưu thông, Quang gởi thư cho các thư viện hỏi tìm bản sớ giải bộ Niên Phổ, họ đều không có. Sau này nghe nói ở chùa Gia Hưng tại Bắc Kinh giữ được trọn vẹn bộ sách, liền cậy người thỉnh về sao ra để in. Vì thế, gởi đến cho ông hai gói. Ngài Hám Sơn có công lớn đối với Phật pháp, có công lớn đối với xã tắc nhà Minh. Nếu Sư chẳng bị đày xuống Quảng Đông, do cười nói mà dứt được đại loạn vừa mới manh nha bao lần thì [nước nhà thuở ấy] thật nguy ngập còn hơn trứng chồng vậy. Trong bài Lục Vịnh Tụng, Quang đã nêu đại lược những điểm quan trọng, sự việc [được thành tựu hay không] là do người có lòng.

Đầu tháng này, Đường Đào Dung gởi thư đến xin đặt pháp danh cho ba người. Trong số ấy có ông Trương Huân Đống tự hào về tài văn chương, tự cảm thấy khắp cả vùng Vu Hồ chỉ có mình ta tài cao. Ông Đường nói với ông ta về nhân quả, ông ta chẳng tin. Ông Đường bảo ông

Trương đọc Văn Sao, [ông Trương] đọc mấy thiên liền cầu ông Đường xin quy y giùm, nhưng đối với chuyện niệm Phật cầu vãng sanh vẫn chưa chịu hoàn toàn cắm đầu tin theo. Nếu ông ta đọc đến bức thư gởi cho Cố Hiền Vi, chắc sẽ chẳng dám không cắm đầu tin theo! Ông Đường xin được đến núi ở mấy tháng vào năm sau, Quang chẳng chấp nhận; dẫu có đến cũng chỉ được ở mấy ngày rồi đi. Người này do cư sĩ tiến dẫn, so ra là hạng nam tử chí hướng còn hời hợt, ơ hờ, nhưng còn chân thật, thiết tha; huống chi anh ta lại còn là người Hồi Hồi nữa! *(Ngày Mười Chín tháng Đông năm Canh Thìn, tức năm Dân Quốc 29 - 1940)*

396. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ nhất)

Nhận được thư, biết lệnh kế từ[155] niệm Phật sanh Tây, khôn ngăn vui vẻ, an ủi. Con người có sống ắt phải có chết; chết mà chẳng được vãng sanh thì nỗi khổ trong vị lai làm sao có thể diễn tả được! Nay cụ đã được sanh về Tịnh Độ, đáng bảo là *"người cực phú quý trong thế gian cũng khó thể sánh bằng trong muôn một, chẳng sống uổng chết phí"* vậy! Tôi sửa đổi tiểu truyện của cụ đôi chút. Quang là một ông Tăng chỉ biết cơm cháo, kính cẩn vâng giữ quy củ đã thành lập của Phật, của Tổ, khuyên người khác niệm Phật cầu sanh Tây Phương, sao lại gọi Quang là Thái Sơn, Bắc Đẩu của Tịnh Tông đương thời? Chỉ nên thuật rõ sự việc [vãng sanh của lệnh kế từ] là được rồi, chớ nên khen ngợi sáo rỗng quá lố! Mấy hôm trước, khoản tiền in sách do cư sĩ quyên cúng là năm mươi đồng và khoản tiền hương kính của lệnh muội Thang Huệ Chánh là hai mươi bốn đồng đã được lệnh tỷ trượng[156] Địch Am đưa cho, tôi đều nhận được cả rồi, đừng lo. Tôi quên mất địa chỉ của Bạch Vân Am ở chỗ nào, vì thế nhờ Địch Am chuyển thay.

397. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ hai)

Người già nên lấy niệm Phật làm Chánh Hạnh. Chép kinh phải chí thành, cung kính, chẳng cẩu thả một nét bút nào. Lại cần phải giảo chánh, đối chiếu tường tận, chẳng để cho sai sót. Nếu có sai sót, hãy nên chép chữ khác, chớ nên bôi sửa, viết thêm vào, để lâu ngày khỏi bị kẻ tánh tình cẩu thả bỏ sót mất. Chép một câu liền đối chiếu một câu; chép một hàng, đối chiếu một hàng. Chép xong một trang thì lại đối chiếu tường

---

[155] Lệnh kế từ: Tiếng gọi tỏ vẻ tôn kính mẹ kế của người khác.
[156] Lệnh tỷ trượng: Tiếng gọi tỏ vẻ tôn kính anh rể người khác.

tận [cả trang] hai ba lượt thì mới có thể không bị sai sót. Nếu bị sai sót mà chẳng muốn chép lại cả trang thì đánh dấu chữ sai, viết chữ đúng vào bên cạnh; ngàn vạn phần chớ nên xóa sửa, giậm thêm nét. Chữ ông không đẹp lắm, không cần phải chép Hoa Nghiêm nữa. Do chữ không đẹp lắm, người đời sau sẽ chẳng rất chú trọng, nhất tâm niệm Phật còn hay hơn!

Nếu niệm Phật có vọng tưởng thì nên vận tâm lắng nghe. Từng câu, từng chữ đều phải nghe cho rõ ràng, bất luận niệm lớn tiếng hay nhỏ tiếng hoặc niệm thầm trong tâm đều phải nghe cho rõ ràng. Lâu ngày chầy tháng, tâm tự quy nhất. Chương Đại Thế Chí Viên Thông trong kinh Lăng Nghiêm có câu*: "Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đắc Tam Ma Địa, ấy là bậc nhất"*, đấy chính là pháp lắng tai nghe kỹ vậy. Hãy nên y theo đó mà niệm sẽ chẳng đến nỗi vọng tưởng tơi bời y như cũ! *(Ngày Hai Mươi Chín tháng Giêng)*

398. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ ba)

Thư nhận được đầy đủ, trước đây do đất Hỗ (Thượng Hải) chưa yên ổn chẳng tiện gởi ngay; về sau lại ngờ rằng bệnh viện có thể đã chuyển đi nơi khác, cho nên mới chần chừ đến hôm nay. Nay gởi tổng cộng sáu gói sách: Bốn gói sách cư sĩ tự giữ, một gói chuyển giùm cho Phương Huệ Uyên, một gói giao thẳng cho cư sĩ Địch Am. Mùa Hè năm nay có thể nói là nóng nực hiếm thấy, hiện thời lại bị hạn hán, cuộc sống của người dân thật đáng xót thương! Chẳng phải là thiên tai thì cũng là nhân họa, hai thứ ấy thường hay giáng xuống cùng một lúc! Đang trong thời thế này, tốt nhất chỉ nên sốt sắng niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Ngoài ra, không lập được cách nào khác nữa đâu! May là cả nhà cư sĩ vẫn yên vui, càng phải nên niệm Phật để mong thoát lìa.

Trước đây, tôi đã nghe người ta nói ngài Đế Nhàn bị bệnh, đã nhờ Mã Khế Tây hỏi thăm, ông ta nói: "Sau [khi nhận được thư thầy] không lâu, con sang thăm, vẫn thấy [ngài Đế Nhàn] yên vui". Nay nhận được thư của cư sĩ mới biết Ngài đã bị bệnh hơn tháng, như vậy là sau khi Khế Tây đến thăm xong Ngài mới ngã bệnh. Ngài Đế Nhàn quả thật là cột trụ trong pháp môn, nếu có chuyện gì bất trắc thì Phật pháp sẽ không có người chống đỡ. Quang ở đất Tô cũng khá bận bịu, đợi in xong dăm ba bộ sách sẽ rời Ngô Môn rồi chỉ niệm Phật đợi chết mà thôi! *(Ngày Hai Mươi Bảy tháng Sáu)*

399. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ tư)

Nhận được thư, biết ông thân tâm yên vui, tâm lợi người ngày càng tăng tấn, khôn ngăn mừng rỡ, an ủi. Quang tính hôm Hai Mươi Ba sẽ xuống núi, trưa hôm Hai Mươi Bốn sẽ đến Công Đức Lâm, nhờ ông báo tin cho bọn họ: Trước Ngọ ngày Hai Mươi Bốn tôi sẽ đến Công Đức Lâm, trở về ngay trong bữa ấy, họ cũng chẳng cần phải đến đấy từ hôm trước. Bởi lẽ mấy người đến từ hôm trước, nghỉ tại Ninh Ba chẳng những tốn nhiều tiền mà cũng bất tiện! Hiện thời là tình thế hoạn nạn, xin hãy bảo lệnh lang Chí Cần và cô con dâu hằng ngày phải niệm thánh hiệu Quán Thế Âm bao nhiêu đó câu để phòng ngừa tai họa. Năm ngoái, lệnh tức[157] đã miễn cưỡng quy y ở Cư Sĩ Lâm, chẳng biết vẫn còn có thể miễn cưỡng tu trì hay chăng? Đầu mùa Thu năm nay, khi chuyện in sách đã kết thúc xong xuôi, trong khoảng tháng Tám, tháng Chín, Quang sẽ diệt tung tích, ẩn náu lâu dài để khỏi phải quanh năm suốt tháng bận bịu vì kẻ khác, đâm ra lỡ làng đại sự sanh Tây của chính mình. Trong tháng Sáu vẫn trở về núi ở cho hết Hè, tháng Bảy xuống núi, không trở về nữa. Tháng Tám, tháng Chín liền ở ẩn để vĩnh viễn không qua lại giao thiệp với hết thảy mọi người!

400. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ năm)

Thư trước chắc ông đã nhận được rồi. Ông nói vọng niệm quá nhiều là vì ông cứ một mực ứng phó ngoại duyên, đến nỗi trong lòng tạp niệm tưng bừng diễn ra. Hãy nên nghĩ mình sắp chết, tưởng sắp đọa địa ngục, nhất tâm niệm Phật thì vọng niệm sẽ liền tiêu diệt, chứ không phải vì thông thuộc kinh hay không!

Ông nói đến Phổ Lợi Phật Thất (Phật Thất Lợi Ích Rộng Khắp), đem kinh biếu tặng, ấy chính là dùng kinh Phật để siêu độ cô hồn, há nên nói "mắc tội khinh mạn"? Chuyện ấy đem so với chuyện hồi hướng công đức cho chính mình càng lớn hơn nữa. Nếu không có chuyện gì, người ta chẳng cầu xin mà chính mình cứ cưỡng tặng cho người ta, người ta vẫn chẳng để ý thì quả thật mắc tội khinh mạn Phật pháp. Lệnh muội biết chữ, thông hiểu văn lý, có thể làm cho chồng và con cô ta đều cùng sanh lòng tin thì công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn. Há nên lầm lẫn muốn trở về Nam để mong gặp mặt Quang? Bởi lẽ, gặp mặt Quang có ích chi đâu?

---

[157] Tiếng gọi tỏ vẻ kính trọng con dâu người khác.

Nếu cô ta có thể y theo Gia Ngôn Lục để tự hành, dạy người, sẽ hơn gặp mặt Quang nhiều lắm!

Người tu hành phải tu cả "nội công" lẫn "ngoại công". Ông một mực dùng nhiều phương cách giúp sức cho những hành động tốt lành, ấy là "ngoại công". Nhất tâm niệm Phật chính là "nội công". Ngoại công là Trợ Hạnh, nội công là Chánh Hạnh. Chánh - Trợ cùng hành, lợi ích thật lớn! Nhưng người đã tới tuổi năm mươi, tháng ngày chẳng còn mấy, cố nhiên nên đặc biệt chú trọng nội công, bớt làm ngoại công, ngõ hầu chẳng đến nỗi bị những hành động tốt lành xoay chuyển, rốt cuộc vẫn ở trong Sa Bà!

401. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ sáu)

Chúng sanh tập khí quá sâu, muốn làm cho họ thay đổi thật chẳng dễ dàng. Cơ duyên niệm Phật của vợ chồng Tử Cần vẫn chưa chín muồi, chớ nên miễn cưỡng! Cư sĩ đã lập cách huân tập, chắc dần dần họ sẽ sanh lòng tin. Một phụ nữ ở Tào Hành Trấn thuộc vùng phụ cận Thượng Hải mỗi khi niệm Phật liền bị mẹ chồng chửi mắng, ngăn cấm, cô ấy vẫn chẳng thay đổi. Lâu ngày mẹ chồng cũng niệm Phật, cũng quy y. Nay thì bà cụ còn tinh tấn hơn con dâu nữa! Xin ông hãy từ từ, đừng sanh ưu phiền.

Lý tức là Lý Tánh, tức là Phật Tánh mà Phật và chúng sanh đều sẵn có. Tánh ấy có đủ hết thảy công đức. Sự chính là tu trì và đoạn Hoặc chứng Chân v.v… Do trong tự tánh sẵn đủ những công đức ấy nên tu đến mức cùng cực sẽ xứng tánh hiển hiện. Do vậy, gọi là "lý sự viên dung". Nếu chỉ biết bản tánh sẵn đủ, chẳng tu trì thêm thì đến tột cùng đời vị lai cũng chẳng thể đích thân chứng được lý "tánh sẵn đủ" ấy. Đó gọi là "chấp Lý phế Sự, Lý cũng chẳng viên". Vì thế, người tu hành hễ đã ngộ được lý "tánh sẵn đủ", ắt phải thiết thực tu trì.

Phương pháp tu trì chỉ có trì danh niệm Phật thật là bậc nhất. Vì thế, hãy nên chuyên chú nơi tín nguyện trì danh. Lại còn lấy "đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành" làm Trợ Hạnh, lợi ích sẽ lớn lao. *"Hồ đến, Hồ hiện"* nghĩa là tâm như gương sáng, gương vốn rỗng lặng, trọn chẳng có một vật gì, nhưng lại tùy theo cảm mà ứng. Người Hồ đến thì trong gương liền hiện bóng người Hồ, người Hán đến [gương cũng hiện bóng người Hán] giống như thế. Ngồi ngay ngắn niệm Thật Tướng chính là nhất tâm chuyên chú nơi Chân Như Phật Tánh bất sanh bất diệt để mong triệt ngộ, thật chứng. Loại công phu này thật chẳng dễ dàng đạt

được; nếu chẳng hiểu rõ lý, chắc sẽ khởi ma sự, bất tất phải dùng loại công phu này! *(Viết dưới đèn hôm Mười Bốn tháng Ba)*

402. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ bảy)

Cổ nhân nói: *"Đại nhân bất xướng du ngôn"* (Người lớn chẳng nói chơi). Cư sĩ do thấy pháp sư Tịnh Ải xả thân mà khởi lòng cảm mộ, nhưng nhất tâm niệm Phật thì được; chứ nếu hơi nẩy sanh ý tưởng muốn bắt chước Tịnh Ải thì không được. Do bậc đại sĩ ấy vốn là Pháp Thân đại sĩ, trọn chẳng có Thân Kiến và các Phiền Hoặc, chẳng qua thị hiện sanh trong thế gian nhằm hóa độ chúng sanh, hiện cái thân do cha mẹ sanh ra này để thực hiện sự giáo hóa, bọn nghiệp lực phàm phu chúng ta chẳng thể bắt chước được đâu! Điều chúng ta nên dốc sức chính là sanh lòng tin chân thật, phát nguyện thiết tha, dùng lòng chí thành khẩn thiết để trì danh hiệu Phật, cầu sanh Tây Phương.

Kỳ hạn vãng sanh mặc cho duyên trễ hay sớm, chớ nên khởi tâm mong ngóng được vãng sanh ngay! [Bởi lẽ], sợ rằng do tâm [mong ngóng] ấy cố kết nhưng tâm [hành nhân] chưa thật sự tương ứng với Phật, các ma sự ắt sẽ dấy lên. Viễn Phàm chỉ sợ cư sĩ đã quyết định mang cái tâm ấy, hãy nên cực lực khuyên giải, cũng là thiên chức đáng nên trọn hết của kẻ làm con. Xin từ nay về sau tâm đừng nghĩ tưởng tới những thứ ngôn luận ấy cũng như bảo với con cái [điều mong ngóng ấy] để lòng họ khỏi phải lo âu!

403. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ tám)

Hôm qua nhận được thư ông kèm theo thư của Chí Phạm, biết sở học vẫn tiến bộ, đạo tâm càng thêm kiên cố, an ủi lắm! Tử Cần chữa bệnh thì đối với những căn bệnh do oán nghiệp khó lành, hãy nên dạy bệnh nhân xưng niệm thánh hiệu Quán Thế Âm và khuyên họ kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, yêu tiếc sanh mạng loài vật. Chẳng những bệnh nhân được hưởng sự tốt lành "tiêu nghiệp, khỏi bệnh", mà y đạo của Tử Cần cũng sẽ nhờ đấy ngày càng phát đạt. Gần đây Tây Y hễ thấy bệnh nhân ăn chay bị bệnh liền thường khuyên họ nên ngã mặn, bảo ăn thịt giàu chất bổ, chẳng biết gây trở ngại cho phép dinh dưỡng, lại còn kết oán nghiệp nữa! Thư của Chí Phạm kính gởi trả lại theo thư này, xin hãy thâu nhận.

404. Thư trả lời cư sĩ Phương Thánh Chiếu (thư thứ chín)

Thư nhận được đầy đủ, ngài Đế Nhàn qua đời đích xác là vãng sanh. Cảnh tượng lúc Ngài mất vẫn chưa đến mức kinh thiên động địa, vì [Ngài dành] thời gian giảng thuyết nhiều, thời gian chuyên dụng công tu Tịnh nghiệp ít ỏi. Nếu là thường nhân thì rất chẳng dễ được như vậy; chứ với ngài Đế Nhàn thì [cảnh tượng lúc vãng sanh] như thế vẫn chưa xứng với thân phận. Ngài Đế Nhàn đã mất rồi, dưới tòa của Ngài pháp tướng đông đảo như rừng. Đối với các vị pháp tử biết mạng [của sư Đế Nhàn], Quang đều chẳng dám mong theo kịp. Trong thư ông nói hai cây trụ lớn của Phật giáo đã gãy một, chỉ còn mình Quang đảm đương, [nói như vậy] chính là chẳng biết Quang chỉ là một ông Tăng tầm thường nuốt cơm húp cháo mà thôi! Do được ngài Đế Nhàn chẳng chê bỏ Quang là phường vô tích sự nên mới giao du ba mươi mấy năm.

Đối với chuyện thù tiếp theo thói thường, Quang nhất loạt chẳng làm theo, chỉ hồi hướng cho Sư suốt một thất trong khóa tụng sáng tối để trọn hết tấm lòng tôi mà thôi! Ông nói lệnh thân hữu muốn quy y, sao không đến quy y với bậc dựng cao tràng pháp gần đấy, mà lại bỏ gần tìm xa, chọn một ông Tăng chỉ biết cơm cháo để quy y vậy? Dẫu nói ông ta cố ý phát nguyện muốn quy y với Quang, nhưng nếu thuận tiện sẽ đến đất Tô thì tốt lắm; chứ còn đặc biệt đến đất Tô để quy y thì cố nhiên chẳng bằng gởi thư cầu xin [quy y] sẽ thuận tiện cho cả đôi bên. Còn như nói cư sĩ đích thân đi cùng ông ta đến đây, tôi nào dám đảm đương? Phàm mọi chuyện đều phải nên càng giản lược, càng ít việc càng hay.

[Tịnh Độ] Thập Yếu đã sắp chữ xong, chẳng bao lâu nữa sẽ in ra. Ước chừng cuối tháng Tám sẽ có thể in thành sách. Hiện thời đang sắp chữ cuốn Phật Học Cứu Kiếp Biên. Sách này do cư sĩ Phan Đối Phù thỉnh cư sĩ Hứa Chỉ Tịnh biên tập. Sắp chữ cuốn này xong sẽ sắp chữ bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Thanh Lương, Cửu Hoa, Nga Mi Chí sẽ được sắp chữ sau. Năm trước tới đất Tô là vì Phổ Đà Chí chưa xong; do vậy lại sắp chữ mấy loại sách, nay vẫn còn năm bộ sách này. Đến khi cả năm bộ hoàn tất rồi, tôi sẽ ở ẩn, niệm Phật hiệu cho nhiều để mong lâm chung chẳng đến nỗi tay chân cuống quýt, bị người khác chê cười!

405. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ nhất)

Tiên Thiên lẫn Hậu Thiên đều suy nhược thì hãy nên chú trọng khéo bảo dưỡng. Nếu muốn dựa vào thức ăn để bồi bổ thì người ăn chay nên ăn nhiều lúa mạch. Sức [bồi bổ] của lúa mạch cao hơn sức bổ dưỡng của

gạo không biết mấy lần. Quang ăn ròng mì thì tinh thần tráng kiện, khí lực sung túc, tiếng nói to rõ. Ăn gạo chỉ no bụng, chứ không có hiệu quả như thế. So với sâm, lúa mạch có sức bổ dưỡng còn cao hơn gấp mấy lần. Kẻ có tiền uống sâm là vì không biết dùng tiền nên làm chuyện hao phí ấy, chứ không phải là [nhân sâm] thật sự có thể bồi bổ con người.

Thêm nữa, dầu mè Đại Ma[158] cũng bổ dưỡng cho con người; dầu mè Tiểu Ma do bị chưng cho đặc sánh lại nên sức bổ dưỡng mất đi một nửa! Con người chỉ biết quý mùi hương, chứ thật ra đấy là mùi của dầu bị cháy! Hạt sen, Quế Viên, Hồng Táo, Khiếm Thực, Ý Mễ[159] đều có thể dùng để bồi bổ. Há cứ phải cần tới huyết nhục mới bồi bổ được ư? Nói chung, sức bổ dưỡng đều chẳng lớn bằng lúa mạch. Nếu chẳng ăn được thì hãy nên ăn kèm, lâu ngày sẽ tự biết, mà cũng cảm thấy ăn ngon miệng được. Bài kệ về chuyện ăn trứng gà do kẻ dối trá bịa ra, chớ nên tin theo!

---

[158] Nguyên văn "ma du" tức là dầu mè, do cách chế biến khác biệt mà chia thành hai loại:
1) Đại Ma (dầu chưa tinh chế): Tức hạt mè đem ép lấy dầu bằng cối đá, loại bỏ xác mè. Loại dầu này có mùi thơm rất nhẹ, màu nhạt, gần như trong suốt, chủ yếu dùng để làm bánh.
2) Tiểu Ma (dầu mè tinh chế, còn gọi là Hương Du): Mè được xay bằng máy nên xác mè gần như vụn nát. Dầu ép ra có chứa nhiều tạp chất (nhất là xác mè), nên phải tinh luyện bằng cách chưng nước nóng: Dầu mè thô được đổ vào một nồi đựng nước nóng 80 độ C để váng dầu nổi lên mặt nước, tạp chất chìm xuống đáy. Gạn lấy váng dầu ấy rồi tiếp tục đun nhẹ cho nước bốc hơi, dầu đặc lại. Loại dầu này rất thơm, màu sắc gần từ vàng trong cho đến vàng sậm, thường dùng để xào nấu.

[159] Quế Viên (Dimocarpus Longan) còn gọi là Long Nhãn, Á Lệ Chi, hay Yến Noãn. Vị thuốc Nhãn Nhục chính là phần thịt của loại nhãn này.
Hồng Táo (Ziziphus Jujuba): Ta thường gọi là "táo Tàu", để phân biệt với táo Tây (bôm, apple). Trái to nhất bằng ngón chân cái, khi chín ngả dần sang màu đỏ nâu. Thường được phơi khô để dùng trong các toa thuốc bổ của Đông Y với tên gọi là Đại Táo. Nhân của hạt táo này cũng được dùng để làm thuốc.
Khiếm Thực (Euryale Ferox Salisb), còn gọi là Kê Đầu, là một loại thực vật thuộc họ Súng (có sách giảng Khiếm Thực chính là củ Súng, nhưng căn cứ trên hình chụp và miêu tả, nó chỉ giống với hoa Súng bên ta, chứ không hoàn toàn tương đồng). Phần củ thường mập ngắn, có rễ trắng, lá có hình thuôn tròn, màu xanh đậm, mặt dưới màu tía, nổi gân rất rõ, gần như hình trái tim, nổi trên mặt nước chứ không vươn khỏi mặt nước như lá sen. Kích thước của lá khá to, có lá to đến 1m30. Hoa sắc tía, thường nở vào khoảng Hạ - Thu, chỉ nở vào ban đêm, mỗi búp hoa có bốn cánh đài, rất nhiều cánh hoa, trông từa tựa như hoa Súng, nhưng đẹp hơn. Phần làm thuốc chính là phần củ. Đông Y cho rằng Khiếm Thực có tác dụng bồi bổ thận tạng, khiến cho tinh dịch đậm đặc hơn, bổ tỳ, chống tiêu chảy. Vị thuốc này chủ yếu dùng chữa các chứng bịnh di tinh, hoạt tinh, bạch đái, tỳ hư, đi tiểu lắt nhắt v.v….
Ý Mễ chính là Ý Dĩ (Coix Lacryma-jobi) là một loại cỏ, lá như lá cỏ tranh, có nhiều hạt nhỏ, màu trắng. Hạt Ý Dĩ thường được tin là có tác dụng bồi bổ bao tử, lợi tiểu, trị bệnh phong thấp, nhức gân, giải nhiệt v.v… Nó thường được nấu chung với Long Nhãn, Phổ (Thổ) Tai, sương sa (rau câu) v.v… thành một món giải nhiệt thường được biết với tên gọi Sâm Bổ Lượng.

Trong pháp bảo dưỡng [thân thể] thì thứ nhất là quả dục (ít ham muốn). Nếu chẳng biết tốt - xấu, mặc lòng phóng đãng, kỳ hạn chết sẽ đến, tiên đan cũng chẳng linh nghiệm! Dẫu không phóng đãng thì đối với vợ trong nhà, cũng phải nên nói rõ nguyên do bảo dưỡng thân thể, tạm ngưng ân ái một hai năm. Nếu không, hoặc nửa năm mới gần gũi một lần, hoặc một quý (ba tháng) mới gần gũi một lần. Nếu ngày ngày ăn nằm thì tinh tủy khô kiệt, làm sao không chết cho được? Người tiết dục sanh ra con cái thân thể mạnh mẽ, ít bệnh, dễ thành người. Kẻ đa dục hoặc chẳng thể sanh con do tinh lỏng, chẳng thể thụ thai. Dẫu có thể sanh ra con, chắc sẽ chết yểu. Dẫu cho chẳng chết yểu, cũng tàn tật, yếu đuối, không nên cơm cháo gì! Không biết ông đã cưới vợ hay chưa? Nếu chưa cưới, hãy nên thong thả rồi hãy cưới. Nếu đã cưới, quyết phải tạm thời đừng ở cùng một phòng để mong thân thể bình phục. Đấy lời thiết thực Quang nói với ông. Ông khéo hiểu được ý Quang thì sẽ tự được phước thọ miên trường, con cháu phát đạt *(Ngày mồng Sáu tháng Giêng năm Dân Quốc 12 - 1923)*

406. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết rõ hết thảy. Trong đời bây giờ chính là lúc ma vương ngoại đạo xuất thế. Nếu trong đời trước chưa gieo thiện căn chân thật, kẻ có tín tâm sẽ đều bị lọt lưới ma hết, do lũ ma ấy đều có những pháp hiếm lạ quái dị nhất để mê hoặc, lay động lòng người. Năng lực của Giang Thần Đồng là do quỷ thần dựa vào thân, chứ không phải thật sự là thần đồng sẵn trí hiểu biết từ lúc mới sanh ra. Trước kia, một người bạn là ông Trương Chi Minh đưa cho tôi đọc lá thư kêu gọi chấm dứt chiến tranh của Giang Thần Đồng[160]. Tôi đã phê những chỗ không hợp lý [trong lá thư ấy], sẽ chuyển đến cho ông. Đến khi Quang đã chỉ ra những khuyết điểm phi lý [trong lá thư ấy], người bạn ấy không nhắc tới nữa.

Cái gì là Tông Giáo Đại Đồng Hội, gì là Thích Ca hóa thân, người có trí thức nghe nói sẽ biết ngay là ma vương hiển hiện chuyện lạ để mê hoặc mọi người, cần phải đợi hỏi ai nữa! Những "lão sư" trong Đồng Thiện Xã cũng ở tại Tứ Xuyên. Phàm ai nhập hội đều phải bỏ tiền làm công đức. Đến khi bỏ tiền ra thì bảo gởi đến Tứ Xuyên, [tiền ấy] do lão sư phân phối. Bất luận Đường Hoán Chương, bất luận Đặng Thiệu

---

[160] Xin đọc "Thư trả lời cư sĩ Trương Bá Nham" (số 128) trong Ấn Quang Văn Sao Tăng Quảng Chánh Biên, quyển 2. Chi Minh là tên tự của Bá Nham.

Vân[161] đi nữa, đều là phường yêu ma quỷ quái, dẫn hết thảy thiện nam tín nữ cùng hãm vào hầm sâu tà kiến.

Phật pháp đâu có dạy người luyện Tinh - Khí - Thần! Bất luận loại ngoại đạo nào, hễ bỏ luyện đan vận khí đi thì chúng không còn đạo gì để nói nữa! Nếu người chân chánh tu [pháp ấy] thì cũng có thể kéo dài tuổi thọ; chứ liễu sanh tử thành Phật thì chính là nói mớ! Bọn họ trọn chẳng biết sanh tử là như thế nào, Phật là như thế nào, toàn rập khuôn nói nhăng nói càn để lừa nam nữ nhà người ta. Nếu là bọn tà dâm sẽ mượn những danh từ *"Khảm Ly giao cấu, Anh Nhi Xá Nữ giao cấu"* v.v… để dụ những phụ nữ trẻ tuổi làm chuyện dâm ô. Lại còn coi điều ấy là truyền đạo; kẻ vô trí tuy bị ô nhục vẫn chẳng xem đấy là phi pháp, cho đó là "được truyền đạo", chẳng giống như vợ chồng những kẻ không theo đạo hành dâm! Buồn thay! Sao mà người đời mê muội đến thế?

Linh Học[162] cầu cơ cũng chính là tác dụng của linh quỷ. Cũng có khi chân tiên giáng đàn, nhưng trong trăm ngàn trường hợp chỉ được một hai, còn thường thì là linh quỷ mạo danh, trọn chớ nên tưởng đó là thật! Trong Văn Sao, Quang cũng đã nói đại lược rồi! Đạo đức của Giang Thần Đồng cũng là do cầu cơ mà có, cũng là cùng một kiểu thối tha như Linh Học Hội[163]. Người học Phật chớ nên dự vào loại hội ấy, nhưng người học Phật hiện nay có bao nhiêu kẻ nương theo Phật pháp mà biết Phật pháp? Do vậy, hễ nghe nói những chuyện quỷ quái, lạ lùng, đặc biệt của bọn chúng bèn như chim kiến xúm xít, ếch nhái góp giọng gây náo nhiệt mà thôi! Đáng than hết sức!

Lệnh hữu là ông Vương bị lậm ma đã sâu, ví như con chó ăn phân bảo là vô thượng mỹ vị! Ông ta trọn chẳng biết Phật cũng là vì thiếu

---

[161] Đây là những chức sắc trong Đồng Thiện Xã hoạt động truyền giáo mạnh mẽ ở Hoa Nam thời ấy.

[162] Linh Học (Spiritualism) là một thứ phong trào thịnh hành ở châu Âu bắt đầu từ cuối thế kỷ 19 tin vào sự cầu đồng (Séance), xoay bàn cơ (Ouji board) để giao tiếp với cõi Âm. Khi qua Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản, Đại Hàn, nó được pha trộn với tín ngưỡng cầu tiên giáng đàn (cơ tiên, thường được gọi là Thiện Đàn) để hỏi đạo, xướng họa thơ văn, tạo ra những giáo phái pha trộn lung tung những giáo thuyết của Tam Giáo và thường xưng là "tam giáo đại đồng, hòa đồng tôn giáo, Phật giáo chánh truyền, cơ phổ độ mới, phổ độ kỳ ba" v.v…

[163] Linh Học Hội nói ở đây chính là Thượng Hải Linh Học Hội, do các ông Dương Tuyền, Du Phúc, Lục Phí Quỳ, Đinh Phước Bảo, Nghiêm Phục v.v… sáng lập, xuất bản tờ Linh Học Tùng Chí để làm cơ quan tuyên truyền. Ngoài phương thức cầu cơ (phò loan) theo hình thức cổ truyền của Trung Hoa, họ còn áp dụng kỹ thuật cầu đồng bằng bàn xoay, lên đồng, và vận dụng tâm lý học, yêu quái học (demonology), thuật thôi miên, chụp ảnh bóng ma v.v… theo kiểu Tây Phương, nhằm nghiên cứu những hiện tượng tinh thần một cách "khoa học" để giải quyết những băn khoăn về thế giới bên kia.

chánh tri chánh kiến, một mực như con chó tìm phân, như nhặng bu theo hơi thối, như kiến tìm đến chỗ tanh tưởi, gọi đó là "học Phật", thật ra là học ma! Những kẻ xuất gia hiện thời có bao nhiêu kẻ biết Phật pháp, cũng thường học luyện đan, vận khí, cầu cơ v.v… Cái thuyết "chỉ khiếu" (tức chỉ những huyệt quan trọng trên thân để luyện đan vận khí – chú thích của người dịch) chính là cái gốc để mê hoặc con người nhiều nhất. Nếu gặp phải phụ nữ trẻ tuổi, đa phần bị những kiểu cách ấy làm loạn, tội ác cực nặng! Tà - chánh, chẳng thể đứng chung; chánh pháp rạng ngời thì tà pháp tự bị tiêu diệt! Nay dòng giống ma trọn khắp thiên hạ, cũng là do đồng phận ác nghiệp của chúng sanh cảm nên!

Tịnh tọa nên đề khởi tinh thần, lắng lòng niệm Phật. Nếu chẳng đề khởi tinh thần, hễ tịnh liền ngủ gục. Đấy là căn bệnh chung của chúng sanh. Chuyện quyên góp tu bổ cây hương nơi đại điện của Tử Trúc Lâm chính là do kẻ ăn uống, nhậu nhẹt, chơi bời, cờ bạc không có vốn liếng nên làm chuyện ấy, mượn tiếng sửa sang Phật điện làm kế gạt tiền. Đấy là chủng tử A Tỳ địa ngục. Đại điện của Tử Trúc Lâm đã hoàn bị, cần gì phải sửa chữa? Ông hãy nên nhất tâm trì giới niệm Phật, mặc cho ma vương ngoại đạo hiển hiện bất cứ bản lãnh ma mãnh gì cũng đều chẳng quan tâm đến thì sẽ chẳng bị lũ ma lôi vào ma đảng!

Trước tháng Sáu gởi thư đến thì được, sau tháng Sáu chớ nên gởi thư tới vì ông Thí Tỉnh Chi phát tâm tu bổ chùa Phạm Thiên ở Hàng Châu *(do Quang khuyên nhủ, phát khởi, nên Quang phải đến đó).* Đấy chính đạo tràng của Tề đại sư (Tư Tề Thật Hiền Tỉnh Am), tức vị tổ thứ mười một trong Liên Tông. Họ cần Quang đến đấy để lo liệu bàn bạc. Chưa đầy mười hay hai mươi hôm sau, lại phải tới chùa Pháp Vân ở Nam Kinh. Do chùa Pháp Vân được thành lập, ông [Ngụy] Mai Tôn cần Quang tới đấy, cho nên có thể sớm hay muộn sẽ theo Quang qua Nam Kinh. [Ở đấy] cũng chưa đầy mười hay hai mươi hôm, sẽ từ Nam Kinh đến Dương Châu để sắp xếp chuyện [ấn tống] Văn Sao. Văn Sao đã khắc xong, hễ in ra sách lại sắp chữ riêng bản khác. Đã có mấy người bạn chịu trách nhiệm in một vạn bộ, ước chừng nửa sau tháng Chín sẽ có thể về đến Phổ Đà. Nếu không, đầu tháng Mười ắt về đến, do khí trời chớm lạnh, ở bên ngoài chẳng tiện! *(Ngày Hai Mươi Mốt tháng Tư năm Dân Quốc 12 - 1923)*

407. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ ba)

"*Giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận; dứt lòng tà, giữ lòng thành; đừng làm các điều ác; vâng giữ các điều lành"*, nếu muốn học Phật đạo

để thoát phàm tục mà chẳng chú trọng nơi bốn câu ấy sẽ như cây không rễ mà mong tươi tốt, như chim không cánh mà mong bay cao! *"Thật vì sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật"*. Phàm phu sát đất muốn liễu sanh tử ngay trong đời này nếu chẳng y theo bốn câu này sẽ thành "không nhân mà muốn có quả, chưa gieo đã mong gặt hái", muôn vàn chẳng có lẽ ấy! Nếu toàn thân có thể gánh vác tám câu này, chắc chắn khi còn sống có thể dự vào bậc thánh hiền, mất lên cõi Cực Lạc. Xin ông hãy gắng lên!

408. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ tư)

Nhận được thư và bưu phiếu hai mươi đồng, chẳng thất lạc, xin ông hãy yên tâm. Tôi quả thật muốn cho mọi người xem bài sớ [kêu gọi tu bổ] ao phóng sanh rồi sẽ sanh lòng kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật, chứ không phải chỉ [nhằm mục đích] quyên mộ mà thôi! Ông trên có mẹ già, dưới có quyến thuộc, hãy nên siêng năng dốc sức chăm lo cửa tiệm. Nói tới chuyện tu trì thì tùy theo thân phận của từng người. Nếu thân không rảnh rỗi, chỉ nên nhất tâm niệm Phật, đọc đôi chút kinh sách Tịnh Độ là được rồi! Vì thế chẳng cần phải đi sang nơi khác xa xôi để mong tịnh tu. Nhà ông có cửa tiệm, chủ tiệm chẳng ở tại nhà, chắc người hầu sẽ làm chuyện sai quấy *(cờ bạc, ngủ lang v.v...)* hoặc không chừng tiểu nhân sẽ thừa cơ trộm cắp. Ông đừng mang tâm cao xa, muốn làm vị cư sĩ đại thông gia! Chỉ nên nhất tâm niệm Phật và vào ban đêm ở trong nhà khuyên mẹ và quyến thuộc cùng niệm.

Ông biết sanh tử là chuyện lớn, vô thường mau chóng. Sao chẳng nghĩ mẹ ta đã già, dám không dùng nhiều cách khuyên nhủ để mẹ cùng niệm Phật với ta, cũng như quyến thuộc đều cùng niệm Phật? Một là để làm vui lòng mẹ, hai là nếu một người niệm thì người chưa sanh lòng tin liền cảm thấy chẳng có hứng thú gì, nhưng do nhiều người niệm liền cảm thấy hứng thú. Lúc rảnh rỗi, đem Tịnh Nghiệp Chỉ Nam, những điều hợp với kẻ sơ cơ trong bộ Văn Sao của Quang để giảng tường tận cho mẹ và các quyến thuộc. Nếu mẹ có thể sanh được lòng tin cầu sanh Tây Phương thì hiếu thuận chi hơn! Lại xin ông đừng đến chùa X… hãy ở trong tiệm, trong nhà, tùy phận tùy sức tu trì thì sẽ có ích lợi, không gây tổn hại cho chính mình, mà còn có thể khiến cho mẹ và các quyến thuộc cũng như những kẻ hầu được huân tập lâu ngày sẽ dần dần gieo thiện căn. Nếu chẳng y theo lời tôi thì đối với thế gian lẫn xuất thế gian

đều phạm lỗi ngỗ nghịch, sợ rằng lâu ngày sẽ có chuyện lo nghĩ ngoài ý muốn. Ông nên biết tốt - xấu, đừng mặc tình theo ý mình, không sửa đổi!

Đối với hai mươi đồng ông đã gởi, đợi đến tháng Tám khi Quang sang Kim Lăng (Nam Kinh) sẽ cầm theo để giao. Ông nói đến bà cụ ăn chay; ông đã đọc Văn Sao của Quang rồi đó: Nếu cụ có thể đến [Phổ Đà] thì cũng được; không đến càng tốt, khỏi bị khổ sở và hao tốn tiền tài! Quán Âm Bồ Tát tùy theo lòng cảm mà ứng hiện trọn khắp pháp giới; cúng dường lễ bái Ngài trong nhà cũng giống hệt như [lễ bái cúng dường Ngài tại Phổ Đà]. Cần gì phải đi xa đến tận Phổ Đà mới là "triều lễ" ư? Hãy nên đưa Tịnh Nghiệp Chỉ Nam cho bà ta xem. Pháp tắc dụng công niệm Phật trong Văn Sao đã nói đầy đủ. Dẫu gặp mặt Quang thì cũng chẳng qua là vẫn nói những lời ấy mà thôi, há nào có một bí quyết truyền dạy riêng tư nào đâu? Có bí quyết truyền dạy riêng tư tức không phải là Phật pháp, mà chính là ma vương ngoại đạo!

Bọn ma vương ngoại đạo kia hễ động đến là cả ngàn cả vạn, đều do mánh lới "có bí quyết truyền dạy riêng tư" và ai muốn nhập môn thì trước hết phải phát lời thề độc địa. Dùng mánh lới ấy để mê hoặc ngu phu ngu phụ cùng hãm vào hầm tri kiến lầm lạc sâu vạn trượng, không thể thoát ra được. Buồn thay! Phàm những ai có lòng tin đều nên nương theo Văn Sao để niệm Phật, sẽ liền có thể tùy duyên độ sanh vậy!

409. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ năm)

Tháng Mười năm ngoái, tôi đến Nam Kinh, gặp đúng lúc bạn bè là Ngụy Mai Tôn và Vương Ấu Nông v.v… mua đất làm đạo tràng phóng sanh. Họ bàn bạc vừa xong, Quang liền đưa một trăm đồng của ông Đặng Khế Nhất để giúp sức. Bọn họ lôi kéo Quang làm người phát khởi, bảo Quang viết lời sớ, một là để quyên mộ, hai là để khuyên khắp hết thảy mọi người kiêng giết, phóng sanh. Mai Tôn cho khắc in để phổ biến lưu truyền. Có ai chịu phát tâm trợ duyên thì cũng tốt. Chẳng trợ duyên mà chịu nghe theo lời sớ ấy để kiêng giết, phóng sanh, ăn chay, niệm Phật thì cũng tốt. Hiện nay đạo tràng ấy đã hoạt động, đặt tên là Pháp Vân Tự, do phỏng theo ngài Vân Thê niệm Phật phóng sanh mà đặt tên như vậy.

Ông Mai Tôn đã sáu mươi hai tuổi, làm quan Hàn Lâm đời Thanh trước kia, phẩm hạnh đoan chánh, ngay thẳng, từ thời Dân Quốc trở đi, không ra làm việc nữa. Từ năm trước sau khi quen biết với Quang rồi, liền ăn chay trường niệm Phật. Do ông ta thấy hiện thời nạn đao binh,

nạn thổ phỉ, thiên tai liên tục giáng xuống đều do sát nghiệp cảm vời, nên cực lực đề xướng chuyện kiêng giết, phóng sanh để mong vãn hồi sát kiếp. Pháp Vân Tự hiện đã cất được năm gian liên xã và ba gian ở bên cạnh, lại còn đào một cái ao lớn, hai cái ao nhỏ và còn có một cái ao lớn nữa chưa vét. Hiện thời đã dùng tới một vạn hai ba ngàn đồng. Chuyện sửa chữa đại điện v.v… còn đợi bậc đại từ thiện có đại tài lực giúp cho thành tựu.

Nay gởi cho ông mười tờ sớ. Nếu ai chịu phát tâm trợ duyên thì tùy theo sức của từng người mà giúp. Khoản tiền đóng góp gởi về cư sĩ Ngụy Mai Tôn ở xóm Cao Cang thuộc cửa Nam thành Nam Kinh thâu nhận. Ông ta nhận được, sẽ gởi biên lai tới. Cơ sở của hội ấy đặt tại Quán Âm Am ở ngõ Dương Bì, Nam Kinh, vị Trụ Trì là sư Diệu Liên, vị Đương Gia là Tâm Tịnh. Pháp Vân Tự cũng thỉnh hai vị ấy làm Trụ Trì và Đương Gia. Cụ Phùng Mộng tuổi ngoài bảy mươi chính là Phùng Mộng Hoa, thầy của ông Mai Tôn, đỗ Thám Hoa, hiện nay ở nhà [không tham chánh], chuyên đề xướng sự nghiệp từ thiện. Vương Ấu Nông cùng quê với Quang, thời Dân Quốc làm Đạo Đài huyện Cao Lôi tỉnh Quảng Đông, sau thăng làm Đạo Đài huyện Mân Hải. Nghe Tôn Văn muốn độc lập nên vào mùa Hè năm Dân Quốc thứ sáu (1917) liền xin nghỉ. Bàng Tánh Tồn làm Tri Sự mấy nơi thuộc tỉnh Thiểm Tây, con người ăn ở khá có hậu, tánh từ thiện.

Pháp Vân Tự chỉ chú trọng niệm Phật, không thế độ, không phó pháp, không truyền giới, không làm kinh sám. Nếu thí chủ đến chùa niệm Phật, tham gia niệm Phật thất thì chấp nhận. Chương trình ấy đều do Quang lập ra. Mai Tôn hết sức muốn cho con người kiêng giết phóng sanh nên phàm những lời lẽ khuyên kiêng giết phóng sanh trong bộ Vân Thê Pháp Vựng đều tập hợp lại thành sách, đặt tên là Vân Thê Giới Sát Phóng Sanh Vựng Lục, đã cho khắc ván rồi! Bài sớ của Quang cũng được in kèm vào đó. Khi được in ra sẽ lưu thông rộng khắp. Phòng lưu thông kinh sách của ông cũng nên thỉnh sách ấy về để lưu thông. Phóng Sanh Sớ khắc in ra xong, có một người bạn ở Sơn Đông xin đăng trên tờ Sơn Đông Báo *(Mai Tôn gởi thư cho biết chuyện này)*, một người bạn ở Bắc Kinh cho in lại ở Bắc Kinh. Bản khắc gỗ của Vân Thê Giới Sát Phóng Sanh Vựng Lục được cất giữ ở Quán Âm Am ngõ Dương Bì. Nơi ấy cũng là chỗ lưu thông kinh Phật.

410. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ sáu)

Lá thư gởi lần trước chắc ông đã nhận được rồi. Tháng Tám năm nay Quang đến Thượng Hải. Các vị Phùng Mộng Hoa v.v… muốn lập thêm một viện Mồ Côi trong đạo tràng niệm Phật phóng sanh đã tậu trong năm ngoái. Do trong năm ngoái lúc bọn họ tậu miếng đất ấy, nhằm đúng dịp Quang đến Nam Kinh, bọn họ liền lôi kéo Quang tham dự. Năm nay bọn họ tính lập viện Mồ Côi, cũng lôi Quang vào đấy. Hôm trước họ đã gởi năm cuốn sổ quyên góp tới [Phổ Đà], mong Quang đứng ra khuyên người trong núi quyên tặng. Quang là khách sống tại Pháp Vũ, chẳng thể nhắc đến chuyện quyên mộ. Do vậy, đem gởi cho bạn bè ngoài đời. Nay đem một cuốn gởi cho ông, xin ông cùng với Dương Chấn Nhân, Trần Đắc Lộc v.v… cùng tùy sức giúp quyên mộ và đối với những bạn bè có thể nói chuyện này thì cũng nên khuyên họ tùy duyên vui vẻ giúp đỡ.

Nếu có thể góp thành một khoản tiền lớn thì cũng hay. Nếu không, ắt cũng được trên trăm đồng. Khi đóng góp kha khá sẽ từ Hạ Môn gởi thẳng sang Quảng Nhân Thiện Đường ở ngõ số Một phường Quảng Nhân, đường Bắc Thành Đô, Thượng Hải *(nơi này chính là một viện từ thiện do Thịnh Hạnh Tôn Cung Bảo một mình lập ra, cụ Phùng Mộng Hoa làm hội trưởng, ban trù tính kế hoạch lập viện Mồ Côi được lập nơi đấy. Dư Trĩ Liên chuyên lo giữ sổ sách kế toán. Người trong viện từ thiện nhiều, dẫu cho ông ta bận việc, những người khác sẽ đều có thể thay ông ta lo liệu, quyết chẳng đến nỗi thất lạc)*, giao cho tiên sinh Dư Trĩ Liên thâu nhận. Khi ông ta nhận được sẽ gởi biên lai. Sổ quyên góp cũng nên để trong một gói khác chung với thư gởi cho ông Dư Trĩ Liên. Lại nên gởi cho Quang một bức thư để Quang được biết rõ. Quang một mực chẳng muốn làm chuyện này, nay bị các cụ ấy lôi kéo cũng chẳng biết làm sao! Chỉ có thể tùy duyên tùy phận để giúp đề xướng.

Phùng Mộng Hoa tên là Hú, Thám Hoa xuất thân, từng làm Phủ Đài (Tuần Phủ) tỉnh An Huy, từ thời Dân Quốc nhất quyết không tham chánh, chuyên lo hoạt động từ thiện. Tuổi đã tám mươi mốt, nhưng rất mạnh khỏe. Ngụy Mai Tôn tên là Gia Hoa, [từng làm quan] Hàn Lâm [đời Thanh], từ thời Dân Quốc cũng không tham chánh, ăn chay trường niệm Phật. Chuyện Pháp Vân Tự hoàn toàn do ông ta lo liệu, tuổi đã sáu mươi hai. Diệp Nhĩ Khải tự là Bá Cao, cũng từng làm quan Hàn Lâm, cũng ẩn cư niệm Phật. Quan Quýnh, tự là Quýnh Chi, làm quan Hội Thẩm ở Thượng Hải, ăn chay trường niệm Phật. Diêu Dục, tự Văn Phu, làm quan giám đốc Hải Quan (sở quan thuế), cũng ăn chay trường niệm Phật. Hoàng Khánh Lan, tự Hàm Chi, làm Đạo Doãn ở Cối Kê, cũng ăn chay trường niệm Phật. Vương Chấn, tự Nhất Đình, cũng ăn chay trường niệm Phật, không chuyện từ thiện nào ở Thượng Hải ông ta chẳng góp

sức. Những vị ấy đều muốn nhân tâm thế đạo được vãn hồi, nên miệt mài khăng khắng tiến hành, tận tâm nơi nghĩa cử vậy!

411. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ bảy)

Nhận được thư, biết cảnh ngộ và sự lưu thông [kinh sách] gần đây đều chẳng tốt đẹp. Trong lá thư trước, do ông [cho biết ông đứng ra] lưu thông nên tôi bảo ông thỉnh Văn Sao. Đã chẳng thể lưu thông thì không cần phải thỉnh, Quang há ép buộc ông làm ư? Gia Ngôn Lục được in lần trước sai ngoa thật nhiều, lần này sẽ đích xác, nhưng chưa được sắp chữ vì cần phải sắp chữ Di Đà Kinh Bạch Thoại Chú cho hoàn tất. Bạch Thoại Chú trước đây vốn được sắp theo cỡ chữ lớn, do người muốn thỉnh quá nhiều, không có sức để lưu thông rộng khắp, nên sắp xếp riêng một bản theo cách thức ấn loát của bộ Văn Sao cho đỡ tốn kém. Tác phẩm này do một đệ tử là Hoàng Hàm Chi biên soạn, ông này chính là Hoàng Khánh Lan tác giả cuốn Sơ Cơ Tịnh Nghiệp Chỉ Nam.

Sách in lần trước đã không còn, in lần này còn chưa ra sách. Khi sách được in ra sẽ gởi tới cho ông, đừng lo! Hai loại sách này đều cho in trước một vạn cuốn, cho làm bốn bức Chỉ Bản để mong lợi ích khắp hết thảy. Ông chỉ cần đọc kỹ Văn Sao, gắng sức hành điều lành trong thế gian, kiêm tu Tịnh nghiệp, sẽ là đệ tử thật sự của đức Phật. Nếu chẳng giữ khuôn phép, ăn uống, nhậu nhẹt, phóng đãng, cờ bạc, và làm đủ thứ âm mưu này nọ giống như gã X… thì khi còn sống đã là tội nhân trong vòng trời đất, chết đi sẽ làm quỷ trong ngục vua Diêm La. Chẳng những cô phụ ân Phật, mà còn phụ ân cha mẹ dưỡng dục nữa. Đó gọi là "sống uổng chết phí, vô ích cho đời, tổn hại cho mình", chẳng đáng buồn sao? Nếu có thể y giáo phụng hành thì sống dự vào bậc thánh hiền, mất về cõi Cực Lạc, niềm vui sướng ấy không có gì ví dụ được! Ông đã coi tôi là thầy, tôi chẳng thể không nói kỹ càng lẽ lợi - hại, được - mất để trọn hết thiên chức, bổn phận của tôi. Xin ông hãy sáng suốt suy xét thì may mắn thay!

412. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ tám)

Niệm kinh mà chẳng thể nhớ được thì hãy chí thành niệm Phật. Hễ rảnh rỗi bèn chí thành lễ bái, lâu ngày nghiệp chướng tiêu trừ, tâm thức sẽ sáng suốt. Chẳng những có thể ghi nhớ mà còn dễ lãnh hội nữa. Ông bận bịu nhiều việc, không rảnh rỗi để xem thì hãy đọc Văn Sao và kinh

sách Tịnh Độ Tông, chứ không cần phải đọc khắp kinh sách của những tông khác. Chí thành khẩn thiết niệm Phật chính là đường tắt bậc nhất để liễu sanh tử, chớ nên không sốt sắng!

Bộ Văn Sao được khắc in lần này chẳng thể thỉnh để lưu thông trong năm nay được vì in ra sáu trăm bộ để biếu tặng thì trong một lúc chẳng thể in được! Tàng Kinh Viện còn chưa định giá. Thỉnh trong khoảng Xuân - Hạ năm sau thì được, nhưng Thương Vụ Ấn Thư Quán đã sắp chữ bản khác được một nửa rồi, năm nay chẳng in ra sách thì tháng Hai năm sau chắc chắn in được, hãy nên lưu thông sách ấy. So với bản khắc gỗ, sách in lần này nhiều hơn sáu bảy chục bài. Cỡ chữ và cách sắp xếp từng hàng thông thoáng giống như trong lần in trước, nhưng mỗi hàng tăng thêm năm chữ, mỗi trang dôi ra hai hàng, vẫn chia thành hai cuốn. Mỗi cuốn có một trăm năm mươi, sáu mươi trang, ước chừng một đồng sẽ thỉnh được hai bộ. Nếu muốn lưu thông, nên thỉnh nhiều sách in lần này sẽ đỡ tốn tiền mà dễ gởi đi.

Như gã họ X… kia chính là ma vương thừa nguyện tái lai, phá diệt Phật pháp. Hắn đã đả phá bài xích hết thảy các tông, các kinh, các luận, chẳng cần hỏi cũng biết hắn là ma vương ác tặc vào trong pháp của ta để phá hoại pháp ta, cần gì phải hoài nghi nữa! Ông đã nói hoài nghi thì biết là trong tâm ông vẫn cho rằng "những lời gã ác tặc ấy nói chắc cũng không sai, có thể nương theo đó để tu trì được!" Tri kiến của gã ấy hèn kém chẳng thể kham nổi. Ví như ác tặc tuốt đao dựng cờ, nói là "bảo vệ, che chở địa phương", mà còn có kẻ đã cầu thỉnh khẩn thiết sẵn, xin được từ nay trở đi nương tựa vào hắn, chẳng biết hễ hắn vào nhà ta sẽ tấn công ta, sẽ bức đuổi ta phải bỏ nhà chạy đi. Nếu không, sẽ liền bị sát hại. Gã X… nọ chính là kẻ muốn làm cao nhân bậc nhất trong thiên hạ từ xưa đến nay, cho nên mới tự xưng như thế, khiến cho những kẻ chẳng trọng thực hành, chuyện gì cũng đều là nói xuông, liền xúm theo như kiến bu, ruồi đậu! Đủ thấy người học Phật hiện thời rất ít kẻ có chánh tri kiến! Nếu có chánh tri kiến thì gặp kẻ như vậy còn chẳng chịu ngó tới, huống là chịu học theo ư? Kẻ ấy tham - sân - si có thể nói là trong đời không có người thứ hai! Kẻ có chút tri kiến không ai chẳng thấy hắn là ác ma.

Học trò tôi là Y… ở nơi hắn ba năm, ông ta vẫn niệm Phật. Lúc mới tới, gã X… cực lực quở trách không chấp nhận, ông ta bèn cực lực phản đối vặn ngược lại, gã X… ấy chẳng làm sao được, để mặc cho ông ta niệm không hỏi tới nữa. Phật, Bồ Tát được thờ ở nơi hắn đều là những vị được tôn thờ trong tông nọ, nhưng suốt năm chẳng thắp một nén hương, suốt năm chẳng lễ một lần. Xem kinh cũng giống như đọc kịch bản, trọn

chẳng cung kính. Những trước tác của cổ nhân hễ không hợp với mình liền bảo ngay là "thả rắm"! Đã thế, tâm tham không nhàm chán; do nhân duyên khắc toàn bộ Đại Tạng bèn quyên góp tiền tài của khắp những người có tín tâm nhưng mù quáng. Hạng người như thế sẽ bị sét đánh. Nếu sét không đánh, Phật pháp sẽ bị hắn diệt mất! Biết làm sao được?

413. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ chín)

Đã gọi là người học Phật, ắt phải đôn đốc luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành. Lại còn dùng lòng tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, kiêng giết, bảo vệ sanh mạng, phổ độ hết thảy. Con người như thế tức là thiện nhân, là người khéo học Phật, chính là đệ tử chân thật của đức Phật. Như ông X… ngỗ nghịch bất hiếu, ôm lòng hiểm ác, bề ngoài tuy học Phật, nhưng trong tâm trái nghịch Phật, người ấy nếu lúc sống chẳng gặp phải tai ương ngang trái, chết đi cũng nhất định sẽ đọa lạc, cần gì phải nhắc tới? Những kinh nghiệm thực tế về niệm Phật há chẳng thể khuất phục được lời lẽ gièm siểm của kẻ sùng bái khoa học ư? Sao ông không đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục? Những kinh nghiệm thực tế khi lâm chung của những vị [được nhắc đến trong bộ sách] ấy nào cấm ai bàn luận? Người bàn luận Phật pháp hiện thời do cớ gì phải bỏ những kinh nghiệm thực tế ấy để rồi than thở xuông "phải chịu bó tay?" Đúng là ôm giữ Dạ Minh Châu, uổng công tự hận tăm tối, chẳng đáng buồn sao?

Năm ngoái, Quán Âm Tụng đã quyên mộ được tám vạn bộ. Do đã lâu không nghe tin tức gì nơi ông, sợ ông đã thoái chí rồi nên cũng không bảo ông đứng ra chịu trách nhiệm. Tăng Quảng Văn Sao đã in ra, còn chưa đóng bìa xong *(Tiền công sắp chữ ở Thượng Hải phải bỏ ra thêm sáu trăm đồng nữa, mỗi bộ giá phải đến tám cắc. Nếu dùng Chỉ Bản đã có sẵn để đúc bản kẽm thì mỗi bộ giá năm cắc. Thượng Hải đòi thêm một ngàn hai trăm đồng. Quang ước tính với một vạn hai ngàn bộ sách đều định giá [mỗi bộ] là sáu cắc thì người thỉnh lẫn Quang đều chẳng bị thiệt thòi. Công sắp chữ, tạo Chỉ Bản phải tốn thêm bảy mươi lăm đồng nữa, cứ mỗi cuốn phải tốn thêm một cắc một xu; ở Hàng Châu mỗi cuốn là tám xu, nên in ở Thượng Hải năm ngàn bộ, in ở Hàng Châu ba vạn bộ).*

Trong tháng Tám, Thượng Hải in hai ngàn bộ đã giao xong; Hàng Châu in một vạn bộ, ngoài số sách đã giao cho người đứng in ra, còn được ba nghìn mấy bộ để kết duyên. Vì thế, bảo họ gởi cho ông Vương Chửng Bang ở Hạ Môn ba mươi gói, bảo phân phát bốn gói Thọ Khang Bảo Giám cho các ông, ước chừng trong tháng này hay tháng sau sẽ có

thể gởi tới. Nếu ông muốn thỉnh để lưu thông thì mỗi bộ là sáu cắc, bưu phí tính riêng. Nếu muốn thỉnh bao nhiêu hãy gởi thư cho biết.

Lại còn có Ấn Quang Pháp Sư Gia Ngôn Lục, Di Đà Kinh Bạch Thoại Chú *(hai loại này đều [mỗi tựa sách] chỉ gồm một cuốn, ước chừng một cắc năm hay sáu xu [mỗi cuốn], do còn chưa sắp chữ xong nên chẳng biết số trang thật sự là bao nhiêu)* đều có thể trong vòng năm nay hay năm sau in ra sách. Gia Ngôn Lục chính là những nghĩa trọng yếu được trích từ Văn Sao rồi chia môn phân loại, biên tập riêng thành sách để xem đọc những điều cần yếu một cách nhanh chóng. Di Đà Kinh Bạch Thoại Chú do Hoàng Hàm Chi biên soạn, khá rõ ràng, có lợi cho sơ cơ. Hai thứ sách này mỗi cuốn tôi cho làm bốn bức Chỉ Bản để mong sách được phổ cập.

414. Thư trả lời cư sĩ Thái Khế Thành (thư thứ mười)

Ngày Hai Mươi Sáu tháng Tư, Quang từ Dương Châu trở về Thượng Hải, thấy Quế Viên (Long Nhãn) và hương được gởi đến, cám ơn lắm. Tuy bản thảo Quán Âm Đại Sĩ Tụng đã được gởi tới, nhưng vẫn cần phải giảo chánh tường tận thì mới cho in được. Sợ rằng năm nay chưa thể ra sách được! Sổ quyên mộ cho viện Mồ Côi cứ tùy duyên mà làm, quyên được nhiều cũng tốt, quyên ít cũng không sao. Nếu chẳng thể giúp được, cứ gởi sổ trả lại cũng không sao cả. Với hết thảy mọi chuyện, Quang đều tùy duyên, trọn chẳng dấy tâm phân biệt là nhiều - ít, có hay không. Thầy Chân Đạt bảo tôi gởi lời hỏi thăm ông. Cư sĩ Vưu Tích Âm còn chưa làm gì, chẳng bao lâu sẽ xuống miền Nam, vẫn chưa định được địa chỉ cư trú. Đợi khi nào ông ta tiến hành cho Quang rồi, sẽ gởi thơ đến ông. Đang trong lúc thiên tai nhân họa liên tiếp giáng xuống này, hãy nên phát lòng thành niệm Phật để mong được che chở, ngõ hầu chẳng phụ thời khắc tốt đẹp này. Nếu không, sẽ giống như vào trong biển cả, đã không có hoa tiêu, lại không có kim chỉ nam, muốn chẳng chìm đắm há có được chăng?

415. Thư trả lời cư sĩ Cố Đức Cốc

Khổng Tử coi "cách vật trí tri" là cái gốc của thành ý chánh tâm. Trình - Châu hiểu lầm chữ Vật là sự vật trong thiên hạ, chẳng biết chữ Vật ấy vốn chỉ cho những tư dục chẳng hợp lẽ trong lòng người, chứ không phải là vật bên ngoài! Do tâm có những tư dục chẳng hợp lẽ nên tri kiến chẳng chánh, đúng đúng, sai sai đều chẳng thích đáng! Như gã

yêu vợ yêu con, dẫu vợ con hắn chẳng tốt, hắn vẫn luôn cảm thấy là tốt đẹp. Do chánh trí bị tư dục chướng lấp nên trở thành lệch lạc, tà vạy. Nếu trừ bỏ được lòng yêu thương [mù quáng] ấy thì những điều không tốt đẹp của vợ con sẽ tự nhiên biết rành thấy rõ. *"Cách vật trí tri"* (trừ khử vật dục trong tâm để sự thấy biết được thông suốt đến tột cùng) thì mới có thể thành ý chánh tâm, tuy là kẻ chẳng biết một chữ nào vẫn có thể làm được. Nếu hiểu như Trình - Châu, "cách vật" là thúc đẩy tri thức của ta đến [mức thấu hiểu] tột cùng trọn hết cái lý của sự vật trong thiên hạ thì "trí tri" trở thành cái gốc của "cách vật"; như vậy thì trong cõi đời hiếm được mấy ai có thể "cách vật"! Đừng nói kẻ bình thường chẳng làm được, dẫu là bậc thánh nhân cũng không thể làm được! Đã không do "cách vật" thì thành ý chánh tâm do đâu mà có? Vì thế, Trình - Châu bình thường chỉ nói "chánh tâm, thành ý", chẳng nói tới "trí tri cách vật", tức là coi cội gốc là cành nhánh, lấy cành nhánh làm cội gốc, đảo lộn cách thực hiện pháp "trị tâm, trị thân, trị gia, trị quốc, bình thiên hạ" của thánh nhân, đến nỗi thế giới loạn lạc, không có cách nào giải quyết! Nếu kẻ vì đất nước tâm chẳng có tư dục không hợp lẽ thì cái gốc tàn sát lẫn nhau đã không có; từ đâu mà còn có tàn sát chẳng có lúc nào ngơi nữa đây? Quang nói lời này, chẳng biết ông có cho là đúng hay không? Nếu ông vẫn chẳng thể hiểu rõ, xin hãy chí thành niệm Phật, sau này ắt sẽ chẳng thấy lời Quang là sai lầm.

Đang bị bệnh sốt rét thì trước đây Quang có một cách trị, không ai chẳng được trị lành; hiện thời có một đệ tử nằm mộng thấy một cụ già dạy viết năm chữ Ngược Tật Điều Lý Hoàn (瘧疾調理丸) trên một tờ giấy trắng. Chừng một tiếng đồng hồ trước khi bệnh chưa phát ra, hãy [đốt tờ giấy ấy] hòa vào nước sôi, uống vô liền khỏi. [Làm như vậy] để kẻ vô tri khỏi vứt bỏ giấy có viết chữ; [cách trị này] cũng cực linh nghiệm. Hãy nên nói với hết thảy mọi người.

416. Thư trả lời cư sĩ Kim Chấn Khanh

Mỗi người nhập đạo đều có thời tiết, nhân duyên. Ông đã do Văn Sao mà biết Phật pháp, theo đuổi tu trì, đấy chính là quy y, chẳng cần "phải làm lễ quy y thì mới là quy y"; [đừng nghĩ] không làm lễ quy y thì chẳng được gọi là quy y! Chỉ mong ông theo đuổi đến tận cùng, đừng thay đổi giữa chừng, đấy chính là "chân quy y". Hơn nữa, cần gì phải mỗi ngày đảnh lễ Bất Huệ? Nếu thay vì lễ Bất Huệ, hãy lễ Phật thì đôi bên đều được lợi ích lớn lao!

Chuyện giấy vàng bạc tuy không phát xuất từ kinh Phật, nhưng nguồn gốc của nó đã quá lâu! Ông [Phạm] Cổ Nông tuy chẳng biết nguồn gốc, nhưng lời ông ta bàn [về chuyện đốt giấy vàng bạc] vốn thuận theo lẽ trời, tình người, há nên tự cậy thông minh, chẳng cho là đúng? Xưa kia, Quang đọc Pháp Uyển Châu Lâm, quên mất là trong quyển số mấy, có hai ba trang nói tới chuyện giấy vàng bạc *(ở đây là kim ngân (giấy vàng, giấy bạc))* và đốt quần áo, vật dụng *(ở đây chính là loại vải lụa [trong đồ mã])*. Bài văn ấy do quan Trung Thư Lệnh[164] Sầm Văn Bổn đời Đường ghi lại cuộc vấn đáp giữa thầy ông ta và một viên quỷ quan (quan cõi âm). Hình như người ấy là Lục Nhân Thiến[165], thoạt đầu chẳng tin

---

[164] Trung Thư Lệnh là một chức quan đã có từ thời Tây Hán. Thoạt đầu chức quan này chuyên đảm trách việc quản trị, sao chép, lưu giữ hồ sơ, văn kiện của hoàng đế trong cung cấm, nên chỉ do các hoạn quan (thái giám) đảm nhiệm. Đến đời Đường, Trung Thư Lệnh trở thành một chức quan rất quan trọng, ngoài trách nhiệm quản thủ công văn, chiếu chỉ của hoàng đế, còn chủ trì những cuộc thảo luận quyết định chánh sách, đồng thời đóng vai trò cố vấn về nội trị, đối ngoại cho nhà vua. Công việc của Trung Thư Lệnh do cơ quan Trung Thư Tỉnh đảm nhiệm, đứng đầu bởi Tể Tướng (chức danh Tể Tướng cũng được gọi là Trung Thư Lệnh, và để phân biệt, các quan trực thuộc Trung Thư Tỉnh dưới quyền Trung Thư Lệnh được gọi là Trung Thư Giám). Nói cách khác, Trung Thư Tỉnh giống như một hội đồng cố vấn kiêm nhiệm nội các cho Tể Tướng. Về sau, chức vụ Trung Thư Lệnh mất dần thực quyền, chỉ trở thành tước vị danh dự để gia phong cho các đại thần. Đến thời Minh - Thanh, vai trò của Trung Thư Lệnh hoàn toàn bị thay thế bởi chức vụ Nội Các Đại Học Sĩ.
Sầm Văn Bổn (595-645), tự Cảnh Nhân, người xứ Nam Dương, nổi tiếng thông minh học rộng. Năm 14 tuổi, khi cha ông ta là Sầm Chi Tượng bị vu cáo không thể biện bạch được, ông đích thân đến dinh quan Tư Lệ thân oan cho cha, biện bác lưu loát. Quan sai làm bài phú Hoa Sen, ông vung bút viết một mạch, khiến quan hết sức tán thưởng, hạ lệnh thả Sầm Chi Tượng. Cuối đời Tùy, khi Tiêu Tiễn chiếm cứ Giang Lăng, Kinh Châu, xưng vương, đã phong cho Sầm Văn Bổn giữ chức Trung Thư Thị Lang, chuyên đặc trách văn thư. Khi Lý Uyên tấn công Kinh Châu, Sầm Văn Bổn khuyên Tiêu Tiễn ra hàng. Đến khi nhà Đường thành lập, ông được phong làm Bí Thư Lang rồi thăng dần lên tới Trung Thư Lệnh (Tể Tướng). Cùng với Lệnh Hồ Đức Phân, ông soạn bộ sử Bắc Châu Thư, được coi là bộ sử rất giá trị về thời Ngũ Đại. Ông làm rất nhiều thơ. Theo phần Nghệ Văn Chí trong Tân Đường Thư, các trước tác của ông được chép thành 60 quyển, nhưng nay đã thất lạc gần hết, chỉ còn lại được hai mươi bài.
[165] Theo Thái Bình Quảng Ký và Minh Báo Ký (Pháp Uyển Châu Lâm chép truyện này theo Thái Bình Quảng Ký), Lục Nhân Thiến là người chuộng nghiên cứu Kinh học (chuyên nghiên cứu kinh điển Nho gia), không tin quỷ thần, thường muốn thử xem thật sự có quỷ thần hay không, liền theo học với một người khoe là có pháp thuật thấy được quỷ, nhưng suốt mười mấy năm vẫn chẳng thấy. Về sau, trên đường lên huyện, họ Lục gặp một vị đại quan, áo mũ rực rỡ, năm mươi mấy người tùy tùng, nhìn Nhân Thiến đăm đăm không nói năng gì. Gặp nhau mấy lần như thế trong suốt mười năm. Cuối cùng, viên quan ấy dừng ngựa hỏi thăm Lục Nhân Thiến, cho biết ông ta là quỷ, tên là Thành Cảnh, làm Trưởng Sứ cho nước Lâm Hồ thuộc phía Bắc sông Hoàng. Mỗi tháng viên quan ấy phải suất lãnh tùy tùng đi chầu nhà vua ở Thái Sơn nên mới gặp được họ Lục, nay muốn cùng nhau kết bạn. Do Lục Nhân Thiến và Sầm Chi Tượng (cha của Sầm Văn Bổn) rất thân nên ông Sầm nhờ

Phật và quỷ thần; sau này do làm bạn với viên quỷ quan ấy bèn tin tưởng, còn sai Sầm Văn Bổn bày tiệc để đãi đằng viên quan ấy và khắp những kẻ tùy tùng. Họ Lục hỏi: "Giữa cõi Âm và cõi Dương có thể dùng vật nào để trao đổi?" Viên quỷ quan nói: "Vàng, bạc, vải, lụa chúng tôi có thể dùng được; nhưng đồ thật chẳng bằng đồ giả! Nếu đem giấy trang kim dán trên giấy và dùng giấy làm the, đoạn v.v… thì sẽ có thể coi như là vàng và quần áo để sử dụng được". Tôi đọc chuyện này vào mười mấy năm trước đây, nay chẳng nhớ ở quyển nào, thiên nào! Nếu ông đọc kỹ sẽ có thể thấy được. Lúc ấy nhằm đầu đời Tùy, vì lúc đó Sầm Văn Bổn vẫn còn đang đi học, đến đời Đường mới làm Trung Thư Lệnh.

Tánh tình ông quá tự thị. Tuy ông Cổ Nông chưa biết xuất xứ [của tập tục đốt vàng mã] nhưng lời ông ta nhận định khá phù hợp với thiên lý nhân tình, thế mà ông vẫn chẳng cho là đúng, cứ muốn người trong cả nước bỏ sạch chuyện ấy. Nếu ông thật sự đề xướng, chắc sẽ bị quỷ công kích. Trong cõi đời có kẻ ngu chẳng biết dùng vật để biểu lộ tấm lòng, chuyên đốt cho nhiều thì cũng không nên. Hãy nên dùng pháp lực, tâm lực để gia trì, khiến cho ít biến thành nhiều để thí khắp họ hàng, thân thuộc của chính mình và hết thảy cô hồn thì được, nhưng chớ nên [đem vàng mã] để cúng Phật, Bồ Tát! Há Phật, Bồ Tát thiếu thốn đồ dùng, vẫn cần được người đời cúng dường ư? Chỉ vì nếu người đời không dùng thức ăn, hương, hoa v.v… nhằm biểu lộ tấm lòng Thành, sẽ chẳng có gì để thể hiện tấm lòng Thành hòng cảm Phật, Bồ Tát. Kẻ ngu không hiểu biết, liền dùng những thứ đó để cúng Phật; nhưng luận trên phương diện nhất niệm thành tâm thì cũng có công đức. Ví như đứa trẻ cúng dường cát cho đức Phật *(đây là chuyện tiền thân của vua A Dục)* vẫn được hưởng báo Thiết Luân Vương[166].

Nếu kẻ ngu chẳng biết cầu sanh Tây Phương, dùng nhiều tiền tài, mua giấy vàng bạc đốt đi để gởi kho [dưới Âm Phủ] thì thật là si tâm vọng tưởng. Kẻ tục do cái tâm tự tư tự lợi muốn tính kế làm quỷ vĩnh viễn, gặp phải Tăng sĩ phàm tục chẳng cần biết đúng - sai, chỉ mong có [ai thỉnh làm] Phật sự để xoay tiền, bèn thuận theo ý của kẻ ấy mà làm!

ông Lục kèm cặp Sầm Văn Bổn. Khi ấy Sầm Văn Bổn mới mười mấy tuổi. Viên quỷ quan được Tổ Ấn Quang nhắc đến trong bức thư này chính là Thành Cảnh.

[166] Thiết Luân Vương là một trong bốn loại Luân Vương (Kim, Ngân, Đồng, Thiết). Theo Đại Tỳ Bà Sa Luận và Câu Xá Luận, Thiết Luân Vương xuất hiện khi con người thọ được hai vạn tuổi, chỉ thống trị cõi Nam Diêm Phù Đề. Trong bốn loại Luân Vương, Thiết Luân Vương công đức kém nhất, nhưng các vị Luân Vương đều chú trọng dùng Thập Thiện Nghiệp khuyến hóa nhân dân.

Vì thế, thật có lắm kẻ phá địa ngục, phá huyết hồ, trả tiền thọ sanh.[167] Nhưng quân tử suy nghĩ chẳng ra ngoài địa vị, chỉ nên tự giữ lý ấy và trình bày cùng người hiểu rõ lý. Nếu là kẻ cố chấp không giáo hóa được, cũng chẳng công kích đến nỗi chuốc lấy sự oán hận của người ta để rồi đối với chính mình, đối với người, đối với pháp đều không có lợi ích. Nếu ông thật sự muốn quy y, hãy nên lấy lời tôi làm chuẩn. Nếu không, dẫu đích thân đến quy y thì vẫn là hữu danh vô thực, làm sao có tình thầy trò và lợi ích quy y cho được! Xin hãy sáng suốt soi xét. Quang già rồi *(nay đã bảy mươi mốt tuổi),* tinh thần chẳng đủ, chớ nên thường gởi thư tới! *(Ngày mồng Bốn tháng Sáu năm Dân Quốc 19 - 1930)*

417. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên (thư thứ nhất)

Thư nhận được đầy đủ. Ngày hôm qua, thầy Minh Đạo sang đất Thân (Thượng Hải), tôi bảo gởi cho ông một trăm sáu mươi đồng để cho xong chuyện của ông. Tuy ông quen biết Quang nhiều năm, rốt cuộc vẫn chẳng biết Quang làm người như thế nào! Vì thế, nay không thể nói đại lược cùng ông. Quang vốn là kẻ khổ não phạm hai thứ Tuyệt. "Hai thứ Tuyệt" là khi còn tại gia làm phận con tuyệt chẳng có người nối dõi, khi xuất gia làm đệ tử của người khác cũng tuyệt chẳng có người nối pháp. Đấy là hai thứ Tuyệt. Nói "khổ não" là vì những kẻ đọc sách ở quê Quang cả đời chẳng nghe đến tên Phật, chỉ biết đua nhau mù quáng vâng giữ những thuyết báng Phật của Hàn - Âu - Châu - Trình như khuôn thước; Quang càng cuồng vọng hơn họ cả trăm lần. May là năm mười mấy tuổi chán ngán vì lắm bệnh, nên sau đấy mới biết những lời người xưa nói chẳng đáng coi là khuôn phép *(Quang chưa theo thầy học, từ đầu đến cuối là do anh dạy).* Mấy năm trước đấy, do anh tôi ở Trường An nên chẳng có dịp thuận tiện [bỏ nhà đi tu].

Năm Quang Tự thứ bảy (1881), anh tôi [đang] ở quê nhà, Quang sống ở Trường An *(nhà cách Trường An bốn trăm hai mươi dặm),* bèn xuất gia tại núi Nam Ngũ Đài. Tiên sư cho rằng Quang vốn có của ăn của để, bèn nói: "Xuất gia thì được, nhưng quần áo phải tự lo", chỉ cho Quang một cái áo tràng, một đôi giày, bất quá chỗ ở, cơm ăn chẳng cần phải trả tiền mà thôi! *(Xứ ấy lạnh buốt, những thứ nấu nướng đều tự mình phải lo).* Chưa đầy ba tháng, anh tôi đến tìm, muốn bắt tôi phải trở về nhà từ biệt mẹ rồi sẽ

---

[167] Đây là một hình thức mê tín, xuất phát từ ngụy kinh Thọ Sanh. Theo đó, mỗi người đầu thai làm người đều nợ một món tiền nơi âm phủ. Nếu không đốt tiền, làm "pháp sự" cúng bái để trả nợ ấy sẽ suốt đời phải khốn khổ, lao đao, không ngóc đầu lên được!

trở lại đi tu thì được. Quang biết là lừa gạt, nhưng theo nghĩa chẳng thể không về. Toàn bộ lời anh tôi nói đều là giả vờ, bởi lẽ mẹ tôi trọn chẳng bảo là được hay không được xuất gia. Ngày hôm sau, anh tôi bảo Quang: "Ai cho mày xuất gia? Mày có thể tự xuất gia được sao? Từ nay trở đi hãy buông bỏ [ý định xuất gia] đi! Nếu không, tao nhất định sẽ quở phạt nặng nề".

Quang chỉ đành gạt anh mình, trở về nhà ở hơn tám mươi ngày chẳng tìm được cơ hội. Một ngày nọ anh cả tôi sang thăm mẹ, người anh thứ hai của tôi phải trông nom lúa đang phơi ngoài sân vì sợ gà bươi. Biết cơ hội đã đến, ở trong thư phòng, Quang xin một quẻ Quán Âm, có câu: *"Cao minh cư lộc vị, lung điểu đắc đào sanh"* (Cao minh giữ ngôi cả, chim lồng được thoát thân), bèn lén lấy Tăng bào *(Trước kia, anh tôi muốn sửa lại cái áo ấy, Quang nói: "Muôn phần chớ nên sửa. Nếu nhà chùa phái người đến, đem nguyên vật hoàn trả thì không có chuyện gì. Nếu không, sợ bị thưa kiện, sẽ bị phiền phức chẳng nhỏ". Vì thế, còn giữ được)* và hai trăm đồng trốn đi, đến chỗ thầy tôi, vẫn sợ anh tôi lại tìm đến, chẳng dám ở lại, ngủ một đêm liền đi. Thầy tôi chỉ cho một đồng tiền ngoại quốc; khi ấy người ở Thiểm Tây còn chưa từng được thấy. Tiệm đổi tiền không nhận, tiệm nữ trang đổi cho tám trăm đồng, đấy là món tiền Quang có được từ nơi thầy.

Đến chùa Liên Hoa ở Hồ Bắc, xin nhập chúng với một nhiệm vụ khổ sở nhất *(Lo than củi để đun nước sôi cho hơn bốn mươi người, ngày đêm không ngớt. Nước phải tự đi gánh, than củi cũng phải tự gánh lấy. Còn chưa thọ giới mà đã được ở [trong chùa], kể ra họ cũng từ bi lắm).* Tháng Tư năm sau, thầy Phó Trụ Trì trở về [quê], Khố Đầu (vị sư coi nhà kho) bị bệnh, Hòa Thượng thấy Quang thành thật, sai trông nom nhà kho, còn tiền bạc, sổ sách, Hòa Thượng tự lo. Lúc Quang mới xuất gia, thấy câu đối: *"Dương Kỳ đăng trản minh thiên cổ, Bảo Thọ sanh khương lạt vạn niên"* (Ngọn đèn Dương Kỳ muôn đời sáng, gừng sống Bảo Thọ cay vạn năm) và Sa Di Luật Nghi nói về quả báo do lén dùng của cải Thường Trụ[168], lòng rất kinh sợ. Phàm mỗi khi phải sắp xếp những món có đường, tay dính nhằm hương vị của những món ấy đều chẳng dám dùng lưỡi để nếm ăn, chỉ dùng giấy lau đi mà thôi. *"Ngọn đèn Dương Kỳ"*: Thiền sư Dương Kỳ Phương Hội[169] làm Giám Viện trong hội của ngài Thạch Sương [Sở]

---

[168] Trong Sa Di Luật Nghi Yếu Lược do tổ Vân Thê Liên Trì biên soạn, có đoạn văn như sau: *"Kinh chép: Một Sa Di ăn trộm bảy trái cây của Thường Trụ; một Sa Di khác ăn trộm mấy tấm bánh của Thường Trụ; một Sa Di khác ăn trộm một chút thạch mật của Thường Trụ đều đọa địa ngục. Vì thế kinh nói: Thà chặt tay, chẳng lấy của cải một cách sai trái!"*

[169] Dương Kỳ Phương Hội (996-1049) là khai tổ phái Dương Kỳ thuộc tông Lâm Tế. Ngài vốn là pháp tự (người nối dòng pháp, xin đừng lầm với chữ pháp tử) của ngài Thạch Sương

Viên, ban đêm xem kinh, tự mình mua dầu riêng, chẳng dám dùng dầu của Thường Trụ một cách riêng tư. *"Gừng sống Bảo Thọ"*: Động Sơn Tự Bảo thiền sư *(Bảo Thọ là biệt hiệu của Ngài)* làm Giám Viện trong hội của ngài Ngũ Tổ Sư Giới thiền sư. Ngũ Tổ Giới bị bệnh hàn, hay dùng gừng tươi và đường đỏ nấu thành cao để thường uống. Thị giả xuống nhà kho xin hai món này, Giám Viện nói: *"Vật chung của Thường Trụ há nên dùng riêng! Hãy đem tiền ra mua"*. Giới thiền sư liền sai đem tiền xuống mua, rất mến mộ vị ấy. Về sau, Động Sơn thiếu người Trụ Trì, có đến xin Giới thiền sư tiến cử người Sư nhận biết, Sư Giới nói: *"Gã bán gừng tươi làm được đấy"*.

Trong hai trang năm mươi bốn, năm mươi lăm của quyển Trung sách Thiền Lâm Bảo Huấn có chuyện thiền sư Tuyết Phong Đông Sơn Huệ Không đáp lời Dư Tài Mậu [khi ông này tính] lên kinh đô thi Hội, đến chùa xin tiền thuê phu khiêng sách, đại ý như sau: "*Ta tuy làm Trụ Trì, nhưng vẫn là một Hòa Thượng nghèo khổ. [Tiền thuê] phu khiêng vác ấy sẽ do Thường Trụ bỏ ra, hay do Huệ Không bỏ ra? Nếu do Thường Trụ bỏ ra, tức là ăn trộm của Thường Trụ. Nếu do Huệ Không bỏ ra thì Huệ Không chẳng có một vật gì. Huống chi các hạ lên kinh đô cầu công danh, chớ nên cầu nơi Tam Bảo để đến nỗi đôi bên đều mắc tội. Dẫu chùa khác có lấy đem cho thì cũng lập tức cảm ơn không nhận, ấy mới là tạo phước cho tương lai vậy!"*

Trong đời gần đây, những Tăng sĩ phàm tục phần nhiều dùng tiền tài để kết giao với đồ chúng tục gia. Quang cả đời chẳng muốn kết giao, chẳng thâu đồ đệ, chẳng trụ trì chùa miếu. Từ năm Quang Tự 19 (1893) đến Phổ Đà, làm một ông Tăng nhàn nhã chỉ ăn cơm nuốt cháo *(hơn ba mươi năm chưa từng giữ một chức vụ nào, chỉ theo chúng ăn một bữa cơm)*. Hai chữ Ấn Quang trọn chẳng dùng trong những giấy tờ viết thay cho người khác. Vì thế, được yên vui suốt hai mươi mấy năm. Về sau, do Cao Hạc Niên đem mấy bài viết vặt vãnh đăng trên Phật Học Tùng Báo, vẫn chưa dùng cái tên Ấn Quang. Đến năm Dân Quốc thứ ba, thứ năm (1914, 1916) trở đi, bị Từ Úy Như, Châu Mạnh Do hỏi dò rồi lén thu thập [những bài viết, thư từ của Quang] cho in thành Văn Sao ở kinh đô *(vào*

Sở Viên, thuộc đời thứ 18 tính từ tổ Lâm Tế Nghĩa Huyền. Sư là người huyện Nghi Xuân, Viên Châu (Giang Tây), pháp danh là Phương Hội. Thoạt đầu làm Giám Viện cho ngài Sở Viên. Sau này đến Trụ Trì Phổ Thông Thiền Viện trên núi Dương Kỳ, chấn hưng tông phong. Sư chỉ để lại một cuốn Ngữ Lục, đệ tử nối pháp có Bạch Vân Thủ Đoan, Bảo Ninh Nhân Dũng v.v… gồm 13 người, về sau tạo thành một phái đông đảo, được gọi là phái Dương Kỳ. Phái này cùng với phái Hoàng Long và năm tông Lâm Tế, Tào Động, Quy Ngưỡng, Vân Môn, Pháp Nhãn, được xưng tụng là "ngũ gia thất tông".

năm Dân Quốc thứ bảy - 1918). Từ đấy hằng ngày đọc thư từ, đúng là chuyên bận bịu vì người khác, đến nỗi có người lầm nghe lời [kẻ khác đồn đại] xin được quy y, [Quang chấp thuận cho người ấy quy y] cũng chẳng qua là thuận theo tín tâm của người ấy mà thôi! Với kẻ giàu, Quang cũng chẳng cầu người ta bỏ tiền làm công đức thì với kẻ nghèo làm sao Quang có thể giúp đỡ lớn lao cho được?

Năm Quang Tự 12 (1886) lên kinh đô, thầy tôi cũng không cho một đồng nào. Về sau, do đạo nghiệp chẳng tiến nên chẳng dám dâng thư lên thầy. Đến năm Dân Quốc 17 (1928) thầy tôi viên tịch, nhưng các sư huynh, sư đệ mỗi người theo chí hướng riêng nên bốn mươi mấy năm qua, đối với những đồng môn xuất gia không gởi cho nhau một chữ nào, cũng như chẳng gởi cho nhau vật nào dù chỉ đáng giá một đồng! Đối với gia đình tôi thì trong năm Quang Tự 18 (1892), có một đồng hương từ kinh đô trở về quê, nhờ người ấy đích thân kính dâng lên [gia đình tôi] một bức thư. Nếu không, chẳng có cách gì gởi được! Lúc ấy chưa có bưu cục. Hơn nữa [nhà tôi] không ở nơi đường lớn *(Hiện thời tuy có bưu cục, nhưng nếu không ai chuyển giùm thì cũng không cách nào gởi được).* Năm sau xuống phương Nam, hoàn toàn chẳng biết tin gì nữa!

Đến năm Dân Quốc 13 (1924), một đứa cháu bên ngoại nghe người ta nói bèn đến núi thăm, mới biết gia đình đã không còn ai, [nhà cửa] do đứa cháu trong dòng họ kế thừa *(Chuyện này Quang cho là may mắn, bởi lẽ mai sau không có kẻ nào vùi lấp đức hạnh của người đời trước. Dẫu có người thừa kế thì cũng chẳng phải là con cháu [trực tiếp] của cha mẹ tôi).* Vì vậy, cũng không gởi thư cho họ. Kể từ thời Dân Quốc đến nay, đất Thiểm Tây bị tai nạn nặng nhất. Nếu gởi thư cho họ, lỡ họ xuống miền Nam sẽ ở vào đâu? Không sắp xếp cho họ ở đâu được! Bảo họ quay về thì phải tốn mấy chục đồng. Họ tới lui trọn chẳng có ích gì; há chẳng phải đâm ra có hại cho họ? Vì thế, năm trước để cứu trợ tai nạn cho huyện Cáp Dương, tôi chỉ gởi tiền về giao cho huyện, chẳng dám nói đến quê tôi *(Thôn tôi cách huyện hơn bốn mươi dặm).* Nếu nhắc tới sẽ hại chết nhiều người lắm!

Mùa Xuân năm nay, do ông Châu Tử Kiều *(trong hai ba năm gần đây, ông này chuyên lo cứu trợ tại Thiểm Tây)* đến đất Thân (Thượng Hải), sư Chân Đạt và ba bốn vị cư sĩ đóng góp một ngàn đồng, cậy Tử Kiều đặc biệt phái người đến cứu trợ thôn tôi. Tây thôn cũng chẳng thuộc trong đó, nhưng đối với mấy trăm nhà thì một ngàn đồng cũng chẳng có ích lớn lao cho lắm! Do vậy liền có người muốn xuống phương Nam. Một thương nhân vốn là cháu họ bên ngoại của tôi gởi thư cho Quang nói: "Có ông X… muốn xuống phương Nam thăm viếng, con nên trả lời như

thế nào?" Quang nói: "Nếu ông có thể chăm sóc cho kẻ ấy khiến cho chuyện của người ta được thành tựu tốt đẹp thì hay lắm. Nếu không, hãy cực lực nói cho ông ta biết nỗi khổ của việc đi về, cũng như cái hại 'vô ích, bị hao tổn' ngõ hầu chẳng đến nỗi gây hại chết người cho người ta". Chuyện ấy là do một phen hảo ý của thầy Chân Đạt nhưng chưa xét kỹ nguyên do, cũng như chẳng nói với Quang. Đến khi Quang biết thì đã xong chuyện rồi, không thể vãn hồi được!

Nghe nói mấy chục năm trước, một đại phong ông[170] ở Hồ Nam làm lễ mừng thọ, tuyên bố trước: "Sẽ cho mỗi người bốn trăm đồng". Lúc ấy đang nhằm mùa Đông rét buốt, dân quê từ mấy chục dặm kéo đến lãnh món tiền ấy. Viên quản lý của ông ta chẳng khéo lập cách, người tụ tập đông đến mấy vạn mà cứ tà tà phát cho từng người. Những kẻ đứng đằng sau do đói quá mức liền liều mạng chen lên trước. Do vậy, có hơn hai trăm người bị đè chết do chen lấn, còn những kẻ bị thương chẳng biết là bao nhiêu! Phủ huyện phải đích thân trấn áp cho họ khỏi bạo động: [Gia đình của] mỗi người bị chết được cấp hai mươi bốn đồng, một cỗ quan tài, lãnh xác đem đi. Lão phong ông thấy mọi người đều kinh hoàng, run rẩy, hỏi ra biết chuyện, liền thở dài một hơi rồi chết luôn. Mấy bữa sau, con ông ta làm quan ở kinh đô cũng chết tại kinh thành. Do vậy, bất luận chuyện gì cũng phải đề phòng trước những điều tệ hại có thể xảy ra, chứ nào phải Quang không có lòng nghĩ tưởng tới nhà tôi, thôn tôi ư? Do sức không thể lo nổi nên chẳng thể mở ra đầu mối "chỉ có ích, không tổn hại" vậy!

Linh Nham trước kia chỉ có trên mười người, mọi người do thấy ông Diêu X… bị bệnh nên phương tiện cho ông ta sống tại đó. Chuyện ấy há nên lấy làm lệ? Chùa ấy năm nào được mùa thì hoa lợi thâu được trên dưới một ngàn đồng. Năm nào mùa màng thất thu, [hoa lợi] sẽ kém hơn. Ngoài ra, không còn một khoản thâu nhập nào khác nữa! Ba năm gần đây, do có những đồ đệ quy y biết Linh Nham là đạo tràng tu tập chân thật, thường cậy họ tổ chức Niệm Phật Thất nên đỡ hơn một chút, do vậy ở được hai ba chục người, nhưng Quang trọn chẳng cầu mong gì nơi Linh Nham. Các sư ở Linh Nham thường có thờ bài vị cha mẹ trong Niệm Phật Đường, thầy Đức Sâm là người giảo chánh sách thay cho Quang tại chùa Báo Quốc và bạn thầy ấy là sư Liễu Nhiên (hiện cũng ở chùa Báo Quốc) đều do lòng hiếu mà thờ bài vị cha mẹ họ tại Linh Nham. Quang trọn chẳng nói đến chuyện ấy. Nếu Quang nói đến (tức bảo họ thờ bài vị cha mẹ của Tổ Ấn Quang tại Niệm Phật Đường chùa Linh

[170] Đại phong ông: Người giàu có, được triều đình phong tước hiệu cao quý.

Nham – chú thích của người dịch) thì cố nhiên bọn họ sẽ hoan hỷ đến cùng cực. Nếu Quang có hành động như vậy tức là đã vướng vào hành vi cướp công và mang lòng riêng tư rồi[171]. Huống chi [ông và Quang] trọn chưa từng gặp mặt, chỉ vì một lá thư quy y mà ông liền có thể dưỡng lão tại đó ư? Như vậy thì những người khổ sở đã quy y với Quang đều xin Quang cho dưỡng lão [tại Linh Nham] hết! Nếu Quang có thể tự tay bỏ ra tiền bạc, thóc gạo thì cũng không phải là chẳng muốn [tạo dịp cho những người quy y dưỡng lão]. Tiếc là chẳng có đạo lực ấy nên làm sao có thể làm chuyện đại từ bi ấy cho được?

Xưa kia, ông Hoàng Huệ Phong ở Phước Kiến thường đem thơ gởi cho tôi, hơi có lòng tin mỏng manh. Quang gởi cho ông ta các thứ sách, ông ta lại xin quy y *(ông này tuổi xấp xỉ tuổi Quang)*, về sau muốn xuất gia. Quang cực lực trình bày lợi ích do tu hành tại gia. Ông ta tự phụ là đã phát Bồ Đề tâm, chứ thật ra là cầu thanh nhàn, nhằm giảm tiền dưỡng lão cho con cháu. Quang bèn nói lời quyết liệt đến cùng cực, bảo: "Tôi ở trong chùa của người ta ba mươi năm, một thân đã cảm thấy là nhiều quá rồi. Huống chi ông lại tới nương theo tôi xuất gia! Nếu ông quyết định muốn đến thì khi ông tới tôi sẽ xuống núi ngay! Vì sao vậy? Tôi tự lo cho tôi còn không xuể, làm sao có thể lo cho ông được?" Từ đấy, ông ta vĩnh viễn không gởi thư đến nữa! Đủ biết cái "đạo tâm" trước đó chính là cái tâm cầu lợi cho con cháu, chứ không phải là thật sự có đạo tâm vậy! Ông là người khá thông minh, nhưng cũng có khuyết điểm "chẳng đem tâm mình để thấu hiểu cho tâm người khác". Nơi phần mình thì biết là khó khăn, chứ với phần người khác lại bảo là dễ dàng!

Ông chẳng biết: So với ông, Quang còn khổ não hơn! Từ nay về sau, xin ông hãy tự lượng sức mình để làm việc. Nếu vẫn muốn Quang thay ông bỏ tiền ra thì sẽ khó khăn muôn phần như đòi mạng vậy. Vì sao thế? Quang chẳng phải chỉ quen biết một mình ông, cũng như không phải chỉ có một mình ông cầu xin Quang. Nếu chỉ có một mình ông thì phải bỏ ra dăm ba trăm đồng trong mấy năm thì cũng không ngặt nghèo cho lắm. Lại có chỗ này bị tai nạn phải cứu trợ, chỗ kia có những thiện cử (những hành động mang tính cách tốt lành), làm sao đáp ứng được? Ngay như chuyện in sách cũng chẳng thể tùy tiện bảo [Hoằng Hóa Xã] gởi đi được! Điều ấy vốn có chương trình, chắc ông đã xem qua rồi. Nếu như hễ

---

[171] Sở dĩ Tổ nói là "cướp công" vì Ngài không ở Linh Nham, không đích thân niệm Phật trong Niệm Phật Đường Linh Nham, mà cũng không cúng dường gì cho Linh Nham. Nếu đem thờ cha mẹ của mình tại đó, tức là đã khiến cho cha mẹ mình được hưởng xuông công đức của các sư tu hành niệm Phật tại đó.

người ta muốn liền gởi sách ngay, dẫu trong nhà sẵn có của cải mấy chục vạn cũng lo không xuể, huống là tiền do mọi người đóng góp để duy trì ư? Nếu cần, xin hãy chiếu theo giá vốn để xin thỉnh; như vậy thì sẽ được mãn nguyện. Nếu bảo: "[Hễ sách] có ích cho người mà nếu tôi cần thì phải gởi ngay", chắc Hoằng Hóa Xã đã đóng cửa mất rồi!

Phổ Đà Chí trước kia do [chùa Pháp Vũ] thỉnh một người chẳng biết Phật pháp, chẳng tin Phật tu chỉnh; ông ta lại còn viết tiểu truyện về Quang ghép vào đó, Quang cực lực quở trách thói sai trái ấy. Về sau, do ông ta một hai chuyện đều chẳng nghe lời Quang, Quang liền hoàn toàn bỏ mặc, không hỏi tới nữa! Đến khi ông ta tu chỉnh xong, giao cho vị Trụ Trì đã nghỉ hưu của chùa Pháp Vũ, bỏ xó hơn nửa năm rồi mới cậy Quang giám định. Do Quang không rảnh rỗi, nên chậm trễ mấy năm. Vì thế, sách ấy trọn chẳng có tên tuổi của Quang vì những phần ông ta sao lục thư từ và tên của Quang đều bỏ đi chẳng giữ lại. Thỉnh người chép lại, khắc ván ấn hành, chẳng tốn của Phổ Đà một đồng nào. Người trong núi hễ thỉnh sách thì đều chiếu theo tiền giấy và công thợ in mỗi bộ là sáu cắc, tổng cộng in được ba ngàn bộ. Trừ hơn một ngàn bộ giao cho người đứng bỏ tiền in ra, chỉ còn được hơn một ngàn bộ. Quang vẫn muốn gởi tặng cho người khác.

Ông bảo Quang gởi cho ông mấy gói [Phổ Đà Chí] để tặng lại cho người khác, tâm ấy rất tốt, nhưng cũng là chưa biết tới nỗi khó khăn. Chỉ xin ông từ nay về sau luôn giữ tấm lòng "điều gì ta chẳng muốn [người khác] làm cho mình thì cũng đừng làm cho người khác", phàm chuyện gì cũng đều đem lòng tính cho mình để nghĩ cho người khác, thì nhất định sau này ông đạt đến địa vị quang minh rạng rỡ, người lẫn thần đều vui thích vậy. Chẳng biết ông có coi loại thuốc đắng miệng này là đúng hay không? Xin hãy sáng suốt suy xét.

Hơn nữa, cuốn Giáo Hối Thiền Thuyết, vàn muôn phần chớ nên để tại Hoằng Hóa Xã, bởi chuyện này không chừng một hai năm nữa sẽ phải ngưng hoạt động. Không có quỹ bảo trợ, không có khoản tiền nhất định, thời cuộc không tốt, không ai giúp đỡ, làm sao có thể duy trì được mãi? Phật Học Thư Cục lưu hành kinh sách rộng rãi, mang tánh chất doanh nghiệp, có thể duy trì lâu dài được. Giao cho họ thì ông lẫn họ đều có lợi ích vậy!

418. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên (thư thứ hai)

Đọc sơ qua Giáo Hối Thiển Thuyết thấy văn lý, ý nghĩa đều rất hay, chỉ có điều ở cuối sách có bốn chữ *"hữu trước tác quyền"* (giữ bản quyền trước tác), Quang chẳng hiểu ý nghĩa. Cũng như giá bán của mỗi bộ là một đồng hai cắc, Quang cũng không hiểu rõ lắm. Trộm nghĩ: Học trò tôi mang cái tâm "tự lập, lập người" của thánh hiền, làm chuyện tự lợi, lợi tha của Phật, Bồ Tát, soạn ra sách này chỉ mong lay tỉnh kẻ ngu muội, mê mờ, lại được bộ Tư Pháp chấp thuận cho lưu thông, nhà tù các tỉnh đều thỉnh về sử dụng, mà chẳng cho phép người khác khắc in lưu thông thì chẳng những khiến người lo toan việc công sanh lòng đau bực, hết muốn sử dụng, mà còn thật sợ rằng những phạm nhân trông thấy cũng sẽ cho rằng ông ăn nói kiểu "rao toa thật, bán thuốc giả"!

Vì sao vậy? Do dùng chuyện lợi người để làm căn cứ tự lợi! Như vậy thì tuy là [làm chuyện vì] đạo mà lại lui sụt thành chuyện kinh doanh. Quang thường nói: *"Những kẻ chế ra bột ngọt và chế xà-phòng từ dầu thực vật tuy là kinh doanh nhưng đã tăng tấn nơi đạo[172]"*. Chẳng ngờ học trò tôi mang đại chí như vậy mà đâm ra lại kém hơn hai hạng người [chế bột ngọt và chế xà-phòng bằng dầu thực vật] ấy. Đấy là thánh hiền, Phật, Bồ Tát phụ bạc con người, hay là con người phụ rẫy thánh hiền, Phật, Bồ Tát vậy? Nếu chẳng coi lời Quang là sai, xin hãy mau sửa đổi! Lại còn soạn bài văn phát biểu để tự trách. Nếu chẳng coi là đúng, xin từ nay về sau, nếu có bàn bạc, trình bày điều gì, đừng dùng kiểu cách thầy trò giả danh nữa! Cố nhiên Quang chẳng muốn can thiệp nhiều vào chuyện của người khác! *(Ngày Hai Mươi Ba tháng Mười)*

419. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên (thư thứ ba)

Sách Tiểu Học Vận Ngữ[173] chính là dựa theo sách Tiểu Học mà soạn ra. Trẻ nhỏ đọc đến có thể biết được những điều đại cương chánh yếu

---

[172] Tức là tuy kinh doanh nhưng lại giúp cho con người ăn chay, kiêng sát sanh nên việc kinh doanh của họ lại giúp ích rất nhiều cho đạo pháp nên được coi như là đang hành đạo.

[173] Tiểu Học Vận Ngữ là sách dành cho trẻ học vỡ lòng do La Trạch Nam (1808-1856) soạn vào đời Thanh. La Trạch Nam từng làm thầy đồ gõ đầu trẻ, cho rằng sách Tiểu Học rất có giá trị, nhưng câu chữ dài ngắn không đều, trẻ khó nhớ, nên đã trích lấy những điểm đại cương, quan trọng, soạn theo lối văn vần, mỗi câu gồm bốn chữ. Tổng cộng là 2.944 chữ, hoàn tất vào năm Hàm Phong thứ sáu (1856). Tiểu Học vốn có nghĩa là những loại học vấn không thuộc về Kinh Học (nghiên cứu ý nghĩa kinh điển Nho gia) và phạm vi rất rộng bao gồm ngôn ngữ, văn chương, cú pháp, đặc biệt là âm vận. Về sau này mới có thêm ý nghĩa là những học vấn dành cho trẻ nhỏ. Dưới đời Ung Chánh, Lưu Tử Trừng đã tập hợp những câu nói dạy về lễ nghĩa Nho Giáo của Châu Tử để soạn thành thiên sách đặt tên là Tiểu Học, với ngụ ý những điều phải học tập từ nhỏ để trở thành con người tốt đẹp.

trong Nho lễ. Lợi ích đạt được bởi sách ấy cố nhiên chẳng rộng rãi sâu xa bằng Cảm Ứng Thiên Trực Giảng. Năm Dân Quốc 18 (1929), tôi đã giảo chánh từng câu từng chữ sách [Tiểu Học Vận Ngữ] ấy, nêu ra những tiết, những đoạn mang tánh chất hủy báng Phật, nhưng vẫn chưa sửa; do bị bệnh nên bỏ đó. Năm sau đến đất Tô, liền lo sắp chữ [Lịch Sử Cảm Ứng] Thống Kỷ Tăng Tu Bản, Phổ Đà Sơn Chí và các sách nên quên khuấy luôn chuyện ấy.

Xin hãy dùng Cảm Ứng Thiên để dạy con cháu, [bảo chúng] suốt đời đọc tụng sẽ [lợi lạc] hơn đọc sách Tiểu Học Vận Ngữ nhiều lắm. Khéo sao chiều hôm qua [sách Cảm Ứng Thiên] mới gởi đến. Đối với thế đạo, nhân tâm, [sách Giáo Hối Thiển Thuyết] khá hữu ích, nhưng Quang in các sách cần khoản tiền rất lớn *(Quang một mực chẳng quyên mộ, ai có tín tâm biếu tặng thì nhận, ngoài ra toàn là tiền hương kính của Quang),* không sức đâu lo thêm [chuyện in Giáo Hối Thiển Thuyết]. Sách ấy (tức Cảm Ứng Thiên Trực Giảng) kẻ tục người nhã đều xem được, chỉ buồn không ai giúp đỡ in ra. Hiện thời tôi bận bịu cùng cực, đúng là vô thường sắp xảy đến, cấp bách không đợi được! Viết lời tựa [cho sách Giáo Hối Thiển Thuyết] thì đợi khi hơi rảnh rỗi sẽ gắng sức viết. Từ nay về sau bất luận là ai, bất luận chuyện gì, đều nhất loạt đừng nên giới thiệu họ nhờ vả Quang viết lách vì Quang bị ba bộ Sơn Chí bức bách chẳng thể chờ đợi được!

420. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên (thư thứ tư)

Thư nhận được đầy đủ. Pháp danh của ba người Tăng, Đinh, Bành gởi kèm theo thư này. [Pháp danh của] Âu Dương Như Tam thì đã gởi trong thư viết cho Viên Phước Cầu rồi. Quang thật khó thể giúp đỡ cho khoản tiền in cuốn Giáo Hối Thiển Thuyết được! Báo Quốc không làm ra một đồng nào, mà nhu cầu mỗi năm là một ngàn năm sáu trăm đồng! Quang một mực chẳng hướng về ai quyên mộ, cũng rất khó khăn! [Ông than] các nhà tù thôi thúc muốn có được sách [Giáo Hối Thiển Thuyết] gấp như lửa xẹt, há có phải họ đều muốn ông tặng sách cho họ đọc? Muốn được người khác tặng sách miễn phí, lẽ đâu lại thôi thúc gấp như lửa xẹt? Xin hãy hướng về các nhà từ thiện ở Thượng Hải để thương lượng. Trong những năm trước, nội chuyện quyên góp cứu trợ tai nạn cho các xứ và Thiểm Tây, Quang đã không còn đủ sức để duy trì. Do vậy, ẩn cư. Nếu có cơ nghiệp thì sẽ tìm cách, chứ Quang chỉ là một ông

Tăng lẻ loi, lại còn ôm ý nguyện một mực chẳng hướng về người khác quyên mộ, cho nên không thể do đâu mà lập ra cách thức được!

421. Thư trả lời cư sĩ Thiệu Huệ Viên (thư thứ năm)

Thư nhận được đầy đủ. Ông Tôn bị bệnh hãy bảo ông ta niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát, xin gạo Đại Bi từ nơi pháp sư Đức Sâm chùa Thái Bình để nấu lấy nước uống. Nếu chí thành, ắt sẽ được lành bệnh. Mẹ ông Ngô Trạch Nam sắp mất, [người nhà] sang chùa Thái Bình thỉnh Tăng trợ niệm, được thầy Đức Sâm tặng gạo Đại Bi. Về đến nhà, mẹ đã cứng lưỡi, chẳng thể nói năng được nữa, liền cấp tốc đem nấu lấy nước, chấm vào lưỡi, mẹ liền nói được, theo đại chúng niệm Phật, lúc lâm chung lớn tiếng niệm được ba câu rồi mới qua đời. Gạo ấy dùng chú Đại Bi gia trì hơn một vạn biến. Hai pháp danh được viết trong một tờ giấy khác, lấy Một Lá Thư Trả Lời Khắp làm khai thị *(Đây là khai thị châu đáo nhất).*

Hai sách Tiểu Học và Nhân Phổ chính là thiện thư khuyên đời, nhưng Tiểu Học có mấy chỗ báng Phật. Những lời hay hạnh đẹp trong thế gian con người thường chẳng chú ý, chứ lời lẽ báng Phật thì mỗi một kẻ muốn làm công thần cho Danh Giáo đều toàn thân vâng nhận. Quyển Thượng sách Nhân Phổ vay mượn Phật pháp để giải thích Thái Cực Đồ[174]; những lời văn báng Phật trong quyển Thượng lẫn quyển Hạ đều có, nhưng quyển Thượng báng bổ dữ dội nhất. Trong lời tựa, trước hết dẫn chuyện Viên Liễu Phàm học Phật được cảm ứng lớn lao, tiếp đó báng bổ rằng: *"Liễu Phàm là chánh nhân quân tử, há lẽ nào bị dị đoan mê hoặc? Đủ biết chuyện ấy do học trò ông ta bịa đặt ra!"* Lời lẽ ấy do kẻ giảng giải chuyện chánh tâm thành ý thốt ra, thề muốn khiến cho người trong khắp cõi đời đều hiểu rằng không có sự lý nhân quả ba đời, luân hồi lục đạo thì tâm mới sung sướng, ươm thành tình thế trước mắt ai nấy đều nguy ngập không chỗ nào để tránh né, đều là do thứ tri kiến

---

[174] Thái Cực Đồ là một đồ hình có hình tròn (☯), được chia thành hai phần đen và trắng (tượng trưng cho Âm Dương), trong phần đen có một chấm tròn trắng, trong phần trắng có một chấm tròn đen, tượng trưng trong Âm ngầm chứa Dương, trong Dương ngầm chứa Âm. Thái Cực Đồ theo truyền thuyết được Trần Đoàn (tổ sư môn Tử Vi) vẽ theo cách diễn giải khái niệm Thái Cực trong phần Hệ Từ Truyện của kinh Dịch, được coi như cách diễn giải vũ trụ từ lúc hỗn mang (khi Âm Dương còn chưa phân ra). Thoạt đầu Thái Cực Đồ có tên là Vô Cực Đồ, sau này Châu Đôn Di đổi tên thành Thái Cực Đồ và vay mượn giáo nghĩa tánh - tướng của nhà Phật, để đặt ra cái gọi là Lý và Khí, coi đó là hai biểu hiện quan trọng của Âm và Dương.

ấy phát khởi vậy. Quang từng chia sách Tiểu Học Vận Ngữ, thành khoa, thành đoạn, kế đó nghĩ: "Sách này vốn giống như trong món ăn ngon quý ngầm bỏ chất Tỳ Sương, chẳng thể để cho người khác thưởng thức được! Nếm vào ắt sẽ trúng độc!" Chúng ta chẳng thể tạo lợi ích cho người khác, quyết chẳng dám do muốn lợi người mà đâm ra hại người được!

422. Thư trả lời cư sĩ Ổ Sùng Âm

Ba hôm trước nhận được hai cuốn Kỹ Lộ Chỉ Quy, thấy có đính kèm huy chương ở cuối sách, Quang chẳng cho là đúng lắm. Năm Dân Quốc thứ hai (1913), pháp sư Đạo Giai[175] ở chùa Pháp Nguyên, Bắc Kinh, lập Hội Kỷ Niệm Phật Đản, lấy tượng Phật Thích Ca làm huy chương, Quang trọn chẳng biết chuyện đó. Xong chuyện, sư Đạo Giai đến Phổ Đà, tặng Quang một huy chương, Quang thống trách ông ta khinh nhờn, nhưng đến năm Dân Quốc 12 (1923) vẫn làm như thế. Ở Thượng Hải cũng bắt chước làm theo, nay cư sĩ cũng bắt chước làm theo. Đầu sỏ gây tội bắt nguồn từ sư Đạo Giai. Đạo Giai còn biết giảng kinh, nhưng cung kính, tôn trọng hoàn toàn chẳng nói tới, cũng đáng than thở thay! Hết thảy nhân viên tham dự hội ấy mỗi người đều phải đeo một huy chương. Nếu đeo để lễ Phật thì vẫn chẳng hợp lý. Đeo để lễ người khác thì đôi bên đều bị tổn phước. Nhưng hiện thời do Đạo Giai đề xướng đã trở thành quy định chung rồi, Quang cũng biết chuyện ấy chẳng dễ gì dẹp bỏ được, nhưng do cư sĩ quá yêu mến nên chẳng thể không nói một lời!

Chuyện phóng sanh ngay như một xứ Thượng Hải cũng khó thể lo liệu được, há nên phô phang cái danh lớn lao là "toàn quốc?" Nhân dân cả nước đều đang ở trong cảnh nước sâu lửa nóng, không cách nào cứu

---

[175] Đạo Giai (1866-1932), người ở Hành Sơn, tỉnh Hồ Nam, pháp danh Thường Tiễn, pháp hiệu Hiểu Chung, còn có biệt hiệu là Bát Bất Đầu Đà. Xuất gia với ngài Chân Tế chùa Trí Thắng ở Hành Dương năm 19 tuổi. Năm sau, thọ Cụ Túc Giới ở chùa Báo Ân tại Lỗi Dương. Sư bế quan tại chùa Nhị Đoan ở Giáp Sơn suốt ba năm, chuyên chí tham Thiền. Lại theo học với hòa thượng Mặc Am chùa Chúc Thánh tại Nam Nhạc, xem đọc Đại Tạng Kinh. Sau đó đi giảng kinh tại nhiều ngôi cổ tự nổi tiếng như Tây Thiền, Thiên Đồng, Thanh Lương, Hải Hội v.v… Năm 1906, Sư du hóa khắp các xứ Singapore, Mã Lai, Miến Điện, Indonesia. Sau về nước, làm Trụ Trì chùa Pháp Nguyên, nhận chức vụ đặc trách nội vụ cho Trung Hoa Phật Giáo Tổng Hội. Đồng thời, đề xướng tu chỉnh bộ Tân Tục Cao Tăng Truyện gồm 61 quyển, chép tiểu sử các danh Tăng từ thời Bắc Tống đến thời Tuyên Thống nhà Thanh. Về sau, do chùa Pháp Nguyên xảy ra tranh chấp, Sư bèn dẫn học trò là Đức Ngọc sang Ấn Độ trùng tu chùa Trung Hoa ở vườn Lộc Dã. Năm 1932, Sư du hóa các tỉnh thành thuộc Mã Lai như Penang, Kuala Lumpur rồi thị tịch trong tháng Ba năm ấy tại Mã Lai.

được, huống là "hội phóng sanh toàn quốc" ư? Quang cho rằng: "Khuyên người khác ăn chay là phóng sanh thật sự". Những sanh vật được nuôi trong những cơ sở [phóng sanh] lớn lao trước kia, một khi có lính đóng, liền biến thành thức ăn cho quân đội. Nếu sau này vĩnh viễn không có chiến tranh thì được. Nếu không, [những con vật được nuôi trong cơ sở phóng sanh] ấy sẽ đều là thức ăn được trữ sẵn cho quân đội!

Cư sĩ nhiệt tâm bảo vệ loài vật, có thể nói là bậc nhất, nhưng phải xét kỹ tình lý thì mới được lợi ích thật sự. Pháp sư Đế Nhàn hâm mộ thanh danh của Từ Vân Sám Chủ, xin ông Lư Tử Gia biến Tây Hồ thành ao phóng sanh, mọi người đều đến phóng sanh; kẻ xấu lén lút đánh bắt, chánh phủ phải nhiều lần mua lại, các cư sĩ phải nhiều lần chuộc, tốn đến mấy ngàn đồng rồi vẫn phải dời đi nơi khác. Đấy chính là tấm gương tày liếp mà ông vẫn chưa biết, cứ mong phô trương tạo danh tiếng cho to ư? (*Ngày Rằm tháng Năm năm Ất Hợi - 1935)*

423. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ nhất)

Bà nói *"dùng văn tự, thư họa, âm nhạc để tiếp dẫn kẻ sơ cơ vào trong biển Phật pháp"*, đấy chính là đại nguyện của Bồ Tát, nhưng cần phải xét xem chính mình có định lực chẳng bị cảnh duyên xoay chuyển thì đối với mình lẫn người mới đều có lợi ích lớn lao. Nếu không, cứ một mực dụng tâm nơi chuyện bên ngoài, sợ rằng sẽ khó thể thành tựu chuyện liễu sanh tử được! Người học Phật cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì mới là đệ tử thật sự của đức Phật. Hãy nên chú ý nơi hai bài tựa trước sau trong Tịnh Độ Ngũ Kinh sẽ tự biết sự vi diệu rộng lớn của pháp môn Tịnh Độ ngõ hầu chẳng bị dao động, mê hoặc bởi tri thức của các tông khác.

Bà nói đến chuyện nằm mộng [thấy Quang hiện thân thuyết pháp trong giấc mộng] thì đấy chính là cảnh do lòng Thành của bà biến hiện, chứ Quang không có khả năng hiện thân trong giấc mộng ấy! Quang là phàm phu sát đất, nhưng thường có kẻ nói nằm mộng thấy Quang, đôi khi còn thấy Quang răn dạy nữa. Đấy đều là do lòng Thành của bọn họ cảm Quán Thế Âm Bồ Tát ứng theo căn cơ thị hiện, đấy đúng là *"nên hiện thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp"*. Bồ Tát còn có thể hiện thành sông, núi, đại địa, lầu, đài, điện, gác, cầu, bến, đường sá, đồ đạc, vật dụng, huống là thân người ư? Mắt Quang không bị bệnh

tật gì, xin hãy sáng suốt suy xét! *(Mồng Năm tháng Bảy năm Dân Quốc 25 - 1936)*

424. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ hai)

Thư bà gởi đến tôi nhận được đầy đủ. Nay đã bảo Hoằng Hóa Xã gởi cho bà bốn tờ tượng bán thân, bốn tờ tượng vẽ. Phía dưới tượng vẽ ấy có một phong thư dài, khá quan trọng đối với người mới phát tâm. Người vẽ tượng ấy chính là một người ở Vô Tích, Quang vốn không quen biết. Vẽ xong, giao cho một đệ tử quy y. Người ấy liền chụp bức thư dài [đem ghép vào], tặng cho Hoằng Hóa Xã mấy tấm.

425. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ ba)

Bà nói ảnh chụp giống như [hình Quang bà được thấy] trong giấc mộng, ở chỗ này có ý nghĩa sâu xa, chớ nên cậy vào ý mình rồi hiểu lầm. Quang là nghiệp lực phàm phu, sao có thể hiện thân trong giấc mộng cho được? Ấy là do lòng Thành của bà cảm Quán Thế Âm Bồ Tát biến hiện hình tướng của Quang để khiến bà sanh lòng chánh tín. Ấy chính là *"nên dùng thân nào để độ được bèn hiện thân ấy để thuyết pháp"*! Cầu bến, đường sá, lầu, đài, điện, gác, núi, sông, cây cỏ, không một thứ nào chẳng hiện. Nên biết: Thần thông diệu dụng ở nơi người hiện được cảnh, chứ không phải ở nơi cảnh được hiện. Bà coi tớ là chủ, chẳng khỏi đem phàm lạm thánh, khiến cho Quang lẫn bà đều cùng mắc tội lỗi không chi lớn hơn, cô phụ tấm lòng Đại Sĩ vì bà hiện hình tướng quá lắm! Ngàn vạn phần chớ nên vẽ, mà cũng đừng nên ghi chép để những kẻ ham làm chuyện giả dối nhằm lôi cuốn [người khác] sẽ bắt chước làm theo! Loại giấc mộng như vậy thường hay xảy ra. Ấy là vì trong Phật môn không có người, Bồ Tát muốn cho bà tăng trưởng tín tâm nên mới lấy tướng gỗ chạm, đất đắp làm tướng thần thông diệu dụng để phát khởi tâm chánh tín, khiến cho tâm ấy chẳng bị lui sụt. Suy nghĩ sâu xa, cặn kẽ thì sẽ thấy Bồ Tát từ bi chỉ dạy không gì chẳng xét đến vậy *(Ngày Mười Tám tháng Tám năm Dân Quốc 25 - 1936)*

426. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ tư)

Đối với chuyện vẽ hình tượng [Ấn Quang] toàn thân hay tượng đứng cũng không quan trọng. Chỉ có điều chớ nên đem phàm lạm thánh, lầm lạc suy tôn, ngõ hầu người đời sau chẳng đến nỗi ngờ là tiếm việt, mà

cũng chẳng đến nỗi lầm lạc bắt chước theo *(Ngày mồng Tám tháng Chín năm Dân Quốc 25 - 1936)*

427. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ năm)

Quang vốn là hình hài gỗ - đất, bị bà tô vẽ trở thành vàng ngọc huy hoàng. Tuy có thể sướng tai khoái mắt mọi người, nhưng thật ra đã khiến tôi thường phải ôm lòng hổ thẹn *(Năm Dân Quốc 25 - 1936)*

428. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ sáu)

Thư trước gởi đến nhằm lúc tôi đang phải gọt giũa bản Hộ Quốc Pháp Hội Khai Thị Lục, chẳng rảnh rỗi để phúc đáp. Tượng Phật lẫn hình Quang đều đẹp. Hôm trước, tôi đã bảo đem tượng Tam Thánh và hình Quang mỗi loại chụp thành mười hai tấm, họ cho biết phải trả mỗi tấm hai cắc. Nay lại gởi đi mười tấm. Đôi liễn [bà viết] bên cạnh hình Quang văn lẫn ý đều hay. Sẽ đem gởi cho nơi xa *(gởi về quê tôi)* là chỗ chẳng dễ có được!

429. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ bảy)

Hôm qua nhận được thư và nhận được mọi thứ đầy đủ. Chuyện vẽ tượng là do thầy Đương Gia chùa Linh Nham tính vẽ hình của mười hai vị Tổ Sư Liên Tông, bảo Quang làm một bài tán sáu câu để dùng trong ngày kỷ niệm các vị ấy quy Tây. Lại làm một bài tụng theo thể loại Thất Ngôn Bát Cú, tính viết vào hình vẽ ấy. Do Quang thấy thơ Đường Luật quá bó buộc, liền bắt chước cổ nhân viết bừa cho xong trách nhiệm. Thầy ấy vốn muốn thỉnh cư sĩ vẽ một hai bức, Quang nói: "Bà ấy tỵ nạn, ở đậu nhà người ta, sợ chẳng thể vẽ được. Nếu có thể vẽ được thì hãy nên bảo một người vẽ thôi, để khỏi bị khuyết điểm thể cách bất nhất". Nay đọc thư trả lời, tôi thấy nên bỏ chuyện ấy đi, tùy thầy Đương Gia thỉnh ai vẽ thì thỉnh.

Theo ý Quang, chuyện này cũng chẳng đáng tán thành. Vì sao vậy? Phương Nam ẩm thấp, chẳng được mười mấy năm lại phải vẽ bức khác. Khoản tiền chi tiêu ấy chẳng phải nhỏ đâu! Nếu thờ bằng bài vị thì một hai trăm năm sau vẫn còn tốt. Do thầy ấy chuyện gì cũng muốn cho tốt đẹp, nên vẫn chẳng tiếc công nhiều lần cầu cạnh người khác. Về mặt trang nghiêm đạo tràng thì dường như có ích, nhưng trong thời cuộc,

tình thế này, cũng có thể do vậy mà chuốc họa. Xét đến cùng, mọi chuyện thật chẳng nên làm cho lắm. Xin hãy gác lại chuyện này, nhất tâm niệm Phật để mong được lợi ích thật sự. Xin đem hai bức tượng vẽ gởi tới bằng thư bảo đảm *(Ngày Mười Hai tháng Hai năm Kỷ Mão - 1939)*

430. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ tám)

Từ lão thái do [uống] nước pha tro hương [được gia trì bằng chú Đại Bi] mà căn bệnh nguy hiểm được bớt hẳn, đấy cũng là do lòng Thành của gia quyến cảm nên. Hà Đức Mục thích nói chuyện thơ ca, chẳng chú trọng niệm Phật là do bị nghiệp lực mê hoặc, nên chẳng biết phân biệt điều khinh lẽ trọng! Ví như trẻ thơ cho nó đồng tiền thì ưa thích, cho bảo châu Ma Ni bèn chẳng nhận. Đem tiền dụ kẻ ăn mày, hắn chịu niệm Phật là cũng đã gieo thiện căn không chi lớn bằng. Năm Quang Tự 18 (1892), Quang sống tại chùa Viên Quảng ở ngoài cửa Phụ Thành của thành phố Bắc Kinh. Một hôm cùng một vị Tăng từ phía ngoài [cửa thành] Tây Trực đi về chùa Viên Quảng. Một đứa ăn mày mười lăm, mười sáu tuổi, chẳng thấy có vẻ đói khát, đi theo xin tiền. Quang bảo nó: "Niệm Phật một câu, ta sẽ cho con một đồng"; nó không niệm. Quang nói: "Niệm Phật mười câu ta sẽ cho con mười đồng!" Vẫn chẳng niệm. Quang lôi túi đựng tiền ra cho nó thấy, ước chừng hơn bốn trăm đồng, bảo nó: "Con niệm Phật một câu ta sẽ cho con một đồng. Con tận lực niệm, ta sẽ cho đến khi hết túi tiền này mới thôi". Nó vẫn không niệm, khóc ầm lên; do vậy bèn quăng nó một đồng tiền rồi bỏ đi. Đứa ăn mày ấy quá thiếu thiện căn, đem tiền dụ cũng không chịu niệm. Nếu trẻ ăn mày phát thiện tâm mà niệm sẽ được lợi ích lớn lao. Dẫu là bị dụ tiền mà niệm Phật vẫn gieo được thiện căn lớn lao.

Trước kia, Quang chẳng trì chú Đại Bi. Năm Dân Quốc 21 (1932), Quang bế quan tại chùa Báo Quốc, mẹ ông Ngô Hằng Tôn ở ngõ cầu Tây Hoa bệnh tình nguy cấp. Ông Hằng Tôn đang ở Bắc Kinh, [người nhà] vội đánh điện gọi ông về. Vợ ông ta sai người đến chùa Báo Quốc xin Quang tụng cho một chén nước Đại Bi, Quang liền niệm ba biến, bảo cầm về. Uống vào, bà cụ liền tỉnh lại, không còn trong tình trạng nguy hiểm nữa. Sợ Hằng Tôn lo lắng, họ bèn đánh điện nói "bệnh đã không còn nguy ngập nữa"; Hằng Tôn bèn không về. [Có một] đứa bé chín tuổi khi sanh ra chưa đầy hai tháng, khắp mình sanh đầy mụt lở nhỏ, Xuân đến càng thêm đau đớn. Trải nhiều năm vẫn không hết, uống thuốc cũng

vô hiệu; do vậy bèn xin nước Đại Bi, uống vào liền lành. Vì thế, thường có người đến xin, hằng ngày nói chung phải niệm mấy biến.

Về sau, người đến xin càng nhiều, liền dùng một đồ đựng lớn. Năm trước tỵ nạn đến Linh Nham, thầy Đương Gia nói vẫn cần phải trì chú Đại Bi vào nước. Quang nói: "Hiện thời không mua được bình, mà cũng không có tiền mua bình. Hãy nên dùng gạo để thay!" [Trì chú Đại Bi vào] tro hương thì trước kia ở Báo Quốc đã từng làm rồi, bởi lẽ đường xa chẳng thể gởi nước đi được, còn tro thì mọi lẽ đều không trở ngại gì! Nếu ở ngay địa phương này thì không dùng tro. Ông Tần Hiệu Lỗ ở Vô Tích bị ba thứ bệnh, chữa không lành, vừa uống vừa bôi nước Đại Bi liền được lành, bèn quy y.

Toa thuốc trị bệnh sốt rét trọn chẳng phải là điều bí mật gì, phàm ai biết chữ đều có thể dựa theo đó mà viết. Một cựu quân nhân tánh tình xấu xa ở Vô Tích, từng làm thân binh cho Viên Tổng Thống[176] (Viên

---

[176] Viên Thế Khải (1859-1916), tự là Úy Đình, hiệu Dung Am, người Hạng Thành, tỉnh Hà Nam, là một tay quân phiệt thời đầu Dân Quốc. Do không đỗ đạt, năm 22 tuổi y bèn xung quân phục vụ dưới trướng của Ngô Trường Khánh. Năm 1882, khi Triều Tiên gặp nội loạn, cầu viện triều đình nhà Thanh giúp đỡ. Viên Thế Khải theo Ngô Trường Khánh tấn công Triều Tiên, dẹp tan nội loạn, đưa Triều Tiên vào vòng lệ thuộc Trung Quốc. Họ Viên được cử giữ chức vụ Triều Tiên Tổng Đốc, đặc trách huấn luyện quân đội Triều Tiên, kiêm trông coi nội vụ nước này. Khi đảng Khai Hóa của Triều Tiên đứng lên lật đổ hoàng gia Triều Tiên với sự trợ giúp của quân Nhật, Viên Thế Khải đã dẹp tan cuộc nội loạn này, khiến Triều Tiên càng bị lệ thuộc chặt hơn vào nhà Thanh. Tuy vậy, năm 1894, quân kháng chiến Triều Tiên vùng lên lần nữa, quân Thanh đại bại, Viên Thế Khải phải bỏ Triều Tiên tháo chạy về Thiên Tân, nhưng tài cầm quân của ông ta đã được Đại Học Sĩ Lý Hồng Chương biết đến, nên họ Viên được rút về phục vụ dưới trướng họ Lý. Trong cuộc Mậu Tuất Chánh Biến (1898), phe Duy Tân mưu toan lật đổ Từ Hy thái hậu, lãnh tụ Đàm Tự Đồng đã nhờ Viên Thế Khải bao vây tiêu diệt Nghĩa Hòa Đoàn (Quyền Phỉ). Họ Viên liền mật báo cho tay chân thân cận của Từ Hy là Vĩnh Lộc biết trước. Kết quả phe Duy Tân của vua Quang Tự thất bại thê thảm, vua bị giam lỏng, họ Viên được thăng chức, lần lượt leo lên các chức vụ cao hơn. Khi Lý Hồng Chương mất vào năm 1901, họ Viên được Thanh Triều cử làm Tổng Đốc tỉnh Trực Lệ, trở thành thủ lãnh cả vùng biên giới phía Bắc rồi được thăng lên thành Quân Cơ Đại Thần. Khi Phổ Nghi lên kế vị Quang Tự, Thuần Thân Vương (Tải Phong) nhiếp chánh, do Viên Thế Khải và Thuần Thân Vương đã có mâu thuẫn từ trước nên Viên Thế Khải bị Thuần Thân Vương chèn ép, phải cáo bệnh rút về Hà Nam chờ thời. Khi cách mạng Tân Hợi (1911) nổ ra, Thanh Triều tuyên bố giải tán Nội Các, cử Viên Thế Khải làm Nội Các Tổng Lý Đại Thần, thống lãnh quân đội chống cự lại các thế lực cách mạng ở phương Nam. Họ Viên vừa dùng vũ lực đàn áp quân cách mạng, vừa ngầm đàm phán với lực lượng cách mạng. Ngày mồng Một tháng Giêng năm 1912, Dân Quốc thành lập, Viên Thế Khải vừa thuyết phục vừa ép hoàng đế nhà Thanh thoái vị vào ngày 12 tháng Hai năm ấy. Ngày 15 tháng Hai, nhân thấy thế lực của Viên Thế Khải quá mạnh, chánh quyền Dân Quốc ở Nam Kinh đã phải cử Viên Thế Khải làm Lâm Thời Đại Tổng Thống, nhưng sửa đổi chánh thể từ Tổng Thống Chế thành Nội Các Chế để giảm bớt quyền lực của họ Viên. Năm 1913, khi tổng tuyển cử lần thứ nhất được tiến hành, Quốc Dân Đảng đắc cử đa số nên Lý Sự Trưởng của đảng là

Thế Khải) nên tập quen thành tánh xấu, ăn nhậu, cờ bạc, chơi bời đủ cả, nghiện thuốc phiện rất nặng. Đến khi đói rách, mắt đã không thấy đường, tuổi đã năm mươi bảy hay năm mươi tám. Người anh [ông ta] chết đi, Tần Hiệu Lỗ đến phúng điếu, trông thấy tình huống khổ sở ấy, bèn cực lực khuyên răn. Ngay hôm ấy, ông ta bèn chừa sạch thuốc phiện, rượu, thịt, hằng ngày thường niệm Phật, mắt liền sáng hơn, nghiễm nhiên thành một vị thiện nhân đề xướng niệm Phật. [Trước kia] người làng chẳng dám qua lại [với ông ta]. Sau này, bệnh sốt rét bùng phát, ông ta trị cho từng người một đều được lành bệnh. Từ đấy, người làng đều nghe theo. Trong tháng Tư, từng dẫn mười mấy người đến quy y, nghiễm nhiên là một vị cư sĩ tu hành đã lâu! Người này họ Hoa, tên Quán Thiên, đã sáu mươi bốn tuổi. Như người này có thể gọi là "dũng mãnh sửa ác hướng lành".

Nay gởi cho bà một gói tro hương để tiện sử dụng cho mình lẫn người khi cần. Lại gởi cho bà năm cuốn Học Sinh Tu Dưỡng Đức Mục (những điều để học sinh tu dưỡng đức hạnh) để dùng dạy trẻ nhỏ, hai cuốn Tang Tế Tu Tri (những điều cần biết về tang ma, cúng giỗ) bởi lẽ cậu, cô của bà, mẹ của Hà Đức Mục và Từ lão thái đều già rồi, có được quyển sách này cũng có thể dùng để tùy duyên chỉ dạy, đừng để họ thuận theo tập tục trong đời mà gây thêm tội lỗi cho cha mẹ, người thân, bạn bè. Hiện tại, người ta vứt bỏ cổ lễ, trong đám tang lại dùng rượu thịt, diễn tuồng, đúng là chẳng ra sự thể gì! Nghe nói thương nhân X… trong lúc làm lễ Đại Liệm[177] cho mẹ, người con cả và khách đến viếng uống

---

Tống Giáo Nhân được cử làm Nội Các Tổng Lý (Thủ Tướng). Tuy vậy, ông ta bị đâm chết ngày 20 tháng Ba năm ấy tại Thượng Hải, họ Viên phủ nhận trách nhiệm. Tôn Văn tổ chức Trung Hoa Cách Mạng Đảng, toan dùng vũ lực đánh gục họ Viên nhưng thất bại. Tháng Mười năm ấy, Quốc Hội lại phải suy cử họ Viên làm Tổng Thống chánh thức. Họ Viên ra lệnh giải tán Quốc Dân Đảng vào tháng Mười Một, phế trừ Ước Pháp Lâm Thời của chánh quyền Dân Quốc, sửa đổi nhiệm kỳ Tổng Thống thành vô hạn định. Với tham vọng nắm trọn quyền, họ Viên cho bọn tay chân như Dương Độ tổ chức Trù An Hội, dùng thế lực, tiền bạc mua chuộc ép buộc các nghị viên tán thành chế độ quân chủ lập hiến, tôn Viên Thế Khải làm vua. Năm 1916, dưới danh nghĩa tiếp nhận thư thỉnh cầu của quốc dân, họ Viên xưng đế, đổi năm ấy thành Hồng Hiến nguyên niên, đổi Tổng Thống Phủ thành Tân Hoa Cung, trọng dụng kẻ tâm phúc như Phùng Quốc Chương, Đoàn Kỳ Thụy v.v… vào những chức vụ trọng yếu. Tuy vậy, các tỉnh liên tiếp nổi lên tuyên bố độc lập, các tướng lãnh quân phiệt thừa cơ cát cứ, chống lại chánh quyền họ Viên. Thế cô lực kiệt, họ Viên phải tuyên bố giải tán đế chế, khai trừ đế hiệu vào ngày 22 tháng Ba năm 1916, tức là chỉ xưng đế được vỏn vẹn 83 ngày. Họ Viên muốn tiếp tục làm Tổng Thống Dân Quốc cũng không được, đành ôm hận chết vì bệnh tiểu đường vào ngày mồng Sáu tháng Sáu năm ấy.

[177] Đại Liệm (còn gọi là Nhập Liệm, Nhập Quan, Nhập Mộc, Lạc Tài) là lễ đặt thân thể người đã chết vào quan tài, sau khi đã bó vải cẩn thận. Theo cổ lễ của Trung Hoa, sau khi đã

rượu ăn thịt, đấu quyền làm trò vui, cái tâm đã chết mất rồi! Nếu còn có chút thiên lương, quyết chẳng thể như thế! Thật có thể nói là "thực hành chuyện biến con người thành cầm thú!" Thỏ chết cáo buồn, đâm ra những kẻ ấy chẳng bằng dị loại vậy!

431. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ chín)

Nhận được thư hôm Rằm, biết bệnh của Từ lão thái đã đỡ rất nhiều. Phàm người lâm chung thần thức hôn loạn; nếu uống nước Đại Bi hoặc nước pha từ tro hương [Đại Bi], hay nước nấu từ gạo Đại Bi, thần thức đều có thể sáng suốt. Nếu lại có người trợ niệm thì chắc chắn sẽ niệm Phật qua đời. Một hai năm qua, đã có ba người được như thế. Hôm Mười Bảy tôi đã gởi cho bà một bao tro hương, kể cả bao bì và toa thuốc nặng bốn lạng, chia làm tám bức thư gởi đi, chắc đã nhận được rồi.

Chuyện niệm Phật, ước về mặt được lợi ích ngay trong đời này thì cần phải chí thành khẩn thiết thường niệm. Nếu [chỉ để] gieo thiện căn, dẫu đùa bỡn niệm một câu cũng nhất định sẽ trong đời sau nhờ vào thiện căn ấy phát khởi mà tu trì. Vì thế, cổ nhân dựng nhiều tháp miếu to lớn là vì muốn cho hết thảy mọi người trông thấy đều gieo thiện căn. Một câu Phật hiệu này đã gieo vào trong tám thức điền sẽ vĩnh cửu chẳng diệt. Lúc đức Phật tại thế, một cụ già muốn xuất gia đầu Phật, năm trăm vị thánh chúng quán sát, thấy từ tám vạn kiếp đến nay, ông cụ trọn chẳng có một mảy may thiện căn nào, bèn cự tuyệt chẳng thâu nhận. Ông cụ liền gào khóc ở phía ngoài Kỳ Viên, Phật cho gọi vào, thuyết pháp cho ông cụ, cụ liền chứng đạo quả. Năm trăm vị thánh chúng đều chẳng hiểu được nguyên nhân, hỏi Phật, Phật dạy: *"Người này trong vô lượng kiếp trước, do bị hổ đuổi phải trèo lên cây, niệm một câu Nam Mô Phật, gặp ta bèn đắc đạo. Đạo nhãn của hàng Thanh Văn các ông chẳng thể thấy được!"*

---

bọc và quấn kín người chết trong vải liệm nhưng chừa mặt ra, dùng giấy hay vải đậy mặt người chết, người con trưởng phải nâng đầu người chết, ngoài ra còn phải có bốn đến sáu người, nâng xác chết lên, đưa chân đi trước, đầu đi sau. Trước tiên hạ xác chết người hết xuống sát đất với hy vọng nhờ âm khí người chết sẽ sống lại. Lúc đặt vào quan tài, phải đặt một miếng ván có đục hình sao Bắc Đẩu để yểm xuống dưới đáy hòm (có thể kèm theo một số bùa chú khác), rồi mới theo quy cách giống như trên, đưa chân vào hòm trước, đầu vào sau. Khi đặt xong, dùng vải đỏ phủ kín từ đầu đến chân, tấm vải ấy phải do người con gái đã gả chồng phủ lên. Khi đã đóng chặt nắp hòm, phát tang rồi mới đồng loạt "cử ai" (cất tiếng gào khóc).

Do vậy biết rằng: Chịu niệm Phật cố nhiên là tốt. Nếu [người ta] không chịu niệm, hãy bảo người ấy: "Chịu nghe niệm Phật hiệu cũng gieo được thiện căn, nghe lâu ngày cũng có công đức lớn lao". Gần đây, ở Vô Tích người niệm Phật rất đông; có một người biết nấu món chay. Hễ mở Phật thất đều gọi người ấy đến nấu. Người ấy hằng ngày nghe tiếng niệm Phật; về sau đứa con ông ta sắp chết, liền nói: "Con sắp chết, nhưng chẳng thể đến được chỗ tốt lành. Cha hãy cho con Phật của cha, con sẽ đến được chỗ tốt lành". Người cha nói: "Cha chẳng niệm Phật, làm sao có Phật được?" Đứa con nói: "Phật của cha nhiều lắm. Chỉ cần cha nói một tiếng, con sẽ chết an lành". Người cha nói: "Vậy thì tùy con, muốn bao nhiêu cứ lấy bấy nhiêu". Đứa con liền chết. Ông ta tự nhủ: "Mình chẳng hề niệm Phật, sao lại có Phật?" Người hiểu biết bảo: "Lúc ông nấu cỗ chay ở trong căn nhà gần chỗ niệm Phật, hằng ngày thường nghe mọi người niệm Phật. Cho nên cũng có công đức lớn". Đấy là kẻ vô tâm nghe; chứ nếu lưu tâm nghe thì công đức càng lớn hơn! Niệm kinh thì không có câu văn được lập lại, chẳng thể [nghe] từng câu rõ ràng, minh bạch được. Dẫu lưu tâm lắng nghe cũng khó thể nghe cho rõ ràng, huống là kẻ vô tâm ư? Đủ biết công đức niệm Phật thù thắng!

432. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ mười)

Hôm qua, lúc tôi sắp đem thư gởi cho bưu điện, thầy Đương Gia Linh Nham đến nói: "Nhờ Trương cư sĩ vẽ mấy bức hình mười hai vị Tổ trong Liên Tông, chẳng biết bà ta có thời gian, sức lực để làm được hay chăng?" Nếu bà tâm tình phân vân, chẳng thể cất bút thì cũng không sao. Nếu vẫn có thể vận dụng ngòi bút khéo léo như trước đây, xin hãy vẽ trước một bức, gởi tới [Linh Nham] bằng thư bảo đảm rồi mới châm chước quy tắc. Bức thứ hai thứ ba sẽ vẽ giống như vậy, dùng loại giấy Tuyên[178] rộng bốn thước, phía trên viết bài thơ ca tụng theo Cổ Thể Thất Ngôn Bát Cú. Trước hết, đề tên Tổ Sư, kế đến ghi niên đại, ghi trong

[178] Tuyên chỉ (giấy Tuyên) là một loại giấy nổi tiếng chuyên dùng trong hội họa cổ của Trung Quốc. Đây là một sản phẩm đặc thù của huyện Kính tỉnh An Huy, có những tính chất rất quý như không giòn gẫy khi để lâu ngày, giữ được màu sắc không phai, và không dễ bị hoen ố bởi thời tiết. Đến thời Tống, các xứ Huy Châu, Trì Châu, Tuyên Châu v.v… đều chế được loại giấy này. Do trong thời ấy, những vùng này đều thuộc về Tuyên Châu Phủ nên loại giấy này được gọi chung là Tuyên Chỉ (giấy Tuyên). Giấy Tuyên được chế bằng vỏ cây Thanh Đàn, pha lẫn với bột của một loại cỏ có tên là Thủy Đạo. Từ đời Tống - Nguyên trở đi, bột giấy còn được pha thêm các loại bột gỗ dó, dâu, tre, hay đay để tạo thành các loại giấy Tuyên khác nhau nhằm tạo hiệu quả sống động cao nhất cho tranh vẽ.

một tờ giấy khác, gắn lên đầu bức tranh. Tên bài tụng, tên họa sĩ đều viết phía dưới bức chân dung, ngõ hầu chẳng đến nỗi mắc lỗi "tên của phàm phu được đặt phía trên tượng Tổ Sư". Về giấy, xin cư sĩ hãy mua giùm, để khỏi bị nhăn gãy khi gởi tới. Mười hai vị Tổ, chính là những vị thường được cõi đời gọi là Liên Tông Cửu Tổ (chín vị tổ của Liên Tông), phía dưới vị Tổ thứ tám là Liên Trì đại sư, thêm ngài Ngẫu Ích vào thành vị Tổ thứ chín, nên ngài Triệt Lưu thành Tổ thứ mười. Do vậy, ngài Tư Tề [Thật] Hiền từ vị Tổ thứ chín trở thành vị Tổ thứ mười một, tiếp đó lại thêm Triệt Ngộ thiền sư thành vị Tổ thứ mười hai.

Phía sau ảnh tượng của Phật, của Tổ, phụ thêm tượng chín vị tổ. Chỉ có các ngài Ngẫu Ích và Triệt Lưu không có tượng (nay đều đã có), ngài Triệt Ngộ thì ở Hồng Loa có hình chụp. Trộm nghĩ hình tượng thời cổ đều từ ý tưởng của người đời sau vẽ ra. Theo đúng lý, chư Tổ không để râu, chỉ có ngài Thiện Đạo là râu dài, tóc dài, sợ rằng cũng là do tưởng tượng, chưa thấy có chỗ nào đề cập đến chuyện Ngài để râu dài tóc dài. Cũng có tượng vẽ Ngài râu ngắn củn. Chỉ có ngài Triệt Ngộ râu vừa thanh tú vừa dài. Nếu luận theo giới cấm của Phật thì có lẽ chẳng để râu mới nên, nhưng luận theo phương diện thế gian thì cũng chẳng trở ngại gì. Chỉ có ngài Thiện Đạo để râu dài tóc dài là đáng nghi. Chuyện này hãy để từ từ, đợi sau này quyết định. Xin hãy sáng suốt suy xét rồi trả lời như thế nào *(Tháng Giêng năm Kỷ Mão - 1939)*

433. Thư trả lời nữ cư sĩ Trương Giác Minh (thư thứ mười một)

Nay gởi cho bà một bức tượng bán thân của Sơ Tổ, một bức tượng ngồi toàn thân của thiền sư Triệt Ngộ. [Tượng của] mười hai vị Tổ đều lấy tượng của ngài Triệt Ngộ làm chuẩn, nhưng chỉ y theo dáng ngồi mà thôi, bất tất đều phải vẽ đắp y. Cái vòng treo y của ngài Triệt Ngộ quá thấp, cần phải vẽ cao lên hai ba phân mới nên. Đối với những thứ trang nghiêm được vẽ thêm bên cạnh tượng chẳng cần phải vẽ quá nhiều, càng đơn giản càng hay, đều vẽ sao cho nhất trí. Nếu tượng này được vẽ ra, chắc sẽ được chụp ra để truyền bá. Không nhất định phải viết bài Tán của Quang vào tranh, do chư Tổ đều có một bài tụng theo lối Thất Ngôn Bát Cú đề vào phần giấy ở phía trên tượng như cách thường làm trong cõi đời. Xin hãy tận hết tâm lực vẽ trước hai bức tượng này gởi tới [Linh Nham] để [chúng tôi] xem thử rồi mới lại quyết định, cân nhắc. Nếu bà chịu vẽ hết mười hai bức thì cũng hay lắm, nhưng không cần gấp. Dẫu phải mất mấy tháng cũng không sao cả. Nếu chẳng thể vẽ hết, thì vẽ hai

ba bức cũng được; [chúng tôi] sẽ đem cách thức bà đã vẽ để cầu người biết vẽ vẽ tiếp *(ngày Hai Mươi Sáu tháng Giêng năm Kỷ Mão - 1939)*

434. Thư trả lời cư sĩ Cung Tông Nguyên (thư thứ nhất)

Chúng ta từ bao kiếp đến nay cố nhiên đã có lúc gieo thiện căn, nhưng chưa gặp được pháp môn cậy vào Phật lực để liễu thoát ngay trong một đời, cho nên vẫn luân hồi trong lục đạo y như cũ, chẳng thể tự thoát được. Ông thuở bé theo mẹ tin Phật, ấy là thiên tánh. Về sau, lậm nặng chất độc của Âu - Hàn, đấy chính là tập thói xấu ác. Còn những cảnh được thấy trong giấc mộng thì cũng là do thiện căn từ đời trước mà ra, nhưng mê đã quá sâu, cho nên trong nhất thời chẳng thể lập tức quay đầu lại được. Sự quan hệ này hết sức nguy hiểm! Nếu chẳng tự chấn chỉnh, sẽ mê muội dài lâu, sợ rằng ngay cả danh hiệu Phật cũng không cách gì nghe được! Nay đã biết rồi, hãy nên nỗ lực!

Hơn nữa, pháp môn Tịnh Độ khác với các pháp môn khác. Các thứ pháp môn khác đều cậy vào tự lực, chỉ có pháp môn này hoàn toàn cậy vào Phật lực. Phương Nam, Tông môn khá nhiều, chớ nên xen nhập Tông môn, mong được cái danh đẹp đẽ là "Thiền - Tịnh song tu". Nói chung, Tông môn lấy việc khán câu *"người niệm Phật là ai"* để được khai ngộ, tuyệt chẳng nói đến "tín nguyện cầu sanh". Đừng nói chưa ngộ, dẫu khán đến mức thấy được diện mục vốn có của người niệm Phật thì chỉ được kể là Ngộ, còn cách liễu sanh tử rất xa! Nếu chưa đạt đến địa vị "nghiệp tận, tình không", chắc chắn chẳng thể cậy vào tự lực để liễu sanh tử được!

Thêm nữa, chẳng chú trọng tín nguyện, cầu sanh Tây Phương là trái nghịch với Phật, chẳng thể cậy vào Phật lực để liễu sanh tử được! Vì thế, người niệm Phật hễ xen kèm hơi hướng Tông môn thì chỗ được lợi ích ít ỏi mà chỗ mất lợi ích lại nhiều. Giáo lại càng khó đắc lực hơn nữa! Mật Tông ăn nói quá lớn lối, nguy hiểm cùng cực[179]. Ông hãy nên chuyên chú một môn tín nguyện niệm Phật, kèm thêm là giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác,

---

[179] Xin chú ý ở đây Tổ không có ý đả kích Mật Tông mà chỉ quở trách những kẻ không học hiểu giáo nghĩa Mật Tông đến nơi đến chốn, được truyền thụ vài ấn quyết, đọc một số kinh sách Mật Tông rồi ngạo nghễ coi thường các tông khác, cũng như không hiểu rõ ý nghĩa "hiện thân thành Phật", tự xưng là đã đắc đạo, tự xưng là Thượng Sư, thâu nhận đồ chúng tràn lan, cũng như chuyên chú trọng thần thông, không hiểu mục tiêu cuối cùng của mọi pháp môn trong Phật giáo là hướng tới mục đích liễu sanh thoát tử, tấn tu cho đến khi thành Phật Quả.

vâng giữ các điều lành, dùng những điều ấy để tự hành, lại còn đem những điều ấy dạy người, chắc chắn sẽ được vãng sanh. Phàm suy nghĩ, động niệm, cư xử đều phải lấy chân thật chẳng dối làm chánh, ngõ hầu chẳng luống uổng cuộc đời này, chẳng phí dịp gặp gỡ này! Hãy đọc kỹ Văn Sao, Gia Ngôn Lục, ở đây không viết cặn kẽ. Quang già rồi, không có sức để thù tiếp, xin đừng thường gởi thư đến *(Ngày Hai Mươi tháng Sáu năm Dân Quốc 20 - 1931)*

435. Thư trả lời cư sĩ Cung Tông Nguyên (thư thứ hai)

Đang trong thời thế này chỉ nên giữ bổn phận, mặc kệ những kẻ mất trí điên cuồng làm gì thì làm, trọn chẳng tranh luận hoặc bắt bẻ bọn chúng. Bởi lẽ, người hiểu lý thì ít, kẻ hồ đồ thì nhiều. Nếu có tranh biện xảy ra, do bọn ma thế mạnh, sẽ đâm ra càng làm tăng thế lực của chúng. Đối với người biết tốt - xấu, hãy gắng khuyên họ đừng theo bọn chúng. Nếu là kẻ chẳng biết tà - chánh thì chỉ đành bỏ mặc. Ví như con chó ăn phân cho là thơm ngon. Nếu bảo là hôi thối, ngăn trở nó đừng ăn, ắt nó sẽ ôm lòng giận dữ, cho là muốn đoạt món ăn ngon lành của nó! Chẳng những vô ích mà còn có thể chuốc lấy họa lớn!

Pháp của ngoại đạo bí mật chẳng truyền. Muốn nói ra sợ bẩn miệng tôi, muốn viết ra sợ bẩn tay tôi. Chỉ nên dùng lòng chí thành niệm Phật, niệm Quán Thế Âm để xoay chuyển pháp của bọn chúng. Dẫu chẳng thể chuyển được, há để bị bọn chúng xoay chuyển ta ư? Sở dĩ ngoại đạo được truyền khắp cả thế giới là do dùng hai thứ [biện pháp] bí mật và thốt lời thề độc! Nếu bỏ hai cách ấy đi, ắt sẽ băng tan, ngói vỡ liền! Quang vốn muốn nói sơ lược, nhưng sợ kẻ đố kỵ giáng họa, nên chỉ nói tóm tắt mà thôi! Lũ ma rất đông đảo, không tìm được cách nào [ngăn chặn]. Nay gởi cho ông bài tựa về Cư Sĩ Lâm ở Triều Dương, xin hãy chép lại treo trong Lâm để những ai hiểu văn lý xem đến ắt sẽ sanh lòng chánh tín rồi hộ trì. Quang già rồi, sáng chẳng bảo đảm được tối, từ nay đừng gởi thư đến nữa, cũng đừng giới thiệu người khác quy y, bởi tôi không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp vậy.

436. Thư trả lời cư sĩ Cung Tông Nguyên (thư thứ ba)

Nhận được thư, biết chuyện Thái Vũ Thanh quy y. [Ông nói] đã gởi thư đến trong hạ tuần tháng trước, nhưng tôi chưa từng nhận được thư ấy. Xét cảnh ngộ của ông Thái, đáng gọi là “khổ sở đến cùng cực”. Nhưng

khổ - vui, họa - phước, vốn chẳng nhất định; người khéo dụng tâm có thể biến khổ thành vui, biến họa thành phước. Kẻ chẳng khéo dụng tâm, phần nhiều do vui mà bị khổ, do phước mà mắc họa! Vũ Thanh đã biết tướng thế gian vô thường, gấp muốn quy y Tam Bảo để tu trì Tịnh nghiệp, để cầu nương vào Phật từ lực hòng liễu sanh thoát tử. Đây có thể nói là: "Cảnh khổ là cơ hội quý báu để thành tựu đại thiện căn liễu thoát sanh tử cho ông ta". Nếu không, con cháu đầy nhà, gia đình hòa thuận, chỉ biết những sự sung sướng trước mắt, ai tính đến chuyện sau khi chết sẽ đi về đâu!

Ông ta đã phát tâm quy y, nay đặt pháp danh cho ông ta là Tông Tịnh, nghĩa là chuyên chú trọng nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Nhưng cần phải cởi gỡ những điều canh cánh trong lòng, đừng nên thường ngậm ngùi "tuổi già xộc đến mà con chết, cháu mất", càng thêm sanh lòng oán trời hận người, chỉ nên tự oán, tự phản tỉnh: "Chính mình đời trước ít vun bồi thiện căn đến nỗi đời này bị kết quả ấy!" Lại hãy nên thường sanh lòng hoan hỷ: "Nếu chẳng vì bọn họ chết mất, ta quyết khó thể phát tâm xuất thế. Tâm này chẳng phát, dẫu cho chết đi vẫn được tái sanh trong loài người, quyết khó thể vĩnh viễn chẳng tạo ác nghiệp. Đã tạo ác nghiệp, sẽ đọa trong tam ác đạo, chịu các sự khổ lâu dài cả kiếp trong súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Nay do cái chết của bọn họ khiến cho ta phát tâm xuất thế, đúng là trời dùng cái chết của bọn chúng để hoàn thành tốt đẹp thiện quả xuất thế cho ta. Ấy chính là thiện căn đời trước của ta phát hiện".

Hãy giữ yên bổn phận, chẳng sanh oán hờn, cùng với người con dâu góa bụa, cháu gái đều tu Tịnh nghiệp để mong cùng sanh Tây Phương. Nếu làm được như vậy thì chẳng những chính mình, dâu, cháu được sanh về Tây Phương mà người vợ đã khuất, hai đứa con, hai đứa cháu, một đứa dâu đều sẽ nhờ vào pháp ích ấy mà cũng được nương theo Phật từ lực vãng sanh Tây Phương. Chớ nên mang tri kiến ngu si vô tri, thường ôm lòng sầu lo, than thở, đến nỗi tuy niệm Phật mà tâm đâm ra bị chướng ngại, đến nỗi chẳng tương ứng với Phật, làm hỏng đại sự của chính mình!

Nay gởi thêm cho ông ta hai tờ Một Lá Thư Trả Lời Khắp, xin hãy nương theo đó để tự hành, lại dùng những điều ấy để giáo hóa người khác, ắt người ta sẽ biết mình tri thức cao minh, tu trì tinh tấn, sẽ vui vẻ thuận theo, công đức ấy lớn lắm. Tất cả phương pháp tu trì sợ ông ta chưa hiểu rõ, nay gởi cho ông ta một cuốn Gia Ngôn Lục, xin hãy lắng lòng đọc kỹ thì sự mầu nhiệm thù thắng nơi cõi Tây Phương, pháp tắc tu

hành, trợ niệm khi lâm chung, giáo dục trong gia đình sẽ đều biết rõ phương hướng vậy! Cháu gái còn thơ ấu, hãy nên nghiêm túc răn dạy, vun bồi tư cách hiền huệ lương thiện cho nó, ngõ hầu nó sẽ trở thành bậc thầy khuôn mẫu cho nữ giới trong mai sau. Ấy chính là rạng mày nở mặt, cao trỗi hơn chuyện con cháu làm quan to, giàu có lớn rất nhiều. Vì sao vậy? Do hiền nữ ắt sẽ có thể là hiền thê, hiền mẫu của người khác, khiến cho cả chồng lẫn con cháu đều thành hiền nhân. Xin hãy đưa những điều này cho ông ta coi để ông ta làm theo đó thì may mắn thay!

437. Thư trả lời cư sĩ Vương Huệ Thường (thư thứ nhất)

Nhận được thư biết trong một năm nay, ông đã du lịch mấy vạn dặm, khai thông tri kiến và tu trì Tịnh nghiệp, chiết phục ngã mạn; so với trước kia, tâm gấp cầu sanh Tây Phương càng chân thật thiết tha gấp trăm lần. Nỗi khổ trong Sa Bà chẳng thể chịu đựng được một buổi, hãy nên toàn thân buông xuống, nhất tâm niệm Phật và khuyên quyến thuộc nhất tâm niệm Phật. Sự nghiệp trước kia là giấc mộng, nay chẳng nên làm nữa, hãy chuyên thực hiện giấc mộng vãng sanh Tây Phương. Đến khi giấc mộng ấy đã thành, lại nương vào Phật từ, trở lại Sa Bà, phổ độ oán thân đều cùng sanh Tịnh Độ, ngõ hầu chẳng phụ cuộc đời này và dịp gặp gỡ này.

Nếu chẳng buông xuống được thì sau này chỉ có ác mộng, quyết chẳng có hảo mộng. Loại ác mộng ấy còn chẳng muốn nghe, huống là mộng thấy ư? Nếu vẫn muốn mộng thấy thì chính là gã điên! May mắn là quyến thuộc bình yên, hãy nên suất lãnh mọi người cùng thực hiện giấc mộng vãng sanh Tây Phương để mong được cùng với các vị thượng thiện nhân cùng hội ngộ nơi liên trì! *(Ngày Mười Hai tháng Bảy năm Dân Quốc 28 - 1939)*

438. Thư trả lời cư sĩ Vương Huệ Thường (thư thứ hai)

Năm ngoái nhận được thư ông, ông ngờ Quang không gởi thư. Biết ông học nghiệp tăng tấn lớn lao, thấy được chỗ người khác chưa thể thấy, vì thế chẳng muốn trả lời. Còn như hòa thượng X… nói Quang đã chết, đấy là lời thật đó, bởi nhân cách đã mất, chỉ là sống trộm. Nay lại nghĩ đến, chẳng nói gì khác. Niệm Phật, niệm Quán Thế Âm, so với những kẻ sanh lên trời Đâu Suất, khó - dễ, an ổn - nguy hiểm sẽ khác biệt gấp trăm ngàn vạn ức lần sự cách biệt vời vợi giữa trời và vực! Ông tên là Mộ

Nho, Quang tuy theo đạo Thích vẫn còn có khí phận của Nho, chỉ hai câu nói ấy đã chính là lời mổ tim vẩy máu rồi! Những điều khác đều chẳng nói tới nữa! *(Ngày Hai Mươi Ba tháng Tám năm Dân Quốc 29 - 1940)*

439. Thư trả lời cư sĩ Dương Huệ Minh

Từ quý ấp có ông Tống và Trụ Trì chùa Cụ Giác là sư Nguyên Tràng đến núi thăm viếng, cho biết cư sĩ gảy đàn[180] trong ấp ấy, gió nhân dịu mát, cả vùng ca tụng. Quang nghe vậy khôn ngăn hoan hỷ, an ủi. Người học Phật đều phải nên dùng tâm Bồ Tát để làm chuyện thánh hiền. Huống chi ông thân làm Ấp Trưởng, làm cha mẹ của dân ư? Cư sĩ đã có thể dùng tâm Bồ Đề để cai trị bằng lòng nhân, thật đáng gọi là đệ tử chân thật của đức Phật, may mắn chi hơn? Sư Nguyên Tràng nói: "Xây cửa chùa mới, tính thỉnh cư sĩ đề một tấm biển ngạch hòng rạng rỡ pháp đạo, tăng lòng tín ngưỡng cho người khác", cậy Quang báo cho ông biết, chắc là ông chẳng đến nỗi tiếc công múa bút vậy. Do vậy bèn kèm theo thư, trình lên ông kích thước vừa vặn nhất để khắc lên bia đá. Trên tấm biển ngạch, hoặc đề *"Bất Nhị pháp môn"* hoặc *"đồng đăng giác lộ"* (cùng lên đường giác), hoặc *"nhất siêu trực nhập"*, hoặc *"tam giải thoát môn"* *(ngày mồng Một tháng Chín).*

440. Thư trả lời cư sĩ Dương Điển Thần (thư thứ nhất)

[Nhận được] thư ông từ núi chuyển đến, do tôi phải sắp đặt in bộ Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ nên hằng ngày chẳng rảnh rỗi, tất cả thư từ đều nhất loạt chẳng thể trả lời được. Các hạ đã sanh lòng tin sâu xa nơi Phật pháp và pháp môn Tịnh Độ, lẽ ra phải nên bái bậc cao minh làm thầy; còn kẻ tầm thường, hèn kém như Quang chẳng được mấy ai coi trọng, nếu thờ làm thầy sẽ thành ra bị khuất lấp, nhục nhã vậy! Tuy nhiên, đã là hữu duyên, chẳng ngại gì đãi nhau bằng tình đạo. Nay đem những sách như Văn Sao… gởi tới, để làm căn cứ "tự hành, dạy người" trong mai sau.

---

[180] Đây là một cách nói dựa theo điển tích *"minh cầm nhi trị"* (gảy đàn cai trị). Điển tích này xuất phát từ bộ Lã Thị Xuân Thu, phần Sát Hiền: *"Mật Tử tiện trị Đơn Phụ, đản minh cầm, thân bất hạ đường, nhi Đơn Phụ trị"* (Mật Tử bị đày về trông xứ Đơn Phụ, chỉ đánh đàn, chẳng phải ra công đường xét án mà Đơn Phụ được bình trị). Do vậy, đời sau thường dùng từ ngữ *"minh cầm nhi trị"* để chỉ người có đức độ, dùng lễ nhạc, đạo nghĩa cảm hóa dân. Về sau, từ ngữ này trở thành một lối nói khách sáo nhằm ca ngợi một ông quan có tài cai trị.

Lệnh lang Ấu Điển muốn tiêu diệt tai chướng, tăng trưởng phước huệ, hãy nên hằng ngày lễ bái trì niệm thánh hiệu Quán Âm, đấy chính là *"tự cầu nhiều phước, phải sửa đức mình"*, há nên bắt chước lệ cũ của kẻ ngu tục, đem đãy đeo vào tay [của tượng] Bồ Tát để cầu Ngài ngầm che chở ư? Hãy đối trước Bồ Tát bẩm rõ rồi đem cái đãy ấy đốt đi để sau này khỏi phải vứt bỏ.

Nếu vợ chồng các hạ và lệnh lang thường niệm Quán Âm thì tâm buộc nơi đức Quán Âm. Tâm buộc nơi đức Quán Âm sẽ tự được đức Quán Âm che chở, gia hộ, do tâm Bồ Tát và tâm chúng sanh tương thông trong từng hơi thở. Chỉ vì chúng sanh mê trái, tự hình thành chướng ngại, nên chẳng được che chở, gia hộ. Lỗi nơi chính mình, nào phải Bồ Tát có lòng thiên vị, riêng tư! Quang sẽ diệt tung tích, ẩn dật lâu dài, tất cả những vật chẳng khẩn yếu đã gác bỏ hết. Ông nói đến ảnh chụp của ông, sợ bạn bè ở Phổ Đà biết ý này nên giữ lại cũng không biết chừng! Sau này đừng đến Phổ Đà nữa, cũng chẳng thể nói rõ Quang sẽ ẩn dật tung tích ở chỗ nào để khỏi phải bị phiền nhiễu thù tiếp thư từ.

Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ do thợ in chẳng cẩn thận, khi giảo đối để làm Chỉ Bản lần thứ hai, do những chữ đã được xếp khuôn phải được lèn thật chặt, hễ có chữ nào chênh vênh, hoặc trồi lên, họ đều thuận tay cắm bừa lại, đến nỗi sai ngoa quá nhiều. Mười mấy ngày sau nữa sẽ có bản đính chánh được in ra, ông sẽ biết chi tiết! Phổ Môn Phẩm Đồ Chứng đáng để làm phương tiện khơi gợi lòng ngưỡng cầu đức Quán Âm. Văn Sao, Gia Ngôn Lục, văn tuy chất phác, vụng về, nhưng [qua những sách ấy] những điều trọng yếu để giữ thân xử thế, trị gia, trị quốc, tu chân ngay trong cõi tục, sống trong cõi trần học đạo đều có thể biết rõ. Nếu có thể thực hành thì tốt lành chi hơn? Nếu chẳng thực hành, chỉ muốn bàn nói điều huyền lẽ diệu cho trơn mồm bóng miệng thì lợi ích đạt được cũng chỉ là ăn nói lưu loát mà thôi! *(Mồng Tám tháng Chạp)*

441. Thư trả lời cư sĩ Dương Điển Thần (thư thứ hai)

Nhận được thư, biết Từ tâm khá sâu; vì thế chẳng tiếc nhiều tiền, hễ thấy [con vật sắp bị giết] liền mua để thả, tôi cảm kích, bội phục cùng cực. Nếu nói niệm Đa Bảo Như Lai hoặc Thất Như Lai[181], hoặc Vãng

[181] Đây là danh hiệu của bảy đức Như Lai thường được xướng tụng trong khi thí thực hoặc cúng dường. Danh hiệu của bảy vị này xuất phát từ Diệm Khẩu Du Già Đà La Ni Kinh, gồm: Bảo Thắng Như Lai, Đa Bảo Như Lai, Diệu Sắc Thân Như Lai, Quảng Bác Thân Như Lai, Ly Bố Úy Như Lai, Thế Gian Quảng Đại Oai Đức Tự Tại Quang Minh Như Lai và A Di Đà Như Lai. Nhưng theo nghi thức phổ biến hiện thời, danh hiệu của bảy vị Như Lai là Bảo

Sanh Chú, hoặc Chuẩn Đề Chú, hoặc Đại Bi Chú thì đều được, há nên tụng chú do người đời soạn ra? Quang chẳng cho như vậy là đúng lắm! Các hạ đã hiểu sâu xa Phật lý, sao vẫn nghĩ những chú văn [do người đời soạn ra] ấy là hữu ích, còn những chú do đức Phật nói đâm ra chẳng có ích gì? Đấy cũng là tập khí trong đời trước tin đạo chẳng chuyên dốc mà ra. Khi tập khí hãy còn mà chính mình chẳng biết, [chẳng hạn] như tập khí của thói quan liêu, chỉ những ai không có thói ấy mới biết! Tự mình có thói tập khí ấy dẫu người khác có nói thì chính mình vẫn chẳng nhận biết những điều đã được chỉ ra.

Người học đạo cần phải trừ tập khí. Tập khí ngạo mạn quả thật là chướng ngại cho sự nhập đạo. Các hạ hãy xét kỹ, quan sát lời nói, hành vi chắc sẽ biết được! Hễ biết thì còn có được lợi ích thù thắng. Lời lẽ này không ai chịu nói, Quang một mực lòng dạ thẳng băng, ăn nói thẳng tuột, chẳng nề hà kiêng kỵ, muốn cho các hạ thật sự được lợi ích chân thật cho nên lược thuật nguyên do.

442. Thư trả lời cư sĩ Dương Điển Thần (thư thứ ba)

Nhận được thư, biết ông hằng ngày tụng niệm tinh ròng, siêng năng, tôi mừng rỡ, an ủi không chi bằng. Ông nói đến bóng đen thì đấy chẳng phải là ảnh của Phật, Bồ Tát, cũng chẳng phải là hình ảnh của oán thân đối đầu hiện ra. Do Phật, Bồ Tát đã hiện thì ắt phải có diện mục v.v… rõ ràng có thể thấy được, còn oán thân sẽ hiện ra tướng đáng sợ. Hình ảnh ấy chính là những cô hồn có duyên với ông trong đời trước, mong được nhờ vào sức niệm Phật tụng kinh để được siêu sanh vào đường lành. Sau khi hồi hướng cho họ trong khóa tụng, ông lại chuyên hồi hướng cho họ, khiến họ tiêu trừ ác nghiệp, tăng trưởng thiện căn, cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương thì sẽ hữu ích cho họ, ngõ hầu chẳng phụ một phen khổ tâm hiện bóng ấy.

Hơn nữa, phàm là người tu hành tâm phải có chủ ý, thấy cảnh giới tốt chẳng sanh hoan hỷ, thấy cảnh giới chẳng tốt đẹp không sanh lòng kinh sợ. Làm được như thế thì những cảnh giới đã thấy đều trở thành duyên trợ đạo. Nếu không, chúng đều trở thành duyên chướng đạo. Thêm nữa, phàm là người tu hành, hãy nên lấy chí thành, cung kính làm gốc, giữ lòng từ bi khiêm tốn. Tâm giữ được, thân hành được, tuy chẳng thể hoàn toàn tương ứng với Phật, nhưng phải nỗ lực cố gắng để mong

---

Thắng Như Lai, Đa Bảo Như Lai, Diệu Sắc Thân Như Lai, Quảng Bác Thân Như Lai, Ly Bố Úy Như Lai, Cam Lộ Vương Như Lai và A Di Đà Như Lai.

chẳng trái tâm Phật, hạnh Phật, sẽ đáng gọi là người tu hành chân thật, là đệ tử thật sự của đức Phật vậy! *(Ngày Mười Chín tháng Bảy năm Mậu Thìn - 1928)*

443. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Đức Bân (thư thứ nhất)

Pháp danh của cha con và em gái (Chí Tiên), vợ chồng ông Trương, mẹ con ông Phạm được viết trong một tờ giấy khác. U Minh Giới[182] sẽ truyền vào lúc bảy giờ tối hôm Rằm. Con muốn hoằng dương Tịnh Độ để báo ơn cha mẹ, sao chỉ ăn chay ba năm? Chẳng biết sát kiếp trong mấy năm gần đây đều là do sát sanh ăn thịt dấy lên. Con muốn giảng pháp môn Tịnh Độ cho hết thảy mọi người mà chính mình vẫn chưa thôi ăn thịt thì người ta cũng bắt chước ăn thịt theo!

Quang già rồi, sáng chiều sẽ chết, từ nay về sau đừng gởi thư tới nữa, cũng đừng giới thiệu người khác đến quy y bởi không có mục lực lẫn tinh thần để thù tiếp. Nay gởi cho con một tờ Một Bức Thư Trả Lời Khắp, dùng đó để tự lợi, lợi tha thì sẽ là đệ tử chân thật của đức Phật. Chẳng cần phải gởi bù tiền hương kính, nơi đây chẳng theo lệ mua hàng hóa ở ngoài chợ búa! Từ nay về sau hễ gởi thư tới nữa, quyết chẳng phúc đáp! *(Ngày Mười Một tháng Chín)*

444. Thư trả lời cư sĩ Nghiêm Đức Bân (thư thứ hai)

Thư con gởi đến đã mấy ngày, do bận bịu chẳng rảnh rỗi để lo đến. Hôm trước mới đem phiếu thỉnh sách giao cho Hoằng Hóa Xã, chắc họ đã gởi đến rồi. Con đã mười tám tuổi, sao chẳng sốt sắng học chữ? Thêm nữa, cách xưng hô trong khi viết thư đều chẳng hợp lẽ cho lắm. Con người sống trong thế gian, hễ siêng năng ắt có thành tựu. Nếu lười nhác thì một chuyện cũng chẳng thành! Đừng nói là "kẻ tài năng chẳng hơn ai, vẫn còn có gia nghiệp để trông cậy!" Cần biết rằng: Càng phú quý, càng

---

[182] U Minh Giới: Truyền giới Bồ Tát cho người đã mất. Hòa thượng Tuyên Hóa giảng về ý nghĩa U Minh Giới như sau: *"U Minh Giới chính là giới được thọ trì bởi hết thảy cô hồn, vong linh. Phàm ai mong vì người đã khuất cầu cho người ấy được thọ U Minh Giới, phải dốc lòng kiền thành, thay mặt cho người ấy cầu giới thì mới được Phật, Bồ Tát, thánh hiền giáng lâm pháp hội, chứng minh thọ giới. Người thay mặt người đã khuất cầu giới phải phát tâm rộng lớn, nguyện cho hết thảy chúng sanh trong cõi U Minh được hưởng lợi ích nơi Phật pháp, thoát lìa mọi nỗi khổ trong chốn U Minh, sanh về đường lành. Lại phải quán tưởng dung mạo của người đã khuất, phát lòng tin thiết tha thay cho người ấy đảnh lễ Tam Bảo. Có như vậy thì mới cảm được người đã khuất phát lòng chí thành, cầu thọ trì mười giới Đại Thừa Bồ Tát".*

phải siêng học! Con em nhà phú quý phần nhiều bại hoại ít có kẻ thành chánh khí đều vì ỷ vào gia nghiệp! Rốt cuộc cái để ỷ vào lại chẳng đủ để ỷ y, tài đức của chính mình mới là cái có thể nương dựa được thì lại chẳng thành tựu gì! Đến nỗi cái có thể trông cậy lại chẳng đủ để trông mong được, mà tài đức của chính mình lại chẳng có gì, chẳng trở thành hạng làm thuê nghèo hèn, há có được chăng?

Con đã phát tâm quy y Phật pháp, ắt phải làm người tốt trước đã. Giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt lành, làm chuyện tốt đẹp, nhất cử nhất động dẫu ở trong nhà tối vẫn chẳng buông lung, chăm chú giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành để làm người hiền người thiện trong thế gian. Làm được như thế thì mới đáng là đệ tử đức Phật! Đối với những kinh sách đã thỉnh, phải đặc biệt cung kính. Hiện thời hãy nên đọc kỹ Gia Ngôn Lục, Văn Sao, Cảm Ứng Thiên Trực Giảng, đừng bắt chước thói [đọc sách lướt qua như] cưỡi ngựa xem đèn thì sẽ được lợi ích. Văn Sao, Gia Ngôn Lục chính là khai thị. Từ nay trở đi đừng nên gởi thư tới nữa, do Quang tuổi già mắt quáng, chẳng thể thù tiếp được. Sách gởi lần này là do ta tặng. Sau này muốn thỉnh nữa, hãy chiếu theo bảng giá [của Hoằng Hóa Xã] mà thỉnh. Nếu cứ theo lệ [tặng sách] này, ta chẳng có tài lực ấy đâu! *(Ngày Mười Tám tháng Mười)*

445. Thư trả lời cư sĩ Vương Tử Lập (thư thứ nhất)

Con người quý ở chỗ tự biết, chớ nên nói năng lớn lối quá phận bừa bãi. Đọc những lời bàn luận nghi ngờ của ông, thấy rõ [ông cho rằng] dịch kinh trọn chẳng phải là việc khó khăn, chỉ cần biết tiếng ngoại quốc là có thể trở thành một dịch giả giỏi rồi! Nếu [chỉ là một] dịch giả [thông thường, thiếu căn bản Phật học vững chắc], bảo người ấy dịch kinh thì anh ta vẫn giống như kẻ không hiểu tiếng ngoại quốc! Ông cần phải dựa theo Phạn bản, Phạn bản chẳng phải là bất di bất dịch, cần phải có con mắt trí huệ để phân biệt văn nghĩa trong Phạn bản là đích xác, hoặc là do truyền thừa lâu đời bị sai ngoa thì mới có thể dịch kinh được![183] Do một

[183] Cũng xin nói thêm: Để dịch kinh, tối thiểu người dịch phải thông hiểu những thuật ngữ trong Phật pháp mới không hiểu sai. Theo một bài viết đăng trên nguyệt báo Lắng Nghe của trường Gia Giáo chùa Viên Giác, ngay cả những vị mang tiếng là học giả Hán - Nôm nhưng không chú tâm nghiên cứu Phật giáo vẫn mắc phải những sai lầm ấu trĩ, khó thể chấp nhận khi dịch những văn bản Phật giáo từ tiếng Hán sang tiếng Việt. Chẳng hạn, họ không biết Nê Hoàn là cách phiên âm khác của chữ Niết Bàn, Điều Đạt là cách gọi rút gọn tên Đề Bà Đạt

người không thể làm được, nên trong một đạo tràng dịch kinh có nhiều vị thông gia (người hiểu biết sâu rộng). Có vị dịch kinh văn, có vị chứng nghĩa. Những vị tham dự dịch trường đều chẳng phải toàn là những người không thông hiểu Phật pháp.

Ông hoàn toàn tưởng rằng [dịch kinh] giống như dịch lời nói của người ngoại quốc, [như vậy] thì giống hệt như kẻ đọc sách chỉ nhận biết mặt chữ, chứ trọn chẳng hiểu ý nghĩa những lời văn sâu xa, uyên áo của thánh nhân ra sao! Chớ nên thốt lời xằng bậy ấy nữa! Cứ nói thì sẽ khiến cho kẻ chẳng hiểu biết gì bèn lầm lẫn bội phục ông, chứ khó khỏi bị người có chánh kiến đau tiếc sâu xa! Quang một mực chẳng vì muốn làm sướng tai khoái mắt kẻ khác mà gây lầm lẫn cho người ta. Nếu chẳng coi lời Quang là sai thì hãy giữ phận tu trì. Nếu không, đường ai nấy đi, chẳng sao cả! Mai kia đi đường gặp nhau sẽ vòng tay chào rồi đi, chẳng cần phải hỏi ông là ai, tôi là ai nữa!

446. Thư trả lời cư sĩ Vương Tử Lập (thư thứ hai)

Một kinh Vô Lượng Thọ có năm bản dịch. Bản dịch đầu tiên là do ngài Chi Lâu Ca Sấm[184] người xứ Nhục Chi dịch vào đời Hậu Hán, gồm ba quyển, văn từ rườm rà, với tựa đề là Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh. Bản dịch kế tiếp do ngài Chi Khiêm[185] người xứ Nhục Chi dịch vào đời Ngô gồm hai quyển, với tựa

---

Đa, không biết Thiện Thệ là một trong mười hiệu của đức Phật nên dịch thành "khéo đi" v.v…

[184] Chi Lâu Ca Sấm (Lokasema) sanh năm 147, không rõ năm mất, đôi khi còn được gọi tắt là Chi Sấm, người xứ Đại Nhục Chi (Kusana), tới kinh đô Lạc Dương vào thời Hán Hoàn Đế. Ngài dịch được các bộ kinh Đạo Hành Bát Nhã, Ban Châu Tam Muội, A Xà Thế Vương Kinh, Tạp Thí Dụ Kinh, Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh và hơn hai mươi hội thuộc kinh Bảo Tích. Ngài là vị dịch kinh Bát Nhã sớm nhất tại Trung Hoa, gây nên hứng thú nghiên cứu kinh Bát Nhã suốt thời Ngụy - Tấn. Sơ Tổ Huệ Viễn của tông Tịnh Độ đã căn cứ vào kinh Ban Châu Tam Muội mà lập ra pháp Ban Châu Niệm Phật, lập Liên Xã, và khởi xướng truyền thống niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

[185] Chi Khiêm, cũng là người xứ Đại Nhục Chi, sống vào cuối thế kỷ thứ ba. Ngài vốn là một vị cư sĩ tên Cung Minh theo mọi người trong bộ tộc di cư sang Đông, sống tại Hà Nam. Ngài thông hiểu ngôn ngữ của sáu nước Thiên Trúc, theo học với một đệ tử ngài Chi Lâu Ca Sấm là Chi Lượng, do thông hiểu các kinh điển nên được người đời tặng mỹ hiệu Trí Nang (cái túi trí huệ). Về sau, do tỵ loạn, Ngài dời sang sống tại Đông Ngô, được Ngô Vương Tôn Quyền rất tôn trọng, phong chức quan Bác Sĩ để dạy Thái Tử Tôn Lượng học. Suốt thời gian 31 năm từ 222 đến 253 năm, Ngài dốc sức dịch các bộ Duy Ma Cật Kinh, Thái Tử Thụy Ứng Bản Khởi Kinh, Đại Minh Độ Kinh v.v… tổng cộng hơn 129 bộ kinh. Ngoài ra, Ngài còn soạn Tán Bồ Tát Liên Cú, Phạm Bái Tam Khế, chú giải Liễu Bản Sanh Tử Kinh. Khi

đề Phật Thuyết A Di Đà Kinh. Do trong kinh nhật tụng cũng có bản kinh tên Phật Thuyết A Di Đà Kinh, nên phía ngoài thêm vào một chữ Đại để phân biệt.

Lại vào đời Triệu Tống[186] có cư sĩ Vương Long Thư sao lục những chỗ trọng yếu trong bốn bộ, tức hai bản dịch đầu tiên (tức bản của ngài Chi Lâu Ca Sấm và Chi Khiêm dịch) và bản dịch thứ ba (tức bản dịch của ngài Khang Tăng Khải) cũng như bản dịch thứ năm vào đời Triệu Tống (tức bản dịch của ngài Pháp Hiền) [thành một bản hội tập] đặt tên là Đại A Di Đà Kinh. Thuở ấy, bản này được lưu truyền mạnh mẽ, sau vì Liên Trì đại sư chỉ ra khuyết điểm "[khi hội tập, ông Vương] chẳng y theo kinh văn [của các bản dịch]"[187] nên từ đấy không có ai thọ trì nữa. Trong Đại Tạng có bản kinh này. Các chỗ lưu thông đều chẳng lưu thông. Có người bảo [kinh Vô Lượng Thọ, ngoài năm bản dịch] còn có một loại nữa, tức là bản kinh [hội tập] này vậy.

Bản dịch thứ ba chính là Phật Thuyết Vô Lượng Thọ kinh, gồm hai quyển, hiện thời ai nấy đều thọ trì bản kinh này, tức là bản do ngài Khang *(tên nước)* Tăng Khải[188] dịch vào đời Tào Ngụy[189]. Bản thứ tư

Thái Tử lên ngôi, Ngài ẩn cư tại núi Khung Ải, thọ giới với ngài Trúc Pháp Lan, trở thành Tăng sĩ, lắng lòng tu niệm, viên tịch năm sáu mươi tuổi.

[186] Triệu Tống là nhà Tống (927-1279) được sáng lập bởi Triệu Khuông Dẫn, gọi như vậy để phân biệt với nhà Lưu Tống (420-479) do Lưu Dụ sáng lập.

[187] Xin xem thêm chi tiết về lời phê của tổ Liên Trì trong cuốn Chú Giải Kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ.

[188] Khang Tăng Khải (Samghavarman), còn được phiên là Tăng Già Bạt Ma, sống vào thời Tam Quốc, người xứ Khang Cư (Sogdian), đến Lạc Dương vào năm Gia Bình thứ tư (252) nhà Tào Ngụy (nhằm đời vua Tào Phương, tức Ngụy Phế Đế), trụ tại chùa Bạch Mã, dịch các bộ Úc Già Trưởng Giả Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh, Tứ Phần Tạp Yết Ma v.v… Ngoài ra, trong Vạn Tục Tạng còn có một bản kinh khác cũng đề tên Ngài dịch là Vô Lượng Thọ Phật Danh Hiệu Lợi Ích Đại Sự Nhân Duyên Kinh.

[189] Ngoại trừ nước Ngụy thời Xuân Thu Chiến Quốc ra, trong lịch sử Trung Hoa có rất nhiều vương triều lấy quốc hiệu là Ngụy như:

1) Tào Ngụy (222-260) là nước Ngụy đời Tam Quốc do Tào Phi, con trai Tào Tháo, sáng lập. Tuy Tào Phi xưng đế, nhưng chỉ là người thừa hưởng thành quả từ những thủ đoạn mưu bá đồ vương của Tào Tháo nên Tào Tháo mới là người sáng lập triều đại Tào Ngụy thật sự. Khi lên ngôi, Tào Phi đã truy phong thụy hiệu cho Tào Tháo là Ngụy Thái Tổ Vũ Hoàng Đế.

2) Nhiễm Ngụy (350-352) do Nhiễm Mẫn (con nuôi của Thạch Hổ nhà Hậu Triệu) thừa dịp các con của Thạch Hổ tranh giành ngôi báu đã soán đoạt chánh quyền nhà Hậu Triệu, xưng đế, đổi tên nước thành Ngụy, nhưng chỉ hai năm sau lại bị nhà Tiền Yên diệt quốc.

3) Địch Ngụy (330-392) do Địch Liêu thuộc tộc người Đinh Linh chiếm cứ phía nam tỉnh Hà Nam sáng lập. Do lãnh thổ bị vây hãm giữa các nước Đông Tấn, Hậu Yên, Tây Yên nên suốt đời Địch Liêu phải luôn giao tranh. Cuối cùng phải bỏ kinh đô Hoạt Đài vượt sông trốn về Bắc, nhưng rốt cuộc vẫn bị Mộ Dung Thùy nhà Hậu Yên diệt quốc vào năm 392.

chính là hội thứ mười bảy của kinh Đại Bảo Tích, tức Vô Lượng Thọ Như Lai Hội. Bản kinh này ông Vương Long Thư chưa từng thấy, do ngài Bồ Đề Lưu Chí[190] dịch. Trước đó, vào thời Nguyên Ngụy có ngài Bồ Đề Lưu Chi[191], không phải người đời Đường; người đời thường viết sai tên [ngài Lưu Chí] thành Lưu Chi.

---

4) Bắc Ngụy (386-534), còn gọi là Hậu Ngụy hoặc Thác Bạt Ngụy, hoặc Nguyên Ngụy, do Thác Bạt Khuê thuộc sắc tộc Tiên Ty sáng lập. Năm 493, Thác Bạt Hoằng dời đô từ Bình Thành sang Lạc Dương, đổi họ thành Nguyên, nên sử thường gọi triều đại này là Nguyên Ngụy.
5) Tây Ngụy (535-557): Sau khi Hiếu Vũ Đế nhà Bắc Ngụy bị Cao Hoan đánh bại phải chạy vào Quan Trung nương nhờ Vũ Văn Thái. Vũ Văn Thái bèn lập mưu giết chết Hiếu Vũ Đế, đưa cháu nội của Ngụy Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoằng) là Nguyên Bảo Cự lên ngôi, đóng đô tại Trường An. Nhưng đến năm 557, Vũ Văn Giác (con trai Vũ Văn Thái) bức vua Cung Đế nhà Tây Ngụy thoái vị, tự mình xưng đế, lập ra nhà Bắc Châu.
6) Đông Ngụy (534-550): Khi Cao Hoan đánh bại Bắc Ngụy Hiếu Vũ Đế, vua phải chạy vào Quan Trung nhờ cậy thế lực của Vũ Văn Thái, Cao Hoan bèn lập đứa chắt mới mười một tuổi của Ngụy Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoằng) là Nguyên Thiện Kiến lên ngôi, lấy hiệu là Ngụy Hiếu Tịnh Đế, rồi tự mình làm Phụ Chánh Đại Thần, đóng đô tại Nghiệp Thành, nhằm đối kháng với nhà Tây Ngụy. Do Cao Hoan chỉ rắp tâm soán đoạt nên nước Đông Ngụy yếu thế hơn Tây Ngụy, nhiều lần bị Tây Ngụy đánh bại. Rốt cuộc, Cao Tường (con trai thứ của Cao Hoan) soán ngôi, lập ra nhà Bắc Tề (Sử thường gọi là nhà Cao Tề).
[190] Bồ Đề Lưu Chí (Bodhiruci 562-727), dịch nghĩa là Giác Ái, vốn có tên là Đàm Ma Lưu Chi (Dharmaruci) người Nam Thiên Trúc, xuất thân từ dòng Bà La Môn, thiên tư thông duệ, xuất gia năm 12 tuổi, theo học với ngoại đạo Bà La Xà La, thông hiểu Thanh Minh, Số Luận, lịch số, địa lý, thiên văn, chú thuật, y phương v.v… Mãi tới năm sáu mươi tuổi mới ngộ được chỗ cao sâu của Phật pháp bèn ẩn cư trong rừng núi tu hạnh Đầu Đà. Sau đó, theo học Tam Tạng với ngài Da Xá Cù Sa, chưa đầy năm năm đã thông đạt tất cả, danh tiếng còn trỗi hơn thầy. Vua Đường Cao Tông nghe tiếng, sai sứ sang thỉnh. Năm Trường Thọ thứ hai (693), Sư chống tích trượng đến Trường An, được Vũ Tắc Thiên cực kỳ tôn trọng, thỉnh Sư trụ tích tại chùa Phật Thọ Ký, đồng thời dâng mỹ hiệu Bồ Đề Lưu Chí. Chỉ trong năm ấy, Sư đã dịch được mười một bộ kinh như Phật Cảnh Giới, Vũ Bảo v.v… Tới năm Thần Long thứ hai (706) Sư dịch thêm được các bộ Bất Không Quyến Sách Thần Biến Chân Ngôn Kinh, Nhất Tự Phật Đảnh Luân Vương Kinh. Công trình lớn nhất của Sư là dịch bộ Bảo Tích kinh ròng rã tám năm, dịch hai mươi sáu hội mới, tu chỉnh hai mươi ba hội của các vị dịch kinh đời trước, tạo thành bộ kinh Đại Tích gồm 49 hội, tổng cộng 120 quyển. Dịch xong, Sư chuyên tu Thiền Quán. Tới năm Khai Nguyên thứ 15 (727), Sư tuyệt thực nhưng thần sắc vẫn tươi đẹp như cũ. Tới ngày mồng Năm tháng Mười Một năm ấy bèn thị tịch, thọ 166 tuổi. Vua thương tiếc, truy tặng quan chức Hồng Lô Đại Khanh, thụy hiệu Khai Nguyên Nhất Thiết Biến Tri Tam Tạng. Điểm lại, Sư đã dịch tổng cộng 53 bộ kinh, là vị dịch giả nổi tiếng ngang ngửa với ngài Huyền Trang.
[191] Bồ Đề Lưu Chi, dịch nghĩa là Đạo Hy, người xứ Bắc Ấn Độ, cao tăng học giả thuộc học phái Du Già (Duy Thức), là đệ tử thuộc đời thứ tư của ngài Thiên Thân Bồ Tát. Ngài cũng rất tinh thông Mật Giáo, đến Lạc Dương vào năm Vĩnh Bình nguyên niên (508) nhà Nguyên Ngụy, được Ngụy Tuyên Vũ Đế rất trọng vọng. Cùng với các vị cao tăng học giả thời ấy như Lặc Na Ma Đề (Bảo Ý), Phật Đà Phiến Đa (Giác Định) v.v… cùng dịch kinh điển. Các bộ luận nổi tiếng được các Ngài dịch gồm Cứu Cánh Nhất Thừa Bảo Tánh Luận, Bảo Tích

Bản dịch thứ năm tên là Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh, do ngài Pháp Hiền[192] dịch vào đời Triệu Tống. Nguyên bản gồm hai quyển, do người đời Tống lấy số lượng kinh dịch được nhiều làm điều vinh dự nên chia thành hai quyển. Ở chỗ trọn chẳng nên chia ra lại chia, [do vậy] bản khắc hiện thời chỉ gồm một quyển. Trong những bản dịch ấy, Vô Lượng Thọ Như Lai Hội văn lẫn lý đều hay, nhưng phần kinh văn khuyên đời ở cuối kinh lại chẳng sao lục. Vì thế, người đời đều lấy bản Vô Lượng Thọ Kinh của ngài Khang Tăng Khải làm chuẩn vậy.

447. Thư trả lời cư sĩ Vương Tử Lập (thư thứ ba)

Trong kinh Vô Lượng Thọ, có ba bậc (tam bối), Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh có chín phẩm. Ba phẩm Hạ đều là kẻ tạo ác nghiệp, lâm chung gặp thiện tri thức khai thị niệm Phật liền được vãng sanh. Vương Long Thư chấp chết cứng "ba bậc chính là chín phẩm". Đấy chính là lầm lẫn căn bản cho nên coi bậc Hạ [trong kinh Vô Lượng Thọ] chính là ba phẩm Hạ [trong Quán Kinh], sai lầm quá đỗi!

Do vậy [trong bản hội tập Đại A Di Đà Kinh của ông Vương Long Thư] bậc Thượng chẳng nói có phát Bồ Đề tâm, bậc Trung có phát Bồ Đề tâm, bậc Hạ thì nói "chẳng phát Bồ Đề tâm". [Thật ra, theo bản Ngụy dịch], ba bậc trong kinh Vô Lượng Thọ đều có phát Bồ Đề tâm. Ý Vương cư sĩ cho rằng bậc Hạ tội nghiệp sâu nặng, làm sao có thể phát Bồ Đề tâm cho được? Ông ta chẳng nghĩ [trong phần kinh văn giảng về] bậc Hạ [của kinh Vô Lượng Thọ] trọn chẳng có một chữ nào nói họ tạo nghiệp, họ vẫn là thiện nhân, nên [bậc Hạ trong kinh Vô Lượng Thọ] chỉ

Kinh Luận, Pháp Hoa Kinh Luận, Thập Địa Kinh Luận. Khi nhà Nguyên Ngụy bị tách thành Đông Ngụy và Tây Ngụy, dời đô về Nghiệp Thành, Ngài ở lại Lạc Dương, đơn độc dịch kinh đến năm Thiên Bình thứ hai (535) mới thôi, không rõ mất năm nào. Căn cứ theo Khai Nguyên Thích Giáo Lục, Ngài dịch được ba mươi bộ kinh, quan trọng nhất là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh, Di Lặc Bồ Tát Sở Vấn Kinh, Thắng Tư Duy Phạm Thiên Sở Vấn Kinh, Thâm Mật Giải Thoát Kinh, Nhập Lăng Già Kinh, Đại Tát Độ Ni Càn Tử Sở Thuyết Kinh, Di Lặc Bồ Tát Sở Vấn Kinh Luận, Văn Thù Vấn Bồ Đề Kinh Luận, Vô Lượng Thọ Kinh Luận, Bách Tự Luận, Duy Thức Luận...

[192] Pháp Hiền (không rõ năm sanh, mất năm 1001), là danh tăng xuất thân từ học viện Na Lan Đà ở Thiên Trúc. Thoạt đầu Sư có tên là Pháp Thiên, đến Trung Quốc vào năm Khai Bảo thứ sáu (973). Năm Thái Bình Hưng Quốc thứ năm (980), nhận lời thỉnh của sư Pháp Tấn chùa Khai Nguyên cùng dịch kinh. Năm sau được ban tặng mỹ hiệu Truyền Giáo Đại Sư. Khi mất Sư được ban thụy hiệu là Huyền Giác đại sư. Sư dịch được 120 bộ kinh, những bộ nổi tiếng nhất là Thánh Vô Lượng Thọ Kinh Thất Phật Tán, Vô Lượng Quyết Định Quang Minh Vương Kinh, Cát Tường Trì Thế Kinh v.v…

có thể thuộc vào ba phẩm Trung trong chín phẩm [của Quán kinh]. [Ông Vương] ương ngạnh gán ghép bậc Hạ [của kinh Vô Lượng Thọ] vào ba phẩm Hạ [của Quán Kinh], nghịch kinh, trái lý, rốt cuộc trở thành tùy tiện sửa kinh, mắc lỗi lớn lắm!

Ý ông ta cho rằng "Phật nhất định thâu nhiếp trọn hết thảy chúng sanh", nhưng không biết Phật chỉ [có thể] thâu nhiếp người lành, chứ không thể thâu nhiếp kẻ ác[193]. Ông ta đã coi người lành là kẻ ác, cho nên mới nói "chẳng phát Bồ Đề tâm"; chấp chết cứng bậc Hạ là ba phẩm Hạ, nên tưởng người lành là kẻ ác! Chẳng biết ba phẩm Hạ trong chín phẩm lúc lâm chung khổ sở cùng cực, vừa nghe được danh hiệu Phật liền quy mạng gieo lòng Thành, tâm cầu Phật rủ lòng Từ cứu vớt, dũng mãnh cảm kích, so với cái tâm lúc sắp bị hành hình mong được tha còn sâu đậm hơn gấp ngàn vạn lần! Tuy [Quán Kinh] chưa nói là họ phát Bồ Đề tâm, nhưng tâm niệm ấy thiết tha, thành kính, quả thật đã đầy đủ Bồ Đề tâm!

Tiếc cho họ Vương chẳng dựa theo văn nghĩa của bản kinh gốc mà cứ dựa theo [cách hiểu] Quán Kinh [qua lăng kính thiên kiến, ức đoán của ông ta] để rồi ương ngạnh vu báng, miệt thị người hiền là kẻ ác, rốt cuộc phán đoán họ như kẻ ác! Họ Vương còn mắc phải khuyết điểm ấy, huống là người đời sau dối xưng là bậc thông gia ư? Đã có Vô Lượng Thọ Kinh rồi thì cần gì phải vô sự lại sanh sự. Họ Vương phạm lầm lẫn, Liên Trì đại sư đã chỉ ra, nhưng Ngài vẫn chưa nói vì sao lại như vậy. Nay tôi nói rõ nguyên do, ấy là vì [ông Vương] chấp chết cứng ba bậc chính là chín phẩm. Viết ra điều này để thấy hội tập khó khăn, nhằm ngăn ngừa người đời sau làm càn. Ngụy Mặc Thâm[194] lại càng chẳng

---

[193] Không phải là đức Phật thiếu lòng Từ mà là Ngài không thể độ kẻ vô duyên. Kẻ ác nếu có thể cải hối, thống thiết phát nguyện cầu sanh vẫn được vãng sanh vì do tâm niệm ấy đã có duyên với Phật nên Phật độ được.

[194] Ngụy Nguyên (1794-1857), còn có tên là Nguyên Đạt, tự là Mặc Thâm, hiệu Lương Đồ, đến già đổi tên là Thừa Quán, người làng Kim Đàm, huyện Thiệu Dương, đỗ thứ hai trong kỳ thi Hương vào năm Đạo Quang thứ hai (1822). Năm Đạo Quang thứ năm (1825), vâng lệnh Bố Chánh Sứ tỉnh Giang Tô biên tập bộ sách Hoàng Triều Kinh Thế Văn Biên gồm 120 quyển, rất được tán thưởng. Năm Đạo Quang thứ sáu (1826) lên kinh thi Hội, nhưng không đậu. Khi Lưu Phùng Lộc đọc quyển thi bị loại ra, đã than thở quốc gia bỏ mất tài năng. Năm sau lại đi thi Hội nữa, vẫn không đậu, Ngụy Nguyên bèn bỏ tiền mua chức quan Trung Thư Xá Nhân. Ông từng theo Lâm Tắc Từ làm công tác phiên dịch khi cuộc chiến Nha Phiến nổ ra. Về sau, do thấy các đại thần trong triều khiếp nhược, chủ bại, hôn ám, ông bèn từ quan về nhà, chuyên soạn sách, dạy học, chủ trương "dùng người ngoại quốc để chế ngự ngoại quốc, lợi dụng kỹ thuật Tây Dương, đem quyền lợi nhử các nước Tây Phương đánh lẫn nhau". Ông để lại rất nhiều trước tác; tuy vậy, những trước tác về Phật giáo của ông không được đánh giá cao vì ông nghiên cứu kinh điển theo kiểu một học giả nghiên cứu văn bản thay vì là một

đáng nói tới! Gan to, tâm thô, chẳng đáng để noi theo *(Ngày Hai Mươi tháng Tám năm Dân Quốc 29 - 1940)*

448. Thư trả lời cư sĩ Diệp Phước Bị (thư thứ nhất)

Cha ông đã cho phép ông xuất gia, hãy nên phát tâm chí thành khẩn thiết, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Hết thảy chúng sanh từ vô thủy đến nay ở trong lục đạo không nghiệp nào chẳng tạo. Nếu không có tâm tu hành, sẽ đâm ra chẳng cảm thấy có những ác niệm cổ quái, hiếm lạ ấy. Nếu phát tâm tu hành [sẽ cảm thấy] những thứ ý niệm ấy càng nhiều hơn thêm *(Đây chính là do chân - vọng soi lẫn nhau mà hiển hiện, chứ không phải là trước kia không có, chỉ là do chúng chẳng hiện rõ mà thôi).* Lúc ấy, hãy nên tưởng A Di Đà Phật ở trước mặt ta, chẳng dám có một tạp niệm vọng tưởng, chí thành, khẩn thiết niệm thánh hiệu Phật *(hoặc niệm nhỏ tiếng, hoặc niệm thầm)*, ắt phải sao cho từng câu từng chữ trong tâm niệm rõ ràng phân minh, miệng niệm rõ ràng phân minh, tai nghe rõ ràng phân minh. Thường niệm được như thế thì hết thảy tạp niệm tự nhiên tiêu diệt.

Khi tạp niệm khởi lên, hãy đặc biệt đề khởi toàn bộ tinh thần niệm Phật, chẳng để cho nó tác quái trong tâm ta. Nếu có thể thường niệm được như thế thì ý địa tự nhiên thanh tịnh; lúc tạp niệm vừa mới dấy sẽ giống như một người chống lại vạn người, tâm chẳng thể có chút [ý niệm] thong thả, dễ dãi nào. Nếu không, nó sẽ thành chủ của ta, ta sẽ bị nó hại. Nếu liều hết tánh mạng chống lại nó, nó sẽ bị ta xoay chuyển, đấy gọi là *"chuyển phiền não thành Bồ Đề"*. Hiện thời ông có thể thường đem vạn đức hồng danh của Như Lai để cực lực kháng cự thì lâu ngày chầy tháng tâm sẽ tự thanh tịnh. Tâm đã thanh tịnh rồi, vẫn cứ niệm y như cũ chẳng buông lung, thì nghiệp chướng tiêu, trí huệ mở mang.

Chớ nên sanh lòng gấp rút, vọng động, bất luận ở tại nhà hay ở nơi am đều phải kính trên, hòa dưới, nhẫn được những điều người khác chẳng thể nhẫn, làm được những chuyện người khác chẳng thể làm, chịu nhọc nhằn thay cho người khác, thành tựu sự tốt đẹp cho người ta. Khi tịnh tọa thường nghĩ đến lỗi mình, lúc chuyện gẫu chẳng bàn lỗi của kẻ khác, đi, đứng, nằm, ngồi, mặc áo, ăn cơm, từ sáng tới tối, từ tối tới sáng,

---

hành giả Phật giáo nên có rất nhiều ý kiến vũ đoán, cực đoan, chấp trước văn tự, tùy ý diễn dịch, phê phán theo thiên kiến và sự ức đoán của chính mình.

một câu Phật hiệu chẳng để gián đoạn, hoặc niệm nhỏ tiếng, hoặc niệm thầm, trừ niệm Phật ra, chẳng khởi lên niệm nào khác.

Nếu lỡ vọng niệm dấy lên, hãy lập tức làm cho nó tiêu diệt. Thường sanh lòng hổ thẹn và sanh lòng sám hối. Dẫu có tu trì, luôn cảm thấy mình công phu rất cạn, chẳng tự khoe khoang, kiêu căng, chỉ bận tâm đến chuyện trong nhà của chính mình, chẳng dính tới chuyện nhà người khác, chỉ thấy những gương tốt, chẳng thấy những gương xấu. Thấy hết thảy mọi người đều là Bồ Tát, chỉ có mình ta quả thật là phàm phu. Nếu ông có thể làm theo những điều tôi đã nói, chắc chắn sẽ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Thế giới Cực Lạc không có nữ nhân. Nữ nhân, súc sanh hễ sanh về thế giới ấy đều mang tướng đồng nam (trẻ trai), liên hoa hóa sanh. Vừa từ trong hoa sen ra đều giống hệt như người trong thế giới Cực Lạc, chứ không phải là trước hết bé nhỏ rồi sau đấy mới dần dần khôn lớn. Người trong thế giới ấy không có phiền não, không có vọng tưởng, không có chuyện tạo nghiệp. Do cậy vào Phật từ lực nên hết sức dễ sanh, nhưng phải lấy niệm Phật làm nhân; đã vãng sanh rồi thấy Phật nghe pháp, nhất định viên thành Phật đạo. Mười phương thế giới chỉ có cõi này là thù thắng vượt trội nhất. Trong hết thảy pháp môn tu trì, chỉ có pháp này dễ tu nhất mà công đức lại lớn nhất. Ông đừng nghe lời người khác thì sẽ tự đạt được lợi ích tối thắng này!

449. Thư trả lời cư sĩ Diệp Phước Bị (thư thứ hai)

Ngày hôm qua, thầy Đương Gia đưa thư của ông cho Quang. Quang đọc xong, biết tuy cường đạo đến cướp đồ vật mà ông chẳng bị mất vật nào, còn bà cụ ở phòng đối diện bị cướp mất một cái rương và các thứ quần áo. Đấy chính là chứng cớ rõ ràng Tam Bảo gia hộ [cho ông]. Chỉ nên gắng sức niệm Phật và niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, há nên lầm lạc sanh lòng sợ hãi, muốn dời đi chỗ khác! Ông xem có chỗ nào là nơi yên vui đâu? May mắn là chỗ ấy nghèo nàn nên vẫn còn chưa gặp họa lớn. Nếu ở nơi am giàu có, sợ sẽ càng nguy hiểm hơn!

Năm Dân Quốc 19 (1930), ông Quách Chấn Thanh, chủ tiệm giấy Hợp Phát ở đường Cảnh Đức, Tô Châu, theo một người già trong nhà ông ta đến quy y, Quang bảo ông ta: “Hiện thời là tình thế hoạn nạn, hãy nên chí thành niệm Phật và niệm thánh hiệu Quán Âm, liền có thể gặp dữ hóa lành, gặp nạn mà được hên”. Tháng Chạp năm sau, ông ta qua Thượng Hải. Chiến sự Thượng Hải nổ ra, chẳng thể trở về đất Tô được.

Đến mùa Xuân năm Dân Quốc 21 (1932), chẳng thể không trở về, do đường xe lửa bị cắt đứt, liền ngồi tàu thủy nhỏ đi vòng theo ngã Gia Hưng trở về Tô Châu. Nhưng thuyền bè qua lại thường bị cường đạo cướp bóc; Chấn Thanh sợ bị cướp, trong tâm thầm niệm thánh hiệu Quán Âm. Không lâu sau cường đạo kéo đến, cả thuyền đều bị cướp sạch sành sanh. Chấn Thanh là một người mập mạp, mặc một cái áo da, nhưng giữa bao người, bọn cường đạo trọn chẳng thèm hỏi tới ông ta! Đủ biết niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát quyết định được Bồ Tát gia bị, chẳng đến nỗi gặp tai họa ngoài ý muốn.

Quang đọc qua thư ông, nay muốn phúc đáp, nhưng tìm khắp nơi không thấy [lá thư ấy]; do vậy nghĩ đấy là do Bồ Tát thị hiện cho ông một dấu hiệu để nhất tâm niệm Phật, niệm Bồ Tát hòng ngừa họa giữ thân. Nếu ông chí thành, cường đạo thấy ông mà như không thấy, hoặc thấy những đồ đạc của ông là thứ chúng chẳng cần, chẳng đến nỗi gây tổn thương cho ông. Hiện thời bất luận là ai, đều phải niệm A Di Đà Phật và niệm Quán Thế Âm Bồ Tát để làm quả núi nương tựa. Chỉ nhất tâm thường niệm, chẳng cần phải sợ hãi!

450. Thư trả lời cư sĩ Diệp Sính Thần

Phật nghĩ đến chúng sanh tha thiết hơn chúng sanh nghĩ tới Phật trăm ngàn vạn lần. Nếu ai chịu y theo lời Phật dạy, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chắc chắn chẳng đến nỗi vẫn ở trong cõi Sa Bà, chứ nào phải chỉ có riêng mình Quang ư? Nói đến nghĩa "Tịch - Chiếu bất nhị, Chân - Tục viên dung" thì phần kinh văn tiếp theo đó đã hết sức giảng rành chỉ rõ, sao chẳng suy xét nhận hiểu để cầu liễu giải vậy? Nay trước hết tôi giảng rõ ý nghĩa của bốn chữ ấy, [ông hiểu rõ rồi] thì sẽ tự như thế chẻ tre, một điều đã hiểu rõ thì mọi điều đều rõ.

Trên đây là nói về cái đạo tâm ta sẵn có và pháp sẵn có trong tâm ta, vốn là Tịch - Chiếu không hai, Chân - Tục viên dung. Thế nào là Tịch? Chính là tâm thể bất sanh bất diệt của ta; hễ có sanh diệt thì chẳng gọi là Tịch. Thế nào là Chiếu? Chính là tâm tướng thường nhận biết rõ ràng của ta; chẳng thường nhận biết rõ ràng thì chẳng gọi là Chiếu. Thế nào Chân? Chính là tâm thể thường tịch, thường chiếu; vốn là chân không, vô tướng, một pháp chẳng lập. Thế nào là Tục? Tục có nghĩa là giả, tuy nói "một pháp chẳng lập", nhưng "vạn pháp lại đều có đủ", vạn đức phô bày trọn vẹn *(Vạn pháp vạn đức chính là sự tướng. Do là Sự nên gọi là Tục).*

Tịch chính là Thể, Chiếu là tướng trạng và lực dụng của Thể. Ba thứ Thể - Tướng - Dụng này vốn là một pháp; có đủ ba nghĩa này nên gọi là "Tịch - Chiếu bất nhị". Chân chính là Lý Tánh, Tục chính là Sự Tu. Lý Tánh ấy sẵn đủ đạo Sự Tu. Do Sự Tu ấy mới hiển lộ được đức của Lý Tánh *(đấy gọi là "toàn tánh khởi tu, toàn tu nơi tánh")*. Vì thế nói là "Chân - Tục viên dung" vậy.

Tiếp đó, [kinh văn nói] *"ly niệm, ly tình; bất sanh, bất diệt"* nghĩa là *"thể tướng, sự lý Tịch - Chiếu, Chân - Tục ấy đều rời khỏi niệm, lìa khỏi tình, chẳng sanh, chẳng diệt"*. Xin hãy đọc kỹ thí dụ tiếp theo đó và mấy câu quyết đoán sẽ có thể hiểu rõ được tâm. Nếu vẫn không hiểu thì chính là đời trước thiếu tu tập, chỉ nên chí thành, khẩn thiết trì danh hiệu Phật, đợi khi nghiệp chướng tiêu rồi, sẽ thấy rõ ràng như nhìn vào ngọn lửa sáng, ắt sẽ có buổi nhìn vào mà bật cười.

Con chim Anh Vũ (két, vẹt) do gặp ngài A Nan giảng cho pháp Tứ Đế bèn sanh lòng hoan hỷ, cũng như công đức do lúc bình thường trông thấy Tăng bèn hoan hỷ, báo trước cho người nhà biết, nên được bảy lần sanh lên Lục Dục Thiên[195], rồi mới sanh trong loài người, chứng A La Hán. Do vậy, biết liễu sanh tử khó khăn, chẳng thể tính toán được năm tháng của bảy lần sanh trong Lục Dục Thiên! *(Nhân gian năm mươi năm bằng một ngày đêm nơi trời Tứ Vương, cứ lên một tầng trời là tính gấp đôi lên, [chẳng hạn như] cõi trời Đao Lợi [một ngày đêm] bằng một trăm năm trong nhân gian, trời Dạ Ma bằng hai trăm năm, Đâu Suất bằng bốn trăm năm, Hóa Lạc tám trăm năm, Tha Hóa một ngàn sáu trăm năm, tuổi thọ cũng tăng gấp bội. Tứ Vương thọ năm trăm tuổi, Đao Lợi một ngàn tuổi, càng lên trên càng tăng gấp bội)*. Đấy là pháp Tiểu Thừa, mặc sức nhờ vào tự lực để liễu sanh tử.

Nếu sanh lòng tin phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì không có ai chẳng trong đời này liền được sanh về Tây Phương. Sanh về Tây Phương thì sanh tử đã xong. Hãy nên phát tâm khẩn thiết! Pháp môn Niệm Phật này quả thật là đạo trọng yếu vô thượng đại từ bi của đức Phật nhằm phổ độ hết thảy chúng sanh khiến cho họ là những kẻ không có sức liễu sanh tử sẽ có thể mau liễu sanh tử ngay trong đời này.

---

[195] Lục Dục Thiên, hiểu theo nghĩa rộng là sáu tầng trời trong cõi Dục từ Tứ Vương Thiên cho đến Tha Hóa Tự Tại Thiên (tức Tứ Thiên Vương Thiên, Đao Lợi, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc và Tha Hóa Tự Tại). Hiểu theo nghĩa hẹp, Lục Dục Thiên chỉ là tầng trời Tha Hóa Tự Tại (Paranirmita-vaśa-vartin). Cõi trời này còn được dịch là Tha Hóa Tự Chuyển Thiên, Tha Hóa Lạc Thiên, Tha Ứng Thanh Thiên, Ba La Ni Mật Thiên, do Tự Tại Thiên Vương (Vaśavartti-devarāja) làm chúa tể. Trong Dục giới, cõi trời này tự tại khoái lạc nhất, do có thể thụ hưởng những sự khoái lạc do người khác biến hóa ra.

Tứ Đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Bốn pháp này đều chân thật chẳng dối, vì thế gọi là Đế. Đế (諦) có nghĩa là chân thật. Lại có khi coi Lý là Đế, nên gọi là "lý chân thật chẳng dối". Khổ chỉ cho cái sắc thân mà chúng ta có và quốc độ để nương trụ, không gì chẳng phải là khổ! Tập là mọi thứ nhóm họp, nghĩa là do chẳng hiểu Chân Không, đối với các cảnh giới sanh khởi tham - sân - si. Diệt là diệt trừ phiền não, chứng đắc Lý Tánh bất sanh bất diệt. Đạo có nghĩa là thông suốt, ý nói tu đạo Giới - Định - Huệ liền có thể đoạn được tham - sân - si Tập (tham - sân - si nhóm họp), chứng được Lý Tánh bất sanh bất diệt để thoát khỏi thế giới khổ não này và thoát lìa cái thân khổ báo này. Bốn điều này đều là nêu "quả trước, nhân sau": Tập là nhân của Khổ, Khổ là quả của Tập; Đạo là nhân của Diệt, Diệt là quả của Đạo. Nói như vậy để biết Khổ mà đoạn Tập, hâm mộ Diệt mà tu Đạo.

Hòa thượng Chân Đạt muốn in sách Tây Phương Công Cứ, chính thầy ấy tự biên tập, không theo đúng nguyên văn cho lắm. Phàm những đoạn trong Văn Sao nói về Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện v.v… đều sao lục. Lại sai Quang giải thích đại lược ý nghĩa Tam Chuyển Tứ Đế Pháp Luân, gần hai ngàn chữ. Lại có phần Lâm Chung Tam Đại Yếu (ba điều trọng yếu lúc lâm chung), cũng hơn hai ngàn chữ. Không lâu nữa sẽ cho sắp chữ, ấn hành, biếu tặng. Đợi lúc sách được in ra, đọc rồi sẽ hiểu rõ ràng. Hiện thời đang sắp chữ bộ Tăng Tu Lịch Sử Cảm Ứng Thống Kỷ, Nam Kinh lại cho khắc ván, hễ sắp chữ thì có thể ra sách trong năm nay, chứ khắc ván thì phải đợi đến cuối năm sau; lại còn cho sắp chữ nguyên bản bộ Tịnh Độ Thập Yếu. Những chuyện này tuy có người lo liệu, nhưng cũng chẳng thể không ghé mắt vào và bàn bạc với họ. Vì thế hết sức bận rộn *(Ngày mồng Hai tháng Mười).*

451. Thư trả lời cư sĩ Hác Trí Hy

Nhận được thư, biết ông tập khí đời trước sâu dầy chẳng dễ tiêu diệt. Nhưng người học đạo phải lấy đối trị tập khí làm bước thứ nhất trong công phu tu hành. Nếu có thể trừ khử được một phần tập khí thì công phu mới thật sự đạt được một phần. Nếu không, chỉ có nhân, không có quả, khó được tương ứng với Phật! Ông đã biết [chính mình] tánh tình hung bạo, hãy nên luôn luôn nghĩ "ta chuyện gì cũng chẳng bằng người khác"; dẫu cho người ta phụ bạc ân đức của chính mình, vẫn thường nghĩ mình đã phụ bạc ân đức của người khác! Cảm thấy đối với hết thảy mọi người, ta đều đáng hổ thẹn, thiếu sót khôn cùng, thì tánh khí hung

bạo sẽ không còn do đâu phát sanh được nữa! Phàm tánh khí hung bạo đều là do ngạo mạn mà dấy lên. Đã biết chính mình chỗ nào cũng có lỗi, tự nhiên tánh khí sẽ hòa hoãn, tâm bình lặng, chẳng tự ngã mạn, cao ngạo, lấn hiếp người khác!

Người học Phật hãy nên có con mắt chọn lựa pháp. Trong Phật pháp, pháp nào cũng hay, nhưng cần phải biết có tự lực và Phật lực khác nhau. Các tông Thiền, Giáo, Mật v.v… đều cần phải đoạn Hoặc chứng Chân thì mới liễu sanh tử được. Đoạn Hoặc chứng Chân há nói dễ dàng ư? Mật Tông tuy có nghĩa "hiện thân thành Phật" (thành Phật ngay trong thân hiện tại), nhưng không phải ai cũng có thể làm như thế được! Huống chi Mật Tông thường dùng thần thông để thu hút, lay động người khác. Thầy đã dùng chuyện ấy để hấp dẫn người khác, đệ tử sẽ chẳng thể không dốc chí hâm mộ thần thông. Nếu cái tâm hâm mộ, hy vọng thần thông thật thiết tha, thật tột bực, sẽ rất nguy hiểm chẳng thể nào kể xiết! Xin đừng chú trọng thần thông thì may mắn lắm thay!

Lời lẽ trong Tông môn ý nằm ngoài lời. Vì thế, phải vứt sạch hết thảy để chuyên ròng tham cứu. Nếu chỉ đọc được mấy cuốn sách Thiền, liền học đòi tung hứng những lời cơ phong, tội sẽ cực nặng. Ví như khẩu lệnh trong quân đội người ngoài doanh trại chẳng thể biết được. Nếu chỉ thuận theo mặt chữ mà giảng giải cơ phong, sẽ như kẻ ở ngoài doanh trại lầm lạc mưu toan đoán mò ý nghĩa của khẩu lệnh trong quân doanh rồi tự trà trộn vào, há chẳng nộp mạng ngay nơi ấy hay sao?

Ông hãy dựa theo Gia Ngôn Lục, Văn Sao mà tu, cũng như khuyên thê thiếp, con cái hãy đều dựa theo đó để thực hiện sự giáo dục trong gia đình thì ông cùng với thê thiếp, con cái đều có thể dự vào bậc thánh hiền trong khi còn sống, lên cõi Cực Lạc sau khi khuất bóng. Nếu chẳng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành thì nền tảng đã chẳng lập, dẫu có thể tu tập theo pháp môn Tịnh Độ như đã nói, rốt cuộc khó đạt được lợi ích thật sự, bởi lẽ tâm chẳng tương ứng với Phật nên chẳng thể đạt được lợi ích chân thật.

Nay đặt pháp danh cho ông là Đức Hậu, chỉ có đức dày thì mới chẳng thấy "người sai, ta đúng; người hèn kém, ta cao trội; ta có thể lấn hiếp người, người chẳng lấn hiếp được ta". Như thế thì tánh hung bạo sẽ tự nhiên tiêu diệt không còn chi nữa! Lệnh thê pháp danh là Đức Ôn, Ôn (温) là khoan dung, nhân hậu, nhu hòa. Có thể khoan dung, nhân hậu, nhu hòa thì sẽ giúp chồng, dạy con, cai quản kẻ dưới chẳng đến nỗi hà

khắc, dữ dằn, bạo ngược, cũng như nuông chiều con mù quáng v.v… đủ mọi khuyết điểm! Lệnh thiếp pháp danh là Đức Cung, cẩn thận giúp đỡ, vâng thuận ý chồng và vợ cả thì gia đình êm ấm, hòa thuận, con cái bắt chước theo. Lại dùng lòng chí thành, khẩn thiết niệm Phật cầu sanh Tây Phương, trọn chẳng có một tâm niệm lười nhác, đấy gọi là Đức Cung. Ý nghĩa của Đức Cung là như thế đấy.

Nay gởi cho ông bốn gói sách để làm hướng dẫn tốt lành cho tiền đồ. Còn chuyện có ảnh chụp của Quang hay không đều chẳng quan hệ gì. Quang già rồi, đã sống uổng sáu mươi chín năm, trong năm nay sẽ diệt tung tích, ẩn dật lâu dài. Từ rày chẳng cần phải gởi thư tới nữa, sợ sau khi Quang ẩn dật rồi, ông sẽ mất công vô ích. Hiện nay muốn vãn hồi thế đạo nhân tâm mà chẳng đề xướng giáo dục trong gia đình và nhân quả báo ứng, sẽ trọn chẳng thể được! Xin hãy thường nói với mọi người về hai chuyện này. Giáo dục trong gia đình phải bắt đầu từ lúc con mới vừa hiểu biết; lại phải chú trọng dạy dỗ con gái, nếu con gái hiền thì sau này chồng và con cái cũng như con cháu của con cái sẽ đều là hiền thiện cả!

452. Thư trả lời cư sĩ Lưu Nguyên Nhân

Muốn cầu siêu cho cha mẹ được vãng sanh Tây Phương, hãy nên suất lãnh người nhà, thân thuộc cùng niệm Phật hiệu thì mới là chân thật tu trì. Quán Thế Âm Kinh, Tâm Kinh công đức chẳng thể nghĩ bàn, nhưng cần phải hồi hướng công đức ấy cho cha mẹ. Pháp môn Niệm Phật là pháp môn thường tu suốt đời, nhưng sao sau khi mẹ qua đời lại ngược ngạo chẳng chú trọng đến pháp tu này? Ông đã làm khách trọ tại thành Hàng Châu đã lâu, sao trọn chẳng biết có thể niệm Phật để cầu siêu cho cha mẹ vãng sanh Tây Phương vậy? Người biết Phật pháp chẳng nói đến kinh của Đạo giáo. Vì sao vậy? Do kinh của Đạo giáo là pháp để cầu phước báo nhân thiên, trọn chẳng phải là pháp liễu sanh thoát tử.

Còn như ông nói niệm kinh còn thiếu phương pháp thay đổi hơi thở [để giữ được nhịp] là vì ông vốn chẳng biết quy củ niệm kinh. Niệm kinh chính là cứ một mực mà niệm, trọn chẳng cần tới cách thay đổi hơi thở đặc biệt [để niệm], cứ thuận theo hơi thở ra vào, sao lại đến nỗi hụt hơi? Nhưng cậy người bình thường thiếu đạo tâm niệm kinh, dẫu cho kẻ ấy niệm từ đầu đến cuối hoàn toàn chẳng sót một chữ nào thì công đức vẫn rất hữu hạn, vẫn chẳng tốt bằng chính mình chí thành niệm Phật.

Ngay như thỉnh Tăng [đến tụng niệm] vẫn là bày vẽ phô trương, niệm Phật vẫn tốt hơn.

Chương trình niệm Phật thì trước hết tụng một biến A Di Đà Kinh, rồi niệm ba biến chú Vãng Sanh, hoặc bảy biến, hay hai mươi mốt biến, tiếp đến niệm kệ tán Phật. Rồi niệm Phật, trước hết nhiễu niệm, kế đó ngồi niệm, rồi quỳ niệm danh hiệu ba vị Bồ Tát. Tiếp đấy, niệm bài văn phát nguyện, rồi niệm Tam Quy Y xong, lễ Phật ba lạy, lui ra. Đây là pháp tắc lễ niệm cho lần thứ nhất; lần kế tiếp chiếu theo đây cũng được; hoặc chẳng niệm kinh Di Đà, chú Vãng Sanh, chỉ đốt hương lễ Phật xong liền niệm kệ tán Phật, sau đấy đều niệm giống như lần đầu. Nếu không biết, hãy nên hỏi cư sĩ Niệm Phật sẽ tự biết rõ. Ông muốn cho cha mẹ đạt được lợi ích chân thật, hãy nên nghe theo lời tôi!

453. Thư trả lời cư sĩ Ngô Quế Thu

Pháp danh được viết riêng trong một tờ giấy khác. Đã biết Đồng Thiện Xã vô ích có hại, hãy nên triệt để vứt bỏ tất cả những học thuyết, công phu [của bọn chúng], nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Cần phải chú trọng giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, ăn chay, niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn khuyên cha mẹ, anh em, các quyến thuộc và những người cùng hàng trong xóm giềng làng nước đều cùng tu Tịnh nghiệp. Hiện nay khoa học phát minh đủ mọi cách khéo léo để giết người chẳng thể kể xiết! Nếu chẳng sanh Tây Phương, đời sau lại làm người, so với lúc này sẽ càng khổ sở hơn gấp trăm lần!

Lời văn trong Văn Sao tuy vụng về, chất phác, nhưng nghĩa vốn lấy từ các kinh luận Tịnh Độ. Đọc Văn Sao rồi đọc các kinh luận Tịnh Độ sẽ đều được hướng dẫn thuận dòng, thế như chẻ tre vậy. Chớ nên xen tạp ý kiến nhà Thiền vào đấy! Hễ bị xen tạp thì Thiền cũng chẳng phải là Thiền, mà Tịnh cũng không ra Tịnh, hai môn đều bị phá, vô ích cả đôi bề!
(Ngày Hai Mươi Bốn tháng Bảy năm Dân Quốc 26 - 1937)

454. Thư trả lời cư sĩ Thí Trí Phù

Cổ đức nói: *"Chẳng làm tướng giỏi, sẽ làm thầy thuốc giỏi"* bởi sẽ có thể giúp đời cứu người vậy. Kẻ vô tri chuyên dốc chí cầu lợi, chẳng để ý đến kẻ nghèo, còn với kẻ giàu thì chẳng chữa cho lành bệnh để

mong được [gia chủ] tạ lễ nhiều tiền. Do giữ tấm lòng ấy, ắt bị trời giảm phước thọ, con cháu ắt khó thể phát đạt; đời sau nếu chẳng bị đọa trong ác đạo cũng là may mắn lớn, nhưng chắc chắn sẽ vừa nghèo vừa bệnh, không thuốc chữa được! Nếu có thể coi bệnh của người khác như bệnh của chính mình, kiêm khuyên bệnh nhân ăn chay niệm Phật để tiêu nghiệp chướng thì người ta sẽ cảm lòng Thành, ắt sẽ tin nhận. Như vậy là do chữa thân bệnh mà chữa luôn tâm bệnh, cũng như đại bệnh sanh tử. Đem công đức ấy hồi hướng vãng sanh sẽ có thể vĩnh viễn thoát khỏi Ngũ Trược, cao đăng chín phẩm. Ảnh chụp [của Quang] chớ nên treo cạnh ảnh Phật, hãy nên treo cách xa chỗ thờ Phật để khỏi mắc tội, tổn phước *(Ngày mồng Ba tháng Năm)*

455. Thư trả lời cư sĩ Tưởng Tịnh Tín

Trúc Lâm Niệm Phật Xã cũng hay, mà Tịnh Nghiệp Từ Thiện xã càng hay hơn. Vợ ông bất hiếu, hãy nên vì bà ta sám hối nghiệp chướng; khi nghiệp tiêu bà ta sẽ tự hiếu thuận. Đừng nên kết oán với bà ta! Thời cuộc không tốt, hãy khuyên mẹ ông đừng tới [chùa Báo Quốc]. Ở nhà nhất tâm niệm Phật còn hơn gặp mặt Quang rất nhiều.

Tất cả kinh sách khó thể chẳng chép sai một chữ nào; bất quá nghiêm túc giảo chánh, đối chiếu cho ít sai ngoa. *"An ẩn"* (安隱) là chữ dùng trong hết thảy kinh[196] còn *"an ổn"* (安穩) chính là chữ [được dùng] ở nơi đây (Trung Hoa). Người chưa từng xem kinh sẽ bảo là sai, chớ nên sửa bừa! Ông chẳng phải là bậc thông gia, đừng nghe lời kẻ mạo nhận thông gia. Phàm trong các kinh sách, chẳng dám nói là không có một chữ nào [bị chép] lầm, nhưng cũng không nhiều, sao lại phải quá lo như thế? Khang Hy Tự Điển là sách do chính hoàng đế biên tập, những chữ chánh yếu thì không bị sai, nhưng vẫn có những chữ nét bút chẳng thích đáng cho lắm, chứ chữ không quan trọng (chữ hiếm gặp, ít dùng) thì bị sai lạc đến cả mấy trăm chữ, đủ biết giảo đối khó khăn lắm!

Ông muốn mở Phật thất để hộ quốc tức tai (bảo vệ đất nước, tiêu diệt tai nạn) thì gọi là Hộ Quốc Tức Tai Phật Thất. Một thất cho đến bảy thất, dẫu mấy chục thất, mấy chục nơi đều có thể gọi bằng tên ấy. Chớ nên

---

[196] Để diễn tả ý "an ổn", trong kinh thường dùng chữ An Ẩn (安隱), thay vì phải viết là An Ổn (安穩), nhưng vẫn đọc là An Ổn, người không quen sẽ tưởng là chữ Ổn bị viết sai thành Ẩn.

lầm lạc đặt tên cho Phật thất, đâm ra vùi lấp ý nghĩa lý chánh yếu của việc hộ quốc tức tai. Đối với quy củ dùng trong Phật thất, hãy tùy theo sức mình mà lập, Quang đâu thể lập thay! Phải sao cho mọi người mọi việc đều ổn thỏa thích hợp thì mới nên!

Nay gởi cho ông Pháp Ngữ trong pháp hội Hộ Quốc Tức Tai tại Thượng Hải vào năm ngoái, Chân An Bút Ký, mỗi thứ một gói, Phổ Khuyến Niệm Quán Âm Văn và Một Lá Thư Trả Lời Khắp, gộp thành một gói. Xin hãy đưa cho những người có tín tâm, hiểu văn lý, biết cung kính. Trong [Hộ Quốc Tức Tai] Phật thất chuyên chiếu theo cách thức đả thất thông thường cũng được. Hoặc sáng dậy niệm Đại Bi, Thập Tiểu Chú, niệm thánh hiệu Quán Âm, sau đấy mỗi lần [niệm Phật] liền dùng Quán Âm Kệ để bắt đầu niệm danh hiệu Quán Âm, đến khóa tối niệm kinh Di Đà, niệm Phật hồi hướng là xong công khóa một ngày thì cũng được! *(Ngày Mười Tám tháng Chín)*

456. Thư trả lời cư sĩ Đường Thụy Nham (thư thứ nhất)

Đối với chữ Niệm (念) trong Niệm Phật (念佛), muôn phần chớ nên thêm chữ Khẩu (口), có rất nhiều người viết là Niệm (唸), đánh mất ý nghĩa đến tột cùng! Một pháp Trì Danh Niệm Phật lợi khắp ba căn, còn Quán Tượng, Quán Tưởng thì chỉ có người thấu hiểu pháp môn tâm địa mới tu tập được. Nếu không, chắc sẽ đến nỗi khởi lên các ma sự. Trì danh niệm Phật lại thêm lắng tai nghe kỹ là ổn thỏa, thích đáng nhất. Bất luận thượng - trung - hạ căn đều có lợi ích, đều không bị khuyết điểm. Ông thích niệm kinh Kim Cang, hãy nên đem công đức ấy hồi hướng vãng sanh thì đấy chính là Trợ Hạnh cho Tịnh Độ. Nhưng Tịnh Độ Ngũ Kinh công đức cũng chẳng kém gì kinh Kim Cang. Đối với những kinh sách đã gởi, hãy nên đọc kỹ lời Tựa do Quang viết, sẽ có thể hiểu rõ được ý nghĩa chánh yếu. Tiếp đó, lắng lòng cung kính đọc thì sẽ đích thân đạt được vô biên lợi ích *(Ngày mồng Sáu tháng Bảy)*

457. Thư trả lời cư sĩ Đường Thụy Nham (thư thứ hai)

Viết thư hãy nên dùng tên họ, chớ nên chỉ dùng pháp danh. Quang già rồi, làm sao có thể nhớ được là ai? Ông làm nghề Y chịu phát tâm lợi người quả thật là tiện lợi. Người ta đang lúc thân mang bệnh khổ, hễ nghe có cách được yên vui không ai chẳng sanh lòng tin. Với người

mang chứng bệnh nguy hiểm ngặt nghèo, hãy dạy họ niệm Phật và niệm Quán Âm, ắt sẽ có hiệu quả. Dẫu mạng hết sắp chết, cũng có hiệu quả chuyển nguy thành an rồi mới qua đời. Tôi thường nói: *"Thế gian có hai hạng người dễ khuyên người ta làm lành niệm Phật. Thứ nhất là người xem tướng, thấy có tướng tốt bèn khuyên họ cực lực tu trì để giữ gìn tướng tốt; nếu không, chắc tướng sẽ bị biến đổi. Thấy tướng xấu bèn khuyên họ cực lực tu trì thì tướng ấy sẽ biến đổi thành tốt".* Thầy thuốc còn phải đợi người ta mời rồi mới nói được, chứ thầy xem tướng bất luận là ai vừa thấy mặt đều nói được. Tiếc cho thầy xem tướng không có bản lãnh thật sự, chỉ biết cầu lợi, đến nỗi cả đời trọn chẳng thành tựu được gì, chẳng đáng tiếc sao! *(Ngày Hai Mươi Chín tháng Tám)*

458. Thư trả lời cư sĩ Đường Thụy Nham (thư thứ ba)

Trang Tử nói: *"Hạ trùng bất khả dĩ ngữ ư băng giả, đốc ư thời dã. Tỉnh oa bất khả dĩ ngữ ư hải giả, câu ư khư dã. Khúc sĩ bất khả dĩ ngữ ư đạo giả, thúc ư giáo dã"* (Với loài trùng chỉ sống trong mùa hạ chẳng thể nói đến băng do bị thời gian hạn chế; với con ếch ngồi đáy giếng chẳng thể nói đến biển cả vì nó bị hạn cuộc vào chỗ hẹp hòi. Với kẻ hiểu biết cong quẹo, lệch lạc, chẳng thể nói đến đạo [chân chánh] vì hắn bị trói buộc bởi những giáo điều). Nho giáo, Đạo giáo, Gia Tô giáo và Hồi giáo đều là giáo pháp Nhân Thiên Thừa trong thế gian, chỉ có đạo Phật bao gồm các giáo, lại còn là đại giáo liễu sanh thoát tử xuất thế gian, hiểu tâm, rõ gốc, rốt ráo thành Phật!

Nho giáo dễ giáo hóa nhất, nên Phật pháp truyền vào Trung Quốc hơn hai ngàn năm qua, những bậc thông đạt nương theo Phật pháp tu trì chẳng biết bao nhiêu! Nhưng Đạo giáo thường trộm lấy những câu văn trong kinh Phật rồi thay đầu đổi mặt, ngụy tạo thành kinh của Đạo giáo! Lại còn phần nhiều hủy báng Phật pháp. Giáo đồ Gia Tô giáo và Hồi giáo có sức đoàn kết rất lớn, chẳng dễ gì chuyển hóa được! Nhưng nay thì tại các nước Tây Phương cũng có nghiên cứu Phật giáo, tạo dựng chùa miếu Phật giáo.

Rất ít người Hồi giáo tín phụng [Phật pháp]; mười mấy năm trước, ông Mã Thuấn Khanh ở Hồ Nam thích tặng sách Phật. Thoạt đầu, ông ta đem những sách do chính mình in gởi cho Quang, phần nhiều là những văn tự có được từ những đàn cầu cơ. Quang đem những sách An Sĩ Toàn Thư, Văn Sao được in trước đây tặng cho ông ta. Ông ta đã tin tưởng sâu xa, bèn lắng lòng nghiên cứu. Hai vợ chồng họ và năm đứa con đều quy

y. Mùa Thu năm Dân Quốc 18 (1929), ông ta gởi thư đến nói: "Vợ con sanh được năm đứa con, hai đứa đầu còn đỡ, chứ đứa thứ ba bị băng huyết, đứa thứ tư càng nguy kịch hơn. Sanh đứa thứ năm càng nguy kịch hơn nữa. Nay chẳng lâu nữa sẽ sanh; nếu bị băng huyết nữa, sợ không còn mạng. Xin thầy rủ lòng cứu vớt và đặt pháp danh cho đứa con chưa sanh". Quang dạy họ niệm thánh hiệu Quán Âm, đến khi đang sanh vẫn niệm ắt sẽ không bị nguy hiểm gì. Họ nhận được thư hôm trước, liền niệm ngay, bữa hôm sau [bà vợ] liền sanh hết sức an lạc.

Trong bộ Văn Sao có mấy lá thư gởi cho Mã Thuấn Khanh là do vào năm Dân Quốc 15 (1926) ông ta biết Trung Hoa Thư Cục in riêng bộ sách ấy liền gởi thư đến cho họ kèm thêm vào. Quang một mực chẳng giữ lại bản nháp thư từ. Hiện thời thế đạo nguy hiểm, không ai chẳng mong an lạc. Cha mẹ ông cũng chẳng thể không động tâm trước cảnh nguy hiểm; nếu bảo họ niệm Phật, chắc họ sẽ bảo là "phản giáo!" Nếu nghe nói niệm Phật có thể tiêu tai tăng phước, gặp dữ hóa lành, chết đi sẽ vượt khỏi tam giới, do vậy tu dần dần cho đến khi thành Phật. Nếu có chuyện chứng nghiệm nhỏ, họ sẽ dần dần sanh lòng chánh tín. Nếu chẳng uyển chuyển bày cách [khuyên nhủ], tức là bỏ mặc cha mẹ vậy! Có thể dùng lời lẽ để giáo hóa thì rất tốt. Nếu không, hãy đối trước Phật và Quán Âm Bồ Tát để sám hối tội nghiệp thay cho cha mẹ. Nếu ông chí thành, ắt cha mẹ sẽ hồi tâm hướng đạo *(Ngày Hai Mươi Chín tháng Tám)*

459. Thư trả lời cư sĩ Đường Đào Dung

Chồng bà chết vì bệnh phổi, lại còn bị mù, sợ rằng trong khi bị bệnh chẳng chịu thôi ân ái mà ra! Bất luận bệnh gì, đều phải lấy chuyện ngưng ân ái làm cách trị căn bản. Nếu không, thần y cũng khó có hiệu quả được! Bà đã làm nghề Y, hãy nên coi chuyện "trong lúc bệnh chưa được mười phần bình phục, vạn phần chớ nên ân ái" là chuyện cực trọng bậc nhất trong hết thảy những điều quan trọng. Bệnh phổi nên tịnh dưỡng, nhất là phải thường niệm thánh hiệu Quán Thế Âm, sẽ có thể mau lành bệnh. Chồng bà hành nghề Y mà trong khi bệnh chẳng chú trọng niệm Phật thì cũng là người hờ hững, hời hợt, không có tín tâm chân thật. Do vậy, một nhà mấy người nếu không có bà sẽ chẳng thể sống được!

Do ông ta chưa gặp được người thật sự biết pháp môn Niệm Phật nên nhất tâm tham Thiền. Nếu nhất tâm niệm Phật, chắc chẳng đến nỗi bệnh phổi không lành, lại còn bị mù nữa! Nếu bà chết theo chồng, chắc sẽ có nhiều người không được ai nuôi dưỡng, lỗi ấy lớn lắm! Nay do

Long cư sĩ dẫn dắt bà nhập đạo, hãy nên dẫn dắt người khác cải tà quy chánh, niệm Phật cầu sanh Tây Phương để báo ân Phật và ân thiện tri thức, lấy tu Tịnh nghiệp cầu sanh Tây Phương làm chuyện quan trọng bậc nhất. Bà hãy nên nương tựa vào Văn Sao, cần gì phải mạo hiểm đi xa đến gặp Quang? Gặp Quang thì Quang cũng chỉ nói những gì đã được thuật trong Văn Sao! Trong Phật pháp, trọn chẳng có chuyện bí mật chẳng truyền, cũng chẳng có chuyện phải "miệng truyền, tâm dạy". Ngoại đạo tà đồ vốn chẳng có đạo lý gì, dùng bí mật bất truyền để dụ người khác theo đạo của họ. Nếu công khai chẳng bí truyền thì ai nấy đều biết đạo ấy hèn tệ, sẽ không có ai nương theo chúng nó cả!

Bà hãy nên chú trọng hành nghề Y, đừng kiêm thêm dạy học. Bởi nếu có thể thật sự tận tâm nơi nghề Y, thời gian hằng ngày còn chẳng đủ, sao còn có thể dạy học cho được? Hễ nghiêm túc [giảng dạy] sẽ phải hao tốn tinh thần. Nếu không, sợ rằng sẽ làm hỏng con cái người ta. Hãy nghe theo lời tôi, chuyên coi trọng một môn, cần phải chú trọng niệm Phật, do nương vào Phật lực mà Y đạo ắt được tiến triển lớn lao, nhưng chỉ nên lấy chuyện lợi người làm chí hướng sự nghiệp, đừng mong mỏi phát tài lớn lao! Nếu Y đạo không sai lầm thì ai nấy đều tin phục; khuyên người ta ăn chay niệm Phật, người ta sẽ vui vẻ nghe theo. Như vậy là cũng do nghề nghiệp mà đạo được tăng tấn vậy! Đấy là chương trình dùng Y thuật để hoằng pháp. Với bệnh nào cũng khuyên bệnh nhân thôi ân ái, trong mỗi năm chẳng biết sẽ làm cho bao nhiêu người đỡ phải chết! Công đức ấy chỉ riêng đức Phật là biết được mà thôi!

Hơn nữa, nữ nhân sanh nở niệm thánh hiệu Quán Thế Âm chắc chắn không bị đau khổ. Dẫu khó sanh gần chết mà hễ niệm liền được an nhiên sanh nở. Huống hồ kẻ thường niệm từ nhỏ ư? Thêm nữa, con gái từ nhỏ cha mẹ phải dạy nó đừng nổi nóng, tập thành tánh chất nhu hòa, từ thiện thì những sự tốt đẹp trong cả một đời nó sẽ chẳng thể kể hết được! Nếu tánh tình nóng nảy, bộp chộp, chưa lấy chồng thì cũng gặp phải chuyện khổ, nhưng vẫn còn chưa nhiều. Nếu đang có kinh mà nổi nóng, chắc sẽ bặt kinh, hoặc bị băng huyết. Lấy chồng rồi mà nổi nóng, sẽ bị xảy thai, hoặc thai nhi sẽ thừa hưởng tánh tình nóng nảy, bộp chộp. Lúc sanh xong, đang cho con bú mà nổi nóng đùng đùng, trẻ bú sữa vào sẽ chết ngay. Không nóng nảy dữ dội cho lắm thì hoặc nửa ngày hoặc một ngày mới chết, không có đứa nào chẳng chết. Nổi nóng nho nhỏ thì con không chết cũng nhất định ngã bệnh. Nếu nhiều ngày liên tiếp thường nổi nóng vừa vừa thì chất độc khi trước chưa tiêu, chất độc lúc sau lại thêm vào, sẽ nguy hiểm đến cùng cực! Chuyện này danh y, thần y nước ta đều chưa

nhắc đến, nay đã sáng tỏ, hãy nên nói với hết thảy mọi người sẽ cứu mạng được những đứa trẻ chưa sanh, công đức lớn lắm. Các thầy thuốc hãy nên chú ý! Chớ nên ăn trứng gà, kẻ tà kiến nói: "Trứng không có cồ thì ăn được!" Đừng nghe, đừng tin lời nói ấy! Hơn nữa, trứng có chất độc, do gà thường ăn trùng độc vậy!

460. Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm (thư thứ nhất)

Nhận được thư đầy đủ. Ông vì Thần Chung Sơn mà thỉnh một bộ Đại Tạng Kinh đời Tống in theo lối Ảnh Ấn, công đức rất lớn. Hiện thời còn có thể ước định để thỉnh, chứ để trễ hơn nữa, chắc sẽ không còn! Tịnh Độ Ngũ Kinh mới in ra sách, nay viết một chữ, sai người đến chùa Thái Bình thỉnh hai gói để chia cho lệnh từ (mẹ), lệnh di trượng (dượng), lệnh di (dì), và những người tu trì chân thật. Những vị như dì Năm v.v… muốn quy y, nay tôi viết pháp danh cho mỗi người, xin hãy giao lại cho họ. Nói đến tiền hương kính thì chẳng cần phải gởi đến, hãy dùng tiền đó để đóng góp một phần vạn vào chi phí thỉnh Đại Tạng Kinh cho Thần Chung Sơn, ngõ hầu bọn họ tiêu nghiệp chướng, tăng trưởng phước huệ.

Bệnh cùi ở quý địa chẳng biết có hay không? Nay đem gởi cho ông hai tờ truyền đơn. Nếu ai bị mắc bệnh thì sang năm sau chiếu theo toa thuốc ấy mà chế thuốc. Nếu không, cứ tùy tiện tặng cho người khác, hoặc cũng có thể giữ lại để làm căn cứ trị chứng bệnh ấy. Bệnh này từ trước đến nay các y sĩ Trung Hoa, ngoại quốc đều khó thể chữa hoàn toàn dứt tận gốc được. Toa thuốc này chẳng cần phải tốn tiền mua thuốc, chỉ tốn công sức, củi đốt, lại hoàn toàn trừ được tận gốc. Vì thế, ông Chương Giám Ngu cực lực đề xướng để mong khắp cõi đời đều biết.

Hơn nữa, phương Nam người bị chân sưng phù rất nhiều. Dùng đu đủ tươi bọc vải buộc lên bắp đùi, bệnh thũng liền tiêu. Nếu không có loại tươi thì dùng đu đủ khô cắt miếng từ các tiệm thuốc để buộc cũng có hiệu quả lớn lao. Một cụ già dẫn người con gái (hai mươi lăm tuổi) cùng đến quy y, nói đùi con gái bị phù thũng đã bảy tám năm rồi. Quang bảo niệm Quán Thế Âm Bồ Tát để tiêu túc nghiệp, lại bảo mua đu đủ, không có loại tươi thì dùng loại đu đủ khô cắt miếng để buộc. Chưa đầy bốn năm ngày đã hoàn toàn lành bệnh. Hơn nữa, cô gái ấy mắc bệnh này đã bảy tám năm, chắc cũng đã từng chữa trị, mà sao họ chẳng biết cách chữa tuyệt diệu này? Cư sĩ theo nghề Y, chắc cũng đã biết rồi, nhưng cũng chẳng ngại gì thưa trình lại để làm phương tiện "hễ thấy liền làm" cho thuận tiện vậy *(Ngày Mười Hai tháng Sáu)*

461. Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm (thư thứ hai)

Thư nhận được đầy đủ, trong thư ông quá khiêm hư khiến người ta phải hổ thẹn. Từ nay về sau đừng nên như thế nữa. Chuyện viết thư có quan hệ rất nặng. Nếu thường viết theo lối chữ Thảo, chắc sẽ thành thói quen, lâu ngày chầy tháng ắt đến nỗi hỏng việc. Phùng Mộng Hoa là bậc quân tử đức dày, nhưng con lẫn cháu đều chết sạch. Năm ngoái, đứa cháu nuôi để nối dòng cũng lại chết mất, chỉ còn một đứa chắt mới một hay hai tuổi để nối dõi. Trong một nhà bốn năm bà góa, cũng có thể nói là tình cảnh thê thảm lắm! Há có phải là trời cao đối đãi đặc biệt tàn khốc với người đức dày ư? Duyên do là cả đời ông cụ này thích viết chữ Thảo! Viết thư từ cho người khác, nếu [người nhận thư] chẳng tận hết tâm lực, dựa theo ý nghĩa của câu văn để suy lường, sẽ không hiểu được rất nhiều chữ. Trong số ấy, khó tránh khỏi người hiểu lầm. Do vậy mà đến nỗi phải gánh chịu quả báo ấy.

Ông theo nghề Y, nếu quen thói viết nguệch ngoạc, chắc sau này khi kê toa cũng viết theo kiểu ấy thì nguy hiểm đến cùng cực. Vì thế, Quang vì mẹ ông mà bảo ông đừng học theo thói ấy, thật sợ sau này ông sẽ làm hỏng chuyện, chứ không phải chỉ vì ông chẳng cung kính mà kiểm điểm. Bữa trưa tuy là thức ăn nguội thì cũng phải hâm nóng mới nên. Nếu thường ăn đồ lạnh, lâu ngày sẽ bị bệnh, chẳng thể không biết. Thuốc men là cái gốc của việc trị bệnh, nhưng pháp dược của đấng Đại Y Vương lại trị nơi cái gốc là nghiệp. Bệnh do nghiệp sanh thì nhiều. Do ngoại cảm nội thương mà ngã bệnh thì thuốc men có thể trị được, chứ bệnh do nghiệp sanh ra thì thuốc chẳng thể trị được, chỉ có pháp dược là có thể trị được! Có thể dùng thế dược (thuốc men trong cõi đời) lẫn pháp dược để trị các bệnh thì dù mình hay người đều được lợi ích thật sự.

Ăn chay hay chỉ ăn ba thứ tịnh nhục, hãy nên châm chước mà thực hiện. Hễ ăn thuần đồ chay được thì hãy ăn chay thuần. Nếu không thể, thì chỉ ăn ba thứ tịnh nhục cũng được; chỉ nên ăn nhiều rau trái, bớt ăn thịt đi! Trong đời có kẻ ngu bảo chính mình chưa thể ăn thuần món chay bèn yên lòng ăn nhiều thịt, lỗi ấy chẳng cạn đâu! Hãy nên phát Bồ Đề tâm, thề độ những sanh vật bị ăn thịt này, chẳng an lòng ăn thịt chúng nhiều là được rồi!

Do pháp sư Tịnh Quyền rời khỏi chùa Quán Tông, pháp sư Đế Nhàn chẳng thể đến Thượng Hải giảng kinh, bởi lẽ Nghiên Cứu Xã và Hoằng Pháp Xã đều không có ai chủ trì. Ở Hồng Loa tôi đã từng thấy xương

trắng, đầu lâu, thịt đã tiêu hết. Ấy là do một trăm năm trước, Thân Vương đem tặng cho thiền sư Mộng Đông. Nếu thường quán [bộ xương] ấy sẽ phá được Ngã Chấp, thành tựu Tịnh nghiệp thì may mắn thay! Nếu không có chuyện gì cần thiết đừng nên gởi thư đến để đôi bên khỏi phải bận bịu! *(Ngày Rằm tháng Ba)*

462. Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm (thư thứ ba)

Trước kia, cư sĩ Lâm Đồng Vỹ mất rồi, Dư Toại Tân gởi thư cho Quang thuật đại lược tình hình, Quang trả lời thư, sợ đúng như ông ta nói "tại am ông ta ở, đường bưu điện chẳng thể gởi tới được", nên gởi cho thím Tư của ông là Huệ Uyên nhờ chuyển giùm. Gởi cho Toại Tân một gói sách, trong thư cho biết: Trong khóa tụng sáng tối, Quang sẽ hồi hướng cho bà Lâm một thất để trọn hết tình thầy trò. Do quá ít thời gian rảnh rỗi nên chưa viết thư cho anh bà ta là Địch Am được! Hôm trước nhận được cáo phó, biết người ấy quá thông minh; nay nhận được thư ông, biết bà ta do thông minh mà bị lầm lạc chẳng cạn. Tuy bà ta quy y với Quang, nhưng thật ra chỉ gặp mặt một lần, cũng chẳng nói với bà ta được mấy câu.

Văn Sao, Gia Ngôn Lục, chắc bà ta chẳng đến nỗi chưa xem, nhưng bà ta chỉ chú trọng lập đại nguyện làm công đức nơi cõi này, chẳng chú trọng tới đại nguyện cầu sanh Tây Phương. Vào lúc sắp mất, đã cùng với chị em mộng thấy Phật quang, đài bạc, nhưng chẳng nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tây Phương trong lúc ấy, lại ngược ngạo phát ra bốn đại nguyện để gieo trồng gốc sanh tử. Do vậy, có thể thấy là thường ngày bà ta trọn chẳng lấy những điều Quang đã nói làm chí hướng, sự nghiệp. Bởi thế, đánh mất nhân duyên vãng sanh tốt đẹp, nhưng được Bồ Tát gia bị mà khỏi bệnh, đến khi do ác mộng hiện, bệnh theo đó mà phát, còn may mắn là khi lâm chung có người trợ niệm. Nhưng do có lời nguyện trồng sâu cội rễ sanh tử ấy nên đến nỗi hiện ra những điềm báo chẳng thể vãng sanh được, đáng than thay! Ngực lạnh đi sau cùng chính là dấu hiệu chứng tỏ bà ta sanh trong nhân đạo.

Ông nói [bà Lâm] hiện thân thuyết pháp, há bà ta có thân phận ấy hay sao? Nhưng do bà ta chẳng thể tận lực cầu sanh Tây Phương mà bị lỡ làng, mọi người bèn lấy đó làm điều răn nhắc, quyết chí cầu vãng sanh thì lợi ích ấy cũng chẳng kém gì hiện thân thuyết pháp! Còn chuyện lập hội truy điệu là do tình cảm của anh em ông Địch Am, xét theo lý thì chẳng nên làm, chỉ nên chú trọng dùng niệm Phật để cầu [cho bà Lâm]

được vãng sanh. Đối với chuyện niệm kinh, bái sám, làm đàn Thủy Lục, Quang trọn chẳng chịu đề xướng một tiếng nào. Bởi lẽ, khó được như pháp! Chỉ là bày vẽ phô trương mà thôi!

Nói tới Một Lá Thư Trả Lời Khắp, quả thật nó liên quan cực lớn với mọi người tại gia. Nhưng [ông] chỉ cần mấy chục tờ, há nên hỏi tới ấn phí và chi phí gởi thư? Ăn nói như vậy đúng là coi Quang như con buôn ngoài chợ. Nếu là mấy ngàn trang thì có thể nói như vậy được! Hay là chữ Mười chính là Ngàn[197] bị viết sai. Nay tôi bảo gởi cho ông một gói, chỉ có bốn trăm tám mươi tờ, hãy thay Quang kết duyên. Nếu là chữ Ngàn bị viết sai thành chữ Mười, xin hãy gởi thư cho biết để tôi bảo Quốc Quang [Thư Cục] in thêm nữa. Năm ngoái in lần đầu là bốn vạn bản, tốn tám mươi đồng, tổng cộng in hai lần. Năm nay chắc [ấn phí] sẽ chẳng tăng giá quá mức. Bức thư này được in trong phần phụ lục của bộ Phật Học Cứu Kiếp Biên, sau cuốn Tây Phương Công Cứ và trong cuốn Sơ Cơ Tiên Đạo để mong được vĩnh viễn truyền bá.

Trong tác phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Thiển Chú thuộc cuốn Hạ của bộ Phật Học Cứu Kiếp Biên, nơi dòng mười một của trang hai mươi lăm sót mất tám chữ *"như kim Thế Tôn Tỳ Lô Giá Na"* (như nay đức Thế Tôn Tỳ Lô Giá Na), đấy là vì ông Hứa Chỉ Tịnh dựa theo sách [Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm] Tập Yếu Sớ [của ngài Đế Nhàn] để soạn [Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Thiển Chú], nhưng chưa từng đối chiếu [phần kinh văn đã dẫn trong Tập Yếu Sớ] với chánh kinh, mà lúc Quang cho sắp chữ ấn hành cũng chẳng đối chiếu. Vì thế mới có sai sót ấy. Đến khi biết, bèn đem sách Tập Yếu Sớ do Phật Học Thư Cục ấn hành ra xem, mới biết là do ngài Đế Nhàn vô tình bỏ sót đến nỗi "một người sai trở thành mấy vạn người sai". Do vậy biết rằng: Càng là đại thông gia thì càng phải chú tâm! Tôi đã cho in một trang ấy, cũng bảo Phật Học Thư Cục in trang ấy. Nay tôi nói rõ chuyện bổ khuyết, xin ông hãy đem những sách đã được gởi đến viết thêm những chữ ấy vào. Nếu dòng mười một quá hẹp thì chẳng cần phải chép thêm vào đó. Xin hãy chép vào dòng thứ mười hai tức câu *"ngã giai tùy học"* (tôi đều học theo) của trang ấy. Hàng ấy chỉ có sáu chữ, khoảng trống khá rộng, chép bù vào đấy là tốt nhất. Trang in bổ khuyết vẫn ghi tám chữ ấy nơi hàng thứ mười một. Nếu có sách ấy, cũng nên bổ túc. Tôi cũng đã cho đăng trên Phật Học Bán Nguyệt San vì đã giao cho Phật Học Thư Cục hai ngàn lẻ một trăm hay hai trăm bộ sách này để kết duyên.

---

[197] Do chữ Thập (十: Mười) và Thiên (千: một ngàn) hơi giống nhau nên có thể vô ý viết sai.

Hiện thời đang nhằm tháng Hạ, bệnh sốt rét phát tác, nên tôi cho gởi đi toa thuốc tuyệt diệu trị chứng sốt rét. Mười mấy bữa trước, lại nhận được thư thầy Đạt Nhất cho biết ông sắp sang nước Đức du học, đến chỗ thầy ấy chào từ biệt để ra đi, có chuyện ấy hay chăng? Con người nên tri túc, chỉ học nghề cho tinh, chớ nên lấy cái danh du học làm mục đích cho tương lai. Như vậy thì không du học cũng được, mà du học cũng chẳng sao! Nếu muốn nhờ vào đó để được tiếng tăm thì Quang chẳng cho như vậy là đúng lắm! Vì sợ sẽ do danh mà bị sai lầm nên chẳng thể không tính toán cặn kẽ sẵn!

Lâm nữ sĩ (tức bà Lâm Đồng Vỹ) tự phụ thông minh, muốn gánh vác chuyện hoằng pháp lợi sanh, nhưng chẳng biết "cầu sanh Tây Phương thì mới có thể hoằng pháp lợi sanh được!" Chẳng coi trọng cầu sanh Tây Phương thì cô phụ Phật ân cũng lớn lắm! Trong đời có lắm kẻ chẳng tự lượng, thường coi chuyện để bậc Bồ Tát thực hiện giống hệt như trách nhiệm của chính mình, chẳng biết chính mình còn đang ở trong biển khổ chưa thoát ra được, làm sao có thể cứu khắp mọi người trong biển khổ? Nếu Đồng Vỹ nghĩ đến điều này, ắt sẽ siêu phàm nhập thánh ngay lập tức!

463. Thư trả lời cư sĩ Chí Phạm (thư thứ tư)

Đã nhận được sách Kim Cang Tân Sớ do ông gởi trước đây. Do bận bịu nên chưa phúc đáp, đừng bận tâm! Nay biết Bảo Giám, Văn Sao đều đã được gởi đến, vui mừng, an ủi lắm. Ngài Đế Nhàn được lợi ích sâu xa nơi giảng diễn, vì thế tuổi đã bảy mươi vẫn vừa giảng vừa soạn sớ, chẳng thấy nhọc nhằn. Đủ thấy Phật pháp lợi ích chẳng thể nghĩ bàn! Lúc ấn hành [cuốn Kim Cang Tân Sớ] nên dùng kiểu chữ đời Tống được lưu hành trong hiện thời, còn kiểu chữ mô phỏng lối viết đời Tống[198] muôn phần chớ nên dùng. Chẳng những [kiểu chữ mô phỏng lối viết đời Tống] nét chữ dễ bị sứt, khó giảo chánh, mà [công in] còn đắt gấp bội. Sao lại khổ sở đem tiền làm chuyện vô ích, chỉ nhằm để công nhân khen ngợi, vui sướng đấy chăng?

Hãy nên bảo họ in phần Thư Căn[199]. Trung Hoa [Thư Cục] có loại máy ấy, chứ các nhà in khác có lẽ không có, hãy bảo họ đặc biệt lo liệu chuyện này. Làm bản kẽm phải tốn hơn hai trăm đồng. Năm ngoái, Chiết

---

[198] Kiểu chữ này mô phỏng lối viết chữ bằng tay nên có những nét khắc bay bướm hoặc bớt nét, nếu không quen sẽ dễ nhận lầm mặt chữ.

[199] Tức phần ghi tên sách, tên tác giả, chương, số quyển, số trang ở cuối mỗi trang.

Giang Ấn Loát Công Ty chế ra một cái máy bằng khung gỗ [để in phần Thư Căn], nói chỉ tốn ba đồng. Quang bảo họ làm một cái, giao sang chùa Thái Bình, nhờ chuyển đến nhà giam ở Tào Hà Kính. Nếu chịu mua máy bằng sắt, cố nhiên là tốt. Nếu không, hãy chiếu theo cách thức của cái máy ở nhà giam Tào Hà Kính, làm một hai cái. Quang cũng cần một cái để phòng khi bất ngờ cần đến. Phần Thư Căn in chữ thì dễ kiểm tra, chẳng đến nỗi lâu ngày quên mất, rất hữu ích. Phàm những sách được in ra, đều bảo họ in phần Thư Căn. Do Quang in bộ An Sĩ Toàn Thư, Trung Hoa [Thư Cục] mới bắt đầu có máy [để in phần Thư Căn], chứ trước kia cũng không có.

Chị dâu của ông đáng gọi là "bậc trượng phu trong nữ giới", trong năm năm thực hiện khá nhiều công khóa, sẽ nương vào công đức ấy mà vãng sanh Tây Phương. Tuy nói là chết trẻ, nhưng chẳng thể gọi là chết yểu. Do cô ta niệm Phật vãng sanh nên nhất định sẽ chứng vô lượng thọ, sáng ngời cửa đức, chẳng thể dùng tình cảm thông tục của thế gian để luận đoán được! Xin hãy khuyên lệnh huynh cũng nên chú ý đến pháp Niệm Phật. Hễ bị bệnh nặng thuốc men chẳng thể chữa được thì trong lúc chữa trị, hãy khuyên niệm thêm Phật hiệu. Do cậy vào Phật lực, ắt sẽ có hiệu quả kỳ diệu. Đối với mình lẫn người đều có lợi ích. Nếu bình thời tu trì trọn vẹn thì đợi đến khi báo thân trăm năm đã hết, sẽ về thẳng Tây Phương, sẽ trọn chẳng phải thẹn thùng khi chạm mặt nguyên phối[200] là Lục Thị. Nếu không, do cô ta là nữ nhi mà đã siêu phàm nhập thánh, còn ta là trượng phu mà vẫn ở trong sanh tử luân hồi, bậc nam tử hào hùng há chẳng thẹn đến chết ư? *(Ngày Mười Ba tháng Giêng)*

464. Thư trả lời cư sĩ Úc Trí Lãng

Ông muốn lệnh từ vãng sanh Tây Phương, siêu phàm nhập thánh, hãy nên dốc tận sức cúng dường, chí thành đảnh lễ, [phẩm vật dâng cúng Tam Bảo] há nên chỉ có một lò hương, còn đèn đuốc, hoa theo mùa nhất loạt chẳng dùng đến ư? Hơn nữa, ông lễ bái trong hôm bắt đầu, sau đó há nên chẳng chú trọng lễ bái nữa ư? Hãy nên mỗi sáng lễ Phật ba lạy, hoặc lạy nhiều hơn, niệm A Di Đà Kinh một biến, Vãng Sanh Chú ba biến hoặc bảy biến, niệm Kệ Tán Phật xong bèn niệm Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật *(liền vừa đi nhiễu vừa niệm),* [niệm] Nam Mô A Di Đà Phật hoặc một ngàn câu, hoặc năm trăm câu rồi mới ngồi xuống niệm nửa tiếng đồng hồ. Muốn lạy thì khi

[200] Nguyên phối: Vợ cả, vợ chánh.

ngồi niệm xong [hãy lạy]. Lạy Phật hai mươi bốn lạy hoặc bốn mươi tám lạy. Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mỗi danh hiệu ba lạy. Niệm bài văn phát nguyện, hoặc niệm bài văn phát nguyện của ngài Liên Trì rồi niệm kệ phát nguyện, hoặc niệm kệ trước, niệm bài văn của ngài Liên Trì sau đều được. Xong xuôi, niệm Tam Quy Y, lễ Phật ba lạy, lui ra. Sáng tối đều như thế.

Mỗi ngày ước định bốn thời [tụng niệm], hoặc sáu thời, chỉ bắt đầu bằng niệm Kệ Tán Phật rồi niệm Phật giống như trên. Nếu chỉ thực hiện lễ tụng trong một thất thì chẳng cần chú trọng lễ bái, nhưng nếu làm lâu ngày mà lười nhác, lan man không chương trình sẽ khó tinh tấn được! Khi lễ bái chẳng cần phải niệm ra tiếng, chỉ niệm thầm trong tâm. Khi nhiễu niệm hãy nên niệm ra tiếng, nhưng âm thanh chớ nên quá to để khỏi bị tổn khí. Khi ngồi niệm nếu chẳng hôn trầm thì niệm thầm. Nếu bị hôn trầm thì niệm ra tiếng rõ ràng.

Bất luận niệm kinh, niệm Phật, niệm chú Vãng Sanh đều phải tâm và miệng niệm cho rõ ràng, rành rẽ, tai nghe cho rõ ràng, rành rẽ, chẳng để cho có hết thảy ý niệm [khởi lên], giống như sắp chết, bất cứ chuyện gì cũng đều gác ra ngoài. Mỗi phen ăn cơm, trước hết phải cúng Phật, cúng xong rồi mới ăn. Chớ nên ăn quá no, hễ no sẽ hôn trầm. Nói đến nhất tâm thì không phải là chuyên niệm một câu Phật hiệu mới có thể nhất tâm. Nếu tâm đã chịu quy nhất rồi, dù niệm kinh, niệm chú, lễ bái cũng đều là nhất tâm.

Hơn nữa, trong bảy ngày ấy, khi ông ăn cơm, uống nước, đứng, ngồi, chẳng gây trở ngại cho nhất tâm thì niệm kinh, niệm chú, lễ bái sao lại có thể gây trở ngại cho nhất tâm được? Bảy ngày trước khi bế quan, đừng nên ngủ chung với nữ nhân, phải nên ăn thuần đồ chay, đêm nằm chẳng cởi áo, hoặc chỉ cởi áo ngoài, áo quần lót sát mình chớ nên cởi ra. Phàm sau khi đại tiểu tiện phải rửa tay trước, chú trọng giữ tinh khiết. Phàm là trẻ nhỏ, phụ nữ, đều nhất loạt chẳng cho tới[201]. Thùng dùng cho đại tiểu tiện nên để nơi phòng khác, chớ nên đặt trong căn phòng mình đang ở. Trong vòng bảy ngày, nhất loạt chẳng gặp gỡ ai; ngay cả với người hộ quan cũng chỉ dặn dò công chuyện một hai câu, lòng chẳng được tùy tiện trò chuyện. Anh ông đã hộ quan thì ông ta ở vòng ngoài cũng nên niệm Phật, nhưng tiếng niệm chớ nên quá to mà thôi! *(Ngày Hai Mươi Chín tháng Mười Một)*

---

[201] Để tránh tâm ái luyến bị khêu dậy, sẽ nhớ nhung họ trong khi bế quan niệm Phật, không thể nhất tâm được!

465. Thư trả lời hai cư sĩ Hàn Tông Minh và Trương Tông Thiện

Đời Mạt, ngoại đạo lừng lẫy. Dẫu là kẻ có tín tâm phần nhiều theo về ngoại đạo, bởi lẽ chẳng có chánh pháp để nghe vậy. Gần đây, giao thông tiện lợi, kinh điển Phật pháp được lưu thông, quả thật là may mắn lớn lao. Nhưng chớ nên đã học Phật pháp lại còn tu pháp của ngoại đạo, đến nỗi tà - chánh hỗn loạn sẽ gây hại chẳng cạn! Trong Phật pháp, pháp môn vô lượng; cầu lấy một pháp môn thực hiện dễ, thành công cao, dùng sức ít mà đạt hiệu quả nhanh chóng thì không chi hơn được pháp Niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Ấy là vì hết thảy pháp môn đều phải cậy vào tự lực để tu Giới - Định - Huệ hòng đoạn tham - sân - si. Nếu đoạn sạch tham - sân - si sẽ liền có thể liễu sanh thoát tử. Nếu kẻ nào đoạn chưa hết sẽ vẫn chẳng thể liễu được, huống là kẻ chưa thể đoạn ư?

Pháp môn Niệm Phật chỉ cần đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành niệm Phật, đến khi lâm chung ắt được Phật từ tiếp dẫn vãng sanh Tây Phương. Ví như trẻ thơ do cha mẹ nâng dắt, liền có thể về thẳng đến nhà của chính mình. Con người gần đây thích lập dị, chẳng chịu thực hiện công phu thật thà, nên mới có kẻ học Thiền tông, Tướng tông, Mật Tông. Ba pháp môn này đều chẳng thể nghĩ bàn, nhưng đều thuộc về tự lực. Mật Tông tuy có giáo nghĩa "hiện thân thành Phật" (thành Phật ngay trong thân này), nhưng rốt cuộc có mấy ai thành Phật ngay trong đời này? Đừng nói chi người học Mật chẳng thể thành Phật ngay trong thân hiện tại, ngay cả các vị Hoạt Phật[202] truyền dạy Mật

---

[202] Hoạt Phật là từ ngữ do người Trung Hoa dịch chữ Tây Tạng Hpbrulsku (Thường được biết dưới dạng phiên âm phổ biến hơn là Tulku, là một từ ngữ Tây Tạng nhằm diễn dịch chữ Nirmanakaya (Hóa Thân) của tiếng Phạn). Tiếng Mông Cổ tương ứng là Khutukhu (hoặc Khutukutu, Hobilghan. Do vậy Chương Gia đại sư thường được gọi là Chương Gia Hô Đồ Khắc Đồ). Truyền thống này được bắt nguồn từ thời ngài Tsongkhapa cải cách tôn giáo tại Tây Tạng: Tăng sĩ không được lấy vợ, nên phải chọn người kế vị các ngôi tu viện trưởng hoặc trưởng dòng tu từ hóa thân. Ngoại trừ phái Sakya vẫn theo lệ truyền ngôi pháp vương cho con cháu trong dòng họ, các phái khác dẫu là Hoàng Giáo (Gelugpa), Cổ Mật (Nyingmapa), hoặc Cát Cư (Kargyupa) đều theo lệ này tuy các lạt-ma thuộc phái Nyingmapa hay Kargyupa vẫn được phép lấy vợ. Người Tây Tạng tin rằng các vị lạt-ma cao cấp có khả năng tự tại chuyển sanh, liên tục trở lại thế gian này để hóa độ chúng sanh. Trước khi mất, vị lạt-ma ấy sẽ để lại những sấm ngữ hoặc huyền ký dự báo mình sẽ tái sanh ở nơi nào. Các đệ tử đi tìm, thấy đứa bé nào phù hợp với sấm ký, sẽ tiến hành những xét nghiệm cần thiết, rồi đưa về tu viện, đào tạo và tấn phong để bảo đảm ngôi lãnh đạo của dòng tu được truyền thừa liên tục. Đồng thời để tạo sự chánh thống cho ngôi vị và thu hút tín đồ, các vị Hóa Thân nổi tiếng thường tự xưng hóa thân của các vị Phật, Bồ Tát, thánh tăng, như Đại Lai Lạt Ma thứ năm tự xưng là hóa thân của Quán Thế Âm, ban chỉ dụ công nhận Ban Thiền Lạt Ma là hóa thân của A Di Đà Phật, Karmapa tự xưng là hóa thân của Quán Thế Âm, trưởng dòng tu

Tông cũng chẳng phải là người có thể thành Phật ngay trong thân hiện tại được!

Các ông đừng bị xoay chuyển bởi những vị tri thức của các pháp môn ấy thì sẽ có thể thoát khỏi cõi Ngũ Trược này, lên cõi chín phẩm kia, làm đệ tử Phật Di Đà, làm bạn tốt trong hải hội. Người niệm Phật cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, thì mới có thể dùng thân để hướng dẫn người khác, tự lợi, lợi tha vậy. Nếu luân thường khiếm khuyết, người ta sẽ chẳng sanh lòng khâm phục, kính trọng cho nên đối với kẻ hiểu lý còn khó thể khuyến hóa; đối với kẻ chẳng hiểu lý, do chính ta còn thiếu sót trong chuyện tận tụy thực hành, họ sẽ chẳng chịu nghe theo lời ta nói. Đấy chính là *"dĩ ngôn giáo giả tụng, dĩ thân giáo giả tùng"* (dùng lời nói để dạy sẽ bị tranh cãi; dùng thân để dạy, người ta nghe theo).

Phàm mọi chuyện đều phải lấy thân làm gốc, huống chi dạy người khác niệm Phật liễu sanh tử ư? Nay pháp danh đặt cho các ông được viết trong một tờ giấy khác. Sợ các ông chưa thể tin nhận ngay, nay gởi cho các ông mỗi người một cuốn Tịnh Độ Ngũ Kinh, một cuốn Gia Ngôn Lục, một cuốn Sức Chung Tân Lương. Đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh sẽ biết Phật nguyện rộng sâu, pháp môn rộng lớn: Dẫu là kẻ nghịch ác mà nhất niệm hồi quang (tự phản tỉnh, tự tỉnh ngộ hướng về đường lành), vẫn có thể vãng sanh! Đọc Gia Ngôn Lục sẽ biết chỗ thù thắng mầu nhiệm của pháp môn và pháp tắc tu trì. Đọc Sức Chung Tân Lương sẽ biết: Lúc bình thường kêu gọi quyến thuộc niệm Phật thì lúc lâm chung sẽ chẳng bị phá hoại. Ngoài ra còn có Một Lá Thư Trả Lời Khắp, [áp dụng những điều được nói trong lá thư ấy] thì đối trước hết thảy mọi người sẽ đều đề xướng được. Lúc sanh nở niệm Quán Âm quả thật là chuyện quan trọng

---

Sakyapa tự xưng là hóa thân của Văn Thù Bồ Tát, Tai Situpa Rinpoche tự xưng là hóa thân của Di Lặc Bồ Tát v.v… Có lẽ vì thế, người Trung Hoa đã gọi các vị này là Hoạt Phật (Phật Sống). Hiện thời tại Tây Tạng, Mông Cổ, Cam Túc, Thanh Hải, Tây Khang, Buriat, Kalmyk v.v... tức những nơi theo truyền thống Phật Giáo Tây Tạng đều có những hóa thân. Hầu như các tu viện lớn nhỏ đều có hóa thân; nổi tiếng nhất là Đại Lai Lạt Ma, Ban Thiền Lạt Ma, Karmapa, Sakyapa của Tây Tạng, Jetsundampa của Ngoại Mông Cổ, Chương Gia thuộc Nội Mông (dòng truyền thừa của vị này đã chấm dứt). Thậm chí tài tử Steven Seagal của Mỹ cũng được Drubwang Pema Norbu Rinpoche (tu viện trưởng tu viện Palyul Ling, người được coi như là trưởng tông phái Nyingmapa hiện thời) công nhận là hóa thân của lạt-ma Chungdrag Dorje, một vị Tăng chuyên phát hiện những Mật điển (Terton) sống vào thế kỷ 17 ở Tây Tạng, gây nên rất nhiều tranh luận ồn ào trong giới Phật Tử Tây Phương theo Mật Tông Tây Tạng!

nhất trong đời người. Chuyện lớn trong thế gian chỉ có sanh và tử. Đề xướng được như vậy thì lợi ích lớn thay! *(Ngày Mười Tám tháng Sáu)*

466. Thư trả lời cư sĩ Vĩnh Nghiệp

Trong cõi đời gần đây, bọn thiếu niên do tình dục quá nặng, nên buông lung chơi bời, hoặc mê mệt thê thiếp, hoặc do ý chuyên nghĩ đến điều dâm mà tinh thần ngầm bị tổn thương, hoặc thủ dâm để rò rỉ, phung phí thứ quý báu nhất. Do vậy, thân yếu, tâm hèn, chưa già đã suy; học vấn, sự nghiệp đều chẳng thành tựu. Thậm chí con cái sanh ra đều bấy bớt hoặc khó khôn lớn, thành người được! Mà thọ mạng của chính mình cũng khó thể dài lâu như trong số mạng đã định, chẳng đáng buồn ư? Ta sợ con cũng phạm những bệnh trên đây! Hễ có nên sửa đổi; không có thì cố gắng. Đã có thể trì danh hiệu Bồ Tát lâu dài ắt cần phải khẩn thiết, chí thành, mọi mong muốn sẽ được toại nguyện. Nếu vẫn hờ hững, hời hợt thì cũng chỉ được cảm ứng hờ hững, hời hợt, quyết chẳng thể "ắt được như nguyện". Quang bận bịu quá sức, chẳng thể đáp ứng mong cầu thêm được nữa. Hiện thời phải lo toan chuyện in sách, đến mùa Thu xong xuôi sẽ diệt tung tích, ẩn náu lâu dài; bởi lẽ tinh thần ngày một giảm, chuyện thù tiếp ngày một nhiều, không có sức để chống đỡ được!

Muốn học Phật pháp, ắt phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ những ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, kiêng giết, bảo vệ loài vật, dứt bỏ rượu thịt, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Dùng những điều ấy để tự hành, lại còn dùng những điều ấy để dạy người hòng trong là cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, ngoài là xóm giềng, làng nước, thân thích, bằng hữu đều được gội ân Phật giáo hóa, cùng tu Tịnh nghiệp, thì sống sẽ dự vào bậc thánh hiền, chết đi sẽ về cõi Cực Lạc. Mong con hãy thận trọng nhé!

467. Thư trả lời cư sĩ Thạch Kim Hoa

Thư nhận được đầy đủ. Chuyện ăn thịt quan hệ đến sự bình yên hay loạn lạc, thăng lên hay đọa xuống! Muốn liễu sanh tử, thoát luân hồi, phải lăm lăm chú ý nơi chuyện này thì mới có hy vọng. Pháp môn Mật Tông chẳng thể nghĩ bàn, nhưng người truyền lẫn kẻ học hiện thời phần nhiều quên mất điều cốt lõi: Dùng công phu Tam Mật trì chú để tiêu trừ Phiền Hoặc mới chính là ý nghĩa chánh đáng, nhưng người truyền thì

dùng thần thông để thu hút, lôi kéo người khác, kẻ học không một ai chẳng lăm le đắc thần thông. Như vậy chính là chưa thể vịn tường bước đi đã muốn vọt lên không trung bay đi nơi xa, làm sao đạt được? Các lạt-ma ở Tây Tạng, Mông Cổ đều ăn thịt, vì [ở những nơi ấy] không có gạo thóc thì còn chấp nhận được, chứ người học Mật Tông hiện thời phần nhiều ngã mặn, ăn thịt, lại ngược ngạo hết sức tán dương chuyện ấy, bảo là "ăn vào sẽ độ thoát cho những con vật đó!" Như vậy là đã trở thành lời ma nói mất rồi! Khi làm những Phật sự lớn, lạt-ma còn phải ăn chay, đủ biết lúc bình thường ăn thịt vốn chẳng phải là chánh nghĩa!

Mật Tông đề xướng "tức thân thành Phật" (thành Phật ngay nơi thân này), tức là coi "liễu sanh tử chính là thành Phật!" Những kẻ vô tri liền tưởng [hễ liễu sanh tử] là đã trở thành đức Phật phước huệ viên mãn. Như vậy tức là trồng tùng để làm kèo rường bởi gỗ cây ấy có thể làm kèo rường, chứ không phải ngay trong hiện tại cây tùng đã là kèo rường!

Năm Dân Quốc 17 (1928), tại Thượng Hải có gã X…. đề xướng Mật Tông "một trăm ngày thành Phật". Người có tín tâm ở Thượng Hải đều nương theo gã ấy tu học. Mùa Hè năm Dân Quốc 18 (1929), có kẻ hâm mộ danh tiếng của hắn, muốn nhờ vào đó để cầu lợi bèn thỉnh hắn đến Bắc Bình (Bắc Kinh). [Hắn tuyên bố ai theo hắn tu học] sẽ thành Phật trong bốn mươi tám ngày, nhanh hơn một nửa so với lúc [truyền đạo] tại Thượng Hải. Tới năm Dân Quốc 19 (1930), Bắc Bình, Thiên Tân, Thượng Hải đều chẳng thể dung thân, hắn ta bèn trở về nhà hoàn tục, đáng than đến tột cùng!

Trong những pháp liễu sanh tử, pháp môn Tịnh Độ là ổn thỏa, thích đáng nhất. Bất luận căn tánh như thế nào, nếu đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chí thành khẩn thiết trì niệm Phật hiệu cầu sanh Tây Phương, khi lâm chung ắt được Phật lực gia bị vãng sanh Tây Phương. Pháp môn này chính là pháp môn đặc biệt trong giáo pháp suốt cả một đời đức Phật. Hết thảy pháp môn đều phải lấy đạo lực Giới - Định - Huệ để đoạn phiền não tham - sân - si, phiền não đoạn sạch thì mới có thể thoát khỏi tam giới, liễu sanh tử. Xưa kia còn có những người như vậy, chứ ngày nay thì sợ rằng cả thế giới cũng không tìm được một hai người! Do vậy, càng về sau này, càng phải nên chuyên tu Tịnh nghiệp!

468. Thư trả lời cư sĩ Vương Ngộ Trần (thư thứ nhất)

Nhận được thư biết các hạ và thê thiếp, hai đứa con gái, cả nhà niệm Phật, ba chữ Tín - Nguyện - Hạnh khắc sâu trong gan ruột, sao lại than:

"Tuổi ngoài năm mươi, dưới gối vẫn trống. Cái tội bất hiếu bao kiếp chẳng chuộc được?" Phàm con cái có hay không vốn thuộc số mạng. Có vợ, có thiếp, chẳng phải giống như không lấy vợ đến nỗi không có con nối dõi; sao lại dẫn câu ấy để rồi tiếc hận? Phàm kẻ bất hiếu là kẻ chẳng thể sống theo lòng nhân, xử theo nghĩa, làm nhục lây cha mẹ! Cũng như kẻ có con chẳng dạy dỗ, đến nỗi nó trở thành tầm thường, ngu dốt, hoặc thành phường ương ngạnh, hèn tệ; dẫu có nhiều con vẫn hết sức bất hiếu!

Đã có hai con gái thì hãy nên khéo léo dạy dỗ, ngõ hầu chúng nó biết phụ đức (đức hạnh của nữ giới), phụ ngôn (lời ăn tiếng nói đúng mực của phụ nữ), phụ dung *(dung là "dung chỉ" tức cư xử, hành vi trang trọng. Trong cõi đời gần đây, kẻ tục Nho chẳng hiểu ý nghĩa chữ này, bèn tưởng "dung" là dung mạo xinh đẹp; đáng than thay),* phụ công (những tài khéo, như khả năng gia chánh, may vá, quán xuyến gia đình). [Dạy cho con] đầy đủ bốn đức này, rồi lại còn [dạy cho chúng nó] biết nhân, rõ quả, tín nguyện niệm Phật, thì trong tương lai, sau khi xuất giá, chúng sẽ nêu gương trong chốn khuê các, làm bậc thầy gương mẫu cho nữ giới, giúp chồng dạy con đều thành hiền thiện. Con gái như thế há chẳng rạng rỡ tổ tông ư?

Thế đạo hiện thời loạn đến cực điểm, đều do cả cõi đời chẳng biết dạy dỗ con gái mà ra! Do tánh tình con người và những thói quen được tiêm nhiễm đều chịu ảnh hưởng rất sâu từ mẹ. Nếu thuở bé có mẹ hiền, khi lớn lên lại có vợ hiền, há người ấy chẳng trở thành người hiền ư? Do vậy biết rằng: Dạy con gái chính là pháp luân căn bản để trị quốc, bình thiên hạ; nhưng người đời mơ màng, chuyên nuôi dưỡng thói kiêu căng, chăm chút trang điểm lộng lẫy. Vì thế quá nửa phụ nữ đều giúp chồng thành kẻ ác, dạy con cái thành phường mưu mô, lươn lẹo, khiến cho những đứa có thiên tư đều trở thành bọn cuồng vọng hết, những đứa không có thiên tư đều thành lũ dân ương ngạnh, chẳng đáng buồn ư?

Ông là người đọc sách nhưng chẳng biết nghĩa này, chỉ mong sanh con. Nghe nói gần đây có kẻ giết cha gian mẹ, kẻ làm cha đứa ấy có phải là hiếu hay chăng? Hay là bất hiếu vậy? Ngay như chuyện thờ phụng, thừa kế tổ tông[203] thì cháu trai[204] cũng có thể kế tiếp. Nếu không có cháu

---

[203] Nguyên văn "tông diêu", nói đủ là "tông diêu thừa kế": Tông là nhà thờ Tổ, Diêu (祧 đúng ra theo chánh âm phải đọc là Thiêu, nhưng thường bị đọc trại thành Diêu) là miếu thờ những vị tổ đã lâu đời. Theo lễ pháp, kể từ đời Tây Chu, quyền thờ phụng tổ tiên, thừa hưởng gia nghiệp của tổ tiên giao cho con trưởng thuộc dòng đích. Bộ Đường Luật Nghĩa Sớ quy định: *"Đích tử đã chết, hoặc bị tội, hoặc tàn tật thì do đích tôn thừa hưởng. Không có đích tôn mới lập anh em của đích tử làm người thừa kế. Không còn ai thuộc dòng đích nữa thì mới lập dòng thứ!"*

trai, cháu gái cũng có thể kế thừa. Huống chi người niệm Phật cố nhiên nên đoạn nghiệp chủng cõi Sa Bà, để mong đời đời chẳng đến nỗi có hậu duệ làm ô nhục tổ tông thì may mắn chi hơn? Đau lòng thốt lời thở than để làm chi? Ông đã [bận lòng] như thế, há có phải là người niệm Phật chân thật hay chăng?

Vợ, thiếp, hai đứa con gái, pháp danh đều hay! Hãy nhìn vào tên, nghĩ đến ý nghĩa, chân thật tu hành thì đấy chính là quyến thuộc Bồ Đề, hiện tại đã dự vào bậc thánh bậc hiền, tương lai sẽ sanh về cõi Cực Lạc. Đấy là Hiếu, là lòng Từ lớn lao. Sao ông chẳng viết họ tên? Liễu Duyên cũng chẳng biết là ai? An Sĩ Toàn Thư hiện thời đã giao hết. Mùa Xuân năm sau nếu đường bưu điện thông suốt sẽ gởi Văn Sao, Thọ Khang Bảo Giám, Di Đà Bạch Thoại Giải, Gia Ngôn Lục v.v… Nhưng hai ba năm qua, chẳng dễ gởi kinh sách sang Thiểm Tây cho lắm. Mong các hạ hãy cực lực đề xướng nhân quả báo ứng, đề xướng giáo dục trong gia đình, nhưng giáo dục trong gia đình càng cần phải chú trọng nhân quả báo ứng và giữ vẹn luân thường, tu trì Tịnh nghiệp, để dân chúng cả vùng nhìn theo nhau làm lành, công đức ấy há diễn tả được ư? Quang là người xứ Tần (Thiểm Tây). Hai ba năm qua, quả thật chưa gởi được nhiều sách về đất Tần. Gần đây tuy có viết danh sách bảo họ gởi sách, nhưng chẳng biết có gởi được đến nơi hay không? Chẳng đến được thì đã lạc mất rồi, thật đáng tiếc!

469. Thư trả lời cư sĩ Vương Ngộ Trần (thư thứ hai)

Trước kia, ông Lận Bá Thao có tới đây, nói ông muốn quy y, lại đưa những bài ông đã viết cho tôi xem. Nói đến thủ tục [quy y] thì cố nhiên không có nghi thức nhất định! Nếu như tận mặt quy y, [pháp sư truyền giới] thăng tòa tuyên nói thì thời gian phải mất từ một tiếng đồng hồ trở lên; [người thọ giới] ở dưới pháp tòa đảnh lễ quỳ nhận. Nếu muốn đơn giản hơn thì cũng có thể phương tiện tuyên nói, thời gian chẳng lâu.

Ông là người ở ngoài xa mấy ngàn dặm, vọng hướng về đây cầu được quy y, theo lễ thì trong ba ngày trước đó, hãy sáng tối chí tâm lễ Phật, hoặc hai mươi bốn lạy, hoặc bốn mươi tám lạy, hoặc một trăm lẻ tám, hoặc bao nhiêu đó lạy, để sám hối túc nghiệp. Đến sáng sớm ngày hôm ấy, liền đối trước Phật, đảnh lễ xong, bèn tự nói: *"Đệ tử con tên là... từ xa vâng mạng thầy con là Ấn Quang quy y Phật, quy y Pháp, quy y*

---

[204] Cháu trai (điệt: 姪) ở đây là cháu gọi ông Vương bằng chú hay bác.

Tăng. Từ nay trở đi cho đến hết tuổi thọ, quyết chẳng quy y thiên ma, ngoại đạo và kinh điển, sách vở của ngoại đạo cũng như đồ chúng ngoại đạo". Đảnh lễ một lượt. Nói như thế ba lần, lại lễ bao nhiêu đó lạy là xong.

Nay gởi cho ông hai gói Văn Sao, hai gói Quán Âm Tụng, hai gói An Sĩ Toàn Thư, một gói Di Đà Kinh Bạch Thoại Giải, thường đọc những sách này thì sẽ có cái để bắt chước theo, không cách chi đọa vào loài ma được! Đối với những sách đã gởi, ngoài những cuốn giữ lại để tự thọ trì, những cuốn khác nên tặng cho người thông văn lý, có tín tâm, biết cung kính. Nếu là văn nhân tà kiến, luông tuồng không kỵ húy, thì đừng đưa cho họ, sợ họ khinh nhờn đến nỗi mắc tội! Sự giáo hóa Phật pháp ở đất Tần ta hết sức trắc trở, lao đao! Ông đã phát tâm, hãy nên dốc sức nơi tu hành chân thật. Nay đặt pháp danh cho ông là Huệ Ngộ, nghĩa là dùng trí huệ để liễu ngộ pháp thế gian lẫn xuất thế gian, tự hành, dạy người, để mong lìa khỏi nỗi khổ sanh tử thế gian, được hưởng niềm vui chân thường xuất thế gian. Pháp xuất thế gian vô lượng vô biên, nhưng chỉ có niệm Phật cầu sanh Tây Phương thật là bậc nhất! Đọc kỹ Văn Sao sẽ tự biết.

Muốn vãng sanh Tây Phương, ắt phải đôn đốc luân thường, nghiêm túc trọn hết bổn phận của chính mình, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đánh đổ ham muốn xằng bậy để khôi phục lễ nghĩa, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành, tín nguyện chân thật, thiết tha, quyết chí cầu sanh, chẳng được có một tâm niệm cầu phước báo trời người trong đời sau thì mới mong được lợi ích thật sự. Lại còn đem những chuyện vừa nói trên đây để trên là khuyên cha mẹ, giữa là khuyên anh em trai, chị em gái, dưới là khuyên vợ con. Đấy là nói theo phía gia đình. Ngoài là khuyên thân thích, bằng hữu, xóm giềng, làng nước và hết thảy những người quen biết thì công đức của chính mình sẽ càng rộng lớn, phẩm vị vãng sanh sẽ có thể tăng cao!

470. Thư trả lời cư sĩ Vương Ngộ Trần (thư thứ ba)

Bài thuốc trị bệnh sốt rét, không một ai chẳng được lành bệnh. Một đệ tử dùng bài thuốc ấy trị cho mấy trăm người, thường khuyên họ đừng vất đi những tờ giấy có viết chữ đã dùng, nhưng vẫn có người vứt đi, tâm khá buồn phiền. Mộng thấy một cụ già nói*: "Chỉ dùng một tờ giấy trắng viết năm chữ Ngược Tật Điều Lý Hoàn (瘧疾調理丸), đem đốt rồi pha vào nước sôi, uống xong bệnh chẳng phát nữa".* Đem thử thấy hiệu

nghiệm lạ kỳ! Cũng cần phải uống khoảng một tiếng đồng hồ trước khi cơn sốt rét phát ra. Khi đốt mảnh giấy có viết chữ nên dùng kim dài hoặc cái dùi để ghim vào đầu tờ giấy cho khỏi bị lửa táp tay đến nỗi chữ cháy không hết.

Thế gian có rất nhiều chuyện chẳng thể dùng tình lý để suy lường được. Một đệ tử ở Quảng Đông đem phương thuốc trị bệnh sốt rét trị lành vô số người. Lỡ có ai hỏi: "Là do đạo lý nào, chẳng phải là chú, chẳng phải là bùa, chẳng phải là thuốc, mà trị được bệnh?" Ông ta nói: "Đấy chính là đạo lý nơi vô đạo lý, gọi là chẳng thể nghĩ bàn vậy!"

Hơn nữa, nữ nhân sanh nở, niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát chắc chắn sẽ được an nhiên sanh nở. Một người đàn bà nghèo ở Tô Châu, [đang] sanh con liền bị chết, chồng bà ta đến bệnh viện mời bác sĩ Tây Y đến mổ bụng ra. Bác sĩ Tây Y đòi hai trăm đồng mới chịu mổ. Nhà ấy lo không nổi, bác sĩ Tây Y bỏ đi. Cách vách có một vị quán trưởng mở Y Học Quán, vợ chồng ông ta đều quy y Quang. Bà vợ ông ta nghe tiếng, bèn sang thăm, bảo cả nhà niệm Quán Âm, bà ta cũng niệm giúp. Không lâu sau, sản phụ sống lại, sanh con ra. Trong Một Lá Thư Trả Lời Khắp đã có nói, xin hãy nói với hết thảy mọi người. Đây cũng là một đầu mối để tự lợi, lợi người vậy! *(Ngày Hai Mươi Chín tháng Sáu)*

471. Thư trả lời cư sĩ Vương Ngộ Trần (thư thứ tư)

Hiện thời hạo kiếp[205] đang hiện tiền, mọi người đều phải sốt sắng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chớ nên cầu phước báo trời người trong đời sau. Dẫu được phước báo, cũng chỉ tạm thời! Phước lớn sẽ tạo nghiệp lớn. Đã tạo nghiệp lớn, ắt phải chịu khổ lớn. Nếu sanh về Tây Phương, sẽ vĩnh viễn lìa khỏi các khổ, chỉ hưởng các sự vui. Pháp danh của Vương Huệ Như được ghi trong một tờ giấy khác, khai thị thì dùng Một Lá Thư Trả Lời Khắp.

472. Thư trả lời cư sĩ Lục Trị Bình

Y dược thế gian chỉ trị được thân bệnh, chẳng trị được tâm bệnh và các bệnh sanh tử v.v… Phật là Đại Y Vương, trị được các bệnh thân, tâm, sanh tử v.v… Ông đã có thể lấy "giúp đời, cứu sống người" làm chí

---

[205] Hạo kiếp: Hạo (浩) có nghĩa là rộng lớn, mênh mông. Chữ Hạo được dùng ở đây nhằm diễn tả ý nghĩa tai kiếp dồn dập, xảy ra với mức độ rộng lớn, dày đặc!

hướng, sự nghiệp, hãy nên kiêm dùng Phật pháp thì lợi ích lớn lao. Do vậy đặt pháp danh cho ông là Huệ Y. Quang già rồi, sáng tối sẽ chết, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, chẳng thể viết nhiều. Nay gởi cho ông các bản Một Lá Thư Trả Lời Khắp, Dược Phương v.v… để làm căn cứ tự hành, dạy người. Lại còn có một cuốn Khai Thị Lục, một tờ thông cáo rộng rãi Sữa Độc Giết Trẻ Con, hãy nên nói với hết thảy mọi người.

473. Thư trả lời cư sĩ Phí Sư Mẫn

Thư nhận được đầy đủ, Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều chẳng đủ, chẳng thể khai thị tường tận được. Giấy trắng ngần lóa mắt chẳng thể viết được! Nay gởi cho ông Một Bức Thư Trả Lời Khắp và hai gói kinh sách gồm Tịnh Độ Ngũ Kinh, Thập Yếu, Văn Sao v.v… Nếu chịu lắng lòng đọc kỹ, ắt sẽ có thể biết rõ tông chỉ Tịnh Độ, nhưng cần phải cung kính, đừng nên dựa theo kiểu đọc sách Nho, trọn chẳng cung kính gì! Nhà Nho chẳng kính trọng sách nên cõi đời loạn lạc không ngơi. Nếu nhà Nho kính sách thì hễ là người đọc sách đều là bậc mong thành thánh thành hiền, đâu đến nỗi loạn lạc cùng cực như thế này?

Đọc kinh sách trong Phật pháp ắt phải tay sạch, bàn sạch, ngồi ngay ngắn như đối trước đức Phật, đích thân nghe viên âm. Nếu làm được như thế, thì nghiệp chướng ngày một tiêu, trí huệ ngày một tăng trưởng. Dùng những điều mình biết được để hướng dẫn, làm lợi hết thảy, đấy chính là Huệ Mậu. Mậu (懋) là cố gắng. Dùng pháp môn Tịnh Độ để tự hành, dạy người, tự gắng sức, khuyên người khác gắng sức, sẽ trong đời này thoát khỏi cõi Ngũ Trược đây, lên cõi sen chín phẩm kia. Đấy chính là như Kinh Thư đã nói: *"Đức mậu, mậu tu; công mậu, mậu thưởng"* (Đức tốt đẹp là do tu hành siêng gắng, ra công gắng sức sẽ được ban thưởng tốt đẹp) vậy. Nhưng cần phải giữ vẹn luân thường, trọn hết bổn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành, đừng làm các điều ác, vâng giữ các điều lành *(hai câu này chính là giới kinh đại lược trong kinh Phật. Âm Chất Văn dẫn dụng hai câu này)* thì mới là đệ tử chân thật của đức Phật, mới làm cho người khác nhìn theo làm lành, nên nói: *"Dĩ ngôn giáo giả tụng, dĩ thân giáo giả tùng"* (Dùng lời nói để dạy thì bị tranh cãi; dùng thân để dạy, kẻ khác sẽ thuận theo). Pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian không gì chẳng lấy thân làm gốc.

474. Thư trả lời cư sĩ Hóa Phàm

Nhận được thư đầy đủ, pháp môn Tịnh Độ là pháp môn đặc biệt trong Phật pháp. Nếu đời trước không có Tịnh nhân, sẽ rất khó sanh lòng tin. Thiền giả lấy "kiến tánh thành Phật" để tự khoe tài, Giảng giả (người học Giáo) lấy hoằng dương Giáo Quán để tự khoe khoang. Họ chẳng những không chịu đề xướng [pháp môn Tịnh Độ], mà còn cực lực đả phá, bài xích, đa phần là như vậy. Chúng sanh đời Mạt Pháp chẳng gặp được pháp môn Tịnh Độ dẫu có thể minh tâm kiến tánh, thông hiểu Giáo Quán sâu xa, ai có thể chẳng đoạn Phiền Hoặc mà liễu sanh thoát tử được? Quang túc nghiệp sâu nặng, mới sanh được sáu tháng liền bị bệnh mắt, từ đấy suốt một trăm tám mươi ngày chưa từng mở được mắt, trừ lúc ăn ngủ ra, khóc suốt ngày đêm. Đến khi lành bệnh, còn được thấy bầu trời. Vào trường đi học, trúng phải chất độc của Hàn - Âu - Châu - Trình rất sâu, may không có tài như các ông ấy. Nếu không, đã mang quả báo hãm vào đọa địa ngục ngay trong khi còn sống rồi! Về sau biết họ sai trái, do vậy liền xuất gia. Cửa ngõ Tông - Giáo cao vời, không sức nào ngóng dò được, chỉ mong cậy vào Phật từ lực vãng sanh Tây Phương.

Hai mươi năm trước, nhập chúng tại chùa Pháp Vũ núi Phổ Đà, sống nhàn tản. Hai chữ Ấn Quang trọn chẳng dùng trong các giấy tờ viết lách, vì thế được yên vui không phiền nhiễu. Năm Dân Quốc thứ sáu (1917), đã có hai người (tức Từ Úy Như và Châu Mạnh Do) đem những lá thư Quang gởi cho bè bạn in thành mấy ngàn bản tặng cho người khác. Năm sau, Từ Úy Như in Văn Sao. Từ đấy, hằng ngày không được rảnh rỗi. Quang chỉ đem pháp môn Tịnh Độ nói với bọn họ, mặc cho người ta bảo tôi "vô tri vô thức!" Ông đã đọc Văn Sao, An Sĩ Toàn Thư, Liễu Phàm Tứ Huấn v.v… hãy dùng những điều ấy để tự hành, dạy người, chắc chắn thừa thãi có dư. Nếu còn nghiên cứu Tông, Giáo, trộm sợ rằng thấy lời lẽ nhà Thiền huyền diệu, lý bên Giáo sâu xa, lại coi Tịnh Độ như chuyện vặt vãnh, đâm ra chẳng ổn thỏa, thích đáng bằng kẻ chất phác chẳng biết gì cứ nhất tâm niệm Phật! Quang già rồi, mục lực lẫn tinh thần đều không đủ. Từ nay nếu không có chuyện gì hết sức cần thiết, đừng gởi thư tới, bởi không có mục lực để xem và trả lời được!

Nay đặt pháp danh cho ông là Sư Viễn. Viễn chính là đại sư Huệ Viễn ở Lô Sơn vào đời Tống, tức là vị Tổ sáng lập tông Tịnh Độ. Lấy Viễn Công để tôn thờ, học theo, sẽ chẳng đến nỗi bị tri thức các tông trong hiện tại lay động, mê hoặc.

Những kẻ học Phật trong cõi đời đều lấy khai ngộ làm chí hướng, sự nghiệp, chẳng biết "tuy ngộ nhưng chưa chứng thì vẫn chẳng thể liễu thoát được!" Dẫu là bậc đã chứng Sơ, Nhị, Tam Quả, vẫn khó thể trong

đời sau chẳng do phước tạo nghiệp, hoặc đến nỗi đọa lạc trong ác đạo. Bậc chứng Tứ Quả mới liễu sanh tử. Đây là nương theo Tiểu Thừa mà nói! Chứ nếu luận theo Viên Giáo trong Đại Thừa mà nói thì Sơ Tín đoạn Kiến Hoặc giống như Sơ Quả trong Tiểu Thừa. Thất Tín đoạn sạch Tư Hoặc, mới liễu sanh tử. Từ Sơ Tín đến Lục Tín vẫn chưa thể liễu sanh tử. Phàm tình chẳng thể suy lường được thần thông, trí huệ của bậc Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín, huống là các địa vị Nhị, Tam, Tứ, Ngũ, Lục Tín ư?

Người tham Thiền thường vì [người học] Tịnh Tông lẫn Giáo Tông chẳng đáp được cơ phong chuyển ngữ mà cho là đạo Thiền cao siêu huyền diệu, người khác chẳng thể biết được! Thật ra kẻ khởi lên tri kiến như thế cũng chẳng hiểu ý cổ nhân. Nếu là người thật sự biết, ắt sẽ không có thái độ tự khoe tài, tự kiêu căng. Vì sao vậy? Do lời tuyệt diệu cũng là lời cực bình thường, chẳng những hiểu [những câu cơ phong chuyển ngữ ấy] cũng không giúp được gì, ngay cả đại triệt đại ngộ vẫn chẳng giải quyết được gì! Cần phải hoàn toàn chứng đắc mới giải quyết được việc! Trong đời sau, quả thật chẳng thấy được mấy ai chứng đắc!

Vào đầu đời Tống, Ngũ Tổ Giới thiền sư *(Ngũ Tổ là tên chùa, Sư Giới thiền sư làm Trụ Trì chùa Ngũ Tổ, nên gọi là Ngũ Tổ Giới)* danh lừng lẫy vũ trụ, môn đình cao ngất tựa Long Môn, chết đi [tái sanh] làm Tô Đông Pha *(có sự tích chứng minh hẳn hoi)*. Do huệ lực đời trước, văn tự lẫn kiến địa của Đông Pha đều chẳng tầm thường, nhưng lại chẳng câu nệ tiểu tiết. Lúc ông Tô trấn thủ Hàng Châu vẫn thường kiếm kỹ nữ về vui thú. Đủ biết Sư Giới ngay cả Sơ Quả còn chưa chứng được! Vì sao vậy? Do bậc Sơ Quả đắc Đạo Cộng Giới[206] *(tự nhiên là như vậy)*, tùy ý chẳng phạm giới. Nếu không xuất gia thì cũng lập gia đình. Dẫu đem cái chết uy hiếp để ép buộc vị ấy phạm tà dâm, vị ấy bèn thà chịu chết chứ quyết chẳng chịu phạm! Nếu Thiền giả biết nghĩa này, đâu dám miệt thị Tịnh Độ, đề cao Thiền tông, nhường cho ngu phu ngu phụ nương theo Phật từ lực để vãng sanh, còn chính mình cam phận ở trong luân hồi, chẳng muốn thoát khỏi ư? Quang nói lời này là vì sợ ông chẳng biết nguyên do, bị Thiền giả áp đảo, bèn bỏ Phật lực để cậy vào tự lực, đến nỗi sẽ liễu sanh tử trong năm con Lừa *(Cho đến hết đời vị lai cũng không có năm con Lừa)*.

Lời kệ đính kèm theo Một Lá Thư Trả Lời Khắp đề cao Quang quá lố, khiến Quang hổ thẹn khôn ngằn! Nay gởi cho ông một trang Dược Phương, do giấy trắng chẳng thể phê được, nên nay đem kèm vào đây.

---

[206] Đạo Cộng Giới: Giới tương ứng với Đạo, có năng lực tự nhiên giữ giới thanh tịnh không cần phải tác ý chú tâm giữ giới mà không bao giờ phạm giới.

Toa thuốc trị bệnh sốt rét, chẳng nệ bệnh đã một hai năm, hoặc mười mấy năm, đều hễ trị liền lành. Toa thuốc cai nghiện á phiện còn có thể trị bệnh khí thống nơi gan và bao tử. Tuy bệnh đã mười mấy năm cũng hễ trị liền lành, chẳng cần phải bỏ thêm thuốc phiện vào[207]!

Loại cao trị bệnh cùi còn có tên là Thương Nhĩ Cao. Nếu dùng nồi lớn để sắc thuốc, thì phải dùng một miếng tre hoặc miếng ván rộng bốn tấc, dày nửa tấc, dài bảy tám thước [để làm đũa khuấy] *(ngắn thì người ta phải [ghìm chặt] miếng ván để khuấy mạnh, quá tốn sức. Đũa dài thì chỉ cần khuấy nhẹ, đỡ tốn sức)*, phía dưới vát xéo góc sao cho đụng đáy nồi; không ngừng khuấy vét đáy nồi để thuốc khỏi bị cháy khét dưới đáy đến nỗi mất dược tánh. Nồi nhỏ thì cũng dùng miếng ván nhỏ để khuấy vét. Đây chính là cách thắng đường. Do cao này phải nấu lâu; nếu không làm như thế nhất định sẽ bị cháy ở dưới đáy; chẳng thể không biết [điều này]! Ở phương Bắc ít bị bệnh này, phương Nam và các nước Tây Dương đều có. Các xứ chữa trị chỉ có thể giảm nhẹ, chứ chẳng thể trừ tận gốc. Thuốc này trừ được tận gốc, nên đặc biệt nói rõ cách nấu cao để mong có lợi, không điều tệ.

Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên
Quyển 2 hết

[207] Toa thuốc này vốn để dùng trị nghiện thuốc phiện. Trong cách uống có nói bệnh nhân vừa uống thuốc vừa giảm bớt liều lượng thuốc phiện, nên nếu không nói rõ người dùng toa thuốc ấy để trị bịnh khí thống sẽ tưởng là phải hút thuốc phiện theo phân lượng giảm dần như trong toa thuốc đã chỉ.